

Tuyển tập

VĂN HỌC

DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Tập một (thơ)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Tuyển tập
văn học
dân tộc và miền núi



Tuyển tập VĂN HỌC DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Tập một (THI)

Tuyển chọn và giới thiệu:

NÔNG QUỐC CHẤN (Chủ biên)
LÒ NGÂN SỦN – TRẦN LÊ VĂN
TRẦN ĐĂNG KHOA – NGUYỄN NGHIỆP

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bản quyền thuộc Công ty Cổ phần Sách dân tộc- Nhà xuất bản Giáo dục

843 - 2007/CXB/4 - 1856/GD

Mã số : 5C041M7-CDT

LỜI NÓI ĐẦU

Văn học hiện đại Việt Nam là một nền văn học thống nhất, đa dân tộc. Thể hiện đặc trưng quan trọng này một cách rạch ròi nhất, có lẽ là ở sự có mặt của những tác phẩm văn học viết về miền núi và các dân tộc thiểu số trong thành tựu văn học chung của cả nước.

Hơn năm mươi năm qua, kể từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, bộ phận văn học này trên thực tế đã được tạo thành bằng cảm hứng dồi dào của chính các cây bút người dân tộc thiểu số ; tất nhiên, họ có nghĩa vụ và đã tự nguyện tham gia vào công cuộc viết lịch sử tâm hồn dân tộc họ. Và thú vị thay, cùng với các nhà văn người dân tộc thiểu số, còn có một thành phần độc đáo nữa, các nhà văn người Kinh, những người đã có may mắn được sống cùng và đồng cảm với đồng bào các dân tộc miền núi ; tác phẩm của một số nhà văn về đề tài này ở nhiều trường hợp đã là một thành tố quan trọng trong sự nghiệp văn học của họ.

Với hương sắc riêng, nhiều tác phẩm văn học viết về các dân tộc thiểu số và miền núi đã trở nên quen thuộc với bạn đọc cả nước, đã để lại một chiều sâu âm vang ý thức, một vang hưởng tinh thần và mời gọi bạn đọc tới những suy ngẫm đẹp đẽ và cao cả về cuộc sống và con người nơi đây. Xuất bản các giá trị văn học như vậy là công việc đã từng được thực hiện nhiều lần, dưới các hình thức khác nhau. **Tuyển tập văn học dân tộc và miền núi** của Nhà xuất bản Giáo dục ra đời lần này không gì khác hơn là sự kế thừa, khẳng định thêm một lần nữa các giá trị vốn có một cách hệ thống ở một môi trường và đối tượng mới : nhà trường phổ thông, giáo viên và học sinh.

Trước một khối lượng đồ sộ các tác phẩm văn học viết về dân tộc và miền núi, nhóm tuyển chọn đã dựa trên một tiêu chí có tính chất tổng hoà ; vừa tôn trọng những giá trị có tính lịch sử, giai đoạn, vừa chú trọng những giá trị có tính lâu bền ; chọn những tác phẩm hay trên cơ sở thẩm mỹ chung, nhưng vẫn cố gắng đảm bảo nguyên tắc phù hợp với đối tượng phục

vụ và dung lượng bộ sách. Do vậy, hiển nhiên là sẽ có những tác phẩm xuất sắc (đặc biệt là lĩnh vực tiểu thuyết) lại không có mặt ở Tuyển tập này.

Ở Tuyển tập này, với mỗi tác phẩm được chọn sẽ có phần giới thiệu sơ lược tiểu sử và các tác phẩm của nhà văn đồng thời còn có phần lời bình của các nhà văn, nhà lí luận phê bình, nhà giáo.... Chúng tôi muốn thể hiện ý định : cung cấp thêm cho bạn đọc - đặc biệt là giáo viên và học sinh các trường miền núi - ít nhiều gợi mở có ích cho công việc thưởng thức và bình phẩm thơ văn. Hi vọng bộ Tuyển tập này sẽ là một công trình rất bổ ích đối với đông đảo bạn đọc quan tâm đến thành tựu của văn học dân tộc và miền núi từ sau Cách mạng tháng Tám đến nay.

Sưu tầm, biên soạn, định giá các tác phẩm và thể hiện được những định hướng đã nêu ở trên luôn luôn là một khó khăn. Sai sót là khó tránh khỏi. Vì vậy, chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để khi tái bản, bộ sách được hoàn thiện hơn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

LỜI GIỚI THIỆU

THƠ DÂN TỘC MIỀN NÚI - MỘT RỪNG HOA NHIỀU HƯƠNG SẮC

Từ khi có Đảng, có Bác Hồ, có cách mạng thì mới có thơ hiện đại dân tộc thiểu số. Đó là tiếng thơ của nhà hoạt động cách mạng Hoàng Văn Thụ, là thơ của nhà thơ dân tộc Dao Bàn Tài Đoàn, là thơ của nhà thơ dân tộc Tày Nông Quốc Chấn và của rất nhiều nhà thơ khác như Hoàng Nô, Cẩm Biều, Đinh Sơn, Mã Thế Vinh... Họ là các nhà thơ xuất hiện trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Thơ của họ là thơ kháng chiến, thơ chiến đấu, thơ đánh giặc. Thơ họ nói về những nỗi khổ đau của người thiểu số sống dưới chế độ quan Tây, phỉa, tạo, thống lí, lang đạo :

*Đói cơm đói muối, trời ơi
Đói cơm có vào rừng kiếm củ
Tạm thay bữa qua đi
Đói muối thì chỉ phừ
Không có gì thay được*

(Hạt trình - Lò Văn Cậy)

Thơ của họ phản ánh một chân lí “ở đâu có áp bức thì ở đó có đấu tranh”. Và khi thời cơ đến ; họ không hề ngần ngại :

*Cúi đầu lưng rồi thì phải ngừng lên
Ngừng mãi không bao giờ cúi nữa*

(Người Puộc - Cẩm Giang dịch)

Thơ họ nói về anh bộ đội Cụ Hồ, về quê hương cách mạng :

*... Hôm nay Cao - Bắc - Lạng cười vang
... Người đóng như kiến, súng dày như củ
... Người nói cỏ lay trong ruộng rậm*

(Dọn về làng - Nông Quốc Chấn)

Thơ họ nói về tình yêu trong kháng chiến, tình yêu trong chiến đấu :

*Em tắm suối giữa rừng
Tắm trong mối yêu thương
Có anh đang đứng giữ
Chớ để Tây đến rừng*

(Em tắm - Bạc Văn Ủi)

*... Tôi nhớ vợ tôi lắm
Xin anh về hai ngày
Ngày kia tôi sẽ đến
Lại cầm súng được ngay
Tôi càng bắn trúng Tây
Vì tay có hơi vợ*

(Nhớ vợ - Cẩm Vĩnh Ủi)

Thơ dân tộc thiểu số viết về kháng chiến chống Pháp khá nhiều, nhưng số bài thơ, câu thơ còn lại trong lòng người đọc cho đến tận hôm nay thì quả là còn ít và khiêm tốn. Có thể

kể : *Muối của Cù Hồ* (Bàn Tài Đoàn), *Bộ đội Ông Cù. Dọn về làng* (Nông Quốc Chấn), *Nhớ vợ* (Cẩm Vinh Uí), *Em tắm* (Bạc Văn Ủi)... Đó là những bài thơ như những ngôi sao sáng trên bầu trời thơ ca Việt Nam, trong đó có những bài ngày càng hay hơn, toả sáng hơn.

*

* *

Sau hoà bình lập lại (1954), thơ dân tộc thiểu số thiên về ngợi ca quê hương đất nước ; ngợi ca công ơn Đảng, Bác Hồ ; ngợi ca cảnh làm ăn hợp tác xã ; ngợi ca sự đổi đời của người dân tộc thiểu số.

*Núi cao bao nhiêu ngọn
Núi bao nhiêu hang sâu
Khi cù Hồ chưa đến
Ai biết đâu là đâu !
Nước trong xanh dòng suối
Trải mưa nắng bao đời
Khi cù Hồ chưa tới
Ai biết dòng chảy nơi !*

(Bài thơ *Pác Bó* - Nông Quốc Chấn)

*Xưa đi đường chỉ gặp con hươu
Nay đi đường ta được gặp bạn
Ra đường lên xe đi vui sướng
Còn muốn ngồi thêm đã tới nơi*

(Bàn Tài Đoàn)

Đặc biệt bài thơ *Quê ta anh biết chăng* của Triều Ân - giải Nhì cuộc thi thơ báo Văn nghệ năm 1960, đã đánh dấu một bước trưởng thành của thơ các dân tộc thiểu số. Nội dung bài thơ tả về quang cảnh làm ăn hợp tác, trong đó nổi lên hình ảnh anh chủ nhiệm hợp tác đi đón máy cày về quê núi để chấm dứt cái cảnh “con trâu đi trước cái cày đi sau”. Không khí toát lên trong cả bài thơ : phơi phới, tươi vui, lạc quan, tin tưởng.

Khi cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam thống nhất đất nước lên đến đỉnh điểm thì thơ ca cả nước, trong đó có thơ ca dân tộc thiểu số cũng cùng vang lên một bầu nhiệt huyết “tát cả cho tiền tuyến”. Một lần nữa, thơ kháng chiến, thơ chiến đấu, thơ đánh giặc lại bùng bùng khí thế xốc tới, nhiều bài thơ mà tác giả là người dân tộc thiểu số đã xuất hiện, nổi lên, hoà cùng trào lưu chung của đất nước, của cách mạng. Tiêu biểu là chùm thơ được giải Nhì cuộc thi thơ trên báo Văn Nghệ năm 1960 của nhà thơ Vương Anh : *Hoa trong Mường*, *Tình còn tình chiêng*, *Theo những dấu chân*, *Một đoạn đường ta qua*. Đó là những bài thơ được ra đời từ trong các chiến hào, đi thẳng vào lòng người và có sức lan toả rộng lớn như : *Bóng cây kơ nia* (Ngọc Anh), *Cô gái vót chông* (Môlôclavi), *Tháng ba Tây Nguyên* (Kpa Yl.ang).

Từ sau năm 1975, thơ ca dân tộc thiểu số ngày càng gặt hái được nhiều thành tựu, với một đội ngũ tác giả đông đảo. Các bài thơ *Tên Làng*, *Phòng tuyến Khâu Liêu*, *Người chiến Sĩ áo Chàm*, *Chiếc ba lô* (Y Phương) đã giành được giải A cuộc thi thơ trên tạp chí Văn nghệ quân đội 1983 - 1984. Bài thơ *Chiều biên giới* (Lò Ngân Sủn) do nhạc sĩ Trần Chung phổ nhạc, bài thơ *Gửi em ở cuối sông Hồng* (Dương Soái) do nhạc sĩ Thuận Yến phổ nhạc,

bài thơ *Hoa sim biên giới* (Đặng Ái) do nhạc sĩ Minh Quang phổ nhạc, được cả nước biết đến và yêu thích.

Đất nước bước vào thời kì đổi mới, xoá bỏ cái áo bao cấp, đi vào làm ăn theo kinh tế thị trường, thực hiện chính sách mở cửa, đường thông hè thoáng, với khát vọng “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước”. Các nhà thơ dân tộc thiểu số lão thành bây giờ thiên về những triết lí, thế sự cuộc đời.

*Chỉ cần một loại người
Có một bộ óc sáng
Và một trái tim vàng
Trong óc có gân tay
Bàn tay có nếp nhăn của nǎo*

(Chỉ cần một loại người - Cẩm Biều)

*Con chim không bao giờ quên
Mặt đất nuôi sống mình
Và khi chim mới cánh bay về
Đôi chân nhỏ bé kiên trì
Lại lặng im đưa chim đi vững vàng từng bước
Để rồi từ mặt đất
Chim lại xoè đôi cánh bay cao*

(Cánh chim - Ka Sô Liêng)

*Cắm chốt ta nâng quét bản thân
Tắm lòng, đầu óc lẫn tay chân
Nếu còn bẩn thì ta còn quét
Trong như nước suối, như chổi xuân*

(Quét nhà - Bàn Tài Đoàn)

Các nhà thơ dân tộc thiểu số ở lứa tuổi trung, thanh niên còn sung sức thì đang viết tung tǎy, phóng khoáng, táo bạo, tươi mới, phơi phới, trẻ trung. Đặc biệt trong lĩnh vực thơ tình, tâm tư, tâm trạng, tâm linh hơn. Vương Anh có : *Cơm Mường vớ lửa Mường Vàng, Buộc chỉ cổ tay* ; Pờ Sảo Mìn có *Thị trấn đôi ta, Gọi thăm Sa Pa, Hoa đại* ; Lâm Quý có *Tình em đêm hát ví, Nếu em bỏ ôm chống, Thêu cả bốn mùa* ; Y Phương có *Mùa hoa, Em - con mửa rào - ngọn lửa, Em cười hiền, Người không thấy thì trời thấy* ; Dương Thuấn có : *Em - người xa lạ, Cực tình* ; Mai Liễu có *Mùa bóng, Lúc lắc* ; Triệu Kim Văn có *Lời mùa xuân* ; Inrasara có *Vay trả*. Hơ vơ có : *Thương lắm nhớ nhiều* ; Lò Ngân Sủn có *Chiều biên giới, Người đẹp, Tình ca lều nương...*

Phải chăng, đó là thơ của thời kì đổi mới, hoà bình, xây dựng, phát triển. Thơ của tuổi trẻ, tình yêu, hạnh phúc. Thơ bây giờ muốn đi được vào lòng người, muốn chiếm lĩnh được trái tim con người, đòi hỏi phải nói lên được những điều con người mong muốn, khát khao, vươn tới, những điều mà con người hi vọng, gửi gắm, đồng thời cũng phải nói lên được những khổ đau, trần trụi, dằn vặt của con người, của cả xã hội bây giờ. Đó là thơ lương tâm, của thời bây giờ, của mọi thời.

Việt Bắc, Tây Bắc, Tây Nguyên, là những Khu căn cứ của cách mạng, là Thủ đô kháng chiến của cả dân tộc trong thời kì kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ xâm lược. Nhiều nhà

thơ dân tộc Kinh đã đến với kháng chiến, đến với các căn cứ cách mạng, đến với đồng bào các dân tộc thiểu số và đã có những bài thơ bất hủ để hiến dâng cho đời, cho con cháu mai sau. Nhiều nhà thơ người Kinh đã xuất hiện, lớn lên, trưởng thành trong lòng đồng bào các dân tộc thiểu số. Một số nhà thơ dân tộc Kinh đã phát hiện, giúp đỡ các nhà thơ dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển tài năng thơ của mình. Cảm động nhất là nhà thơ Bàn Tài Đoàn đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp phát hiện, giúp đỡ, tạo điều kiện cho tài năng thơ ông nảy nở, đơm hoa, kết trái. Còn sau hoà bình lập lại, những năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoà bình, cũng như từ sau năm 1975 đến nay, nhiều nhà thơ người Kinh đã gắn bó với miền núi, với các dân tộc thiểu số, sống chết có nhau, đồng cam đồng khổ, đã có những bài thơ, những tập thơ đặc sắc viết về dân tộc và miền núi, một đề tài luôn luôn phong phú, đa dạng và hấp dẫn - mà đỉnh cao là thơ Bác Hồ, thơ Tố Hữu, thơ của các nhà thơ : Quang Dũng, Hữu Loan, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Tế Hanh, Nguyễn Khoa Điềm, Vũ Quần Phương, Phạm Tiến Duật, Hữu Thỉnh v.v... Đặc biệt là hai nhà thơ : Cẩm Giang (ở Tây Bắc) và Ngọc Anh (ở Tây Nguyên) đã có những bài thơ sáng tác và bài dịch thơ dân tộc thật hay, thật ấn tượng, thật bản sắc, thật độc đáo, đạt dào cảm xúc, đầy ắp chất trữ tình như : *Bóng cây kơ nia, Em tắm, Nhớ vợ, Có hai người, Con gái Châu Yên, Núi Mường Hung - dòng sông Mã...*

Tuyển tập thơ dân tộc và miền núi gồm các bài thơ hay viết về dân tộc và miền núi của các tác giả người dân tộc thiểu số và cả người Kinh, kèm theo đó là những bài bình ; về những cái hay, cái đẹp, cái độc đáo, bản sắc của từng bài thơ ; về thi pháp và phong cách thể hiện ; về sự kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa hiện thực cuộc sống và chất trữ tình lãng mạn... Ngoài ra *Tuyển tập* còn giới thiệu sơ lược về tác giả - tác phẩm để bạn đọc tiện theo dõi và tham khảo.

Tuyển tập thơ dân tộc miền núi nói như nhà thơ Trần Đăng Khoa : “Đó là một cái *túi thổ cẩm* với những gam màu tươi tắn, rực rỡ, muôn hình muôn vẻ, muôn sắc, muôn hương, được thêu dệt bởi những bàn tay điêu luyện của các thi sĩ dân tộc và người Kinh. Còn chúng tôi chỉ là những người gom nhặt những tinh hoa ấy để làm thành *Tuyển tập* này.

Nếu ví thơ ca như một món ăn thì *Tuyển tập* này là bữa tiệc linh đình với rất nhiều loại rượu khác nhau, có không ít rượu quý được các thi sĩ chưng cất từ nhiều vùng rừng, nhiều hẻm núi xa thẳm. Bên cạnh bàn tiệc, chúng tôi còn mời những người đầu bếp sành nghề, có thể cùng với quý khách bình về các món ăn. Tất nhiên, đây là cách cảm nhận của một người. Bạn đọc có thể có những cảm nhận khác. Ấu đó cũng là sự thú vị của việc thưởng thức”.

Hì vọng *Tuyển tập* sẽ đem đến cho các thầy cô giáo, các em học sinh và đông đảo bạn đọc những nỗi niềm trong việc dạy và học cũng như thưởng thức các tác phẩm thơ ca viết về dân tộc và miền núi.

Hà Nội ngày 9/2002

T/M nhóm biên soạn

LÒ NGÂN SÚN

Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ngày 19 tháng 5 năm 1890. Quê Người ở Làng Sen, xã Nam Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Người qua đời ngày 2 - 9 - 1969.

Sự nghiệp văn học của Chủ tịch Hồ Chí Minh rất lớn lao, phong phú và đa dạng. Các tác phẩm văn học của Người được viết bằng tiếng Pháp, Hán văn và tiếng Việt.

Về văn chính luận : Có nhiều bài viết bằng tiếng Pháp (ra đời từ 1922 - 1925) đăng trên các báo *Người cùng khổ*, *Nhân đạo*, *Đời sống thợ thuyền* ; tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* (viết bằng tiếng Pháp, Huỳnh Lý dịch, 1925) ; *Tuyên ngôn độc lập* (1945) ; *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* (1946)...

Về truyện và kí : Tập *Truyện và kí* (1922 - 1925) ;

Các truyện ngắn : *Parí* (1922) ; *Lời than vãn của bà Trưng Trắc* (1922) ; *Con người biết mùi hun khói* (1922) ; *Vì hành* (1923) ; *Con rùa* (1925)... *Nhật kí chìm tàu* (kí, 1931) ; *Vừa đi đường vừa kể chuyện* (kí, 1963).

Về thơ ca : *Nhật kí trong tù* (1942 - 1943) ; *Thơ Hồ Chí Minh* (1967) ; *Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh* (1990)...

Cảnh rừng Việt Bắc

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay
Vượn hót chim kêu suốt cả ngày
Khách đến thì mời ngô nếp nướng,
Săn về thường chén thịt rừng quay.

Non xanh, nước biếc tha hồ dạo,
Rượu ngọt, chè tươi mặc sức say,
Kháng chiến thành công ta trở lại,
Trăng xua, hạc cũ với xuân này.

1947

Lời bình 1

Cảnh rừng Việt Bắc là một trong những bài thơ hay nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vừa hay vừa độc đáo. Thơ Bác độc đáo không chỉ một bài này. Chẳng hạn, trong *Nhật kí trong tù* có một bài thơ tứ tuyệt bằng chữ Hán tự dung có một chữ Việt được viết vào bài thơ, bài *Em bé trong nhà lao Tân Dương* : "Oa... ! Oa... ! Oa... ! Cha trốn không đi lính nước nhà". Có chữ oa thuần Việt không chuyển ngữ chỉ vì *tiếng khóc của trẻ con không cần đến phiên dịch*. Cái độc đáo hình thức ấy bắt đầu từ nội dung. Thì cái độc đáo hình thức của bài *Cảnh rừng Việt Bắc* cũng bắt đầu từ một thôi thúc có tính lịch sử. Vậy cái độc đáo của bài này là gì ?

Bài thơ viết theo thể Đường thi, đúng niêm, đúng luật cổ mà ngôn ngữ lại dùng loại ngôn ngữ bình dân nơi thị thành, những "khách", những "mời", những "nướng", những "chén", "thịt rừng", "rượu", "chè", "dạo", "say"...

Những sinh hoạt có vẻ ăn nhậu ấy tạo nên cái gì rất lạ cho bài thơ. Muốn hiểu sự độc đáo này phải trở lại hoàn cảnh ra đời của bài thơ. Bác viết bài thơ này năm 1947, chưa đầy một năm sau ngày toàn quốc kháng chiến. Khi ấy, hàng loạt văn nghệ sĩ, trí thức, các tầng lớp người khác nhau của Hà Nội và các đô thị lên rừng đi kháng chiến. Cái mới, cái rạo rực trong họ là lòng yêu nước nhưng cái nếp cũ thì vẫn còn theo. Trong các bài ca còn nghe màu sắc hịch sĩ "Bao chiến sĩ anh hùng, lạnh lùng vung gươm ra sa trường", "Ra đi không vương thê nhi". Thậm chí, có vị văn sĩ lên rừng còn mang theo cả dọc tẩu và đã phiên âm tài giỏi chữ *Inspilation* (cảm hứng sáng tạo) là *yên sĩ phi lí thuần*. Chữ *yên* nghĩa là khói vậy. Về bối cảnh của những năm tháng ấy, chúng ta có thể tham khảo thêm truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao. Chính từ bối cảnh ấy, tôi là kẻ hậu sinh ngẫm nghĩ rằng, Bác viết bài này cho tất cả mọi người nhưng phần nhiều hơn dành cho những ai không ở Việt Bắc đến với Việt Bắc. Tất cả những ý nghĩ ấy bắt đầu từ một chữ *hay* Bác dùng ở dòng thứ nhất :

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay.

Người ta chỉ nói : *cảnh vui, cảnh buồn, cảnh đẹp*, chứ ai nói *cảnh hay*. Ấy không phải là Hồ Chí Minh tả cảnh, mà Người bình về cảnh. Cái lớn lao của cả bài thơ là thông điệp toát lên không cưỡng được của cả bài :

Các chủ đã bỏ đi các bữa tiệc nhỏ, các cuộc chơi nhỏ để được bù lại bằng cuộc du ngoạn lớn, được hưởng một bữa tiệc lớn : "Non xanh nước biếc tha hồ dạo. Rượu ngọt, chè tươi, mặc sức say". Tinh thần lạc quan thể hiện ở đây thật rõ.

Hai dòng cuối là hai dòng hẹn gặp lại đầy ân tình, đầm thắm. Cái khó giải mã là ngôi *thứ nhất* - ngôi *Bác* và ngôi *thứ ba* - khách thể, là ai trong mấy khái niệm *trăng xưa, hạc cũ, xuân này*. Có thể không cần rạch ròi lắm. *Bác* là *trăng*, *Bác* là *hạc* và *Bác* cũng là *xuân*. Và *Việt Bắc* nữa cũng là *trăng*, là *hạc*, là *xuân* vậy.

PHẠM TIẾN DUẬT

Lời bình 2

Theo Xuân Diệu, bài thơ này *Bác* ứng khẩu đọc lên để góp vui trong một buổi họp mặt đầu tiên của Hội đồng Chính phủ nước ta vừa rút lên *Việt Bắc* sau ngày bùng nổ của cuộc kháng chiến chống Pháp. Mấy chi tiết có thực : đồng bào cho ngô nếp, một đồng chí trong Chính phủ đi săn về có thịt nai... (gần đây có người có mặt trong buổi họp ấy lại nhớ khác : Cuối buổi họp mới có tin săn được một con hươu, nghĩa là hôm sau mới có thịt. Và bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* cũng hôm sau mới ra đời. Tuy nhiên, cái quan trọng là không khí vui vẻ thân mật của cuộc họp đã khởi hứng cho bài thơ và tạo nên tứ thơ).

Thơ làm theo thể thất ngôn bát cú cổ điển, nhưng không hề có vẻ nghiêm trang, đạo mạo. Giọng thơ đùa vui thoải mái vừa hàm ý động viên mọi người, vừa gợi lên không khí sum vầy đầm ấm rất thú vị và cảm động (nhớ rằng trong Chính phủ hồi này có nhiều vị nhân sĩ trí thức hoặc quan lại chưa từng nếm mùi gian khổ của cuộc sống ở rừng với mọi thiếu thốn vất vả). Giọng đùa vui được tạo ra ngay ở câu đầu với chữ "hay" (thật là hay !) "hay" bao hàm nhiều sắc thái ý nghĩa : vui, thú vị, lạ, ngộ nghĩnh...

Tất cả những câu tiếp theo đều là sự diễn tả một cách cụ thể những khía cạnh khác nhau của cái "lạ", cái "thú vị" ấy của *Việt Bắc* mà câu phá đề đã nêu lên bằng một chữ "hay" : có vượn hót chim kêu, có non xanh nước biếc, có ngô nếp nướng, có thịt rừng quay..., mà cái gì cũng "tha hồ", "mặc sức" rất thoải mái.

Trong khung cảnh ấy, không khí sum vầy được gợi lên bởi hàng loạt chi tiết nói về sự gặp gỡ, tụ họp, có ăn, có uống, có "đánh chén", có mời mọc nhau. Vui lắm chứ và cũng chẳng thiếu thứ gì. Hoá ra Việt Bắc đâu phải là nơi khổ ho còn gầy, mà thiên nước độc, kham khổ đủ đường ! .

Hai câu kết, giọng thơ hơi đổi khác. Không đùa vui nữa mà bỗng chuyển sang giọng trữ tình trầm lắng, từ hướng ngoại bỗng trở thành hướng nội. Bác đã cảm thấy ngay từ buổi đầu ở Việt Bắc này của Chính phủ (riêng Bác thì không phải là lần đầu) cái giây phút phải chia tay với Việt Bắc khi "kháng chiến thành công". Nhưng tấm lòng của Bác thì làm sao rời bỏ được Việt Bắc ! Ôi, bỗng dưng đặt mình vào một tương lai còn xa để mà "bâng khuâng lưu luyến" ! Bác Hồ thật là giàu tình cảm biết bao, nhất là đối với đất nước mình, nhân dân mình đã giúp đỡ, đã chở che cho cách mạng. Trong cái nội dung ân tình ấy đối với Việt Nam, còn có cái tình cảm riêng của Người đối với "lâm tyên". Thú lâm tyên vốn là một sở thích riêng của Bác.

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Lên núi

*Hai mươi tư tháng sáu
Lên ngọn núi này chơi
Ngẩng đầu : mặt trời đỏ
Bên sườn : một nhàn mai.*

(TỐ HỮU dịch từ bản chữ Nho *Thượng Sơn*)

Lời bình 1

Bài thơ nhỏ, 20 từ mà ý lớn, tứ sâu. Cảnh thật mà ý tứ trữ tình.

Câu 1 : Tả thời gian Người lên núi. Câu 2 : Núi là không gian. Từ "chơi" ở đây có thể hiểu là Người đi dạo ngắm cảnh núi. Nhưng, cách cấu

tứ thơ trữ tình của tác giả là ở núi này, một người đi dạo, khi ngẩng đầu lên thấy cảnh hùng vĩ : mặt trời hồng cách mạng sáng rực lên trước mặt ; tác giả như nhìn thấy tương lai hạnh phúc đang đến với nhân dân. Hình ảnh này vừa thật vừa tượng trưng cho tư duy trong sáng và cái nhìn lạc quan của Người và khi nhìn xuống bên suối : nhánh mai đang nở. Nhánh mai bên bờ suối gợi cảm giác dịu dàng, êm mát, thơ mộng. Một không gian nghệ thuật tuy đơn sơ mà lộng lẫy. Mặt trời, cành mai, dòng suối tuy tương phản về đường nét, màu sắc nhưng lại bổ sung cho nhau làm cho bức tranh thiên nhiên hài hoà, nên thơ, giàu sức sống. Ngôn ngữ thơ rất giàu hình tượng và hàm súc. Nhánh mai bên suối là hình ảnh tượng trưng cho sự sống tương lai tươi sáng (câu 4). Cách cấu tứ thơ bốn câu, mỗi câu 5 chữ của Bác, đạt tới trình độ cao về thẩm mỹ. Ít lời nhiều ý. Mỗi từ chứa đựng nhiều tứ. Mỗi hình : núi, mặt trời, suối, nhánh mai... đều tượng trưng cho cái đẹp thẩm mỹ : giản dị mà hùng vĩ, cao thượng của một vĩ nhân sau nhiều năm bôn ba ở nước ngoài, nay dừng chân ở địa đầu Tổ quốc để chuẩn bị giành lấy độc lập, tự do cho dân tộc.

NÔNG QUỐC CHẤN

Lời bình 2

Đó là cảnh thực. Trèo lên núi cao, Bác ngẩng đầu lên thì thấy hình như gần mặt trời hồng, và nhìn sang bờ suối bên kia chợt thấy một nhánh mai. Đó là cảm xúc chân thành và sâu sắc về thiên nhiên. Lời thơ vô cùng hàm súc. Nhà lãnh tụ cách mạng vĩ đại đồng thời lại là nhà nhân đạo chủ nghĩa vĩ đại, nhìn thấy hạnh phúc đang đến với nhân dân, với con người như một nhánh mai tươi tắn chờ đón ở bờ suối bên kia, gần lắm rồi. Qua hai câu thơ, ta thấy bóng dáng vĩ đại của một con người mà đầu ngẩng lên là đến mặt trời với đôi mắt tươi vui, sẵn sàng rung cảm với cuộc sống trong biểu hiện tế nhị nhất của nó là một nhánh mai xinh xắn. Con người đó là Hồ Chí Minh - điển hình cao đẹp nhất của toàn thể chúng ta. Cái anh hùng và cái giản dị, cái cao thượng và cái đẹp ở trong văn thơ Việt Nam có thể hài hoà với nhau là như thế đấy !

ĐINH GIA KHÁNH

Tức cảnh Pác Bó

*Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng
Bàn đá chông chênh, dịch sử Đảng
Cuộc đời cách mạng thật là sang !*

Lời bình

Thơ tứ tuyệt về hình thức là rất ngắn gọn, song nội dung thì thường là rất hàm súc, lời ít mà ý lại nhiều. Như phần lớn các bài thơ của Bác, bài thơ này mở đầu bằng nói đến cảnh vật. Tâm hồn Á Đông, Việt Nam của tác giả hoà hợp với thiên nhiên. Nhưng thiên nhiên ở đây khác với ở "Non xa xa, nước xa xa..." hay ở "Tiếng suối trong như tiếng hát xa".

Thiên nhiên ở "Sáng ra bờ suối..." không phải là đối tượng thưởng thức.

Ở đây, suối, hang chỉ là nơi làm việc và ẩn náu lúc hoạt động bí mật.

Nếu viết : "Tối vào hang, sáng ra bờ suối" câu thơ sẽ sáng sủa quá, không hợp với tình hình lúc ấy...

"Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng".

Câu này chi tiết, cụ thể hơn... Ba chữ "vẫn sẵn sàng" biểu thị tinh thần lạc quan của Bác. Chuyển xuống câu ba : "Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng". Thanh bằng chuyển sang thanh trắc : đá, sử. Nhìn kĩ, có tấm đá chông chênh, nhưng lòng người vẫn vững ngồi làm việc. "Cuộc đời cách mạng thật là sang !" Bác rất lạc quan.

Từ "sang" đúng nghĩa là giàu có, là nhà cao cửa rộng... Nhưng, ở đây, sống trong hang, Bác trào lộng là sang để biểu thị tấm lòng cao cả của mình".

CHẾ LAN VIÊN

Pác Bó hùng vĩ

*Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lênin, kia núi Mác
Hai tay gầy dựng một sơn hà.*

Lời bình

Bài thơ này có một điểm phải nói là khó hiểu : mối quan hệ về ý nghĩa giữa câu một và câu hai :

*Non xa xa, nước xa xa
Nào phải thênh thang mới gọi là
Đây suối Lênin, kia núi Mác
Hai tay gầy dựng một sơn hà.*

Câu mở đầu ý tứ đã rõ : "Non xa xa, nước xa xa". Bác muốn nói cảnh nước non trải ra mênh mông vô tận trước tầm mắt của Người.

Câu thứ hai buông lửng : "Nào phải thênh thang mới gọi là" có thể gợi ra một vài cách giải thích khác nhau, nhưng cứ dựa theo đầu đề bài thơ mà hiểu thì cũng có thể tạm cho là được : "Nào phải thênh thang mới gọi là... hùng vĩ". Dù sao bản thân câu thơ này không có gì khó hiểu lắm. Vấn đề đặt ra là ở mối quan hệ giữa hai dòng nói trên của bài tứ tuyệt : tại sao mở đầu vừa khẳng định sự thênh thang : "Non xa xa, nước xa xa" tiếp sau, liền phủ định ngay : "Nào phải thênh thang..." ?

Có người cho rằng, câu một nên hiểu với ý nghĩa tương đối độc lập với ba câu còn lại. Loại thơ này Bác thường nhân một lúc cảm hứng nào đó mà đọc lên cho vui thể thôi, chứ đâu phải ngồi nghĩ từng câu rồi viết ra trên giấy như một người "làm thơ" thật sự. Một đồng chí nào đó có dịp nghe được, bèn ghi chép lại để truyền cho chúng ta ngày nay. Vậy nếu như đích thân tác giả viết bài thơ này thì chắc hẳn, Người sẽ đánh mấy

cái dấu chấm lửng ở cuối câu thứ nhất. Ý kiến này xuất phát từ quan niệm ý nghĩa "thênh thang" ở câu trên không hề đi với ý nghĩa "không thênh thang" ở câu dưới. Chúng dường như thuộc về hai đoạn trong một bài thơ : câu trên, tác giả phóng tầm mắt ra ngoài phạm vi khu vực Pác Bó. Ba câu dưới liền mạch, Người mới quay về với căn cứ địa cách mạng nhỏ hẹp lúc bấy giờ.

Ý kiến trên không phải là không có lí, song lập luận như thế e có phân tích mà thiếu tổng hợp. Nghĩa là không chú ý đến tính chất chỉnh thể của tác phẩm. Bài tứ tuyệt vẫn cho ta một ấn tượng chung thống nhất. Thống nhất về nội dung mà cũng thống nhất về hình thức : bốn câu ba vắn cứ trở đi trở lại hình ảnh nước non (non nước, suối núi, sơn hà) như cùng hoà hợp với nhau để vẽ nên bức tranh thiên nhiên đơn sơ mà hùng vĩ nơi địa đầu của Tổ quốc, vào một mùa xuân rất đổi sáng trong, mùa xuân của đất trời và mùa xuân của dân tộc đang mở ra trong tâm hồn tiên tri của Bác.

Ngoài ra, tính chất hồn nhiên, tự nhiên vốn là bút pháp nhất quán của thơ trữ tình của Bác Hồ : Thơ cảm hứng đọc lên liền mạch như thuận miệng nói ra, không bao giờ mang dấu vết của sự dụng công gắng sức trong từ ngữ, vần điệu hay bố cục. Vậy khó lòng chấp nhận được việc ngắt đoạn hơi cầu kì từ câu thơ thứ hai của bài thơ.

Ta hãy đi tìm hoàn cảnh cấu tứ của bài thơ, may ra có thể giải quyết được chăng ?

Non xa xa, nước xa xa

Bài thơ mở đầu bằng một viễn cảnh bát ngát. Nhà thơ đứng ở đâu mà có được cảm hứng đó ? Ai đã lên Pác Bó chắc thấy rằng, Bác Hồ không thể nhìn ra non nước "xa xa" nếu như đứng ngay ở khu vực quanh cửa hang hoặc nơi làm việc bên bờ suối có "Bàn đá chông chênh". Vì đó là một nơi sâu kín như lọt vào giữa đá núi, cây rừng. Tầm mắt chỉ có thể phóng ra xa được khi đi ra khỏi khu vực cửa hang chừng vài ba trăm mét xuôi theo dòng suối Lenin. Từ đây, núi rừng Pác Bó như dần dần hé mở ra trước mắt ta một khung cảnh núi đồi trùng điệp. Tuy nhiên, chưa chắc đây đã là nơi khởi hứng của bài thơ, vì ở chỗ này chỉ có thể thấy "non xa xa" chứ khó lòng thấy "nước xa xa". Và nếu nghĩ chặt chẽ hơn nữa, thì phải thấy, từ địa điểm này, núi tuy có xa, nhưng chưa phải là "xa xa", nghĩa là chưa thật mênh mông vô tận như ấn tượng mà câu thơ gợi lên trong tâm trí người đọc. Vậy "non nước xa xa" cảnh thơ ấy, có lẽ nảy sinh

từ một điểm cao nào đó trên núi Pác Bó mà Bác Hồ có lúc trèo lên để tập luyện hoặc quan sát địa thế. Ở đây, thi đề "Đăng sơn", "Thượng sơn" vốn quen trong thơ Bác, chắc hẳn đã đến với Người trước cảnh non xanh nước biếc bao la diễm lệ.

Điều đặc biệt ở bài thơ này là bức tranh sơn thủy mênh mông lại được phát hiện trên một địa điểm rất hẹp, rất kín. Ai chưa đến Pác Bó, xin đừng tưởng tượng nó theo hình ảnh của những Tam Thanh, Hương Tích hay Sài Sơn ... Có thể nói đây chỉ là một cái hốc lớn mà thôi, nghĩa là chật chội, cheo leo. Nhưng chính vì thế mà ta mới hiểu ra mối liên hệ tự nhiên giữa hai câu thơ của bài tứ tuyệt.

Non xa xa, nước xa xa

Nào phải thênh thang mới gọi là...

Cái thênh thang, bát ngát đã được nhận ra từ một địa điểm rất hẹp. Cái thú vị riêng của tứ thơ là như thế, mà ý nghĩa hùng vĩ của Pác Bó cũng là như thế : hùng vĩ ở tầm nhìn bao quát của nó, chứ không phải ở phạm vi của nó ; hùng vĩ ở cái thế của cách mạng, cái thế mở nước của Pác Bó, chứ không phải ở địa bàn còn nhỏ hẹp của vùng căn cứ khi Bác mới trở về. Tứ thơ vút lên ung dung sảng khoái từ thực tế đầy gian khổ, từ điều kiện vật chất hết sức khó khăn, eo hẹp của người cách mạng. Đó là chủ nghĩa lạc quan chiến thắng của giai cấp vô sản, là tư thế làm chủ lịch sử, làm chủ tương lai của bậc lãnh tụ thiên tài.

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Cảnh khuya

*Tiếng suối trong như tiếng hát xa,
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa ;
Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,
Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.*

1947

Lời bình 1

Ai đã từng ở gần suối (suối chứ không phải là thác) đều nghiệm thấy ban ngày vì lẫn trong muôn nghìn tạp âm khác, ta rất khó nghe tiếng suối chảy. Chỉ ban đêm, nhất là càng về khuya, (như khi ta chợt tỉnh giấc chẳng hạn) tiếng suối mới hiện ra rõ rì rầm như cơn mưa từ xa đang đến.

Tiếng suối trong như tiếng hát xa.

Câu đầu bài thơ đã đi sát vào đề. Tiếng suối cũng mới mẻ, thân thiết làm sao.

Nguyễn Trãi đã từng ví tiếng suối với tiếng đàn :

*Côn Sơn có suối nước trong
Ta nghe suối chảy như cung đàn cầm.*

Với Bác, tiếng suối như tiếng hát. Nếu thiên nhiên có khi gào lên trong tiếng gió (gió gào), thét lên trong tiếng mưa (mưa thét), thì giữa đêm khuya thanh vắng tiếng suối đúng là tiếng hát trong trẻo của thiên nhiên. Cách ví ấy vừa mới mẻ vừa gợi lên những tình cảm bạn bè thân thiết hiền hoà giữa con người với thiên nhiên. Bài *Cảnh khuya* được một nhạc sĩ Liên Xô (trước đây) phổ nhạc, được nhiều nhà thơ nhắc nhở, một phần là do câu mở đầu đầy hấp dẫn này !⁽¹⁾

Trong không khí thanh vắng, trên cái nền âm thanh là tiếng suối xa xa trong trẻo, hiện lên trước mắt một bức tranh thuỷ mặc với những mảng trắng đen rất rõ :

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa ;

Một cảnh lớn, nét bút đậm, như vút lên cao : ánh trăng khuya chiếu sáng rõ cây cổ thụ giữa rừng khuya. Trăng tượng trưng cho sự hiền hoà, thanh cao. Cổ thụ tượng trưng cho sự bền vững từng trải.

Một cảnh nhỏ, ở tầng thấp, vẽ bằng nét bút mảnh mai tỉ mỉ hơn : bóng cây lá ngả vào hoa thành những mảng đen trắng tương phản với những bông hoa khác, ánh trăng chiếu vào càng sáng hơn lấp lánh. "Bóng lồng hoa", chỉ vài chữ nhưng là cả một bức tranh với những mảng đen, trắng

(1) Bác là ai ? Ngày hôm nay Bác là vị tướng.

Trong cõi trường sinh tiếng hát trong của Người là một tiếng suối xa... (Chế Lan Viên)

rung rinh. Trăng chiếu vào hoa làm ta nhớ những câu trong *Chinh phụ ngâm* :

*Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.*

Bức tranh có cái đẹp kì vĩ, lẫn cái đẹp tinh tế. Hai câu mà có đủ : nào rừng, nào suối, nào cổ thụ, nào hoa. Và trên hết là một ánh trăng rất sáng, sáng lắm mới chiếu rõ được hoa rừng : trăng về khuya.

Nếu nhớ rằng Bác làm những câu thơ này năm Người 57 tuổi, ta mới thấy hết sự trẻ trung tươi mát của tâm hồn Bác. Và ta nhớ Bác từng làm thơ Đường luật bằng chữ Hán, từng vẽ những bức hoạ phỏng tranh cổ Trung Quốc hồi ở Pháp, ta mới thấy hết cái cốt cách phương Đông cổ điển trong những câu thơ tiếng Việt này.

Tiếp đến câu thứ ba tổng kết câu trên và chỉ ra một hệ quả :

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ,

Vế trước thì ta đã rõ, vế sau cần được giải thích thêm. Có thể ai ngỡ ngủ cho đành trong cảnh rừng trăng rất đẹp. Hoặc không ngủ được vì trước cảnh trăng mà băn khoăn về cái vô hạn của vũ trụ và cái hữu hạn của kiếp người như Trương Nhược Hư :

*Ai người đầu đã soi trăng ấy
Trăng ấy soi người tự thuở nao.*

Không, không phải. Bác đã đưa ra một lời giải thích gọn và rõ :

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Với câu kết này tinh thần bài thơ đã hoàn toàn đổi mới. Nhà nghệ sĩ cốt cách phương Đông đã hiển nhiên thành nhà cách mạng hiện đại.

Có người băn khoăn : Liệu câu kết này có gắn liền hữu cơ với ba câu trên không ? Nói cách khác đi, tả cảnh đẹp trong ba câu làm gì khi lòng tác giả đang lo lắng "nỗi nước nhà". Hay đây cũng là thủ pháp "ức dương" cốt tạo ra sự bất ngờ cho người đọc.

Tôi nghĩ ba câu trên thể hiện cốt cách nghệ sĩ của Bác, câu kết thể hiện cốt cách cách mạng của Bác. Và tổng hợp bốn câu thể hiện phong thái ung dung tự chủ, cái bản lĩnh tuyệt vời của người sáng lập ra Đảng và Nhà nước ta.

Cảnh khuya là bài thơ ngắn, về nội dung thể hiện được tâm hồn và chí khí của tác giả, về hình thức có sự tiếp thu truyền thống và đổi mới rất tài tình.

Tôi đã đọc bài thơ này nhiều lần, nhưng vẫn thấy còn chưa nhận hết cái hay của câu :

Tiếng suối trong như tiếng hát xa...

NGUYỄN XUÂN NAM

Lời bình 2

Đã có khi nào trên một miệt núi cao ta chăm chú nghe một tiếng suối chưa ? Tôi tự hỏi mình thế mà vừa nhớ, vừa quên. Đã ở núi, ở rừng bao năm tháng mà không tự nghe, tự biết tiếng suối thế nào. Nguyễn Du viết : "Độc như tiếng suối mới sa nửa vời". Phải cầu thị lắm mới có thể nghe được tiếng trong, tiếng đục. Ở câu đầu bài thơ tả tiếng suối mà nghe như tiếng hát. Tiếng hát gần thì phải rõ lời mà tiếng hát xa thì không rõ. Chỉ một câu ấy thôi mà cảnh khuya khoắt đã hiện lên thật đậm nét. Không khuya sao tiếng suối xa có thể vang vọng đến vậy ?

Dòng thứ hai của bài *Cảnh khuya* : "Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa" là câu tả cõi bên trong của người ngắm cảnh : sự hoà trộn giữa cảnh và cảnh. Còn có một sự hoà trộn nữa xuất hiện ở dòng thứ ba :

Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ.

Trong nguyên văn, dòng ấy cũng viết liền như thế. Ta có thể có hai cách đọc từ hai sự ngừng hỏi :

Cách thứ nhất : "Cảnh khuya như vẽ / người chưa ngủ".

Cách thứ hai : "Cảnh khuya như vẽ người chưa ngủ".

Ở cách thứ nhất, chỉ giản dị là cảnh đẹp mà người chưa ngủ được. Tôi muốn nghiêng sang một cách đọc liền hơi của dòng thơ ấy. Đọc liền hơi thì thấy rằng sự ngẩn ngơ của người mất ngủ cũng giống như cảnh vật kia. Câu thơ không nói gì đến gió mà thấy rừng lộng gió. Chính câu cuối đã làm tôi hiểu vậy :

Chưa ngủ vì lo nỗi nước nhà.

Thì ra cảnh là cảnh nước, thì ra ngẩn là ngẩn về non sông. Cái đẹp kì diệu của rừng, của trăng, của tiếng suối đốt cháy nỗi lo toan về sự tồn tại vĩnh hằng. Bài thơ trong sáng mà vẫn hàm chứa nhiều cảm xúc. Câu thơ ngắn có kết thúc mà ý tứ vẫn vang vọng, gợi mở.

PHẠM TIẾN DUẬT

Hoàng Văn Thụ

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Văn Thụ. Sinh ngày 4 tháng 11 năm 1909. Quê quán : xã Nhân Lí, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Là một trong những cán bộ cấp cao của Đảng, phụ trách nhiều công tác quan trọng trong thời kì bí mật. Bị thực dân Pháp bắt và xử bắn ở Tương Mai, Hà Nội ngày 24 tháng 5 năm 1944. Trong quá trình hoạt động cách mạng, Hoàng Văn Thụ đã viết nhiều bài thơ bằng tiếng Tày, tiếng Việt, tiếng Hán để tuyên truyền vận động nhân dân đoàn kết, đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc.

Nhắn bạn và Trăng soi là hai bài thơ tiêu biểu, tác giả viết khi đang bị giam hãm trong nhà tù của bọn thực dân Pháp xâm lược.

Nhắn bạn

*Diệt nước xưa nay có bại thành
Miễn sao giữ trọn được thanh danh
Phục thù, chí lớn không hề nản
Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lành.
Thân dầu lao tù lâm cảnh hiểm
Chí còn theo dõi buổi tung hoành
Bạn hỡi gần xa hăng chiến đấu
Trước sau xin giữ tấm lòng thành !*

1944

Lời bình

Theo hồi kí "Những ngày cuối cùng của đồng chí Hoàng Văn Thụ" của Trần Đăng Ninh, người cùng hoạt động và cùng thời gian bị giam ở nhà tù Hoả Lò với đồng chí Hoàng Văn Thụ, sau này là Ủy viên Ban chấp

hành Trung ương Đảng, thì trong những ngày sống trong tù, nhất là lúc trước giờ bị lính giải ra trường bắn, đồng chí Hoàng Văn Thụ luôn luôn giữ thái độ bình tĩnh dặn dò các đồng chí của mình. Bài thơ được viết trong khung cảnh đó.

Bài thơ như một bản di chúc đối với bạn bè, đồng chí. Giữ vững khí tiết, ý chí, lòng thành của người chiến sĩ cộng sản là nội dung chính của bài thơ. Mở đầu bài thơ, tác giả xác định lập trường, thái độ của người chiến sĩ cách mạng "Việc nước xưa nay có bại thành. Miễn sao giữ trọn được thanh danh" của mình. Đặc biệt, tác giả tự răn mình và cũng là nhắn nhủ đồng đội : phải có chí lớn phục thù, không được nản lòng trước mọi thử thách, hiểm nguy, không được phản bội, đầu hàng :

Ngọc nát còn hơn giữ ngôi lành.

Câu 5, câu 6 tác giả dùng nghệ thuật đối ý, đối lời của thể thơ Đường luật :

Thân dẫu lao tù lâm cảnh hiểm

Chí còn theo dõi buổi tung hoành.

Tù ngục không giam hãm được ý chí của người cách mạng ; dẫu sắp bị xử bắn, người chiến sĩ trung kiên vẫn theo dõi diễn biến của cuộc cách mạng đang sôi sục ở bên ngoài. Hai câu cuối kêu gọi đồng chí của mình hãy tiếp tục hăng say chiến đấu và tuyệt đối trung thành với cách mạng, với Đảng, với Tổ quốc.

Lời thơ cũng là lời thề, lời khuyên đồng đạo của một người chiến sĩ cách mạng kiên cường trước lúc hi sinh.

NÔNG QUỐC CHẤN

Trăng soi

*Trăng sáng lung linh chiếu khắp nơi
Những ai đau khổ, những ai cười
Những ai đắm đắm đêm sum họp
Bao kẻ lênh đênh ở cuối trời.*

1940

Lời bình

Theo đồng chí Mai Vi ở Hải Dương, một cán bộ cơ sở cách mạng của đồng chí Hoàng Văn Thụ kể lại : Hồi bí mật, được nghe tác giả đọc bài thơ này bằng nguyên văn chữ Nho, tác giả viết ở Trung Quốc :

Nguyệt ảnh ung ung chiếu cửu châu

Kỉ gia hoan lạc kỉ gia sầu

Kỉ gia đồng khánh đoàn viên dạ

Kỉ cá phiêu linh tại ngoại đầu.

Câu mở đầu, giọng thơ vui một cách hồn nhiên vẽ lên cảnh một đêm trăng sáng thật nên thơ. Ấy vậy mà cả bài thơ lại đượm giọng buồn. Hình ảnh đối lập ở câu thứ hai nói rõ cách nhìn xã hội có sự phân biệt : "Những ai đau khổ, những ai cười". Nếu dịch sát nghĩa từng chữ thì "Bao nhiêu gia đình vui vẻ, bao nhiêu gia đình buồn ?". Câu 3 lặp ý câu 2, hình như người viết muốn nhấn mạnh tình trạng bất công trong xã hội. Phải là người không bàng quan, thờ ơ trước cuộc sống thì mới nhìn thấy và nói lên được cảnh đời bất công phi lí ấy. Thấy cảnh sống ở Trung Quốc thời ấy, tác giả liên tưởng tới những người đang lênh đênh ở cuối trời. Hai câu cuối cùng là hai hình ảnh đối lập : cảnh sống ấm êm hạnh phúc và cảnh sống phiêu bạt trôi nổi của người xa quê hương.

Bài thơ dừng ở đấy. Người đọc tự nghĩ để luận. Những người Việt Nam sang Trung Quốc lúc bấy giờ phải lênh đênh trong gian nan là để tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

NÔNG QUỐC CHẤN

Hoàng Đức Hậu

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Đức Hậu. Sinh năm 1890. Quê quán : xã Hồng Việt, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Mất năm 1945.

Tác phẩm đã xuất bản : Thơ Hoàng Đức Hậu (in tiếng Tày và tiếng Việt, 1961).

Thác Quan Làng

*Một dải xuân sơn gió xạc xào
Quan Làng suối nọ cảnh thanh tao
Dòng treo đầu núi nghìn năm chảy
Sóng lẫn trên mây mấy trượng cao
Xanh biếc tưởng trời phơi tấm lụa
Ừ ào trên đất nổi cơn trào
Cảnh này trong sạch, công ai đó ?
Hay đã từ xưa Chúa Vũ đào !*

(Bài này tác giả viết bằng tiếng Việt)

Lời bình

Thác Quan Làng - một thắng cảnh thuộc bản Quan Làng, xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn. Ở đây, trước năm 1945, Thống sứ, Chánh sứ Tây, cứ đến mùa hè là cả lũ kéo nhau lên nghỉ mát.

Năm 1940, một đồn Châu uý của Tây đặt gần đấy để đàn áp phong trào cách mạng. Đồng chí Phùng Chí Kiên chỉ huy một tổp chiến sĩ đi từ Bắc Sơn qua Na Rì lên tới vùng này bị lộ, Phùng Chí Kiên bị bắt và bị Tây chặt đầu đem đi bêu ở các chợ.

Trong thời gian ấy, nhà thơ Hoàng Đức Hậu từ Cao Bằng vào đây để mở lớp dạy chữ Nho. Biết tiếng thầy đồ Hậu hay thơ, quan Châu uỷ đến gặp thầy, xin một bài thơ về thác Quan Làng, để đọc đón chào quan Chánh sứ. Nhà thơ nhận viết ngay bằng tiếng Việt.

Quan Châu uỷ đọc thơ, thấy cảnh đẹp trong thơ có phần tôn cao thêm cảnh đẹp thiên nhiên của dòng thác : "Một dải xuân sơn...", "Quan Làng suối nọ cảnh thanh tao", "Dòng treo đầu núi...", "sóng lẫn trên mây", "trời phơi lụa..." những hình ảnh rất thơ.

Nhưng sau hình ảnh ấy là gì ? Năm 1942, trong một buổi bình thơ ở lớp học, thầy Hậu đã bộc lộ ý tưởng của mình : "Các cậu có nghĩ rằng : thác Quan Làng thật là lụa trời ?" "Xanh biếc tưởng trời phơi tấm lụa". Dòng thác như tấm lụa buông từ trên trời xuống - đẹp quá - nhưng, cảnh đẹp này chưa phải là của người Quan Làng. Hằng năm, quan Tây kéo đến chơi, người dân Quan Làng phải đi phu phục dịch. Cảnh đẹp chỉ như "trời phơi lụa". Trời là ai ? Ta nên nghĩ cảnh sống ở mặt đất quê ta. Nhiều nơi đang "Ù ào trên đất nổi cơn trào". Dân ta sẽ đón quan Tây bằng "đất nổi cơn trào". Ta hiểu ý tục là dân đứng tiểu tiện đón quan Tây - nhưng ý cao xa hơn là đồng bào ta sẽ "nổi cơn trào" đuổi Tây đi !

Hai câu kết của bài thơ, tác giả hỏi : "Cảnh này trong sạch, công ai đó ?", tác giả tự trả lời bằng câu chuyện xa xưa đã ghi trong sử sách : "Chúa Vũ đào". Tức là, ngày xưa ở nước Tàu, gặp năm hạn hán, Vua Hạ Vũ đã khuyến dụ nhân dân đắp đập, đào sông... Có lẽ, thác Quan Làng cũng thế !

Ý câu kết đã che mờ ý hai câu năm, sáu : "nổi cơn trào".

Thầy Hậu đã khéo lẫn ý tứ "nổi cơn trào" trong thơ ca ngợi cảnh đẹp.

NÔNG QUỐC CHẤN

Vịnh hồ Ba Bể

*Trông cũng xinh thay cũng lạ thay
Giữa rừng lọt bể thợ giời bày
Khách qua cao hứng thuyền quên lái
Cảnh lại đa tình sóng vỗ cây.*

*Ngư thả lá câu mong cá cắn
Tiểu vin cành hái sợ chim bay !
Đào nguyên âu cũng là đây nhỉ ?
Ta có duyên gì mới tới đây ?*

(Bài này do chúng tôi nhớ và ghi lại)

Lời bình

Hồi ấy thầy Hậu mở lớp dạy chữ Nho ở bản Hoàng Phài. Vào mùa thanh tra giáo dục các trường, ông kiểm học Trần Lê Nhân từ tỉnh Bắc Cạn về thanh tra trường Kéo Lặng do giáo viên Đồng Phúc Chưởng, người bản Hoàng Phài làm hiệu trưởng. Ngoài giờ, ông Trần Lê Nhân đến thăm ông Đỗ Hậu. Hai nhà thơ gặp nhau đã cùng xướng hoạ vịnh Hồ Ba Bể (dù ở đây không phải bên hồ).

Bài xướng của ông Trần Lê Nhân bằng 2 câu mở đầu :

*Non xanh rừng tía lạ lòng thay
Ba Bể xinh xinh cảnh khéo bày*

.....

Bài của thầy đồ Hoàng Đức Hậu viết thẳng tiếng Việt hoạ theo bài của ông Trần Lê Nhân :

Hai câu mở đầu, như trầm trở trước thẳng cảnh hồ Ba Bể "lạ thay". Tác giả nghĩ cảnh đẹp này là do "thợ giỏi bày".

Hai câu thực, tác giả tự coi mình là "Khách qua cao hứng thuyền quên lái". Khách cao hứng đến nỗi đang bơi thuyền đã quên cả lái ! Bởi "cảnh đa tình" quá, "sóng vỗ cây" dữ dội quá ! Nhà thơ như làm quen ngay, tỏ cảm tình ngay với cảnh đẹp.

Hai câu luận, nhà thơ gửi gắm nỗi niềm của lòng mình qua hai nhân vật ngư - diều ngư - người câu cá, và tiểu - tiểu phu - người thợ rừng, đối với cảnh đẹp hồ Ba Bể. Nỗi mong của người câu cá là "thả lá câu mong cá cắn", nhưng lo khi người thợ rừng "vin cành hái, sợ chim bay". Bài thơ tình lãng mạn đến cao độ.

Hai câu kết, tác giả tự hỏi : Cảnh đẹp này phải chăng là chốn đào nguyên ? Ta đến đây có duyên gì ?

Cách "tán" rất Hoàng Đức Hậu - "Siấy Hậu" đa tình.

NÔNG QUỐC CHẤN

Hoàng An

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Văn An. Sinh ngày 26 tháng 9 năm 1945.

Quê quán : xã Đại An, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Con đường hèn nhau (thơ song ngữ).

Con đường hẹn nhau

Lối anh đi, gà vẩn gáy bên nường
Cái tên Đèo Gà quỵên niêm thương nỗi nhớ
Túi dây trám đen
 thời tung tăng nhịp thở
Nắng trưa hè, Anh gọi gió
 dưới vòm xanh
Cắn quả hồi non đỡ khát
 có Em, Anh !

*

* *

Ngày ấy qua đi
 hương tình để lại
Ngước nhìn lên
 cành trám - trái rung rinh
Những cánh sao hồi
 dạt bình minh xứ sở.

(Tác giả tự dịch từ tiếng Tày)

Lời bình

Bài thơ được sáng tác bằng tiếng dân tộc do tác giả tự dịch ra tiếng Việt, chắc sẽ khó đạt được như ý muốn. Âu cũng là một lối đi, một cách đi, trên "con đường hẹn nhau" có "gà gáy bên nương quện niềm thương nỗi nhớ", có "trám đen", có "nắng trưa hè", có "quả hồi non ăn đỡ khát", có những liên tưởng gợi nhớ những kỉ niệm dù đã qua đi lâu rồi, nhưng vẫn để lại "hương tình", "cành trám - trái rung rinh", "Những cánh sao hồi đượm bình minh xứ sở".

Bài thơ như một chiếc lá rừng lẫn vào trong rừng lá chập trùng, mênh mông, bát ngát xanh.

LÒ NGÂN SÜN

Ngọc Anh

(Dân tộc Kinh)

Bóng cây kơ nia

(Theo điệu Ka choi)

Buổi sáng em làm rẫy
Thấy bóng cây kơ nia
Bóng ngả che ngực em
Về nhớ anh không ngủ

Buổi chiều mẹ lên rẫy
Thấy bóng cây kơ nia
Bóng tròn che lưng mẹ
Về nhớ anh mẹ khóc.

Em hỏi cây kơ nia
Gió cây thổi về đâu ?
Về phương mặt trời mọc
Mẹ hỏi cây kơ nia
Rễ cây uống nước đâu ?
Uống nước nguồn miền Bắc

Con giun sống nhờ đất
Chim phú sống nhờ rừng
Em và mẹ nhớ anh
Uống nước nguồn miền Bắc

Như bóng cây kơ nia
Như gió cây kơ nia.

Lời bình

Bài thơ này ra đời vào những năm đất nước còn chia cắt. Ở thời điểm ấy, nỗi đau chia cắt đất nước luôn là sự ám ảnh mỗi người dân nước Việt. Anh Nguyễn Thái Bình, một sinh viên yêu nước thời đó đã từng viết thư cho Tổng thống Mỹ Ních-xơn : "Nếu tôi cắt cơ thể ông ra làm đôi, một nửa gọi là A, một nửa gọi là B, ông có chịu được không ?". Tế Hanh, một nhà thơ miền Nam tập kết, ngẩng nhìn vòm trời Hà Nội rồi đau đớn kêu lên : "Trời vẫn xanh một màu xanh Quảng Trị. Tận chân trời mây núi có chia đầu". Nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Bính cũng có một tâm trạng tương tự : "Sao đặc trời cao, sáng suốt đêm. Sao đêm chung sáng chẳng chia miền".

Tác giả của bài thơ *Bóng cây kơ nia* cũng mang một nỗi niềm khắc khoải, đau đáu như thế. Nhưng nỗi đau chia cắt đất nước, không hiện ra cụ thể ở những gì to tát, mà kín đáo chìm ẩn trong công việc nhỏ nhặt hằng ngày của người dân Tây Nguyên, qua cái nhìn, cách nghĩ của người dân Tây Nguyên, thông qua hai nhân vật cụ thể là hai mẹ con cô gái có người thương đang tập kết ở miền Bắc. Nỗi nhớ khắc khoải thì giống nhau, công việc hằng ngày của họ cũng giống nhau, nhưng hai người lại rất khác nhau :

*Buổi sáng em làm rẫy
Thấy bóng cây kơ nia
Bóng ngả che ngực em
Về nhớ anh không ngủ...*

Cây kơ nia, một cái cây bình dị mọc ở trên nương, chỉ là cái cớ để họ bộc lộ nỗi niềm, tâm trạng của mình. Cùng lên nương, cùng nhìn cây kơ nia mà nhớ người xa cách, nhưng em lên nương *buổi sáng*, mẹ lên rẫy *buổi chiều*. Cũng dễ hiểu. Em còn rất trẻ, là người đang yêu, còn mẹ thì đã già, người đã tuổi cao bóng xế. Người già thường đi với bóng chiều. R. Tagore viết : "Nhà thơ ơi, chiều rồi, tóc anh đã hoa râm". Nói về sự cách biệt giữa hai thế hệ trẻ già, người ta cũng thường dùng hình ảnh buổi sáng, buổi chiều. Trần Huyền Trân mộng uống rượu với Tần Đà cũng đã thốt lên :

*Tôi là nắng, cụ là sương
Tôi bừng dậy sáng, cụ nương bóng chiều...*

Ở đây, Ngọc Anh cũng dùng hình ảnh quen thuộc ấy để nói về hai mẹ con. *Buổi sáng em làm rẫy. Buổi chiều mẹ lên rẫy. Sáng, chiều*, không phải bao hàm yếu tố cụ thể chỉ thời gian, mà còn là số phận của hai người phụ nữ. Bởi vậy, bóng cây kơ nia ngã xuống hai người cũng rất khác biệt :

*Bóng ngã che ngực em
Về nhớ anh không ngủ*

Ta biết cô gái đang yêu. Xuân Quỳnh, trong bài *Sóng* đã viết : "Nỗi khát vọng tình yêu. Bồi hồi trong ngực trẻ", và : "Lòng em nhớ đến anh. Cả trong mơ còn thức". Nhớ người yêu không ngủ, là lẽ dĩ nhiên. Đây là người con gái. Còn bà mẹ thấy cây kơ nia :

*Bóng tròn che lưng mẹ
Về nhớ anh, mẹ khóc*

Chỉ một chi tiết, "bóng tròn che lưng mẹ", ta biết bà mẹ lưng đã còng rồi. Đây là chi tiết đắt, cho thấy câu thơ rất hàm súc, có sức gợi mở. Cùng nhớ người đi xa, cô gái trần trọc không ngủ, còn bà mẹ thì khóc. Nhớ quá thì phải tìm, phải hỏi. Hỏi ai ? Hỏi cây kơ nia. Con người phải mang nỗi nhớ da diết bộc lộ với cây cối trên nương rẫy. Cô gái quan tâm đến gió, đến cái ngọn cây : "Gió cây thổi về đâu ?" Còn bà mẹ lại chú ý đến tầm sâu hơn, đến cái không nhìn thấy là cái rễ : "Rễ cây uống nước đâu ?" Và cây kơ nia lại bộc lộ tâm trạng của cả hai người :

*Gió cây thổi về đâu ?
Về phương mặt trời mọc
Rễ cây uống nước đâu ?
Uống nước nguồn miền Bắc.*

Câu thơ thật tự nhiên mà kín đáo, sâu sắc. Mặt trời gợi đến sự anh minh, sáng suốt là niềm tin của con người : "Lòng tôi như hoa hướng dương. Trăm nghìn đều hướng về phương mặt trời". Và đến câu sau : "Rễ cây uống nước đâu ? Uống nước nguồn miền Bắc", ý tưởng đã bộc lộ trọn vẹn. Người Tây Nguyên luôn hướng về miền Bắc, hướng về Bác Hồ, khi đất nước còn chia cắt. Hướng về miền Bắc cũng là hướng về sự thống nhất đất nước, về đoàn tụ gia đình, trong cái chung có cái riêng. Bởi người dân Tây Nguyên, cũng như thiên nhiên, như muông thú, cây cỏ đều biết nguồn cội của mình và luôn gắn bó thủy chung với nguồn cội :

Con giun sống nhờ đất
Chim Phí sống nhờ rừng
Em và mẹ nhớ anh
Uống nước nguồn miền Bắc
Như bóng cây kơ nia
Như gió cây kơ nia.

Bài thơ thật sâu sắc, nhưng vẫn giữ được sự hồn nhiên, tươi tắn, đúng với cách nghĩ, cách nhìn của người dân Tây Nguyên, không có sự khiên cưỡng, áp đặt. Bài thơ sống động mà vẫn tươi rói như bông hoa ở giữa đại ngàn, còn nguyên vẻ đẹp vừa rực rỡ, vừa hoang sơ, bởi vậy mà nó có sức quyến rũ đặc biệt.

TRẦN DUYÊN HÀ

Nếu ai chưa hiểu

(Theo điệu Ru con)

Gió Tây
Bão Đông
Chuyện phải trái
Có những người chưa hiểu...

Mĩ - Diệm
Âm mưu tìm chuyện
Củ rừng nó tìm đào
Bắt bao người chết đứng như cây lách
Bắt nhiều người chết rạp như cỏ tranh

Tuỷ xương mình nó găm
Diệm đi buộc đi treo⁽¹⁾
Gài chuyện nọ, việc kia
Bảo làm "ông lớn" kín
Bảo làm quan công khai
Nó muốn cho dân ta
"Lấy chân rùa, bỏ vào miệng rùa"⁽²⁾

(1) Gán ghép.

(2) Ý nói như nổi da nấu thịt.

Có ai giết mẹ ?
Mĩ đeo lon trên vai
Ai có gan giết cha ?
Diệm gấn mề đay trên ngực
Người Thượng chúng ta cực
Lũ Mĩ - Diệm lại cười
Ngày mai, chúng ta vui
Mĩ - Diệm ôm nhau khóc.

Mĩ - Diệm ác quá chừng !
Ta lên rẫy, nó núp nhìn sau cột.
Ta xuống bến nước, nó nhìn sau lưng
Ta vô rừng, nó đánh hơi theo dấu

Nai sa bẫy vì lạc mất đường đi,
Tré, trâu chết vì tham ăn tôm tép.
Gió Đông
Bão Tây
Chuyến phải trái
Có những người chưa hiểu.

NGỌC ANH
(sưu tầm và phỏng dịch)

Lời bình

Bài thơ được làm trong thời kì đế quốc Mĩ xâm lược và bọn tay sai Ngô Đình Diệm còn chiếm đóng Tây Nguyên. Như đầu đề bài thơ "Nếu ai chưa hiểu" đã nói rõ đây là một bài thơ vạch trần âm mưu thâm độc của kẻ thù, đồng thời phân biệt trắng, đen ; phải, trái ; ta, địch giúp những ai chưa hiểu, những ai đang lằm đường lạc bước hãy quay về với Cách mạng, quay về với bản làng để cùng nhau đánh Mĩ, đuổi Diệm. Bài thơ thật giản dị và dễ hiểu, bởi nó được trình bày theo lối nghĩ, cách nhìn của đồng bào Thượng. Nói về âm mưu chia rẽ của chúng, nhà thơ bảo đó là sự "lấy chân rùa bỏ vào miệng rùa". Nói về sự đối kháng, về quyền lợi giữa chúng và nhân dân các dân tộc, nhà thơ viết :

Người Thượng chúng ta cực
Lũ Mĩ - Diệm lại cười

Và vạch trần sự lừa bịp của kẻ thù cũng như sự "mất cảnh giác" trước âm mưu của chúng, nhà thơ ví von :

*Nai sa bẫy vì lạc mất đường đi
Trê, trâu chết vì tham ăn tôm tép*

Bài thơ như một bài tuyên truyền, nặng chất "dân vận" nhưng lại được viết "theo điệu ru con" nên dễ đi vào lòng người và tạo được hiệu quả lớn.

NGÔ VINH BÌNH

Mong anh về ngay buồn rầy

(Theo điệu M' mưn)

*Như cây măng mới lên
Cha thương mến anh nhiều
Sáng mẹ cho cơm kê
Chiều ăn cây mía ngọt*

*Anh tập nói bi bô
Mẹ dạy theo chim nhông⁽¹⁾
Khi lạnh tay nóng chân
Thuốc rừng cha lo chạy.*

*Ngày nay anh đã biết,
Làm cái chòi cho cha,
Dựng cái nhà cho mẹ
Sao lại bỏ buồn sang ?⁽²⁾*

*Tốn sức mẹ công đêm,
Phí công cha dầu dãi
Hỏi anh, anh quên mất
Bởi theo miệng họ lừa*

(1) Chim nhông : con sáo

(2) Sang : nhà

Anh mê hoa mơ - niêng⁽¹⁾

Thích quần nhiều áo tốt

Anh mê tiền bạc trắng

Mà quên mẹ, quên cha

Anh vào lính quốc gia

Anh theo dân vệ Diệm

Súng giặc anh cầm bắn

Vào ngực chị, ngực em.

Nay anh

Đã lớn lên

Chưa được một bầu nước cho mẹ

Chưa tìm được một con cá cho cha.

Mùa ăn Tết tháng ba

Làng ta công chiêng ca múa

Nhớ anh, em đứng một mình.

Anh ơi !

Hãy về đi !

Mẹ ta ngày càng già

Cha ta ngày càng yếu

Làng buôn ta đói rét thêm nhiều ...

Con ta đã lớn rồi !

Nó đòi cái ná bắn chim

Nó đòi cái diều bay lượn

Hỏi cha, không có ở nhà.

Anh ơi !

Hãy về đi !

Mong anh về buôn rẫy,

Anh về cho kịp mùa

Còn vịn hai bàn tay

Để cùng em cuộc rẫy

Để cho miệng mẹ cười

Để cho con ta hát...

NGỌC ANH và Y ĐIỀNG dịch

(1) *Hoa mơ-niêng* : hoa tím nhạt, mùi hôi và độc.

Lời bình

Mượn lời một người vợ khuyên chồng trở về với buôn rẫy bản làng, bài thơ đã chọn được một hình thức dịch vận thật khéo. Phần đầu bài thơ ôn gọi lại những tháng ngày người con trai đã lớn lên trong vòng tay yêu thương của cha mẹ. Vậy mà người trai ấy lại mê lú đi theo sự lừa phỉnh của kẻ thù. Với mẹ cha, anh trở thành đứa con bất hiếu, với vợ con anh trở thành kẻ bội bạc nghĩa tình. Nhưng người vợ không "đẩy" chồng mình vào cảnh đoạn tuyệt "Anh đường anh tôi đường tôi. Tình nghĩa đôi ta có thể thôi" mà cố gắng thức tỉnh kêu gọi chồng trở về với quê hương gia đình. Giọng thơ thay đổi khá linh hoạt : khi kể lể công lao dưỡng dục, khi giải bày tâm trạng, khi hờn trách tủi buồn... Tất cả đều nhằm tạo lí, tạo tình để cất lên một điệp khúc thiết tha giục giã. Hẳn chắc, nếu những lời kêu gọi yêu thương ấy vọng đến tai người chồng nhẹ dạ, lẽ nào anh ta lại không suy nghĩ, băn khoăn. Trước mặt người lính mê lạc ấy, chỉ có một con đường duy nhất đúng : "Anh ơi ! Hãy về đi ! Mong anh về buôn rẫy, Anh về cho kịp mùa...".

NGUYỄN ĐĂNG DIỆP

Giữ lấy rừng

(Theo điệu Polét)

*N*gười Tây Nguyên
Đã giữ rừng
Đốn cây to phải ngã
Tát suối sâu phải cạn
Nhỏ cỏ không còn rễ dưới chân

*N*gười Tây Nguyên
Đã giữ rừng
Phải làm cho
Hổ kêu sau núi
Lợn trong chuồng không giật mình
Sấu trườn dưới nước

*Người đang tắm, không chạy lên bờ
Điều hâu lượn trên trời
Gà không sợ mất con.*

*Người Tây Nguyên
Đã giữ rừng
Không sợ bầy chó sói
Chẳng sợ lũ voi đàn
Không ghê con hổ ác
Hổ muốn phá rừng già
Lùng rừng mắc mang cung
Lên đồi gặt tên thuốc.
Xuống nước trúng giáo mác
Vào buôn gặp dân làng.*

*Người Ka Dong không theo con cú vọ
Người M'Nông không theo con diều hâu
Chúng ta theo hoa đỏ
Chúng ta theo Cụ Hồ
Người Tây Nguyên theo ông sao miễn Bắc
Sao miễn Bắc sáng trên núi Tây Nguyên.*

NGỌC ANH
(phỏng dịch)

Lời bình

Bài thơ mở đầu đã tràn đầy hùng khí :

*Người Tây Nguyên
Đã giữ rừng
Đốn cây to phải ngã
Tát suối sâu phải cạn
Nhỏ cỏ không còn rễ dưới chân.*

Rõ ràng, hùng khí này được kế thừa từ những áng trường ca Tây Nguyên bất hủ !

Toàn bộ bài thơ được phát triển theo tinh thần ấy, một tinh thần bất khuất, kiên cường, hiên ngang, hào sảng. Những chất liệu của trường ca Tây Nguyên được sử dụng trong bài thơ rất đặc địa :

*Phải làm cho
Hổ kêu sau núi
Lợn trong chuồng không giật mình
Sấu trườn dưới nước
Người đang tắm không chạy lên bờ
Diều hâu lượn trên trời
Gà không sợ mất con.*

Đỉnh cao của tinh thần bất khuất, kiên cường và ý chí quyết thắng là ở đoạn :

*Hổ muốn phá rừng già
Lùng rừng mắc mang cung
Lên đồi gặt tên thuốc
Xuống nước trúng giáo mác
Vào buôn gặp dân làng.*

Con hổ dữ đó - kẻ thù của nhân dân - không còn con đường nào để thoát !

Bài thơ, bài hát này (theo điệu Pơ lết) được kết một cách đẹp đẽ, du dương, với tình cảm thiết tha hướng về Bác Hồ, hướng về miền Bắc :

*Chúng ta theo hoa đỏ
Chúng ta theo Cụ Hồ
Người Tây Nguyên theo ông sao miền Bắc
Sao miền Bắc sáng trên núi Tây Nguyên.*

BẾ KIẾN QUỐC

Vương Anh

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Phạm Vương Anh. Sinh ngày 2 tháng 9 năm 1944. Quê quán : xã Quang Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

Tác phẩm đã xuất bản :

Sao chớp núi (trường ca, 1968) ; *Trăng mắc võng* (thơ, 1973) ; *Tình còn* (thơ, 1979) ; *Đến hẹn* (thơ, 1983) ; *Hoa Lipa yêu* (thơ, 1989) ; *Rượu mặn* (thơ, 1993), *Lá đắng* (thơ, 1996) ; *Một thoáng Hứa Phấn* (thơ văn, 1996) ; *Vượn Tía lạc vào cổ tích* (văn thơ thiếu nhi, 1990) ; *Đề đất để nước* (sưu tầm và biên dịch, 1975)...

Giải thưởng văn học :

Giải nhì cuộc thi thơ báo Văn nghệ, 1969 (các bài thơ : *Hoa trong Mường*, *Tình còn tình chiêng*, *Theo những dấu chân*, *Một đoạn đường ta qua*) ; Giải thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1970 (bài *Hoa trong Mường*), 1985 (tập thơ *Tình còn*) ; Giải nhì cuộc thi thơ của báo Văn nghệ, 1969 (bài thơ *Hoa trong Mường* ; *Tình còn tình chiêng*) ; Giải A cuộc thi thơ do Bộ Nội thương tổ chức, 1972 (bài thơ *Gương mặt cuộc đời*).

Buộc chỉ cổ tay

Buộc chỉ cổ tay

Cho rau sắng ngọt lời

Cho hươu, nai kiệu sừng năm thung, chín suối

Cho nếp nương nhào về lòng cối

Bởi em đã có người tình.

Khi nếp nương thơm nứt sần trắng

Nắng chuyển choáng hong khô sợi chỉ

Buộc chỉ cổ tay ai nữa ?

Khi bên nhau cuộn cuộn nhạc công

Sợi chỉ râm ran, óng ánh cầu vồng

Riêng cổ tay em tròn

Theo trăng vành vạnh...

Lời bình

Người gái vùng cao đã đính ước với một người trai (cũng có khi là đính hôn), sợi chỉ buộc tròn trên cổ tay là một lời nguyện, nhiều khi là một câu thề rất đổi thiêng liêng. Nếu người trai bội ước, lỗi thề, thì người gái cắt đứt sợi chỉ, truyền rằng số phận người trai từ đó sẽ cheo leo như sợi chỉ mỏng buộc hòn đá lớn treo lên cành cây, nó sẽ đứt, tai họa sẽ đến với cuộc đời anh. Buộc chỉ cổ tay bao giờ cũng mang ý nghĩa thiêng liêng, như lời cam kết trước thần linh. Đôi bên trai gái, ai phụ tình sẽ bị trời đất trừng phạt.

Nhưng trước hết, khi bắt đầu buộc chỉ cổ tay là bắt đầu hạnh phúc, một hạnh phúc được cõi u linh đảm bảo.

Vương Anh biết rõ điều đó. Người con gái trong bài thơ này càng biết rõ hơn. Buộc chỉ cổ tay rồi, rau sống càng ngọt giọng, hươu nai kiệu sừng, cối giã đầy gạo nếp. Rồi nắng, rồi nhạc công tung búng. Cuối cùng thì trong tình yêu sợi chỉ râm ran óng ánh cầu vồng và cổ tay cô gái trắng nõn nà cũng lộng lẫy như trắng. Một bài thơ đẹp nhắc nhở một phong tục đẹp, đầy tự hào về người tình và tự tin về lòng chung thủy.

HOÀNG CẨM

Lời tình lọ cọ*

*Lãng dăng làm chi câu hát thương
Vắt vẻo làm gì lời tình lọ cọ
"Yêu nhau hòn đá còn lửa
Theo nhau, đường dốc hoá sàn"...*

*Vịn tay lên lời tình lọ cọ
Biết má ai còn ắm hoa đào
Chia vai gánh lời tình lọ cọ
Kịu kịt mai đây ước ao...*

* Một bậc hát giao duyên trong dân ca Xường Rang của dân tộc Mường.

*Nhờ cánh cung thả lời tình lên chòm sao
Sao nhấp nháy lửa yêu, hôn, giận
Bầu trời đông câu ca vào vô tận
Vẫn ngất ngây với lọ cọ lời tình.*

*"Yêu nhau, hôn đã thử ra lửa
Theo nhau, đường dốc hoá sà..."
Ở xa nhau, nhớ nhung đơm thành nụ
Lời tình môi ai chúm chan ?*

*Khát khao nào trèo vách núi thời gian
Nếu không nợ những lời tình lọ cọ ?
Nếu không có lửa đôi tim nhau nữa
Thì ngôi trăng chải chuốt nhạt vành trời.*

*Lời tình : Trầu với cau, với
Người ơi ! Nhón lấy, bóng môi còn tìm...*

Lời bình

Bài thơ như dặt ta vào một vườn cổ tích huyền ảo với những chòm sao, vầng trăng, với những nụ hoa đào... và, đó đây vắt vẻo, lằng đằng những bài hát yêu thương. Những lứa đôi trong vườn cổ tích đó "vịn tay", "chia vai", "kịu kịt" gánh những câu hát thương, những lời tình lọ cọ và nhờ đến cả những cánh cung để "thả lời tình" lên bầu trời... Thật chỉ ở chốn bồng lai, tiên giới mới có cảnh và người như vậy ! Có lẽ cũng chỉ có ở xứ Mường mới có thứ tình yêu mãnh liệt đến mức :

*Yêu nhau, hôn đã thử ra lửa
Theo nhau, đường dốc hoá sà...*

Tình yêu của trai gái nơi đây còn nồng, còn thắm, còn cay như "trầu với cau, với", tha thiết, say đắm đến mức "bóng môi còn tìm". *Lời tình lọ cọ* là bài thơ dựa trên chất liệu một bậc hát giao duyên của người Mường xưa, kết hợp đan cài được cái mộng và cái thực. Tình yêu muôn đời nay, ở đâu, bao giờ chẳng vậy.

NGÔ VINH BÌNH

Hoa trong mường

"Bàn tay là hoa một đời"

(Lời mẹ tôi)

I

Xoè hai bàn tay

Mười ngón

Mẹ bảo :

- Ngón dài, mòn đốt giữa, bởi vít cần rượu uống

Ngón ngắn như vỏ măng mai, măng hóp dựng
nên nhà kín cột, rộng gian

Ngón trở móc mắt ông đạo, ông quan

Để ngón lùn lùn giữ cửa

Mẹ ngồi xếp bằng giữa cửa

Ngó ra đồng cái, đồng con

Nơi gần - mặt lúa xanh ai nhuộm

Nơi xa - mặt ruộng phẳng ai bày ?

Lúa nếp đồng trong chạy kín thung dài

Lúa chiêm đồng ngoài cổng nhau trèo từng thang đất⁽¹⁾

Xoè hai bàn tay

Mẹ xếp vào mỗi đốt :

- Bông cơm ở đốt ngoài

Trái lúa ở đốt trong

Hoa trong Mường

Của lòng, của chu, của bản⁽²⁾

Gọi cánh cò dọn mây dọn gió

Dặn con xuôi ngừng thở vài hơi.

II

Chân mẹ đếm bậc thang khe khẽ

Xuống sàn

(1) lúa chiêm : lúa tẻ.

(2) lòng, chu : chỉ làng nhiều nhà.

Mái gà vàng ong tác tác⁽¹⁾
 Quả trứng bạc
 Ổ trứng bạc đầu mùa
 Mẹ ra ngõ
 Ô, dâu cháu của !
 Ô, dứa cháu nòi !
 Đứa trai giật tay :
 - Bà ơi, nhiều người lắm máy
 Đứa gái lòi chéo váy :
 - Bà chạy mau, chạy mau !
 Cháu dẫn ra cầu ngõ xe, ngõ súng
 Đứa trai mách :
 - Bố dọn đường cho máy bơm lên ruộng
 Đứa gái khoe :
 - Mẹ vắc súng, vắc đạn lên đồi...

III

Cơm sớm, đàn con ăn vội
 Cơm tối, đàn con ăn nhạt, ăn khô
 Ờ ! chúng nó đã hay lo
 Bàn tay mó ra việc vãi
 Bụng biết cời điệu hay
 Mẹ chống tay vào hông
 No mắt nhận "bông cơm trái lúa"⁽²⁾
 Hoa trong vườn chàng đếm màu đỏ đỏ
 Hoa trong cửa kẻ chỉ cánh tím cánh vàng
 Cua trong vườn đâu chỉ quế thanh, quế gấu...
 Mẹ chờ con trai lại :
 - Tay mày mới sờ máy, mở tao nhìn ?
 Mẹ nhìn con gái đến :
 - Tay mày cầm súng, cầm có hay ?
 Con gái xoè hai bàn tay
 Con trai xoè hai bàn tay...

(1) vàng ong : màu lông gà vàng như sáp ong.

(2) Thành ngữ Miền.

Lời bình

Dân tộc Kinh có câu : "Người là hoa của đất" - Dân tộc Mường có câu cụ thể hơn : "Bàn tay là hoa một đời". Bài thơ của Vương Anh phát triển trên ý tứ câu nói ấy.

Điều đặc sắc của bài thơ là ở chỗ nhà thơ đã đối lập cách suy nghĩ về công dụng của bàn tay của người xưa với con người hôm nay (trong chiến đấu cũng như trong sản xuất).

Nhạc điệu và hệ thống ngôn ngữ được sử dụng trong bài đã kế thừa một cách rất tự nhiên, nhuần nhuyễn thơ ca dân gian Mường :

*Hoa trong mường chàng đếm màu đỏ đỏ
Hoa trong cửa kể chi cánh tim cánh vàng...*

BẾ KIẾN QUỐC

Cơm mường Vó, lúa mường Vang

*Con chim cánh đỏ hời !
Ơi, con chim cánh vàng
Cứ bay, cứ liệng, cứ tìm về đất ấy
Là cơm mường Vó, lúa mường Vang
Nơi ấy là kho cơm, núi của
Tiếng đồn đi rầm rầm sông cả
Tiếng đồn lại đã lở núi con
Muốn cười được em, anh khắp khởi đi tìm.*

Con suối hỡi, đâu là mừng Vó ?
Cây lúa à, đâu chốn mừng Vang ?
Hỏi con đường, con đường uốn éo
Hỏi khôn, hỏi khéo cây ngô bật cờ
Hỏi máy bơm, bơm bận lụt to
Hỏi máy kéo, máy lo bầy gổ
Hỏi máy cày, máy cày đang thờ
Hỏi "vườn cây ơn Bác" - Cây nghiêm.

Đi chín vòng mừng anh bắt được em
Lời em hát trong veo như suối
Tiếng em nói vang ngân tiếng công
- Anh ạ, chân anh vừa no chín vòng
Chừ sóng đôi ta đi vòng nữa
Đất này, anh vừa qua mừng Vó
Ruộng đó, anh vừa đến mừng Vang
Anh chớp mắt, mắt cứ ngỡ ngàng
Nhìn quanh quanh đồng mừng chóng mặt
Anh nhìn đất, đất nâu hoá mặt
Anh nhìn đường, nhựa phẳng hoá lụa tơ
Anh nhìn máy bơm, máy hoá rồng to
Anh nhìn máy kéo, máy kéo là voi núi
Anh nhìn con suối, suối hoá khăn thêu
Anh nhìn người yêu, em là bông lúa...

Anh yêu em có cơm mừng Vó
Anh yêu em có lúa mừng Vang
Chẳng đợi con chim cánh lửa cánh vàng
Chim dân đường làm chi cho mệt
Cây lúa mừng Vang bằng que dưa bắp
Hạt nếp mừng Vó nhỏ bằng "móng tay"
Đất của mừng, của yêu ta đây
Đến mùa cười, tắt đồng về chim nhé !

Ăn cơm mừng Vang cần chỉ
Xay lúa mừng Vó xàng trắng !

Mừng Vó, 1973

Lời bình

Tôi được biết bài thơ này qua giọng ngâm của nghệ sĩ Trần Thị Tuyết trên sóng Đài Tiếng nói Việt Nam, bài thơ đã để lại ấn tượng tốt trong tôi. Hồi đó, tôi chưa một lần gặp Vương Anh, nhưng tôi đã được đọc thơ anh qua chùm thơ được giải báo Văn nghệ năm 1969 và biết anh còn là một Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam khóa III - một uỷ viên, một nhà thơ còn trẻ (29 tuổi). Đối với tôi lúc đó, anh gần như là một ao ước, một thần tượng thơ. Tôi cũng còn nghe nói chùm thơ được giải trên báo Văn nghệ của anh bị ảnh hưởng thơ Tây Nguyên khá nặng - tất nhiên trong đó không có bài *Cơm mừng Vô, lúa mừng Vang*.

Riêng bài thơ này, nay đọc lại tôi vẫn thấy nó hay và đẹp cả về câu chữ lẫn tâm hồn - bởi cái chất ngợi ca trong sáng, bởi sự âm vang tiếng suối làng, bởi sự ngào ngạt hương cốm, bởi sự nồng nàn bốc cháy tình yêu đôi lứa và còn bởi cái sự khôn, sự khéo theo lối nói ví von của dân ca, tục ngữ, thành ngữ Mường.

Người Dáy có câu : "Sấm rền khắp mừng nghe, buồng đũa miếng ngon nhớ không quên". Vương Anh, người con của xứ sở "kho cốm, núi của" đã đem đến cho mọi người một món ăn đặc sản :

*Anh yêu em có cơm mừng Vô
Anh yêu em có lúa mừng Vang*

LÒ NGÂN SỪN

Tình còn tình chiêng

"Trăng đợi đẹp ngày tròn
Còn đợi tung ngày hội"

*Con trai ba bản bốn mừng
Sắp lên đường đánh giặc !...*

*Lấy chiêng đi
Ơi !*

*Con gái làng đang lau súng
Treo chiêng lên*

*Ơi !
Con gái lũng⁽¹⁾ mãi mãi dao*

(1) Lũng : nhỏ hơn làng, có nơi gọi là loong, lũng, lúng, lù...

Buộc sào cao
Treo trống vào cột giữa...
Giăng đi !...
Giăng bảy giàn chiêng, ba ở cửa
Bày đi !
Bày chín lúa chiêng, năm dẫu hồi
Ở đâu rồi -
Quả còn tua đỏ đỏ
Bỏ dẫu rồi -
Quả còn tua xanh xanh ?...
Nhuộm tua màu đi !
Hãy mang thêm đi !
Tung còn lên cho nhiều
Để giọng chiêng đan quán
Còn xanh - lựa chín đường mây cuộn
Còn đỏ - uốn mười đường lên
Tua qua như cánh én
Là quả còn bông mịn
Tua đến như chùm nơ
Là quả còn đeo vòng...
Sao ?
Con gái cười nhiều
Tay bắt còn chẳng rồi
Con trai hò lại
Đường còn xoè đuôi công...
Đánh chiêng lên đi !
Để trai làng ra chào ruộng
Tung còn lên nữa đi !
Đợi trai lững đi chào mừng...
Tua còn căng theo đường
Kéo giọng chiêng ngân
Mở đường...
Mở lối...
Trao quả còn...
Nắm tay người ở lại
Trai làng
Mang tiếng chiêng đi.

Hà Nội, 3 - 1969

Lời bình 1

Bài thơ như một tiếng gọi ngân dài, đã đọc là phải đọc liền một hơi. Ngày hội cồng chiêng vốn là ngày hội cổ truyền, nhưng ngày mai trai bản, trai mừng lên đường ra trận nên lễ hội diễn ra khác với lệ thường. Còn bao nhiêu công việc "gái làng đang lau sùng, gái lũng mài mài dao", người ở lại cũng còn bận với những việc chung. Rồi trống, chiêng và quả còn tua xanh, tua đỏ được cất giữ cẩn thận sau mùa lễ hội đã được đem ra để kỉ niệm ngày ra đi vì đất nước. Chiến trường xa lắm, chiến trường đầy gian lao. Vậy mà ngày lên đường vui như ngày hội, bản làng muốn nhắc các chàng trai "mang tiếng chiêng" trong tim, mang quê hương trong lòng. Ngày hội như lời chúc tốt lành, tiếng chiêng "dẫn đường, mở lối" cho người ra trận. Nhịp thơ hối hả, rộn rã, gần như mỗi câu thơ đều có một động từ "Lấy chiêng đi", "Treo trống lên", "Buộc sào cao", "Tung còn lên"... Ngay cả chút chia tay bịn rịn tác giả cũng khai thác triệt để các động từ để bộc lộ cảm xúc của người đi xa :

*Trao quả còn
Nắm tay người ở lại...*

Các chàng trai ra đi để giữ bản, giữ mừng, mang theo nỗi nhớ niềm thương và trong tâm hồn luôn ấm áp "tình còn tình chiêng".

NGUYỄN HOÀ

Lời bình 2

Tình còn tình chiêng hay không phải chỉ vì nó đạt được giải cao trong cuộc thi thơ của báo Văn nghệ (1969) mà cái chính là ở chỗ, 30 năm qua kể từ khi bài thơ được in ra đến nay, đọc lại vẫn không thấy cũ.

Bài thơ như một trường đoạn phim "tài liệu - nghệ thuật" miêu tả một ngày hội ở xứ Mường với rất nhiều màu sắc, âm thanh đặc sắc và độc đáo, mà cái màu sắc, cái âm thanh này chỉ có ở vùng Mường, chỉ có trong ngày hội cồng chiêng. Cũng là không khí lễ hội, nhưng ở đây có cái gì rất khác so với những lễ hội mừng xuân, đón tết. Đó là sự nô nức, khẩn trương. Mô tả cái không khí này, tác giả đã rất thành công trong việc sử dụng các mệnh lệnh thức như : "Lấy chiêng đi ! Giăng đi ! Mang thêm đi !..."

các câu vắn, gọi "Ơi !, Ở đâu rồi ?, Quả còn màu xanh ? Sao ?,..." Cái nô nức, khẩn trương trong bài thơ làm cho người đọc chợt nhớ tới câu hát :

*Cò những ngày vui sao
Cả nước lên đường
Xao xuyến bờ tre
Tùng hổi trống giục
Xôm dưới làng trên
Con trai con gái
Xôi nắm cơm đùm
Riu rít theo nhau.
Tiếng cười hăm hở
Đẩy sóng đẩy cầu.*

Đó là không khí của một thời cả nước lên đường đi đánh giặc. Và ở vùng Mường cũng vậy, ngày hội công chiêng cũng là ngày hội :

*Con trai ba bản bốn mường
Sắp lên đường đánh giặc...*

Họ ra trận mang theo cả hơi ấm của những quả còn, của tiếng công, tiếng chiêng.

NGÔ VINH BÌNH

Phạm Đình Ân

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Phạm Đình Ân. Sinh ngày 2 tháng 10 năm 1946.

Quê quán : tỉnh Nam Định.

Tác phẩm đã xuất bản :

Chim khen bé ngoan (thơ, in chung, 1977) ; *Trăng của bé* (thơ, in chung, 1977) ; *Sao hôm, sao mai* (thơ, in chung, 1985) ; *Nắng xối đỉnh đầu* (thơ, 1990) ; *Những hoàng hôn ngẫu nhiên* (thơ, 1990) ; *Tắc kè hoa* (thơ, 1996).

Trung du

Đôi này cúi lom khom

Dáng cần cù gieo hạt

Đôi kia ngồi lặng im

Chăm chỉ làm bài tập.

Ruộng năm ngoan ở giữa

Đơm đầy lúa vàng hươm

Bội thu mùa mười tấn

Nắng đôi say hương thơm.

Đường đỏ lượn vòng quanh

Lon ton con sóng đất

Chợt mất hút bên khe

Thoắt chạy về trước mặt.

Cọ diện áo xanh biếc

Ngày đêm vui múa ca

Khẽ phẩy quạt làm gió

Mát trời xanh bao la.

Lời bình

Nói đến trung du trước hết phải nói tới đôi - những quả đôi lúp xúp trở thành nét đặc trưng của trung du. Qua phép nhân hoá, những quả đôi

được miêu tả trong khổ thơ đầu không chỉ hiện lên qua hình dáng khơi gợi, tạo hình mà nó còn gắn với những sinh hoạt thường nhật của con người : dáng đôi cũng như dáng ông bà, cha mẹ trong mùa gieo trồng, đó là sự cần cù như một đức tính truyền thống cao đẹp của người lao động Việt Nam ; dáng đôi cũng trầm ngâm nghĩ ngợi hết dáng học trò chăm chỉ làm bài tập hằng ngày. Sự liên tưởng này vừa cụ thể vừa giàu sức gợi, vừa ngộ nghĩnh, vừa hợp lí trong cách khai tứ một bài thơ. Sang khổ thơ thứ 2, tác giả nói tới ruộng. Ruộng ở đây "nằm ngoan" và hữu ích, mỗi mùa bội thu là mùa rực màu vàng, mùa vui của con người, cũng là mùa vui của đất đai và thiên nhiên hoà quyện, khiến "nắng đôi say hương thơm". Nói đến trung du chỉ có đôi và ruộng thì chưa đủ. Bởi vậy, sang khổ thơ thứ 3 tác giả nói tới một điều kì thú khác, đó là những con đường màu đất đỏ - dường như lúc nào cũng tươi mới lượn quanh ôm khít những quả đồi. Đường được vạch ra từ chân đồi nên nó có dáng "lon ton con sóng đất", thoắt ẩn, thoắt hiện, phải đi vòng hồi lâu sang quả đồi này bắt chợt lại nhìn thấy đoạn đường trước đó ở chân đồi bên kia.

Bức tranh trung du đến đây dường như được hoàn thiện về bố cục (dáng đôi), đường nét (con đường), màu sắc (lúa vàng hươm) và ánh sáng (nắng)... khổ thơ cuối cùng có một sự hoà sắc thú vị :

*Cọ diện áo xanh biếc
Ngày đêm vui múa ca
Khẽ phẩy quạt làm gió
Mát trời xanh bao la.*

Hình ảnh lá cọ thật thân thiết với miền trung du Phú Thọ, Yên Bái, Tuyên Quang. Màu xanh lá cọ hoà cùng màu vàng của lúa, màu đỏ của con đường... tạo nên một chỉnh thể chặt chẽ và tươi tắn trong bảng phối màu của họa sĩ đặc tả trung du.

Với dáng vóc "lom khom", "lặng im" của đồi, với sắc "vàng hươm" của lúa và vẻ ngộ nghĩnh "lon ton" của sóng đất, pha cùng màu "xanh biếc" mà cọ diện ở đây - cùng sắc xanh của bầu trời rộng mở - trung du như tung bừng, rộn rã và khoáng đạt, có hồn hơn, khác hẳn với vẻ cằn khô úa héo mà không ít người nhầm tưởng. Chính những điều đó đã tạo nên vẻ đẹp đặc sắc của bài thơ, khiến mỗi chúng ta thêm yêu và gắn bó với trung du máu thịt.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Triều Ân

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Triều Ân. Sinh ngày 1 tháng 12 năm 1931. Quê quán : xã Hà Long, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (hiện ở xã Hồng Việt, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng).

Tác phẩm đã xuất bản :

Tung còn và suối đàn (thơ, in chung, 1963) ; *Tiếng hát rừng xa* (truyện ngắn, in chung, 1969) ; *Nắng ngàn* (thơ, 1974) ; *Bốn mùa hoa* (thơ, 1974) ; *Kín mác* (thơ, in chung, 1975) ; *Tiếng khèn A Pá* (truyện ngắn, 1980) ; *Như cánh chim trời* (truyện ngắn, 1988) ; *Chốn xa xăm* (thơ, 1990) ; *Hoa vòng* (thơ, 1994) ; *Truyện ngắn Triều Ân* (tuyển truyện ngắn, 1995)...

Giải thưởng văn học :

Giải nhì cuộc thi thơ báo Văn nghệ, 1960 - 1961 (bài thơ *Quê ta anh biết chăng*) ; Giải ba Hội văn nghệ dân gian Việt Nam (sưu tầm, biên dịch *Truyện thơ nôm Tày*, tập I).

Trái tim

Em như con lốc xoáy bay ngang
Lao vào ngực anh nóng hổi
Mang theo hương đồng gió nội
Tim anh như vó ngựa phi

Theo tiếng thở em có tiếng thì thầm :
- Tim anh sao đập lạ ?
Anh vuốt mái tóc em óng ả
Của tình yêu ban đầu.

Em biết thêm trái tim nào để so sánh đâu
Tim của con trai được yêu có thể

*Nó rạo rức gấp gáp như không kịp thở
Mà em ơi, tim sắp êm ả rồi*

*Tiếng thở của em và một nụ cười thôi
Tim sẽ êm đềm như thuyền vượt qua ghềnh thác
Thuyền tình êm trôi vào man mác
Chỉ có hai ta trên dòng nước đắm say.*

*Bao mong đợi để có một chiều nay
Em đến với anh như một cơn lốc xoáy
Áp tai nghe trái tim anh đấy
Vó ngựa xa rồi còn nhịp trái tim...*

Lời bình

Bài thơ không đề năm tháng nên không rõ "tình yêu ban đầu" ấy của một phía hay cả hai. Cô gái thì đã rõ : "Em biết thêm trái tim nào để so sánh đâu". Tình yêu của cô thật mạnh mẽ và cuồng nhiệt :

*Em như cơn lốc xoáy bay ngang
Lao vào ngực anh nồng hổi*

Còn chàng trai, tôi tin là lần đầu được yêu và anh cũng còn trẻ lắm.

Tim anh như vó ngựa phi

Cảm giác ngọt thở và rạo rức - bùng lên trong phút giây mong đợi khát khao ấy đã qua khi "cơn lốc xoáy" lao vào.

Vó ngựa xa rồi còn nhịp trái tim...

Trái tim như vó ngựa phi và trái tim êm đềm như thuyền đã "vượt qua ghềnh thác" - mâu thuẫn mà thống nhất. Và cái nhịp đập êm ả bình thường của nó mới là cái phần giữ cho trái tim mãi mãi là nó và tình yêu mãi mãi bền lâu. Ta đoán vậy, trong khi "tiếng thở" và "nụ cười" của cô gái đã làm cho họ đi xa tận bến bờ nào :

Thuyền tình êm trôi vào man mác...

Quê ta, anh biết chẳng ?*

Quê ta, anh biết chẳng ?

Một mùa trăng lại một mùa trăng
Mười lăm năm đó bao thay đổi
Đã ăn no bao mùa lúa mới
Cờ hồng hợp tác Đại - hồng - long
Cử anh chủ nhiệm xuôi Hà Nội
Đón máy cày lên với cánh đồng.

Không còn bà cụ cồng chân tay
Run rẩy theo trâu đếm bước cày
Rộn rã câu hò bên núi thẳm
Nụ cười sương giá má hây hây.

Sản xuất ba năm theo tiếng kèn
Làng có đồng hồ, có phát thanh
Có nhà gửi trẻ, nhà y xá
Biết bón nhiều phân, lúa mượt xanh.

*

* *

Hôm nay trâu sắt đi cày ruộng
Máy nổ âm vang thức núi rừng
Vừa lúc mặt trời lên lấp ló
Đầu non loé sáng chiếu tan sương.

Tiếng máy xình xình không biết mỏi
Khoẻ như sức đập tim thanh niên
Ngàn thu xoá sạch bờ ngăn cách
Chú, bác, cô, dì... là xã viên.

(*) Giải nhì cuộc thi thơ năm 1960 của Báo Văn nghệ

*Ai bảo nông dân không biết máy ?
Ai ngồi lái đó, lại mà xem !
Đường cày xuyên thẳng vắng đông sáng
Gieo hạt kịp mùa xuân nắng lên.*

*Đã thấy buổi quê ta trời rạng
Lúa xanh rờn, cây trúc chịu làm em !*

Mùa đông 1960

Lời bình

Có những bài thơ gắn liền với từng giai đoạn lịch sử của đất nước, khi hoàn cảnh thay đổi, tính thời sự và thời đại không còn hoặc thay đổi nhiều thì nó không hay như cũ nữa. Tuy thế nó vẫn có giá trị như chứng nhân lịch sử cho ta biết ngày ấy con người đã sống, làm việc, suy nghĩ và ước mơ ra sao. Nếu như không có những câu thơ của Tố Hữu : "Dân có ruộng đập diu hợp tác. Lúa mượt đồng ấm áp làng quê" thì làm sao lớp cháu con có thể hiểu không khí náo nức của những ngày đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội ? Không có *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận, làm sao ta biết được "khúc tráng ca" thừa ấy của người dân biển Hòn Gai ? Và cũng như thế *Quê ta anh biết chăng* là bức tranh hiện thực - lãng mạn về kiểu làm ăn mới trên vùng núi Cao Bằng. Không những làm ăn hợp tác *Chú, bác, cô, dì - là xã viên* mà kiểu làm ăn đó còn đem lại bao thay đổi cho vùng đất quê hương cách mạng.

*Làng có đồng hồ, có phát thanh
Có nhà gửi trẻ, nhà y xá
Biết bón nhiều phân, lúa mượt xanh.*

Thay đổi lớn nhất là "nông dân có máy làm trâu thay người".

*Không còn bà cụ cồng chân tay
Run rẩy theo trâu đếm bước cày
Rộn rã câu hò bên núi thẳm
Nụ cười sương giá má hây hây.*

Người già run rẩy, chậm chạp đi cày trong cái rét căm căm tê cóng cả chân tay với con trâu đã thay bằng máy cày và không khí rộn rã câu hò

của những con người tư duy đầy sức sống : "Nụ cười sương giá má hây hây". Tác giả đã dùng những câu thơ giàu chất tạo hình, đẹp đẽ và lãng mạn để diễn tả sự đổi thay của quê hương :

*Đường cày xuyên thẳng vắng đông sáng
Gieo hạt kịp mùa xuân nắng lên.
Đã thấy buổi quê ta trời rạng
Lúa xanh rờn, cây trúc chịu làm em !*

Cũng vào năm 1960 nhà thơ Tố Hữu viết bài thơ *Ba mươi năm đời ta có Đảng* với tứ thơ ấy và trước đó hai năm nhà thơ cũng đã viết bài *Mùa thu mới* với những câu thơ nổi tiếng :

*Yêu biết mấy những bước đi đáng đứng
Của đời ta chập chững buổi đầu tiên.*

Quê ta anh biết chăng là những bước đi chập chững trên núi rừng Việt Bắc. Nó là cái thuở ban đầu lưu luyến chẳng dễ quên !

VŨ NHỎ

Ngọc Bái

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Ngọc Bái. Sinh ngày 1 tháng 5 năm 1943. Quê quán : xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Tác phẩm đã xuất bản :

Trầm tĩnh cánh rừng (thơ, 1990) ; Thấp thoáng bóng mình (thơ, 1991) ; Thời áo lính (thơ, 1993) ; Thạch thảo miền rừng (thơ, 1994) ; Những con đường đất đã qua (thơ, 1996) ; Đá mồi côi (truyện, 1992).

Bếp lửa ven rừng

Phong phanh bếp lửa ven rừng
Thoảng mùi thơm nếp. Tự dưng nhớ nhà
Than non ngọn lửa chưa già
Mưa phùn gió bắc. Tết qua mái dẫu
Trẻ trung những mắt nhìn nhau
Rồi bời ngọn cỏ. Một màu bụi bay
Còn đang thô tháp bàn tay
Đất thay màu đất. Trời thay màu trời
Lo toan người đến với người
Nghe cây một chút lá rơi sót mùa
Rét lây sang cả màn mưa
Hạt gieo vào đất. Đất vừa chịu tang
Đạn cày lên ruộng bậc thang
Dưới xuôi bão lụt. Mùa màng ra sao
Bên trời ngọn gió hanh hao
Bên người súng nổ xối vào không gian
Cuối chiều nghĩ ngợi miên man
Tầng không xô lệch từng làn mây trôi
Đáng ra cơm chín lâu rồi
Chỉ buồn một nỗi được nỗi hồng vung
Có hôm pháo đạn tứ tung
Trập trùng đồng đội. Trập trùng núi non
Người còn ngọn cỏ hãy còn
Hãy còn bếp lửa. Lối mòn hừng lên.

1985

Lời lính

Những người lính xa nhà, ở rừng, mà lại vào mùa "mưa phùn gió bắc", chỉ vậy thôi cũng đủ nhớ nhà rồi. Nhưng đọc bài thơ của Ngọc Bái thì biết những người lính bận rộn lắm, phải đến khi bên bếp lửa ven rừng "thoảng mùi thơm nếp" mới "tự dưng nhớ nhà". Mà đã nhớ thì nhớ rất nhiều và nghĩ rất lắm :

*Lo toan người đến với người
Nghe cây một chút lá rơi sót mùa
Rét lây sang cả màn mưa
Hạt gieo vào đất. Đất vừa chịu tang
Đạn cày lên ruộng bậc thang
Dưới xuôi bão lụt. Mùa màng ra sao*

Người lính trong bài thơ thật giàu lo toan, thương cảm. Đi đánh giặc mà được chút thanh thoi là lại lo nghĩ cho mùa màng, cho quê hương, đất nước mình những ngày gian khó. Lo cho miền núi, lo cho miền xuôi và lo cho cả màn mưa cũng phải chịu lây cái rét... Người lính nhớ về tất cả, lo cho tất cả, chỉ quên mình đang phải chịu đựng hi sinh gian khổ nơi rừng cao suối sâu :

*Bên trời ngọn gió hanh hao
Bên người súng nổ xối vào không gian*

Và cái gì đã xảy ra bất thường sau tiếng "súng nổ" ? Đây là một lời tự an ủi thật dễ thương :

*Đáng ra cơm chín lâu rồi
Chỉ buồn một nỗi được nổi hồng vung*

Là nói tại nỗi hay tại vung thế thôi, chứ thực ra thì "tại" nhiều thứ thật là ghê gớm :

*Có hôm pháo đạn tứ tung
Trập trùng đồng đội. Trập trùng núi non*

Đến đây, không thấy tác giả nhắc lại "mùi thơm nếp" nữa. Những cái "tết qua mái đầu" cũng biến đi đâu mất. Những người lính hoà vào núi non trập trùng rồi. Tứ thơ tưởng ngừng ở đây. Nhưng không... cái bếp lửa vẫn còn hừng lên đâu đó bên rừng hay trong tâm tưởng của người lính :

*Người còn ngọn cỏ hãy còn
Hãy còn bếp lửa. Lối mòn hừng lên*

Sự ấm áp trở lại. Đây là sức bền, sự tồn tại vĩnh hằng của niềm tin yêu và khát vọng của con người.

Ngọc Bái với hồn thơ nhiều trắc ẩn. Sự không mạch lạc đã giúp bài thơ của anh ấp đầy tâm trạng của yêu thương.

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Kí hoạ mùa thu Hoàng Liên Sơn*

*N*gược mạn sông Hồng đỏ lựng phù sa
Dọc dải đất Hoàng Liên Sơn xa hút
Mây thiên thu trên rừng thu ngoạn mục
Nắng thu vàng trải thảm khắp cao nguyên

*C*ơn mưa hữu hình, ngọn gió vô biên
Đã hoà nhập trong màu hương hoa trái
Mây thiên thu trên rừng thu êm ái
Pơ mu xanh thăm thẳm cả núi đồi

*Đ*ất nước muôn năm dân dã con người
Trái mận trái đào chắt chiu thơm thảo
Mây thiên thu trên rừng thu kì ảo
Bờ bãi xanh trâu lác mẫm trong chiều

*T*iềm ẩn tài nguyên tầng đá phong rêu
Con sông ngọn nguồn dòng sông tiền sử
Mây thiên thu trên rừng thu bất tử
Nước trắng trời đổ thác trắng trời xa

*M*ời mọc Thác Bà, thơm thảo Sa Pa
Hồ trong mát mặt gương sương dịu mát
Mây thiên thu trên rừng thu bát ngát
Đêm Ngân Hà điện sáng giữa ngàn sao

*L*òng dịu dàng trước vờn vờn non cao
Khói bếp hoàng hôn con đường ngựa hí
Mây thiên thu trên rừng thu hùng vĩ
Hoàng Liên Sơn xanh suốt mộng mơ xanh.

Tháng 9-1988

(*) Hoàng Liên Sơn : nằm ở hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái.

Lời bình

Tôi muốn đặt lại tên cho bài thơ là "Mây thiên thu trên rừng thu", không phải chỉ vì bài thơ có 6 khổ và khổ nào cũng có câu : Mây thiên thu trên rừng thu mà chủ yếu là vì nhà thơ đã tả sắc thu qua ánh mây thiên thu ngoạn mục, êm ái, kì ảo, bát ngát, hùng vĩ... rất tinh tế qua mỗi sắc màu. Nay đây :

*Mây thiên thu trên rừng thu ngoạn mục
Nắng thu vàng trải thảm khắp cao nguyên.*

Ánh thu vàng của một ngày nắng dịu "trải thảm" khắp núi đồi - một ánh thu gợi suy tưởng.

*Mây thiên thu trên rừng thu êm ái
Pơ mu xanh thăm thẳm cả núi đồi*

Cũng là trải thảm đấy (xanh thăm thẳm) nhưng thoát cái, tấm thảm màu vàng đỏ đã biến thành màu xanh theo rặng pơ mu ngút ngàn.

*Mây thiên thu trên rừng thu kì ảo
Bãi bờ xanh trâu lặc mỗ trong chiều*

Vẫn là thảm xanh, nhưng đấy lại là màu xanh ánh lên bởi ánh mây thiên thu trên bãi cỏ xanh của một buổi chiều đã có phần nhạt đi.

Sắc thu kì ảo đến... kì ảo :

Nước trắng trời đổ thác trắng trời xa

và *Hoàng Liên Sơn xanh suốt mộng mơ xanh*

Ở đây sự lặp lại của các từ "trắng", "xanh" là một sự lặp có chủ ý, rất ăn nhập với mạch thơ, nhịp thơ. Nguyễn Bính cũng có một câu thơ lặp từ cực hay :

*Sao trời còn có bữa quên mọc
Anh chẳng đêm nào chẳng nhớ em*

Đọc kĩ cả 6 khổ thơ thì thấy chỉ một lần Ngọc Bái nói đến "thu vàng", còn lại là "thu xanh", "thu trắng". Đây không phải là một sự ngẫu nhiên mà là kết quả của sự quan sát tinh tế : cũng là màu nắng vàng của trời thu ấy nhưng cái màu vàng này đã bị màu xanh của rừng pơ mu, bãi cỏ xanh, của cao nguyên xanh... át mất, để làm nên một sắc thu riêng của một vùng rừng núi, rất khác với thu vàng của Lê-vi-tan, khác với : "Lá thu rơi xào xạc. Con nai vàng ngơ ngác"... của Lưu Trọng Lư. Trong sắc thu ấy, thi nhân một mình "ngược mạn sông Hồng đỏ lựng phù sa" đi dọc theo "dải đất Hoàng Liên Sơn xa hút" không chỉ để suy tưởng, mà chìm trong mộng mơ xanh suốt Hoàng Liên Sơn xanh.

Đây là một bức kí họa - một bức tranh vẽ thu Hoàng Liên Sơn ngút ngàn - một bức tranh rất có thần.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Cầm Biều

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Cầm Biều. Sinh ngày 5 tháng 5 năm 1920. Quê quán : xã Mường Thanh, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Mất ngày 19 tháng 4 năm 1998.

Tác phẩm đã xuất bản :

Thơ ca Hạn Khuống (thơ, 1957) ; *Cầu vào bản* (thơ song ngữ, 1982) ; *Ảnh hồng Điện Biên* (thơ song ngữ, 1984) ; *Thơ cưới xin và lên nhà mới* (sưu tầm, giới thiệu, 1992) ; *Hạn Khuống* (sưu tầm, biên dịch, in song ngữ - 1992) ; *Bản Mường nhớ ơn* (thơ song ngữ, 1994) ; *Ngọn lửa không tắt* (thơ song ngữ, 1995)...

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 1994 (tác phẩm : *Tục Xén Kề*).
Giải A của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1995 (tập thơ : *Ngọn lửa không tắt* (Peo phầy mí mọt).

Chỉ cần một loại người

Có nước có tí người
Như thế hẳn còn thiếu
Có nước mấy trăm triệu
Ngân ấy cũng chẳng thừa
VẬY bao nhiêu thì vừa
Để xoay trời đổi đất
Thiên hạ sống yên vui
Người bảo : Nếu nghề nghiệp thật tinh
Chỉ có năm người : sĩ, nông, công, thương, binh
Như thế vẫn còn nhiều
Người bảo : chỉ cần hai người
Cầm bút và cầm máy
Trí óc và chân tay

*Tôi bảo : chưa thật hay
Chỉ cần một loại người
- Có một bộ óc sáng
Và một trái tim vàng
Trong óc có gân tay
Bàn tay có nếp nhăn của não
Loại người ấy không cùng một mẫu
Là con chim không chọn chỗ đậu
Vì mọi người
Làm hết mình ở bất cứ nơi đâu.*

Trại viết Mộc Châu, 9 - 11 - 1984

Lời bình

Tôi còn nhớ, ở trại viết Mộc Châu năm 1984, nhà thơ Ngô Văn Phú đã đọc bài thơ này để minh họa cho nhận xét, đánh giá của mình về thơ ở trại viết. Khi vừa đọc xong, mọi người đã vỗ tay hoan nghênh nhiệt liệt vì cái tinh túy, trí tuệ của bài thơ, được biểu đạt theo lối tranh luận với nhau về số người, loại người cần hay không cần, cần nhiều hay cần ít, rồi đi đến khẳng định :

*Chỉ cần một loại người
Có một bộ óc sáng
Và một trái tim vàng.*

Nhưng như thế vẫn chưa đủ "độ" để làm cho người nghe thích thú - nếu như không có hai câu tiếp theo :

*Trong óc có gân tay
Bàn tay có nếp nhăn của não.*

Phải chăng ở đây, tác giả muốn nói : Sức mạnh của con người chính là ở bộ óc và đôi bàn tay, là lao động trí óc và lao động chân tay được kết hợp và phát triển một cách hài hoà, khi đã "*trí thức hoá công nông, công nông hoá trí thức*", khi con người đã phát triển đến đỉnh cao trí tuệ, khi con người đã trở thành "*Người*" nhất !

LÒ NGÂN SỪN

Tiếng lòng

(Tặng chị Eveline Dumas)

*S*o chiến tranh ác liệt
Gây số phận long đong
Cháu sinh tại Ít Ong⁽¹⁾
Lưu lạc sang bên Pháp
Lớn lên thành người đẹp
Lấy chồng người Đan Mạch
Tận đất nước xa xôi
Chồng thương vợ mỗ côi
Chờ Việt Nam giải phóng
Nhờ tấm ảnh người thân
Biết tìm về quê mẹ
Chị gặp mỗi bà ngoại
Hai bà cháu khóc hoài
Bà khóc bằng tiếng Thái
Cháu khóc tiếng Đan Mạch
Nước mắt tràn hai vai
Người cháu rể Đan Mạch
Trong lòng thấy xốn xang
Không biết làm thế nào
Quỳ xuống hôn tay bà
Xin bộ quần áo Thái
Cái quần thì mặc trái
Cái áo thì hở lưng
Ra đứng chào họ ngoại
Bà cháu bật tiếng cười
Nước mắt còn rưng rưng

*

* *

(1) Ít Ong : một xã thuộc huyện Mường La, tỉnh Sơn La, sinh quán của chị Eveline Dumas gốc Thái, lấy chồng người Đan Mạch.

*Dẫu không cùng tiếng nói
Những người cùng cảnh ngộ
Vẫn thông qua tiếng lòng
Mà gặp được ý nhau.*

Sơn La, 7 - 1983

Nha Trang, 8 - 1983

Lời bình

Một bài thơ viết về người thực, việc thực mà có sức gây xúc động mạnh về tình người, đặc biệt là tình thương yêu giữa những con người khác nhau về chủng tộc, khác nhau về xứ sở.

Cô gái Thái, trong hoàn cảnh chiến tranh, lưu lạc sang Pháp, may mắn lấy được người chồng tốt, quê ở nước Đan Mạch xa xôi. Chồng thương vợ xa quê, chờ ngày Việt Nam được giải phóng rồi đưa vợ về thăm quê.

Cô gái gặp bà ngoại. Bà và cháu cùng khóc vì cảm động "Bà khóc bằng tiếng Thái" là lẽ tất nhiên. "Cháu khóc tiếng Đan Mạch" vì đã lâu ngày cháu quên tiếng mẹ đẻ. Hai thứ ngôn ngữ tuy khác nhau, nhưng có một thứ ngôn ngữ chung là ... nước mắt : nước mắt của niềm vui tái ngộ. Đó là sự thể hiện tình cảm của bà và cháu. Còn sự thể hiện tình cảm của anh chàng rể người Đan Mạch cũng rất độc đáo. "Quý xuống hôn tay bà" theo phong tục Châu Âu là một nét rất khác lạ đối với phong tục Việt Nam. Tuy khác lạ nhưng cũng rất cảm động. Một nét cảm động nữa là chàng ta xin mặc quần áo Thái để "ra đứng chào họ ngoại". Chẳng ngờ "quần thì mặc trái, áo thì hở lưng" làm cho bà cháu nửa cười nửa khóc. Cười vì sự ngộ nghĩnh trong cách ăn mặc của chàng rể người Đan Mạch. Nhưng khóc vì thương quá, yêu quá. Không có sự gấn bó tình cảm nào được bộc lộ hết sức phong phú bằng cái cười, cái khóc chan hoà vào nhau như vậy. Đó chính là một thứ ngôn ngữ không cần lời.

Đúng như tác giả bài thơ đã đúc kết. Đó là "Tiếng lòng".

TRẦN LÊ VĂN

Thu Bồn

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Hà Đức Trọng. Sinh ngày 1 tháng 12 năm 1935. Quê quán : xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Mất năm 2003.

Tác phẩm đã xuất bản :

Bài ca chim Chơ-rao (trường ca, 1962) ; *Tre xanh* (thơ, 1969) ; *Mặt đất không quên* (thơ, 1970) ; *Quê hương mặt trời vàng* (trường ca, 1975) ; *Ba đàn khát* (trường ca, 1976) ; *Cam Pu Chia hi vọng* (trường ca, 1978). *Oran 76 ngọn* (trường ca, 1979) ; *Người vắt sữa bầu trời* (trường ca, 1985) ; *Thống điệp mùa xuân* (trường ca, 1985) ; *Một trăm bài thơ tình nhờ em đặt tên* (thơ, 1992) ; *Chóp trắng* (tiểu thuyết, 1970) ; *Những đám mây màu cánh vạc* (tiểu thuyết 2 tập, 1975) ; *Hòn đảo chân ren* (tiểu thuyết, 1972) ; *Dòng sông tuổi thơ* (tiểu thuyết, 1973) ; *Đỉnh núi* (tiểu thuyết, 1980) ; *Mất bố cầu và rừng phi tiền* (tiểu thuyết, 1986) ; *Vùng pháo sáng* (tiểu thuyết, 1986) ; *Cửa ngõ miền Tây* (tiểu thuyết, 1986) ; *Em bé vào hang cộp* (tiểu thuyết 2 tập, 1986) ; *Em bé trong rừng thốt nốt* (truyện, 1979) ; *Dưới tro* (truyện ngắn, 1986).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng văn học Nguyễn Đình Chiểu của Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, 1965 (trường ca *Bài ca chim Chơ-rao*) ; Giải thưởng thơ báo *Hà Nội mới*, 1969 (bài thơ *Gửi lòng con đến cùng cha*) ; Giải thưởng Hội nhà văn Á - Phi, 1973 (trường ca *Bài ca chim Chơ-rao*).

Bài ca chim Chơ-rao

(Trích trường ca)

I

Sao đâu biết Hùng đêm nay không ngủ
Chứng kiến mối tình trong thương đau
Nỗi tâm sự của người con nước mặn
Cũng dào lên như sóng biển dạt dào.

Hùng có mái nhà tranh nho nhỏ
Và một người yêu vô vô đợi chờ
Hàng dương quanh năm cỗi lờn ngọn gió
Mái tranh nghèo gió đánh xúc xơ.

Cô gái biển vốn nghề chài lưới
Trên bàn tay có nắng mặt trời
Cô gái có tâm hồn sóng biển
Hứa yêu anh, yêu mãi trọn đời.

Những gánh cá ngồi ánh bạc
Bàn chân thoăn thoắt chạy đi nhanh
Bờ biển lặng em cao tiếng hát
Nước thủy triều lên dào dạt ghe mành.

Ngày ra đi anh hẹn em trở lại
Muối biển trọn đời vẫn mặn anh ơi !
Hãy nhớ em nhớ con thuyền gọi sóng
Một cánh buồm con mỏng mảnh giữa chân trời.

Anh nhớ nhé xóm nghèo chài lưới
Con cá tươi nấu trả canh bầu
Đất quê ta quân thù còn chiếm
Bưng bát cơm và có biết ngon đâu.

Quê hương ơi ! Những chiều biển lặng
Con cá chuồn lao phóng như tên
Ánh đèn xanh đêm hè soi mực
Con sứa rập rình chờ nước biển lên.

Nắng vẫn chói trời quê hương cũ
Con cá ngừ xanh biếc làn da
Bữa ăn sum vầy bên bếp lửa,
Mẹ so dưa thừa lại nhắc tên ta.

Anh bỗng nhớ tiếng ru hời bài hát cũ
"Cái con chim xanh ăn trái xoài xanh"...
Mẹ đã ru những trưa nông anh ngủ
"Con chim xanh ăn trái xoài xanh".

Bài hát cũ bây giờ ai hát nữa
Con chim xanh ăn trái xoài vàng
Nhớ da diết vị mùi chua ngọt
Ta là con chim xanh luyến trái xoài vàng.

II

Quê hương ơi ! Ta chào quê hương nhé
Hồi nào tuổi trẻ ra đi
Rừng chiến khu vang âm tiếng súng
Nhớ hàng sáu đông vắng tiếng cu gù.
Đây chiếc xe chở ta vào cõi chết
Nhưng quê hương ta đã đứng lên rồi
Người thân yêu ơi ! Ta nhớ sao cho hết
Những cánh tay giơ cao giằng lại cuộc đời.
Ta là con chim ngậm vành kết cỏ
Quê hương nuôi ta lớn nên người
Đã thấy rồi con đường chính nghĩa
Mạnh bước đi, chết vẫn tươi cười.
Ôi ! Đôi mắt sáng ngời, sâu thăm
Anh nhìn gì về phía biển xanh
Nơi ấy có chân trời sóng vỗ
Chiếc thuyền con ghé lại trước nhà anh.
Ngôi tháp Chàm rêu phong cổ kính
Bầy dơi nghe động bay vù
Con sư tử đá nằm lim dim ngủ
Rừng dừa xa tháp thoáng sương mù.
Mẹ thường khen hàm răng con đẹp
Hé môi cười ánh sáng cười theo
Con đã cà rồi hàm răng ngà ngọc
Khố trần một chiếc bương dèo.
Tóc búi tai căng tay vòng lấp lánh
Con đi theo hướng mặt trời
Mỗi buổi sáng chim rừng ca hát
Con nhớ chừng thuyền mẹ lướt ra khơi.

Ăn trái gấm nhớ trái dừa tha thiết
Tắm vũng suối trong nhớ biển biếc bao la
Những đêm mưa rừng sấm động
Nhớ làm sao tiếng sóng vỗ quanh nhà.

Mẹ vẫn chờ anh ngày trở lại
Ôi ! Người mẹ trọn đời kim chỉ vá may
Vá tấm áo như vá đời mẹ khổ
Từ buổi con đi bầm dốt từng ngày.

May tấm áo chờ anh về mặc
Áp ủ ngày đêm mảnh áo quê nhà
Đem cả nhớ thương tấm lòng mẹ dệt
Gởi đứa con yêu phía trời xa.

Tấm áo mẹ, con không bao giờ mặc nữa
Để dành cho em con mặc buổi ra khơi
Tấm áo qua ngày che bao nắng gió
Vững mái chèo bão táp chớ buông rơi.

Nhớ lắm thương nhiều, anh làm cách mạng
Em của anh ơi ! Đừng nản tấm lòng
Hãy vui vẻ như con chim én
Lượn giữa mây hồng nắng đẹp trời trong
Và cô gái biển đẹp xinh, người vợ trẻ
Ngày chiến thắng về không có bóng anh
Em hãy nhìn lên sắc cờ kiêu hãnh
Có anh về ôm ấp rạng dừa xanh...

Lời bình

Tôi được học *Bài ca chim Chơ-rao* của Thu Bồn khi còn là một cậu học sinh. Cũng không nhớ là năm lớp 8, lớp 9 hay lớp 10 nữa. Chỉ biết là sau một vài năm ra đời, *Bài ca chim Chơ-rao* đã được đưa vào sách giáo khoa phổ thông.

Bây giờ hầu như tôi không nhớ trọn vẹn một đoạn thơ nào của bản trường ca đó. Nhưng rất nhớ Hùng, Rin và một không khí rất Tây Nguyên,

rất sử thi và bi tráng. Những câu thơ thuở nào đã nhạt nhoà lại bùng lên sau hơn ba chục năm trời :

*Ôi ! Đôi mắt sáng ngời, sâu thẳm
Anh nhìn gì về phía biển xanh
Nơi ấy có chân trời sóng vỗ
Chiếc thuyền con ghé lại trước nhà anh*

Hiện lên trong tâm trí của Hùng - cũng là trong sự hiểu biết của chúng ta - một vùng quê miền biển với "hàng dương quanh năm cài lời ngọn gió", với "những gánh cá ngời ánh bạc", với bữa ăn xóm nghèo chài lưới "Con cá tươi nấu trả canh bầu", với câu ca mẹ ru "Con chim xanh ăn trái xoài xanh". Và đậm nét hơn hết là hình ảnh người con trai, con gái của miền quê ấy :

*- Cô gái biển vốn nghề chài lưới
Trên bàn tay có nắng mặt trời*

*- Mẹ thường khen hàm răng con đẹp
Hé môi cười ánh sáng cười theo*

Đoạn trích đã làm ngời lên một vùng quê hương, ngời lên tình cảm quê hương vô cùng da diết.

Lời dặn dò trước khi đi vào cõi chết của người chiến sĩ thật giản dị, tự nhiên, mộc mạc :

*- Nhờ lắm thương nhiều, anh làm cách mạng
Em của anh ơi ! Đừng nản tấm lòng*

*- Em hãy nhìn lên sắc cờ kiêu hãnh
Có anh về ôm ấp nặng đũa xanh*

Đó cũng là điều ước, lời dặn của bao nhiêu người đã ngã xuống cho sự nghiệp thiêng liêng mà chưa kịp nói một lời trăng trối.

Bài ca chim Chơ-rao là bản trường ca về tình yêu - tình yêu gái trai đắm thắm trong tình yêu quê hương, tình miền xuôi, miền ngược, tình yêu nước và niềm tin chiến thắng. Bài ca bồi đắp tình yêu và thấp sáng niềm tin.

Phạm Quốc Ca

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Phạm Đình Ca. Sinh ngày 5 tháng 3 năm 1952. Quê quán : xã Diêm Kỉ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tiếng trầm (thơ, 1987) ; *Chân trời mở* (thơ, 1994) ; *Làng trong nỗi nhớ* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1995 (tập thơ *Chân trời mở*).

Ba cây thông

Cạnh nhà tôi có ba cây thông
Ba thiếu nữ tóc xanh
Bí ẩn chơi ba cây đàn gió
Những trưa nắng tôi ngồi bên cửa sổ
Du dương điệu nhạc của trời.
Mỗi buổi đi về
Thông đón chào tôi
Óng ánh ngàn tia lá nắng,
Nhớ thương ai
Tôi làm thơ vào những đêm thanh vắng
Lá thông rơi xuống mái nhà nghe như tiếng mưa.
Ngày đi xa
Tôi nhớ chốn đợi chờ
Mái tóc người yêu đổ vào ngực tôi rượi mát
Choàng vai nhau lắng nghe thông hát
Êm dưới chỗ ngồi thăm lá kim vàng trơ...
Tôi trở về
Một khoảng trống cô đơn
Người ta đồn thông rồi
Ba gốc cây nhựa ứa !
Một quán nhậu sẽ mọc lên ở đó.

Đà Lạt, 1994

Lời bình

Thoảng đọc, tin ngay đây là một bài thơ viết về đề tài "môi trường". Và nếu dự thi thơ viết về "môi trường" chắc là được giải. Nhưng đọc kĩ thì thấy Phạm Quốc Ca trầm ẩn một ý tưởng sâu xa hơn nhiều, đấy là kí ức hay quá khứ. Thì ra, trong cuộc đời này vẫn có những người có thể đón ngả cả quá khứ tốt đẹp để đổi lấy một tương lai tầm thường.

Hình tượng ba cây thông được tác giả tả rất kĩ, tất nhiên là tả cái phần hồn sống động của nó :

*Ba thiếu nữ tóc xanh
Bí ẩn chơi ba cây đàn gió*

Ba cây thông như ba con người thân cận hằng ngày : "Mỗi buổi đi về - Thông đón chào tôi - Óng ánh ngàn tia lá nắng". Ba "con người" ấy không chỉ biết đàn, biết chào, mà còn biết chia sẻ với tác giả những nhớ thương nào xa lắm :

*Nhớ thương ai
Tôi làm thơ vào những đêm thanh vắng
Lá thông rơi xuống mái nhà nghe như tiếng mưa*

Ba cây thông ấy cũng biết "yêu người ta yêu nhau" (Việt Phương) nữa. Nó biến nó thành chỗ hẹn hò của lứa đôi, để che chở, để hát và còn biết hoá thân làm thảm êm cho đôi lứa đến ngồi. Ba cây thông biết hiến dâng cho hạnh phúc con người, làm sao có thể quên nó được. Phạm Quốc Ca đã dành những tình cảm đẹp đẽ nhất cho thông :

*Ngày đi xa
Tôi nhớ chốn đợi chờ
Mái tóc người yêu đổ vào ngực tôi rượi mát
Choàng vai nhau lặng nghe thông hát
Êm dưới chỗ ngồi thảm lá kim vàng trơ...*

Vậy mà khi trở về, ba cây thông đã bị đốn, chỉ còn lại "một khoảng trống cô đơn" và "ba gốc cây nhựa ứa". Nhựa thông hay là nước mắt, là máu của quá khứ kêu đòi tồn tại, khi biết rằng "Một quán nhậu sẽ mọc lên ở đó" ?

Bài thơ kết cấu theo trục thời gian tuần tự, nhưng thời gian nghệ thuật được đẩy dần lên tới đỉnh điểm qua từng nấc thang rất chắc chắn và sắc bén, gây bất ngờ cho người đọc. Lối kết cấu không mới, nhưng tình thật, ngôn ngữ hình ảnh đẹp, giản dị đã làm xúc động lòng người.

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Huy Cận

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Cù Huy Cận. Sinh ngày 31 tháng 5 năm 1919. Quê quán : xã Ân Phú, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh. Mất năm 2005.

Tác phẩm đã xuất bản :

Lửa thiêng (thơ, 1940) ; *Vũ trụ ca* (thơ, 1942) ; *Trời mỗi ngày lại sáng* (thơ, 1958) ; *Đất nở hoa* (thơ, 1960) ; *Bài thơ cuộc đời* (thơ, 1963) ; *Hai bàn tay em* (thơ, 1967) ; *Phù Đổng Thiên Vương* (thơ, 1968) ; *Những năm sáu mươi* (thơ, 1968) ; *Cô gái Mèo* (thơ, 1972) ; *Thiếu niên anh hùng hợp mặt* (thơ, 1973) ; *Những người mẹ, những người vợ* (thơ, 1974) ; *Ngày hằng sống, ngày hằng thơ* (thơ, 1975) ; *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (thơ, 1976) ; *Ngôi nhà giữa nắng* (thơ, 1978) ; *Hạt lại gieo* (thơ, 1984) ; *Tuyển tập* (thơ, 1986) ; *Nước thủy triều Đông* (thơ, song ngữ, xuất bản tại Pari, 1994) ; *Kính cầu tự* (văn xuôi, 1942) ; *Tính chất dân tộc trong văn nghệ* (nghiên cứu, 1958) ; *Văn hoá và chính sách văn hoá ở CHXHCN Việt Nam* (viết bằng tiếng Pháp, xuất bản ở Pari, 1985) ; *Hồi kí song đôi* (văn xuôi, 1997).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1 - 1996).

Người Mèo ta

(Trích tráng ca)

(Đoạn tráng ca này viết năm 1965 và in ở cuối tập
Cô gái Mèo xuất bản năm 1972)

Ta, người Mèo nghìn năm đỉnh núi
Cao ngang mây bay, cao bằng sấm dội
Nghìn mùa đông độ rét với trời
Rét lạnh lưng non, không lạnh được máu người.

Trái tim người Mèo nghìn năm máu nóng
Như ngọn lửa đầu non gió lộng
Lửa chúng ta không tắt được bao giờ
Lửa cha ông nhen nhúm tự ngày xưa.

Núi đá cheo leo ngựa trèo ngựa trượt
Chân người Mèo ta thoi vút trăm tầng
Đá xương cốt của núi nghìn thuở trước
Đá luyện thân ta khí chất hào hùng.

Lò chóp núi lửa rực hồng đêm lạnh
Ta rèn lưỡi rìu chém ngã cây rừng
Rèn thanh kiếm bén ngời như sét đánh
Rèn lưỡi cày ôm chặt sườn nương.

Đêm tình tự gương trăng treo trước núi
Nhịp đàn môi thủ thi lita đôi
Tình sâu thắm như nước ngầm rễ cội
Như núi non xúm xít dưới trăng ngời.

Ôi quê hương khổ đau những thuở
Lũ chúa rừng như con beo, con hổ
Cấu xé dân ta, hút tuỷ hút xương,
Cuộc sống xói mòn theo rẫy theo nương.

Đã đứng dậy những Sùng-Mí-Chảng
Những Giàng-Tạ-Chay sừng sững non cao
Chí thù giặc rắn hơn hòn đá tảng
Tây men lên như sỏi vụn lẫn nhào.

Bao năm tháng cây rừng đứng thẳng...

Hà Giang, 1 - 1965

Lời bình

Những năm 60 của thế kỷ XX, nhà thơ Huy Cận đi đến nhiều cơ sở để tìm hiểu cuộc sống thực tế. Sau đợt đi dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh, cùng lao động, cùng ăn, cùng ở với công nhân mỏ, Huy Cận đã sáng tác một loạt tác phẩm về người thợ mỏ. Ông không dừng lại ở những cảm xúc và hiểu biết về đời sống của giai cấp công nhân. Ông đến nhiều hợp tác xã nông nghiệp vùng châu thổ sông Hồng. Ông đi vào miền Trung và Vĩnh Linh - giới tuyến quân sự tạm thời. Ông lên Việt Bắc, Tây Bắc để tìm hiểu cuộc sống và con người các dân tộc từ vùng thấp đến vùng cao.

Truyện thơ *Cổ gái Mèo* và tráng ca *Người Mèo ta*⁽¹⁾ của Huy Cận viết năm 1965 và in năm 1972, là hai tác phẩm xuất sắc. Những hiểu biết của tác giả về lịch sử, về văn hoá và tính cách người Mèo đã được thể hiện trong truyện thơ và tráng ca. Đọc những chương, những đoạn thơ của Huy Cận, ta thấy nổi lên phong cách ngôn từ tinh tế, nhịp điệu hài hoà, hình tượng cụ thể rút ra từ cuộc sống.

Người Mèo bao nhiêu năm sống trên đỉnh núi cao, "độ rét với trời" mà "không lạnh được máu tươi".

Bởi : "Trái tim người Mèo nghìn năm máu nóng".

Chữ "lửa" được tác giả dùng nhiều lần để nhấn mạnh tính cách anh hùng của người Mèo :

*Trái tim người Mèo nghìn năm máu nóng
Như ngọn lửa đầu non gió lộng
Lửa chúng ta không tắt được bao giờ
Lửa cha ông nhen nhúm tự ngày xưa.*

Có "lửa" trong ý chí, cũng có "lửa" trong tình yêu :

*Đêm tình tự gương trăng treo trước núi
Nhịp đàn môi thổi thổi lửa đôi
Tình sâu thắm như nước ngầm rễ cội
Như núi non xúm xít dưới trăng ngồi.*

Huy Cận, một nhà thơ bậc thầy về cách dùng chữ, đặt câu. Ông không coi việc *nhại tiếng* của quần chúng là cách thể hiện bản sắc dân tộc. Ông không hề xưng *tao*, gọi *mày*, hoặc gọi *cái Đảng*, *cái Chính phủ* như một số cây bút hiểu nhầm là bản sắc dân tộc.

Huy Cận cũng không khai thác cảnh sống quá cùng cực của người Mèo mà chỉ nêu có mức độ để người đọc hiểu đồng bào Mèo tuy khổ cực về vật chất mà vẫn tự tin, tự trọng, tự hào về "cái lí người Mèo ta" : "Bao năm tháng cây rừng đứng thẳng..."

NÔNG QUỐC CHẤN

(1) Hiện nay, tên dân tộc Mèo được gọi là dân tộc Mông.

Lò Văn Cây

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Lò Văn Cây. Sinh ngày 25 tháng 4 năm 1928. Quê quán : xã Sốp Cộp, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Mất năm 1995.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hạt muối, hạt tình (thơ, 1986).

Hạt tình

(Gửi tặng bà con, anh chị em
đồng muối Bằng La, Đồ Sơn)

Hôm nay kể chuyện muối
Để bác trai, bác gái nghe cùng
Trước kia ở Tây Bắc
Có chuyện như thế này :

Chuyện mẹ đi xin muối

Một hôm người mẹ ấy
Đeo lếp lên nhà trên xin vài hạt muối
Xuống nhà dưới xin vài hạt cơm
Nhưng, lên nhà trên không nửa hạt muối
Xuống nhà dưới cũng không nửa hạt cơm
Đói cơm đói muối, trời ơi !
Đói cơm còn vào rừng kiếm củ
Tạm thay bữa qua đi
Đói muối thì chỉ phù
Không có gì thay được
Ôi ! Con phù, rồi mẹ phù !
Cả bản như ong đốt
Da như nhuộm thuốc vàng
"Con ! Con ! Con chết vì đói muối, con ơi !"

Người mẹ khóc giữa sàn, kêu đất
Khóc giữa cửa, kêu trời
Hỡi trời ơi ! Hỡi đất !
Muối nhà quan hàng đóng
Muối nhà phìa dây kho
Nhưng, lên nhà phìa, phìa bảo :
Một bát muối, đổi một đứa con
Mang con đến mới được
Nếu không, xin cả năm, xin hoài.
Lên nhà quan, quan gắt :
Muối quan không đổi gì
Vàng bạc quan đã có
Cũng không đổi con như phìa
Đổi về chỉ tốn cơm
Vì nhà quan lắm chó
Còn được nhờ đi săn
Còn mày, đến xin muối
Muối nhà quan không nhiều
Mới chỉ đầy một gian
Dành ướp gan "cán bộ"
Đổi lấy đầu Việt Minh
Mỗi đầu là một tạ
Về nhà bảo chồng mày đi kiếm
Lấy một đầu cho quan
Hoặc đi rình thấy họ
Rồi dẫn lính quan đi
Về nhà sẽ được thưởng
Một tạ ngay tức khắc
Nếu có nhận lời quan
Lấy mười cân ăn trước.
Người mẹ quay phắt lưng
Đến cầu thang nhỏ bọ
Tốc cả vấy lên hông.
Xuống bậc thang thứ nhất
- Ướp gan mày thì có !

*Xuống bậc thang thứ hai
- Đổi đầu mày thì có !*

...

*Mười lăm năm giải phóng
Điện Biên Phủ lấp lừng
Mỗi cảnh vật Tây Bắc
Đã bao ngàn đổi thay
Gà sống đã sống lại gáy giòn báo đêm
Đống muối của nhà quan
Đống muối của nhà phìa
Ống tre bầu năm nọ
Đã trở lại với những người mẹ, người con
Tha hồ con nướng cá
Bố đi săn bắn được
Mẹ mổ cả đùi nai
Làm thịt chua ướp muối
Nếu vô tình muối rơi
Qua kẽ tay một hạt
Mẹ sức nhớ năm xưa
Vội nhặt ngay bỏ ống...*

Tháng 9-1966

Lời bình

Nhược điểm chung của một số bài thơ viết về quá khứ thời đế quốc, phong kiến là lối kết cấu mà sinh thời Xuân Quỳnh gọi là thứ thơ "hai giai đoạn" ; đoạn đầu khổ đau, đoạn sau là vùng dậy và sung sướng. Theo tôi, ngay cả bài thơ xuất sắc kì lạ của Hoàng Cầm là bài *Bên kia sông Đuống* cũng mắc vào kết cấu này. Bài *Hạt tình* của Lò Văn Cậy cũng vậy. Tuy nhiên, sự tài hoa và chân thành của tác giả làm bài thơ này dù đọc chỉ một lần cũng không quên được.

Bài thơ hay nhất ở hai đoạn hô ứng giàu chất tự sự cổ điển của các truyện dân gian.

*Muối nhà quan hàng đống
Muối nhà phìa đầy kho
Nhưng lên nhà phìa, phìa bảo
Một bát muối là một đứa con...*

... Lên nhà quan quan gắt :
... Muối nhà quan không nhiều
Mới chỉ đầy một gian
Dành ướp gan "cán bộ"
Đổi lấy đầu Việt Minh...

Chỉ qua mấy hạt muối thôi mà Lò Văn Cây đã dựng lại cả một thời rên xiết thuở trước. Câu chuyện về muối ngõ giản dị mà thật là cô đọng đến từng chi tiết. Câu thơ ngõ như câu kể mà người đọc luôn phải dừng lại ngẫm nghĩ. Phẩm chất của muối là mặn và thấm. Phẩm chất của bài thơ này cũng vậy.

PHẠM TIẾT DUẬT

Lời mẹ

*Yêu nhau bằng lời nói
Mẹ bảo chưa đủ
Bằng mâm khiêng cỗ nặng
Mẹ bảo cũng chưa no
Vội đón sau đón trước
Càng vương sợi tơ lòng
Mẹ bảo :
Hãy lấy ngày làm gang để đếm
Lấy tháng làm sải để đo tactic lòng
Mưa to có cùng nhau hứng ?
Mặt trời làm tấm gương soi
Soi vào khuôn mặt
Soi vào lòng dạ gan tim
Ốm đau, ai tránh khỏi đôi lần
Giàu nghèo có lúc cánh cửa kẹt ngón tay
Đắng, ngọt, chua, cay, nhạt...
Đầu lười nếm cho lành
Tự đáy lòng mình "cân đong"
Xử sự công bằng.*

1983

Lời bình

Lời bài thơ như những câu tục ngữ, thành ngữ trong dân gian dân tộc, với cách nói, lối nói ví von, so sánh, giàu hình ảnh... để lột tả nỗi niềm :

*Yêu nhau bằng lời nói
Mẹ bảo chưa đủ
Bằng mâm khiêng cỗ nặng
Mẹ bảo cũng chưa no.*

Đó là tấm lòng của người mẹ, tấm lòng của người dân tộc thiểu số : lấy lòng yêu thương nhau làm gốc, lấy thời gian làm gang, làm sải để đo lòng chung thủy, lấy sự giúp đỡ, đùm bọc nhau để đo đếm tấc lòng, để soi vào lòng dạ gan tim, bởi ở đời đã mấy ai tránh được cái sự đắng - ngọt, chua - cay, mặn - nhạt... Cho nên, mỗi người :

Đầu lưỡi nếm cho rành

Và : Tự đáy lòng mình "cân đong"

Để : Xử sự công bằng.

Đó là lời mẹ, là sự mong muốn, ước mơ của mẹ. Mong sao cái sự mong, sự ước đó của mẹ luôn là hiện thực sinh động, xanh tươi của đời người.

LÒ NGÂN SỪN

Người mẹ

*M*ẹ dịu con bên lưng
Bóng mẹ trùm thay ô
Đi trên những chặng đường
Nắng soi
Mưa lũ
Chông gai
Dốc đứng
Bãi lầy
Đói suốt đêm

Rét suốt mùa
 Áo quần rách tươm xin từng mảnh vá
 Con vẫn trên lưng, rày quấy mẹ
 Nghe con khóc
 Con có biết mẹ cũng khóc trong lòng
 Mẹ giấu nước mắt không cho con thấy
 Để con yên lòng sưởi hơi ấm lưng mẹ
 Cho con đỡ rét, đỡ đói
 Mẹ yên tâm đi tìm lấy cái no, cái ấm
 Mẹ giữ từng con muỗi, lo nó cắn tai con
 Đêm con ngủ, mẹ giữ từng con chuột,
 lo nó cắn móng tay con
 Tiếng hãi hùng con thủ thủ kêu đêm
 Mẹ đuổi nó đi xa, lo con sợ không ngủ
 Mẹ xem từng kẽ chiếu sợ rệp dấy thân
 Canh rau, mẹ xem lá, xem ngọn - lo con bị độc
 Mẹ ngắm con những hình những nét
 Để ghi thay tiếng, thay lời
 Lâu ngày, lâu tháng cũng không quên
 Không quên đêm, ngày, sáng, tối
 Không quên những chặng đường mẹ đi trên lưng
 ...
 Đến hôm nay
 Người Mẹ là ánh đuốc rực sáng cả bầu trời
 Đuổi phá đêm đen !

3-2-1963

Lời bình

Trên đời này có lẽ không có tình thương nào sâu nặng bằng tình mẹ thương con, không có sự chăm lo nào tỉ mỉ và cẩn trọng bằng sự chăm lo của mẹ dành cho con.

Bài thơ này xây dựng hình tượng "Người mẹ" với dụng ý tốt đẹp đó của tác giả. Như được ngắm một bức tranh hoạt hoạ, chúng ta thấy

người "mẹ địu con bên lưng". "Bóng mẹ trùm thay ô". Sự chở che bình dị mà lớn lao : cái lưng thì *chở*, cái bóng thì *che* trên những chặng đường gian khổ.

Những câu thơ ngắn tả *nắng*, tả *mưa*, tả *chông gai*, *dốc đứng*, *bãi sây*... nhịp điệu gập ghềnh nói lên nỗi vất vả mà mẹ phải vượt vì con. Thật cảm động khi "nghe con khóc", mẹ *cũng khóc thầm* nhưng "giấu nước mắt" :

Để con yên lòng sưởi hơi ấm lưng mẹ.

Thế là cái yên ấm mẹ nhường cho con, còn bản thân mẹ thì chịu đựng cái phần cay đắng. Những câu thơ tiếp theo mở rộng ý tứ đó một cách chi tiết hơn, tha thiết hơn.

Niềm an ủi duy nhất của mẹ là được ngắm những hình nét đẹp của con do chính mẹ sản sinh ra, sáng tạo nên.

Kết thúc bài thơ, tác giả đặt hình tượng người mẹ trong một luồng ánh sáng phi thường như ánh hào quang.

Đây là một bài thơ hay trong văn học Việt Nam ngợi ca "Người Mẹ".

TRẦN LÊ VĂN

Sân Cháng

(Dân tộc Dáy)

Tên khai sinh : Sân Cháng. Sinh năm 1943. Quê quán : xã Tả Văn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ đăng trên báo Trung ương và địa phương.

Những người bạn của tôi

Mỗi một con người
Nên để ở bốn góc trời bốn gói cơm
Đừng để ở bốn góc trời bốn con dao nhọn...

Những người bạn của tôi
Là người Kinh ở phố, ở xuôi
Là người Dáy, người Tày ven suối
Là người Mông người Dao trên đồi
Mỗi người có một nghề để sống
Người trên núi cuốc nương
Người đồng bằng, ven suối cày ruộng
Có người bươn chải trên đường để kiếm ăn
Người viết văn, làm báo...
Người nào cũng tay làm chân chạy

Những người bạn của tôi
Mỗi người một tính một nết
Người to mồm nói chuyện tình ái
Có người ngẩn ngại khi nói về riêng tư
Có người suy tư trước biến động cuộc đời

*Có người phớt hết, trước mọi rắc rối của nhân gian
Suốt ngày cười nói oang oang và triết lí*

Những người bạn của tôi

Mỗi người một nơi

Mỗi người một nét

Mỗi người một việc làm

Mỗi người một cách sống

*Không sợi dây nào trói nổi nghề nghiệp tính nết đó
làm một*

*Không một chất nào hoà tan nổi nghề nghiệp,
tính nết đó vào nhau*

Khi đất nước có nỗi đau

Khi mỗi người có cảnh sầu

Là sợi dây bền buộc họ lại làm một

Nỗi vui của dân tộc

Của mỗi người

Hoà tan họ vào nhau.

Tháng 3 - 1979

Lời bình

Bài thơ nói về những người bạn, mỗi người mỗi tính, mỗi nét, mỗi việc, mỗi nghề, mỗi quê, mỗi dân tộc... ai cũng "tay làm chân chạy". Khi có "nỗi đau", "cảnh sầu" thì đó là "sợi dây bền buộc họ lại làm một". Khi có "nỗi vui" thì đó là cái chất "hoà tan họ vào nhau".

Bài thơ mở ra bằng hai câu nói của người dân tộc và khép lại bằng sự thăng hoa của tình đoàn kết, thương nhau của những người bạn, của những con người với nhau.

LÒ NGÂN SỪN

Nông Quốc Chấn

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Nông Văn Quỳnh. Sinh ngày 18 tháng 11 năm 1923. Quê quán : xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Cạn. Mất năm 2002.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tiếng ca người Việt Bắc (thơ tiếng Tày, tiếng Việt, 1959) ; *Người núi Hoa - Cẩn phja Bjoóc* (truyện thơ tiếng Tày, tiếng Việt, 1961) ; *Đèo gió* (thơ, 1968) ; *Bước chân Pác Bó* (thơ, 1971) ; *Dòng thác* (thơ, 1977) ; *Suối và biển* (thơ, 1984) ; *Đường ta đi* (tiểu luận, 1970) ; *Một vườn hoa nhiều hương sắc* (tiểu luận, 1977) ; *Chặng đường mới* (tiểu luận, 1985) ; *Cách mạng - kháng chiến và thi ca* (hồi kí, 1986) ; *Dân tộc và Văn hoá* (1993).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng tại Đại hội thanh niên, sinh viên thế giới họp tại Beclin 1951 (bài thơ *Dọn về làng*) ; Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 ; Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 1958 (một số bài thơ cách mạng và kháng chiến) ; Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 2 - 2000).

Bộ đội Ông Cụ

Đồ ăn sấm đủ rồi
Măng vầu, phjắc pàn⁽¹⁾, nồn chuối
Lợn, bò, gạo nếp, gạo nương...
Các bản người người đưa tới
Làng như sắp đám cưới
Lần này nhộn nhịp hơn mọi khi
Ai cũng mong để được xem bộ đội
Cơm trưa xong, nắng lui về ngọn núi
Anh giao thông đến đưa gói thư
Tin bay đi bản trên xóm dưới

(1) *Phjắc pàn* : một loại rau rừng, thường ăn độn với nồn chuối.

Già già, trẻ trẻ đội hoan hô
Lớp học tan, tiếng riu rít của học trò
Tiếng của đồng bào gọi nhau tập hợp.

Bộ đội đã đến kia !
A lúi⁽¹⁾ ! Những người là người !
Đeo súng ngắn, súng dài, súng dóp...
Hoan hô ! Hoan hô !
Nhìn không chớp mắt
Có cả người mũi lõ tóc quăn
Hai con mắt màu gio như lính Pháp⁽²⁾
Lại có cụ già chân đi đất
Mặc bộ quần áo Nùng
Tay cầm cái gậy mây rừng
Miệng ngâm một điệu ca không khói
Bộ râu dài vừa trắng vừa đen
Chân tay nhanh nhẹn như thanh niên...
Cụ già cười, vẫy chào người đứng đón
Dân chúng rỉ tai nhau :
"Bộ đội gì toàn những người lạ lạ ?"
Có lẽ đây là người gốc trố⁽³⁾

Khi ăn cơm chiều
Đốt đuốc đến xem quân Ông Cụ
Người già đến, Cụ mời niêm nở
Trẻ con lại, Cụ bế ! Xoa đầu
Cụ nói, dân nghe rõ từng câu :
- "Muốn cách mệnh thành công mau
Ta phải kết đoàn như bó đũa... !"
Gà đã gáy lượt đầu
Nhưng tiếng vỗ tay còn như nửa nổ
Còn vang vang tiếng hát của thiếu nhi.

(1) A lúi : Tiếng trầm trở khi ngạc nhiên.

(2) Người Mĩ (danh nghĩa đồng minh) cùng ở trong Giải phóng quân đánh Nhật.

(3) Gốc trố : Ông tổ.

Hôm sau, Cự rời bàn lên đường
Cho bội đội xếp hàng
Đứng trước sân hát chào dân chúng
Cự cảm ơn, Cự trả tiền dù chủ nhà không nhận
Cự bắt tay từng người
Cự đi khỏi rồi
Ai cũng thương cũng nhớ
Người hỏi người không ai biết rõ
Tên cụ già là chi
Tóc bạc vẫn còn di
Nhất định đây là Pô Cốc⁽¹⁾
Dân ta sắp tới ngày độc lập.

Bước sang rằm tháng bảy
Nhận được một tin mừng :
"Giải phóng quân đã vào Hà Nội
Khắp nơi mở hội tưng bừng... !"
Có nhiều ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh
Nhìn đôi mắt, bộ râu ta nhớ nhớ
Giống cụ già trước đến bản ta
Đúng ! Đích đúng !
Đấy là Ông Cự !
Sung sướng thay ! Bản ta toàn nam nữ
Lần đầu tiên đã được đón Cự Hồ
Chúng ta xin gửi một bức thư
Rằng : "Cả bản mừng vẫn nhớ lời Người nói."

7-1948

Lời bình

Bài thơ viết với phong cách rất giản dị, như lời kể chuyện của một người dân tộc lần đầu tiên tiếp xúc với Cách mạng.

(1) Pô Cốc : Người đứng đầu, người gốc.

Và trong bài thơ, hình ảnh của Bác Hồ được thể hiện qua sự quan sát
hồn nhiên, ngây thơ của đồng bào dân tộc :

*Lại có cụ già chân đi đất
Mặc bộ quần áo Nùng
Tay cầm cái gậy mây rừng
Miệng ngâm một điệu ca không lời
Bộ râu dài vừa trắng vừa đen
Chân tay nhanh nhẹn như thanh niên...*

Nhà thơ đã ghi nhận, qua sự quan sát của đồng bào : tác phong gần
gũi nhân dân, sự bình dị thân ái của Bác Hồ. Đồng thời, tác giả cũng thể
hiện được tình cảm, lòng tin của đồng bào đối với Bác, đối với "Bộ đội
Ông Cụ" :

*Cụ đi khỏi rồi
Ai cũng thương cũng nhớ
Người hỏi người không ai biết rõ
Tên cụ già là chi
Tóc bạc vẫn còn đi
Nhất định đây là Pô Cốc
Dân ta sắp tới ngày độc lập.*

Điểm sáng bất ngờ của bài thơ nằm ở đoạn kết : ngày Cách mạng
thành công, đồng bào được xem ảnh, mới biết Ông Cụ ngày trước chính
là Chủ tịch Hồ Chí Minh ! Niềm vui, hạnh phúc thật bất ngờ và lớn lao !

BẾ KIẾN QUỐC

Dọn về làng

*Mẹ ! Cao - Lạng hoàn toàn giải phóng
Tây bị chết, bị bắt sống hàng đàn
Vệ quốc quân chiếm lại các đồn
Người đông như kiến, súng dày như củi.*

Sáng mai về làng sửa nhà phát cỏ
Cày ruộng vườn, trồng lúa ngô khoai
Mấy năm qua quên Tết tháng giêng,
quên rằm tháng bảy
Chạy hết núi lại khe, cay đắng đủ mùi
Nhớ một hôm mù mịt mưa rơi
Con gió bão trên rừng xuống nát cửa
Đường đi lại vất bám đầy chân.

Súng nổ kìa ! Giặc Tây lại đến lòng
Từng cái lán, nó đốt đi tro trụi
Nó vơ vét áo quần trong túi
Mẹ dìu em chạy tót lên rừng
Lẩn đi trước, mẹ vẫy gọi con sau lưng
Tay dắt bà, vai đeo đầy nải
Bà loà mắt không biết lối bước đi.

Làm sao bây giờ : ta phải chống !
Giặc đã bắt cha con đi, nó đánh
Cha chửi Việt gian, cha đánh lại Tây
Súng nổ ngay đi dùng một loạt
Cha ngã xuống nằm lẩn trên mặt đất
Cha ơi : Cha không biết nói rồi...
Chúng con còn thơ, ai nuôi, ai dạy ?
Không ai chống gậy khi bà cụ qua đời !
Mẹ ngồi khóc, con cúi đầu cũng khóc
Sợ Tây nghe, mẹ dỗ "nín" con im
Lán anh em rải rác không biết nơi tìm
Không ván, không người đưa cha đi cất
Mẹ tháo khăn phủ mặt cho chồng
Con cởi áo liệm thân cho bố !
Mẹ con đưa cha đi nằm một chỗ
Máu đầy tay, trên mặt nước tràn...
Mày sẽ chết ! Thằng giặc Pháp hung tàn
Băm xương thịt mày, tao mới hả !

Hôm nay Cao - Bắc - Lạng cười vang
 Dọn lán, rời rừng, người xuống làng
 Người nói cỏ lay trong ruộng rậm
 Con cày mẹ phát ruộng ta quang
 Đường cái kêu vang tiếng ô tô
 Trong trường ríu rít tiếng cười con trẻ
 Mờ mờ khói bếp trên mái nhà lá
 Mặc gà gáy chó sủa không lo
 Ngày hai bữa rau ta có muối
 Ngày hai buổi không tìm củ pấu, củ nâu
 Có bắp xay dọn gạo no lâu
 Đường ngô từ nay không cỏ rậm
 Trong vườn chuối, hổ không dám đến để con
 Quả trên cây không lo tự chín rự rưng
 Ruộng sẽ không thành nơi máu chảy từng vũng
 Bộ đội đỡ phải đi thung lũng núi rừng
 Ra đường xe, hát nói ung dung
 Từng đoàn người dắt lá cây tiến bước
 Súng bên vai, bao gạo buộc bên vai
 Chân đi có giày không sợ nẻ
 Trên đầu có mũ che nắng mưa.

Mặt trời lên sáng rõ rồi mẹ ạ !
 Con đi bộ đội, mẹ ở lại nhà
 Giặc Pháp, Mĩ còn giết người cướp của
 trên đất nước ta

Đuổi hết nó đi, con sẽ về trông mẹ.

Mùa đông, 1950

Lời bình

Bài thơ được viết sau chiến thắng giải phóng biên giới, một chiến thắng có ý nghĩa lớn đối với cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta : mở thông chiến khu Việt Bắc với các nước xã hội chủ nghĩa. Song bài

thơ không đi vào ý nghĩa chính trị ấy. Ở đây, bài thơ nói về ý nghĩa giải phóng đối với cuộc đời của bà con người dân tộc. Ý nghĩa toát ra từ bài thơ qua bút pháp kể chuyện, miêu tả. Tác giả không dùng bút pháp chính luận.

Nét đặc sắc đầu tiên là giọng kể : chất phác, sinh động, cụ thể. Mở đầu là một tiếng reo. Hình ảnh tiêu biểu của chiến thắng được đặc tả chân thật và độc đáo :

*Tây bị chết, bị bắt sống hàng đàn
Vệ quốc quân chiếm lại các đồn
Người đông như kiến, súng dày như củi.*

Suốt bài vẫn giữ nguyên được cách kể và cách nghĩ ấy. Các chi tiết đời sống có phong vị hồn nhiên, và mang đậm dấu ấn về cách tư duy cụ thể của bà con dân tộc thiểu số. Ngày chiến thắng như ngày hội nên "người đông như kiến". Cách ví ấy là phổ cập. Nhưng ví "súng dày như củi" thì cách ví này là đặc thù của bà con dân tộc miền núi, ở kề với rừng, nơi củi rất quen thuộc trong đời sống của họ. Người quen dùng bếp ga chắc không có cách ví von này.

Bố cục bài thơ sát với kiểu tư duy của người dân thường. Sau tiếng reo là sự nhớ lại những cay cực khi giặc chiếm đóng và cuối cùng là quang cảnh sinh hoạt của bây giờ, của ngày giải phóng. Người đọc, ngay cả người ít học miền rừng, qua cách bố cục này tiếp nhận bài thơ sẽ rất dễ dàng. Đặc điểm nổi bật của bài thơ này là cách diễn tả các chi tiết. Cảnh chạy giặc : "quên tết tháng giêng, quên rằm tháng bảy", rồi "đường đi vất vưởng", rồi bão gió sấm sét, cây đổ, "cay đắng đủ mùi"... Rồi cảnh giặc tàn : "nó đốt, nó cướp, mẹ đau em, bà mù loà"... Diễn biến tình cảm của người con trước cái chết bi thương và anh dũng của người cha. Tác giả mượn lời người con nên kể chuyện cũng là dãi bày nỗi lòng (tự sự kết liền với trữ tình) :

*Mẹ ngồi khóc, con cúi đầu cũng khóc
Sợ Tây nghe, mẹ dỗ "nín", con im
(...) Mẹ tháo khăn phủ mặt cho chồng
Con cởi áo liệm thân cho bố.*

Người chết thảm, người sống cũng thảm. Cảnh sống cùng cực đau đớn đã lên tới cao trào. Sự căm thù trào dâng sôi sục. Giải phóng quê hương đã thành một yêu cầu bức xúc của mỗi người dân. Đánh giặc là đòi

hỏi tất yếu của cuộc sống cực khổ ấy. Bài thơ có nhiều chi tiết và hay nhất là những chi tiết ở đoạn cuối : quang cảnh dọn về làng và cảnh sinh hoạt của bản làng sau ngày giải phóng :

*Người nói cỏ lay trong ruộng rậm
Con cây mẹ phát ruộng ta quang
Đường cái kêu vang tiếng ô tô
Trong trường ríu rít tiếng cười con trẻ
Mờ mờ khói bếp trên mái nhà lá.*

Khung cảnh lam lam, no ấm... Từng nét từng nét hiện dần lên. Tác giả vẫn không bình luận hay ca ngợi lộ liễu. Ông cứ tả. Tả thoả mà đủ. Mỗi mặt của cuộc sống chỉ nói bằng một nét, rất gợi : "người nói cỏ lay" là cảnh ruộng rẫy, "khói mờ trên mái lá" là cảnh thanh bình no ấm. "Tiếng còi ô tô, tiếng con trẻ" cho thấy cái đông vui ríu rít của bản làng... Có những chi tiết rất sắc sảo, gợi được thần thái núi rừng và nếp sống đồng bào, hơn thế, còn có ý nghĩa triết học.

*Trong vườn chuối, hổ không dám đến để con
Quả trên cây không lo tự chín tự rụng.*

Giải phóng đã đồng nghĩa với sự trở về tất yếu của quy luật đời sống : vật nào vào chỗ ấy, quả chín do tay người.

Kể chuyện mà vẫn bộc lộ được cảm xúc cá thể. Chi tiết nhiều mà không rậm, trái lại mỗi chi tiết như một nét khắc : cụ thể nhưng khái quát. Đây không chỉ là kết quả một quan sát công phu, mà là kết quả của sự từng trải. Tác giả đã sống với các chi tiết đó, thấm thía về nó. Chất thơ ở đây là chất của đời sống. Bài thơ, do vậy cho thấy một nét đặc sắc của thơ kháng chiến chống Pháp : miêu tả hiện thực rộng lớn và nổi riêng tư của tác giả hoà đồng vào hiện thực đó.

VŨ QUÂN PHƯƠNG

Đầu tóc

*Anh nhuộm thuốc tiên hay tóc thật ?
Mà xem đầu tóc mãi không già !
Xin thưa ! Tóc thật, tôi người thật
Có lẽ tôi mê cây Núi Hoa !*

Lời bình

Bài thơ này đã được nhà thơ Trần Quốc Thực viết lời bình trên báo Văn hoá các dân tộc, số xuân năm 2000, trong đó có ý : *Người ta chỉ có thể nhuộm tóc chứ không thể nhuộm óc.*

Tôi đã tìm đọc lại bài thơ *Đầu tóc* kèm theo lời bình của nhà thơ Trần Quốc Thực. Đọc xong, tôi ngỡ ngàng một lúc, bởi nếu Trần Quốc Thực không nói đến cái chi tiết "nhuộm tóc, nhuộm óc" ấy thì tôi đã quên đi bài thơ này. Mà quả thật năm 2000 này Nông Quốc Chấn đã 77 tuổi, nhưng tóc ông thì vẫn còn đen mượt, không một sợi bạc, thì đúng là do nhuộm "thuốc tiên", "thuốc Phật" rồi còn gì. Cho nên ông không chỉ có cái "tóc trẻ mãi" mà còn có cái "đầu trẻ mãi". Thế thì vì sao ông lại có thể có được cái "tóc", cái "đầu" tuyệt vời đến vậy, xem ra câu trả lời của ông cũng thật là đơn giản :

Có lẽ tôi mê cây Núi Hoa !

Núi Hoa - nguyên văn tiếng Tày - Nùng là Phja Bjooc, đó là ngọn núi quê hương ông, đã đi vào lịch sử, đã thành một địa danh lịch sử, đã thành hình tượng nghệ thuật "trẻ mãi" trong lòng bạn đọc.

Bài thơ chỉ vắn vắn có 4 câu, 2 câu đầu chỉ như là một câu hỏi, 2 câu sau chỉ như là một câu trả lời, còn các câu chữ cũng thật là chân phương, giản dị, gần gũi, dễ hiểu. Nhưng có điều, đó lại là một câu hỏi lớn, một câu trả lời lớn, đầy ý nghĩa về con người, về cuộc đời, về sự xanh tươi mãi mãi của cây Núi Hoa - Cây Đời. Đây là một bài thơ thật ngắn, nhưng cái ý thì thật dài rộng, bài thơ nhỏ bé như một cái lều trên nương, nhưng tâm hồn thì mệnh mông trời đất, lộng gió bốn phương, đọc xong ta sẽ cảm thấy "trẻ mãi không già", bởi "thơ chính là thuốc tiên, thuốc phật" đấy.

Nhà thơ Trần Quốc Thực cho rằng câu thơ "Có lẽ tôi mê cây Núi Hoa !" thật sự đẩy tứ thơ lên bậc thượng thặng, và một số bạn đọc thì cho rằng đây là bài thơ hoàn mỹ nhất, tài hoa nhất và chắc chắn cũng là bài đặc ý nhất của nhà thơ. Còn tôi, tôi cho rằng đây là một sự phát tiết thăng hoa ở lứa tuổi 70 của nhà thơ, điều đã làm nên sự kì diệu đó cũng chính là phong cách chân phương, giản dị đã từng làm nên : *Bộ đội Ông Cụ, Dọn về làng, Tiếng ca người Việt Bắc, Vá áo, Lục Khu, Tìm trâu, Bài thơ Pác Bó...* của Nông Quốc Chấn.

LÒ NGÂN SỬN

Vá áo

Những năm tháng xa nhà, ta đã quen
chiếc kim sợi chỉ
Vá cổ áo sờn, đính lại chiếc khuy
Ngắm vụng về mà thấy vui đặc chí
Như đan xong đôi dậu, như chữa đẹp bài Sli.
Còn gì bằng nếu có mình chăm sóc
Chẳng mong làm đom, chỉ cần lành lặn là vui
Những tấm áo đã thấm mồ hôi mình quen thuộc
Mỗi đường chỉ mình khâu – tình yêu giữ trọn đời.

1972

Lời bình

Xa nhà, ai cũng có nỗi vất vả riêng, dù đàn ông hay đàn bà. Người đàn ông khi ở nhà vốn được vợ chăm sóc chu đáo từ cái ăn cái mặc cho đến cả giấc ngủ nên khi xa nhà càng lắm nỗi gian truân. Người Tây thường nói: "Đói bụng thì không ai hay, nhưng áo rách thì ai cũng thấy", nên đàn ông ở trong hoàn cảnh này phải tự làm lấy công việc kim chỉ, vá may. Trong bài thơ *Vá áo* của Nông Quốc Chấn, người đàn ông hẳn là xa nhà đã lâu nên có vẻ "thạo nghề": "Những năm tháng xa nhà, ta đã quen chiếc kim sợi chỉ". Anh tự tin "tay nghề" của mình: "Ngắm vụng về mà thấy vui đặc chí", rồi chàng tự mãn nguyện như đã lập xong một chiến tích. Đáng yêu và mới thương làm sao.

Khổ thơ thứ hai có sự chuyển giọng, nhịp điệu chậm rãi hơn. Người đàn ông thật thấm thía tình cảnh khi xa vợ. Thiếu người vợ là thiếu bàn tay chăm sóc, thiếu tất cả. "Còn gì bằng nếu có mình chăm sóc. Chẳng mong làm đom, chỉ cần lành lặn là vui". Từ đó tình yêu đối với người vợ như được nhân lên gấp bội: "Những tấm áo đã thấm mồ hôi mình quen thuộc. Mỗi đường chỉ mình khâu - tình yêu giữ trọn đời".

Bài thơ nói về công việc vá áo của người đàn ông khi xa vợ, anh không nhờ ai đó làm hộ mà tự mình làm lấy. Chỉ vậy thôi cũng đủ cho ta thấy lòng thủy chung bền chặt của người chồng đối với vợ. Tứ thơ sâu sắc và hay.

Chiếc áo trong thơ ca dân gian vốn là hình ảnh biểu cảm về tình vợ chồng, tác giả kết hợp điều đó với vốn sống của riêng mình và đã thành công. Bút pháp của bài thơ là lấy việc để nói tình.

DƯƠNG THUẦN

Nhớ

... Đèn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt...
(ca dao)

Con suốt nhớ ai
Róc rách róc rách
Đêm đêm ngày ngày
Nhắc thầm không trách.
Con chim nhớ ai
Bay đi bay lại
Mây chiều nắng mai
Xa xôi không ngại.
Cái nón nhớ ai
Dầm mưa dãi nắng
Đi trên đường dài
Không quên lời dặn.
Chiếc khăn nhớ ai
Bời bời trong óc
Chỉ màu không phai
Trùm lên mái tóc.
Chiếc cày nhớ ai
Sáng chiều xới đất
Con trâu chiếc vai
Hẹn mùa lúa tốt.
Chiếc quạt nhớ ai
Bay như cánh bướm
Gió thoảng bên người
Lòng thêm mát dượm.
Ngọn đèn nhớ ai
Suốt đêm không ngủ
Như mắt canh trời
Bừng bừng tia lửa.
Ai nhớ cứ nhớ
Ai đi cứ đi
Chiến trường súng nổ
Thắng giặc, lại về !

3-12-1967

Lời bình

Bài thơ ra đời năm 1967, khi đế quốc Mỹ mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Trong khí thế "cả nước lên đường", biết bao cuộc chia tay đã diễn ra, để lại trong lòng mỗi người những niềm thương, nỗi nhớ. Dầu không khí hừng hực chiến đấu "tất cả cho tiền tuyến" "hậu phương thi đua với tiền phương"... có làm cho mọi người dẹp đi nỗi nhớ thương để hoàn thành nhiệm vụ chung thì vẫn có lúc *nỗi nhớ* chợt đến và cứ bám lấy tim, lấy óc mình.

Dựa vào tứ của câu ca dao "Đèn thương nhớ ai. Mà đèn không tắt", Nông Quốc Chấn đã phát triển thành một bài thơ. Trong ca dao truyền thống, "thương" có nghĩa là yêu mà "nhớ" cũng có nghĩa là yêu, nhưng là yêu khi xa cách :

*Một đời được mấy người thân
Khi xa thì nhớ, khi gần thì thương.*

Ở bài thơ này, nỗi nhớ được biểu hiện qua những hình ảnh hết sức gần gũi, đơn sơ của cuộc sống nơi bản làng mà vẫn có sức gợi sâu lắng. Cảnh sống thiên nhiên (tiếng *suối* róc rách, đàn chim bay lượn...) hoà quyện với cuộc sống xã hội *cái nón* dầm mưa dãi nắng, *chiếc khăn* trùm lên mái tóc, *chiếc cây* lật từng thổ đất, *chiếc quạt* bay như cánh bướm, ngọn đèn suốt đêm không ngủ... Tất cả đều khắc sâu trong lòng người đi, kẻ ở.

Tứ, tình, hình trong bài thơ đã được xử lí hài hoà, vừa phải. Nếu nói nhiều nữa thì dễ thành sáo, hoặc nếu cứ đi sâu khai thác nỗi nhớ thương thì dễ gây tâm lí bi lụy - điều mà cuộc sống chiến đấu ác liệt lúc bấy giờ không cho phép.

Kết thúc bài thơ, tác giả tự động viên, nhắc nhở mình :

*Ai nhớ cứ nhớ
Ai đi cứ đi
Chiến trường súng nổ
Thắng giặc lại về.*

Dành rằng "ai nhớ cứ nhớ, ai đi cứ đi" song thái độ dứt khoát đó có cái gì hơi phũ phàng, lên gân. Có điều, đó cũng là sự thật của những năm tháng "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước".

NGUYỄN NGHIỆP

Triệu Lam Châu

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Triệu Thế Châu. Sinh ngày 27 tháng 6 năm 1952.

Quê quán : xã Đức Long, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Nàng dâu (tiểu thuyết dịch, 1987) ; *Lửa tình đã cạn* (tiểu thuyết dịch, 1988) ; *Hoa nở muộn mằn* (truyện dịch, 1988) ; *Người đàn bà tôi thương* (truyện dịch, 1989) ; *Một nhánh sao xuyên* (thơ, 1991) ; *Đi tìm hạnh phúc* (tiểu thuyết dịch, 1994) ; *Trăng sáng trên non* (thơ, 1998)...

Giải thưởng văn học :

Giải nhất thơ Phú Yên, 1991 ; Giải nhất cuộc thi dịch văn học nước ngoài ra tiếng Việt do Hội Nhà văn Việt Nam, báo Văn nghệ và NXB Văn học tổ chức, 1994 (truyện dịch *Vương quốc chim họa mĩ*) ; Giải khuyến khích của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1998 (tập thơ *Trăng sáng trên non*).

Một chiều nghe sli

Cánh chim mờ dần sau mây ngàn xa thăm
Giả lại hồn ta ngỡ ngán chiều vàng
Cùng tiếng sli mệnh mang vấn vít
Bên kia đèo theo gió đưa sang

"Có ngọn gió trời về thung lũng
Thân neo đây, hồn neo ở phương xa..."
Tiếng sli mềm bùi như trám chín
Vỏ chàm đen mà lòng tím ngân nga

Lời sli lạnh lùng mà có lửa
Như người dưng mà chẳng thể cầm lòng
Ta bước vào lòng sâu của núi
Tay cứ cầm lời sli ấy thong dong...

1995

Lời bình

Bài thơ thanh nhẹ, trong trẻo, diễn đạt được trạng thái của hồn người khi nghe một điệu *sli* vang lên giữa một chiều miền núi. Khoảnh khắc ấy ("chiều vàng" yên tĩnh), không gian ấy (mây, đèo, thung lũng) và tâm hồn con người ("thân neo đây, hồn neo ở phương xa"), có một sự cộng hưởng âm vang vào nhau. Tiếng *sli* xa vắng từ bên kia đèo đưa sang thành một xúc tác cho cảm hứng. Ý thơ mỏng mảnh nhưng có hồn. Người đọc như cùng tác giả cảm nhận cái thi vị của buổi chiều xứ núi ngân nga tiếng hát. Bài thơ thoáng. Một vài chi tiết ảo giác chừng mực đủ để tạo thi vị cho hiện thực mà không gây khó khăn gì cho sự tiếp nhận : "Tiếng *sli* mềm bùi như trám chín". Hoặc "Tay cứ cầm lời *sli* ấy thông dong". Người đọc, do vậy, dễ dàng nhập vào cảm xúc của tác giả như đang sống cùng tác giả tại không gian thơ đó, không bị bận tâm đến nghĩa lí câu chữ.

Bài thơ cho thấy mối tương quan của một không gian văn hoá : tiếng hát ấy phải ở khung cảnh ấy và chỉ vang động trong những tâm hồn có đủ sự nhớ thương trong trẻo ấy ("hồn neo ở phương xa"). Tác giả dành nhiều chi tiết để tả nhớ thương. Cảnh cũng gợi nhớ thương : "Cánh chim mờ dần sau mây ngàn xa thẳm". Tả tiếng hát cũng tả bằng nhớ thương : "Như người đứng mà chẳng thể cầm lòng". Chính trên cái nền nhớ thương ấy mà câu *sli* trở nên vang động, gợi cảm. Nhận xét này rất có ý nghĩa trong việc tìm hiểu, nghiên cứu, khôi phục các hình thức sinh hoạt văn hoá dân tộc, tránh "bắt cá khô ao" để vẽ lại dáng bơi của nó.

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Vì Văn Chênh

(Dân tộc Thái)

Mộ bên đường

Sường quanh đời nay héo lá
Rêu phủ đá cạnh dòng sương
Mười năm mộ mọc bên đường
Qua một đêm nghe súng
Thương người Mường, thương quê bố
Đời xấu số ở lại đây
Các con tôi đi đánh Tây
Gặp nhau rồi chưa biết mặt
Người trong Nam hay người Bắc ?
Người nên bác hay nên con ?
– Biết, đêm qua dân trong chòm
Lên ven khe ra phối hợp
Đón Cổ Luỹ chưa hết giặc
Máu, nước mắt còn đang rơi
Có các con nằm đây rồi
Thêm vững lòng người kháng chiến
Nếu thẳng giặc dám mò đến
Rừng kín tiếng mộ đất hoang
Nhưng nhân dân đến cảm nhang
Thì các con là người sống
Người bên nương khi sáng sớm
Kẻ đi săn lúc xế chiều
Nhìn đường rừng thấy thêm yêu
Những nấm mồ người cứu nước
Ai khỏi đau quên ơn thuốc
Ai uống nước quên ơn nguồn
Ai cười củi quên ơn rừng

*Cũng không quên ơn liệt sĩ
Bố giâm dày mười bụi bí
Tìm thứ quý cành hoa ngâu
Thành rừng rộng đẹp mai sau
Các con em đều đến viếng
Suối xa xa ngân nhẹ tiếng
Lòng nói chuyện núi cúi đầu
Địch bị đánh một trận đau
Nhưng đường tròn mười năm mộ
Thương người Mường, thương quê bố
Đời xấu số ở lại đây
Các con ơi dân chòm này
Thương các con hơn ruột thịt.*

1952

Lời bình

Tình cảm trong bài thơ là của một người già, có lẽ là ông già người Thái ở Tây Bắc, sau trận công đồn gặp mười năm mộ mới bên đường. Ai cũng hiểu là tác giả mượn lời, mượn cảnh để gửi vào đó hồn thơ của mình.

Nếp nghĩ đơn giản, hồn hậu, nhưng đầm thắm nào hơn được thế !

*Thương người Mường, thương quê bố,
Đời xấu số ở lại đây
Các con tôi đi đánh Tây
Gặp nhau rồi chưa biết mặt
Người trong Nam hay ngoài Bắc
Người nên bác hay nên con ?*

Lối nghĩ hồn nhiên mà thật sâu sắc. Những người hi sinh ở đây, dù già hay trẻ, dù Nam hay Bắc nhưng đều là những người hi sinh vì nước, là những người thật cao cả.

Mảnh đất này là đất địch tạm chiếm, giặc vẫn còn đó, tội ác chúng vẫn gây ra hằng ngày : "Đồn Cổ Luỹ chưa hết giặc. Máu nước mắt, còn đang rơi",

nhưng sự giao lưu của những anh bộ đội Cụ Hồ và đồng bào dân tộc thật tuyệt vời, thật máu thịt. Những câu thơ xúc cảm đến hết mình khi nói đến tình quân dân trong vùng địch tạm chiếm :

*Có các con nằm đây rồi
Thêm vũng lòng người kháng chiến
Nếu thằng giặc dám mò đến
Rừng kín tiếng mộ đất hoang
Nhưng nhân dân đến cầm nhang
Thì các con là người sống...*

Tình cảm này, ta lại bắt gặp trong bài thơ *Mồ anh hoa nở* của nhà thơ Thanh Hải trong những năm chống Mĩ cứu nước sau này, nhưng ở đây thâm kín hơn, lắng đọng hơn, truyền cảm và đầy dư âm... Thơ như lời của miệng và thi tứ thật vừa cao, vừa lạ.

Bởi tình người dân dã, mộc mạc, nghĩ đơn sơ nhưng mạch tình cảm chân thành, khi nói đến những điều cụ thể, đều gửi lòng thương yêu, kính trọng xiết bao :

*Bố giâm dầy mười bụi bí,
Tìm thứ quý cành hoa ngâu,
Thành rừng rộng đẹp mai sau
Các con em đều đến viếng.*

Trồng bí để che mắt giặc, nhưng chen giữa những bụi bí lại có cành hoa quý nhất, chỉ dùng để cúng Phật, cúng tổ tiên, đó là hoa ngâu, trồng ở đây, với ý sau này, khi giặc tan, yên bình, cây ngâu, cây hoa đẹp sẽ lớn để cho các thế hệ sau đến tưởng nhớ ơn các liệt sĩ.

Viết về các liệt sĩ, thơ kháng chiến có bài "Viếng bạn" của Hoàng Lộc và bài "Mộ bên đường" của Vi Văn Chên, cả hai đều như những lời tâm thành từ đáy lòng thốt ra, nhưng ngôn từ rất đời thường mà chất thơ lại đậm đà dư vị : Đó chính là cái tình của người viết mà những người khác không chắc mấy ai đã có !

NGÔ VĂN PHÚ

Nguyễn Đình Chiến

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Đình Chiến. Sinh năm 1957.

Quê quán : huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tác giả có nhiều tác phẩm đăng trên các báo Trung ương và địa phương, nhưng chưa có tác phẩm xuất bản thành tập riêng.

Giải thưởng văn học :

Giải nhất cuộc thi thơ do báo Văn nghệ tổ chức, 1981 - 1982 (bài thơ *Gặp lại các em*).

Ánh trăng

Sương giăng tím cánh đồng
Chim bay về hốc đá
Khói những lò thuốc lá
Xanh mờ trong ánh trăng

Trong xóm nhỏ Chi Lăng
Giờ này yên ả quá
Tôi ngồi bên ổ rạ
Rút từng bó rơm vàng
Và thả xuống cầu thang
Cho bò ăn thêm nữa

Bóng trăng in lỗ đố
Qua kẽ liếp nhà sàn
Thả những ngôi sao nhỏ
Lên lưng chú bê vàng

Có ai đó dịu dàng
Nhìn tôi qua cửa sổ
Chợt thấy tôi bờ ngõ
Em ngoảnh nhìn ánh trăng...

Lời bình

Bài thơ đọc thoáng qua, chẳng thấy có gì. Mà đọc kĩ, ngẫm kĩ cũng vẫn thấy... chẳng có gì. Mấy lò thuốc lá toả khói, và cái chuyện cho bò nhai rơm thì cũng có gì mà hay ho và hấp dẫn ? Đã thế, Nguyễn Đình Chiến lại kể bằng những lời mộc mạc và nôm na :

*Trong xóm nhỏ Chi Lăng
Giờ này yên ả quá !*

Là câu nói của miệng, một lối nói thông thống, không có ngôn ngữ và hình tượng thơ ca. Nhưng cái đáng biểu dương, cái đáng khích lệ của tác giả ở bài thơ này là anh đã lấy "nước lã mà vã lên hồ". Một chút khói, một ít sương và cặp trai gái mới lớn trong xóm núi. Chỉ có thế mà tác giả đã dựng lên được một bức tranh lụa khá huyền ảo. Đó là bức tranh thiên nhiên. Ở đây, trăng lồng lộng ngự trị ôm trùm cả trời đất. Nhưng trăng lại bị con người quên lãng. Chính tác giả cũng quên nên anh chẳng dành cho nó một câu thơ nào thật sự có sức nặng nghệ thuật. Các nhân vật trong bài thơ cũng thế, cô gái ngẩng trăng mà không để ý đến trăng. Ấy là khi cô bị phát hiện ra mình đã lớn. Còn chàng trai thì lại lơ đãng, ngốc nghếch, đến nỗi chẳng biết có vầng trăng vằng vặc trên trời, cả vầng trăng lồng lộng dưới đất, ngay bên trong khung cửa sổ kia, lại say mê, đắm đuối ngắm trăng ở... lưng bò.

Nhưng ai bảo đây không phải là bức tranh lụa đẹp ? Chí ít, nó cũng làm ta yêu những giây phút thanh bình, những cảnh vật dung dị ở nơi thôn dã. Nếu hiểu như thế thì sự tĩnh lặng của Chi Lăng, một vùng chiến trường đầm máu xưa kia tự thân nó đã có một ý nghĩa. Nhưng bài thơ không đi theo hướng này. Và như thế có thể thay cái tên Chi Lăng bằng bất kì một địa danh nào khác. Bài thơ khá tiêu biểu cho phong cách Nguyễn Đình Chiến, một tác giả từng đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ tuần báo Văn nghệ. Thơ Chiến giản dị, mộc mạc, có khi mộc mạc đến nôm na. Anh không chuộng lạ, cũng không quan tâm đến việc cách tân hình thức thơ. Anh cũng chẳng muốn bạn đọc phải giật mình sửng sốt vì ý tưởng táo bạo hay ở tài nghệ thao tác cấu tứ. Thơ anh viết tự nhiên. Câu trước gọi câu sau. Bài thơ hết thì tự nó kết thúc. Đọc thơ anh, ta có cảm giác đi trong một vùng sáng bàng bạc. Đó là ánh trăng suông mềm mại, dịu dàng, chẳng biết nó toả ra từ đâu và kết thúc ở đâu ? Ở làn sương tím giăng trên cánh đồng hay ở mấy ngọn khói xanh vờn trên lò thuốc lá ? Ta chỉ biết ta đang bình thần đi với nhịp tim đập cũng bình thản. Xung quanh ta là những đường nét nhờ nhờ như trong chiêm bao. Nhưng ai dám bảo đấy không phải là một dạng ánh sáng ?

TRẦN ĐĂNG KHOA

Đồng Văn

*Lòng gập ghềnh dãy Bát Đại Sơn
Đã thấy Mã Pí Lèng trước mặt
Uống sông Miện mấy lần chưa đã khát
Lại mơ dòng Nho Quế dưới mây trời.*

*Ngựa hí ran gõ móng trước cổng trời
Người với núi nhìn nhau như thách đố
Mặt trời ngại vượt qua chòm Lũng Cú
Tuôn ánh vàng rực rỡ xuống thung sâu.*

*Ôi chiều nay sao chẳng muốn về đâu
Chỉ muốn ngủ gối đầu lên đá xám
Như chàng trai Mèo sau cơn say chếnh choáng
Thả tiếng khèn bằng lảng giữa không trung.*

1982

Lời bình

Đồng Văn là bài thơ của một người miền xuôi như thể gặt hái được trong một lần đi du lịch miền núi, chứ không phải người ở núi, sống cùng với núi (mặc dù hình như vào những năm này, nhà thơ đang đi theo một đơn vị lính ở vùng biên giới phía Bắc thì phải). Sở dĩ nói như thế bởi vì toàn bộ bài thơ hiện ra hình ảnh của một người đang thưởng ngoạn phong cảnh thiên nhiên trong một tâm trạng thanh thoát, thư nhàn. Rừng núi được nhắc đến chính là địa phận huyện Đồng Văn - một huyện địa đầu Tổ quốc thuộc tỉnh Hà Giang.

Đồng Văn là nơi có sự giao nhau giữa luồng văn hoá bản địa và luồng văn hoá Trung Hoa. Điều này được ghi dấu trên hàng loạt các địa danh. Có những tên gọi theo ngôn ngữ của người thiểu số : Mã Pí Lèng, Lũng Cú... Có những tên gọi Hán - Việt : Đồng Văn, Bát Đại Sơn, Nho Quế... nhưng tác giả tập trung nhất vào việc phác họa ra cái vẻ đẹp hùng vĩ, bát ngát của một miền rừng. Đó là một không gian mà con mắt bình thường

không thể bao quát nổi, mà phải nhờ vào con mắt của tâm tưởng, và chỉ có con mắt này mới thấy hết núi này sang núi nọ, hết sông nọ đến sông kia.

Cả khổ thứ hai của bài thơ đã phác hoạ được vẻ đẹp hùng vĩ của khung cảnh, và cũng là khổ thơ tập trung những câu thơ hay hơn cả của bài. Nổi phân vân của ngựa, cái nhìn dè dặt của người trước dốc cao. Đến cả mặt trời cũng ngại vượt qua đỉnh núi đành rút lại bên này núi mà trải vàng ánh nắng cuối chiều. Các câu thơ vừa súc vốc, vừa đẹp đẽ, chúng phối hợp lại tạo thành một bức tranh hùng vĩ, thanh bình.

Trước một không gian như vậy, lòng người bỗng chốc muốn chan hoà vào cảnh vật, đắm mình vào khung cảnh, như thể muốn quên đi sự có mặt của chính mình để mà cảm nhận tiếng nói cùng hồn vía của thiên nhiên. Bài thơ đẹp trong một sự hài hoà toàn vẹn giữa người và cảnh.

Dường như Nguyễn Đình Chiểu có duyên với núi rừng Việt Bắc thì phải. Anh đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ do báo Văn nghệ tổ chức với một bài thơ cũng viết về mảnh đất này : *Gặp lại các em* (1981 - 1982). Và cũng vào năm đó, anh lại có thêm một *Đồng Văn gọn ghẽ mà xinh xắn*.

VĂN GIÁ

Minh Chính

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Hoàng Minh Chính. Sinh năm 1944.

Quê quán : huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Mất năm 1970.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ in trên các báo từ năm 1964 : *Đường về quê mẹ ; Cô gái lái đò ; Dòng sông Công...*

Hương rừng

Hương rừng thơm đôi vắng

Nước suối trong thâm thì

Cọ xoè ô che nắng

Râm mát đường em đi.

Hôm qua em tới trường

Mẹ dắt tay từng bước

Hôm nay mẹ lên nương

Một mình em tới lớp.

Đường xa em đi về

Có chim reo trong lá

Có nước chảy dưới khe

Thì thảo như tiếng mẹ.

Trường của em be bé

Nằm lặng giữa rừng cây

Cô giáo em còn trẻ

Dạy em hát rất hay.

Mũ rơm thơm em đội

Hương cốm chen hương rừng

Mỗi lần em tới lớp

Hương theo em tới trường...

Lời bình

Trong bài thơ có nhiều cái được tác giả nhắc đến : cảnh, vật, người, nhưng có lẽ còn lưu lại trong lòng người đọc là hình ảnh người mẹ, em bé và hương rừng.

Người mẹ và tình mẹ con được vẽ lên đơn sơ mà đẹp để :

Hôm qua em tới trường

Mẹ dắt tay từng bước

Hôm nay mẹ lên nương

Một mình em tới lớp

Rồi :

Có nước chảy dưới khe

Thì thảo như tiếng mẹ.

Em bé cũng đã có mặt trong mấy câu thơ trên nhưng còn được vẽ thêm đôi nét đáng yêu : "Đường xa em đi về". "Mũ rơm thơm em đội"...

Tác giả dành hai câu kết cho hương rừng được nhắc nhiều lần trong cả bài thơ : "Hương rừng thơm đôi vắng" ; "Hương cốm chen hương rừng" là rất khéo và khá gợi :

Mỗi lần em tới lớp

Hương theo em tới trường...

Nhạc trong nhiều đoạn cũng gợi được không khí và âm thanh núi rừng.

PHẠM HỔ

Hồ Chư

(Dân tộc Dân Kiều)

Tên khai sinh : Hồ Chư. Sinh năm 1949.

Quê quán : xã Mỹ Ó, huyện Đắc Rông, tỉnh Quảng Trị.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ đăng trên báo Trung ương và địa phương.

Sóng

Sóng núi lặng lẽ xanh
Sóng biển âm ào trắng
Sóng lòng tôi vô hình
Ngọt ngào và cay đắng

Sóng cồn cào, phẳng lặng
Những bước đi thẳng tắp
Sóng đời người cũng thế
Như thuỷ triều ngàn năm.

Lời bình

Hình ảnh con sóng đã đi vào không ít bài thơ đặc sắc từ trước đến nay. Ở đây, tác giả chưa hẳn đã đưa ra được một cách nói thật mới mẻ, khác lạ. Nhưng dấu sao bài thơ cũng đã chạm vào một vấn đề vĩnh cửu của đời sống con người : những con sóng đời - những con sóng lòng vô thường, lớn lao và bí ẩn như sóng biển sóng rừng vậy ; mà sóng biển sóng rừng vốn đã là cái lớn lao và bí ẩn vĩnh hằng của thiên nhiên.

Nghĩ được như thế, con người ta dễ đạt tới một trạng thái an nhiên của tâm hồn, giúp cho con người đứng vững trong mọi hoàn cảnh cho dù khắc nghiệt nhất.

Các câu thơ 5 chữ trôi chảy đều đặn. Hình như nó cũng mơ hồ cái điệu vỗ nhịp nhàn nhàn của những con sóng muôn đời thì phải...

VĂN GIÁ

Trần Thị Mộng Dân

(*Dân tộc Kinh*)

Tên khai sinh : Trần Thị Mộng Dân. Sinh ngày 4 tháng 11 năm 1952.

Quê quán : huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định.

Tác phẩm đã xuất bản :

Đêm biển cho em (thơ, 1998).

Hát về xứ sở

*"Ba mặt tam giang cuộn cuộn
Bốn bề tứ trụ chon von..."*

Nơi mặt trời lên

Đỉnh núi !

Nơi mặt trời lên

Ngọn suối !

Nơi mặt trời lên...

Con sóng nào vỗ vào ngực anh ?

Con bè trôi về sau bao lần vượt thác !

Con mưa nào trút vào say khát ?

Anh mở ngực ra

Đón sự phì nhiêu.

Anh mở ngực ra

Đón lấy lời yêu.

Con gái Tây xinh đẹp

Con trai Tây bụng không chật hẹp

Quả sim rừng, ăn nửa... tìm nhau.

Nơi mặt trời lên

Ba mặt tam giang

Lãnh địa thiêng liêng

Muôn đời tứ trụ !

Bóng ngựa lên đèo
Lồng vào tiếng hú.
Gập ghềnh
Sao cứ sang ngang ?

Gập ghềnh sao vẫn rẽ qua làng
Cho câu **lượn** buộc chân người, chân ngựa ?
Mai khỏi xa - trên vai xứ sở
Buồn

Vui

Ấm áp

Đi

Về

Lời bình

Cảm hứng về quê hương đất nước vẫn là nguồn mạch thi ca chưa bao giờ vơi cạn. *Hát về xứ sở* của Trần Thị Mộng Dân chan chứa một tình yêu đối với non sông. Quê hương đất nước không còn là một suy ngẫm trừu tượng nữa, mà đã hoà tan vào cảm xúc và hình ảnh, trở thành một nỗi niềm riêng.

Vẻ đẹp hùng vĩ của quê hương. Mặt đất này, dòng sông này, ngọn núi này... bề thế và bền vững. Các câu thơ chạm đến mạch cảm xúc lớn lao về xã tắc non sông bất diệt trong nền thơ ca dân tộc.

Vẻ đẹp tình tứ của tình yêu đôi lứa. Như anh và em yêu nhau, một tình yêu vừa nồng nàn vừa tình nghĩa.

Vẻ đẹp của lễ hội. Những câu sli, câu lượn như níu buộc hồn người. Cả một không gian ấm áp những lời ca - giai điệu quê hương.

Và như thế, xứ sở này là đất đai của Tổ quốc, xứ sở này đã sinh ra tiếng hát, sinh ra tình yêu con gái con trai... Tất cả dệt nên tình cảm gắn bó ngọt ngào của con người với đất. "Đất đã hoá tâm hồn", như nhà thơ Chế Lan Viên đã từng cảm nhận.

Cứ một mạch chảy đắm say gửi vào từng câu từng chữ hát lên một tình yêu xứ sở. Đúng là giai điệu của một bài ca...

VĂN GIÁ

Hồ Dzếnh

(Dân tộc Hoa)

Tên khai sinh : Hà Triệu Anh. Sinh năm 1916.

Quê quán : xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá. (Cha ông là người Hoa từ Quảng Đông di cư sang Việt Nam). Mất năm 1991.

Tác phẩm đã xuất bản :

Quê ngoại (thơ, 1943) ; Hoa xuân đất Việt (thơ, 1946) ; Chân trời cũ (truyện ngắn, 1942) ; Một truyện tình mười lăm năm về trước (tiểu thuyết, 1942) ; Cô gái Bình Xuyên (tiểu thuyết, 1946) ; Người nữ cứu thương Trung Hoa (kịch một màn, công diễn 1947) ; Đi hay ở (kịch một màn, công diễn 1955) ; Hồ Dzếnh - Tác phẩm chọn lọc (tuyển chọn, 1988).

Chiều

*T*ên đường về nhớ đây
Chiều chậm đưa chân ngày
Tiếng buồn vang trong máy

Chim rừng quên cất cánh
Gió say tình ngây ngây
Có phải sầu vạn cổ
Chất trong hồn chiều nay

Tôi là người lữ khách
Màu chiều khó làm khuây
Ngỡ lòng mình là rừng
Ngỡ hồn mình là mây
Nhớ nhà châm diều thuốc
Khói huyền bay lên cây...

Lời bình

Chiều hình như bao giờ cũng có duyên với thơ. Khoảng thời gian ngắn ngủi chuyển tiếp từ ngày sang đêm luôn chứa đầy cảm xúc, luôn gợi lên

những gì thật mong manh. Sự mong manh của niềm vui, của hi vọng. Sự mong manh của ánh sáng, của kiếp người. Có biết bao nhiêu thơ đã viết về chiều. Ta chỉ cần nhớ lại những thi sĩ cùng thời với Hồ Dzếnh : Những Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử...

Chiều ở đây là tâm trạng của một con người trên đường trở về. Về đâu ? Về lại cố hương, về lại mái nhà xưa. Nhưng ngày đã tận mà đường còn dài, có lẽ là rất dài. Lữ khách chân đã mỏi, lòng ngổn ngang những nhớ nhung, lo âu, trông ngóng. Và liệu rồi có về đến nơi không ... ?

Ta dễ nhớ đến câu hát ru thường vọng lên trong những hoàng hôn quê nhà :

*Chim bay về núi tối rồi
Không nơi chim đậu, không nơi chim ăn.*

Ba dòng đầu của bài thơ, với những vần bằng và hầu hết là những từ có thanh bằng đã truyền được cho ta cái cảm nhận mà nhà thơ gọi lên hết sức tinh tế :

Chiều chậm đưa chân ngày.

Thơ miêu tả bằng nhạc điệu. Nhạc điệu cũng là tâm trạng.

Chia sẻ với nhà thơ trong nỗi cô đơn, bơ vơ chỉ có bấy chim rừng, chỉ có ngọn gió. Những con chim rừng như cũng bị buổi chiều ám ảnh, vây bọc, hay nói như Xuân Diệu là bị "chiều giăng lưới". Còn gió thì không phải hiu hắt. Gió *ngây ngây*... Ở đây thoáng lên cái cảm giác sống sờ, bàng hoàng. Gió cũng mang hồn lữ khách... Có lẽ phần nào vì sự chia sẻ này mà nhà thơ "ngỡ lòng mình là rừng". Nhà thơ như muốn đáp lại, muốn che chở.

Song, thế giới nội tâm của con người không đi theo những luân lí thông thường. Sự chia sẻ bên ngoài đôi khi cùng một lúc vừa an ủi ta lại cũng vừa làm lớn mãi lên nỗi cô đơn trong ta. Tác giả hoàn toàn có lí khi hạ hai dòng thơ :

*Có phải sầu vạn cổ
Chất trong hồn chiều nay.*

Tinh ý một chút, ta có thể thấy nhà thơ sử dụng rất khéo từng cặp sóng đôi những câu thơ mở khép : "Trên đường về nhớ đây / Màu chiều khó làm khuây. Chim rừng quên cất cánh / Ngỡ lòng mình là rừng. Tiếng buồn vang trong mây / Ngỡ hồn mình là mây..." Nhờ thế, cấu trúc bài thơ thật chặt và nhấn mạnh những gì nhà thơ muốn biểu cảm. Những tứ thơ được đẩy đến cùng.

Chiều được viết vào năm nhà thơ mới ngoài hai mươi tuổi. Nhưng có lẽ cuộc đời của một con người Minh Hương⁽¹⁾ đã khiến nhà thơ phiêu bạt lang thang nhiều trên những ngã đường mưu sinh cay đắng. Từng chữ trong *Chiều* có cái thâm trầm, nặng chắt của một ngòi bút từng trải, tránh được tất cả những gì gọi là thừa, là phù phiếm. *Chiều* được vào thực trực tiếp, thực ấn tượng ! *Chiều* được kết thực buông, thực thanh thoát, thực gợi dư vang...

Như dòng máu nhà thơ mang trong người, *Chiều* đã kết hợp khí vị sâu sắc của Đường thi với vẻ đẹp trong trẻo, nền nã của tiếng Việt. Đã bao lần trong đời, tôi thầm đọc cho mình :

*Trên đường về nhớ đây
Tiếng buồn vang trong mây...*

Một *Tiếng buồn* mỗi người nghe theo cách riêng mình...

NGÔ THẾ OANH

(1) Người gốc Hoa phiêu bạt.

Xuân Diệu

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Ngô Xuân Diệu. Sinh ngày 2 tháng 2 năm 1917 tại Bình Định.
Quê quán : huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Mất năm 1985.

Tác phẩm đã xuất bản :

Thơ thơ (thơ, 1938) ; *Gửi hương cho gió* (thơ, 1945 - 1967) ; *Ngon Quốc kì* (thơ, 1945 - 1961) ; *Hội nghị non sông* (thơ, 1946) ; *Dưới sao vàng* (thơ, 1949) ; *Riêng chung* (thơ, 1960) ; *Mũi Cà Mau - Cầm tay* (thơ, 1962) ; *Một khối hồng* (thơ, 1964) ; *Hồn tôi đôi cánh* (thơ, 1976) ; *Thanh ca* (thơ, 1982) ; *Một chùm thơ* (thơ tuyển, Xuất bản tại Pari, 1983) ; *Tuyển tập Xuân Diệu, tập I* (thơ, 1982 - 1986).

Phấn thông vàng (văn xuôi, 1939 - 1967) ; *Trường ca* (văn xuôi, 1945 - 1957) ; *Miền Nam nước Việt* (văn xuôi, 1945) ; *Việt Nam nghìn dặm* (văn xuôi, 1946) ; *Việt Nam trở dạ* (văn xuôi, 1948) ; *Kỉ sự thăm nước Hung* (kỉ sự, 1956) ; *Triều lên* (văn xuôi, 1958) ; *Thanh niên với quốc văn* (tiểu luận phê bình, 1945) ; *Những bước đường tư tưởng của tôi* (tiểu luận, 1958) ; *Dao có mài mới sắc* (tiểu luận, 1963) ; *Và cây đời mãi mãi xanh tươi* (tiểu luận, 1971) ; *Lượng thông tin và những kĩ sư tâm hồn* ấy (tiểu luận, 1978) ; *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (2 tập, 1981 - 1982) ; *Công việc làm thơ* (1984) ; Sách dịch : *Thi hào Nadim Hítmét* (1962) ; *Vây giữa tình yêu* (1968) ; *Thơ Nicôla Ghiden* (1982) ; *Những nhà thơ Bungari* (1985)...

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam, 1954 - 1955 (tập thơ *Ngôi Sao*) ; Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt I - 1996).

Sa Pa

Sa Pa hè mát hơn thu
Chỉ làn không khí đã ru dịu người
Ở đâu nắng hạ rang trời
Thì đây không giọt mồ hôi thấm mình
Trời rất nhẹ, núi non xanh
Cây sa mu đứng, nửa mình con thoi.

Phan-xi-păng ! Biết bác rồi
Bác xanh như thế đến trời cũng thua
Trường thành sừng sững hoang sơ
Liên sơn có biết bao giờ hoàng liên
Rễ thông ngủ giấc ngàn niên
Tay người nâng dậy cát nền hương rừng.

Cành đào trái trĩu rừng rừng
Nếu quên nơi đã tưởng chừng đào nguyên
Đào nhiều không đợi chợ phiên
Đào vàng ăn một miếng, quên được nào

Vải chàm tôn cổ áo thêu
Đồng bào tới lớp quý yêu chữ Mèo
Núi khe nhà ở cheo leo
Rộng ôm bó củi, nặng đeo gùi ngô.

Đến thăm hợp tác nuôi bò
Thăm vườn lấy hạt, bốn mùa rau tươi
Thăm hoa, thăm đá trắng ngời
Thăm cầu mây vắt giữa trời treo qua

Trong đời, mộng ước Sa Pa
Lên cao mới được bây giờ tới nơi
Sa Pa nhẹ đất thơm trời
Hè nung tất lửa, hồn người thên thên.

3-8-1962

Lời bình

Suốt đời mình, Xuân Diệu luôn muốn nhìn cuộc đời bằng đôi mắt xanh non và giao cảm với mọi người bằng một trái tim khát sống. Nếu như trước Cách mạng, con chim đến từ núi lạ Xuân Diệu thấy mình như một ốc đảo giữa hoang mạc tình đời thì sau Cách mạng, trái tim ấy hát ca về những vẻ đẹp kì thú của đất nước quê hương. Tiếng hát ấy đã một lần cất lên ở Sa Pa :

Sa Pa hè mát hơn thu
Chỉ làn không khí đã ru dịu người...

Bài thơ đã phác dựng một cách khá đầy đủ vẻ đẹp của đất, của người Sa Pa trong những ngày dựng xây cuộc đời mới. Lên với Sa Pa, nhà thơ cũng hiểu hơn sự vĩ đại của Bác : "Bác xanh đến thế đất trời cũng thua". Sa Pa không chỉ ru ta trong vẻ đẹp mê hồn của nó mà còn là vùng đất thanh lọc hồn ta, làm cho ta thấy yêu hơn vẻ đẹp đất nước mình : "Sa Pa nhẹ đất thơm trời. Hè nung tắt lửa, hồn người thên thên". Chỉ tiếc, do quá ham đưa chất liệu thực tế vào thơ mà chưa tạo nên được độ tinh lọc cần thiết nên Sa Pa vẫn còn những câu thơ gượng ép.

NGUYỄN ĐĂNG ĐIỆP

Về Tuyên

*Đêm nay ta về nằm với Tuyên Quang
Nằm với Sông Lô chảy ở đầu giường
Nằm với dưới kia cây đa nước chảy,
Phía trên là cây số bảy Hà Giang.*

*Đêm nay ta về nằm với những năm
Kháng chiến gian lao gió núi mưa dầm,
Lá mưa rì rầm trời như ngâm nước
Cơ quan trong rừng đêm buốt xuyên chần.*

*Đêm nay ta về nằm lại với ta,
Áp tai xuống giường, yêu mến bao la,
Thấm thía lại những ngọt bùi kháng chiến,
Từ phố Tam Cờ qua xóm Y La.*

*Một khúc Sông Lô, đôi bờ xanh mượt,
Ngó khe lay cờ, mía ken lá sắc,
Đường sâu quanh quất, nhà nhỏ xóm thưa,
Đi về này những lối này năm xưa.*

*Đất nước ơi, ta quyện với mình chặt lắm
Nên đi rồi, lòng không thể gỡ ra
Tuyên Quang, Tuyên Quang, đâu là mình, đất thắm
Và phần nào là hồn thắm của ta ?*

Tuyên Quang, 1-1960

Lời bình

Bài thơ ôn lại kỉ niệm. Giọng thơ trầm thì, dài ngắn, đứt nối rất nội tâm. Bài thơ có năm đoạn, ba đoạn ôn kỉ niệm xưa, một đoạn tả cảnh bây giờ, một đoạn kết.

Đoạn một : mở hồn vào không gian xưa "Đêm nay ta về nằm với Tuyên Quang". Những địa danh vang lên gợi nhớ một thời. "Sông Lô. Cây đa nước chảy. Cây số bảy Hà Giang..." Đất đai gắn với người qua các trạng từ, gắn gọn : sông thì "chảy ở đầu giường" rồi "dưới kia, phía trên là..."

Đoạn hai : kỉ niệm trong thời gian "Đêm nay ta về nằm với những năm", với những kỉ niệm không quên được của ngày "gió núi mưa dầm", của "đêm lạnh buốt, của "lá rì rầm", của trời sũng nước như "ngâm". Năm tháng ấy gắn với đời người bởi nó tác động mạnh vào cảm giác, gắn vào mỗi tế bào da thịt với các động từ ngâm, buốt, xuyên chần, rì rầm...

Đoạn ba : kỉ niệm của tâm trí. Lớp thi sĩ lãng mạn của phong trào *thơ mới* quen sống ở thành thị nay vào chiến khu núi rừng Việt Bắc, công nông hoá sinh hoạt, trong tâm trí hẳn có nhiều biến động, trần trở, đổi thay, tự mình mình biết tự mình mình hay. Nên "Đêm nay ta về nằm lại với ta" để "Thấm thía lại những ngọt bùi kháng chiến". Có câu thơ như lòng biết ơn đất nước : áp tai xuống giường, yêu mến bao la. Những tên phố, tên xóm nhỏ nhói mọt mọt thành cái mốc thiêng liêng của những chặng đời : phố Tam Kì, xóm Ý La...

Trong các đoạn ôn kỉ niệm này, Xuân Diệu thả vào rất nhiều vần, ngoài các vần thông thường ở cuối câu, ông bổ sung các vần giữa câu (nước chảy / cây số bảy - Mưa dầm / rì rầm / như ngâm - Nước / đêm buốt...) tạo nhịp thơ ngắn dài đứt nối phù hợp tâm trạng hồi cổ trong đêm.

Đoạn 4 : cảnh bây giờ. Có cái băng khuâng của Kim Trọng lúc về vườn Thuý tìm Kiều :

*Đầu tường gai góc mọc đầy
Đi về này những lối này năm xưa.*

Xuân Diệu mượn câu 8, mượn nỗi lòng Kim Trọng để nói lòng mình. Câu thơ ngắt nhịp theo từng bước chân ngập ngừng, từng ý nghĩa thâm trầm, nhận lại nét xưa cảnh cũ. Chú ý hai chữ *này* :

Đi về này / những lối này / năm xưa.

Đoạn cuối : Đoạn này lép nhất bài thơ. Chết thơ chấm hết từ đoạn 4 rồi. Thêm đoạn này, Xuân Diệu đã nói *hết nước hết cái*. Nhưng có điều cần thông cảm với Xuân Diệu : vào những năm 60 ấy, xu hướng thơ cần rõ ràng đầy đủ. Thôi thì cứ viết thêm cho nó chắc. (Ý thơ của đoạn kết này ghép vào địa danh nào chả được, cứ gì phải về Tuyên).

VŨ QUẢN PHƯƠNG

Phạm Tiến Duật

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Phạm Tiến Duật. Sinh ngày 14 tháng 1 năm 1941. Quê quán : thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Tác phẩm đã xuất bản :

Vầng trăng quầng lửa (thơ, 1970) ; *Thơ một chặng đường* (thơ, 1971) ; *Ở hai đầu núi* (thơ, 1981) ; *Vầng trăng và những quầng lửa* (thơ, 1983) ; *Thơ một chặng đường* (tuyển thơ, 1994) ; *Nhóm lửa* (thơ, 1996) ; *Tiếng bom và tiếng chuông chùa* (trường ca, 1997).

Giải thưởng văn học :

Giải nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ, 1969 - 1970 (các bài thơ : *Tiểu đội xe không kính*, *Lửa đèn, Nhớ*).

Trường Sơn đông, Trường Sơn tây

Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn
Hai đứa ở hai đầu xa thẳm
Đường ra trận mùa này đẹp lắm
Trường Sơn đông với Trường sơn tây.

Một dãy núi mà hai màu mây
Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác
Như anh với em, như Nam với Bắc
Như đông với tây một dải rừng liền.

Trường Sơn tây anh đi, thương em
Bên ấy mưa nhiều, con đường gánh gạo
Muối bay rừng già cho dài tay áo
Rau hết rồi, em có lấy măng không ?

*Em thương anh bên tây mùa đông
Nước khe cạn, bướm bay lên đá
Biết lòng anh say miền đất lạ
Chắc em lo đường chắn bom thù.*

*Anh lên xe, trời đổ cơn mưa
Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ
Em xuống núi nắng về rực rỡ
Cái nhành cây gạt mối riêng tư.*

*Đông sang tây không phải đường thư
Đường chuyển đạn và đường chuyển gạo
Đông Trường Sơn, cô gái "ba sẵn sàng" xanh áo
Tây Trường Sơn, bộ đội áo màu xanh.*

*Từ nơi em gửi đến nơi anh
Những đoàn quân trùng trùng ra trận
Như tình yêu nổi lời vô tận
Đông Trường Sơn, nối Tây Trường Sơn.*

Lời bình

Nhạc sĩ phổ nhạc cho bài thơ cũng là một người sành điệu. Bởi thế mà dù bị bớt đi hai khổ, tám câu thơ, nhưng bài hát *Trường Sơn đông, Trường Sơn tây* vẫn liền mạch và có phần thêm cô đúc. Tuy nhiên, nhạc có cách nói của nhạc, thơ có cách nói của thơ. Đọc thơ của Phạm Tiến Duật ta sẽ thấy sự thiếu hụt :

*- Một dãy núi mà hai màu mây
Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác.*

*- Đường chuyển đạn và đường chuyển gạo
Đông Trường Sơn, cô gái "ba sẵn sàng" xanh áo
Tây Trường Sơn, bộ đội áo màu xanh.*

Nếu thiếu đi những chi tiết ấy, bài thơ vắng thiếu, giảm bớt "chất phát hiện", vốn là một đặc điểm khá trôi của thơ anh.

Đông và Tây, Em và Anh, Nam và Bắc tuy ở hai đầu xa thẳm nhưng lại chung một dải rừng liên. Cái hay của bài thơ là từ chuyện hai đứa đến chuyện bộ đội và thanh niên xung phong, chuyện Đông và Tây để cuối cùng nói đến chuyện miền Nam, miền Bắc, nói những đoàn quân "trùng trùng ra trận" tiến từ Bắc vào Nam, nói cuộc chiến tranh thống nhất đất nước.

Tình yêu thời chiến tranh của bộ đội, thanh niên xung phong nảy sinh trong gian khổ của chiến trường, gắn liền với những gì dữ dội và khốc liệt. Phạm Tiến Duật từng có nhiều phát hiện :

Giữa chiến trường, nghe tiếng bom rất nhỏ

Hoặc hai câu thơ :

*Cây cúc trắng quên lòng mình đang trắng
Nở hoa vàng dọc suối để ong bay*

Trong bài thơ này anh phát hiện phẩm chất "quên mình" của tuổi trẻ đang yêu. Người bên Tây Trường Sơn lo cho người bên Đông. Người bên Đông Trường Sơn lại lo và thương cho người bên Tây.

Những chi tiết "muỗi bay rừng già cho dài tay áo", "nước khe cạn, bướm bay lên đá" là chi tiết được đối bằng những cơn khát, những trận sốt rét vàng da ở Trường Sơn.

Mấy câu thơ viết tưởng chừng như chơi chơi nhưng được đảm bảo bởi quy luật tâm lí tình vi :

*Anh lên xe, trời đổ cơn mưa
Cái gạt nước xua đi nỗi nhớ
Em xuống núi nắng về rực rỡ
Cái nhành cây gạt mối riêng tư.*

Anh bộ đội và cô thanh niên xung phong. Các anh bộ đội và các cô thanh niên xung phong. Tuổi trẻ xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Mỗi người như đều thấy bóng áo xanh của mình thấp thoáng trên dãy núi hai màu mây. Và họ nổi lời vô tận vào bài ca *Trường Sơn đông, Trường Sơn tây* bất tử.

VŨ NHO

Hoàng Kim Dung

(Dân tộc Tây)

Tên khai sinh : Hoàng Kim Dung. Sinh năm 1952.

Quê quán : huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Bồ ngỗ (thơ, 2005) ; *Chốn xưa* (thơ, 2006)

Hạnh phúc đơn sơ

*Cây hoa sữa trước sân, hai ngọn đứng song song
Là nhân chứng một thời về hạnh phúc
Dầu khô hạn hay mưa dầm, gió bắc
Lá vẫn xanh rờn, hoa ngan ngát dâng hương*

*Khe suối trong lành chảy từ ruột núi
Cũng chia đôi dòng ôm ấp thung xanh
Quanh năm tắm mát cho bờ xôi ruộng mật
Mùa vàng trĩu hạt đẹp như tranh !*

*Mẫu Sơn đôi ngọn – sương huyền ảo
Núi Cha lịch lãm, dáng phong sương
E lệ, dịu dàng duyên núi Mẹ
Lưng diu con, khẽ nép bóng chồng*

*Hạnh phúc nhỏ đơn sơ bình dị
Như cây hai ngọn, suối đôi dòng
Như dáng núi quây quần hội tụ
Tạc vào trời hai chữ thủy chung !*

Lời bình

Bùi Minh Quốc từng viết về hạnh phúc con người trong những năm tháng chiến tranh : *Trong một góc vườn cháy khét lửa na-pan/ Em cũng sốt gặp một nhành hoa cúc/ Và em gọi đó là hạnh phúc.* Hoàng Kim Dung cũng bộc lộ những xúc cảm, những chiêm nghiệm riêng của mình về một "hạnh phúc đơn sơ" giản dị mà bền lâu cùng năm tháng :

*Hạnh phúc nhỏ đơn sơ bình dị
Như cây hai ngọn, suối đôi dòng
Như dáng núi quây quần hội tụ
Tạc vào trời hai chữ thủy chung !*

Chị là con người của những ưu tư, của những mến yêu, thiết tha. Thơ chị có nét đáng yêu, nữ tính, đầm thắm rất riêng, bởi chị hay giải bày tâm trạng, những thoáng suy tư chợt đến một cách rất tự nhiên, dịu dàng, kín đáo. Bài thơ *Hạnh phúc đơn sơ* cũng là một nỗi niềm ngái lại, trong mạch cảm xúc viết về *Dấu thời gian, Kỷ niệm xưa, Ngày ấy - bây giờ*... nhưng là để cảm ơn cuộc đời, cảm ơn số phận đã cho chị những phút giây, những tháng ngày ấy.

Mỗi khổ thơ là một điệp khúc của hạnh phúc bởi ở đó mọi sự vật đều "có đôi có lứa", đều đang trong hạnh phúc viên mãn : cây hai ngọn, suối đôi dòng, núi đôi ngọn... Tác giả khéo léo khi kết hợp hài hoà cả hình ảnh động và hình ảnh tĩnh, sắc màu giản dị cũng như rực rỡ và một loạt từ ngữ giàu khả năng biểu cảm. Khi nhìn ngược về kí ức, chắc hẳn ai cũng sẽ vẽ lên trong mình một con đường, một lối về. Nơi ấy có thể ngập tràn ánh nắng, hoa lá, lời yêu thương... nhưng hơn hết là những gì đã đi qua, dù chỉ một lần,

(1) Tên những bài thơ của Hoàng Kim Dung

nhưng mãi mãi còn ở lại. Với Hoàng Kim Dung, trải qua năm tháng thời gian, cây hoa sữa hai ngọn ngát hương trở thành nhân chứng cho hạnh phúc đã có, đang có và mãi mãi có của chị. Từ gần tới xa, từ sự vật nhỏ bé đến kì vĩ, lớn lao (*hoa lá trước sân nhà, suối nguồn, núi non*) vừa trở thành chứng nhân vừa sẽ chia hạnh phúc với con người.

Lời thơ của Hoàng Kim Dung như thầm thì, nhỏ nhẹ, người đọc thấy cái đa cảm, nỗi lòng yêu quý hết thảy mọi thứ của chị. Và sâu hơn, có ý nghĩa triết luận hơn - ấy là một cách sống, một cách ứng xử - tìm kiếm hạnh phúc ở chính những điều giản dị xung quanh, nguyện gắn bó, nguyện "tạc vào trời hai chữ thủy chung". Bài thơ nhỏ ấy cũng kịp "tạc" vào lòng người đọc một dấu ấn, một thiện cảm và sự trân trọng dành cho tấm lòng người viết.

ĐỖ THU HUYỀN

Dịu dàng

Nhẹ nhàng, nhẹ nhàng thôi

Là cơn mưa bất chợt

Ao xuống rồi tạnh ngay

Đánh thức niềm mơ ước

Nhẹ nhàng, nhẹ nhàng thôi

Mưa không hề báo trước

Bất ngờ, ướt cổ cây

Như một chiều xa lắc !

Dịu dàng, dịu dàng ơi

Một nét cười dịu vợ

Một thoáng nhìn xa xôi

Kí ức còn vương mãi

Dẫu chỉ là phút chốc

Vẫn còn hoài... bàng hoàng !

Lời bình

Mỗi bài thơ của Hoàng Kim Dung là một kỉ niệm, chị ghi lại những khoảnh khắc, tâm trạng mình bằng những nét vẽ dịu dàng, mộc mạc, nữ tính. Cái riêng của thơ chị là chất say say của hạnh phúc tròn đầy, như chạm tới, như cầm nắm được ; vừa gần bó với thực tại nhưng vẫn phảng phất nét mơ hồ, xa xăm. *Dịu dàng* của chị mang đến cái ý vị dễ thương, nhẹ nhàng, kín đáo :

- Nhẹ nhàng, nhẹ nhàng thôi

Là cơn mưa bất chợt

- Dịu dàng, dịu dàng ơi

Một nét cười dịu vợi

Từ ngữ biểu đạt cảm xúc rất quen thuộc mà lại mang đến nét mới lạ, đó là ở nhịp điệu. Câu thơ như có nhạc, du dương - một âm trầm mơ màng. Mưa đến đánh thức niềm mơ ước trong chị, đánh thức “nét cười dịu vợi” ngày xưa vào “một chiều xa vắng”. Hình như không chỉ là cơn mưa bất chợt, nó còn là một thoáng xao lòng của tâm hồn con người :

Một thoáng nhìn xa xôi

Kí ức còn vương mãi

Để đến nỗi, dẫu chỉ là cơn mưa bất chợt nhưng đã đem đến một “tình yêu bất ngờ” đầy thi vị. Nét cười dịu dàng mơ hồ, niềm mơ ước ngày xưa xa vắng lắng nằm ở góc khuất của tâm hồn, và được đánh thức bằng một cơn mưa không hề báo trước. Ẩn sau câu chữ là cái mỉm cười kín đáo, cái suy tư

mệnh mang của con người. Cơn mưa ào xuống rồi tạnh ngay nhưng cái xao lòng, rung động kia chưa tạnh hẳn, vẫn da diết mãi.

Giữa những xô bồ của cuộc sống, đôi khi chỉ cần những phút “nhẹ nhàng, nhẹ nhàng thôi”, “dịu dàng, dịu dàng ơi” là khiến ta tìm thấy chính mình của một thời lãng mạn khi xưa, và nhờ đó cũng kịp tạo nên những vần thơ nhỏ xinh, gợi cảm.

Hoàng Kim Dung luôn khắc họa mỗi cảm xúc, tâm trạng của mình bằng thơ. Thơ như một cứu cánh cho tâm hồn đa cảm, mong manh, dịu dàng ấy ; và, nói như cách nói của Lò Ngân Sủn, sẽ là : “Tôi làm việc bằng cái đầu, sống bằng thơ và bay lên bằng mơ ước”.

ĐỖ THU HUYỀN

Quang Dũng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Bùi Đình Dậu (tức Diệm). Sinh năm 1921. Quê quán : xã Phương Trì, huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây. Mất ngày 14 tháng 10 năm 1988 tại Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản :

Bài thơ sông Hồng (truyện thơ, 1956) ; Mây đầu ô (thơ, 1986) ; Mùa hoa gạo (truyện ngắn, 1950) ; Đường lên Thuận Châu (bút kí, 1964) ; Nhà đối (truyện ngắn, 1970) ; Một chặng đường Cao Bắc (bút kí, 1983) ; Thơ văn Quang Dũng (tuyển, 1988).

Tây Tiến

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi !
Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
Mường Lát hoa về trong đêm hơi
Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi
Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời !
Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người
Nhớ ôi ! Tây Tiến cơm lên khói
Mai Châu mùa em thơm nếp xôi.
Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa
Kìa em xiêm áo tự bao giờ
Khèn lên man điệu nàng e ấp
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
 Có nhớ dáng người trên độc mộc
 Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa
 Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
 Quân xanh màu lá dữ oai hùm
 Mất trùng gửi mộng qua biên giới
 Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
 Rải rác biên cương mồ viễn xứ
 Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
 Áo bào thay chiếu anh về đất
 Sông Mã gầm lên khúc độc hành
 Tây Tiến người đi không hẹn ước
 Đường lên thăm thẳm một chia phôi
 Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
 Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Lời bình

Nói đến Quang Dũng, trước hết mọi người nhắc đến *Tây Tiến*. *Tây Tiến* được viết ra vào năm 1948 khi Quang Dũng xa đơn vị cũ một thời gian. Những năm tháng gắn bó với *Tây Tiến*, tình đồng đội, đồng chí thiết tha, tình quân dân mặn nồng và cả những miền đất đã đi qua của những kỉ niệm, làm sống lại hồn thơ. Kỉ niệm ấy gắn với một thời trai trẻ của nhà thơ và tạo nên bao nuối tiếc ; và nhà thơ không tránh khỏi xúc động như thốt, như kêu lên để tưởng nhớ lại một kỉ niệm sâu sắc đã đi qua trong cuộc đời :

Sông Mã xa rồi *Tây Tiến* ơi !
 Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi
 Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi
 Mường Lát hoa về trong đêm hơi
 Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
 Heo hút cồn mây, súng ngửi trời.

Núi rừng được khắc hoạ với bút pháp lãng mạn. Thiên nhiên vừa dữ dội lại vừa hùng vĩ như đang thử thách với con người qua từng chặng hành quân. Thiên nhiên hiểm trở mà đẹp. Những hình ảnh của rừng núi hiểm trở xen lẫn với hình ảnh đẹp của làng quê bình dị : "Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi". Gợi thương gợi nhớ nhiều nhất vẫn là những kỉ niệm của bộ đội với nhân dân. Bài thơ khơi sâu vào những miền kỉ niệm đẹp nhất và

cũng mờ ảo lung linh nhất của cái thực và mơ, của cảnh vật quyến luyến và hồn vương vấn :

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

Quang Dũng không chỉ miêu tả cái đẹp mà còn gợi lên phần thiêng liêng của cảnh vật. Bài thơ dường như đã nói được nhiều về con người và cảnh vật nhưng đến đây thì đoàn quân Tây Tiến mới xuất đầu lộ diện với dáng vẻ đặc biệt :

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.*

Đơn vị Tây Tiến ở giữa một vùng sốt rét hoành hành nên tóc rụng, da xanh bủng. Quang Dũng không muốn chỉ tả vẻ yếu ớt về hình thức mà muốn nói đến sức mạnh bên trong, đến dũng khí của đoàn quân, vẫn mạnh mẽ, vẫn dữ oai hùm.

Phẩm chất cao đẹp và thử thách lớn lao nhất đối với người lính là ý thức sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc. Và cũng không chỉ là ý thức mà ý thức đã biểu hiện trong hành động thực tế. Nhiều người đã hi sinh, những năm mồ nơi viễn xứ không làm họ lo sợ.

Bài thơ đi vào kết thúc với những câu thơ đẹp :

*Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.*

Gian khổ khó khăn nhiều nhưng không một ai thoái thác trách nhiệm. Một ra đi là không trở lại, ra đi phải giành lấy phần chiến thắng.

Tây Tiến là một sáng tác thơ có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật. Có cái đẹp hùng tráng của núi rừng hiểm trở và vẻ đẹp bình dị, nên thơ của cuộc sống nơi bản làng quê hương, cùng cảm hứng mạnh mẽ, hoà hợp với chất trữ tình nhẹ nhàng, mềm mại trong thơ. Đặc biệt, *Tây Tiến* là bài thơ giàu nhạc điệu, nhạc điệu của cuộc sống và nhạc điệu của tâm hồn. Xuân Diệu cho rằng đọc bài thơ *Tây Tiến* như ngâm âm nhạc trong miệng. Bài thơ hấp dẫn và góp phần ghi lại hình ảnh đẹp của người chiến sĩ quân đội trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

HÀ MINH ĐỨC

(Lược trích *Tác phẩm Văn học 1945-1975*)

Rừng

Rừng ta thâm nghiêm
Um tùm bóng cả
Xanh Trường Sơn cây cổ đại nghìn năm
Rừng miền Tây che gió Lào quạt lửa
Đông Bắc rừng che kín mỏ hầm
Vòm xanh mái nhà
Đình, lim dựng cột
Bóng ông cha từ những tuổi đá vàng
Một rừng già trong bão táp
Hiên ngang
che chở nắng mưa dân tộc
Ngàn vạn dòng khe tung nước trắng
Ngàn bản hùng ca reo chiến thắng
Tiếng rừng không đâu chỉ tiếng tiểu phu
Tiếng búa sơn tràng rơi vắng lặng
Tiếng rừng không chỉ tiếng voi đi
Răng rắc cành rơi
Áo lá rụng
Tiếng rừng không chỉ tiếng hươu vàng
Tiếng hoẵng điểm mướt vách đá vàng
Cổng mở tổ tiên xưa đã nổi
Trống đồng ốc lệnh đuổi xâm lăng
Rừng Lam Sơn
vào lịch sử
đầy trang
Buổi dựng Nước
Cây ngàn dâng sóng biển
Rừng Bắc Giang
Ba mươi năm tử chiến
Không chung thước đất với quân thù
Hoa lau trắng bạc trời Yên Thế
Danh Hoàng Hoa Thám rạng muôn thu
Tiếng rừng đâu chỉ tiếng tiểu phu
Tiếng búa sơn tràng rơi vắng lặng.

Sớm rừng một buổi Tiến quân ca
Đất nước anh hùng cất cánh
Đóm lửa chiến khu thành ánh sáng
Đã nhen trong bóng những rừng già
Mười năm giữ nước cây không mới
Gai góc
Dây leo
Chằng chịt lối
Bộ đội làm thơ yêu quý Rừng
Rừng :

"Tây có mắt mà như bưng"

Lính giặc ra hàng còn khiếp vía
Quân ta xanh lá hiện ngang đường
Rừng trên mũ súng vào quân địch
Lá rừng thét gió đợt xung phong.

Im rồi ! Chiến dịch vừa ngơi súng
Thắng trận anh về áo rách bươm
Lá cũng tả tơi nhường mệt mỏi
Càng thêm kiêu đẹp về anh hùng...

Nhớ mái rừng xanh
Ngày tản cư
Măng đang
Nõn núa
Ngày đợi
Đêm chờ
Ơn rừng ta đặt tên con nhỏ
Là những "Đèo Hoa" những "Suối Thơ"
Bao công dân mới mười lăm tuổi
Đã sinh cùng Nước một rừng xa.
... Kháng chiến thành công
Người tạm biệt
Vội rừng. Cây lá đổ về xuôi
Quân vào Hà Nội đường thơm hắc
Trấn thủ còn mang vị núi đồi
Lá nguy trang xanh đầu trọng pháo
Hương rừng bỗng mát cả ngày vui.

.....

1960

Lời bình

Cái tứ bao trùm của bài thơ là từ thuở sơ khai, rừng đã gắn liền với vận mệnh của con người, rừng đã gắn liền với sự tồn vong của đất nước, của dân tộc, từ những ngày dựng nước, qua nhiều chặng đường lịch sử. Hơn thế nữa, hạnh phúc lớn của một dân tộc là được có rừng trên đất đai mình, niềm sáng khoái vô biên của con người là được sống với rừng, được tồn tại cùng rừng.

Ở đây, Quang Dũng đã sử dụng thể loại tráng ca mà ông rất thành công trong một số bài thơ như *Tây Tiến*, *Những làng đi qua*... Thể loại này rất thích hợp để hàm chứa nguồn cảm hứng dồi dào và mạnh mẽ, tự nhiên của ông về rừng, những cảm xúc tươi xanh, khoẻ mạnh như chất nhựa và chất men của thiên nhiên vừa ngọt thơm, vừa hăng nồng mà say lòng người, những ý thơ vạm vỡ như những gốc cành đại thụ.

Nghệ thuật của ngòi bút Quang Dũng là sự pha trộn tài tình những nét hoành tráng hoang sơ của rừng với cái hào khí, cái kiêu hùng của những chiến thắng lịch sử của cha ông và của thời đại chúng ta :

*Tiếng hoẵng điểm mưa vách đá vàng
Cổng mơ tổ tiên xưa đã nổi
Trống đồng ốc lênh đuối xâm lăng...*

Và :

*Đốm lửa chiến khu thành ánh sáng
Đã nhen trong bóng những rừng già.*

Nhưng ngay trong hơi thở của tráng ca xuyên suốt bài thơ, ta vẫn nhận ra cái tinh tế của một ngòi bút tài hoa :

*Quân vào Hà Nội còn thơm hắc
Trấn thủ còn mang vị núi đồi.*

Quang Dũng đã thành công vì ông đã từng sốt rét đến tột độ, ăn đói mặc rét, sống chết với rừng trong đoàn quân Tây Tiến. Sau kháng chiến chống Pháp, ông lại nhiều lần trở lại với rừng, sống với muối vắt cùng những người làm nghề rừng ở Tây Bắc, rồi cốn bè, nằm ngủ trên sóng cùng với họ xuôi sông Chảy, sông Lô, sông Đà. Và đó chính là cái thú lãng mạn, một niềm vui thuần phác đã mang lại nguồn cảm hứng cho nhà thơ.

NGÔ QUÂN MIÊN

Nguyễn Khoa Điềm

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Khoa Điềm. Sinh ngày 15 tháng 4 năm 1943. Quê quán : xã Phong Hoà, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tác phẩm đã xuất bản :

Đất ngoại ô (thơ, 1973) ; *Cửa thép* (kí, 1972) ; *Mặt đường khát vọng* (trường ca, 1974) ; *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (thơ, 1986) ; *Thơ Nguyễn Khoa Điềm* (thơ, 1990).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam (tập thơ *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm*).

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ già gạo mẹ nuôi bộ đội
Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhóp nhô làm gối
Lưng đưa nôi và tim hát thành lời :

- Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vùng chày lún sân...

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang tựa bắp trên núi Ka-lúi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ

*Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.*

*- Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đồi
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-lui...*

*Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang chuyển lán, mẹ đi đập rừng
Thằng Mĩ đuổi ta phải rời con suối
Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ dịu em đi để dành trận cuối
Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường
Từ trong đói khổ, em vào Trường Sơn.*

*- Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay mẹ thương đất nước
Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ
Mai sau con lớn làm người Tự do...*

25-3-1971

Lời bình 1

Đây là bà mẹ Tây Nguyên luôn luôn dịu con trên lưng khi làm việc. Chọn bà mẹ đang nuôi con và đứa nhỏ còn ấp vú mẹ làm hai nhân vật tham gia đánh giặc, tác giả muốn nhấn mạnh tính chất toàn dân của cuộc kháng chiến, đồng thời ca ngợi tình mẫu tử sắt son. Nguyễn Khoa Điềm đã cố gắng nói ít nhưng lại để ta thấy hết được cái chất của tình mẹ ấy : tha thiết đậm thắm như mọi tình mẹ con truyền thống Việt Nam, nhưng lại có cái cao cả rộng lớn của thời đại cách mạng. Cách diễn đạt có nhiều mới mẻ : anh ví con là mặt trời của mẹ, nhưng là mặt trời thân gần, nằm ngay trên lưng mẹ. Cây bắp sống được là nhờ có mặt trời, mẹ sống được qua mọi cực nhọc của cuộc đời này cũng là nhờ có con. Mà con đối với

mẹ còn hơn cả mặt trời đối với cây cối, vì mặt trời còn cao chứ con thì ở ngay trên lưng mẹ, mẹ luôn dịu con, nghe cái ấm nóng của con toả trực tiếp trên da thịt mẹ. Mẹ cảm nhận được con lớn từng ngày trên lưng mẹ. Ý thơ sâu sắc như vậy nhưng vẫn bám rất chắc vào các chi tiết thực. Nó gây được ấn tượng mạnh vì được chuẩn bị từ câu thơ trên : "Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi". Tác giả tung hứng chi tiết, hình ảnh rất tài : ý trên gợi ý dưới, câu dưới dọi lên câu trên, đoạn sau, đoạn trước đan cài chặt chẽ. Đây là bài thơ mà sự kết cấu của nó đã trở thành nội dung. Nếu vẫn ý thơ này nhưng thiếu những thủ pháp ấy, hương sắc sẽ nhạt đi nhiều.

Ví dụ hai câu :

*Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường
Từ trong đôi khố, em vào Trường Sơn.*

Nếu tách hai câu xa nhau, sẽ không thấy được tính quy luật tất yếu của cách mạng. Câu trên có thể vẫn là câu thơ hay : Từ cuộc đời của em bé cụ thể này, tác giả đã bao quát được số phận của cả đất nước - một đất nước đã có truyền thuyết chú bé làng Gióng bước từ nôi tre ra là nhảy ngay lên ngựa sắt ra trận, câu tập nói đầu tiên là xin đi đánh giặc. Câu thơ dưới tính hình tượng ít hơn, nhưng cũng là một cách khái quát con đường đi tới cách mạng của nhân dân ta. Đặt hai câu cạnh nhau, tạo thành một cặp lập luận, chúng có sức cộng hưởng sang nhau, tạo thành một khối vừa sâu về ý vừa đẹp về hình ảnh.

Sau hết xin được nói tới cái đầu bài. Đây là câu thơ hay nhất của bài. "Những em bé lớn trên lưng mẹ". Người mẹ trở nên vĩ đại như trái đất và đứa con thì thần kì như Phù Đổng. Hình ảnh phi lí nhưng đã thấu tóm thấu lí nhất nội dung của bài thơ.

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Lời bình 2

Bài thơ mang tên là "khúc hát ru". Điểm mới mẻ đầu tiên là có hai người ru em cu Tai. Tác giả và người mẹ Tà-ôi. Hai người ru, hai lời ru - những lời ru ấy quấn quýt, vừa nói về hiện thực, vừa nói về ước mơ, vừa ru em, nhưng cũng vừa ca ngợi mẹ em. Đây là một cách tân trong kết cấu lời tu làm cho "khúc hát" có một sự hoà thanh mới lạ.

Theo những lời ru của tác giả, ta biết được mẹ em như một người lao động cần mẫn. Những công việc của mẹ em vừa có nét truyền thống : giã gạo, phát rẫy, lại vừa có nét hiện đại : đập rừng chuyển lán. Nhưng đây không phải là công việc bình thường của người mẹ trong gia đình. Công việc ấy mang một ý nghĩa khác thường, đó là việc nhà, nhưng cũng là việc nước, việc kháng chiến, việc cách mạng. Giã gạo, phát rẫy, đập rừng để nuôi bộ đội, nuôi dân làng và đánh giặc. Vì thế người mẹ không chỉ là người mẹ của riêng em cu Tai, mà trở thành mẹ chiến sĩ, và cao hơn là mẹ Tổ quốc.

Những lời ru của mẹ - "tìm hát thành lời" đó là tình cảm của mẹ, là khao khát ước vọng của mẹ đối với con trai của mình. Điều mới ở đây là tình mẫu tử thiêng liêng không phải chỉ dành cho một người con duy nhất của mẹ. Tình thương đó dành cho bộ đội, cho dân làng, và cho đất nước. Hiện tại, tương lai gần, tương lai xa của con trai đều gắn liền với dân làng, với cuộc kháng chiến của dân tộc.

Một khúc hát ru, nhưng là khúc hát ru hiện đại, nên không có những "sung chát đào chua", không có những "cái cò đi đón cơn mưa" trong cơn đông tối tăm mù mịt. Cũng không có những hình ảnh tươi đẹp của cuộc sống thanh bình. Hiện ra trong khúc hát ru là nỗi gian khổ, vất vả, nhọc nhằn : mồ hôi mẹ rơi, vai mẹ gầy nhấp nhô.

Hiện ra trong khúc hát ru còn là tấm lưng của mẹ. Lưng đưa nôi và lưng chính là nôi. Tấm lưng trần của người mẹ Tà-ôi gắn chặt với con trai trong mọi công việc vất vả nặng nhọc, tấm lưng ấy nhỏ, không to như lưng núi, nhưng bền bỉ như lưng núi và kiêu hãnh hơn lưng núi vì con trai - mặt trời của mẹ nằm ở trên lưng. Và sau hết "Từ trên lưng mẹ, em đến chiến trường". Đến đây ta bỗng hiểu vì sao Nguyễn Khoa Điềm đặt tên cho khúc hát ru là *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*. Phải chăng mẹ đã dùng tấm lưng làm nôi nuôi dưỡng những dũng sĩ cho cuộc kháng chiến của dân tộc và gánh chịu tất cả nỗi vất vả gian lao để giành chiến thắng. Người mẹ Tà-ôi, người mẹ Việt Nam mãi mãi là nguồn cảm hứng bất tận cho các nhà thơ ca ngợi. *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* là một giai điệu đẹp trong bản giao hưởng lớn về người mẹ ấy.

VŨ NHO

Lương Đình

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Lương Đình Đình. Sinh ngày 27 tháng 5 năm 1957. Quê quán : xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tương tư (thơ, 1991) ; *Núi và hòn đá lẻ* (thơ, 1995)...

Mùa thu dưới lũng

*M*ây chở thu về qua hẻm núi
Lời ru của mẹ nâng mây cao
Tiếng chim Từ Quy ca trên rẫy
Sương khói lên trời khăn ai bay

*Cô gái lượm bông say tiếng hát
Sao để mùa thu buồn một mình
Mùa thu cho quả lê bớt chát
Em hát cho ai ngọt điệu khèn ?*

*Đêm dưới lũng vắng trăng lên muộn
Tiếng chày giã cối nhịp dồn nhanh
Gió thu qua lũng hoang lỏng lộng
Sao để đông đầy hương cối xanh ?*

*Mùa thu dưới lũng mùa gặt hái
Rượu rót thương vào đêm hội mới
Uống nào em bản ta bình yên
Mai xa cách có mùa thu ở lại.*

Lạng Sơn, thu 1980

Lời bình

Thấy được mùa thu đã về qua một hẻm núi, thì đó quả là lối cảm nhận của người sống giữa trùng điệp núi. Cái giây lát bắt đầu của lúc giao mùa ấy, thật nhẹ nhàng, thật mỏng manh - người ta thấy hình hài của mùa thu ẩn hiện trong những gì biến ảo nhất, như có như không nhất. Mùa thu trở về trên đôi cánh trong suốt của nó, giữa những áng mây kia. Lời ru của mẹ cũng trong suốt như thế, nó lẫn vào sự trong suốt của mùa thu, nhẹ đến mức có thể "nâng mây cao". Hình ảnh đột khởi nhất lúc mùa thu về nơi lưng núi, cũng được tạo dựng từ những gì không nắm bắt được : "Sương khói lên trời khăn ai bay". Thơ mùa thu mà viết về sương khói thì chẳng còn gì để bàn, nhưng khi bảo sương khói ấy "lên trời" như một dải khăn bay, thì lại muốn được bàn về cái sự ít giống ai của nó ! Những câu thơ dâng lên một không khí lặng lẽ, đâu đâu đó có tiếng hát, điệu khèn, tiếng chim Từ Quy... Nó cứ lặng lẽ đến nao lòng người như cái vẻ "buồn một mình" rất thiếu nữ kia, như cái vị chát đang bắt đầu trong những trái lê mùa thu kia !

Ngay cả khi đất trời được đánh thức bởi những nhịp dồn nhanh của "tiếng chày giã cối", bởi "gió thu qua lưng hoang lộng lộng" như những vó ngựa vô định, thì mùa thu dưới vầng trăng lên muộn nơi lưng núi vẫn không vì thế mà mất đi vẻ đẹp tĩnh lặng của nó. Chỉ với một không gian "đong đầy hương cối xanh" thôi, cái "tĩnh" và cái "động" của mùa thu xứ núi đã lẫn vào trong nhau, tồn nhau lên trong một vẻ hài hoà sinh động.

Mùa thu nơi lưng núi cũng là mùa của no ấm, của bình yên :

*Mùa thu dưới lưng mùa gặt hái
Rượu rót thương vào đêm hội mới...*

Lòng người mở hội trong những đêm mùa thu, thiên nhiên cũng quay quần trong không khí hội hè. Mùa thu thường gợi cho người ta một nỗi buồn xa vắng, nhưng ở nơi lưng núi thì khác : "Rượu rót thương vào đêm hội mới". Rượu ở đây dường như cũng không phải thứ rượu ta thường gặp, bởi nó là thứ rượu "rót thương" giữa con người với con người, giữa con người với quê hương xứ sở. Hai chữ thật hay, nó dựng được cả thần thái của những đêm miền núi. Và chúng ta, những người đọc, bắt giắc chúng ta cũng muốn được nghiêng chén cùng Lương Định, uống hết chữ "thương" với người dân lưng núi quê anh...

TRẦN HOÀ BÌNH

Lời người cha Lũng Núi

(Tặng các con : Vũ - Châu - Long)

Con ơi con !
Làm người trai Lũng Núi
Khi đi rừng nhớ mang theo dao
Lối trong rừng
Không ai mở sẵn
Bằng con dao sắc của mình
Con tự mở lối đi...

Thay lời ru bao đời trong kinh kệ
Cha ru con bằng bài hát người Tày
Mở ra một con đường
Vực đá chênh vênh

Con trai ơi !
Chớ vội giật mình
Hãy lên đường
Bằng đôi chân đạp xô đá núi
Đừng ngồi trên mình ngựa
Dong dong theo lối mòn
Cha không thích những bài ca xưa cũ
Nghe hoa mi hát mãi cũng nhàm
Nhìn con nhện giăng tơ
Sẽ làm con rối mắt

Bỏ con dao vào bao
Nhớ mài thật sắc
Khi cần rút ra
Tự mở một con đường...

Lạng Sơn – TP.HCM, 1985

Lời bình

Giá trị trong lời dặn của người cha Tày là ở chỗ nó là một bài học được rút ra từ kinh nghiệm sống, chứ không phải một lời giáo huấn trang trọng

nằm trong "kinh kệ". Bài học của sự tự tin và không kém phần quyết liệt, bởi vậy chút cực đoan ở đây là điều có thể hiểu được : "Cha không thích những bài ca xưa cũ. Nghe hoạ mi hát mãi cũng nhàm" ! Người ta thường cực đoan trong hai trường hợp, hoặc là quá quyết liệt, hoặc là quá thông minh. Tôi cho rằng lời dặn của người cha Lũng Núi này, có cả hai phẩm chất đó.

Đâu là sự thông minh ? Đó là cách nói như buột miệng, như không có gì về một chân lí : "Lối trong rừng. Không ai mở sẵn". Phải từng trải đến một mức nào đó, trải qua đến một mức nào đó, người ta mới thừa nhận một sự thật giản đơn như vậy, còn lũ trẻ thì chưa thể - chúng tưởng rằng mọi con đường đã có sẵn, cũng sẵn như những bài ca kia, như tiếng hoạ mi và những con nhện giăng tơ kia ! Có lẽ không quá khi bảo rằng những lời dặn của người cha sẽ trở thành bài học thứ nhất cho những đứa con được sinh ra trong Lũng Núi. Đó là một cảnh báo. Nhưng người cha chưa dừng lời ở đó, ông khuyên con trai :

*Đừng ngồi trên mình ngựa
Dong dong theo lối mòn*

Ý tưởng của bài thơ đã được đẩy lên một mức nữa. Hoá ra là đi trên những nẻo đường người ta đã mở sẵn cho mình cũng chẳng hay ho gì, nó nhàm chán và "rối mắt". Đến đây thì con người nghệ sĩ trong người cha - kẻ luôn dị ứng với mọi khuôn phép, kẻ khát khao sáng tạo những giá trị mới - đã bộc lộ. Kinh kệ, những bài hát xưa, tiếng hoạ mi... tất cả những cái có sẵn ấy đều trở nên dễ dãi đến mức không chấp nhận được đối với người cha này. Vậy là không còn cách nào khác để sự tồn tại trở nên có ý nghĩa, ngoài việc "Bằng con dao sắc của mình... tự mở lối đi". Và như vậy có nghĩa là người cha đã muốn các con mình lựa chọn một tâm thế, một thái độ trước khi bước vào đời : hãy tin vào sức lực của chính mình để chấp nhận mọi gian khó "Mở ra một con đường. Vực đá chênh vênh". Khó khăn biết nhường nào khi phải tìm ra một lối đi cho riêng mình, nhưng với những con người muốn làm chủ số phận thì việc phải nương theo những lối mòn không phải của mình, còn khó khăn hơn nhiều. Tình thế buộc họ phải quyết liệt : "Hãy lên đường. Bằng đôi chân đạp xô đá núi".

Chẳng biết có đúng không, tôi cứ nghĩ ẩn chứa trong những lời người cha Lũng Núi kia, có một "tuyên ngôn thơ" của Lương Định.

TRẦN HOÀ BÌNH

Núi và hòn đá lẻ

*Đêm giao thừa xa xứ
Tôi – Hòn Đá Lẻ
Nhớ Núi Quê*

*Phiên chợ Kỳ Lừa
Năm nem
Bát rượu
Ngày xuân
Câu lợn
Câu sli
Dù nhau lên đôi vắng
Cha, mẹ không ưng
Ai cấm được chim trời...?*

*Ngược Kỳ Cùng
Tôi tìm lên chốt núi
Chân trần
Đá nhọn
Quên đau*

*Ngày ấy
Mình yêu nhau
Em ở bên kia núi
Nơi vắng trắng lên*

*Tôi ở bên này núi
Nơi mặt trời lặn
Năm ngày phiên chợ
Ôi... đếm khuyết vắng trắng*

*Ngày ấy
Bây giờ
Đời quá nửa
Tôi – Hòn Đá Lẻ
Quê người thiếu núi...
Núi Quê ơi !*

TP. Hồ Chí Minh, 9-1989

Lời bình

Người con trai Tày có tên là Lương Định đã tự ví mình như một hòn đá lẻ bị văng ra khỏi dãy núi quê hương. Trong đêm giao thừa, đêm của những cảm xúc nguồn cội, hòn đá lẻ ấy đang tự nung cháy mình để tìm ra mối liên hệ với Núi Mẹ. Hình ảnh mở đầu của bài thơ khá ấn tượng, nó dự báo những bất ổn trong tâm hồn người làm thơ.

Chỉ còn một nỗi nhớ gan ruột của kẻ tha hương và cũng chỉ còn nỗi nhớ ấy mới là phương cách tốt nhất để chống trả nỗi cô đơn trong lòng kẻ sầu xứ. Nhớ một phiên chợ núi "Năm nem. Bát rượu. Ngày xuân. Câu lợn. Câu sli..." - những tín hiệu không thể lẫn của một vùng quê núi. Cũng chẳng cần dài lời, mỗi tín hiệu đã tự làm nên một âm vang của nó. Nơi ấy những lứa đôi "Đi nhau lên đồi vắng. Cha, mẹ không ưng. Ai cấm được chim trời". Cũng nơi ấy, người con trai có một mối tình. Tình yêu của họ có Núi Mẹ làm chứng : "Em ở bên kia núi. Nơi vắng trắng lên. Tôi ở bên này núi. Nơi mặt trời lặn". Thơ hiện đại mà như một khúc dân ca đã có tự ngàn đời nơi các triền núi. Vẻ cao khiết của mối tình đầu đã toả ra từ những hình ảnh sáng nhất, trong vắt nhất, tất thấy dường như đang vươn tới sự vĩnh hằng... Trong một khoảnh khắc, hòn đá lẻ đã nhập vào Núi Mẹ. Người con trai xa quê đã tước đi hết những khoảng cách địa lí, anh như đang sống thực trong quãng thời gian xác định : "Năm ngày phiên chợ. Ôi... đếm khuyết vắng trăng" !

Nhưng cái hiện thực của thơ là hiện thực của tâm trạng. Kí ức như men rượu nồng vẫn không nằm ngoài tâm trạng "đá lẻ". Sau men, hòn đá lẻ thấy mình như càng thừa ra nơi quê người, càng khắc khoải hơn bao giờ hết :

*Ngày ấy
Bây giờ
Đời quá nửa
Tôi - Hòn Đá Lẻ
Quê người thiếu núi...
Núi Quê ơi !*

Trong câu thơ, ta nghe thấy tiếng rạn của đá. Nhưng khi người con trai của núi cay đắng thốt lên "Quê người thiếu núi", thì ta thấy anh đã tìm ra, hoặc ít nhất cũng đang khao khát dò tìm, một mối liên hệ với Núi Mẹ - nơi anh đã bị văng ra như một Hòn Đá Lẻ.

TRẦN HOÀ BÌNH

Bàn Tài Đoàn

(Dân tộc Dao)

Tên khai sinh : Bàn Tài Tuyên. Sinh ngày 28 tháng 9 năm 1913. Quê quán : xã Quang Thành, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Muối của cụ Hồ (thơ, 1960) ; *Cò mắt thấy đường đi* (thơ, 1962) ; *Xuân về trên núi* (thơ, 1963) ; *Một giấc mơ* (thơ, 1964) ; *Kể chuyện đời* (thơ, 1968) ; *Chùm sậy Cầu* (thơ, 1969) ; *Tháng Tám đổi mới* (thơ, 1971) ; *Rừng xanh* (thơ, 1973) ; *Sáng cả hai miền* (thơ, 1975) ; *Gửi đồng bào Dao* (thơ, 1979) ; *Nơi ta ở* (thơ, 1979) ; *Bước đường tôi đi* (thơ, 1985) ; *Tuyển tập thơ Bàn Tài Đoàn* (1993) ; *Đời người Dao* (văn xuôi, 1948) ; *Hồi kí khu Quang Trung* (1994) ; *Vấn đề văn nghệ miền núi* (tiểu luận, 1948).

Muối của Cụ Hồ

Người Mèo ngày xưa bao đời lại
Ở đất Đồng Văn đói khổ nghèo
Ngẩng đầu thấy núi cao chót vót
Cúi đầu thấy đá chồng chất nhau
Bấp vùi xuống đất trên khe đá
Nó mọc lên không chịu ra hoa
Con khóc đòi ăn cơm chấm muối
Mẹ tìm đâu hột muối cho con ?
Mẹ dỗ : Con ơi đừng khóc nữa
Bố gánh củi đi chợ đổi muối rồi
Con nín nghe theo lời mẹ bảo
Bố về được muối đầu đũa ngon
Cánh cửa nát xưa kẹt hé mở
Vui sướng biết bao thấy bố về
Nhưng sao im lặng bố không nói

Con hỏi muối đâu, bố lắc đầu
Không đủ tiền người giàu không bán
Niềm mong thất vọng đến với con
Nước mắt con chảy quanh má nhỏ
Bố chỉ nhìn con biết làm sao ?
Đến ngày không có tàu bay giặc
Quân Pháp phải bỏ đất Hà Giang
Một buổi sáng đất trời ảm áp
Nắng non dọi chiếu qua đầu làng
Có một người lạ đến vùng cao
Trên người mặc bộ quần áo nâu
Nói tiếng gì, mẹ nghe không hiểu
Anh tìm hỏi đến những nhà nghèo
Mẹ hỏi : anh người ở đâu đến ?
Vào đây sưởi lửa uống chè xanh
Người lạ tươi cười đáp lời mẹ
Tôi là người cán bộ Cụ Hồ.

Từ khi cán bộ Cụ Hồ đến
Ngoài chợ có bán nhiều thứ hàng
Có hàng bán muối tha hồ chọn
Có hàng bán vải đỏ, vải xanh
Cụ Hồ mang áo về, dân mặc
Cụ Hồ đem muối về, dân ăn.
Nay Bác bảo ta đi đào đất
Mở thêm đường cái lên Đồng Văn
Có xe mang thêm nhiều muối đến
Người Mèo ta không sợ đói nghèo.

3-4-1960

Lời bình

Từ bao đời nay "muối mặn gừng cay" đã đi vào văn học và trở thành một biểu tượng nói về sự gắn bó thủy chung. Nhưng trong *Muối Cụ Hồ*, Bàn Tài Đoàn không có ý nói về cái biểu tượng đã trở thành siêu mẫu ấy của ca dao. Nhà thơ nói về một thực tế : "Có xe mang thêm nhiều muối đến. Người Mèo ta không sợ đói nghèo".

Đây là bài thơ khá đậm chất tự sự. Nhà thơ nói về những ngày đói muối đầy cơ cực để làm nổi bật niềm hạnh phúc khi nhận muối Cụ Hồ. Những hạt muối mặn mòi ấy chính là tình yêu thương của cách mạng, của Bác dành cho nhân dân miền núi : "Cụ Hồ mang áo về dân mặc. Cụ Hồ mang muối về dân ăn. Nếu như phần đầu bài thơ, giọng thơ nghẹn ngào thương cảm thì phần sau bài thơ đầy ắp những nụ cười ấm áp. Những hạt muối nhỏ bé kia lại chính là những hạt muối chứa đựng một tình yêu thương rộng lớn. Câu chữ của bài thơ thật giản dị nhưng vẫn hấp dẫn được người đọc. Sức hấp dẫn ấy của thi phẩm, ngấm ra, bắt nguồn sự chân thực của trái tim người nghệ sĩ.

NGUYỄN ĐĂNG ĐIẾP

Tìm bạn

Từ khi mẹ đẻ tôi ra
Sống ở trên rừng thánh lại năm
Rừng cây làm nhà cho tôi ở
Rừng cây kê giường cho tôi nằm
Đất rừng gieo lúa cho tôi sống
Rừng có nước chảy cho tôi uống
Đời vui nhớ mãi khó xa là

Bởi vì không có đất ổn định
Chạy khắp núi rừng đi kiếm ăn
Chạy khắp bốn phương tuổi dần mất hết
Nhớ tới rừng xưa lại trở về

Về đến rừng xưa tìm chẳng thấy
Không biết rừng xanh đi lúc nào
Không nghe thấy gà rừng gáy nữa
Không nghe thấy hoạ mi kêu nữa
Rừng ơi, rừng chạy đi đâu nhỉ
Rừng xanh không cánh cũng biết bay
Không chân mà rừng cũng biết chạy

*Ngẩng đầu thấy trời cao lồng lộng
Cúi đầu nhìn đất rộng bao la
Rừng ơi hãy về thương ta với
Cùng ta chung sống xanh trên núi.*

Lời bình

Tôi không nghĩ rằng bài thơ này chỉ có ý nghĩa cổ động cho việc định canh định cư. Cũng không chỉ có ý nghĩa cổ động cho việc bảo vệ rừng. Mặc dù cả hai việc này đều là cần thiết.

Đây là bài thơ nói về mối quan hệ giữa con người chúng ta với người bạn thiên nhiên. Từ thiên nhiên, chúng ta đã có lúa để ăn, nước để uống, ngôi nhà để ở, vật dụng để dùng ; cũng từ thiên nhiên, ta có tiếng gà gáy, tiếng hoạ mi hót, cùng những đoá hoa nở đầy vào mùa xuân... Cái nghĩa và cái tình lớn lao ấy, thật như nhà thơ viết : "Đời vui nhớ mãi khó xa lìa !"

Thế mà rồi, sự xa lìa vẫn cứ xảy đến. "Không biết rừng xanh đi lúc nào", bỏ mặc con người đứng đó với câu hỏi :

*Rừng ơi rừng chạy đi đâu nhỉ
Rừng xanh không cánh cũng biết bay
Không chân mà rừng cũng biết chạy.*

Thiên nhiên đã bỏ mặc con người đứng đó với lời cầu xin :

Rừng ơi hãy về thương ta với !

Tất nhiên, lỗi lầm do từ phía con người chúng ta ! Trong toàn bài, chỉ có hai câu thơ nói tới lỗi lầm ấy, như một lời sám hối :

*Chạy khắp núi rừng đi kiếm ăn
Chạy khắp bốn phương tuổi dần mất hết...*

Mải lo kiếm ăn, mải mưu sinh, chúng ta không những đánh mất thiên nhiên, chúng ta còn đánh mất chính bản thân mình nữa !

Ngay từ đầu bài, nhà thơ đã gọi rừng là bạn ; và ông đã dùng một hệ thống động từ để ghép với rừng : "làm nhà", "kê giường", "gieo lúa" "có nước", "đi", "chạy", "bay"... Riêng cặp động từ cuối bài mang đầy nhân tính : về – chung sống. Đó chính là nguyên tắc tối thượng trong quan hệ giữa con người với thiên nhiên, rộng hơn – với môi trường.

BẾ KIẾN QUỐC

Người Dao suy nghĩ gì ?

Gác tay lên trán, lòng tôi nghĩ
Đêm nằm khó ngủ nhớ đồng bào
Bao nhiêu đời bước chân chưa nghỉ
Cuộc sống du canh dân tộc Dao.

Cách mạng thành công mấy chục năm
Người Dao vẫn sống nghèo cơ cực
Trong lòng vẫn tối mịt như đêm
Có được vài chữ, nay lại mất.

Rừng xanh cây cối thật quý giá
Núi lửa đốt, sau khi chặt phá
Không chặt trong bụng không có cơm
Phải chặt bữa để không đói lả.

Con gái lớn lên mười tám tuổi
Đổi bạc trắng mới đi nhà chồng
Lấy bạc để làm trang sức mới
Lấy vợ nặng vai mấy vạn cân.

Nhà nghèo nghĩ bụng thật đáng sợ
Không có bạc chẳng lấy được vợ
Tuổi lớn đi ở nhà người ta
Bỏ lại mẹ cha với tuổi già.

Có người thuốc phiện thì nhau hút
Chẳng làm gì việc nhà, việc nước
Khắp nơi đều đổi mới ngày ngày
Chẳng thấy chẳng nghe cứt ngủ say.

Lòng người Dao ta suy nghĩ gì ?
Chọn lấy đường nào là đường đi
Đường nào nghèo đói ta nên tránh
Đường nào no ấm ta tiến mạnh.

*Đường trước, đường sau xem cho kĩ
Không nên nhắm mắt bước chân liêu
Đường lên đằng trước dài thiên lí
Ai ơi, không quay lại đằng sau.*

*Mong các anh em và chị em
Cùng nhau đứng dậy ta đi tiếp
Con đường Đảng mở, một lòng tin
Cùng đồng bằng chúng ta đi kịp.*

*Con đường ta chủ nghĩa xã hội
Dù khúc khuỷu dù dắt nhau đi
Trông lúa trông bông, đất kêu gọi
Người Dao ta đang suy nghĩ gì ?*

5-1-1984

Lời bình

Thành công của Cách mạng tháng Tám 1945 đã giải phóng ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc và phong kiến đối với nhân dân các dân tộc Việt Nam. Dân tộc Dao - một thành phần trong cộng đồng dân tộc Việt Nam bước đầu được đổi mới một số mặt trong đời sống xã hội.

Tuy vậy, tình trạng du canh, du cư vẫn chưa được chấm dứt. Do đó, người Dao "có được vài chữ, nay lại mất", rừng bị chặt, đốt để "có cơm", con trai muốn cưới vợ phải có "bạc trắng" để đổi, nạn "nghiện thuốc phiện" không giảm...

"Con đường ta chủ nghĩa xã hội" là con đường "khúc khuỷu"... nhưng khi mọi người cùng "dù dắt nhau đi" thì nhất định sẽ tới đích ấm no, hạnh phúc.

Người Dao suy nghĩ gì ? là bài thơ chính luận bằng những hình ảnh, cảm xúc cụ thể của Bàn Tài Đoàn. So với nhiều bài thơ khác, đây là một trong các bài thơ có tính khái quát các vấn đề lớn ở vùng cao. Phong cách thơ của Bàn Tài Đoàn là giản dị mà không tầm thường, giữ gìn và phát huy cách nói của người Dao mà vẫn giữ tinh thần cộng đồng các dân tộc.

8-3-1998

NÔNG QUỐC CHẤN

Mình ơi

Thương nhớ dâng hương hồn vợ tôi

Canh năm thức giấc một mình tôi
Da diết nhớ mình đứng lại ngồi
Xa thật rồi ư ? Mình có biết
Bỏ tôi đơn độc một con người.

Số phận tôi sao nhiều trắc trở
Lọt lòng mẹ ra là gian khổ
Khi còn tuổi trẻ chẳng ai nhìn
Lúc tuổi đã nhiều như kẻ xin.

Đến ở nhà mình làm chú rể
Dù nghèo cũng một chàng trai tơ
Được làm chồng một người mẹ trẻ
Từ đấy phải chăng tôi thích thơ !

Sống chung ta giống một đôi chim
Cùng đậu cùng bay một hướng tìm
Đôi lúc khác nhau vài tiếng gáy
Nhưng rồi lại hợp chỉ tìm kim.

Đã sống với nhau đôi vợ chồng
Khi yêu chẳng muốn rời một buổi
Lúc giận nặng lời chẳng muốn trông
Nhưng làm cỏ nương mong trời tới !

Lúc vắng tôi, mình chỉ một mình
Nuôi con trông mẹ nặng nghĩa tình
Mỗi khi giáp hạt, không ngô thóc
Đào củ dền khoai, nhai muốn khóc.

Tôi biết lỗi nhiều những lúc xa
Chẳng lo giúp được việc trong nhà
Nhưng mình đã hiểu cho tôi bạn
Không thể về luôn, hãy bỏ qua !

Có lần tiện công tác ghé thăm
Ở lại một đêm, đêm quá ngắn
Ngồi dậy ngắm trăng, rồi lại nằm
Tiếng gà giục già, chân trời sáng.

Lại đi, mình nhé ! Tôi lại đi
Tôi biết mình yêu chẳng trách gì
Việc nước việc dân còn bận rộn
Tim còn đập, óc chẳng ngừng suy.

*
* *
*

Tuổi đã sáu mươi tôi được hưu
Trở về bản gác củi chăn trâu
Đồng bào đi chợ tìm trò chuyện
Hát mấy đoạn thơ quên cả sầu.

Ta biết đời ta chưa hết nghèo
Như con người đứng ngọn cây reo
Hai ta chung sống đời trong sạch
Nếu mất mình tôi cũng bước theo !

Ngày nay mình đã bước đi xa
Bỏ tôi lủi thủi một thân già
Có khi thoáng nghĩ : "hay đi thật !"
Không ! Hãy cùng thơ sống thiết tha.

Sống trong phòng nhỏ đất Nguyên Bình
Văng vẳng bên tai tiếng của mình
Lợn đói đòi ăn, gà đập cửa
Thơ tôi dài mãi những tâm tình.

Bước ra mở cửa trời cao rộng
Nhấp nháy ánh sao kia vẫn còn
Sắp sáng phía đông, ngày lại nắng
Bút ghi cảnh sắc hoá tâm hồn !

Tôi tựa một cây đứng giữa rừng
Lá già đang rụng, búp non bùng
Cây non đang lớn màu xanh trái
Chim về làm tổ, gió reo mừng !

Lời bình

Tình cảm vợ chồng trong bài thơ cực kì sâu nặng và da diết. Nhà thơ nói với người vợ đã qua đời như nói với người còn đang sống ở bên mình.

Tuy bâng hoàng vì nỗi cô đơn nhưng ông cố gắng tỉnh trí nhớ lại những kỉ niệm đẹp trong cuộc sống chung đôi tràn đầy hạnh phúc và cũng tràn đầy tứ thơ :

*Sống chung ta giống một đôi chim
Cùng đậu cùng bay một hướng tìm.*

Dù đời sống vật chất còn nghèo khó, dù vợ chồng có lúc giận nhau, dù có thời gian chồng đi công tác xa, vợ ở nhà một mình lo toan việc nhà nhưng cả hai người vẫn vững vàng tinh thần :

Tim còn đập, óc chẳng ngừng suy.

Nhà thơ buồn, tự ví mình như "một cây đứng giữa rừng" và "lá già đang rụng". Tuy thế, ông không đắm đuối trong nỗi buồn. Và chính vì thương vợ, thương mình, ông đã tìm thấy một niềm vui là :

*Cây non đang lớn, màu xanh trái
Chim về làm tổ, gió reo mừng.*

Chắc người bạn đời của ông ở cõi vĩnh hằng cũng chia sẻ với ông : yêu thương và hi vọng.

TRẦN LÊ VĂN

Trinh Đường

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Trương Đình. Sinh ngày 1 tháng 1 năm 1919. Quê quán : xã Đại Thắng, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam. Mất năm 2001.

Tác phẩm đã xuất bản :

Về thơ : Gạo ; Hạt giống ; Thủy triều ; Bạch Đằng giang khúc ; Giao mùa ; Phụng hoàng con ; Quán trọ ; Hội hoá trang ; Cà Mau ; Hành trình.

Về văn : Làm cầu La Kham (kí, 1957) ; Ngày và đêm một lúa đôi (truyện ngắn, 1982).

Phê bình, lí luận biên soạn : Ngày hội thơ ; Những gương mặt thơ mới ; Thơ với tuổi học trò ; Một thế kỉ thơ Việt ; Thơ thế kỉ 20 (tinh tuyển và bình giá).

Hoàng Liên Sơn

Ai biết ta đứng đây
Từ thời nào đấy nhỉ
Trên vùng lõm sông Hồng
Ta vươn lên ngạo nghễ
Chống vòm trời lên cao
Ngoảnh đầu trông ra bể
Ta từng thấy Trường Sơn
Đầu thai trong lửa lớn
Từng chia nguồn máu xuống
Làm châu thổ sông Hồng
Từng vun đắp Thăng Long
Từ nền phù sa cổ
Cắm chiếc tiêu vạn thuở
Dưới trời châu Á này.
Tảng tảng rừng lưng mây
Dập dờn như sóng biển

Núi con cháu đứng quây
Điệp trùng từng thế hệ
Phan-xi-păng đỡ trời
Tả-yang-phình lên khơi
Ô Quý Hồ lô nhô
Nghĩa Lộ phơi lòng hồ
Cao nguyên chuyển bình nguyên
Nguyên sinh liền trung sinh
Lõm xuống là thung lũng
Dỉnh lên là sông đầy
Đặt trời vào vị trí
Sửa mạch đất cho ngay
Ồi bức tranh kì tuyệt
Tổ quốc ta dần bày
Cẩm thạch màu ngàn mây
Thạch anh màu tuyết bay
Hôn phối mùa công phượng
Ngôn ngôn mùa trái sây
Bò đàn và ong bầy
Gỗ quý và quặng dày
Già lớp rừng nguyên thủy
Xanh lớp rừng ngày nay
Chấn gió mùa đông bắc
Khép kín trời phía tây
Trên đỉnh trời đảo mắt
Đài không gian ta quay
Tắm lòng theo bàn tay
Chén mời thêm men say
Chiều sâu ai biết đáy
Chiều cao mời lên đây
Bao gồm trời đất lại
Tình thương về phương này.

Biên giới vòng đến đâu
Vùng đất nào đứt gãy
Mạch núi nào phân dẫy
Nguồn sông nào nông sâu

Và chót mũi Cà Mau
Và đảo khơi máu thịt
Mắt ta nhìn thấy hết
Cả thế đất đang đi
Biết rõ từng chi li
Mọi mưu đồ quỷ quái

Dưới kia gió cuộn bụi
Trên đây mây trong lành
Dưới kia đêm xuống nhanh
Trên này còn nắng trắng
Trên cõi trời, trong lặng
Ta kết tụ trăm hương
Ô bầu trời thương thương
Với trăng sao thân thuộc
Ô hệ núi Sơn Tinh
Duênh mẹ Rừng quấy khúc
Ta, nóc nhà đất nước
Ta "sách trời đã ghi"
Ta có riêng biên thủy
Ta vạch trời riêng cõi
Máu ta chảy riêng dòng
Không ai đồng hoá nổi
Ta là Ta hoàn toàn
Ta là Ta độc nhất
Chung thủy với bạn bè

Nhấn mặt nhiều thứ giặc
Vang một tiếng trống đồng
Núi sông về đủ mặt
Con chim Lạc dẫn đường
Máu hồng ta dẫn bước
Vùi xuống bùn nát mục
Xương xác mọi quân thù
Hoàng Liên Sơn ngàn thu
Hoàng... Liên... Sơn.

Đông 1977

Lời bình

Tác giả mượn chiều cao của Hoàng Liên Sơn để có thể nhìn ôm trùm đất nước, ôm không gian và ôm cả thời gian.

Trình Đường tạo được những câu thơ khí cốt vững vàng cả về hình ảnh lẫn âm điệu. Bài thơ có cái bề thế của núi điệp trùng lại có cái chắc bền của đá vạn tuổi. Bút pháp tung hoành, hình ảnh kì vĩ, tưởng tượng, phóng khoáng. Trong hồn nhà thơ, núi Hoàng Liên đã thành cột chống trời : "Chống vòm trời lên cao. Ngoảnh đầu trông ra bể", đã thành người tạo dựng, chứng kiến và góp phần sinh nở núi sông của nước Việt Nam này : thấy Trường Sơn thuở đầu thai trong lửa, tạo ra châu thổ sông Hồng, người đã cắm cọc tiêu cho đất đai châu Á.

Đoạn thơ tả núi vươn lên cao, tác giả dùng rất nhiều thanh bằng, có lúc 6 câu liền toàn vần bằng tạo một cảm giác thanh nhẹ, dâng lên, dâng lên... Có khi, cả câu thơ đều là thanh bằng. Những tên đất, tên núi, âm vang trong không gian của thanh bằng chơi vơi đó :

*Phan-xi-păng đỡ trời
Tả-yang-phình lên khơi
Ô Quý Hồ lô nhô
Nghĩa Lộ phơi lòng hồ
Cao nguyên chuyển bình nguyên
Nguyên sinh liến trung sinh*

Hoàng Liên Sơn thành tạo hoá : "Đặt trời vào vị trí. Sửa mạch đất cho ngay". Lấy thể đứng của Hoàng Liên, Trình Đường ngợi ca vẻ đẹp nguyên sơ của Tổ quốc : giàu có, trinh nguyên, thơ mộng, hoang dại. Nhiều câu thơ đẹp :

*Ngồn ngộn mùa trái cây
Bò đàn và ong bầy*

Các câu thơ trùng điệp, hào hứng ôm trùm tầm vóc kì vĩ của đất đai, sông núi. Hồn người say theo :

*- Trên đỉnh trời đảo mắt
Đài không gian ta quay*

- Bao gồm trời đất lại
Tình thương về phương này.

Cái ta người lẫn vào cái ta núi trong giọng thơ mang không khí sử thi thần thoại :

Vang một tiếng trống đồng
Núi sông về đủ mặt
Con chim Lạc dẫn đường.

Ưu điểm của bài thơ này là một cơn say lớn, các câu thơ được tạo lập trong cơn say, hình ảnh kì vĩ đắm đuối địa dư lẫn vào lịch sử. Tác giả viết như người "nhập đồng". Nhược điểm của bài thơ cũng từ cơn say đó. Tác giả tự say lời của mình, say hình ảnh, say âm điệu, bài thơ bị kéo dài, ý thơ bị tản rỗng và đôi chỗ lan man.

Cảm xúc liên hồi, khoẻ, tung hoành nhưng mới cuốn cuộn trên bề mặt, thiếu những chỗ xoáy thẳm sâu, làm người đọc sống lại, thấm thía hơn. Bài thơ có khám phá ở từng câu, nhưng còn ít khám phá cho toàn bài.

VŨ QUÂN PHƯƠNG

Cầm Giang

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Cầm Giang. Sinh năm 1913. Quê quán : tỉnh Thanh Hoá (Đã từng sống nhiều năm ở vùng đồng bào Thái). Mất năm 1989.

Tác phẩm đã xuất bản :

Thành rồng thành hổ (dịch thơ dân tộc, 1957) ; *Gió núi biên phòng* (truyện thơ, 1958) ; *Rừng trắng hoa ban* (thơ, 1961) ; *Người bản Nà Phiêu* (truyện thơ, 1966) ; *Nà Phiêu đánh Mĩ* (truyện thơ, 1974). Thơ dịch : *Em tắm* ; *Nhớ vợ* ; *Em là con gái Châu Yên* ; *Con Thỏ* ; *Có hai người...*

Em là con gái Châu Yên

*R*ừng Châu Yên có nhiều cây khế,
Suối Châu Yên có lắm tai chua,
Có nhiều cái mỏ thật to
Nhưng con gái Châu Yên không chua không chát ;
Ngọt ngào như tiếng cười câu hát,
Giỏi đánh cồng, ham xoè quạt,
Thích gội đầu lá sả tóc như rêu ;
Thích làm nương, đi xúc⁽¹⁾, dệt, thêu,
Ghét lắm những người đi làm giặc.
Suối Châu Yên chảy nhanh nhiều thác,
Nhiều đá ngầm, hang thẳm, vực sâu,
Nhưng bàn tay con gái Yên Châu
Lại mềm hơn cành hóp, ngọn lau
Đổ xôi nắm xôi thêm dẻo,
Nướng quả ớt, thấy mùi thơm đĩa chèo,
Đựng vào khung cửi vải thành hoa,
Tung nắm tấm thành ra đàn gà,
Khua cái chày hoá ra gạo trắng,
Đựng vào cối thì cối chết nắng,

(1) Đi xúc : đi xúc cá.

Bài này, một số nói tác giả là một ông cụ ở vùng Thuận Châu nhưng lại có một số khác nói tác giả là một chị phụ nữ ở Yên Châu, vì cả hai vùng đều có hát. Ở Thuận Châu thì hát là *con gái Thuận Châu*, ở Yên Châu thì hát như bài trên. Theo ý tôi thì có lẽ là của tác giả ở Yên Châu vì ở Thuận Châu rất ít quả nẻ và xoè quạt. Xoè quạt xuất xứ từ vùng Yên Châu. Hơn nữa lại có câu :

Châu Yên pên té mường yên

nghĩa là :

Yên Châu là đúng châu yên.

N.D

Lời bình

Bài thơ ca ngợi nhan sắc và đức hạnh của người con gái Châu Yên bằng những hình ảnh lãng mạn, giàu tưởng tượng, bằng sự so sánh song hành con người và thiên nhiên : Thiên nhiên Tây Bắc đẹp và giàu nhưng con người lại đẹp hơn. Thiên nhiên nhiều khế, nhiều tai chua nhưng con người lại ngọt ngào. Thiên nhiên nhiều thác ngầm hang vực nguy hiểm nhưng con người lại hiền. Nói ý thì như thế nhưng bài thơ không nói ý, mà trùng điệp hình ảnh, so sánh biến hoá tài tình vừa thực đã thào h ảo. Nói Châu Yên nhiều chua nhiều chát vì nhiều khế, nhiều tai chua là so sánh thực. Con gái Châu Yên thì ngọt ngào như tiếng cười câu hát là so sánh ảo. Rồi từ ảo này đến ảo khác. "Gội đầu lá sả tóc như râu" và kì diệu nhất là :

Đụng vào khung cửa vải thành hoa

Tung nắm tấm thành ra đàn gà

Khua cái chày hoá ra gạo trắng.

Cái kì ảo này gắn liền với cách tư duy cụ thể vốn là sở trường của phép nhận thức còn giữ nhiều dấu vết bản năng trực giác, chỉ quan tâm đến "đầu vào" "đầu ra", không để ý đến các công đoạn trung gian, không dùng đến suy luận giải thích. Cách tư duy ấy rất gần thơ hoặc bản chất nó là thơ. Người quen tư duy trừu tượng thường mất dần cách tư duy hình ảnh này. Đây là mấy câu thơ tinh diệu nhất của bài này, nó giới thiệu cả một kiểu thao tác thơ giàu sáng tạo ; kì ảo hoá hiện thực.

Chất liệu cụ thể để diễn đạt các phẩm chất, các đức hạnh của người con gái Châu Yên đều là cây cỏ, muông thú của núi rừng : "tóc như râu", "tay mềm hơn ngọn hóp, cành lau", "hiền như lá sồi", "lành như con chim, con rúi", "ấm như bông vải, ngọt như canh rau..." cách ví von này thường

tạo được những mối liên hệ bất ngờ, hấp dẫn. Tuy nhiên, không nên lạm dụng. Lạm dụng sẽ thành đơn điệu, người đọc có cảm giác người viết cố tình. Bài này cũng bị rơi vào thiếu sót đó. Tất cả sáng tạo dồn hết vào đoạn đầu, đến câu "Sáng vòng bạc khéo cả ôm chồng" là chất thơ lên đến đỉnh điểm. Bản thân câu thơ đó cũng là câu thơ bạo nhất, diễn tả cao nhất thiên chức của phụ nữ. Dừng ở đó là đẹp nhất.

Nhưng vì đây là thơ của những năm kháng chiến chống Pháp, một cuộc chiến tranh nhân dân sâu rộng, toàn dân đánh giặc, giặc đến nhà đàn bà cũng đánh. Đoạn sau bài thơ dành ca ngợi những phẩm chất được thể hiện khi đánh giặc cứu nước của con gái Châu Yên. Cách lập ý : lúc yên bình cô gái hiền, khi nguy biến (đánh giặc) cô gái dũng, hết giặc lại mềm mại như bông lau, cành hóp. Ý thơ được mở rộng hơn nhưng hình ảnh, bút pháp diễn đạt thì không có gì mới.

VŨ QUẢN PHƯƠNG

Núi Mường Hung - Dòng sông Mã

*Anh là núi Mường Hung⁽¹⁾
Em là dòng sông Mã
Sông nhiều rêu, nhiều cá
Núi nhiều thú nhiều măng
Chiều bóng anh che sông
Sớm mặt em lóng lánh
Sáo cành cây anh thổi vang lạnh lạnh
Gió lùa qua miệng anh lại mỉm cười
Rộn lòng em thuyền độc mộc ngược xuôi
Như trăm nổi bần khoăn khi đến tuổi
Nếu trời làm em sóng nổi
Anh ngả mình ngăn lại lúc phong ba.*

(1) Núi Mường Hung là núi lớn nhất Sơn La và Lai Châu.

Em là búp bông trắng
Anh là ngọn lúa vàng
Thì nhau lớn đẹp nương
Toả mùi thơm cùng nghe chìm hót
Em cứ về nhà trước
Đợi anh ở bên sông
Anh làm no lòng mừng
Em làm vui ấm bản
Nếu con gấu giẫm gãy cành bông trắng
Lá lúa anh sẽ cứa đứt chân
Nếu lúa này chuột khỉ dẫm đến ăn
Sợ bông em sẽ bay mù mắt nó.

Anh là rừng thẳm
Em là suối sâu
Cây rừng anh làm cầu
Bắc ngang lên dòng suối
Hoa sim nở đỏ tím
Soi bóng xuống lòng em
Nếu hùm về, suối em thành thác
Nếu sói về, rừng anh sẽ thành chông
Quyết chẳng chịu đau lòng
Đời chúng ta rừng núi
Suối em phá tan bóng tối
Rừng anh chặn lại bão đông
Để anh lớn mãi thành núi Mường Hung
Em ngoan chảy thành dòng sông Mã.

2-1953

Lời bình

Không phải ngẫu nhiên mà khi phổ nhạc bài thơ này, nhạc sĩ Bùi Đức Hạnh lại đặt tên cho nhạc phẩm của mình là *Tinh ca Tây Bắc*. Cũng bởi bản thân thi phẩm của Cẩm Giang đã ẩn tàng những xúc cảm tràn đầy nhạc tính. Ngay từ những câu thơ mở đầu, Cẩm Giang đã tạo

nên sự sóng đôi kì diệu : "Anh là núi Mường Hung. Em là dòng sông Mã...". Một thiên tình sử gắn chặt với quê hương, soi mình trong sông suối núi ngàn, tắm mình trong tiếng hát mê say của chim muông cùng hương thơm cây lá. Sự vững bền của tình yêu đôi lứa vừa được xây đắp trên sự tin yêu mê đắm của những trái tim chung thủy, vừa tắm mình trong tình yêu của xứ sở, đất đai. Có thể coi ba đoạn thơ là ba đợt sóng, cảm xúc nối nhau và được nâng cao dần trong một mạch chảy thống nhất : ngợi ca sự hoà quyện chung thủy muôn đời : "Em là búp bông trắng. Anh là ngọn lúa vàng...", "Anh là rừng thẳm. Em là suối sâu..." Hình tượng *anh - em* cứ gắn chặt, quấn quýt với nhau như hình với bóng. Một tình yêu được vây bọc bằng ánh sáng và như toả ra ánh sáng : *lòng lành, trắng, vàng...* Tình yêu ấy không chỉ trong trẻo nồng nàn mà đã hoá thành bất tử. Thật dễ hiểu, nhà thơ đã đặt bản tình ca lứa đôi trong bản tình ca quê hương qua một so sánh giản dị nhưng lại có sức ám gợi lâu dài : "Để anh lớn mãi thành núi Mường Hung. Em ngoan chảy thành dòng sông Mã..."

NGUYỄN ĐĂNG ĐIỆP

Võ Sa Hà

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Ngô Gia Võ. Sinh năm 1959. Quê quán : thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Sóng nhạc hồn tôi (thơ, 1998).

Ảnh khóc

Anh đã từng cõng em lên núi
Núi Sa Hà mờ xanh.

Anh đã từng ôm em trong cánh tay trần
Cánh tay săn đỏ như cây nghiêng.

Anh đã từng bế em vượt thác
Thác Nà Pheo bụi nước mịn mờ.

Anh đã từng hát cho em nghe
Bài hát của gió rên, núi nghiêng, sông cuộn.

Anh đã từng gối đầu lên tay em ngủ
Giấc ngủ tròn trắng rừng.

Chúng mình đã từng ước cùng nhau đi xa
Đi xa bằng chân đất.

Nay anh khóc
Gặp em thoáng chốc
Em vẫn nhận ra anh
Nhưng ánh sao xanh trong mắt em đã tắt rồi !

1986

Lời bình

Một tác giả chưa mấy quen tên với bạn đọc, có lẽ thế. Nhưng cách đây vài năm, khi viết lời tựa cho một tuyển thơ ở Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, tôi đã được đọc bài thơ này và ngay lập tức tôi đã thích nó.

Khi ấy tác giả còn ghi tên là Võ Hường Công. Tôi chỉ biết anh đang sinh sống ở một nơi nào đó trên đất Bắc Thái. Về sau mở tuyển tập thơ bế thế *Thơ tình bốn phương* của Nhà xuất bản Trẻ, tôi lại gặp bài thơ xưa, nhưng tác giả thì đã kí tên khác. Anh mượn tên ngọn núi quê anh làm bút danh chẳng, cái ngọn núi "Sa Hà mờ xanh" rất ấn tượng trong bài thơ ?

Cả bài thơ ng่อม ngợp những đá, những nước, những gió, ng่อม ngợp một tình trai mộng mơ và rần rỏi : "Anh đã từng... Anh đã từng..." - kí ức lần lần mở ra như những bước leo núi bây giờ đã trở nên nặng nhọc trong tâm hồn người con trai. Đạo ấy tôi đã viết : "Có những câu thơ nương tựa vào các địa danh mà âm vang trong ta. "Anh đã từng công em lên núi. Núi Sa Hà mờ xanh. Anh đã từng bế em vượt thác. Thác Nà Pheo bụi nước mịt mờ". Tên ngọn núi và dòng thác trong câu thơ không cần hiện thực theo cách hiểu thông thường, nó chỉ làm nhói thêm lên rất nhiều cái tình thế cheo leo của những mối tình không êm dịu. Tâm trạng người làm thơ đã gọi dậy ngọn núi và dòng thác, hay là ngược lại ? Tôi ngờ rằng chính tâm trạng con người đã khiến đá và nước trở thành nỗi niềm".

Hiện ra liên tiếp những hình ảnh đẹp như minh chứng cho một mối tình đẹp. Có cảm giác như đây là mối tình đầu đời, bởi lẽ nó đã được "thiên nhiên hoá", đã được trả về với những gì ban sơ của tạo hoá : cánh tay ôm em "sần đỏ như cây nghiến" ; bài hát cho em là "bài hát của gió rền, núi nghiêng, sông cuộn" ; đến giấc ngủ yêu đương cũng "tròn trăng rừng"... Và hiển nhiên rồi, chỉ được sống trong nhịp đập đầu đời say đắm như thế, đôi tình nhân mới có thể "Chúng mình đã ước cùng nhau đi xa. Đi xa bằng chân đất" ! Những mơ mộng của mối tình đầu đã được đẩy lên ở mức cao nhất. Vàng, khi có sức mạnh của tình yêu, người ta đã từng vượt núi, qua thác thì cũng hoàn toàn có thể tự tin "đi xa bằng chân đất" được lắm, đến bất cứ bến bờ nào mà người ta muốn. Vậy mà người con trai tự tin ấy đã phải khóc :

*Nay anh khóc
Gặp em thoáng chốc
Em vẫn nhận ra anh
Nhưng ánh sao xanh trong mắt em đã tắt rồi !*

Khóc cho ai đây ? Tôi không tin là chàng trai chỉ khóc cho chính mình, khi gặp ánh mắt vô cảm của người yêu xưa nhìn mình. Chàng còn khóc cho sự lụi tắt những khát khao mơ mộng đẹp như "ánh sao xanh" từng thấp lènh trong tâm hồn cô gái, cái ánh sáng diệu kì của một thời giúp người ta dám "đi xa bằng chân đất"...

Bài thơ có một kết thúc mở, nếu chúng ta đọc nó qua những giọt nước mắt ấy.

TRẦN HOÀ BÌNH

Bài hát cũ

Chỉ còn một cụ bà hát bài hát ấy thôi
Người chết mang các bài hát đi cả rồi
Thanh niên đâu cần bài hát cũ.
Một người hát nên lời ca buồn rữ
Nó không đủ sức chạy ra ngoài cửa
Nó phải tựa lưng vách nứa
Nó ngã vào bếp lửa
Nó hỗn hển trong mắt tôi lệ ứa
Chuyện choạng tôi dắt bài ca đi.
Tôi lần từng bậc cầu thang
Đến ngồi bên suối
Đắm mình trong bóng núi
Lời ca rơi từng giọt xuống hồn.
Lời ca làm hải hoải cả trăng non
Không biết cụ bà còn hát được bao nhiêu nữa ?
Cụ bà hát phì phò tiếng thở
Ánh lửa đỏ lử đôi tròng mắt mờ sương.

Ôi quê hương ! Quê hương !
Còn một bài hát cũ.

1993

Lời bình

Đôi lúc giữa nhịp điệu quay cuồng của đời sống hiện tại, ta bỗng lo lắng tự hỏi : những giá trị tinh thần thấm đượm hồn vía cha ông, ta đã để quên nó ở góc nẻo nào rồi ? Càng tiến tới văn minh vật chất, những câu hỏi như thế càng dày vò chúng ta nhiều hơn, và nó đẩy chúng ta vào một mặc cảm có lỗi...

Tình thế của những "bài hát cũ" ám ảnh Võ Sa Hà. "Người chết mang các bài hát đi cả rồi", những bài hát xưa đã theo các thế hệ trước về nơi im lặng, đi như những cánh chim ngang trời không để lại một dấu chân. Chúng ta đã có lỗi khi chúng ta vô tình can dự vào việc tạo ra khoảng trống kinh hoàng đó : "Thanh niên đâu cần bài hát cũ". Sự nhầm lẫn

tai hại của những thế hệ sau luôn tiềm ẩn một nguy cơ cắt đứt mối liên hệ giữa hiện tại và quá khứ, nó không giết chết một ai, nhưng nó có thể "làm bải hoại cả trắng non", bải hoại cả tâm hồn bao thế hệ !

Giờ đây, trong thơ Võ Sa Hà, "chỉ còn một cụ bà hát bài hát ấy thôi". Và người nghe, cũng chỉ có một : "Nó hỗn hển trong mắt tôi lệ ứa. Chuệnh choạng tôi dặt bài ca đi". Dường như họ đã lạc lõng cả rồi giữa thế giới này, cả bài hát xưa lẫn người nghe và người hát. Những câu hát được miêu tả đầy thân phận, là nó hay là người hát nó :

*Một người hát nên lời ca buồn rữ
Nó không đủ sức chạy ra ngoài cửa
Nó phải tựa lưng vách nứa
Nó ngả vào bếp lửa...*

Và người nghe, trong nỗi cay đắng và bất lực, vẫn muốn níu kéo một cái đẹp sắp mất hút như cánh chim ngang trời :

*Chuệnh choạng tôi dặt bài ca đi
Tôi lần từng bậc cầu thang
Đến ngồi bên suối
Đắm mình trong bóng núi
Lời ca rơi từng giọt xuống hồn*

Trong không gian nguồn cội của nó, những bậc cầu thang, suối thác và bóng núi - bài ca xưa đã tìm thấy lí do tồn tại của mình, "Lời ca rơi từng giọt xuống hồn". Từ tâm hồn nó phải đến được với những tâm hồn đồng điệu. Và khi ấy, dẫu là lần cuối cùng được ngân lên, thì bài ca vẫn phải sống theo cách của riêng nó : "Ánh lửa đỏ lử đôi tròng mắt mờ sương !".

Cái ánh lửa ấy sẽ còn nhấp nháy mãi trong tâm hồn người nghe hát cô đơn. Cay đắng và thương buồn, ám ảnh và tiếc nuối - người nghe ấy ghim lại trong lòng mình một tiếng kêu : "Ôi quê hương ! Quê hương ! Còn một bài hát cũ". Trong hai tiếng quê hương có bài hát cũ ấy, và trong bài hát cũ ấy có hồn vía quê hương. Dường như người nghe hát đã tựa vào bài hát cũ của quê mình mà đứng dậy, đứng dậy và đi tiếp...

TRẦN HOÀ BÌNH

Định Hải

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Biểu. Sinh ngày 6 tháng 6 năm 1937. Quê quán : xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hoa mùa xuân (truyện kí, 1963) ; *Thăm Bắc Lí* (truyện kí, 1964) ; *Bàn tay gieo hạt* (truyện vừa, 1967) ; *Nắng xuân trên rẻo cao* (truyện thơ, 1969) ; *Chống nự chống hoa* (thơ, 1970) ; *Hương cao cổ* (thơ, 1975) ; *Em hát - đu quay* (thơ, 1976) ; *Nhàn nhàn hoa trong vườn sớm* (thơ, 1979) ; *Bài ca trái đất* (thơ, 1983) ; *Nụ hôn học trò* (thơ, 2 tập - 1988, 1992) ; *Bao nhiêu điều lạ* (thơ, 1994) ; *Bài ca trái đất* (thơ chọn lọc, 1996).

Giải thưởng văn học :

Nhà thơ đã nhận được nhiều giải thưởng của Hội Nhà văn, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hội Văn nghệ Hà Nội, Nhà xuất bản Kim Đồng (các tác phẩm thơ viết cho thiếu nhi).

Cúc Phương

*N*gược dòng về với rừng xưa
Ô, rừng trẻ thế, rừng chưa biết già
Chạm tay những bướm cùng hoa
Kim - đào - cổ - tích sao mà còn đây ?
Thu - hải - đường nở thơ ngây
Lắng nghe ốc biển dẫu đây thăm thì...
Hương rừng dẫn lối em đi
Sầu thơm như mới thơm khi em vào
Ngẩng lên chò vút đỉnh cao
Tán xanh hoà với một màu rừng xanh
Tiếng chim nẩy lá rung cành
Ngõ bảy chim Lạc nuôi xanh mãi rừng.

Lời bình

Cúc Phương (thuộc tỉnh Ninh Bình) là một trong số ít khu rừng nguyên sinh quý hiếm còn lại của chúng ta. Nhận thức được giá trị to lớn về nhiều mặt của nó (tâm sản, môi trường sinh thái, nghiên cứu khoa học, du lịch...), Nhà nước đã quy hoạch đó là một khu vườn quốc gia mà mọi người đều có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ. Tất nhiên, giá trị của Cúc Phương không chỉ thế, khu rừng đặc biệt này còn là đối tượng trữ tình của nhiều ca khúc và nhiều bài thơ nổi tiếng, trong đó có bài thơ mang chính tên khu rừng của nhà thơ Định Hải. Mở đầu bằng một tiếng reo vui, đến với Cúc Phương là đến với hiện tại, nhưng cũng chính là "ngược dòng" (thời gian), gặp gỡ rừng cây có từ thời tiền sử. Những câu thơ như mở ra một khu rừng biết bao kì thú. Cúc Phương từ lâu đã được xem như một sưu tập phong phú, đa dạng về các loài sinh vật, về cấu tạo địa tầng và hệ sinh thái... nhưng khi đọc những câu thơ như tiếng lòng ngỡ ngàng thốt lên - mỗi loài cây, mỗi "hiện vật" trong bộ sưu tập ấy cũng bỗng có hồn kì lạ. Quá khứ và hiện tại như cùng đồng hiện, quấn quýt cùng nhau. Ngay bản thân những *hiện vật* của rừng hằng ngày, hằng giờ, trong quá trình vươn lên sinh tồn đã là những cuộc gặp gỡ thú vị. Còn đây, trong cuộc gặp gỡ của chính chúng ta :

*Hương rừng dẫn lối em đi
Sầu thơm như mới thơm khi em vào*

Ban đầu là cảm giác choáng ngợp bởi "cái nhìn" khi bước vào rừng : những ấn tượng bao trùm bởi ngỡ ngàng, sau dẫn đến từng loài cây cỏ và đến đây là cảm giác choáng ngợp bởi "mùi hương" của rừng. Ai từng đi rừng đều dễ nhận ra khoảng không khí mát mẻ, nhưng phải tinh tế lắm mới nhận ra mùi hương của mỗi khu rừng khác nhau. Ở đây, nhân vật trữ tình của bài thơ trong tâm trạng "Hương rừng dẫn lối em đi" - tức đã *cảm* được làn hương riêng và theo làn hương ấy vào với thế giới kì ảo của rừng - Tất cả dường như vẫn nguyên sơ, khơi gợi biết bao hứng thú. "Sầu thơm như mới thơm khi em vào" - câu thơ vừa hồn nhiên, vừa thực mà vẫn lấp lánh như ảo như mơ, ngỡ như những ngã đường trong rừng đều đã từng gặp trong cổ tích hay một trang huyền thoại nào, càng đi càng hấp dẫn.

Cây chò ngàn tuổi trong rừng Cúc Phương được nhà thơ miêu tả ở đây như một nét phác họa rất ấn tượng, góp phần kéo lại cân đối bố cục

bức tranh vốn dàn trải, bao la sắc màu cùng làn hương quyến rũ... Bức tranh rừng bỗng trở nên có không gian ba chiều thoáng đạt. Nhưng cây chò không vì chiều cao mà lẻ loi, tách biệt trong khối không gian ba chiều ấy. Câu thơ "Tán xanh hoà với một màu rừng xanh" là một câu thơ có kết cấu đặc biệt : trong một câu có tới hai từ *xanh* nhưng *sắc thái* và *biểu niệm* không hoàn toàn giống nhau. Ở đây *tán xanh* trong quan hệ ngữ nghĩa là bộ phận của *rừng xanh*, cũng như cây chò dù uy nghiêm ngàn tuổi vẫn hoà sắc cùng màu xanh vừa nhú, thế mới tạo thành rừng ! Viết đến đây tôi sức nhớ đến câu ca dao cổ : "Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao". Nếu giả sử nhà thơ Định Hải tiếp nhận nguồn mạch ca dao làm thi liệu thì sự tiếp nhận này không chỉ hàm nghĩa kế thừa mà đầy sáng tạo.

Hai câu thơ cuối :

*Tiếng chim nầy lá rung cành
Ngõ bấy chim Lạc nuôi xanh mãi rừng*

Quả cũng là một phát hiện táo bạo, tạo nên động thái sinh sôi nảy nở - ngỡ như cội nguồn đất nước còn thồn thức đâu đây trong khát vọng xanh rừng trường tồn và bất tận.

Cái hay của bài thơ không chỉ dẫn người đọc vào một cuộc tham quan kì thú mà còn ghi lại những cảm xúc chân thành, những suy tưởng nhân văn đẹp đẽ trước thiên nhiên, trước Cúc Phương hùng vĩ...

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Tế Hanh

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Trần Tế Hanh. Sinh ngày 20 tháng 6 năm 1921. Quê quán : xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hoa niên (thơ, 1945) ; *Hoa mùa thi* (thơ, 1948) ; *Nhân dân một lòng* (thơ, 1960) ; *Bài thơ tháng bảy* (thơ, 1961) ; *Hai nửa yêu thương* (thơ, 1963) ; *Khúc ca mới* (thơ, 1966) ; *Đi suốt bài ca* (thơ, 1970) ; *Câu chuyện quê hương* (thơ, 1973) ; *Theo những tháng ngày* (thơ, 1974) ; *Giữa những ngày xuân* (thơ, 1977) ; *Con đường và dòng sông* (thơ, 1980) ; *Bài ca sự sống* (thơ, 1985) ; *Tế Hanh tuyển tập* (thơ, 1987) ; *Thơ Tế Hanh* (thơ, 1989) ; *Vườn xưa* (thơ, 1992) ; *Giữa anh và em* (thơ, 1992) ; *Em chờ anh* (thơ, 1994)...

Giải thưởng văn học :

Giải Tự lực Văn đoàn (1939), Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật (đợt 1 - 1996).

Ba bài thơ về Ba Bể

I

*Trời xanh xanh soi nước xanh xanh
Hai bên sông sông núi giăng thành
Ba hồ khăng khít tình em chị
Bảy sắc hàng Puông đã uốn mình.*

II

*Hai mươi năm lẻ dấu còn đây
Giải phóng quân đánh Nhật đuổi Tây
Thơm thảo ngô bung tình kháng chiến
Qua gò An Mã gió rung cây.*

III

*Bản Bó Lù vào hợp tác vui
Hát lượn nhiều đi cô gái ơi !
Nhà thủy sản lung linh bóng nước
Ánh bạc quanh thuyền cá vẩy đuôi...*

Tháng 10-1964

Lời bình

Ba bài thơ này cũng là ba đoạn của một bài thơ viết về cảnh đẹp hồ Ba Bể. Ba đoạn được bố cục theo một trình tự không gian và thời gian từ gần đến xa rồi từ xa lại trở về gần.

Đoạn I, tác giả "vẽ" bằng thơ một bức tranh đẹp trông thấy trước mắt. Ở câu 1, tính từ "xanh xanh" được lặp lại khi tả màu trời và màu nước. Trời và nước cùng một màu vì da trời soi xuống mặt nước. Câu 2, câu 3 và câu 4 đều có số từ "hai, ba, bảy" miêu tả rõ nét hình tượng của cảnh hồ. Hai bên hồ, núi dựng như "giăng thành", những bức trường thành bảo vệ cảnh đẹp. Ba hồ kề liền nhau được nhân hoá thành ba chị em thương yêu nhau, gần bó với nhau. Một nét lộng lẫy nổi lên trong bức vẽ là "bảy sắc hang Puông".

Đoạn II, tác giả ôn lại bài học lịch sử : Giải phóng quân của ta đánh giặc ngoại xâm Nhật, Pháp. Chỉ một câu "thơm thảo ngô bung..." mà nói được tình cảm chia sẻ ngọt của quân dân ta trong những năm kháng chiến. Câu cuối đoạn thơ đưa một làn "gió rung cây" vào, làm cho không khí chiến tranh có "thư giãn" đi đôi chút. Đoạn III trở về hiện trạng đời sống kinh tế với hợp tác xã nông nghiệp và nhà thủy sản. Nhà thơ tuy không đi sâu vào vấn đề kinh tế nhưng chỉ qua vài nét, ta cũng thấy đời sống của bà con nơi đây thật vui tươi qua tiếng hát "lượn" của cô gái trong bản làng và *ánh cá bạc vẩy đuôi quanh thuyền* của nhà thủy sản. Cách miêu tả gián tiếp đời sống kinh tế khấm khá của địa phương, không cần nhiều lời mà rất gợi cảm.

TRẦN LÊ VĂN

Đinh Xăng Hiền

(Dân tộc Hồ rê)

Tên khai sinh : Đinh Xăng Hiền. Sinh năm 1944. Quê quán : tỉnh Quảng Ngãi.
Mất năm 1989.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ in trên sách báo ở địa phương và trung ương.

Giản đơn và yên lặng

Tiếng ru người mẹ trẻ nơi nao
Ngọt ngào muôn giấc
Ru cái dịu thơm toả khắp
Ché rượu nếp hai cần
Anh và em cùng uống
Như hai bờ suối trong
Lòng anh say mê
Em vẫn như hoa A-tang
Trắng muốt bên bờ suối
Em không cười, chỉ nói
Học đâu lắm cái chữ yêu
Nghe ngọt hơn trái chín
Nồng hơn rượu mạnh
Mà cũng đáng sợ hơn nhiều
Ngực em thoảng hương hoa Pông
Như con nai tơ sười nắng
Phải em đợi một tình yêu
Giản đơn và yên lặng
Đất cho ta hoa thơm trái ngọt
Anh muốn học tình yêu của đất.

Lời bình

Như gợi ý từ tên bài, ta thử *yên lặng* lắng nghe : Từ tĩnh lặng vẳng lên lời ru của người mẹ trẻ. Ý nghĩa cao vời của tiếng ru khiến cho "Ngọt ngào muôn giấc", người mẹ không ru riêng con mình và cũng không chỉ ru trẻ nhỏ : "Ru cái dịu thơm toả khắp" bản làng. Điều này có ý nghĩa lắm đối với đôi bạn trẻ yêu nhau ngồi bên chén rượu hai cần, bởi đó là hình ảnh tương lai của họ, họ đang yêu nhau, họ sẽ lấy nhau, sẽ có con... Lời ru lại cao vời thân thiết.

Từ yên lặng đã toát lên âm thanh tượng trưng cho sự sống tiếp nối "giản đơn" mà bao hàm mọi sự...

Trong đời sống kinh tế thị trường đôi trai gái khi yêu hẳn không giản đơn như thế ! Xen vào tình yêu của họ, có biết bao toan tính vẩn đục của cuộc sống bon chen... Anh ấy yêu mình thực bụng hay vì mình là con gái cưng của "xếp" anh ấy ? Cô ấy yêu mình thực bụng hay vì cần hộ bố mẹ vừa trang bị cho mình ?...

Cho nên đôi trai gái người dân tộc này có đủ quyền để so sánh :

*Chén rượu nếp hai cần
Anh và em cùng uống
Như hai bờ suối trong*

Mặt đối mặt, họ cùng uống ngụm nước trong vắt của con suối tình yêu. Cô gái, trong mắt người con trai, thật đẹp : *Trắng muốt như hoa A-tang. Ngực thoảng hương hoa Pông. Như con nai tơ suối nắng.* Tất cả mọi ưu thế ấy chỉ để đời một tình yêu *Giản đơn và yên lặng*. Tôi tin người con trai ấy xứng đáng với tình yêu của cô, bởi phẩm chất của anh nằm ngay trong mong muốn sinh sôi và dâng hiến như Đất vậy :

*Đất cho ta hoa thơm trái ngọt
Anh muốn học tình yêu của đất.*

VÂN LONG

Thoáng bóng

Như bóng nắng nhỏ
Bên lối mòn xuống núi
Ngõ là nắng xuân về
Chính em đến gặp anh
Ngực rắc đầy sợi hoàng hôn
Miệng sáng búp hoa vợ-leng
Mắt loé chớp đêm đen
Sung sướng anh chỉ im lặng
Khắc lời thể vào ngực em.

10-1986

Lời bình

Bốn câu thơ đầu như là những nét phác sơ lược nhưng rất cần thiết gợi không khí núi rừng :

Bên lối mòn xuống núi

Nếu là "lối mòn lên núi" thì sẽ khó mà gợi được cảm giác về độ cao và hình ảnh con người sẽ chìm lút dưới thung sâu. "Lối mòn xuống núi" cho thấy họ đang ở khá cao. Cô gái được ví như "bóng nắng nhỏ" rồi lại thấy "là nắng xuân về". Không sao, cái chính là cô như nắng, nắng sáng cả núi rừng chiều. Đó là mới thoáng bóng, còn khi cô hiện ra rất gần :

*Ngực rắc đầy sợi hoàng hôn
Miệng sáng búp hoa vợ-leng
Mắt loé chớp đêm đen*

Thật y như là hình ảnh nữ thần lộng lẫy trong các trường ca Tây Nguyên say đắm. Có khác chăng đây là cô gái trần thế bằng thịt bằng xương.

Còn có lời nào cần thốt ra trong khoảnh khắc sung sướng ấy chăng ?

*Sung sướng anh chỉ im lặng
Khắc lời thể vào ngực em*

Tình yêu trai gái Tây Nguyên mãnh liệt và dữ dội, đẹp mê hồn về đẹp thần thánh thiêng liêng và pha chút hoang sơ nguyên thủy.

VŨ NHO

Nông Thị Ngọc Hoà

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Nông thị Ngọc Hoà. Sinh ngày 2 tháng 12 năm 1955.

Quê quán : xã Yên Thịnh, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Cạn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Trước gương (thơ, 1998) ; *Lời ru cho mình* (thơ, 1999) ; *Lời của lá* (thơ, 2000) ; *Vườn duyên* (thơ, 2002) ; *Con đường cho mây đi* (thơ, 2004) ; *Nước hồ mãi trong xanh* (trường ca, 2006).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam 2001 (tập thơ *Lời của lá*), Giải C Hội Văn học Nghệ thuật dân tộc thiểu số Việt Nam, 2002 (tập thơ *Vườn duyên*).

Con đường

Núi thẳng đứng

Con đường thì cong

Con đường lượn quanh sườn núi

Con đường cắt ngang dòng suối

Dấu chân người đi mãi thành đường thôi

Nếu không được nghỉ chân người

Lâu lâu không còn là đường nữa

Quên nghỉ hơi nhau

Trái tim không còn lửa

Mình đừng làm mất con đường

Đừng đánh mất tình nhau

Đánh mất thì chóng

Đi tìm thì lâu

Con đường cong

Núi thì thẳng đứng

Trời làm ra núi

Con người làm ra con đường

Mình làm lửa ấm cho tim

Lời bình

Tục ngữ Tày có câu : “Đường lâu không đi cỏ gianh mọc/ Anh em lâu ngày không đi lại thăm nhau sẽ thành người lạ”. Bài thơ *Con đường* của tác giả Nông Thị Ngọc Hoà cũng bắt đầu từ một ý tứ như vậy. Dẫu là con đường thật hay con đường đến với trái tim, con đường nào cũng thế.

Nếu không được gửi chân người

Lâu lâu không còn là đường nữa

Đặt tên cho bài thơ là *Con đường*, tác giả đã dùng phương pháp ẩn dụ để nói về tình cảm của con người với nhau. Con đường thì như vậy còn giữa con người với nhau thì sao ?

Quên gửi hơi nhau

Trái tim không còn lửa

Con đường năng đi cỏ sẽ không thể mọc, người năng đến thăm nhau tình cảm luôn nồng ấm.

Đã có tình cảm tốt với nhau thì phải giữ mãi. Bởi tình cảm của con người với nhau, cũng là lẽ tự nhiên của trời đất và vũ trụ bao la.

Trời làm ra núi

Con người làm ra con đường,

làm lửa ấm cho tim

...

DƯƠNG THUẤN

Ấy ơi

Ấy ơi ở bản nào về

Váy áo thơm mùi chàm mới

Bàn tay xanh từ bé

Đến bây giờ vẫn xanh

Quanh năm nhuộm màu chàm

Quanh năm se lạnh

Trời nắng ra sân thêu váy

Dáng đi như dáng núi

Đeo lù cở trên lưng cõng suối ngược về nhà

Núi đã bên mình, chợ huyện thì xa

Ruộng hẹp như dải váy

Mồ hôi đầy dấu tra ngô

Đi bộ từ trong bụng cha, nên bấp chân to

Người đi sau hôn gót người đi trước

Đêm về trăng treo trước ngực

Tiếng khèn môi tha thiết gọi bạn tình

Chênh vênh núi cao

Chỉ em là gần

Vòng xoay váy xoáy ta như xoáy nước

Ta cuốn vào hoa vắn

Ấy ơi cho ta theo ngược dốc

Cho ta về làm ngựa tốt nhà em.

Lời bình

Ấy ơi là hai từ rất vu vơ để gọi ai đó mà phải là người thân thiết, có lẽ chỉ là bạn bè tuổi hoa niên thì mới gọi nhau như thế.

... Nhân vật trữ tình trong bài thơ rõ là một người con gái trẻ trung, qua cách tác giả miêu tả bề ngoài:

Váy áo thơm mùi chàm mới

Bàn tay xanh từ bé

Đến bây giờ vẫn xanh

Quanh năm nhuộm màu chàm

Như vậy "ấy" là một cô học trò hoặc là một thiếu nữ nào đó đi từ bản xuống phố huyện. Cô gái đó chẳng có vẻ dịu dàng tí nào mà còn có vẻ khác thường nữa: "Dáng đi như dáng núi/ Đeo lù cổ trên lưng công suốt ngược về nhà." Một cô gái thật khỏe mạnh, vạm vạp không thua kém gì đàn ông. Cô gái đó chắc hẳn rất chăm làm và còn giỏi giang nữ công gia chánh vì bàn tay quanh năm dặt vải nhuộm chàm nên hai bàn tay quanh năm xanh màu chàm.

Nhưng cô gái còn đáng yêu hơn bởi con người cô toát lên vẻ đẹp hồn nhiên của núi rừng. Giữa không gian mênh mông của núi cao, thung dài, cô là hiện thân của niềm tin, của sức sống mãnh liệt nhất. Tất cả không gian rộng lớn đều bị hút vào cô. Cô là tâm điểm của không gian, có một ma lực thần kì.

Chênh vênh núi cao

Chỉ em là gần

Vòng xoay váy xoáy ta như xoáy nước

Ta cuốn vào hoa văn

Tác giả bài thơ là nữ mà đã hạ bút viết câu cuối : “Ấy ơi cho ta theo ngược dốc/ Cho ta về làm ngựa tốt nhà em”. Nếu là con trai thì cảm giác sẽ còn được đẩy mạnh đến mức nào ?

Nhưng, nghệ thuật là như vậy, khi nói hộ được nỗi lòng của người khác, tức là đã thành công.

DƯƠNG THUẤN

Dư Thị Hoàn

(Dàn tặc Hoa)

Tên khai sinh : Vương Oanh Nhi. Sinh ngày 1 tháng 8 năm 1947. Quê quán : tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Thường trú tại Hải Phòng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Lối nhỏ (thơ, 1988) ; *Bài mẫu giáo sáng thế* (thơ, 1993).

Lối nhỏ

*Có lối nhỏ chia đôi thảm cỏ
Em thả bước chán chường
Cỏ lối nhỏ gập ghềnh sỏi đá
Gót chân em nện xuống dũ dần
Có lối nhỏ vương cây xấu hổ
Em sợ nó khép cành
Biết làm sao bây giờ
Chính lối này đưa em tới anh...*

Lời bình

Tôi chú ý đến Dư Thị Hoàn và yêu thơ chị từ khi đọc bài thơ *Tan vỡ* đăng trên báo Văn nghệ, mà dạo ấy đã có nhiều ý kiến khác nhau. Có chị nào đó đại diện cho một chi hội phụ nữ kêu lên oai oái : "Chúng tôi có bao giờ hư hỏng thế đâu" - vì bài thơ đã viết :

*Sau những phút êm đềm trên ghế đá
Anh quên gài khuy áo ngực cho em*

Lí do tan vỡ tình yêu là thế và chỉ thế thôi, dù chị biết và đã tha thứ cho anh về tất cả các thói tật : lơ đãng, hay quên, bừa bộn... Riêng tôi, tôi chỉ muốn nói với chị : Làm gì có người đàn ông nào hoàn hảo đến từng chi tiết. Có điều kẻ này thì tệ nhĩ, kẻ kia thì thô thiển mà thôi. Và tôi cứ sợ

rằng, với yêu cầu hoàn hảo trong tình yêu, chị sẽ lại rơi vào tình trạng cô đơn như nhiều người đàn bà khác. Nhưng may làm sao, chị lại có bài thơ *Lối nhỏ*. Lối nhỏ đi đến tình yêu của một người đàn bà đã nhiều thất vọng, đã từng trải đau đớn và mệt mỏi.

*Có lối nhỏ chia đôi thảm cỏ
Em thả bước chân chường*

Hẳn là thảm cỏ này đã có lúc lối nhỏ là nơi gặp gỡ, là nơi in bốn dấu chân vui. Vậy mà bây giờ...

*Có lối nhỏ gập ghềnh sỏi đá
Gót chân em nện xuống dữ dằn*

Chị tự giận mình đã quá khe khắt làm tuột mất tình yêu, hay hờn đời vì ai đó đã ra đi không quay đầu lại ? Lối nhỏ dù ngang qua khu vườn đầy hoa chị cũng chỉ còn nhìn thấy sỏi đá gập ghềnh.

Nhưng người đàn bà đa cảm như chị làm sao có thể gánh chịu nỗi cô đơn. Chị lại tìm đến tình yêu, ngập ngừng, e ngại, mặt đỏ bừng và lúng túng như một cô gái vừa mới lớn.

*Có lối nhỏ vương cây xấu hổ
Em sợ nó khép cành*

Chị quả quyết gạt bỏ gai góc, chịu để bàn tay mình rớm máu, gạt bỏ nỗi thẹn thùng vì đã đi bước trước.

*Biết làm sao bây giờ
Chính lối này đưa em tới anh...*

Ước gì ai cũng có được lòng quả cảm và thiết tha như chị để đến với tình yêu.

PHAN THỊ THANH NHÀN

Đi lễ chùa

*Năm người đàn bà cùng ngồi trên xe ngựa
Tay khư khư ôm đầy vật tế lễ
Người thứ nhất thở dài :
- Tội nghiệp nhất người đàn bà không chồng !*

Người thứ hai chép miệng :

- Vô phúc nhất người đàn bà không con !

Người thứ ba cười buông :

*- Bất hạnh nhất người đàn bà không khóc nổi
trước mặt chồng*

Người thứ tư điếm đạm :

*- Tuyệt vọng nhất người đàn bà không cười được
khi thấy con.*

Người thứ năm :

- Mồ phật !

Lão xà ích giật dây cương

Roi quất

Tung bụi đường.

Lời bình

Bài thơ *Đi lễ chùa* có thể coi là bản "tổng kết" về nỗi đau khổ của phụ nữ, nhất là người phụ nữ Á Đông : số phận họ thường gắn bó chặt chẽ với chồng, với con. Những đau khổ ấy được nâng dần lên từng cấp độ qua lời thoại của từng nhân vật trong bài : "Tội nghiệp nhất người đàn bà không chồng !". "Vô phúc nhất người đàn bà không con !".

Từ lễ đời dễ thấy như trên đến những đau khổ chỉ người thực sự trải đời mới phát hiện ra : "Bất hạnh nhất người đàn bà không khóc nổi trước mặt chồng". "Tuyệt vọng nhất người đàn bà không cười được khi thấy con". Chồng là người bạn đời gần gũi nhất, có những khổ đau chỉ cần bộc lộ ra bằng tiếng khóc (với chồng) là đã vơi nhẹ. Nhưng là phải khóc với người hiểu mình, chứ không phải khóc với gốc cây, hòn đá ! Và đứa con là niềm vui, là bản thân mình kí thác cho cuộc đời cả khi mình không tồn tại nữa. Thế mà vì lẽ gì đó, người mẹ không cười được khi thấy con ? Còn gì tuyệt vọng hơn ?

Mỗi nấc thang đi vào nỗi khổ đều mang một cấp độ biểu cảm của tác giả : tội nghiệp, vô phúc, bất hạnh, tuyệt vọng. Mỗi nhân vật đều có thái độ biểu cảm của cá nhân mình : thở dài, chép miệng, cười buông, điếm đạm. Những cấp độ khổ đau ấy cứ đi dần từ đơn giản đến sâu sắc hơn và đầy cảnh ngộ hơn. Bốn nhân vật đã xuất hiện từ thấp đến cao của bậc thang đau khổ. Vậy người thứ năm phải là đỉnh cao nhất của sự vô vọng, đau thương ?

Nhưng người này lại gây cho ta một sự bất ngờ. Người đàn bà này không tỏ bày một thái độ gì mà chỉ là người thứ năm thôi với một câu : Mô phật ! Định hướng chủ đề bài thơ quá hẹp sẽ rất gần chủ đề một bài ngụ ngôn ; định hướng bài này lại mở đến mênh mông. Thái độ người đàn bà thứ năm dường như chấp nhận tất cả mà cũng từ chối tất cả. Người đó đã có mọi khổ đau hay người ấy đã vượt lên trên mọi khổ đau ? Một thái độ thiên ! Bài thơ được cấu tứ chặt chẽ đến từng chi tiết ; phải là người biết ghìm nén và thấu hiểu lẽ đời mới giữ được thái độ ngỡ như vô cảm đến vậy.

Lão xà ích giật dây cương

Roi quất

Tung bụi đường

Chiếc xe như cuộc đời chở đầy đau khổ của kiếp người. Lão xà ích bỗng thành... một hoá công ! Hình ảnh này gợi ta nhớ đến câu thơ của cụ Nguyễn Du :

Một xe trong cõi hồng trần như bay.

VÂN LONG

Thôn Quả Phụ

- Cho anh tiễn em tới gốc cây đa
- Thôi xin cám ơn
- Cho anh tiễn em qua chân cầu gỗ
- Thôi. Em cám ơn lần nữa.
- Anh chỉ tiễn em đến ngôi chùa đổ
- Thôi mà... Khi khác... Em xin...
- Thế thì cho anh dựa chỉ
- Kia kia, đằng sau cơn mưa.

Tháng 7-1990

Lời bình

Hẳn là ai đã từng yêu, đã từng tiễn đưa, ít nhiều đều có in dấu vết "Thôn Quả Phụ" ở trong kí ức, trong kỉ niệm yêu đương của mình. Bởi tình cảm được diễn tả trong *Thôn Quả Phụ* sao nó giống ta đến thế, vừa tiễn vừa đưa, vừa đưa vừa tiễn, tiễn tiễn đưa đưa, đưa đưa tiễn tiễn, mà rốt cuộc là : đưa đưa. Nhưng ở đây, người được tiễn, được đưa, mới thật khéo léo làm sao, khéo léo đến cái mức khi người ta hỏi xin địa chỉ thì liền chỉ tay ra :

Kia kia, đằng sau cơn mưa

Hay thật đấy, địa chỉ ở đằng sau cơn mưa ! Khéo thật đấy, "cám ơn - cám ơn lần nữa" - "thôi mà... khi khác... em xin..." Để rồi :

Kia kia, đằng sau cơn mưa.

Cái anh chàng này đến là khờ khạo, yêu người ta mà lại không biết địa chỉ người ta, để cứ phải gạ gẫm, nài nỉ, van xin... Để rồi được một cái địa chỉ :

Kia kia, đằng sau cơn mưa.

Cũng có thể, đây chỉ là cái cố, cái cách của anh chàng tinh quái kia đưa ra để dùng dằng, để níu giữ, để được tiễn, được đưa thật nhiều cũng nên. Biết đâu đấy. Ai mà đoán biết được.

LÒ NGÂN SÚN

Nguyễn Trọng Hoàn

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Trọng Hoàn. Sinh năm 1963. Quê quán : xã Hạ Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Tác phẩm đã xuất bản :

Sắc cỏ tình yêu (thơ, 1990) ; Và em khi ấy (thơ, 1994) ; Thả diều (thơ, 1997) ; Huyền cầm (thơ, 1997)...

Giải thưởng văn học :

Giải A cuộc thi thơ về đề tài Nhà trường do Bộ Giáo dục và Trung ương Đoàn TNCSHCM tổ chức (1988 - 1989) ; Giải thưởng thơ hay viết về biển do Báo Vũng Tàu tổ chức, 1991 ; Giải thưởng thơ do Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam và UNICEF tổ chức (1996 - 1997).

Thơ tình của núi

Sắc trời có bao giờ xanh thế
Nắng rót tràn thung hương
Mây ngẫu hứng
Bất ngờ thì tứ
Thơ núi cũng mang tình núi rất riêng.

Trai gái bản tìm nhau
Say đắm mắt
Chiều xanh nghiêng ngả dốc đèo
Phút giao cảm bừng lên lộc biếc
Suối gọi nguồn róc rách vui reo.

Im lặng đá,
Toát mồ hôi núi đá
Và xanh cây,
Lấp lánh ngàn cây
Trời mới lạ : bất ngờ xao động gió
Núi rừng không rượu, ngất ngư say...

Lời bình

*Núi cao chi lắm núi ơi
Che khuất mặt trời chẳng thấy người thương*

Người xưa đã gọi núi mà tâm tình, mà than thở. Nhưng không phải lúc nào núi cũng có lỗi ngáng trở đầu. Nhờ có núi mới có thung và mới tạo ra cảnh tượng lạ lùng : "Nắng rót tràn thung hương". Nói theo câu thơ của người xưa thì "Nắng là hương hay thung lũng lên hương". Mùi hương ấy gọi tuổi trẻ tìm nhau, xui khiến họ yêu nhau. Tình yêu mãnh liệt của trai gái bản làm chấn động cả cỏ cây, trời đất :

*Chiều xanh nghiêng ngả dốc đèo
Phút giao cảm bùng lên lộc biếc
Suối gọi nguồn róc rách vui reo*

Cái tình ấy làm cho đá cũng "toát mồ hôi" và cả núi, rừng đều "say không rượu" - say yêu.

Bài thơ có tên *Thơ tình của núi* - nhưng núi đâu có làm thơ. Vậy ai là tác giả. Núi hay trai gái bản, hay người làm thơ ? Có lẽ là cả ba đã tạo ra bài thơ "mang tình núi rất riêng" và họ chọn núi để đứng tên.

VŨ NHỎ

Mộc Châu

*Sóng sánh ban mai
Chập chờn ánh lửa
Hương thơm ngát của chè
Vị ngọt đậm của sữa...
Lãng mạn thảo nguyên xanh.
Lãng mạn những giọt sương
Phiêu du đầm đìa mặt đất
Để Mộc Châu hiện ra rất thật :
Nương sắc
Đổi chè
Đàn bò pha màu lên đồng cỏ
Hoang dại gió*

*Những dáng người bươn bả
Nhấp nhô.
Thảo nguyên !
Mạn mác quê xa
Khao khát miền đất mới
Những cô gái không nhớ thời con gái
Và, những chàng trai thuở ấy
Nhận ra vị chất đắng của chè
Nhận ra hơi ẩm
Bùa mê
Cùng giản dị và mặn nồng như muối
Thảo nguyên
Màu mỡ đất đồi, thanh thiết suối
Và em...*

Lời bình

Đã từng tới Sơn La vài bận nên Mộc Châu thành một địa chỉ trong tôi. Từ Hà Nội lên hay từ Sơn La về, các tay lái sành thế nào cũng dừng ở Mộc Châu nghỉ ngơi cơm nước. Bao giờ khi về xuôi, khách cũng thường mua chè gói trong giấy bạc in rất đẹp biểu tượng Mộc Châu và bánh sữa (sữa cô đặc thành thỏi) để làm quà. Vậy là đến mấy ngày sau ở Hà Nội, vẫn có thể đắm trong "hương thơm ngát của chè" và "vị ngọt đậm của sữa", vẫn có thể mộng mơ "lãng mạn thảo nguyên xanh"...

Ấy là nói với người đã có duyên may tới Mộc Châu. Còn nếu chưa đi, bạn có thể hình dung Mộc Châu qua con mắt Nguyễn Trọng Hoàn. Mộc Châu khi ấy còn trong sương sớm nên lửa mới "chập chờn", ban mai mới "sóng sánh". Mà sương khói bao giờ cũng dễ gợi những mộng mơ... Đừng nghĩ là sương tan thì Mộc Châu sẽ trần trụi. Vẻ đẹp mộc, đẹp không sương khói của Mộc Châu cũng mê đắm lắm và kêu gọi lắm. Những "nương sắn, đồi chè" chúng xanh một sắc xanh riêng - một màu xanh rất thật mà Mộc Châu hiện ra sau "Sóng sánh ban mai. Chập chờn ánh lửa". Và khổ thơ thật nên thơ mà cũng đầy chất hoạ hay nhất của bài đã ghi lại một vẻ đẹp thanh bình phảng phất *Đàn gĩa súc trở về của An-phông-xơ Đô-đê* :

*Đàn bò pha màu lên đồng cỏ
Hoang dại gió
Những dáng người bươn bả
Nhấp nhô.*

Gió phóng khoáng chạy ào ạt qua những mênh mông chè, mênh mông cỏ nên gió thảo nguyên cũng có nét riêng "hoang dại". Mộc Châu thật là thế đấy. Người thích mộng mơ có thể sẽ trách nhà thơ là Mộc Châu tuyệt diệu như thế sao lại đưa "những dáng người bươn bả nhấp nhô" vào đây ? Biết làm sao được. Để có Mộc Châu đẹp như mơ phải có những con người như thế. Họ chính là những người "khát khao miền đất mới" đã quên cả tuổi trẻ của mình làm nên Mộc Châu, đang làm chủ Mộc Châu.

Tôi cứ ngỡ rằng tác giả bài thơ vì tình quê man mác đã bị bỏ bùa. Nếu không, sao lại kết bài thơ kiểu này :

*Thảo nguyên
Màu mỡ đất đôi, thanh thiết suốt
Và em...*

Toàn bộ những "sóng sánh", "chập chờn", "phiêu du", "thanh thiết" hóa ra tại vì em, ngưng kết lại ở em - "giản dị và mặn nồng như muối". Vâng, thiếu em thì Mộc Châu sẽ vẫn là Mộc Châu, nhưng ban mai sẽ giảm phần sóng sánh. Hương vị, và chất lãng mạn sẽ... là của ai đó chứ không phải của thơ Nguyễn Trọng Hoàn.

VŨ NHỎ

Tạ Minh Hội

(Dân tộc Kinh)

Đợi anh nhiều

(Theo điệu Kờ-lêu)

Em ơi ! đợi anh nhiều
Như nàng Ở Đơn, Ở Dốt⁽¹⁾
Em ơi ! thương anh nhiều
Như chim bắt cô trời cội⁽²⁾

Xa nhau dù mấy mùa
Cũng đừng quên chuyện cũ
Cách nhau dù mấy núi
Cũng đừng quên làng xưa.

Lúa ngoài rẫy đã gieo
Phải có ngày lúa mọc.
Lửa đã châm rừng lách
Lửa bốc nhanh như thổi.

Lách tàn tranh lại mọc.
Chim túc nao⁽³⁾ lại về
Khoai lúa cũng trở về
Buôn làng vui biết mấy.

Trời sáng anh lên rẫy
Trời cao anh bầy chim
Em múc nước suối trong
Đôi bờ vang tiếng cốc.

1958

Tạ Minh Hội

(sưu tầm và dịch)

(1) Tên hai người con gái chung thủy trong chuyện dân gian Xơ Đăng.

(2) Chim được đồng bào Xơ Đăng yêu mến.

(3) Chim túc nao có giọng hót líu lo, mùa thu nó bay đi, mùa xuân lúa trở lại bay về hót cho dân làng lên rẫy. Ý nói chồng về...

Lời bình

Niềm tin để hai người yêu hò hẹn, đợi chờ nhau trong bài thơ *Đợi anh nhiều* là một niềm tin có cơ sở chắc chắn. Sự chắc chắn hiển nhiên này được thể hiện bằng hình tượng cụ thể :

*Lúa ngoài rẫy đã gieo
Phải có ngày lúa mọc
Lửa đã châm rừng lách
Lửa bốc nhanh như thổi...*

Và cuộc sống tương lai thật bình dị, nhưng cũng thật đẹp :

*Trời sáng anh lên rẫy
Trời cao anh bắt chim
Em múc nước suối trong
Đôi bờ vang tiếng cười.*

BẾ KIẾN QUỐC

Nguyễn Thị Hồng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Thị Hồng. Sinh ngày 1 tháng 2 năm 1948. Quê quán : xã Minh Thân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Em ra đi (thơ, 1990) ; *Gọi thu* (thơ, 1992) ; *Biển đêm* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng cuộc thi thơ tạp chí Văn nghệ quân đội, 1983 - 1984 (bài thơ *Bình dị*) ; Giải thưởng văn học 5 năm, 1986 - 1990 của Hội văn nghệ Hà Nội (tập thơ *Em ra đi*).

Bình dị

Em nguyên sơ như đất
Em nguyên sơ như cây
Em nguyên sơ như nắng
Như gió cao nguyên này.

Một màu da của đất
Một cái nhìn của cây
Một tâm hồn của nắng
Của gió cao nguyên này

Giặc đến đất rung chuyển
Thành miệng núi lửa phun
Giặc đến dây tự biến
Thành muôn ngàn mũi tên

Giặc đến nắng và gió
Là lũy thành lòng em

Hết giấc rồi, em gái
Lại trở về chính mình
Lại nguyên sơ như đất
Lại nguyên sơ như cây
Lại nguyên sơ như nắng
Như gió cao nguyên này

Em tự quên chính mình
Những phút thành dưng sĩ
Như núi rừng tự quên
Những phút thành chiến lũy
Lại trở về nguyên sơ
Cái màu xanh bình dị.

Chư Pông, 11-1983

Lời bình

Ngay ở những câu đầu tiên, bài thơ đã gây ấn tượng bằng sự giới thiệu khá đặc biệt về cô gái. Với một loạt cấu trúc lặp và những hình ảnh gần gũi ("đất", "cây", "nắng", "gió"), hình ảnh cô gái hiện lên như lẫn với muôn ngàn cô khác sống bình dị giữa mọi người. Đến khổ thơ thứ hai, cái bình dị bắt đầu bộc lộ những nét con người này (chữ dùng của Hê-ghen) của cô gái. "Màu da của đất" hay đức tính cần cù, siêng năng lao động, gần mình với quê hương ? "Cái nhìn của cây" hay niềm tin yêu mãnh liệt khao khát tự do với sự sống, hoài bão vươn lên hiển danh cho cuộc đời ? "Tâm hồn của nắng, của gió cao nguyên này" hay chính bản tính phóng túng, hồn nhiên, cao đẹp và nguyên sơ của cô gái ? Bao nhiêu nét đã hợp thành một phẩm chất chung đủ khắc hoạ một chân dung tính cách và tâm hồn thật đẹp của cô.

Từ vẻ đẹp nguyên sơ như "đất", như "cây", như "nắng", như "gió" đến "màu da của đất, cái nhìn của cây, tâm hồn của nắng, của gió, của cao nguyên" là sự vận động chuyển dời ý nghĩa của hình tượng thơ một cách nhuần nhuyễn, đến sự vận động chuyển hoá thành ý nghĩa của hình tượng thơ ở khổ thơ này thì tác giả thành công đến hai lần !

Tình yêu lao động, yêu quê hương, tâm hồn cao đẹp của cô gái được khẳng định cùng với tinh thần chiến đấu anh dũng, kiên cường tưởng khó có cách diễn đạt nào hay hơn. Tính cách, tâm hồn và hành động của cô

gái như những biểu hiện hồn nhiên, thống nhất của sắc màu, sức vươn, sức chiếu toả đa diện của hình tượng thiên nhiên "đất", "cây", "nắng", "gió". Cô gái cao nguyên hiện lên như thánh thiện, thiên thần đầy mà không hề xa lạ :

*Hết giấc rồi, em gái
Lại trở về chính mình
Lại nguyên sơ như đất
Lại nguyên sơ như cây...*

Suốt bốn khổ thơ liên tác giả sử dụng cấu trúc lặp và lặp kết cấu nhưng dường như không thừa một chữ, không gây cảm giác nhàm chán - mà trái lại - luôn gợi, luôn mới lạ bởi bút pháp linh hoạt đến nhuần nhuyễn. Dĩ nhiên, cái *dấu nổi* từ vẻ đẹp thánh thiện, nguyên sơ đến vẻ đẹp thiên thần rồi lại trở về nguyên sơ là cả một sức vươn, sức gợi, sức toả theo chiều hướng phát triển đa diện và đặc sắc của hình tượng thơ. Cô gái vừa là chính mình lại vừa đẹp hơn chính mình bởi sự hồn nhiên đó :

*Em tự quên chính mình
Những phút thành dưng sĩ
Như núi rừng tự quên
Những phút thành chiến lũy
Lại trở về nguyên sơ
Cái màu xanh bình dị.*

Hình tượng thơ được đẩy lên một bình diện cao hơn và có tính khái quát. Em gái hay chính núi rừng, hay chính cả quê hương, đất nước ? Hiểu theo khả năng nào cũng đều được. Hình tượng em : "đất", "cây", "nắng", "gió" mở ra một trường liên tưởng rộng, trừu tượng mà lại rất xác định bởi tính cách, tâm hồn và hành động cao đẹp trong cái nghĩa bình dị, rất bình dị của bài thơ.

Có thể nói *Bình dị* là một bài thơ khá độc đáo, trước hết là ở cách sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh giản dị mà giàu chất tượng trưng, nhiều tầng ý nghĩa, nó gắn với cách nói, cách nghĩ dân dã của đồng bào dân tộc thiểu số mà lại có thể nói được phẩm chất chung của cả dân tộc.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Vân Hồng

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Vi Hồng Nhân. Sinh ngày 18 tháng 8 năm 1945. Quê quán : xã Bình La, huyện Bình Giang, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Biên giới mùa hoa (thơ, in chung, 1985) ; *Ai lên xứ Lạng* (thơ, in chung, 1995) ; *Hương ngàn xa* (thơ song ngữ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải khuyến khích của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1997 (tập thơ *Hương ngàn xa*).

Hương cốm

Tưởng nhớ các Anh

Giữa hai dãy nhà trong ngõ
Tiếng rao bán cốm vọng về
Tôi bỗng nhớ về xóm núi
Nhớ về hương cốm – hương quê.

Đám ruộng dưới làng khi bông nếp uốn câu
Nhà dưới nhà trên rủ nhau làm cốm
Chị trước em sau
Đêm giã cốm chày đôi rộn ràng như hội
Nhà sàn đầy tiếng cười tiếng nói
Chín lần giã, vò nên đẹp, nên thơm
Con trai người đi bắt cá sông
Người đi lấy nhộng ong rừng
Cốm non tha thiết lời hay
Cốm thơm đắm say câu lượn

Ngây ngất sàn trắng hương cốm hương tình
Đêm cốm ấy tiễn trai làng ra trận
Bàn tay thơm nắm bàn tay
Hẹn ngày thắng lợi.

*

* *

Mùa lại mùa gió từ đồng cứ thổi
Xóm núi quê tôi hương nếp vẫn thơm lòng
Nhưng con gái làng tôi không rủ nhau làm cốm nữa
Hoà bình rồi mà khóe mắt rừng rưng...

Nhạc – Nơi – Hán – Mị – Tạch – Hoàn ơi
Bữa nay nghe tiếng người rao bán cốm
Tôi muốn về thăm xóm vắng quê mình
Dâng lên các Anh
Hương quê – Hương cốm.

7-1995

Lời bình

Khung cảnh già cốm đêm trăng hiện ra từ nỗi nhớ được miêu tả trong bài thơ như là một ngày lễ tết ăn cốm mới của đồng bào miền núi. Nhưng thật ra đó là đêm già cốm liên hoan để chia tay các trai bản ngày mai ra trận. Con trai con gái chung vui, hết lòng tận tụy cho đêm liên hoan được vẹn đầy tình nghĩa. Cuộc liên hoan chia tay không hề có mâm cao cỗ đầy, mà chỉ là niềm vui được cùng nhau già cốm, cùng nhau nếm nấp những hạt cốm đầu mùa – một cuộc chia tay mộc mạc tình quê mà lại lâu bền nỗi nhớ. Trên cao ánh trăng giải sáng đầy sàn, tiếng hát tha thiết đắm say dìu dặt, hương cốm vấn vít, tình quyến luyến giữa người ra đi và người ở lại... thật là một đêm chia tay thiêng liêng, như thể cả quê hương cùng có mặt tiễn đưa.

Đất nước đã hoà bình, các anh không về, các anh đã hi sinh cho Tổ quốc. Mùa cốm thơm của quê hương năm nào chẳng có, ấy thế mà bây giờ "con gái làng tôi không rủ nhau làm cốm nữa", bởi vì hễ nhắc đến cốm là gợi nhớ đến những hình ảnh trai làng của đêm kỉ niệm ngày nào nay đã vĩnh viễn không về. Người sống hôm nay không nỡ chạm vào nỗi đau quá lớn này...

Bài thơ được khởi lên từ tiếng rao bán cốm. Thế là ulla về trong kí ức những hình ảnh thân thương. Khép lại bài thơ là ước nguyện của nhà thơ mong được trở về quê hương dâng lên những linh hồn bè bạn đang yên nghỉ một chút hương cốm – hương quê. Hương cốm chính là hồn quê thơm thảo. Trong đời sống ồn ào tất bật hôm nay, một ước nguyện như thế thật nhân bản xiết bao, thương quý xiết bao !...

VĂN GIÁ

Tạ Thu Huyền

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Tạ Thị Thu Huyền. Sinh ngày 1 tháng 12 năm 1931. Quê quán : xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tuyển tập thơ các dân tộc thiểu số Việt Nam thế kỉ XX (in chung, 2000) ; *Đầy vơi* (thơ, 2001) ; *Tấm lòng nhà giáo tập II* (thơ, in chung, 2001) ; *Thơ Việt Nam (1945 - 2000)* (thơ, in chung, 2001) ; *Thơ nhà giáo* (thơ, in chung, 2001) ; *Thơ sáng tác trẻ* (thơ, in chung, 2001).

Giải thưởng văn học :

Giải C của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Lào Cai, 2000 (tác phẩm *Lá vàng đợi đông*) ; Giải B của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Lào Cai, 2001 (tập thơ *Đầy vơi*).

Làng đá chứng mình

Em hơ trên ngọn lửa tàu lá chuối
Ủ kín gói xôi bằng tình em
Dù đi xa xin anh đừng quên
Gạo Nà Rìn quê mình dẻo thơm lắm đấy.

Những hạt thóc
Gieo trồng trên đá
Nảy mầm trên đá
Uống sương đá lớn lên.

Từ bao đời
Đá đứng, đá ngồi
Quây quần bên ta làm bầu bạn
Đá là nơi mẹ cha hò hẹn
Để sinh ra anh ra em.
Núi đá lặng im
Mẹ hát ru con bằng câu hát dân ca người Dáy

*Tuổi thơ chúng mình lớn lên cùng những câu chuyện cổ
Vẫn còn đây cây Mẹ, cây Con, cây Chồng, cây Vợ
Suốt đời rủ bóng bên nhau
Dù đi đâu về đâu
Đừng quên làng đá chúng mình anh nhé
Làng Nà Rìn nhỏ bé
Năm ôm chân núi Cô Tiên.*

Trại sáng tác Bát Xát, tháng 4-2000

Lời bình

Tình cờ tôi được đọc bài thơ : *Làng đá chúng mình* của tác giả Tạ Thu Huyền (dân tộc Tày) đăng trên Văn nghệ Dân tộc - Miền núi số 3 (67) năm 2001.

Làng đá chúng mình gợi cho tôi nhớ về miền quê Mường Vi - Pác Cắm - Nà Rìn, nơi tôi đã từng sinh sống, công tác ở đó với những buồn vui cuộc đời, với làng Nà Rìn : đá ở ruộng nương, đá ở đường đi, đá ở trước cửa nhà, đá ở ngay trong từng ngôi nhà người Nà Rìn. Còn hai chữ Nà Rìn (tiếng Dáy) có nghĩa là ruộng đá, ai cày bừa trên ruộng đá, nương đá, nếu không quen, không thông thạo sẽ làm gãy lưỡi cày, răng bừa, cho nên đối với người Nà Rìn làm ruộng, nương chen chúc những đá là cả một nghệ thuật lao động. Người làng khác đến làm dâu, rể ở Nà Rìn muốn không bị chê cười, trước hết phải học lấy ngay cái nghệ thuật lao động đó.

Tôi hơi kể lể, vòng vo là để muốn nói về bài thơ *Làng đá chúng mình* của tác giả Tạ Thu Huyền - một bài thơ mới đọc qua tôi đã có cảm tình ngay. Cái hay của bài thơ này theo tôi trước hết là ở cái nhìn, cái tình, cái tứ, cái cảm của người viết phải nhập cuộc, hoá thân như thế nào đó mới có thể có được những câu thơ gần gũi, thân thương, tinh tế, truyền cảm đến thế :

*Em hơ trên ngọn lửa tàu lá chuối
Ủ kín gói xôi bằng tình em
...
Những hạt thóc
... Uống sương đá lớn lên*

Và hơn thế :

*Đá đứng, đá ngồi
Quây quần bên ta làm bầu bạn
Đá là nơi mẹ cha hò hẹn
Để sinh ra anh ra em*

Là vật vô tri vô giác, nhưng qua cuộc đời người Nà Rìn, đá sinh ra lúa, ngô, khoai, sắn, đá sinh ra rừng cây, sinh ra những dòng suối trong xanh mát lành, sinh ra chim ca cá lượn, sinh ra dân ca cổ tích, sinh ra tình yêu, ấm no, hạnh phúc... Và bài thơ kết lại bằng hai câu thơ giàu ý tưởng :

*Làng Nà Rìn nhỏ bé
Nằm ôm chân núi Cô Tiên.*

Ôm lấy núi Cô Tiên để sống, để tồn tại, để khao khát, ước ao, hoài bão, kì vọng. Đó là Làng đá Nà Rìn - *Làng đá chúng mình*.

Một bài thơ xinh đẹp, tươi sáng, dịu hiền mọc lên từ trên núi đá Nà Rìn, mọc lên từ tâm hồn Tạ Thu Huyền.

LÒ NGÂN SÚN

Đặng Vương Hưng

(*Dân tộc Kinh*)

Tên khai sinh : Đặng Vương Hưng. Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1958. Quê quán : xã Đoàn Kết, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

Tác phẩm đã xuất bản :

Người bạn gái (truyện ngắn, in chung, 1980) ; *Đang yêu* (thơ, 1988) ; *Tin đồn* (tiểu thuyết, 1991) ; *Viên ngọc kì diệu* (truyện thiếu nhi, 1992) ; *Dâng hiến* (thơ, 1993) ; *Thời tôi mang áo lính* (thơ, 1994) ; *Lửa thức* (thơ thiếu nhi, 1996) ; *Gửi người trong mơ* (thơ, 1997).

Giải thưởng văn học :

Giải A cuộc vận động sáng tác văn thơ và ca khúc cho thanh niên của Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - Hội Nhà văn Việt Nam, 1981 - 1983 (các bài thơ : *Ngủ rừng* ; *Những dáng núi*) ; Tặng phẩm thơ hay của Tạp chí Văn nghệ quân đội, 1985.

Ngủ rừng*

Sáng còn ở Phong Vân
Trưa đã đến làng Cả
Chiều vượt sông Tà Càng
Đêm ngủ rừng Xa Lý...
Trăng tròn ơi, sáng thế !
Trời lại càng mong mệnh
Con hươu tác bằng khuâng
Gọi ai hoài lưng núi
Bồi hồi nghe tiếng suối
Nhớ mẹ hát à ơi
Nhấp nháy sao xa vời
Tướng xóm thôn đỏ lửa
Đống củi còn cháy dở
Đã tí tách sương rơi
Chấn mông đắp chung đôi
Âm cả tình đồng đội
Giấc mơ vừa đến vội
Gà rừng đã gáy ran !

(*) Bài thơ được tặng giải A cuộc vận động sáng tác văn, thơ và ca khúc cho thanh niên do Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức (1981-1983).

*Ánh ban mai chưa lên
Lính đã ùa xuống suối
Chao ! Nguồn nước giữa rừng
Rửa mặt sao mà khoái !*

Lục Ngạn, 11-1978

Lời bình

Ngủ rừng được viết khi Đặng Vương Hưng hăm mốt hăm hai. Bài thơ này hay vì nó đầy sức trẻ, hay ở sự tươi trẻ. Sáng, trưa, chiều, tối mỗi thời điểm là một địa danh, đi bộ hay hành quân bằng ô tô thì cũng là suốt ngày trên đường. Thế nhưng họ rất trẻ nên tới nơi ngủ mới không lẫn ra mà ngủ say như chết. Hãy xem các chàng lính trẻ măng tơ làm gì : Ngắm trăng, nghe hươu tác, nhớ mẹ hát à ơi (có lẽ nhiều chàng chưa kịp có người yêu nên chẳng thấy kể vào đây, hay là còn ngưỡng ngưỡng ?). Họ cứ thao thức như thế, mới chợp ngủ thì trời đã sáng.

*Giấc mơ vừa đến vội
Gà rừng đã gáy ran !*

Lại tiếp tục chuẩn bị hành quân nên các anh dậy sớm lắm.

*Ánh ban mai chưa lên
Lính đã ùa xuống suối
Chao ! Nguồn nước giữa rừng
Rửa mặt sao mà khoái !*

Có một chút gì trẻ con và hồn nhiên trong hành động "ùa", trong tiếng tấ tấ tấ : "Chao !" "Khoái !". Vâng, rất trẻ trung và thật khoẻ khoắn.

Đây là cuộc hành quân lên giữ chốt miền biên cương phía Bắc. Họ ra đi hồn nhiên như thế, trẻ trung như thế, khoẻ như thế nên tường thành phía Bắc mới vững bền trong cuộc chiến ác liệt mùa xuân năm 1979.

VŨ NHO

Những dáng núi

*Dáng núi lụ khụ như ông già
Khi mùa đông đến đám mây sa
Những ngày hanh hao đêm lạnh buốt
Đèo cao khắp khóm đá gan gà*

Dáng núi xinh tươi như em gái
 Cho mùa xuân tới chợt nhớ ai
 Bên dòng suối lạ nhiều hoa lạ
 Xôn xao chim hót mỗi buổi mai
 Dáng núi khoẻ mạnh như chàng trai
 Đón mùa hạ sang chang chói nắng
 Giữa sấm sập mưa cơn chớp giật
 Gió ngàn lồng lộng động trắng sao
 Rồi đến mùa thu từ buổi nào
 Ánh mắt nhìn nhau yếu mến thế
 Đất trời rộng rãi nắng vàng hoe
 Dáng núi hiền từ như dáng Mẹ...

Khau Hương, 23-9-1979

Lời bình

Bài thơ có cái tên thật giản dị, dễ gợi hình dung ngay từ đầu - ngỡ rất cụ thể nhưng hàm chứa những ý tưởng thú vị. Nào là :

- Dáng núi lụ khụ như ông già
- Dáng núi xinh tươi như em gái
- Dáng núi khoẻ mạnh như chàng trai
- Dáng núi hiền từ như dáng Mẹ...

Có một mạch ngầm liên kết tư duy về dáng núi, ấy là biến thái của thiên nhiên. Vẫn là một dáng núi ấy - nhưng phải gắn bó, thân thiết đến nhường nào dáng núi mới trở thành những biểu tượng của đời sống và thi ca đến thế ! Thấy dáng núi "lụ khụ như ông già" cũng là cảm thức về mùa đông hanh hao lạnh buốt, thấy dáng núi "xinh tươi như em gái" cũng chính là thấy vẻ quyến rũ xốn xang trước mùa xuân... Dáng núi ngỡ vô tri vô giác ấy bỗng mang sức sống và tâm hồn mới lạ. Ở đây dáng núi chỉ là điểm gợi, là đối tượng của chủ thể trữ tình để từ đó mở ra các hình dung. Có điều, đọc *Những dáng núi*, ta thấy được tâm thế và thi hứng của nhà thơ. Phía sau của những so sánh liên tưởng là ánh mắt, là tấm lòng thiết tha với núi. Nếu không thế, sao nhà thơ có thể vấn vương nhiều mối - nào những "đám mây", "đá gan gà", "suối lạ", "gió ngàn", "đất trời rộng rãi"... ?

Đường như núi chỉ là cái cớ, là tay vịn để người thổn thức giải bày, để tâm sự. Anh yêu núi bởi anh yêu người.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Phạm Đông Hưng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Phạm Đông Hưng. Sinh năm 1940. Quê quán : xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tiếng gọi thời gian (thơ, 1972) ; *Đôi mắt người đẹp* (thơ, 1991) ; *Say* (thơ, 1994) ; *Sáo và củ mèo* (truyện thơ, 1994) ; *Thiên thần ở làng đất* (truyện thơ, 1995) ; *Đá muối* (thơ, 1995) ; *Hoa cho quả* (thơ, 1996)...

Học trò vùng cao

*Không phải như thành phố
Có đủ thứ trên đời
Trường mình toàn mái lá
Tự tạo trò vui chơi !
Con trâu bằng lá mít
"Nghé ọ !" kêu vang trời
Con ngựa là cành lá
Tung tẩy phi khắp nơi !
Đá bóng bằng trái bưởi
Thế mà thích thích ới !
Ngày lễ và ngày tết
Đánh đu bay ngang trời !*

Lời bình

Trẻ con ở những vùng khó khăn thường hay ghen tị, hay so sánh :

*Không phải như thành phố
Có đủ thứ trên đời.*

Thật tình thành phố có nhà ngói, nhà tầng, có một số đồ dùng hiện đại và có nhiều trò chơi hơn, nhưng không phải là có đủ thứ trên đời đâu. Thành phố cũng còn thiếu nhiều thứ lắm chứ. Đọc kĩ lại bài thơ, lại thấy không phải là ghen tị, mà là đề cao các bạn thành phố cho các bạn khoái chí rồi nhân đấy mà khoe trường mình.

Đúng là trường nghèo, chỉ có mái lá thôi. Ngay cả đồ chơi cũng toàn là đồ tự tạo. Con trâu làm bằng lá mít, con ngựa làm bằng cành lá, quả bóng làm bằng trái bưởi, đu thì làm bằng cây (chắc là cây tre). Nguyên liệu để tạo ra những trò chơi đó chỉ là lá, cành, quả, cây nhưng mà "thích thích di", được "kêu vang trời", được "phi khắp nơi" và thú vị hơn là được "bay ngang trời" như các chú phi công chính hiệu nhé. Các bạn thành phố hẳn cũng phải thèm.

Nhưng giá như bên cạnh những trò chơi tự tạo đó còn có những đồ chơi hiện đại thì chắc là vui hơn. Dù rất khen các em học trò vùng cao đã biết khắc phục khó khăn tự tạo ra trò chơi, nhưng lẽ nào ta cứ bỏ mặc các em chỉ với những trò vui chơi đó ?

VŨ NHO

Hoàng Thanh Hương

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Hoàng Thị Thanh Hương. Sinh năm 1978.

Quê quán : huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ

Tác phẩm đã xuất bản :

Tự cảm (thơ, 2005) ; *Lời cầu hôn của rừng* (thơ, 2007)

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng cho tác giả trẻ của Ủy ban toàn quốc các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 2006.

Ún¹ ơi

Lũng lối về nhà mình

Ở lại với anh ún ơi

Đừng lo lạnh đừng lo đói

Đừng sợ cạp beo đang rình

Đừng lo anh không đủ mạnh

Đừng lo anh không hiền.

Gió lùa lán nứa

Gió lạnh trên vai

Ngồi xích vào anh cho ấm

(1) Ún : em – từ gọi của dân tộc Mường

*Gối lên đùi anh cho êm
Cố ngủ chờ mai ngày đẹp.*

*Mặt trời đỏ núi
Suối lại hiền hòa
Ước lặn sau cùng gặp lũ
Để anh được ngồi canh cho ún ngủ...*

ún ơi.

Lời bình

Chất thơ của *Ún ơi* toát lên từ cái ý tình của con người được thể hiện trong đó. Chỉ là những nét chấm phá rất giản dị, trong sáng, hiện đại mà mang đậm tâm hồn, cốt cách, lối nói, lối nghĩ của người Mường.

Bài thơ là một khúc tâm tình ngọt ngào, trong sáng. Nói với người yêu một cách triu mến : "Ở lại với anh ún ơi". Con lũ là cái cớ có thực để từ đó bày tỏ nỗi lòng mình, đó là tình yêu, là niềm mong mỏi được chở che, bao bọc.

*Đừng lo lạnh đừng lo đói
Đừng sợ cạp beo đang rình
Đừng lo anh không đủ mạnh
Đừng lo anh không hiền.*

Một điệp khúc được nhắc lại bốn lần với rất nhiều tính từ xuất hiện : *lạnh, đói, mạnh, hiền*. Tất cả đều là nỗi lo "gần" nhất lúc này. Dường như đọc được cái điều phân vân, hoài nghi trong suy nghĩ của "ún" ; nhân vật "anh" phá tan nỗi sợ hãi đó bằng một loạt những khẳng định và sự tự tin. Có lẽ, tình yêu đã làm cho người con trai đáng mến ấy thêm phần mạnh bạo như thế.

Những câu thơ ngắn, nhịp đều, khỏe khoắn là cách nói của người

miễn rừng, chân tình, bộc trực. Cái rất thật ấy được tái hiện ở những câu thơ tiếp theo.

Ngồi xích vào anh cho ấm

Gối lên đùi anh cho êm

Cố ngủ chờ mai ngày đẹp.

Gió lạnh, gió lửa nên phải thế. Hiện thực ấy không sợ nữa, tình yêu thương, hi vọng đã thấp sáng cho đêm lữ tối tăm, mưa gió. Hình ảnh "mặt trời đỏ núi", suối hát reo hiền hòa vừa thực vừa là của mong muốn. Mọi thứ đều trở về bình yên. Nhưng độc đáo và thú vị ở chỗ, người con trai bộc lộ rất hồn nhiên, thành thực :

Ước lần sau cùng gặp lữ

Để anh được ngồi cạnh cho ún ngủ...

ún ơi.

Đó là cái độc đáo của cách tư duy, của tấm lòng trong sáng. Đây là những cảm xúc trong trẻo, nguyên sơ, "chưa bị văn minh hiện đại đánh bóng, làm li" nên rất gần gũi và thể hiện được bản sắc Mường rất rõ nét.

Những âm thanh, hương vị, hình ảnh của thiên nhiên ; cách xưng hô, cách nghĩ, cách thể hiện của con người mang đậm chất núi rừng hồn hậu. *Ún ơi* là một nét vẽ tươi tắn, dí dỏm, trong trẻo ; nó giản dị mà đáng mến bởi bắt nguồn từ một tấm lòng yêu dân tộc, quê hương mình đến tha thiết.

ĐỖ THU HUYỀN

Ngày cưới

Ngày cưới em không được ngồi xe hoa

nhà mình gần nhau vào ra đụng ngõ

sắp đến ngày vu quy

em thêm được nghe lại giọng mình
đêm thật khuya và gió.

Ngày cưới em không được rót rượu hồng
li rượu trong mơ chạm môi ngọt lịm
chiếc bánh kem ba tầng
gắn nhiều hoa nhỏ
có đôi uyên ương hôn nhau
em chưa hề được chạm tay
em thêm được bế tung lên
thêm lao vào nhau bốc cháy.

Thế rồi chúng mình vẫn yêu
vẫn bấn bủ bên nhau tháng dài
và quên bao điều nhỏ nhặt
nhìn người ta dịu nhau
bước vào hôn trường
hoa giăng rục rở
lại nhớ ngày qua.

Thế rồi vườn hoa trước sân nhà
thì nhau nở bông vàng bông tím
có một nụ hồng rưng rưng trong sương mai
anh hái đặt lên ngực em
mùa xuân về hát bên khung cửa
khung cửa có nhiều ô hình trái tim.

Lời bình

Ngày cưới - một bài thơ giản dị, khiêm nhường, không hề dụng câu dụng chữ. Điều đọng lại sâu sắc nhất trong lòng người đọc chính bởi sắc màu dung dị của những lời thơ và cái chân tình của tấm lòng người viết.

Toàn bài là những cảm xúc chợt trào dâng mà vẫn có chiều sâu, lắng lẽ, âm trầm. Cái muốn nói đã nói được một cách kín đáo. Đọc xong bài thơ, nỗi niềm tâm tư, nghĩ suy về tình yêu, về hạnh phúc... của nhân vật trữ tình khiến người đọc thấy miên man ám ảnh và trân trọng.

Tác giả Hoàng Thanh Hương đã làm một cuộc hành trình về lại quá khứ, diễn tả, khắc họa rất cụ thể những dấu ấn, những "sự kiện" đã trải qua. Hai khổ thơ đầu dễ khiến người ta "sai đường lạc lối" trong cảm nhận khi bắt gặp những hình ảnh để dẫn đến những tâm sự thoáng chạnh lòng ; nhưng thực ra đó chỉ là chút băng khuâng :

- Ngày cưới em không được ngồi xe hoa

- Ngày cưới em không được rót rượu hồng

Nhìn cái đủ đầy, cái xa hoa, lộng lẫy của những đám cưới "người ta" khiến người con gái "lại nhớ ngày qua", ngày vu quy, nhớ người hàng xóm "ra vào đụng ngõ" ngày nào, nhớ đám cưới đơn sơ để quay trở lại với thực tại, với một mái ấm gia đình bền lâu :

mùa xuân về hát bên khung cửa

khung cửa có nhiều ô hình trái tim.

Cái xa hoa hay đơn sơ kia cũng chỉ là nền, là điểm tựa cho cảm xúc bộc lộ. Hai khổ thơ sau là sự bất ngờ không hẹn trước. Đó mới là điểm nhấn của cảm xúc, của ý tình bài thơ :

Thế rồi chúng mình vẫn yêu

vẫn bền bỉ bên nhau tháng dài

và quên bao điều nhỏ nhặt

Để những thiếu thốn kia ươm mầm cho hạnh phúc ra hoa :

Thế rồi vườn hoa trước sân nhà

thi nhau nở bông vàng bông tím

Những thực tế ấy khiến cảm xúc vút bay, thăng hoa, khiến con người cảm nhận được tình yêu đầy xúc động. Những vần thơ ấy có thể sẽ khiến nhiều người đồng cảm, ai đó trong chúng ta có thể tìm thấy ít nhiều san sẻ, dù mỗi người có một con đường, một hạnh phúc riêng. Người đọc bắt gặp một tâm hồn người con gái nhạy cảm, tinh tế, hơn hết là biết lắng nghe những giai điệu của cuộc sống đời thường, cái xa hoa, cái "phù phiếm" hình thức bên ngoài không thắng nổi những điều giản dị mà chân thành của đời thường. Và nó cũng không kém phần lãng mạn, mềm mại :

có một nụ hồng rung rung trong sương mai

anh hái đặt lên ngực em

Cái hạnh phúc rung rung đến đây như đã cảm nắm được. Ở đó không rượu hồng, không xe hoa, không bánh kem, không hôn trường hoa giăng rực rỡ. Chỉ có một nụ hồng buổi sớm mai bé nhỏ mong manh nhưng trong trẻo như pha lê đã nói được rất nhiều. Đó là tình yêu, đó là hạnh phúc, đó là sự gắn bó và sẻ chia, đó là sự trân trọng và thấu hiểu, đồng cảm của hai tâm hồn. Đất trời vào xuân, con người muốn hát vang những lời yêu thương bên ngôi nhà hạnh phúc có những ô cửa hình trái tim. Đây mới là điểm tìm về, là khát khao vĩnh hằng của con người trong cuộc sống.

ĐỖ THU HUYỀN

Tố Hữu

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Kim Thành. Sinh ngày 4 tháng 10 năm 1920. Quê quán : xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Mất năm 2002.

Tác phẩm đã xuất bản :

Từ ấy (thơ, 1946) ; *Việt Bắc* (thơ, 1954) ; *Gió lộng* (thơ, 1961), *Ra trận* (thơ, 1972) ; *Máu và hoa* (thơ, 1977) ; *Một tiếng đàn* (thơ, 1992) ; *Xây dựng một nền văn nghệ lớn xứng đáng với nhân dân ta, thời đại ta* (tiểu luận, 1973) ; *Cuộc sống cách mạng và văn học nghệ thuật* (tiểu luận, 1981).

Giải thưởng văn học :

Giải nhất của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 - 1955 (tập thơ Việt Bắc) ; Giải thưởng ASEAN (1996) ; Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1 - 1996).

Tiếng hát đi đày

Tặng Huỳnh Ngọc Huệ

*Đường qua mấy phố Quý Nhơn
Nhà sao trông lại yêu hơn mọi lần
Người đi quán áo chen chân
Ở sao như đã quen thân từ nào ?*

*Xe ơi, chậm chậm ngừng giây phút
Kẻo nữa rồi đây lại khát khao !
Nhưng nhà đã rải lờ thơ
Người đi mấy bóng vẫn vơ trên đường
Đồng xanh gợi nhớ quê hương
Bơ vơ tiếng hát bên nương nắng chiều
Xa rồi bóng dáng yêu thương cũ
Nhật nhật ngàn xa buồn cô liêu...
Đường lên xứ lạ Kông Tum
Quanh quanh đèo chặt, trùng trùng núi cao*

Thông reo bờ suối rì rào
 Chim chiều chiu chít ai nào kêu ai ?
 Muốn gắm một tiếng tan u uất
 Hận bỗng tuôn theo gió thổi dài
 Đường lên Đắc Sút, Đắc Pao
 Đèo leo ngọn thác, cầu treo mặt ghềnh
 Đều hiu mấy ải đồn canh
 Lòng đau lại nhớ các anh những ngày...
 Chao ôi, xưa cũng chốn này đây
 Thân bạn vùi xương dưới gốc mây
 Roi vọt nát tay bấy linh rợ
 Máu dầm khoái mắt lũ đồn Tây !
 Mỗi hòn đá đỏ, bao hòn huyết
 Một khúc cầu dây, mấy khúc thầy !
 Hồi những anh đầu qua trước đó
 Biết chẳng còn lắm bạn đi đây !
 Đường lên đỉnh núi Đắc Lay
 Heo heo gió lạnh, sương dày vắng chim
 Gà dâu gáy động im lìm
 Mơ mơ mấy xóm tranh chìm trong mây
 Đồn xa héo hắt cờ bay
 Hiu hiu phát lại buồn vầy vầy lòng
 Có ai hiểu nỗi hờn ghê gớm
 Trên mắt người trông với núi sương
 Núi hời ! Từ đây băng xuống đó
 Chừng bao nhiêu dặm, mấy đêm trường?

Tháng giêng - 1942

Lời bình

Tố Hữu viết bài thơ này vào tháng giêng năm 1942 nhưng sự việc trong bài xảy ra từ giữa năm 1941. Khi ấy Tố Hữu đã trải qua hai năm tù đầy ở các nhà tù, nhà đày Huế, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột, Quy Nhơn. Rồi từ Quy Nhơn bị giải về Đắc Lay, một huyện ở phía bắc Kon Tum. Bài thơ này nói về chặng đi đó : thơ trải theo dọc đường. Toàn bài có hai tuyến viết bằng hai thể thơ khác nhau : tả cảnh dọc đường viết bằng lục bát, diễn đạt cảm nghĩ dùng thất ngôn.

Bốn câu lục bát đầu tả cảnh Quy Nhơn, chỗ khởi hành : phố xá thân quen đông đúc : "Người đi quần áo chen chân" (Chú ý câu thơ này nhiều bản in nhầm là *quần áo chen chân*. Quần áo sao lại có chân mà chen. Đây là cặp tiểu động từ đối với động từ, danh từ đối với danh từ). Tâm trí tác giả muốn níu kéo, giữ lại hình ảnh của đời sống bình thường ấy thêm từng giây phút "kéo nữa rồi đây lại khát khao". Trong các bài thơ tù, thấy rõ lắm nỗi khát khao thương nhớ của Tố Hữu với cuộc sống bên ngoài. Khi lắng nghe âm thanh ngoài đời :

*Nghe nhạc ngựa rừng chân bên giếng lạnh
Dưới đường xa nghe, tiếng guốc đi về.*

Khi chìm trong hoài niệm :

*Gì sâu bằng những trưa thương nhớ
Hiu quạnh bên trong một tiếng hò.*

Khi khao khát một bầu trời, một cánh chim "Đôi con diều sáo lộn nhào tăng không" mà muốn đập tan phòng giam hãm.

Ở bài thơ này cảnh sắc dọc đường đi đầy mạn ngược mỗi lúc một hiu hắt : phố làng xa dần, nhà cửa người đi ít dần. Nỗi lòng Tố Hữu tràn ngập buồn thương. Nỗi buồn thấm thía lòng yêu quê hương đất nước. Cảnh buồn nhưng đẹp và rất nhiều chi chút nâng niu :

*Thông reo bờ suối rì rào
Chim chiều chiu chít ai nào kêu ai.*

Bốn âm *ch* liên nhau ấy là sự chi chút thấm thía, sâu nặng, thấm thía. Buồn đến uất lên :

*Muốn gắm một tiếng tan u uất
Hận bỗng tuôn theo gió thổi dài.*

Tâm trạng diễn biến rất logic với thân phận tù đầy của người chiến sĩ. Cũng chính từ niềm uất hận này, người tù đã nuôi chí vượt ngục, ở cuối bài thơ :

*Núi hời ! Từ đây băng xuống đó
Chừng bao nhiêu dặm, mấy đêm trường ?*

Con đường khổ ải lúc đi đầy trở thành con đường hun đúc ý chí vượt ngục. Nỗi buồn của tác giả cho thân phận riêng mình dần dần trở thành nỗi thương, nỗi uất cho đồng chí, cho tình thế cách mạng :

*Đi hiu mấy ải đồn canh
Lòng đau lại nhớ các anh những ngày.*

Hay :

*Mỗi hòn đá đỏ, bao hòn huyết
Một khúc cầu đây, mấy khúc thây*

để dẫn đến cao trào :

*Có ai hiểu nỗi hờn ghê gớm
Trên mắt người trông với núi sương.*

Đây là diễn biến tâm trí người tù trên đường đi đày. Còn cảnh sắc dọc đường, thực chất là tấm phông ngoại cảnh cho diễn biến tâm trí, cũng được diễn tả trong quá trình động. Ra khỏi Quy Nhơn là heo hút thưa vắng. Nhưng sự heo hút thưa vắng mỗi lúc một tăng. Ở Kon Tum còn nghe tiếng rì rào của thông, lên cao nữa, tiếng động như bị sự im lặng dày đặc nuốt chửng :

Heo heo gió lạnh, sương dày vắng chim

và : *Gà đâu gáy động im lìm
Mơ mơ mấy xóm tranh chìm trong mây.*

Hay nhất là câu thơ tả lá cờ trên đồn giặc : "Đồn xa héo hắt cờ bay", bay mà nặng trĩu. Không gian như đã ở bên ngoài của cõi người : xóm chìm vào mây, tiếng chim không vang được bởi sương dày. Nhưng đối với người tù, không gian xa lạ ấy lại hoá thân gần vì mỗi bước đi người tù đều nhận ra dấu tích máu xương của đồng chí, của anh em. Tiếng gọi vào thiên nhiên : "Núi hỡi ! Từ đây băng xuống đó" cho thấy mảnh đất đày ải heo hút đã trở nên thân thương, đã thành người che chở những đứa con tù đày của mình.

VŨ QUÂN PHƯƠNG

Việt Bắc

– *M*ình về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng
Mình về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn ?

Tiếng ai tha thiết bên cồn
Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

- Mình đi, có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù
Mình về, có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai ?

Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già
Mình đi, có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son
Mình về, còn nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh
Mình đi, mình có nhớ mình
Tân Trào, Hồng Thái, mái đình cây đa.

- Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh
Mình đi, mình lại nhớ mình
Nguồn bao nhiêu nước nghĩa tình bấy nhiêu...

Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.

Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia sông Đáy, suối Lê vơi đầy
Ta đi, ta nhớ những ngày
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau, chia củ sắn lùi
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng
Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô.
Nhớ sao lớp học i tờ
Đồng khuya đuốc sáng những giờ liên hoan

Nhớ sao ngày tháng cơ quan
 Gian nan đời vẫn ca vang núi đèo.
 Nhớ sao tiếng mõ từng chiều
 Chày đêm nện cối đều đều suối xa...

Ta về, mình có nhớ ta
 Ta về ta nhớ những hoa cùng người
 Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
 Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng
 Ngày xuân mơ nở trắng rừng
 Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
 Ve kêu rừng phách đổ vàng
 Nhớ cô em gái hái măng một mình
 Rừng thu trăng rọi hoà bình
 Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung

Nhớ khi giặc đến giặc lùng
 Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây.
 Núi giăng thành lũy sắt dày
 Rừng che bộ đội rừng vây quân thù
 Mênh mông bốn mặt sương mù
 Đất trời ta cả chiến khu một lòng
 Ai về ai có nhớ không ?
 Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng
 Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
 Nhớ từ Cao - Lạng, nhớ sang Nhị Hà...
 Những đường Việt Bắc của ta
 Đêm đêm râm rập như là đất rung
 Quân đi điệp điệp trùng trùng
 Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
 Dân công đỏ đuốc từng đoàn
 Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
 Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
 Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
 Tin vui chiến thắng trăm miền
 Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
 Vui từ Đồng Tháp, An Khê
 Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng

Ai về ai có nhớ không?
Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang.
Nắng trưa rực rỡ sao vàng
Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công
Điều quân chiến dịch thu đông
Nông thôn phát động, giao thông mở đường
Giữ đê, phòng hạn, thu lương
Giữ dao miên ngược, thêm trường các khu...

Ở đâu u ám quân thù
Nhìn lên Việt Bắc : Cụ Hồ sáng soi
Ở đâu đau đớn giống nòi
Trông về Việt Bắc mà nuôi chí bền
' Mười lăm năm ấy ai quên
Quê hương cách mạng dựng nên Cộng hoà
Mình về mình lại nhớ ta
Mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào.

- Nước trôi nước có về nguồn
Mây đi mây có cùng non trở về ?
Mình về, ta gửi về quê
Thuyền nâu trâu mộng với bè nứa mai
Nâu này nhuộm áo không phai
Cho lòng thêm đậm, cho ai nhớ mình
Trâu về, xanh lại Thái Bình
Nứa mai gài chặt mối tình ngược xuôi

- Nước trôi, lòng xuôi chẳng trôi
Mây đi mây vẫn nhớ hồi về non
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Chàm nâu thêm đậm, phấn son chẳng nhòa.
Nứa mai mình gửi quê nhà
Nước non đâu cũng là ta với mình
Thái Bình đông lại tươi xanh
Phên nhà lại ấm, mái đình lại vui...

- Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao, còn thấy núi đồi nữa chăng ?

Phố đông, còn nhớ bản làng
 Sáng đèn, còn nhớ mảnh trăng giữa rừng ?
 Minh đi, ta hỏi thăm chừng
 Bao giờ Việt Bắc từng bừng thêm vui ?
 - Đường về, đây đó gần thôi !
 Hôm nay rời bản về nơi thị thành
 Nhà cao chẳng khuất non xanh
 Phố đông, càng giục chân nhanh bước đường,
 Ngày mai về lại thôn hương
 Rừng xưa núi cũ yêu thương lại về.
 Ngày mai rộn rã sơn khê
 Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng.
 Than Phấn Mễ, thiếc Cao Bằng
 Phố phường như nắm như măng giữa trời
 Mái trường ngói mới đỏ tươi
 Chợ vui trăm nẻo về khơi luồng hàng
 Muối Thái Bình ngược Hà Giang
 Cày bừa Đông Xuất, mía đường tỉnh Thanh
 Ai về mua vại Hương Canh
 Ai lên mình gửi cho anh với nàng
 Chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng
 Vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông
 Áo em thêu chỉ biếc hồng
 Mùa xuân ngày hội "lùng tùng" thêm tươi
 Còn non, còn nước, còn trời
 Bác Hồ thêm khoẻ, cuộc đời càng vui !
 - Minh về với Bác đường xuôi
 Thưa giùm Việt Bắc không người nhớ Người
 Nhớ Ông Cụ mắt sáng ngời
 Áo nâu túi vải, đẹp tươi lạ thường !
 Nhớ Người những sáng tinh sương
 Ung dung yên ngựa trên đường sồi reo
 Nhớ chân Người bước lên đèo
 Người đi rừng núi trông theo bóng Người...
 Lòng ta ơn Đảng đời đời
 Ngược xuôi đôi mắt một lời song song

*Ngàn năm xưa nước non Hồng
Còn đây ơn Đảng nổi dòng dài lâu
Ngàn năm non nước mai sau
Đời đời ơn Đảng càng sâu càng nồng.*

*Cầm tay nhau hát vui chung
Hôm sau mình nhé, hát cùng Thủ đô.*

10-1954

Lời bình

Việt Bắc là một trong những bài thơ hay của nhà thơ Tố Hữu. Tình thơ tha thiết, điệu thơ êm ái, là một khúc trữ tình nồng nàn, sôi nổi bậc nhất trong thơ ca cách mạng hiện đại.

Bài thơ là một niềm hoài niệm lớn được thể hiện qua lời đối đáp đậm màu ca dao của kẻ ở, người đi. Cả người hỏi, người đáp không ai quên được mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.

Bài thơ mở đầu bằng một câu hỏi ngọt ngào :

*Minh về mình có nhớ ta
Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng.*

Mới đọc câu lục bát này, ta ngỡ như nghe một câu ca dao tình yêu, người tình nhắc nhở kỉ niệm "mười lăm năm ấy". Nhưng đọc tiếp câu sau :

*Minh về mình có nhớ không
Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn ?*

thì lại không giống thơ tình yêu nữa, vì nó gợi đến tình cảm cội nguồn. Sự láy đi láy lại : "*Minh về mình có nhớ ta*" "*Minh về mình có nhớ không*" vang lên như một niềm day dứt khôn nguôi của người ở lại. Hai câu hỏi này được nêu ra rất khéo, một câu hỏi về thời gian, một câu hỏi về không gian, gói gọn một thời cách mạng, một vùng cách mạng.

Mười hai dòng lục bát tạo thành 6 câu hỏi như khơi sâu vào kỉ niệm. Mỗi câu hỏi đều gợi lại một cái gì rất tiêu biểu của Việt Nam : mưa nguồn suối lũ, mây mù, miếng cơm chấm muối, măng mai, trám bùi, hắt hiu lau xám, mái đình Hồng Thái, cây đa Tân Trào. Nhưng nếu chỉ những từ kỉ niệm như vậy thôi thì rõ ràng không tạo thành cái ma lực tha thiết,

quyến luyến tạo thành chất thơ ở từng câu. Cái làm thành chất thơ ở đây và ở cả bài thơ chính là *nhạc điệu*. Chính nhạc điệu đã làm cho các kỉ niệm trở thành ngân nga, trầm bổng, réo rắt, thấm sâu vào tâm tư. Thật vậy, đọc kĩ ta thấy những câu lục bát rất chuẩn về thanh luật, ngắt nhịp đều đặn, tự nó đã thành trầm bổng, ngân nga. Mặt khác, các câu tám, câu nào cũng *đối cân* khá tương xứng nhau về cấu trúc, chẳng những nhấn mạnh cho ý, mà còn tạo thành vẻ đẹp nhịp nhàng :

*Mưa nguồn suối lũ // những mây cùng mù.
Miếng cơm chấm muối // mối thù nặng vai ?
Trám bùi để rụng // măng mai để già.
Hắt hiu lau xám // đậm đà lòng son...*

Những kỉ niệm được gợi nhớ đều là kỉ niệm của cuộc sống chung : tình cán bộ với nhân dân chia ngọt sẻ bùi, chung gian lao, chung mối thù.

Sau 12 dòng câu hỏi ấy, người về đã trả lời một mạch 70 dòng.

Trước hết người về nhắc lại nỗi nhớ "như nhớ người yêu" của mình. Mỗi người, mỗi cảnh, mỗi thời khắc của Việt Bắc đã chuyển thành tâm hồn : đây là những vần thơ đẹp như khúc hát đồng quê êm đềm :

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về
Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy...*

Rồi người về nhớ tới cảnh Việt Bắc, hoa với người bên nhau :

*Ta về mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người...*

Tiếp đến là nhớ những ngày chiến đấu bảo vệ Việt Bắc, những địa danh, những chiến thắng. Điều thú vị là tình cảm đáp lại tình cảm, kỉ niệm đáp lại kỉ niệm.

Cả người hỏi lẫn người đáp đều ngập chìm trong một tình cảm êm ái như ru, nhịp nhàng tuyệt đối. Ngoài cách ngắt nhịp đều đặn, sử dụng phép đối cân, tiểu đối, nhà thơ còn sử dụng phép song hành : một câu nhớ hoa, một câu nhớ người ; phép trùng điệp, lặp lại các kiểu mở câu

giống nhau mà người ta gọi là phép "láy đầu". Ví dụ như láy đầu trong các câu sau :

*Minh đi, có nhớ những ngày...
Minh về có nhớ chiến khu,...
Minh về rừng núi nhớ ai,...*

Sự lặp lại đều đặn cấu trúc câu 6 cách một câu 8 đã tạo ra nhịp ru.

Có thể nói nhịp ru này chi phối cả thể giới thơ Việt Bắc, cái gì cũng được đưa vào nhịp ru. Nỗi nhớ chìm trong nhịp ru, nhớ từ phía này sang phía kia :

*Ai về ai có nhớ không
Ta về ta nhớ Phủ Thông, đèo Giàng
Nhớ sông Lô, nhớ phố Ràng
Nhớ từ Cao Lạng, nhớ sang Nhị Hà...*

Cả niềm vui cũng triển miên trong nhịp ru, lây lan từ miền này sang miền khác :

*Tin vui chiến thắng trăm miền
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về.
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.*

Những đoạn đối đáp tiếp theo của bài thơ còn nói về tương lai của Việt Bắc, sự lưu luyến, tình nghĩa ngược xuôi, nỗi lòng nhớ về Bác Hồ, nhớ Đảng quang vinh, nhưng tất cả đều hô ứng, hài hoà, nhịp nhàng như vậy.

Sự hài hoà của hai lời đối đáp ở cuối bài đã hoà nhập thành một lời ca chung :

*Lòng ta ơn Đảng đời đời
Ngược xuôi, đôi mắt một lời song song
Ngàn năm xưa, nước non Hồng
Còn đây, ơn Đảng nối dòng dài lâu
Ngàn năm non nước mai sau
Đời đời ơn Đảng càng sâu càng nồng.*

Những "đời đời", "ngàn năm", "dài lâu" lại "đời đời" như khắc sâu niềm tin tưởng ước ao về một mối ân tình bền vững, vĩnh viễn. Nội dung chính trị thời sự của bài thơ có tính chất thời đại, nhưng niềm tin tưởng, ước ao ân tình chung thủy kia sẽ còn mãi muôn đời.

TRẦN ĐÌNH SỬ

Jnrasara

(Dân tộc Chăm)

Tên khai sinh : Phú Trạng. Sinh ngày 20 tháng 9 năm 1957. Quê quán : huyện Mỹ Nghiệp, tỉnh Ninh Thuận.

Tác phẩm đã xuất bản :

Từ vịnh tiếng Chăm (1985) ; *Văn học Chăm I*, (khái luận, 1994) ; *Văn học dân gian Chăm* (1995) ; *Từ điển Chăm - Việt* (viết chung, 1995) ; *Văn học Chăm II* (trường ca, 1996) ; *Từ điển Việt - Chăm* (viết chung, 1996) ; *Tháp năng* (thơ và trường ca, 1996) ; *Sinh nhật cây xương rồng* (thơ tiếng Việt và tiếng Chăm, 1997).

Giải thưởng văn học :

Giải CHCPI - Sorbonne (Pháp), 1994 (*Văn học Chăm I*) ; Giải thưởng của Trung ương Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, 1995 (*Vấn đề văn hoá - xã hội Chăm*) ; Giải nhất của Hội đồng dân tộc - Ban Văn học dân tộc, Hội Nhà văn Việt Nam, 1996 (*Trường ca Văn học Chăm II*) ; Giải B của Hội Nhà văn Việt Nam (không có giải A), 1997 (thơ và trường ca *Tháp năng*).

Con đường lửa thiêng

Con đường vẫn trầm vọng gọi băng qua những tầng dày mờ
lịch sử dưới sóng lớp phế hưng của vạn ngàn triều đại
đã qua và vạn ngàn triều đại sắp tới.

Con đường vẫn trầm vọng gọi.

Dù ban trưa là ban trưa dầm máu chiến phần

Hay dù buổi chiều từ đây khu trục bước chim non

Dù buổi tối lao lung những vong hồn lang thang lạc lõng

Hay dù ban mai đã đánh rơi niềm thích thần tiêu dao

*và xô về bao nỗi lo âu thấp thỏm hằn lên từng
khuôn mặt đã vỡ vàng.*

Con đường vẫn trầm vọng gọi.

*Tiếng gọi xé không gian băng sa mạc rừng rú sông hồ
làng mạc hải đảo đồng bằng*

*Tiếng gọi làm tắt nghẽn tiếng động rì rầm của thành phố,
âm thanh của bom đạn, của phản lực cơ rền vào vòm
thời đại bao lần làm nguy cơ xô con đường vào trường
say sóng.*

Tiếng gọi của con đường vẫn gọi về
 Dù chiến cuộc đã đẩy tới vạn ngàn dặm di dân đói khát
 lê chân rớt lại trên con đường bao thi thể ồm nom.
 Hay dù con người đã làm đầy ắp mặt đất với những rác rưởi
 của đầu óc mưu toan tổ chức địa cầu bằng hàng sa
 ý hệ chiến tranh.
 Hay dù nỗi lo âu thường nhật từng đổ về bao khuôn mặt
 vô hồn bốn chôn khua ồn những độn ngữ độn ngôn
 một thời toan làm tiếng gọi của con đường im tiếng.
 Con đường vẫn trăm vọng gọi.
 Trên bước chân người nông dân ban mai chiếc xe trâu
 lịch kịch vào rừng.
 Qua tiếng chim vỗ cánh chở rắng đỏ chiều hôm đi về
 vùng bóng tối xa xăm.
 Trong tiếng gà ban trưa vang qua cõi không gian lặng động.
 Trong tiếng chó tru ma từ thuở nào mãi dội vào vùng
 hoài vọng đêm tăm.
 Tiếng gọi vô ngôn vọng từ những dấu chân vô ngần tích
 của những thánh nhân ngàn xưa đã đi biệt về phía
 con đường.
 Tiếng gọi trở về cho những con người còn biết im lặng
 lắng nghe hân hoan đưa bàn chân đạp lên con đường
 trong tiếng gọi.
 Con người cuối cùng không còn biết chối từ mê cung lịch sử
 trăm kha vẫn mở tâm đón nhận tiếng gọi của con đường
 trên bước chân đi về miền quê hương cháy lửa.
 Và con đường mãi trăm vọng gọi.

Mùa mưa, 1982

Lời bình

Con đường bỗng đi vào cảm hứng mãnh liệt của thi sĩ người Chăm,
 Phú Trạng - Inrasara - để trở thành một tứ thơ lạ biệt của bài thơ *Con
 đường lửa thiêng* trong tập thơ *Tháp Nắng*.

Lấy tứ thơ từ con đường, nhưng Inrasara không nhằm đưa đến cho thơ
 mình một con đường hữu hình. Con đường trong bài thơ là một biểu trưng
 bay bổng, tượng trưng cho mảnh đất miền Trung khắc nghiệt nằm giữa
 một bên núi, một bên biển ; mảnh đất đầy nội lực nhưng cô đơn vĩnh hằng
 như những tháp Chăm sừng sững trên đỉnh đồi quê hương đầy nắng và

gió bụi của Inrasara. Trong cảm hứng lãng mạn, "con đường" ấy đã thăng hoa thành "lửa thiêng", thành tiếng vọng trầm của lịch sử, rồi trở thành sâu hút "dưới sông lớp phế hưng của vạn ngàn triều đại đã qua và vạn ngàn triều đại sắp tới"...

"Con đường" đã xuyên qua những khoảnh khắc thời gian mang tính biểu trưng. Nhưng con đường của Inrasara không nản lòng, vẫn dâng tràn sức sống : "con đường vẫn trầm vọng gọi". Từ chính khoảnh khắc này, con đường hiện hữu thành "tiếng gọi". Tiếng gọi của con đường, từ đây, bắt đầu hiện hình theo mạch đi bi hùng của cảm xúc thi sĩ.

Cuối bài thơ, khi cảm xúc dâng cao đỉnh điểm, tiếng gọi con đường đã được đẩy lên cõi thiêng, của ... "vô ngôn vọng từ những dấu chân vô ngần tích", của sự "gọi trở về cho những con người còn biết im lặng lắng nghe"... Hối âm đẹp nhất của tiếng gọi con đường chính là "Con người cuối cùng không còn biết chối từ mê cung lịch sử trầm kha vẫn mở tâm đón nhận tiếng gọi của con đường trên bước chân đi về miền quê hương cháy lửa... Và con đường mãi trầm vọng gọi"...

Con đường lửa thiêng không phải là một bài thơ tình ướt đầm tình cảm yêu đương. Nó có vẻ đẹp trí tuệ của một dạng thơ triết lí - tự sự, tuân theo mạch cảm xúc bi hùng về lịch sử, quê hương, số phận dân tộc. Dạng thơ này thường khó dung hợp giữa cảm xúc dồi dào với những suy tư lịch sử thâm trầm của chủ thể thơ vào trong một bài thơ có cấu tứ triết lí. Vậy mà nhà thơ Inrasara đã khéo phối kết quán quện cả hai phẩm chất bên trong thi phẩm *Con đường lửa thiêng*. Bài thơ có tứ thơ lạ, dù khởi điểm của nó chỉ là một hình ảnh thông dụng : con đường, song, được dẫn dắt bởi cảm hứng bay bổng thăng hoa, "con đường" đã hoá "thiêng", thành tiếng gọi "trầm", vọng mãi như tiếng vọng ngàn năm từ lòng đất mẹ. Giá trị trí tuệ đáng kể nhất của bài thơ là ở chỗ đó. Và sự mạnh khoẻ về hình ảnh thơ trong bước chân ban mai của người nông dân lịch kịch chiếc xe trâu, đã thành đốm lửa ấm của bài thơ, khiến cho người đọc có thể đạt tới sự cảm khoái hoan lạc về trí tuệ.

Chính điều này đã làm nên sự hấp dẫn của bài thơ và một phẩm chất thi sĩ riêng của Inrasara, cho dù thơ của Inrasara mang giọng buồn, đơn côi, không mấy khi reo vui mừng rỡ. Không vui, nhưng không hề ảm đạm, buồn sâu, thơ Inrasara mang vẻ đơn côi bi hùng như tháp Chàm vẫn cứ sừng sững độc trội giữa bao la trời đất muôn đời...

NGUYỄN THỊ MINH THÁI

Đứa con của đất

Tôi, đứa con của ngọn gió lang thang cánh đồng
miền Trung nhỏ hẹp
Đứa con của nắng lửa bốn mùa cát trắng hanh hao
Đứa con của biển khơi trùng trùng bão thét
Và của đôi mắt tháp Chàm mắt ngủ xanh xao.

Mẹ nuôi tôi bằng bầu sữa ca dao buồn
Cha nuôi tôi bằng cánh tay săn Glang Anak⁽¹⁾
Ông nuôi tôi bằng vầng trăng sương mù truyền thuyết
Plây⁽²⁾ nuôi tôi bằng bóng điệu, hồn đế, tiếng mõ trâu.

Lớn lên,
Tôi đụng đầu với chiến tranh
Tôi cụng đầu với cơm áo, hiện sinh, hiện tượng.
Tôi chơi với giữa dòng ngũ ngôn hoang dã
Rồi cuộn chìm trong thung lũng tình yêu em.
Tôi đánh rơi thế giới và tôi lạc mất tôi
Tôi lạc mất điệu đua buk, câu ariya,⁽³⁾ bụi ơ
Trái tim dui,
Tôi như người bị vút
Rớt giữa cánh rừng hoang trụi lá mùa xanh.

Rồi tôi ngóc đầu dậy và tôi trườn lên
Rồi tôi rướn mình khỏi hố hang quá khứ
Như kẻ bị thương mò tìm lối ra khỏi đồng tan hoang
thành phố

Tôi tìm lại tôi
Tìm thấy nắng quê hương !
Lại xanh trong tôi - dù rừng đã cháy
Lại chảy trong tôi - dù sông đã chết
Chợt hanh lại cát - chợt buồn lại ru
Chợt duyên lại em - chợt hoang lại tháp.
Giọng mẹ xa vời dỗi giấc thiên thu.

TP. Hồ Chí Minh, hè 1990.

(1) *Glang Anak* : tên một thi phẩm cổ Chăm.

(2) *Plây* : buồn, lằng.

(3) *Đua buk* : một điệu múa ; *ariya* : thơ, trường ca.

Lời bình

Luôn luôn cặp đôi cái cụ thể sờ nắm được với cái trừu tượng khơi mở. Những sự vật và khái niệm có thể cảm hiểu được, được đặt bên cạnh, hay ở ngay trong những sự vật và khái niệm ấy là những móng lung của cảm thức, những xa vợi âm thầm khó định nghĩa định hình. Đó là thơ ca chính hiệu mà về đầu chỉ là tiền đề, về sau mới quan trọng. Sự xâm chiếm giành phần ưu thế của cái khái quát, trừu tượng, móng lung đã cho ta cảm nhận được cái rộng và cái sâu trong *Đứa con của đất*.

Cá thể nhà thơ ấy được quy định bởi khí hậu, địa lí, điều kiện sống dữ dội khắc nghiệt của miền đất ấy, cộng đồng ấy. Đồng thời anh được sâu sắc, mệnh mang cùng với nền văn hoá vật chất và tinh thần vô tận của dân tộc ấy. Anh được nuôi dưỡng từ trong sữa mẹ, và ý nghĩa hơn, quyết định hơn là anh đã giành lại được nền văn hoá là tất cả ý nghĩa đời anh ấy, vượt qua bao máu lửa của chiến tranh, bao hoang mang của một cuộc hỗn loạn triết học hiện đại.

Hai đoạn giữa là những câu thơ co thắt, quần quai, dồn tới nhíp quặt khởi, dứt điểm :

*Tôi tìm lại tôi
Tìm thấy nắng quê hương !*

Để vượt ra những câu thơ cuối giải thoát cao trào, nhịp điệu được dẫn ruỗi, tứ thơ được "mãn nguyện" ở một cấp độ sâu hơn, điệu vợi hơn :

*Lại xanh trong tôi - dù rừng đã cháy...
... Giọng mẹ xa vời dõ giấc thiên thu*

Cú pháp những câu thơ này mang màu sắc hiện đại, thật thích. Những thi liệu rừng, sông, cát, tháp, em và mẹ rất cũ. Bằng tư duy nghệ thuật mà chỉ thơ mới có, Inrasara đã đem những định lượng mới nói mệnh mang cho những định vị ngàn năm...

TRÚC THÔNG

Tháp hoang

*Tháp hoang
Như thỉnh linh mọc lên từ đất
Đầy lông lá - âm u - doạ nạt*

Tháp hoang
Nổi cộm giữa chiều trời ma quái
Ung nhọt trên làn da mềm mại
Của thảm rừng già xanh

Tháp hoang
Đột ngột xô tôi về đối mặt
Quá khứ
Lao xao bấy dơi đen

Tháp hoang
Người bỏ rơi - lịch sử bỏ quên
Riêng bước chân thời gian thì nhớ

Tháp hoang
Như quen thân - như xa lạ
Hồn người xưa vỡ dòng máu ứ

Mốt mai
Khi bất chợt bác tiểu phu nhớ
Dân buôn lậu nhớ - nhà viết sử nhớ
Hồn tháp đã bay xa.

Phan Thiết, 4 - 1995

Lời bình

Hình ảnh những ngôi tháp Chăm cổ xưa và hoang phế dọc miền Trung đã gợi cảm xúc cho bao nhiêu thi sĩ. Tập thơ *Điều tàn khai sinh* một tên tuổi nổi tiếng Chế Lan Viên, cũng nảy sinh từ nỗi ám ảnh của các ngôi tháp này : Những ngôi tháp đánh dấu một nền văn minh huy hoàng trong quá khứ của cộng đồng người Chăm. Lần này viết về tháp lại chính là một người con mang huyết thống của dân tộc ấy. Trong thơ có một nỗi u ẩn lẫn khuất. Có phải hồn thiêng của giống nòi đã ngấm trong máu huyết người thơ mà mỗi câu anh tả ngôi tháp đều gợi lên hồn vía lịch sử, tâm linh dân tộc, bí ẩn, dữ dội và xót thương. Những từ "thình lình", "âm u, đoạ nạt", "chiều trời ma quái", "lông lá", "ung nhọt", "hoang"... vừa tả tháp vừa tả chính hồn người. Hình ảnh *bấy dơi đen* đã thành biểu tượng có sức ám ảnh, Inrasara tỏ ra vững chãi trong bút pháp gợi, một yêu cầu đầu tiên của bút pháp thơ, ở bài *Tháp hoang* này, chính bút pháp ấy đã tạo nên phẩm chất *hoang vu bí ẩn* của tháp.

Tư tưởng thơ Inrasara khoẻ khoắn, tinh táo, có cái nhìn biện chứng lịch sử. Nhưng trong cảm xúc, như chúng ta và còn hơn chúng ta, anh không giấu nổi ngậm ngùi : một vẻ đẹp huy hoàng bị lịch sử bỏ quên đang tàn tạ. Cốt lõi cảm xúc bài thơ này là từ sự bỏ quên đó của lịch sử. Nhà thơ không than vãn oán trách. Anh chỉ đối diện với nguyên trạng. Cái nguyên trạng đã bắt anh phải đối mặt với một quá khứ buồn, đối mặt với một hiện tại "Như quen thân, như xa lạ" (câu thơ có một nỗi chua chát của tâm hồn) và đối mặt với cả một tương lai : khi được bác tiêu phu nhớ, dân buôn lậu nhớ, nhà viết sử nhớ thì hồn tháp đã bay xa. Ý thơ này gợi nhớ câu thơ cuối bài *Ông Đồ* của Vũ Đình Liên. Nhưng trong niềm hoài cổ của Vũ Đình Liên thoáng nét buồn thương ân hận thì trong hoài niệm của Inrasara lại là nỗi đắng đót, tức tưởi, xót xa.

Một điều đáng mừng, nằm ngoài bài thơ này, là tất cả các tháp Chăm còn lại trên đất nước ta đều đã trở thành những di tích lịch sử được tôn tạo, bảo vệ, không còn là "Tháp hoang" nữa. Đặc biệt, quần thể các tháp ở khu thánh địa trong rừng Mĩ Sơn, đã được Nhà nước ta (có sự giúp đỡ cao cả của các chuyên gia Ba Lan) tôn tạo lại và trở thành một điểm du lịch văn hoá lớn, giới thiệu với bạn bè thế giới bản sắc phong phú của nền văn hoá nhiều dân tộc Việt Nam ta.

VŨ QUẢN PHƯƠNG

Tháp nắng

*Biết mấy trăm năm rồi tháp đứng
Biển bên kia và cát bên này
Biết mấy vạn đời rồi tháp nắng
Trên đồi hoang
như dấu lặng
phơi bày*

*Không một bụi cây - không một làn mây
Bao la nắng và mệnh mông cát
Âm thanh câm - thời gian vắng mặt
Trắng không gian đậm đặc tư bề*

*Không có một bài thơ ngợi ca
Không lấy một lời ca ngợi ca
Tháp vẫn đứng miệt mài với nắng
Trong hoang mạc lòng nhân gian lạnh
Chuyến xe Sài Gòn - Phan Rang
Tôi đi lại quá trăm lần
Tháp có đó - tôi vờ như không có
Thoáng sát na⁽¹⁾ không gian bùng vỡ
Tháp hiện nguyên hình
- tháp nắng
- thành thang.*

Phan Rang, hè 1996

Lời bình

Tháp nắng là một bài thơ hay trong tập thơ được giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1998 của Inrasara. Bài thơ mở ra một không gian tráng lệ, không gian của nền văn hoá Chăm lung linh hư huyền. Bên kia là biển, bên này là cát, mọc lên sừng sững "Tháp nắng". Một "Tháp nắng" mệnh mang của thiên nhiên miền Trung chất chứa thâm sâu tầng tầng phù điêu vũ nữ Chăm, vang vọng những cộng hưởng nhớ nhung hoài niệm của đường đi lối về trong bóng tháp.

Ở đây Inrasara không dùng lối so sánh : Tháp nắng được "thấp" ra từ cảm xúc hình tượng thơ, từ trong u hoài của những chùa tháp vụt sáng rạng ra *Tháp nắng*. Tháp nắng không tắt đã không biết "mấy vạn đời", vượt ra ngoài cả không gian và thời gian của ngày và đêm, của một đời người "nối vạn đời người". Tháp nắng ở trên đời hoang, lại vươn lên như một "dấu lặng" ngưng chứa những cảm xúc cần được phô bày, cởi mở và giao hoà với cuộc sống.

*Không một bụi cây - không một làn mây
Bao la nắng và mệnh mông cát
Âm thanh câm - thời gian vắng mặt
Trắng không gian đậm đặc tư bề.*

Hai câu đầu tả chân, hai câu sau đẩy lên cảm xúc trong mối xung động khái quát của tứ thơ. Các cặp : "Âm thanh câm" và "thời gian vắng

(1) *Sát na* : Khoảnh khắc ngắn nhất của thời gian, theo quan niệm của nhà Phật.

mặt" ; "Trắng không gian" và "đậm đặc tư bề" như là những cặp cụm từ đối nghĩa, lại để lửng cho tự nó hé ra tứ thơ *Tháp nắng*, đồng thời khổ thơ thứ hai là một liên khúc mới nối kết khổ thơ một vào khổ thơ hai để mở cho ta nhìn thấy cả từ bên ngoài : là không bụi cây, là không làn mây, là bao la nắng và mệnh mông cát ; và cả từ bên trong - một bên trong "Tháp nắng" : là âm thanh cầm và thời gian vắng mặt... Nhưng thực ra, bên ngoài là thế, bên trong là thế nhưng không phải thế - có "nghe" mới biết là "cầm". Có "thấy" mới biết là "vắng". Điều này có thực, nó làm cảm thức của thơ ở đằng sau mặt chữ.

Đến khổ thơ thứ ba, tác giả tiếp tục đẩy cảm xúc thơ tràn vào tứ thơ "Tháp nắng" khẳng định thêm một lần nữa, mặc mọi biến thiên của thời gian, của lòng người, "Tháp vẫn đứng miệt mài với nắng". Tháp nắng - đấy là một sự tồn tại khách quan và vĩnh hằng. Một sự tồn tại chứa chất những vẫy gọi, những mời mọc, mở ra những bí ẩn hứa hẹn khoảnh khắc tri ngộ, gặp gỡ và bừng sáng trong một nỗi giao hoà thên thang với ngày hôm nay trong dòng lịch sử của con người thời hiện đại.

Thoáng sát na không gian bùng vỡ

Tháp hiện nguyên hình

- tháp nắng

- thên thang.

Thoáng sát na là giây khắc bùng ra để rồi vụt chốt lại và ngưng lắng trong lòng người đọc một tứ thơ mệnh mang hoài niệm...

LÊ THỊ MÂY

Nguyễn Khôi

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Kim Khôi. Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1938. Quê quán : xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tác phẩm đã xuất bản :

Trai Đình Bảng (thơ, 1995) ; *Tiến dặn người yêu* (dịch thơ dân tộc Thái, 1997) ; *Bắc Ninh thi thoại* (khảo cứu, 1997) ; *Khun Lú - Nàng Ủa* (dịch thơ dân tộc Thái, 1997) ; *Gửi mừng bản xa xăm* (thơ, 1998).

Giải thưởng văn học :

Giải C (không có giải A) của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1998 (tập thơ *Gửi mừng bản xa xăm*).

Người Mông

Tặng anh Cư Hoà Văn

Như con ngựa phi trên đỉnh núi
Chân người Mông không biết mỗi bao giờ ;
Như con gấu ở đầu ngọn suối
Nhà người Mông ở giữa sương mù ;
Như mặt trời cất trong hang tối
Đời người Mông xua bếp lửa âm u.

Đã đi cày phải cày lật đất
Đã đi săn phải bắn được nai
Đã đi chợ phải ăn "thắng cố"
Đã yêu ai phải "cướp" được ai
Đã đi học phải hay con chữ
(đi đó đây
kể cả nước ngoài)
Cãi lí với người Mông phải mệt
Một ông đồ Nghệ hoá thành hai.
Người Mông mình hiên ngang lắm chứ
Vai đeo "lù cở"
Tay súng dài

Đã trèo dốc
 Đá tai mèo phải vỡ
 Đã xay ngô
 Thành bột mới thổi
 Tay kéo bễ khoan nòng súng thép
 Rèn lưỡi gươm
 Chẳng sợ cường quyền
 Với đồng chí, bà con thân thiết
 Người Mông ta khẳng khái, dịu hiền
 Cắt khúc nửa cắt thành tiếng sáo
 Chùm làn môi thành một tiếng đàn
 Đưa ánh mắt dang vòng tay thành múa
 Chắp những đoạn tre rộn rã tiếng khèn

 Người Mông mình bỏ cây thuốc phiện
 Tìm cái cây đổi mới cuộc đời
 Đuổi ma đói, xây đường bán mới
 Vườn cây xanh điện sáng ngang trời.

 Ôi mừng bản - quê hương Mèo Vạc
 Từ Bắc Hà đi tới Quế Phong...
 Ở đâu xanh cánh rừng mới mọc
 Ngựa hí vào mừng bản người Mông.

Lời bình

Thông qua bài thơ *Người Mông*, Nguyễn Khôi muốn khái quát về thân phận của một dân tộc đã bao đời phải sống trong hoàn cảnh du canh du cư khổ cực. Song, họ lại là một dân tộc có bản lĩnh hiên ngang, khí khái, thông minh và cũng rất kiên quyết. Người Mông :

Đã đi săn phải bắn được nai
 Đã đi chợ phải ăn "thắng cố"
 Đã yêu ai phải "cướp" được ai
 Đã đi học phải hay con chữ.

...

Hơn thế nữa người Mông còn là một dân tộc biết sáng tạo ra những món ăn tinh thần phong phú, hấp dẫn ngay trong chính những cái gọi là "cây nhà lá vườn". Và cái văn hoá - nghệ thuật đó qua thơ Nguyễn Khôi được vẽ nguyên sơ như những cánh rừng nguyên sinh :

Cắt khúc nửa cắt thành tiếng sáo
 Chùm làn môi thành một tiếng đàn
 Đưa ánh mắt dang vòng tay thành múa
 Chắp những đoạn tre rộn rã tiếng khèn.

Văn Thảo Nguyên có một cái nhìn từ xa, rất hay về bản của người Mông :

*Bản muốn có nghĩa là bản vui
Cao lắm, như nôi mắc giữa trời.*

Còn Nguyễn Khôi, không phải "nhìn" từ xa mà là đã ở, đã ăn tại bản người Mông nên thấy rõ hơn, chi tiết hơn :

*Nhà người Mông ở giữa sương mù
Như mặt trời cất trong hang tối.*

Bút pháp tả thực của Nguyễn Khôi ở bài thơ này tỏ ra nổi trội : thực mà không mòn, cảnh và tình đan quyện, có những phát hiện lạ :

*Người Mông mình bỏ cây thuốc phiện
Tìm cái cây đổi mới cuộc đời
Đuổi ma đói, xây ruộng bản mới
Vườn cây xanh điện sáng ngang trời.*

Hãy chú ý : "Cây đổi mới", "Đuổi ma đói" : Người Mông chỉ tin ma, sợ ma chứ không sợ giặc. Nghe rất "chính trị" nhưng cũng rất Mông, rất thơ.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Bản Chiềng Ly

Tặng T.H

*Bản Chiềng Ly chưa đi đã nhớ
Phố chênh vênh bên núi bên hồ
Gái bản từ lâu quen chợ búa
Trai Thuận Châu bao bạn nằm mơ
Người Chiềng Ly hay đi dây đó
Mùa hoa ban về dự hội làng
Quả còn lửa bay ngang trời phố nhỏ
Trái tim hồng thiếu nữ đón xuân sang
Tôi say đắm yêu cô nàng như thế
Cha mẹ thương cho về ở Kinh Kỳ
Không ở rể mà vẫn là rể quý
Để mỗi năm lại lên tết Chiềng Ly.*

Thuận Châu, hè 1993

Lời bình

*"Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn"*

(Chế Lan Viên)

Với Nguyễn Khôi, bản Chiềng Ly không chỉ là nơi ở mà đó chính là quê hương, vì thế : "Bản Chiềng Ly chưa đi đã nhớ". - Thoạt nghe, như là một sự ngoa ngôn, nhưng ngẫm ra thì lại rất thật, bởi vì tên bản Chiềng Ly, đọc lên đã hàm ý nhớ. Người con trai xứ Kinh Bắc lên xứ Thái, xứ Mường, rồi lại trở về Kinh Kì đã nhớ gì ?

Nhớ :

*Phố chênh vênh bên núi bên hồ
Gái bản từ lâu quen chợ búa
Trai Thuận Châu bao bạn nằm mơ*

Phố Thuận Châu "chênh vênh", nên con người bản Chiềng Ly (thuộc Thuận Châu) cũng chênh vênh cùng đất, phải đi đây đi đó - nhưng sự đi ấy không phải là ly, bởi vì mảnh đất ấy có nhiều điều níu kéo, nên mỗi năm mùa hoa ban nở, tết đến... họ lại trở về :

*Mùa hoa ban về dự hội làng
Quả còn lửa bay ngang trời phố nhỏ
Trái tim hồng thiếu nữ đón xuân sang*

Cái tình ấy là cái tình của người chủ, của người thân, chứ không phải là cái tình của người khách cho nên dù "Không ở rể mà vẫn là rể quý" để mỗi năm tết đến lại về Chiềng Ly. Cái tình ấy sâu sắc mà đầm thắm làm sao.

Thơ Nguyễn Khôi có một chút gì bằng lăng của khói lam chiều trên nhà sàn Tây Bắc, của nắng nhạt trải thảm cao nguyên mang dấu ấn hào hoa Kinh Bắc. Tôi rất thích từ "chênh vênh" trong bài thơ này vì rằng tôi đã có rất nhiều năm sống ở vùng núi, chỉ thấy phố nhỏ, mấp mô, mà chưa bao giờ thấy chênh vênh cả ! Nguyễn Khôi đã chọn góc nhìn rất khéo và diễn đạt thật tinh tế.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Hà Lâm Kỳ

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hà Lâm Kỳ. Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1952. Quê quán : xã Đại Lịch, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản :

Kỉ vật cuối cùng (truyện dài, 1991) ; *Chim rí núi* (truyện vừa, 1992) ; *Xôn xao rừng lá* (thơ, 1992) ; *Những đứa con lên núi* (truyện ngắn, 1994) ; *Gió Mù Căng* (truyện dài, 1995) ; *Con trai bà chùa Nả* (truyện ngắn, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng của Hội đồng Văn học thiếu nhi - Hội Nhà văn Việt Nam, 1991 (truyện dài *Kỉ vật cuối cùng*) ; Giải thưởng của UBND tỉnh Yên Bái, 1994 (truyện vừa *Chim rí núi*), 1995 (truyện dài *Gió Mù Căng*).

Đi rừng

Vào rừng chẳng biết lối ra
Thấy cây núc nác tưởng là vàng tâm
(Ca dao)

Anh đi rừng với em
Hai ta cùng lội chín con suối
Anh đi rừng với em
Hai ta cùng vượt chín ngọn núi
Đi rừng cùng em
Cây lá đan nhau, mây song chẳng như mạng
Đi rừng cùng em
Con hồ thấy mùi người ngồi thu mình cạnh búi sẹ
Anh đi rừng cùng em
Trời đổ mưa, gió thổi lật, hai ta nép vào tàu lá cọ
Và hôm đi rừng cùng em
Mặt trời từ phía đông, lặn lẽ sang phía tây,
lối chúng ta về bị tối
Cầm tay nhau anh và em xuống núi
Con dao sắc tìm đường em đeo gùi chẳng nói
Gió chiều thổi hướng này... con dao quăng nữa thôi
Rừng thì già, ngày cũng đã già mà hai ta vẫn cứ
trẻ trung
Em bảo thương anh thương cả con chim về đêm vẫn kêu
"Công ai đắp tấp"
Núi im lìm ơi... em khẽ ru và em khẽ hát

Làm cho mắt của trăng rằm muốn lảng tránh mắt em
 Người già nhất trong làng bảo rừng nó thiêng
 Hẳn nào, chẳng thấy ai ngã cây to về làm nhà làm cửa
 Chuyện của người già. Em cười anh cũng mỉm cười
 đi trong lá
 Nơi thiêng, riêng ta sao hai ta không kiêng ?
 Bao nhiêu lần đi rồi, nên quen
 Con rắn cũng hiền lành, trà gai rừng không sắc
 Bấp chân anh, bấp chân em sẵn theo lườn dốc
 Yếu biết nhường nào rừng của ta.
 Đi với em vào rừng vui như rừng xoè hoa
 Xón xao như đàn ong mật treo hai đầu núi
 Duyên nợ với rừng từ khi nào mà sao rừng chẳng nói
 Rừng ơi, nhà của ta
 Rừng ơi, rừng - Cuộc đời của ta.

Lời bình

Đầu đề là *Đi rừng* nhưng để nói lòng yêu rừng. Bài thơ tựa vào một bối cảnh của tình yêu đôi lứa và mượn cách nói hình tượng của bà con dân tộc để tạo nên phẩm chất trữ tình, tạo nên chất thơ cho đề tài.

Đoạn đầu nói chuyện đi rừng, bút pháp hơi bằng phẳng, cách nói ít nhiều đã mòn ("chín con suối, chín ngọn núi", ...), có chỗ dùng từ chưa thật chuẩn ("con dao quăng nửa thôi". Nên viết là *một quăng dao nửa thôi* đúng nghĩa hơn mà có sức gợi). Tuy nhiên trong *Đi rừng* đã có những ý rất hay :

Rừng thì già, ngày cũng đã già mà hai ta
 vẫn cứ trẻ trung

"Ngày cũng đã già" là sáng tạo ý vị của tác giả, câu thơ nói được cái say đắm của đôi bạn quên cả trời chiều. Đoạn thơ này gọn lại sẽ tạo một tỉ lệ hợp lí với đoạn dưới (là đoạn chính) lại tránh được dàn trải, nhệch vị.

Đoạn sau có được cách nghĩ, cách nói nhất quán, giản dị và nhuần nhuyễn. Từ cảnh quay về người. Từ người lại về với thiên nhiên. Người yêu nhau, người yêu rừng rồi rừng lại yêu người. Tất cả đều hài hoà. Hài hoà vì tác giả giữ được tình cảm thực, cả trong tình yêu lẫn trong tình rừng, lại có cách diễn đạt gợi cảm với nhiều chi tiết sống động của rừng :

Núi im lìm đi... em khẽ ru và em khẽ hát
 Làm cho mắt của trăng rằm muốn lảng tránh mắt em

Bài thơ không bị vướng vào tính cổ động lâm nghiệp thô sơ, trái lại đã tạo được những yếu tố thẩm mĩ trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

VŨ QUÂN PHƯƠNG

Cầm Bá Lai

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Cầm Bá Lai. Sinh ngày 6 tháng 1 năm 1950. Quê quán : xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Mất năm 1988.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hoa và nắng (thơ, 1997).

Giải thưởng văn học :

Giải B của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1997 (tập thơ *Hoa và nắng*).

Củ nâu

Bè nâu chiều nay vượt thác về đầu
Lạch Bạng, Hải Thanh hay xuôi Diêm Phố ?
Hắt xuống sông xanh cả nắng trời cháy đỏ
Bọt trắng tung lên thấp thoáng bóng sào.

Tựa đàn lợn con lúc liú những chuồng nâu
Tình biển tình rừng bao đời dầm thắm
Chiếc quần nâu, lưới riu vung sáng loáng
Chiếc váy nâu, chang chang nắng đồng sâu.

Lắm thứ cây mế cạo vỏ ăn trâu
Lắm thứ lá bố nấu chài nhuộm lưới
Củ nâu, củ nâu, lẫn lóc nơi khe suối
Thách thức gió khơi, kiêu hãnh cánh bướm.

Củ nâu thiêng liêng trong lòng chúng con
Bởi bên chặt với đời và với mẹ
Những củ nâu lớn ngón vỏ sần sùi
Giữ bên cánh bướm, nhuộm tươi màu áo
Bỏ đôi trên tay. Ruột nâu ứa máu
Nuôi sống bản chòm bao vự đôi rừng Si.

Màu nâu thân như tiếng khèn bè,
quen như câu quan họ
Bà yêu ông - áo nhuộm nâu non.

*Cơm trộn bã nấu mẹ nắm nhường con
Cả bản cả chòm chưa ai quên vị chất
Hạt cơm nấu thơm mỗi khi giáp hạt
Bổ đôi trên tay. Ruột nấu ứa máu tươi.
Những củ nâu lẫn lóc sản sùi
Tình đất, tình rừng, tình người dằm thắm
Nhìn những bề nấu nối nhau về biển
Lòng tôi căng buồm.*

Hàm Rồng, 21-9-1986

Lời bình

Bài thơ *Củ nâu* được triển khai trên hai ý : củ nâu với người ở rừng, và củ nâu với người ở biển. Với người miền rừng, củ nâu đã từng "Nuôi sống bản chòm bao vụ đói rừng Si". Trong đời sống của người ở rừng, củ nâu nhiều khi cũng trở nên thiết yếu, nhất là đối với những người nghèo. Khi nói về cái đói, về bữa cơm phải trộn bã củ nâu, nhà thơ không dừng lại ở chuyện miêu tả cái đói, mà đã phát hiện ra cái tình trong sự nghèo đói ấy : "Cơm trộn bã nấu mẹ nắm nhường con". Chính vì thế, tình cảm trong câu thơ đã được nâng lên thành nỗi xót thương. Có một hình ảnh được điệp lại trong bài thơ bằng một dòng thơ cắt đôi : "Bổ đôi trên tay. Ruột nấu ứa máu tươi". Câu thơ chứa nhiều sức gợi. Củ nâu là sự yêu thương, đùm bọc, chở che, là "một miếng khi đói..." của người nghèo. Hình ảnh củ nâu chính là nơi kết tinh của tình đất, tình rừng dằm thắm con người. Nỗi cam go của mưu sinh như thế cũng đều thai vào từng thớ thịt của củ nâu trong lòng đất.

Không chỉ là miếng ăn, củ nâu còn được dùng vào việc nhuộm áo váy, lại nhuộm cả cánh buồm, nhuộm lưới đánh cá cho người vùng biển. Hoá ra màu củ nâu - màu đất đai bền bỉ cũng là màu của sự sống : bà yêu ông nhuộm áo cho ông, màu đất nâu quyện vào cánh buồm no gió, quyện vào tấm lưới cần lao. Từ một màu hữu ích, nó đã trở thành màu sắc tượng trưng cho sự sống.

Cả bài thơ dằm thắm một tình yêu thương mặn mà đối với quê hương. Đó là tình đất, tình rừng, tình biển và, cao hơn hết là tình người. Câu thơ kết bật ra rất đối tự nhiên, vừa cô đúc lại vừa bay bổng : "Lòng tôi căng buồm". Tấm lòng nhà thơ đã biết chi chút những gì nhỏ bé, bình dị nhất của quê hương - một quê hương dẫu đói nghèo nhưng vẫn giàu tình nghĩa.

VĂN GIÁ

Buồn !

*Buồn. Chiều nay hết rượu
Buồn. Bạn ta chưa sang
Buồn. Ngày mai hết tiền
Mẹ con lại lo lắng
Nhưng điều chưa quan trọng
Buồn nhất các con ơi
Lòng người chưa đứng thẳng.*

31-10-1986

Lời bình

Đây là một bài thơ thổ lộ tâm trạng buồn của một người cha đối với đứa con. Lí do đem đến nỗi buồn không có gì đặc biệt cả, mà toàn là những điều thường gặp ở bất cứ ai và xem chừng chính đáng cả. Với người đàn ông miền núi, hết rượu trong nhà để mời khách cũng là điều đáng buồn thật. Một sự mong ngóng về người bạn nơi xa, hay đơn giản hơn chỉ là muốn có bạn đến để tán gẫu, giải khuây mà không có được cũng dẫn đến tâm trạng buồn. Và như một thói thường, miếng cơm manh áo, cái nghèo cái đói đánh vào lòng tự trọng của người đàn ông trong nhà, khi tự cảm thấy mình vô tích sự cũng gây ra nỗi buồn chính đáng. Có nghĩa là nỗi buồn này bắt rễ chặt chẽ với cuộc sống sinh hoạt thường ngày, chứ nó không có được cái lãng mạn vẩn vơ trong nỗi buồn của cố thi sĩ Xuân Diệu ngày nào : "Hôm nay trời nhẹ lên cao. Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn". Nỗi buồn của Cẩm Bá Lai là nỗi buồn thế sự. Nhưng nếu bài thơ chỉ dừng lại ở đó thôi thì chắc chẳng có chuyện gì để nói. Câu thơ kết đã cứu vãn cả bài thơ. Hẳn là những nỗi buồn trên kia đều chính đáng cả đấy, nhưng nào có thấm thía gì so với nỗi buồn về một tình trạng nhân thế còn lắm giả trá, lọc lừa... Câu thơ hay ở một cách nói cụ thể, biến cái "lòng người" vô hình vô ảnh kia thành cái có đường nét, có tư thế : "Lòng người chưa đứng thẳng". Vâng, lòng người cần trung thực. Sự trung thực sẽ làm đẹp thêm cuộc sống. Cách nói này chỉ có thể có từ cửa miệng của một người đã sống nhiều năm bằng cách cảm, cách nghĩ của đồng bào miền núi. Bài thơ có tính cách luân lí này chắc được đồng bào các dân tộc đón nhận như một lời tâm sự, một lời tự nhắc trong đời sống cộng đồng.

VĂN GIÁ

Chim bìm bịp

*Có một loài chim không hót bao giờ
Chẳng tinh khiết như cánh cò trắng muốt
Chẳng rầu rĩ thi nhau suốt mùa như cuộc
Bãi vắng, bờ hoang lủi thủi một mình
Ném ra chiêu năng tất mong manh
Từ tiếng một như nhắc ta sự thật :
Bịp. Bìm bịp...*

Tháng 10 - 1986

Lời bình

Chỉ với 7 câu thơ ngắn, nhà thơ quá cố người Thái Cẩm Bá Lai đã phác hoạ đôi nét về làng quê Việt Nam với cò, cuộc, bìm bịp... Một bức tranh có thanh, có sắc, nhưng đó không phải là cái đích chính mà nhà thơ hướng tới, bức tranh chỉ là cái nền để nói tới sự khát khao của con người, đó là sự thật. Nhà thơ cảnh tỉnh con người : Phải tôn trọng sự thật !

Thủ pháp thơ ở đây là sự so sánh : Bên cánh cò trắng muốt, tinh khiết, tiếng cuộc rầu rĩ còn có một thân phận lủi lủi, nhếch nhác đến cả tiếng hót cũng không có được : "Bãi vắng, bờ hoang lủi thủi một mình" vậy mà còn "ném" ra được một tiếng "nhắc ta sự thật". Sự so sánh của nhà thơ được tôn cao thêm ở chỗ : lấy cái "nghịch" để nói cái "thuận", lấy mặt "trái" để làm sáng rõ mặt "phải"... lấy tiếng "Bịp. Bìm bịp" để nhắc "sự thật". Phải cao tay, phải hiểu và đau lẽ đời lắm lắm mới có thể "xử lý" được một tứ thơ mang tính triết học và nhân văn cao như vậy.

Phải nói, khả năng quan sát của Cẩm Bá Lai là rất tốt, điều này tất nhiên trước hết là năng khiếu thiên bẩm, nhưng có một yếu tố nữa trợ giúp đó là thực tế cuộc sống. Anh đã từng cùng vợ con đi khai phá khu đất hoang để trồng lúa, trồng rau, vật lộn trong cuộc mưu sinh và chính anh đã là thân cò, là phận chim cuộc, cất lời Bìm bịp, Bịp... Thi sĩ - Nông dân - cặp từ ấy có thể gắn cho nhà thơ Cẩm Bá Lai, ít nhất là ở bài thơ này - Một bài thơ mang tính triết lí cao.

Và đây, hãy để Cẩm Bá Lai tự "diễn nô" thơ mình, nói thêm về triết lí đó : "Một truyện thơ có thể kể cho con. Chuyện *Bim bíp* như sau : Xưa, trời sai một nhà triết học mang một nhà sách quý về tự nhiên và con người cùng các quy luật xuống trần gian. Khi đi truyền bá sự thật, nhà bác học đến đất nước của vua Việt. Không thể chém đầu một người uyên thâm và có danh vọng như thế, vua cầu cứu phù thủy. Phù thủy biến nhà triết học thành chim. Sống trong cái nhà sách là tổ chim. Sợ tổ chim lại bị loài người tìm được và căn cứ vào đó mà tìm ra sự thật nên phù thủy cấm chim không làm tổ để cho người tìm thấy. Riêng tiếng hót thì không được hót dài, chỉ được kêu một tiếng và kêu vào lúc chiều tắt khi con người sắp quên mọi việc theo giấc ngủ. Chim đã chọn tiếng *Bim bíp* để vạch sự giả dối và để con người sẽ tìm ra sự thật.

...

*Có một loài chim trong bụi bờ lẩn khuất
Đuôi tía, lông vàng mang sắc lửa trời*

...

*Có một loài chim không hót bao giờ
Chẳng tinh khiết như cánh cò trắng muốt
Chẳng rầu rĩ thi nhau suốt mùa như cuộc
Bãi vắng, bờ hoang lủi thủi một mình
Nằm ra chiều nắng tắt mong manh
Từ tiếng một như nhắc ta sự thật :
*Bíp. Bim bíp...**

(Chép từ di cảo của Cẩm Bá Lai)

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Đình Lãm

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Đình Lãm. Sinh năm 1941. Quê quán : huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản :

Vòng xoè (thơ, in chung).

Ruộng bậc thang

Ơm ơi quê ta đó
Thấp thoáng trong sương
Ruộng bậc thang cuốn vành khăn
Cô gái Mèo núi Chát
Đời lột áo rách rồi
Suối Sập ngân truyền điệu đàn môi
Trong như nhạc ngựa
Lúa bồi hồi xanh tiếp ruộng bậc thang.

Khi chưa biết làm ruộng
Đời người Mèo như quả quay
Nay quăng qua núi này
Mai lăn về ngọn khác
Cuộc đời vĩa mồ hôi quay tít
Da thịt vàng như lá lợp lều
Vất vưởng lang thang như ngọn gió
"Mùa măng nhổ cội"
Nhà rơi theo từng tiếng chim rơi
Lũ cỏ trên vai dè nặng
Rừng mất dần, đời lì tán em ơi !

*Biết làm ruộng rồi cái khổ bay đi
Theo lí Đảng đời ta tự lại
Như cây đào chắc rễ ăn sâu
Gốc đào là anh chi bộ
Muôn cảnh vui lao xao
Cảnh này con cá quẫy đáy ao
Cảnh kia trường học vui ríu rít
Cảnh to đứng là ruộng bậc thang
Cùng đồng ngô vàng nhấp nháy...
Cuộc đời - cây lúa - ruộng thang
Thửa tiếp thửa trèo cao lên mãi
Ruộng đẹp như dải áo, tua khăn
Sóng lúa reo như tiếng khèn mở hội.*

Xuân 1973

Lời bình

Đã có những bức tranh vẽ về ruộng bậc thang. Đã có những bức ảnh chụp về ruộng bậc thang. Đinh Lâm cũng vẽ, cũng chụp hình ảnh ruộng bậc thang. Có điều không phải vẽ bằng bút vẽ, không phải chụp bằng máy ảnh mà là bằng thơ ca. Và qua bức tranh thơ ấy, ta không chỉ nhìn thấy ruộng bậc thang mà còn nghe được cả tiếng reo của sóng lúa bậc thang.

Đúng vậy, Đinh Lâm đã cùng dân bản "khai mương đắp bờ", "lột áo rách" để "lúa bồi hồi xanh tiếp ruộng bậc thang", để chấm dứt cái cảnh :

*Nay quảng qua núi này
Mai lặn về ngọn khác
Cuộc đời vã mồ hôi quay tít
Da thịt vàng như lá lợp lều.*

LÒ NGÂN SÚN

Bùi Nhị Lê

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Bùi Nhị Lê. Sinh ngày 11 tháng 9 năm 1943. Quê quán : xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

Tác phẩm đã xuất bản :

Mỗi dốc một yêu (truyện kí, in chung) ; *Đến hẹn* (thơ, in chung) ; *Bản mường trông trăng* (truyện kí, in chung) ; *Gương soi* (thơ)...

Hát quanh bếp lửa

Ở quê tôi nhà sàn nào cũng hồng bếp lửa
Qua ngày, thâu đêm

Con gái mường lạ đến thăm
Xoè bàn tay trên ngọn lửa
Trai mường thập thò liếp cửa
Ngồi bên ngoài rít thuốc Lào thật kêu

Đêm ấy là đêm nào
Đám con trai rúc rích bàn nhau lời chào bạn gái
Với lời xường :
"... Quê em trên com, dưới cá
Trắng xoá nương bông
Cầu qua khe như cầu vồng
Muốn thăm mường em, ngại cầu trơn trượt ngã..."

Ngọn lửa bếp em thẹn thùng không cháy nữa
Rì rầm, rì rầm
Như gần như xa :
"... Nghe nói mường ta đẹp lắm
Một lần xúc được đôi cá trắm
Mỗi cây ngô bông bé những hai buồng..."

*Ngọn lửa bếp ngoài
Ngọn lửa bếp trong
Âm âm giọng con gái hỏi thăm :
"Mường anh lúa chín chưa có ai gặt ?"
Ngút ngát giọng con trai đáp :
"Mường em lúa gặt chưa có người gánh về"*

*Ngọn lửa lập lòe, lập lòe
Trai gái nhìn nhau qua giọng hát
Đêm này rồi đêm khác
Bếp vui vào tro những ánh mắt than hồng.*

(Xuân Giáp Tuất)

Lời bình

Bài thơ có không khí và nhịp điệu của một câu chuyện về bên bếp lửa, một hình thức sinh hoạt mang tính dân gian độc đáo của người Mường. Câu chuyện chỉ xoay quanh việc hát đối đáp giữa hai bên nam nữ. Nội dung chính cuối cùng vẫn là việc tỏ tình : "Mường anh lúa chín chưa có ai gặt"... "Mường em lúa gặt chưa có người gánh về"... Song điều đặc biệt ở đây là đã toát lên được một tinh thần cộng đồng gắn bó ngay từ những câu hát được sử dụng làm chất liệu của bài thơ khiến người đọc cảm thấy mình như cũng chính là một thành viên trong cuộc và đang khao khát được cất lên lời "xường". Sức cuốn hút chính là ở chỗ đó.

Cái đáng yêu của người miền núi là tình cảm mộc mạc và đằm thắm - là cử chỉ "nhìn nhau qua giọng hát" với "ánh mắt than hồng"... Khám phá về quê hương mình, dân tộc mình và viết về nó là điều đáng trân trọng mà Bùi Nhị Lê đã làm và làm được.

LƯƠNG NGỌC AN

Mã A Lênh

(Dân tộc Mông)

Tên khai sinh : Mã A Lênh. Sinh ngày 10 tháng 3 năm 1943. Quê quán : xã Trung Chải, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản :

Cột mốc giữa lòng sông (truyện kí, 1984) ; *Cao nguyên trắng* (truyện kí, 1992) ; *Bên suối Nậm Mạ* (thơ, 1995) ; *Chuyện bây giờ mới kể* (truyện ngắn, 1996) ; *Có một con đường* (kí, 1996) ; *Dấu chân trên đường* (truyện thiếu nhi, 1996) ; *Rừng xanh* (truyện ngắn, 1997).

Giải thưởng văn học :

Tặng thưởng của Ủy ban Dân tộc trung ương và Hội nhà văn Việt Nam, 1985 (truyện kí *Cột mốc giữa lòng sông*) ; Tặng thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1994 (tập kí *Cao nguyên trắng*) ; Giải A truyện ngắn cuộc thi do Báo Thiếu niên tiến phong và Nhà xuất bản Kim Đồng tổ chức năm 1996.

Bài ca Lũng Sán*

I

*Suối thung hoa tím rung rinh khoe mình
trong nắng. Tiếng hát hoa mi và tiếng
trẻ đọc bài ngân vang. Mãi yêu hoa
và ngắm cảnh bình minh đất nước,
cảm thấy tim dậy niềm vui
xốn xang.*

*Khoác ba lô lên vai ngược nhìn Lũng Sán,
chỉ thấy núi chọc trời và tầng tầng
mây phủ. Cái tò mò bởi vì cái lạ.
Gặp mạch nước vực đầu xuống uống
Nước mát trong, chảy tràn trên mặt.
Làn tóc mơn trớn sóng rêu. Rồi xóc
ba lô trèo lên dốc. Móng chân găm vào
da đất. Đất đau, đất rừng mình thương
vết xước. Đất trên núi cứ dẫn lên cao,
về phía những vì sao.*

(*) Lũng Sán có nghĩa là đất thần.

II

Lùng Sán ơi, có phải Lùng Sán ?
Mảnh đất của thần của tiên ?
Tùng mflei đã múa
ba ngàn sáu trăm bài khèn cải tử hoàn
sinh cho muôn loài trở về làm đời bình yên.
Tiếng khèn Tùng mflei vang vọng và âm
thầm xuyên chín tầng mây rung ngai
Ngọc Hoàng phải nhỏ nước mắt làm
mưa, xuyên vào tận tầng sâu động
trái tim thần linh buộc thả số phận
cho con người định đoạt tự do.
Xuyên vào kí ức người già, trẻ thơ
soi lại ngày xưa và giống vào mai sau.
Cho ta tung hoành cuộc sống Lùng Sán
cao cao mà cuộn cuộn sóng dòng sông.

III

Bước tới cổng Lùng Sán, lớp lớp mây vờn tí
tắp dưới chân. Lại ngược lên, đỉnh Lùng Sán
hãy còn cao. Làn làn gió mang âm khèn Tùng mflei
thổi phồng cánh áo. Phanhtung lồng ngực
và phóng tầm mắt vào bể sâu
chiều dài chiều rộng, mới ngỡ ngang vui sướng
ôm lấy đất trên mệnh môn.
Xin hôn lên những bàn chân dính đầy
bùn đất,
Xin hôn lên những bàn tay tạo màu chàm
ngân ngát,
Xin hôn lên những vầng trán trong mái tóc
xanh rì,
Xin được tắm mình trong hiền lành giản dị,
Thức khuya bên bếp lửa đỏ trò chuyện,
nghe tiếng khèn rộn ràng hoà với tiếng
đọc bài vang vang, bỗng nhận ra đất
và người ở đây đều là tiên.

Si-ma-cai, mùa thu 1976

Lời bình

Bài thơ văn xuôi này được viết một cách vừa dung dị vừa bay bổng, phù hợp với đối tượng mà nhà thơ muốn đề cập : mảnh đất Lũng Sán, nằm ở nơi "núi chọc trời và tầng tầng mây phủ".

Nhà thơ trong bài (chắc là một người cán bộ lên công tác vùng cao : "Khoác ba lô lên vai") thể hiện cảm nghĩ của mình từ khi đứng dưới chân núi nhìn lên Lũng Sán, rồi từng bước đi lên, cao dần cao dần... Đoạn đầu của bài thơ kết bởi một câu thơ rất đẹp :

Đất trên núi cứ dẫn lên cao, về phía những vì sao.

Đoạn thứ hai của bài thơ : trong lúc đang đi lên Lũng Sán, tác giả suy nghĩ về mảnh đất ấy. Và ở đây, chúng ta bắt gặp một ý tưởng độc đáo :

"Tiếng khèn Tùng mfrei vang vọng và âm thầm xuyên chín tầng mây rung ngai Ngọc Hoàng phải nhỏ nước mắt làm mưa, xuyên vào tận tầng sâu động trái tim thần linh buộc thả sổ phận cho con người định đoạt tự do."

Vẫn là ý tưởng : giờ đây, con người đã làm chủ sổ phận của mình, cuộc đời mình, nhưng thông qua cách nghĩ giàu hình tượng của văn học dân gian, ý tưởng đó càng thêm sức thuyết phục và truyền cảm.

Đoạn thứ ba : Nhà thơ tới Lũng Sán. Nhưng tới mà vẫn chưa tới :

"Bước tới cổng Lũng Sán, lớp lớp mây vờn tít tắp dưới chân. Lại ngược lên, đỉnh Lũng Sán hãy còn cao. Làn làn gió mang âm khèn Tùng mfrei thổi phồng cánh áo. Phanhtung lồng ngực và phóng tâm mắt vào bể sâu chiều dài chiều rộng, mới ngỡ ngàng vui sướng ôm lấy đất trên mệnh mông..."

Thật là hùng vĩ ! Thật là phóng khoáng !

Điều kì diệu là ở chỗ : chính trên nơi cao ngất, mệnh mông mây núi ấy, chúng ta lại gặp những con người đáng yêu đáng quý, chúng ta lại được "thức khuya bên bếp lửa đỏ trò chuyện, nghe tiếng khèn rộn ràng hoà với tiếng đọc bài vang vang..."

Bài ca Lũng Sán của Mã A Lềnh là một bài thơ hay, có cách viết thật phóng túng, mới mẻ, đầy cảm xúc. Đây là một bài thơ cô đọng mà vẫn hoành tráng, xứng đáng với một vùng đất như Lũng Sán !

BẾ KIẾN QUỐC

Đá ở Sa Pa

Đá !

Rất nhiều đá

Đâu đâu cũng đá.

*Đá nằm như... hổ rình mồi
Đá đứng như trâu gặm cỏ
Đá vươn như ngựa phi giữa nắng chiều tà.*

Từ đá

*Vụt lên những bông hoa nhỏ nhoi
Chúng tôi gọi là hoa bất tử.*

Từ đá

*Mọc lên những rừng đào trĩu quả
Chúng tôi kêu đào vạn thọ.*

Từ đá

*Sinh ra những chàng thi sĩ
Hát ca về đất trời - tình yêu của mình.*

20-2-1986

Lời bình

Bài thơ này cần phải được bắt đầu cảm nhận từ đoạn kết :

Từ đá

Sinh ra những chàng thi sĩ

Hát ca về đất trời - tình yêu của mình

Và như vậy, tất cả những thuộc tính của đá được miêu tả ở các đoạn trên đều nhằm chuẩn bị cho tính chất của những chàng thi sĩ vùng cao. Chúng ta hãy xem lại :

Đá nằm như... hổ rình mồi

Đá đứng như trâu gặm cỏ

Đá vươn như ngựa phi giữa nắng chiều tà.

Ở đây, ta ghi nhận những đặc tính : dũng mãnh như hổ, hiền lành như trâu, phóng khoáng như ngựa.

Hai đoạn tiếp theo có hoa bất tử, có đào vạn thọ. Hoa : mơ mộng, quả : ngọt ngào.

Như vậy, tâm hồn những chàng thi sĩ sinh ra từ đá này thực sự đa dạng, phong phú, đáng quý, đáng trân trọng.

Dường như ở đây nhà thơ cũng nhằm đưa ra một mong muốn, một yêu cầu đối với thơ ca của các tác giả dân tộc ít người.

BẾ KIẾN QUỐC

Chu Thuỳ Liên

(Dân tộc Hà Nhì)

Tên khai sinh : Chu Tá Nộ. Sinh ngày 21 tháng 7 năm 1966. Quê quán : xã Chung Chải, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ đăng trên các báo Trung ương và địa phương.

Lửa sàn hoa

*Khách đến bản
Lúng liếng ra chào
Nghiêng sàn
Dưng đất
Măng đắng
Rượu nhạt
Chén rửa mặt
Lẩu sơ⁽¹⁾
Chén rửa chân tay
Lẩu sơ
Noong Xao ơi⁽²⁾
Hoa ban trắng nở
Toả men nồng trời đất
Hương sắc núi rừng
Vòng xoè ngất ngây
Tay nắm chặt tay
Xoè xuôi
Xoè ngược
Chum rượu cần vơi
Đêm hội tan cuộc
Hương ban theo nhau vào giấc ngủ
Lời yêu trong pieu đợi pieu nhớ
Em - lửa sàn hoa
Hơ áo người đi xa !*

(1) *Lẩu sơ* : rượu cất nước dầu.

(2) *Noong xao* : em gái

Lời bình

Có lẽ phải bắt đầu bằng một sự chú thích, nếu không, trong cách cảm nhận của người Việt miền xuôi, hình ảnh "sàn hoa" rất dễ được coi là một ẩn dụ. Thực ra, sàn hoa là một cái sàn làm bằng tre nứa dựng lộ thiên ở giữa bãi, hình vuông, cao khoảng mét rưỡi, rộng chừng ba mươi mét vuông, xung quanh có phên che mắt cáo, chỉ để một cửa lên xuống có thang ba bậc, giữa sàn có một bếp lửa. Những đêm đẹp trời, trai gái người Thái tụ tập ở đây đốt lửa, quay xa, ca hát, trò chuyện tâm tình. Đồng bào Thái gọi sàn hoa là sàn "khuống". Như vậy thì hình ảnh "lửa sàn hoa" cũng là một hình ảnh có thực.

Tuy thế, trong thi cảm của người làm thơ thì *Lửa sàn hoa* đã trở thành một ẩn dụ gói ghém cả một "đêm hội". Ở nơi đây, tất cả đều biến thành lửa, tất cả đều cháy hết mình : sự đón tiếp mời mọc nồng hậu, những chén rượu "lầu sô" cất nước đầu tổ ý quý trọng tốt bậc, những em gái Thái xinh tươi tựa như những bông hoa ban bung nở hết mình tràn trề hương sắc, những "vòng xoè ngắt ngày"... Bao nhiêu là ngọn lửa đã vun thành một ngọn lửa lớn : *Lửa sàn hoa*. Đây chính là cực thứ nhất của ngọn lửa.

Nhưng ngọn lửa chung đó có thể sẽ tàn theo đêm hội khi tàn cuộc. Chỉ có ngọn lửa tình em là còn cháy mãi - cháy trong nỗi chờ đợi thủy chung, cháy trong nỗi nhớ. Ngọn lửa này như chiếc khăn piêu đỏ thắm tình bền bỉ. Đây lại là cực thứ hai của *Lửa sàn hoa*.

Hai câu thơ cuối khiến người đọc nghĩ tới một tín ngưỡng dân gian : người ở nhà hơ áo của người đi xa, để người đi xa sốt ruột biết trở về. Với hình dung ấy, ngọn lửa lại từ chân trời ẩn dụ trở về với hình hài cụ thể... Cứ thế, từ cụ thể hoá thành ẩn dụ, từ ẩn dụ lớn rút về ẩn dụ nhỏ, từ ẩn dụ nhỏ lại thành cụ thể, rất chung mà lại rất riêng, hình ảnh *Lửa sàn hoa* thật sống động và chứa nhiều sức gợi.

Đọc bài thơ không thể không nhớ đến hai câu thơ rất đẹp trong *Xống chụ xôn xao* của dân tộc Thái : "Một bó (củi) dành nhen lửa sàn hoa. Lửa sàn hoa để bạn trai xa hơ áo". Nương vào lời hát dân gian, hồn thơ Chu Thủy Liên đã thăng hoa để thành một bài thơ đậm thắm, trữ tình.

VĂN GIÁ

Ka Sô Liêng

(Dân tộc Chăm)

Tên khai sinh : Ka Sô Liêng. Sinh ngày 7 tháng 8 năm 1936. Quê quán : huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

Tác phẩm đã xuất bản :

Xing Chi ôn (trường ca, 1993).

Giải thưởng văn học :

Giải khuyến khích của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 1993 (trường ca *Xing Chi ôn*).

Cánh chim

Con chim có hai cánh
Bay lên tận những tầng mây xanh
Bay qua trăm cánh rừng
Bay qua trời bão nổi
Bay qua trời mưa sa
Nhìn chim bay
Đã mấy ai nhận ra

Nó có đôi chân nhỏ xíu.
Đôi cánh đưa chim lên cao
Để thấy những khoảng cao xanh kì diệu
Con chim, không bao giờ quên
Mặt đất nuôi sống mình
Và khi chim mỗi cánh bay về
Đôi chân chim nhỏ bé kiên trì
Lại im lặng đưa chim đi vững vàng từng bước
Chim lại xoè đôi cánh bay cao...

Phú Yên, 1981

Lời bình

Ka Sô Liêng có những công trình sưu tầm - dịch văn học dân gian Chăm thật là đồ sộ. Nhưng anh làm thơ thì thật ít, mới chỉ thấy anh in một vài bài lẻ tẻ ở các báo, trong đó có bài *Cánh chim* được chọn là một trong những bài thơ hay trên báo Nhân dân năm 1983 cùng các bài : *Hoàng Liên Sơn* (Trình Đường), *Thư mùa đông* (Hữu Thịnh), *Ngủ rừng* (Đặng Vương Hưng)...

Cánh chim là một bài thơ ngắn gọn, mộc mạc, giản dị, xinh xắn, gần gũi, dễ hiểu, mà lại có sức gợi mở sâu xa ; tứ thơ cứ hiển hiện trước mắt ta lồng lộng, trong đó cái cầu nối giữa mặt đất với bầu trời chỉ là một con chim bé nhỏ mà vô cùng to lớn bởi cái sức bay cao, bay xa của nó. Nhưng dù bay cao, bay xa đến mấy, con chim vẫn phải trở về mặt đất, trở về nơi đã cất cánh, nơi đã sinh ra mình, nơi đã và đang nuôi sống mình...

Cánh chim nâng con chim bay lên cao, đi xa, qua bão nổi mưa sa, bay đến những chân trời xa, để rồi lại bay xuống mặt đất với đôi chân nhỏ xíu ("nhìn chim bay, đã mấy ai nhận ra"), kiên trì, lặng im đưa chim đi vững vàng từng bước...

Cánh chim – một nét đẹp của tâm hồn Chăm được cất cánh bay lên từ trái tim khối óc của nhà thơ Ka Sô Liêng - một người con của dân tộc Chăm ở Phú Yên. Bài thơ như một bức thông điệp, như một lời nhắn gửi của người Chăm, của dân tộc Chăm.

LÒ NGÂN SỪN

Mai Liễu

(*Dân tộc Tày*)

Tên khai sinh : Ma Văn Liễu. Sinh ngày 12 tháng 1 năm 1950. Quê quán : xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Tác phẩm đã xuất bản :

Suối làng (thơ, 1994) ; *Mây vẫn bay về núi* (thơ, 1995) ; *Lời then ai thuộc* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng Tân Trào của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang, 1991 - 1995 (tập thơ *Suối làng*) ; Giải thưởng của Hội đồng Văn học dân tộc và miền núi, Hội nhà văn Việt Nam cũng cho tập thơ *Suối làng* ; Giải thưởng tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1996 (tập thơ *Lời then ai thuộc*).

Lời mẹ

*N*gày còn bé

Mẹ bảo :

Quả ớt cay ăn được cả vỏ

Quả chuối ngọt bóc vỏ bỏ đi !

Lớn lên

Xa mẹ cứ mãi đi

Mãi mê sống, mãi mê vui chơi, mãi mê làm lung

Lời mẹ dặn đã ngấm vào trong máu

Ngờ đâu lại có lúc vô tình

Ta chẳng nhớ :

Quả ớt cay vẫn ăn được cả vỏ

Quả chuối ngọt phải bóc vỏ bỏ đi !

Mẹ đã già lúc nhớ lúc quên

Các con ta sắp qua ngày thơ bé

Biết dặn chúng thế nào ?

Chính ta đã có lúc u mê mà đánh rơi lời mẹ

Khi cảm lên : Lấm láp, bụi, bùn...

Không nhẽ để nguyên như thế trao cho con ?

5-1995

Lời lành

Lời mẹ thực ra là lời kể của người con luôn nhớ về mẹ, về những lời mẹ dặn, rằng :

*Quả ớt cay ăn được cả vỏ
Quả chuối ngọt bóc vỏ bỏ đi*

Chân lí đó đã thấm sâu vào trong máu người con, để sống, để làm việc, để đi, để lớn lên...

Nhưng ngờ đâu lại có lúc vô tình người con đã chẳng còn nhớ, vì u mê mà đánh rơi cả lời mẹ dặn :

*Quả ớt cay ăn được cả vỏ
Quả chuối ngọt bóc vỏ bỏ đi*

Đó là lời tự trách của người con, khi trưởng thành có những lúc đã có lỗi với mẹ, "mẹ đã già lúc nhớ lúc quên", các cháu của bà cũng đã sắp trưởng thành, biết dặn chúng sao đây khi "cầm" lời mẹ lên thì đã bị lấm "bụi" lấm "bùn", chẳng nhẽ lại cứ để nguyên như thế trao cho chúng ?

Lời mẹ bị lấm bụi lấm bùn vì con đã không giữ được lời mẹ, đã đánh rơi lời mẹ, vì con cứ mãi đi xa, "mãi mê sống, mãi mê vui chơi, mãi mê làm lụng", để mẹ phải sống cảnh vô vỏ nơi quê nhà...

Lời mẹ là một bài thơ buồn, buồn đến mức quên cả việc "ớt ăn cả vỏ, chuối ăn bóc vỏ", đó là hai thứ cay và ngọt khác nhau, cách ăn cũng khác nhau, hiển nhiên như lẽ sống ở đời, như tình mẹ con vậy.

Lời mẹ thực ra là lời tự trách, lời tạ tội, sám hối của người con với người mẹ. Đó cũng là một bài học sống ở đời.

LÒ NGÂN SÚN

Lặng thầm

*Niềm vui không đo bằng thước bằng cân
Niềm vui dựng bằng hốc mắt.*

*Người già hốc mắt sâu
Người trẻ hốc mắt nông
Niềm vui bắt chọt đáy lên*

Vỡ thành giọt lệ
 Rơi
 Vào vạt áo
 Vào khăn
 Lặng lẽ
 Ấy là khi
 Người mẹ đón con
 Người vợ đón chồng
 Từ mặt trận trở về...
 - Vợ tôi một lần có niềm vui như thế
 - Mẹ tôi bốn lần có niềm vui như thế !
 Đất nước sau chiến tranh
 Bao nhiêu người đàn bà có niềm vui như thế ?
 Nhưng cũng còn bao nhiêu hốc mắt trũng sâu như
 năm tháng đợi chờ ?
 Những giọt lệ buồn không vỡ ra từ đó
 Cứ đêm đêm thấm lặng nhỏ vào tim ...

9 - 1993

Lời bình

Bài thơ mở đầu rất độc đáo :

Niềm vui không đo bằng thước bằng cân
 Niềm vui đựng bằng hốc mắt.

Quả thật chưa ai tìm ra một đơn vị đo lường nào khả dĩ đo đếm được những "đại lượng" như là tình yêu, nỗi buồn, niềm vui ... Chỉ nhà thơ mới sáng tạo ra hốc mắt để đo niềm vui mà thôi. Và, cái đơn vị đo lường này cũng có những phân định thật chính xác :

Người già hốc mắt sâu
 Người trẻ hốc mắt nông

Ý thơ ở đây thật sâu sắc : niềm vui được người già cảm nhận bao giờ cũng có một bề dày của sự từng trải, của năm tháng dạn dày.

Hình tượng tiếp theo của bài thơ cũng rất bất ngờ :

Niềm vui bất chợt đẩy lên
 Vỡ thành giọt lệ

Rơi
Vào vạt áo
Vào khăn
Lặng lẽ ...

Như vậy thì hoá ra có nhiều loại niềm vui. Có những niềm vui ồn ào, bông bột, reo hát. Còn niềm vui được đong bằng hốc mắt, đầy lên vỡ thành giọt lệ - là một loại niềm vui khác.

Tới đây, bài thơ mới thật sự bắt đầu. Những "người mẹ đón con, người vợ đón chồng - từ mặt trận trở về" thì mới có niềm vui lặng thầm như thế. Hai câu thơ sau đây, rất giản dị, mà thật xúc động :

*Vợ tôi 'một lần có niềm vui như thế
Mẹ tôi bốn lần có niềm vui như thế !*

Mẹ có bốn lần, bởi mẹ đã phải tiễn bốn người con của mình ra mặt trận !

Đoạn kết của bài thơ lại có một bước ngoặt mới. Với những người mẹ, người vợ không có niềm vui đón người thân trở về, thì trong hốc mắt của họ :

*Những giọt lệ buồn không vỡ ra từ đò
Cứ đêm đêm thấm lặng nhỏ vào tim ...*

Câu thơ cho chúng ta thấy sự hi sinh cao cả của những người mẹ, người vợ phải gánh chịu những nỗi đau mất mát - những người mẹ Việt Nam anh hùng. Và từ đó, bài thơ gọi cho chúng ta suy nghĩ về trách nhiệm của mình.

BẾ KIẾN QUỐC

Quả và chim

*Bén suối
Mặt trời mọc
Quả dáy chín đỏ
Quả cà-đưa chín vàng.
Ăn phải hạt dáy ngứa dít cổ
Chạm phải hạt cà-đưa ngứa rách da
Chim khiếu ăn quả dáy chín đỏ*

*Tiếng hót vang
Chim hoạ mi ăn quả cà-đưa chín vàng
Tiếng hót trong
Bên suối
Mặt trời mọc
Quả dáy chín đỏ
Quả cà-đưa chín vàng...
Chim cất rình bắt hoạ mi
Điều hâu rình bắt khiếu
Chẳng ai nghe thấy chúng hót bao giờ !*

4-1994

Lời bình

Đây là một bài thơ có cấu tứ khá chặt chẽ. Bắt đầu từ hình ảnh "quả dáy" và "quả cà" mọc bên suối. Đó là hai loại quả độc : ăn phải thì ngứa đút cổ, chạm phải thì ngứa rách ra. Vậy mà, chim khiếu và chim hoạ mi ăn hai thứ quả đó lại có tiếng hót rất hay.

Ở đây, cũng có thể hiểu rằng : vì muốn có giọng hót hay, chim khiếu và chim hoạ mi đã bất chấp khó khăn, ăn hai thứ quả ấy. Lại cũng có thể hiểu rộng hơn : để vươn tới những gì hay, đẹp, cần phải chịu đựng khó khăn, gian khổ hơn mức bình thường.

Đồng thời, những kẻ xấu, kẻ ác chẳng bao giờ có được những gì đẹp đẽ, có giá trị để hiến dâng cho cuộc đời. Cũng như con chim cất, con điều hâu chuyên rình bắt hoạ mi và khiếu, "chẳng ai nghe thấy chúng hót bao giờ". Đoạn điệp khúc trước đoạn kết :

*Bên suối
Mặt trời mọc
Quả dáy chín đỏ
Quả cà-đưa chín vàng...*

khiến chúng ta thấp thoáng một nỗi lo âu : quả dáy chín đỏ ở đó, quả cà-đưa chín vàng ở đó ; và chim hoạ mi với chim khiếu sắp tới ăn hai quả đó để có tiếng hót hay. Nhưng, đâu đây, cũng vẫn có những con chim cất, điều hâu đang rình bắt hoạ mi và khiếu... Cái đẹp, cái hay có được trên

đời là rất khó, rất công phu. Nhưng luôn luôn có những kẻ xấu, những cái xấu muốn tiêu diệt cái hay, cái đẹp của đời sống. Do đó, phải cảnh giác, phải giữ gìn, phải nâng niu, trân trọng những giá trị tinh thần trong cuộc đời...

BẾ KIẾN QUỐC

Tìm tuổi

Cây chuối

Một tuổi trở hoa

Tươi như môi em mười sáu

Cây trám

Bảy năm cho quả

Vị bùi ngấm niêu cá kho mẹ ủ bếp than hồng

Cây lát

Bảy mươi tuổi nở hoa văn hình đuôi công
cánh phượng

Khách quen khách lạ gần gũi soi ...

Những câu thơ của tôi

Những trang viết của tôi

Trời cho mấy tuổi ?

Vỗ vào gốc cây rừng, tôi hỏi

Cây lặng im bóng

Rừng lặng im xanh...

20-3-1998

Lời bình

"Tìm tuổi" - hay gọi là "bình tuổi", "hỏi tuổi" cũng vậy. Bởi lẽ : cây chuối - một tuổi trở hoa, cây trám - bảy năm cho quả, cây lát - bảy mươi tuổi nở hoa văn... thì mọi sự đã rõ ràng, có gì mà phải tìm nữa. Chỉ có điều, cây rừng thì vậy, còn cây thơ - cây người - cây đời thì sao ? Liệu trời có cho tuổi được không khi mà "cây đời mãi mãi xanh tươi" ? Có lẽ ở đây

tác giả muốn hỏi rằng : trời phú cho những trang viết của mình, cho những câu thơ của mình sống được bao lâu đây ? Đó là tâm trạng của một người làm thơ - đặc biệt là trong thời buổi kinh tế thị trường bây giờ, số phận của thơ như là một sự hẩm hiu vậy, nên khó mà định tuổi cho thơ mình, khó mà biết được tuổi thọ của thơ mình, khó mà biết được thơ mình sẽ cho mình, cho ta, cho người, cho đời được những gì như cây rừng đã cho và nếu thơ không có gì để cho thì làm gì còn có tuổi ? Và tâm trạng ấy, bây giờ cứ xoáy sâu vào lòng người làm thơ. Hi vọng và mong sao, thơ cũng như đời, như thiên nhiên, trời đất, như :

*Cây lặng im bóng
Rừng lặng im xanh...*

LÒ NGÂN SỪN

Gọi vía

Cái vía trong mình có là con cá
Mà mẹ ta lấy vớt đi xúc
Cái vía có như đứa trẻ ham chơi bị lạc
Mà mẹ ta tất tả đi tìm
Từ núi ra đồng
Từ đồng về ngõ
Từ ngõ lên cầu thang
Từ cầu thang vào nhà
Nơi ta nằm li bì cơn sốt...
Mẹ còn biết làm gì
Những năm ấy đói nghèo lay lắt
Anh em tôi cứ thế lớn lên
Sau bao lần mẹ đi xúc vía
Sau bao lần mẹ vừa gọi vừa khóc
Tìm vía về cho con.

Quá nửa đời người
Tôi đã lật qua nghìn trang sách duy tâm, duy vật
Mà cái vệt vừa cũ vừa rách trong tay mẹ ngày ấy
Còn run run mãi trong tôi
Có lẽ nhờ nó
Ngày bé đi đường gặp hổ gặp rắn

*Hồn vía tôi không bị lạc
Gặp cảnh đẹp hội vui vẫn biết lối về...*

*Mẹ còm cõi như quê nhà ven núi
Sớm tối ra vào góc bếp lui cui
Bao bận chuyển nhà thay mái
Cái vột ngày xưa chẳng còn.*

*Chợt lo
Hồn vía mình chẳng may bị lạc
Giữa thị thành
Ai gọi vía cho tôi !*

Lời bình

Gọi vía nguyên văn tiếng Dáy là "Hèo văn", một tập tục của người Dáy : mỗi khi trong nhà có người ốm đau hay gặp nạn, nhất là lứa con cháu thì người nhà thường lấy áo người ốm đi xem đi bói để biết hồn vía bị rơi lạc ở đâu, sau đó mới đi mời *mo* hoặc *then* đến nhà để cúng gọi vía. Khi đã gọi vía về rồi thì ông mo hay bà then sẽ buộc chỉ cổ tay cho người ốm để giữ hồn vía ở trong người. Tôi đã từng được gọi vía như thế khi tôi còn ở nhà chần trâu, lấy củi, vác chuối, cày bừa... Tuy nhiên mỗi dân tộc có cách gọi vía riêng. Ở cách gọi vía của người Tày - Tuyên Quang trong bài thơ này của Mai Liễu thì bà mẹ lại đem "vột" đi *xúc vía* con về và "vừa gọi vừa khóc" để "tim vía về cho con". Tất nhiên, nếu bài thơ chỉ có thế thì chẳng có gì đáng phải bàn. Nhưng ở đây tác giả bài thơ đã mượn cách gọi vía của cha ông để nói về những điều sâu xa của cuộc sống, của cuộc đời con người hiện đại, nghĩa là tác giả đã thổi hơi thở của thời đại vào trong hồn vía của dân tộc, vào trong hồn vía của người mẹ "còm cõi như quê nhà ven núi", để rồi tự liên hệ đến cuộc đời của mình "bao bận chuyển nhà thay mái", đến nỗi cả "cái vột ngày xưa cũng chẳng còn", và :

*Chợt lo
Hồn vía mình chẳng may bị lạc
Giữa thành thị
Ai gọi vía cho tôi !*

Nỗi lo đó đã trở thành nỗi ám ảnh về người mẹ như một sợi chỉ xuyên suốt đời anh, xuyên suốt thơ anh.

LÒ NGÂN SỪN

Vì Thuỳ Linh

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Vì Thuỳ Linh. Sinh năm 1980. Quê quán : huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tập thơ : *Khát ; Linh.*

Gọi nguồn

Em đợi anh

Áp mặt vào đêm vào cô đơn mà gọi

Không thấy anh không có anh

Trời lán tình vỡ vụn

Anh ở đâu

Mất anh ngủ nơi nào

Có yêu nhau có thương nhau thì vượt đêm mà về

Có nhớ nhau có khát nhau hãy cuộn tung thác nguồn

Cuộn lửa tình mà cháy

Em - đốm lửa giữa đời

Chỉ cháy lên chỉ sáng lên khi anh khơi mầm sống

... Những giọt mặn ứa đầy

Uớt một đêm...

Uớt nhiều đêm...

Anh - nguồn em

Hãy đến đi

Cho đêm ngày cháy bùng bão lửa !

1-8-1997

Lời bình

Từ xưa đến giờ hầu như không một nhà thơ, một người làm thơ nào lại không ít nhất một lần làm thơ về nỗi nhớ nhưng người mình yêu dấu.

Trong hàng ngàn vạn bài thơ cùng một chủ đề ấy, Vi Thuý Linh - một cô gái làm thơ còn rất trẻ, khi viết bài thơ này chị mới mười bảy tuổi - vẫn tìm được tiếng nói riêng, vừa chân thật vừa độc đáo.

Với lối diễn tả tâm lí có tầng bậc của người con gái đang đau khổ vì cô đơn, vì người yêu xa cách (gọi - hỏi - giải bày- thúc giục) ta thấy tâm trạng một cô gái trẻ đang yêu, đang nhớ, đang mong đợi người yêu đến - qua cái nhìn, cách cảm, cách thể hiện của Vi Thuý Linh - cháy bỏng, dữ dội, khắc khoải đến chừng nào ! Đường như đã chạm đến giới hạn cuối cùng của sự chịu đựng trong nhớ nhung và cô đơn. Những điệp từ, điệp ngữ bật ra tự nhiên như chính sự giằng xé của tâm trạng : "Vào đêm vào cô đơn. Không thấy anh không có anh. Có yêu nhau có thương nhau. Có nhớ nhau có khát nhau. Chỉ cháy lên chỉ sáng lên. Uớt một đêm uớt nhiều đêm" là một cộng hưởng ngữ nghĩa về sự phi lí trong tình yêu không trọn vẹn : sự khát khao vươn tới hạnh phúc đối lập với thực tế cô đơn, đau khổ.

Em - đốt lửa giữa đời

Chỉ cháy lên chỉ sáng lên khi anh khơi mầm sống

Sự giải bày chân thật và đầy bản lĩnh của cô gái trẻ trong thơ Vi Thuý Linh quả là đã khác lắm với tính cách của các thiếu nữ trước đây ; càng khác xa tính cách bền lẫm, e lệ của các thiếu nữ dân tộc. Song chính đó lại là điểm sáng, điểm nhấn quan trọng mang tính nhân văn, nhân bản sâu sắc : tình yêu như một cứu cánh, là cội nguồn của hạnh phúc và sáng tạo !

Dù là quyết liệt và hiện đại trong tư duy và ngôn ngữ, *Gọi nguồn* cũng không hẳn đã hoàn toàn xa lạ với truyền thống thơ Việt, trong lối so sánh, chọn hình ảnh, xây dựng hình tượng thơ :

Không có anh không thấy anh

Trời lên tình vỡ vụn.

*... Có nhớ nhau có khát nhau hãy cuộn tung thác ghềnh
Cuộn lửa tình mà cháy.*

Hoặc, "Những giọt mặn ứa đầy. Uớt một đêm. Uớt nhiều đêm..." vẫn phẳng phất đâu đó cái tâm trạng của cô gái miền quan họ : "Người về em những khóc thầm. Đôi bên vạt áo uớt đầm như mưa."

Tuy nhiên, cách nói ở đây đã khác lắm, mới lắm. Không còn sự rụt rè, mơ mộng, vẩn vơ mà giằng xé, nổi loạn, bút phá, không cam chịu.

Trước Vi Thuý Linh, ta chưa gặp một giọng thơ, một hồn thơ như thế trong các nhà thơ dân tộc và miền núi.

MAI LIỄU

Trần Văn Loa

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Trần Văn Loa. Sinh năm 1946.

Quê quán : thị xã Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Nắng hoàng hôn (thơ, 1988).

Suối Lê-nin

Ơi con suối xanh xanh
Dáng mềm mại thanh thanh
Xưa Bác ngồi câu cá
Vàng trán rộng mộng mên...

Bác làm thơ cho suối
Đặt tên gọi Lê-nin
Bác uống nước dòng suối
Để thành máu nuôi tim

Nước của rừng của núi
Bác rửa mặt hàng ngày
Bác bước đi sớm tối
Mang xuân về đó đây...

Ơi con suối Lê-nin
Cho em in dải tóc
Cả trời xanh dịu hiền
Thành tiếng ca em hát

Đẹp như là đôi mắt
Của người yêu gọi ta
Suối Lê-nin trong vắt
Như tâm hồn bao la

Khi nước nhà có giặc
Anh khoác súng lên đường
Chia tay em bờ suối
Anh chào dòng Lê-nin

Là thượng nguồn nơi sinh
Của nghìn dòng sông cá.
Đây con suối Lê-nin
Xưa Bác ngồi câu cá

Đây con suối Lê-nin
Xưa Bác ngồi suy nghĩ
Bên núi cao Các Mác
Vạch con đường đấu tranh

Ta đã đến nơi đây
Xanh xanh ngời con suối
Chú chim nhỏ trên cây
Đang gọi hè mở hội

Rừng với chim nào nức
Ngồi cắt nắng làm hoa
Những bông hồng bông cúc
Nở quanh ảnh Bác Hồ.

5-1969

Lời bình

Bài thơ uyển chuyển, mềm mại như là làn điệu then, làn điệu tính hiện lên trước mắt ta đẹp như một bức tranh, bức ảnh về cảnh thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc, nơi có ngọn núi Các Mác, dòng suối Lê-nin trong xanh hùng vĩ. Nhưng núi rừng, con người và trời đất ở đây chỉ thực sự trở nên trong xanh hùng vĩ, và có ý nghĩa thiêng liêng, cao cả, trọng đại khi Bác Hồ đến ở. Bài thơ bỗng vụt lớn lên, bay bổng, mênh mông, lồng lộng, làm xôn xao, rung động lòng người. Bài thơ đọc lên đã nghe như một bài hát đậm đà chất dân ca dân tộc Tày, lại được nhạc sĩ Nguyễn Tài Tuệ phổ thành nhạc thì bài thơ đã thành một bài hát, để một lần nữa gieo vào lòng người, toả ấm lòng người, thêm sâu rộng, thêm bay bổng. Tự thân bài thơ như có thêm một lần sáng tạo, thêm một lần hiển dạng để đáp ứng nhu cầu thưởng thức, hưởng thụ của đông đảo độc giả gần xa.

Và vì thế, bài thơ đã trở nên gần gũi, quen thuộc với tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi.

LÒ NGÂN SỪN

Hữu Loan

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Hữu Loan. Sinh ngày 2 tháng 4 năm 1916. Quê quán : xã Ngọc Lĩnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

Tác phẩm đã xuất bản :

Màu tím hoa sim (thơ, 1990).

Đèo Cả

Đèo Cả !

Đèo Cả !

Mây trời Ai Lao

Sầu đại dương !

Dặm về heo hút

Đá Bia mù sương

Bên quán "Hồng quân"

người

ngựa

mỏi

Nhìn dốc ngổn than

thương

ai

lên

đường

Cháy ngày

lạc giữa núi

Sau chân

lối vàng

xanh tuôn

Dưới cây

bên suối độc

Cheo leo chòi canh
 như biên cương
 Tóc râu
 trùm vai rộng
 Không nhận ra
 người làng
 Ngày thâu
 vượt hủ
 Đêm canh
 gặp hùm lang thang
 Rau khe
 cơm vắt
 Áo phai
 màu chiến trường
 Gian nguy
 lòng không nhạt
 Cắm thù
 trăm năm xa
 Máu thiêng
 sôi dào dạt
 Từ nguồn thiêng
 ông cha
 "Cần xây chiến lũy ngất
 đây hình hài niên hoa
 - Xâm lăng !
 Xâm lăng !
 Súng thêm
 gươm khát..."
 - Ai ngân lưng lay
 đêm quê nhà !
 Nhớ lần thăm Đèo Cả
 Hậu phương từ rất xa
 Ăn với nhau bữa
 heo rừng
 công thui
 chấm muối

Trên sạp cây rừng
 ngủ chung
 nửa tối
 Biệt nhau
 đèo heo
 canh gà
 Râu ngợc
 chào nhau
 bên dốc núi.
 Giặc từ vũng Rô
 bắn tới
 Giặc từ trong
 tràn ra
 Nhưng Đèo Cả
 vẫn đứng vững
 Đèo Cả Nam
 máu giặc
 mấy
 lần
 nặng
 khô
 Sau mỗi lần thắng
 Những người trấn Đèo Cả
 Về bên suối đánh cờ
 Người hái cam rừng
 ăn nheo mắt
 Người vá áo
 thiếu kim
 mài sắt
 Người đập mảnh chai
 vẽnh cầm
 cạo râu
 Suối mang bóng người
 soi
 những
 về đâu ?

Lời bình

Bài thơ *Đèo Cá* của Hữu Loan in trong tập *Cách mạng và kháng chiến* (năm 1949), của Nhà xuất bản Văn nghệ ở chiến khu Việt Bắc, thực ra chỉ có 18 câu, 8 câu thơ thường và 10 câu thơ leo thang. Có ngần ấy câu, đọc đã thích lắm. Những câu thơ này càng có giá trị, khi in bên cạnh những trang văn, những bài thơ in tức thời ở những năm đầu kháng chiến, trong đó có *Lên Cẩm Sơn* của Thôi Hữu, *Nhớ máu* của Trần Mai Ninh, *Giản dị* của Lê Khắc Thiển, *Tiếng hát thanh niên* của Lưu Trọng Lư... Mạch thơ hùng tráng của lớp nhà thơ trẻ hồi đầu kháng chiến chống Pháp đầy khí thế ra trận, nhiệt tình, hăm hở nhưng chất mơ mộng, lãng mạn cũng tràn đầy.

Cho đến những năm gần đây (1990), khi sưu tập tập thơ *Màu tím hoa sim*, tôi mới được anh đọc cho chép lại trọn vẹn bài thơ *Đèo Cả*. Đèo Cả được miêu tả thật hiểm trở, nhất là thời đó, bộ đội cán bộ chỉ hành quân bộ và đi ngựa, cảnh thiên nhiên ở đây thật chệnh vênh :

Mây trời Ai Lao
Sầu đại dương !...
... Bên Quán "Hồng Quân"
 người
 ngựa
 mỗi

Nhìn dốc ngổn than
 thương
 ai
 lên
 đường.

Người ở lâu trong rừng cũng hoang dã chẳng kém gì thiên nhiên :

Tóc râu
trùm vai rộng
Không nhận ra
người làng
Ngày thu
vượn hú
Đêm canh
gặp hùm lang thang...

*Về bên suối đánh cờ
Người hái cam rừng
 ăn nheo mắt
Người vá áo
 thiếu kim
 mài sắt
Người đập mảnh chai
 vềnh cằm
 cạo râu
Suối mang bóng người
 soi
 những
 về đâu ?*

Bao gập ghềnh gian nan ở những đoạn thơ trước, để dẫn cho cái khí thế người chiến thắng ở đoạn này. Thơ dồn nén, hoan hỉ rất tự nhiên. Đó là tâm hồn của những người sống chết với non sông đất nước. Vui tự trong vui ra... Chính vì thế mà câu "Suối mang bóng người soi những về đâu...", man mác, băng khuâng, vang động lắm !

Cùng những năm tháng này xuất hiện trước sau một ít, có *Tình sông núi* của Trần Mai Ninh, *Nhớ* của Hồng Nguyên, *Tây Tiến* của Quang Dũng, thêm một *Đèo Cỏ* của Hữu Loan sẽ thành bức tứ bình của một tráng khúc lãng mạn của thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Cái ấn son thời gian, năm 1946, in ở cuối bài thơ càng làm cho nó cao giá thêm.

NGÔ VĂN PHÚ

Màu tím hoa sim

*N*àng có ba người anh đi bộ đội
Những em nàng
Có em chưa biết nói
Khi tóc nàng xanh xanh
Tôi người Vệ quốc quân
xa gia đình

Yêu nàng như tình yêu em gái
Ngày hợp hôn
nàng không đòi may áo mới
Tôi mặc đồ quân nhân
Đôi giày đinh
bết bùn đất hành quân
Nàng cười xinh xinh
bên anh chống độc đáo

Tôi ở đơn vị về
Cưới nhau xong là đi
Từ chiến khu xa
Nhớ về ái ngại
Lấy chồng thời chiến chinh
Mấy người đi trở lại
Lỡ khi mình không về
thì thương
người vợ chờ
bé bỏng chiều quê...
Nhưng không chết
Người trai khói lửa
Mà chết
Người gái nhỏ hậu phương.
Tôi về
không gặp nàng
Má tôi ngồi bên mộ con đầy bóng tối
Chiếc bình hoa ngày cưới
thành bình hương
tàn lạnh vây quanh.

Tóc nàng xanh xanh
ngắn chưa đầy búi
Em ơi giây phút cuối
không được nghe nhau nói
không được trông nhau một lần
Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím
Áo nàng màu tím hoa sim

Ngày xưa
 đèn khuya
 bóng nhỏ
 Nàng vá cho chồng tấm áo
 ngày xưa...
 Một chiều rừng mưa
 Ba người anh từ chiến trường Đông Bắc
 Biết tin em gái mất
 trước tin em lấy chồng
 Gió sớm thu về rờn rợn nước sông
 Đưa em nhỏ lớn lên
 ngơ ngàng nhìn ảnh chị
 Khi gió sớm thu về cỏ vàng chân mộ chí.
 Chiều hành quân
 Qua những đôi sim
 những đôi hoa sim dài trong chiều không hết
 Màu tím hoa sim
 tím chiều hoang viễn biệt
 Nhìn áo rách vai
 Tôi hát
 trong màu hoa
 (Áo anh sứt chỉ đường tà
 Vợ anh đã mất, mẹ già chưa khâu...).

1949

Lời bình

Có thể coi *Màu tím hoa sim* là bài thơ tình của những năm kháng chiến chống Pháp.

Bài thơ là những lời đau đớn, thống thiết của một nỗi mất mát không bù đắp nổi.

Người vợ mà trong bài thơ Hữu Loan đề cập đến, là kết quả của một tình yêu mà anh yêu "như tình yêu em gái" để rồi sau này thành vợ chồng. Đọc kĩ bài thơ ta thấy tác giả không những rất mực yêu vợ mà còn gắn bó rất mật thiết với gia đình nhà vợ. Viết về những người trong gia đình với ai, anh cũng có những lời đầy yêu mến, kính trọng :

*Nàng có ba người anh đi bộ đội
Những em nàng
Có em chưa biết nói
Khi tóc nàng xanh xanh.*

Thật là triu mến, thật thân thiết. Với mẹ vợ, với má, thì anh coi như thể mẹ đẻ ra mình. Anh xa xót với hình bóng mẹ vợ ngồi khóc con gái bên mộ, xa xót khi mà bình hoa ngày cưới lại chính là chiếc bát hương bữa nay :

*Tôi về
Không gặp nàng
Má tôi ngồi bên mộ con đầy bóng tối
Chiếc bình hoa ngày cưới
thành bình hương
tàn lạnh vây quanh.*

Cấu trúc bài thơ theo lối trần thuật, kể lể hết điều này sang điều khác, tưởng như không cô đọng, tập trung ở việc khóc người yêu. Nhưng không phải, việc nói đến những người xung quanh, thân thiết còn đầy cả, mà người vợ trẻ, người yêu của mình thì lại không còn nữa, đó mới là điều đau đớn khôn cùng. Hơn nữa lại là một nghịch cảnh. Người đi bộ đội, xông pha trận mạc lại không sao, mà người vợ trẻ, vốn mỗi mòn ở nhà với những nỗi chờ đợi triền miên, ai ngờ lại chuốc thêm những khổ đau, bất hạnh.

*Lấy chồng đời chiến binh
mấy người đi trở lại
Lỡ khi mình không về
thì thương
người vợ chờ
bé bỏng chiều quê
Nhưng không chết
Người trai khói lửa
Mà chết
Người gái nhỏ hậu phương.*

Câu thơ xa xót, nghẹn ngào, tím tái, nảy ra từ nguồn đau quần quại tự đáy lòng.

Những hình ảnh về người vợ yêu chỉ thoáng gợi, song đều là những kỉ niệm không bao giờ quên :

Một ngày cưới thật khác thường của cô gái hậu phương với người lính chiến :

*Ngày hợp hôn
nàng không đòi may áo mới
Tôi mặc đồ quân nhân
Đôi giấy đình
bết bùn đất hành quân
Nàng cười xinh xinh
bên anh chống độc đao.*

*Tôi ở đơn vị về
cười nhau xong là đi...*

Một người vợ còn rất trẻ, và chắc cũng có những chút khát khao, lãng mạn, sống với những gì thơ mộng :

*Tóc nàng xanh xanh
ngắn chưa đầy búi...
Ngày xưa nàng yêu hoa sim tím
Áo nàng màu tím hoa sim...*

Rồi người lính lại ra đi chiến đấu. Và cái hình bóng những đôi hoa sim, nơi có ngôi mộ người thân của mình làm sao mà quên nổi. Câu thơ kết thúc như một hình ảnh triền miên, ám ảnh, dai dẳng nỗi đau không thể nào quên :

*Chiều hành quân
qua những đôi sim
những đôi hoa sim dài trong chiều không hết
Màu tím hoa sim
tím chiều hoang biền biệt.*

Thật đầy ấn tượng. Câu thơ tượng trưng gói ghém, cô đọng, truyền cảm mạnh mẽ. Bởi vì trong những đôi hoa sim ấy đã có một người yêu hoa sim tím, mặc áo hoa tím, chết tuổi đang thì, trong xa cách, đứt đoạn với hạnh phúc mà nàng đang chờ đợi.

Bài thơ chìm đắm trong mất mát, đau xót, không sa vào kết thúc có hậu hoặc những hứa hẹn như những bài thơ tình khác (nhiều bài cũng khá nổi tiếng trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ sau này), có người còn cho là suốt ruột, người viết sa vào uỷ mị...

Nhưng đâu phải thế. Người nào đã biết yêu thương những người thân của mình hết mức, đau hết nỗi đau, thì người ấy khi cầm súng ra trận sẽ biết phải làm gì !

NGÔ VĂN PHÚ

Bế Thành Long

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Bế Thành Long. Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1938. Quê quán : thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Cổ may (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng truyện ngắn hay năm 1988 của Tạp chí Văn nghệ quân đội.

Thảo nguyên xanh

*T*hảo nguyên xanh

Nơi ấy

Con bò không biết mình đường bệ

Đeo bầu vú nặng

Theo bầy chúc mũi nó đi nghiêng

Gặm vào mênh mông

Bầu trời - khoảng trống

Cái mênh mông ở dưới vai em

Và cô gái chăn bò vô tình chống nạnh

Thảo nguyên cứ thế đứng dương xanh

Lời bình

Hình tượng con bò được khuếch đại một cách cố ý : "đường bệ", "đeo bầu vú nặng", và nhất là :

Gặm vào mênh mông

Bầu trời - khoảng trống

Từ đó, người đọc có một cảm giác về sự bao la của thảo nguyên xanh.

Nhưng bài thơ không nhằm ca ngợi thảo nguyên, mà nhằm mục đích chính là ca ngợi con người. Tất cả là sự mệnh mông, bao la của thảo nguyên ấy cũng vẫn "ở dưới vai em" - "cô gái chăn bò vô tình chống nạnh".

Và tư thế của con người vươn lên cao hơn tất cả, nổi bật trên nền thảo nguyên xanh.

BẾ KIẾN QUỐC

Hư không

... Về trong mộng
Mái chèo nước đục
Bãi bờ khô xác gió hoa lau...

Em chẳng nói gì
Ta cũng chẳng nói gì
Đất nhẹ nở đầy hoa cúc dại
Hương thơm khắc khổ vậy ư ?
Em có dịu dàng nữa đâu mà anh đợi
Em về thoáng nhẹ
Áo trắng ngày xưa lạnh mỏng manh

Đừng hỏi em
Anh biết - đừng hỏi em
Tay nắm bắt vô cùng trắng sáng nhạt
Bãi bờ khô xác gió hoa lau...

Lời bình

Bao nhiêu lần tôi thử tìm cách để đi vào cõi "hư không" của Bế Thành Long nhưng hầu như không được. Có một cái gì đó như một đạo bùa chú

làm lạc nẻo người đi. Không hiểu được vì sao lại có câu thơ này :

Em có dịu dàng nữa đâu mà anh đợi

Còn tất cả, tuy là "trong mộng", trong "hư không", nhưng vẫn thấy lấp loáng, thấp thoáng, lảng đãng bóng hình một nam, một nữ ở một dòng sông trong ánh trăng ma quái "vô cùng trắng sáng nhạt" và một không gian héo quắt, kiệt cùng :

Bãi bờ khô xác gió hoa lau...

Phảng phất đâu đây là "hương thơm khắc khổ" của hoa cúc dại. Hai người đó chẳng nói gì.

Vâng, chúng ta còn biết nói gì hơn là lặng lẽ lùi xa để cho họ gặp nhau trong mộng ảo chốn hư không... Nhưng dù sao thì... "Bãi bờ khô xác gió hoa lau..." vẫn cứ làm ta ám ảnh...

VŨ NHO

Dương Khâu Luông

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Dương Văn Phong. Sinh năm 1964.

Quê quán : xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Gọi bò về chuồng (thơ, 2003) ; *Dám kha cần ngắm điep* (thơ tiếng Tày, 2005) ;
Bản mùa cốm (thơ, 2006) ; *Bắt cá ở sông quê* (thơ, 2006).

Giải thưởng văn học :

Giải nhì cuộc thi thơ của Báo Thiếu niên tiền phong, 2001 ; Giải B (không có giải A) của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 2003 (tập thơ *Gọi bò về chuồng*) và 2007 (tập thơ *Bắt cá ở sông quê*).

Đến Cao Bằng

Đường lên Cao Bằng

Như đưa ta về xứ lạ

Đưa ta tới xứ mây

Đưa ta đến nơi chưa từng đến

Đến Cao Bằng càng thêm yêu mến

Gạo trắng

Nước trong.

Càng thêm yêu
Sông Hiến
Sông Bằng
Biết làm duyên
Lượn vòng quanh núi.

Càng thêm yêu
Cầu Thén
Tiếng Lượn
Như mật ong
Ngọt lịm
Cả trẻ, già đều say.

Lên Cao Bằng
Mới thấy núi thật cao
Người đi như chạm vào mây trắng
Mới thấy lửa Cao Bằng
Củi nghiêng reo thật ấm.

Lên Cao Bằng
Khách lạ
Hoá người thân.

Lời bình

Đến Cao Bằng là một cách nghĩ, cách nói, cách tư duy và tấm lòng người Tày, của núi rừng. Bao trùm bài thơ là niềm tự hào, yêu mến. Nhan đề bài

thơ như đã xác định một tâm thế cho cả người đọc và người viết. Xúc cảm trong bài thơ chỉ giản đơn bắt nguồn từ một sự kiện : đến Cao Bằng, nhưng từ đó con người lắng nghe con tim xao xuyến, niềm mến yêu trào dâng.

Mỗi câu thơ như một lời hát reo vang vui thích, ngợi ca xứ sở Cao Bằng, non nước Cao Bằng và đặc biệt là cuộc sống, là con người Cao Bằng, say sưa hoà nhịp cùng thiên nhiên :

/ Đến Cao Bằng càng thêm yêu mến

Gạo trắng

Nước trong.

Và cứ thế, từng hình ảnh mở ra mang theo những tình thương mến, sự hiếu khách, tình cảm nồng hậu của núi rừng mát lạnh, ngọt ngào. Ở đó, con người miền núi phóng khoáng, nồng nàn, giản dị.

Người đọc như được hoà vào cuộc sống thiên nhiên, ung dung tự tại, tận hưởng cảm giác thoải mái giữa một nơi đẹp như trong mơ, lung linh sống động. Cái tưởng như đã quen thuộc trở nên mới lạ, đem đến những cảm xúc bay bổng. Địa danh Cao Bằng được nhắc đi nhắc lại năm lần cùng với tên những con sông, ngọn núi, như muốn hát vang khắp đại ngàn về một tình yêu tha thiết, một niềm tự hào không giấu nổi. Những điệp khúc trong bài thơ tác động mạnh vào tình cảm của người đọc, người nghe, như thôi thúc bước chân con người tới xứ mây trắng, gạo trắng, nước trong ấy, dù chỉ một lần.

Lên Cao Bằng

Mới thấy núi thật cao

Người đi như chạm vào mây trắng

Mới thấy lửa Cao Bằng

Củi nghiêng reo thật ầm.

Tứ thơ rất đẹp, khiến người đọc bị ấn tượng mạnh mẽ từ trực giác cảm nhận. Cách dùng hình ảnh người đi như chạm được vào mây trắng kéo người đọc lại gần với miền quê Cao Bằng, với non nước, với những sông Hiến, sông Bằng, núi lượn vòng quanh, với câu Then, tiếng Lượn... Khách lạ hoá người thân, những gì tưởng như xa xôi, những nơi chưa bao giờ đặt chân đến

lại thành gần gũi, ấm áp, lại thiết tha, mê đắm lòng người. Mở đầu bài thơ là hình ảnh con đường đưa người đọc về xứ lạ - xứ mây, đến khi đã lên tới nơi, con người chạm được vào xứ mây ấy - chạm đến cái hồn cốt của non nước Cao Bằng, miễn sao con người có tấm lòng chân thành, yêu mến. Đọc cả bài thơ, sẽ nhận ra Dương Khâu Luông đã đi hết cái sắc trắng tinh khôi của đất trời (mây trắng, nước sông trắng), của sinh hoạt con người (gạo trắng) để rồi kết thúc, dừng lại ở cái sắc trắng trong, mát lành mà ấm áp của tình người Cao Bằng.

Bài thơ là một điệp khúc, nhịp nhàng cân đối. Vần điệu, âm thanh, sắc màu, hình ảnh... đều là của núi rừng, gần gũi, thân thương...

ĐỖ THU HUYỀN

Nghe tiếng chim ở Tài Hồ Sìn

Qua đèo Tài Hồ Sìn

Nghe tiếng chim lạnh lốt trong vòm cây

Chợt nhớ nơi đây

Một ngày

Thời có giặc

Con đèo oằn tiếng khóc

Tao tác chim bay.

Bây giờ quá khứ lùi xa

Chỉ một điều mong ước

Nơi nơi trên trái đất

Rừng mãi mãi xanh

Trẻ con chơi cùng tiếng chim

Lời bình

Chiến tranh đã lùi xa nhưng những kí ức về nó vẫn còn dai dẳng. Nhớ về những mất mát, những khói lửa, những đau thương ấy để biết trân trọng, gìn giữ cuộc sống hoà bình hôm nay. Dương Khâu Luông - một con người luôn mến yêu cuộc sống, nâng niu từng đóa hoa, tiếng chim, ngọn gió của núi rừng, đã thể hiện một cách chân thành của mình khi đến Tài Hồ Sìn, con đèo một thời ghi dấu ấn của bom đạn chiến tranh.

Mỗi bài thơ của anh là một khoảnh khắc của tâm trạng, của nghĩ suy, đôi khi chỉ là của những rung động, của niềm vui chợt đến. Cái "bất chợt", ngẫu hứng trong thơ anh nói được nhiều điều. *Nghe tiếng chim ở Tài Hồ Sìn* cũng thế. Nó là khoảng dừng chân khi bắt gặp tiếng chim lãnh lót. Để rồi quá khứ - hiện tại đan xen vào nhau, khác xa nhau nhiều lắm nhưng cùng trở về trong một bức tranh thiên nhiên - tâm trạng :

Chợt nhớ nơi đây

Một ngày

Thời có giặc

Con đèo oằn tiếng khóc

Tao tác chim bay.

Đối lập với

tiếng chim hót lãnh lót trong vòm cây

Cái tài tình, cái khéo léo không hề chủ định trước cũng là ở đó. Hai hình ảnh - hai nét chấm phá nhỏ nhưng tạc dựng bức tranh với đầy đủ hình khối, âm thanh, sự kiện. Con đèo Tài Hồ Sìn là nhân chứng của chiến tranh, là nạn nhân gánh chịu đau thương, ngày ấy oằn mình than khóc, tao tác chim bay. Cũng con đèo ấy - dấu nối của thời gian - bây giờ lãnh lót tiếng chim ca, núi rừng chung vui cuộc sống thanh bình. Điều giản dị đến thế nhưng khiến nhà thơ xúc động, và người đọc mỗi lần đọc lại một lần lắng mình cảm nhận cái ước mơ về cuộc sống thanh bình, trước hết là cho trẻ thơ :

Nơi nơi trên trái đất

Rừng mãi mãi xanh

Trẻ con chơi cùng tiếng chim

Điểm đáng chú ý ở đây là sự thay đổi tính chất của những hình ảnh thơ. Bài thơ sáng lên một nỗi lòng, một tấm chân tình, một khát khao bình dị. Cái "lạnh lót" khác hẳn cái "tao tác", loạn lạc ngày xưa. Đó không chỉ là sự gợi nhớ mà còn là nhắc nhở những con người hiện tại : con người, thiên nhiên, cây cỏ xưa... gánh chịu đau thương cho cuộc sống thanh bình ngày nay, núi rừng vang tiếng chim ca, rặng ngời sắc xanh tươi mát, nơi nơi trên trái đất thấm nụ cười trẻ thơ... Đó cũng là ước mơ, khát vọng ngàn đời của con người, cái thiện sẽ chiến thắng, bình yên sẽ trở về và cuộc sống luôn ngập tràn tình yêu thương...

ĐỖ THU HUYỀN

Đoàn Lư

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Đoàn Lư. Sinh năm 1959. Quê quán : huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Miếng hiềm cuối cùng (truyện, 1995) ; *Trăng rừng* (truyện, 1996) ; *Kỉ niệm về một dòng sông* (truyện, 1997) ; *Tướng cướp hoàn lương* (truyện, 1997) ; *Mùa Khẩu Lam* (thơ, 1997) ; *Ngựa hoang lột xác* (truyện, 1998).

Giải thưởng văn học :

Giải ba văn học thiếu nhi trong cuộc thi "Vì tương lai đất nước" lần 2 (tập truyện *Kỉ niệm về một dòng sông*) ; Giải ba văn học thiếu nhi của NXB Kim Đồng, 1997 (tập truyện *Tướng cướp hoàn lương*).

Cõi già gạo

Bén bờ xuôi
Út ... búp ... xoà
Út ... búp ... xoà
Cõi già gạo
Giúp cả nhà
Suốt ngày đêm
Không ngơi nghỉ
Cõi thương chị
Bạn học bài
Thương em trai
Chăn trâu mệt
Cõi cũng biết
Bố bận nhiều
Mẹ sớm chiều
Chăm ruộng, rẫy
Cõi cũng thấy
Ông còng lưng
Đi run chân

Tay đã mỏi
Thương bà nội
Mắt đã nhòa...
Út ... búp ... xoà
Út ... búp ... xoà
Cối làm ra
Hạt gạo trắng
Dù trời nắng
Dù mưa ngâu
Mặc đêm thâu
Cối không nghỉ.

Cao Bằng, 1996

Lời bình

Trở về với đồng dao tức là trở về với hình thức đầu tiên của thơ ca dân gian. Bản chất của đồng dao là đặc tính hỗn nhiên : hỗn nhiên trong lời, trong hình ảnh, trong nhạc điệu ; hỗn nhiên mà lại chạm được vào mạch tâm hồn trong trẻo nhất của con người.

Bài thơ sử dụng nhịp 3, mỗi câu gồm 3 chữ nối nhau đi suốt toàn bài. Bắt đầu bài thơ là một câu mô phỏng tiếng và nhịp của cối giã gạo "Út ... búp ... xoà". Tiếng đầu là nhịp cối lên, tiếng hai nhịp cối xuống, tiếng ba là tiếng nước đổ vào máng cối. Sau đó các câu thơ cứ thế được mở ra. Hình ảnh cái cối được nhân hoá như một sinh thể hữu tình : thương chị, thương em, thương ông, thương bà nên suốt ngày đêm không quản nắng mưa làm ra gạo trắng. Cách nhân hoá này là thủ pháp thường thấy trong thơ thiếu nhi, nó rất phù hợp với khả năng hình dung và liên tưởng của trẻ thơ.

Bài thơ giản dị, dễ thuộc, dễ nhớ, tựa như một thứ đồ chơi xinh xắn và thân thuộc của các bé thơ miền núi. Còn đối với các bạn dưới xuôi, sẽ thấy lạ mắt lạ tai nữa kia !

VĂN GIÁ

Đinh Đăng Lượng

(*Dân tộc Mường*)

Tên khai sinh : Đinh Đăng Lượng. Sinh năm 1948. Quê quán : xã Dân Hạ, huyện Kì Sơn, tỉnh Hoà Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hội cồng mùa xuân (thơ, in chung, 1980) ; *Rừng sáng* (thơ, in chung, 1980) ; *Núi mọc trong mặt gương...*

Hội cồng mùa xuân

*Đồn đồn : ở chợ Phương Lâm
Đất mừng náo nức mùa xuân hội cồng
Nghìn con suối đổ về sông
Trăm mừng con gái xách cồng đua chen.*

*Chợ đông mắt cũng no nhìn
Bầm ơi, con gái quê mình đánh chiêng !
Lưng xanh, váy lĩnh, áo tròng
Trái đào, dây bạc, vòng trăm rung reng...*

*Bung bung... chiêng khó bay ngang
Boong boong... chiêng chót vút sang cuối trời
Chiêng khảm ngân giọng bồi hồi
Chiêng boong beng nói bao lời ước mong...*

*Theo người, chiêng đến với sông
Đến trong tiếng máy hoà âm sớm chiều
Đôi bờ ngô lúa đùa reo
Con đường uốn éo lượn theo tiếng cồng.*

*Chuyến dò vẫn một vòng cung
Sang ngang, uốn mãi tiếng cồng ngân nga
Bạn - người từ mãi nước Nga
Dừng xe, đứng cạnh Sông Đà nghe chiêng.*

*Nương xanh tiếng ngọc bay nghiêng
Lời vàng tươi mát khắp trên mặt bằng
Tiếng đàn lấy điệu thường rang
Lời nâng giọng ví em sang với người*

*Dàn chiêng tan hợp bao đời
Tiếng bay đi mãi, hôm nay trở về
Dấu mai mảy móc bộn bề
Dàn chiêng vẫn đợi vẫn nghe tay người.*

*Miệng em hát tay múa dùi
Tung lời chiêng gọi đất trời mùa xuân
Trái đào bên những mặt trăng
Sáng xuân về cả Phương Lâm với người.*

Phượng Lâm, 9 - 1977

Lời bình

Ở nước ta, nói đến văn hoá cổng chiêng thì chỉ có hai nơi là tiêu biểu : lễ hội cổng chiêng của dân tộc Mường ở Hoà Bình, và cổng chiêng như một khí nhạc kết hợp với trống trong các sinh hoạt lễ hội truyền thống của một số dân tộc vùng Tây Nguyên. Bài thơ *Hội cổng mùa xuân* nói về vẻ đẹp sinh hoạt lễ hội cổng chiêng của đồng bào dân tộc Mường ở thị xã Hoà Bình. Đây là một lễ hội có tự ngàn đời nay. Dàn cổng chiêng Mường vang lên như một dàn âm thanh với nhiều bè, mang nhiều âm sắc vang vọng núi rừng. Đó là một bản nhạc lớn vừa hùng vĩ, vừa bay bổng trữ tình. Qua đó con người muốn gửi gắm khát vọng về một đời sống yên lành, ấm no, hạnh phúc. Ba khổ thơ đầu của bài thơ khá thành công trong việc dựng lại khung cảnh náo nhiệt của ngày hội : vừa đông vui, vừa rộn ràng dàn nhạc cổng chiêng vang vọng. Đặc biệt, vẻ trẻ trung, thanh xuân của những người con gái Mường trong ngày hội được đặc tả trong câu thơ 6 - 8 này :

*Lung xanh, váy lĩnh, áo troàng
Trái đào, dây bạc, vòng trăm rung reng...*

Đây là câu thơ hay nhất trong bài. Chọn những hình ảnh thuộc trang phục nhằm phác hoạ là chủ yếu, cốt gợi ra được cái thần thái của hội xuân, câu thơ vượt ra khỏi sự liệt kê, miêu tả đơn thuần để thăng hoa, mang nhiều sức gợi...

Cả phần sau của bài thơ là sự suy tưởng tiếng cổng chiêng với mùa xuân, với công trình thuỷ điện Sông Đà - một biểu tượng của nền công nghiệp hiện đại và tình hữu nghị Việt - Xô. Đáng tiếc là thiếu vắng những câu thơ hay như đã có ở phần đầu. Ai đó thường nói : "Thơ lục bát vẫn là cả một thử thách đối với mọi tài thơ", kể cũng không ngoa !

VĂN GIÁ

Lưu Xuân Lý

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Lưu Xuân Lý. Sinh ngày 20 tháng 2 năm 1954. Quê quán : xã An Phú, huyện Mĩ Đức, tỉnh Hà Tây.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ đăng trên các báo trung ương và địa phương.

Những chiều đắp đổi

Mỗi con người ai cũng riêng quê
Lo giã giã bạn bè quê tôi giữ chốt
Thích văn chương, quê bạn tôi về viết
Chúng mình gặp nhau,
Những chuyến tàu xuôi - ngược
Người khác quê đắp đổi cho nhau !

Tân ngày xưa và cho đến mai sau
Người muôn thuở vẫn niềm khao khát ấy
Đường muôn ngã có một nơi tụ hội
Lại chia đi trăm ngã cuộc đời.

Con của núi tôi biết mũi Cà Mau
Trai miền xuôi bạn biết đầu Lũng Cú
Lên miền núi bạn là con của Mẹ
Về dưới xuôi, tôi có mẹ trăm miền.

Trong bộn bề và những lúc bình yên
Tổ quốc mình có bao chiều đắp đổi
Để chúng mình đều có những quê chung.

10-1986

Lời bình

Bài thơ nói về sự gặp gỡ của những con người, dù mỗi người mỗi quê, mỗi dân tộc khác nhau, phong tục tập quán cũng khác nhau, có khi ở cách xa nhau ngàn dặm, nhưng do công việc, do nhiệm vụ và do cả những sở thích riêng tư, những con người ấy từ mọi ngã về hội tụ một nơi, có "những chiều đắp đổi" cho nhau, có một quê chung, những quê chung. Rồi sau đó, có thể "Lại chia đi trăm ngã cuộc đời", mỗi người lại một nơi khác nhau, nhưng vẫn luôn nhớ về nhau, về "Những chiều đắp đổi" cho nhau. Ấu cũng là cái lẽ ở đời vậy.

LÒ NGÂN SỪN

Bùi Thị Tuyết Mai

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Bùi Thị Tuyết Mai. Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1971. Quê quán : xã Yên Trị, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Mưa trong nhà (thơ, 1998).

Mưa xuân

Lao xao

Rì rào

*Người con gái nào đang yêu mà không trăn trở
Những nụ hoa trong vườn mơ ngủ.*

Mưa xuân

*Câu thường của con trai Mường
Vọng sang vườn đào Mường Động
Lay cành lay búp nghiêng nghiêng.*

Mưa xuân

*Rơi xuống tàu lá chuối
Vội xuống lá dong
Biêng biêng núi chiều
Tết đang về Mường ta rậm rịch.*

Mưa xuân

*Thủ thỉ trên nương
Gọi hoa Ban nở đỏ
Và những hạt mầm hớn hở
Đất mềm.*

3-4-1998

Lời bình

Những cảm giác, những rạo rực nguyên sơ, nguyên bản (chưa bị văn minh hiện đại đánh bóng, làm lì) thức dậy trong những âm thanh, hình ảnh, qua những dạng thức của con người và thiên nhiên. Cả bài thơ động đập bằng những từ ngữ tươi tắn. Hãy xem :

*Những nụ hoa trong vườn mơ ngủ
... Lay cành lay búp nghiêng nghiêng
... Mưa xuân
Rơi xuống tàu lá chuối
Vội xuống lá dong...*

Vừa rõ ràng, dịu nhẹ lại vừa có gì không bình tĩnh, mơ hồ. Hồn thi sĩ của em gái chứ chưa phải tay nghề làm thơ đã làm cho địa danh "Mường Động" ngụ rất nhiều ý vị, và cái cảm giác như nhìn thấy, chạm được "Đất mềm". Hai từ "Đất mềm" băng khuâng buông xuống kết bài thơ gợi đôi mắt mở to trong veo của cô gái thi sĩ thật dễ thương biết mấy.

TRÚC THÔNG

Triệu Thị Mai

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Triệu Thị Mai. Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1957. Quê quán : xã Đào Ngạn, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ, văn đăng trên các báo trung ương và địa phương.

Ngọn lửa

*Nhóm lửa lên rồi
Người lại bỏ đi đâu
Để cho lửa cháy đầu sần em !*

*Nhóm lửa lên rồi
Người lại bỏ đi đâu
Để cho cây gạo đỏ bùng đầu thôn !*

*Ai nhóm lửa cho cây rừng kết trái
Mùa chín rồi người lại bỏ nơi đâu
Người vào rừng săn thú hái hoa
Hay đi uống nước nguồn miền xa
Mà lửa vẫn cháy bùng lên rất lạ !*

Lời bình

"Ngọn lửa" âm ỉ từ Đèo Giàng, Đèo Gió, Đèo Cao Bắc, Đèo Tài Hồ Sin rồi bùng cháy lên trên đồng cỏ Mộc Châu. Đó là ngọn lửa của một người đang yêu, đang cháy hết mình, khi "nhóm lửa lên rồi" nhưng "người lại bỏ đi đâu". Ngọn lửa ấy cháy lên như một câu hỏi ở trong lòng. Ngọn lửa ấy cháy lên sự đợi chờ, thấp thỏm, buồn nhớ, khát khao, hoài vọng.

*Mùa chín rồi người lại bỏ nơi đâu
... Mà lửa vẫn cháy bùng lên rất lạ !*

Đó là ngọn lửa của thơ ca cất lên từ cõi lòng của một người đang yêu.

LÒ NGÂN SỪN

La Quán Miên

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Quán Vi Miên. Sinh ngày 31 tháng 10 năm 1951. Quê quán : xã Châu Quang, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản :

Anh được về thăm (thơ, in chung, 1983) ; *Truyện cổ Thái* (1994) ; *Hai người trở về bản* (truyện và kí) ; *Bản quê yêu dấu* (thơ, 1996) ; *Vùng đất hoa Kờ Mạ* (truyện, 1997).

Giải thưởng văn học :

Giải khuyến khích Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 1997 (truyện *Vùng đất hoa Kờ Mạ*).

Bắp nướng

*B*ắp ngô nếp, nướng nguyên cả bẹ
Vị ngọt thơm đọng hết vào trong
Cái vị ngọt thơm tựa mật ong
Mẹ già Thái nướng mời lính trẻ.

*B*ắp mẹ nướng, mẹ ra rẫy bẻ
Mỗi bắp dài hơn một gang tay
Thú ngô nếp ngút ngàn nương rẫy
Mẹ nướng rồi, mẹ dúi vào tay.

*M*ẹ nói bằng tiếng Thái rất hay
Chúng tôi chỉ biết cười, không hiểu
Chắc mẹ nói, mẹ thương bộ đội
Mới lên rừng, lên núi xa xôi.

*C*húng tôi muốn nói nhiều cho mẹ hiểu, mẹ vui
Rằng lũ giặc tan rồi
Đất nước lo làm ăn, làm mặc
Chúng con về với núi, với đồi.

*R*ằng đất mênh mông, đất phải nuôi người
Mai chúng con sẽ vùng riu, phá rẫy
Bằng sức trẻ, mở ra vùng đất mới
Cho hạt mầm lên biếc dưới bàn tay.

Chúng con sẽ mời mẹ ăn bắp nướng như đêm nay.

5-1977

Lời bình

Lấy chuyện mẹ già Thái nướng bắp mời các anh lính trẻ để nói cái tình của người mẹ miền núi với những đứa con miền xuôi "về với núi, với đồi" sau ngày tan giặc giã, đây là một cách lựa chọn hay. Nhưng cái hay chính là nằm trong giọng kể rất bình dị mà ấm áp, sâu nặng tình người của tác giả. Bắt đầu là kể về cách nướng bắp : "Bắp ngô nếp, nướng nguyên cả bẹ". Nướng nguyên cả bẹ thì thơm ngon hơn là bóc bẹ rồi mới nướng. Nhưng không phải là ngô tẻ mà là ngô nếp. Ngô nếp ngon hơn ngô tẻ. Cái sự thơm ngon được tác giả lưu ý ngay từ đầu :

*Vị ngọt thơm đọng hết vào trong
Cái vị ngọt thơm tựa mật ong.*

Ấy chính là sự ngọt ngào thơm thảo của tình mẹ. Mà không phải đợi đến khi bắp nướng rồi mới nhận ra tình mẹ. Ngay cách mẹ chọn bắp cũng đã nói lên điều đó, đây là bắp tự tay "mẹ ra rẫy bẻ - Mỗi bắp dài hơn một gang tay". Nghĩa là mẹ đã chọn cho các con những bắp ngô to và ngon nhất trong rẫy của mình.

Bắp nướng đã ngon rồi, nhưng mẹ không "mời các con xơi" một cách khách sáo, mà "dúi vào tay", nghĩa là không thể từ chối được vì sự thân thiết gần gũi của tình mẹ. Người ta thường nói "Cho cho không bằng cách cho". Ở đây cả "của cho" lẫn "cách cho" của mẹ mới tuyệt diệu làm sao !

Chính vì thế mà dù không biết tiếng Thái của mẹ, những người lính vẫn thấy mẹ nói rất hay, và lập tức hiểu tận sâu xa tấm lòng của mẹ : "Chắc mẹ nói, mẹ thương bộ đội".

Bài thơ không dừng ở đấy. Những người lính cũng không khách sáo nói lời cảm ơn, mà muốn nói bằng cả tấm lòng mình với mẹ :

*Rằng đất mênh mông, đất phải nuôi người
Mai chúng con sẽ vùng riu, phá rẫy
Bằng sức trẻ, mở ra vùng đất mới
Cho hạt mầm lên biếc dưới bàn tay.*

Và câu kết khá đột ngột là cho tứ thơ bật lên một ân nghĩa với người mẹ miền núi : "Chúng con sẽ mời mẹ ăn bắp nướng như đêm nay".

Tình mẹ bình dị. Tình con bình dị. Giọng kể bình dị. Ngôn ngữ bình dị. Tất cả những điều bình dị ấy đã khiến bài thơ của La Quán Miên thấm vào lòng người đọc một tình cảm ấm và sâu.

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Nói chuyện với già làng

Già làng : Truyện cổ Thái từng kể
Nhà Tào sánh nhà Nàng
Cột lim kéo trâu đàn
Văng chò phải voi nhấc
Mỗi chân, thang mới hết
Đầu nhà nhìn cuối nhà
Bó đuốc bằng que lửa
Ngọn nển bằng đom đóm...

Tôi : Muốn xem nhà gấp trăm
Muốn ngắm nhà gấp nghìn
Già làng hãy về Vinh
Sừng sững như núi đá
Nhà mà không có mái
Cầu thang đi bên trong
Người đông như tổ ong
Cửa sổ không đếm hết

Tầng dưới sống với đất
Tầng trên sống với trời
Điện nhiều như sao rơi
Xuống treo cho người sáng...

Già Làng : Ô, khác chi thần thánh
Ài làm những ngôi nhà... ?

Tôi : Họ là người thợ xây
Trai tài và gái giỏi
Bóng họ nhìn nhỏ nhoi
Đi về trên giàn giáo
Dáng nhanh nhẹn làm sao
Bàn tay vẩy trên cao
Gọi những cần cầu tháp.

Những kíp, ca tấp nập
Cho nhà lên cao tầng
Tung hứng viên gạch hồng
Họ như là đang múa...

Tôi nhìn mắt Già làng
Già làng nhìn xuống núi...

Lời bình

Bà con đồng bào các dân tộc miền núi quanh năm ngày tháng chỉ quen với suối, với cây, với rừng, với nhà sàn... nghĩa là tất cả những gì thân thuộc trong môi trường sống của họ. Với những người chưa một lần đi xa, tầm mắt của họ không vượt qua ngọn cây cao đầu bản. Điều kiện sinh sống hạn chế, nếu có khát vọng đi xa để mở mang hiểu biết, không phải ai cũng thực hiện được. Thành ra, mỗi khi nghe kể chuyện dưới xuôi, nhất là đời sống đô thị, họ cảm thấy như có gì thật lạ lẫm. Họ đem cái vốn hiểu biết quen thuộc ngàn đời của mình để nhìn ra thế giới và đo ngấm thế giới. Ví như những ngôi nhà cao tầng chẳng hạn. Lâu nay tầm kích lớn nhất, đồ sộ nhất của ngôi nhà sàn cũng chỉ được đo bằng những gì mà họ quan sát được : cột phải trâu kéo, văng phải voi nhấc, cầu thang bước mỗi chân ; từ đầu nhà nhìn bó đuốc cuối nhà chỉ bằng que lửa, ngọn nển bằng con đom đóm... Thế nhưng xin thưa với già làng, so với nhà ở dưới xuôi thì ngôi nhà sàn ấy chưa nhằm nhò gì, nhà dưới xuôi to gấp trăm gấp nghìn lần kia. Nhân vật "tôi" miêu tả cho già làng nghe tầm vóc của ngôi nhà cao tầng ấy. Cách miêu tả ở đây không sa vào trừu tượng, mức đồ sộ của các chi tiết trong ngôi nhà đều được hình ảnh hoá rất cụ thể, sống động : nhà to như núi đá, cầu thang bên trong, người ở đông như tổ ong, cửa sổ không đếm xuể, tầng trên chạm trời... Phải nói rằng cách miêu tả này rất đặc trưng cho tư duy thiên về những hình tượng cụ thể của con người miền núi. Khi hình dung về thế giới, bao giờ họ cũng tìm ra cho kì được những hình ảnh ví von, so sánh, mà về được so sánh đều là những hình ảnh thân thuộc trong đời sống hằng ngày. Tư duy của họ trong bản chất là một lối *tư duy hình ảnh* về đời sống, rất gần với *tư duy thơ*.

Cái hay của toàn bộ bài thơ đã nằm ở nửa đầu của bài. Phần sau là phần ngợi ca con người và cuộc sống mới. Chúng không có gì đặc sắc và dễ lẫn vào những bài thơ tầm tầm khác. Cứu lại, được hai câu kết khá hay, có nhiều sức gợi : "Tôi nhìn mắt Già làng. Già làng nhìn xuống núi...". Sau câu chuyện giữa "Tôi" và Già làng, trong hình dung của cụ già có lẽ đã bắt đầu có một thế giới mới mẻ khác hẳn được mở ra. Và thế là cái khát vọng đi xa, khát vọng được hiểu biết cũng đã bắt đầu xuất hiện.

Bài thơ dung dị trong mạch đối thoại giữa hai nhân vật - hai nhân vật người miền núi, cách ăn nói ngấm ngấm rõ ràng là của người miền núi, không trộn lẫn được. Đây chính là thành công của nhà thơ. Nhà thơ đã phát biểu bằng thơ từ chính tiếng nói, tâm hồn của dân tộc mình. Cái đáng yêu của bài thơ đối với độc giả nói chung cũng được sinh ra từ đó.

VĂN GIÁ

Nhà tôi

Nhà tôi không ăn lúa đếm bông
Ăn kê đếm hạt
Ăn cá đếm xương
Trâu cọ sừng chuồng trâu dêm dêm
Ngày ngày
Nong tằm phơi nắng...

Khách xa, xin chào ngoài cổng
Khách gần, chào ở chân thang
Mũ nón treo ở phía dưới
Túi bạc, túi vàng treo ở phía trên...

Chiếu mới, trái chiếu mới
Thảm hoa, trái thảm ngồi
Ăn trâu trong khay
Hút thuốc trong gói
Ăn gà, nhường đùi gà cho trẻ con
Ăn cá, dành đầu cá cho người già
Đừng dòm góc nhà
Mắt đen
Mắt đỏ
Nhà tôi mặc áo chàm là bố
Đội khăn "piêu" là mẹ...

Muốn xem mặt trời
Muốn "nhởi" với trăng
Ra sàn "Hạ khuống"

Ngoài ruộng - đừng bơi mớ
Trong bụng - đừng giấu chông
Muốn dệt con rồng - đến ngồi khung cửi...

Nhà tôi
Mái lá
Nhà sàn sườn núi
Ngói đỏ
Tường cao
Điện sáng
Cũng nhà tôi.

Chiềng Đôn, 6-1996

Lời bình

La Quán Miên đã mượn chuyện "nhà tôi" để nói về phong tục mang tính truyền thống của dân tộc Thái. Tác giả đã tỏ ra rất am hiểu và miêu tả khá kĩ với một niềm trân trọng, yêu quý những tập tục sinh hoạt của dân tộc mình. Từ phong tục đón khách (chào hỏi, trải chiếu ngồi, ăn trầu, hút thuốc, mời cơm...) đến cách ăn mặc của cha của mẹ, từ nét tính tình hào phóng đến lòng ngay thẳng thật thà, từ đức tính hay làm hay làm đến tâm hồn lãng mạn biết làm ra tiếng hát lời ca... Có một chi tiết thuộc về phong tục có thật, không phải tác giả hư cấu nghệ thuật gì : trong bữa cơm mỗi khi có thịt gà, bao giờ đùi gà cũng dành cho trẻ nhỏ ; mỗi khi có cá bao giờ cũng dành đầu cá cho người già. Lòng kính già yêu trẻ như một nét đẹp trong truyền thống của người Thái đã lặn vào từng cử chỉ sinh hoạt thường ngày như vậy đấy.

Bức tranh phong tục bằng thơ của tác giả La Quán Miên là tình yêu anh dành cho quê hương ruột thịt của mình. Bài thơ còn là sự mách bảo cho những ai muốn biết thêm, muốn đến thăm các bản làng của đồng bào dân tộc Thái. Hãy đến rồi sẽ biết. Khi biết rồi sẽ yêu...

VĂN GIÁ

Pờ Sảo Mìn

(Dân tộc Pa-di)

Tên khai sinh : Pờ Seo Cáo. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1946. Quê quán : xã Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hoa trên núi (thơ, in chung - 1975) ; *Rừng sáng* (thơ, in chung - 1977) ; *Núi mọc trong mặt gương* (thơ, in chung - 1978) ; *Cây hai ngàn lá* (thơ, 1992) ; *Bài ca hoang dã* (thơ, 1995).

Giải thưởng văn học :

Giải khuyến khích cuộc thi thơ Báo Văn nghệ, 1982 (bài *Biển chằm trên núi*) ; Giải tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1993 (tập thơ *Cây hai ngàn lá*) ; Giải tư cuộc thi thơ báo Văn nghệ, 1996 (bài *Lời dân tộc tôi*) ; Giải tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1996 (tập thơ *Bài ca hoang dã*).

Cây ống khói*

Tôi kể về một cái cây
Không phải cây trên rừng
Tôi nói về cái cây
Không phải cây dưới biển
Tôi nói về cái cây là cây ống khói
Cây ống khói
Xây bằng gạch đỏ chói
Từ lòng đất chắc nịch
Như cây măng tháng năm

(*) Bài thơ đã được nhạc sĩ Trần Long Ẩn phổ nhạc.

Cây ống khói
Quả núi cao không bằng
Mười người ôm không hết
Cây ống khói
Làm việc suốt ngày đêm mãi miết
Cây ống khói
Xây bằng gạch đỏ chói
Tưởng nó khô và thô
Không ! Cây ống khói
Ấy là hơi thợ trẻ
Người trai Mèo lứa tuổi hai mươi
Cây ống khói chạm trời
Bàn tay người vượt thẳng
Suốt tháng năm... chỉ thở làn khói trắng.

Cây ống khói
Giống cái cây không lá không cành
Không ! Đây là cây đầy nhựa lá xanh
Sức sống người thợ
Tôi nói cây ống khói
Cây của tình yêu !

7-1972

Lời bình

Đó là một cái cây không lá không cành, một cái cây do bàn tay vượt thẳng mọc lên trơ trọi giữa trời xanh, toả ánh sáng đi khắp muôn nơi. Một cái cây mới nhìn vào tưởng là khô và thô vì nó phải chịu đựng một độ nóng khủng khiếp, tưởng chừng không chịu nổi, tưởng chừng không thể có sức sống, tưởng chừng không ai có thể gần được, tưởng chừng không còn gì là dịu mát và đáng yêu nữa, tưởng chừng... Nhưng chính đó lại là một chàng trai trẻ, khoẻ mạnh, đang lớn cao lên, vươn cánh tay với lấy cả trời xanh...

LÒ NGÂN SỪN

Cây hai ngàn lá*

"Lá cây rừng hãy cứ vì vu
Chẳng quản bão táp ngại gì mưa".
(Dân ca)

*Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Như cái cây hai ngàn chiếc lá*

*Ai nuôi ai hồi cái rễ cái cây
Ai yêu ai trong tình yêu thâm lặng
Cái tình yêu bé nhỏ trong cây
Rễ nuôi lá, lá nuôi cây cùng lớn*

*Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Một cây đứng trong muôn rừng cây đứng
Muốn hiểu ta đã qua chịu đựng
Thì cây ơi ! Ta sẽ hát đời mình*

*Thế kỉ nào ai gieo mầm trên đất
Để hôm nay cây lớn toả xum xuê
Con trai trần trong mặt trời nắng cháy
Ép đá xanh thành rượu uống hằng ngày
Con gái đẹp trong sương giá đông sang
Tước vỏ cây thêu áo đẹp năm tháng*

*Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Biết gọi gió, gọi mưa, gọi nắng
Chặn suối, ngăn sông, bắt nước ngược dòng
Ngô lúa cười reo tận sân trời đỏ
Ta dang tay gặt mùa hạnh phúc ấm no*

*Hồi trần gian
Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Như cái cây hai ngàn chiếc lá
Cạnh rừng già là rừng non trẻ đấy
Lá ơi !*

28-4-1983

(*) Bài thơ đã được nhạc sĩ Nguyễn Cường phổ nhạc.

Lời bình

Bài thơ hay không phụ thuộc vào lượng chữ, phụ thuộc vào những phát hiện, rung cảm và thông điệp mà thi sĩ đưa đến người đọc. Lại có bài thơ lúc nhập bài khá hay, độc đáo, nhưng phần còn lại chỉ là những kết cấu từ ngữ, hình ảnh... được tác giả "vạch đầu dòng trong đầu", bắt nó leo đèo theo sau những dòng kia (chín mươi phần trăm thi tứ đã được kết từ vài dòng đầu). *Cây hai ngàn lá* rơi vào tình cảnh : cái "thần" của bài bị hai dòng đầu tiên "ngốn" hết. Tuy vậy, nó vẫn là bài thơ hay. Thật lạ.

Nó hay, bởi lẽ nói đầy đủ những gì thi tứ đề ra. Cả bài là một thân thể hoàn chỉnh, xuyên suốt một tư duy biểu đạt. Lối dùng từ ngữ, hình tượng, đến cách nói ẩn dụ, ví von đều gắn gũi với dân tộc *Cây hai ngàn lá* quen dùng.

MA TRƯỜNG ĐÀ

Tiếng chim Péc kà*

(Tặng đồng bào miền xuôi
lên khai hoang miền núi)

*Giữa đồng cỏ hoang dại
Ta nghe tiếng chim ca
Péc kà ! Péc kà kà !
Ở rừng cỏ hoang vắng
Ở triền núi im lặng
Và đàn nhím trên mình khoang trắng
Hãy lui ra... vào rừng xanh, rừng già
Đất này là đất ta
Péc kà ! Péc kà kà !
Ngày với đêm
Tiếng "Péc kà" vọng đến chân trời
Đất hoang ơi ! Giấc ngủ dài*

(*) Péc kà : chim gõ.

Hãy cùng ta mau dậy
Đất phải trời cây hoa
Đất phải mọc cây quả
Núi phải cười ra lúa
Đồi phải thở ra ngô
Cho người
Năm ...
Tháng ...
Những ngôi nhà mọc lên
Liên với nhau thành làng, thành xóm
Péc kà ! Người người muôn màu áo
Péc kà ! Những đàn trâu chân sắt đỏ da
Và đồng ruộng ta khai phá hôm qua
Đất trả cho người những màu xanh kết trái
Xóm khai hoang đêm nay
Mấy đám cưới liên
Chú rể và cô dâu
Người miền xuôi miền ngược
Ở hai vùng đất nước
Tiếng nói và tiếng cười
Sáng trong ngọn đèn vui
Tiếng chim xa hát vọng
Péc kà ! ... Péc kà kà !

Lời bình

Tiếng chim "Péc kà ! Péc kà kà !" trở thành một điệp khúc trong suốt bài thơ. Nhà thơ đã truyền cho tiếng chim một sức mạnh kì diệu :

Péc kà ! Péc kà kà !
Ở rừng cỏ hoang vắng
Ở triền núi im lặng
Và đàn nhím trên mình khoang trắng
Hãy lui ra... vào rừng xanh, rừng già
Đất này là đất ta...

Tiếng chim có tác dụng tạo ra cả một cuộc sống mới no ấm, tươi vui :

*Đất phải trời cây hoa
Đất phải mọc cây quả
Núi phải cười ra lúa
Đôi phải thở ra ngô...*

Cách viết này kế thừa từ dân ca các dân tộc ít người. Nhưng, nói cho đúng ra, có phải sức mạnh kì diệu ấy là của tiếng chim Péc kà không ? Đó là do con người tạo ra.

Cuối cùng, bài thơ này chính là một bài thơ ca ngợi con người.

BỂ KIẾN QUỐC

Lời dân tộc tôi

*Nắng ban mai ta là con kiến cỏ
Giữa trưa hè ta đã hoá thành chim
Ta đứng lên thì đầu ta chạm trời
Ta ngồi xuống chân khua tới biển
Ta xuất hiện như trên trời rơi xuống
Ta ra đi tựa áng mây bay.
Ta chẳng có gì cái con người đen dũi
Suốt cuộc đời tìm kiếm thì ca
Và bỗng dưng ta giàu hơn tất cả
Khi ta nghĩ : Bầu trời và mặt đất cũng là ta.*

Đại Lai, 5-1994

Lời bình

Với những câu thơ có nhạc điệu trang trọng, tự hào, *Lời dân tộc tôi* thể hiện được tư thế mới mẻ của dân tộc tác giả, một dân tộc ít người, vốn từ xưa sống trong cảnh nghèo khó, tối tăm.

*Nắng ban mai ta là con kiến cỏ
Giữa trưa hè ta đã hoá thành chim.*

Không cần nói rõ, ai cũng biết rằng : có sự biến đổi bất ngờ ấy - là nhờ có cách mạng. Chính cách mạng đã mang tới cho các dân tộc thiểu số nước ta một cuộc đổi đời mạnh mẽ về mọi mặt.

Điều mới mẻ của bài thơ này là ở chỗ : cách mạng không những đem tới sự thay đổi từ bên ngoài, mà quan trọng hơn, đã tạo ra sự thay đổi từ bên trong - cách mạng tạo ra niềm tin vào khả năng của chính mình, tạo ra sự giác ngộ về những gì mà dân tộc mình có thể vươn tới. Toàn bộ bài thơ này phản ánh sự thay đổi từ bên trong ấy :

*Ta chẳng có gì cái con người đen đui
Suốt cuộc đời tìm kiếm thi ca
Và bỗng dưng ta giàu hơn tất cả
Khi ta nghĩ : Bầu trời và mặt đất cũng là ta.*

Có thể, chính vì đánh giá như vậy, Ban giám khảo cuộc thi thơ 1995 của Báo Văn nghệ đã trao giải thưởng cho bài thơ này của Pờ Sảo Mìn.

BẾ KIẾN QUỐC

Đoàn Ngọc Minh

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Đoàn Ngọc Minh. Sinh ngày 9 tháng 12 năm 1958. Quê quán : xóm Nà Cáp, phường Sông Hiến, thị xã Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Dòng sông kỉ niệm (1997).

Phiên chợ

Năm ngày chợ họp một phiên
Mây nâng bước chân
Gió nâng vạt áo
Đàn ông cầm khèn bước hối hả
Đàn bà áo chàm nhảy múa theo nhịp chân
Câu hát lượn lòng vòng chui vào khe núi
Phiên chợ quê tôi
Có rượu chum chắt từ đá núi
Có mật ong chắt từ hoa rừng
Có đắng cay của vạt ngô hái dở
Có trống trải của gió ngàn lấp mãi không đầy
Những vành ô khép nửa
Những dấu chân mòn bối rồi...

Chiều nắng đỏ
Day dứt câu sli già bạn
Con ngựa gỗ móng lên dèo
Lừng khừng nổi nhớ
Nặng nhật thần thờ gối ngọn cây.

Lời bình

Có thể xem *Phiên chợ* như một bức chân dung được phác thảo bằng mấy nét như thế này : đầu tiên là một nét ngang hơi hất lên trên tạo cảm

giác háo hức. Đó là 6 câu đầu. Tiếp đến là những dấu chấm đậm, dứt khoát và nặng nhọc. Đó là 7 câu tiếp theo. 5 câu cuối cùng là một nét sổ thẳng kéo dài, nhỏ và mảnh dần về phía cuối như một âm thanh ngân dài và mất hút tận đâu đó không định rõ.

Đây là chân dung của một người miền núi với cuộc sống nhọc nhằn : rượu chắt từ đá núi, vạt ngô hái ở đây đắng cay, gió ngàn và sự trống trải... Cuộc sống ấy đau đáu một niềm hi vọng đợi chờ ngày chợ phiên. Và năm ngày một lần, họ được :

*Mây nâng bước chân
Gió nâng vạt áo
... Câu hát lượn vòng ...*

Để rồi chiều xuống (cái điều chẳng ai mong ấy) phải : "Day dứt câu sli giã bạn" với những nỗi nhớ lừng khừng. Đó chẳng phải một nét sổ buồn hút hắt hay sao. "Ngựa gõ móng lên đèo" nghĩa là nhà người ấy ở trên cao lắm, vắng lắm. Song tôi lại thấy cái nét sổ buồn kia cứ kéo dài và mất hút về phía dưới. Có lẽ là bởi nỗi nhớ và hi vọng của họ cứ ở mãi nơi quán chợ đã thưa thớt người qua lại để chờ năm hôm nữa hay chăng ?...

LUƠNG NGỌC AN

Vũ Đình Minh

(Đàn tặc Xinh)

Tên khai sinh : Vũ Đình Minh. Sinh ngày 30 tháng 12 năm 1944. Quê quán : xã Tráng Việt, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tác phẩm đã xuất bản :

Lời từ đất (thơ, in chung, 1973) ; *Gió đông* (thơ, 1978) ; *Mưa trước cửa nhà* (thơ, 1982) ; *Trong mưa* (thơ, in chung, 1987) ; *Mưa tiếp ở thượng nguồn* (truyện ngắn, 1985) ; *Mùa cạn* (tiểu thuyết, 1988) ; *Trả giá cuối cùng* (tiểu thuyết, 1990) ; *Chiếc diều nằm trên cỏ* (truyện ngắn, 1997).

Giải thưởng văn học :

Giải A thơ Báo Người giáo viên nhân dân, 1974 (bài *Ý nghĩ ngày mưa*) ; Giải thưởng 5 năm văn học của Hội Văn nghệ Hà Nội (1981 - 1985) và (1985 - 1990) ; Giải ba cuộc thi truyện ngắn Tạp chí Văn nghệ quân đội, 1982 ; Giải ba cuộc thi truyện ngắn Báo Văn nghệ, 1984.

Ý nghĩ ngày mưa

(Tặng các em học sinh trường cấp 2 - 3
Nà Giàng, Cao Bằng)

*B*ản các em ở bên kia đèo
Ngày hai bạn các em leo dốc
Bài học đối bằng vô chùng khó nhọc
Trang vở dày theo những nắng mưa.

*Thấm lòng tôi những gương mặt trẻ thơ
Mỗi sớm dậy, mưa nhòa đèo Khau Cát
Các em tôi đang bước lầy bước trượt
Tôi ra vào như người thừa chân tay.*

*Chỉ có một quãng đường chim bay
Mà năm cây số đi về trên đỉnh đèo chất ngát
Học trò lớp tôi quen đi chân đất
Đường rêu trơn mòn móng bấm lên.*

*Có những chiều tôi sang với các em
Gà gáy dậy, tính đường em đến lớp
Các em đến với từng trang bài học
Chỉ có mỗi con đường này thôi.*

*Ở núi rừng những ngày mưa rất dai
Hạt mưa đập mái tranh nghe búa dĩa
Tôi tựa cửa đếm từng em một
Đang xuống đèo thấp thoáng khoảng rừng thưa.*

*Trống đánh bảy giờ vào lớp lúc đang mưa
Tôi lên lớp áo em nào cũng ướt
Mái tóc lấm, giở từng trang vở học
Tôi biết tôi không thể nói những lời thừa.*

Lời bình

Bài thơ vẽ ra trước mắt chúng ta : lớp học (mái tranh, vách liếp) - đèo dốc (Khau Cát cao chát ngất) - mưa gió (đường trơn, bước lầy, bước trượt) - ngày hai bạn các em đến lớp học, chỉ có một quãng đường chim bay mà phải đi bộ năm cây số trên một con đường độc đạo, mà là đi bằng chân đất, vào lớp em nào cũng ướt sũng vì mưa.

Ý nghĩ ngày mưa là một "Bài học đổi bằng vô chừng khó nhọc", đọc lên thật cảm động, thấm đẫm tình thầy trò. Tình thầy trò ở đây có vẻ như "đơn phương", các khổ thơ đều tuân tự : cảnh học trò đi học - ý nghĩ của thầy, tình thương của thầy... để rồi hành động : "Tôi ra vào như người thừa chân tay" ; "Tôi tựa cửa đếm từng em một" ; "Tôi biết tôi không thể nói những lời thừa". Đó là những câu thơ tác giả viết tự đáy lòng mình, nó là tâm trạng của một người thầy giáo từ miền xuôi lên dạy học ở miền núi vùng cao với bao tâm tư, suy nghĩ dày vò, lo làm sao cho các em học được chữ để "Trang vở dày theo những nắng mưa" mà người thầy thì cứ cảm thấy mình "như người thừa chân tay" để rồi lại tự xác định cho mình "không thể nói những lời thừa". Đó là chân lí trong Ý nghĩ ngày mưa.

LÒ NGÂN SỪN

Đoàn Hữu Nam

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Đoàn Hữu Nam. Sinh năm 1957. Quê quán : xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm, tỉnh Nam Hà.

Tác phẩm đã xuất bản :

Kiểm tìm (thơ) ; Đêm không em (thơ, 1994) ; Ý nguyện (truyện) ; Trường ca luân hồi (trường ca) ; Dưới chân núi chúa (truyện và kì).

Người vùng cao

Trâu ngựa dấu chân hổ cũng méo
Tốt với nhau ăn quả trứng không hết
Không tốt mổ trâu cũng không đủ
Nhìn mặt trời xuống núi đỏ như miếng tiết
Biết mặt trời trôi trắng sẽ mưa đá sấm rền
Đằng sau khó hạnh là bão tố
Đằng sau sấm đé là mùa màng
Đằng sau hội hè là làng bản
Đằng sau làng bản là vách đá âm thầm !
Vách đá như ngực những chàng trai
Căng ra hứng mưa hứng gió
Vách đá cùng những bắp tay cuộn cuộn
Đuổi giặc dã rồi nắng lại nhuộm cả tàu lau lá giang
Lí người vùng cao
Gỗ cong thợ phải thẳng
Sức mạnh hoặc lá ngón
Câu trả lời cuối cùng với những lòng dạ quanh co
Biết bao đêm âm thầm bên bếp lửa
Lấy lửa soi vào lòng người
Biết người tốt, người tài ngưỡng mộ
Biết kẻ xấu, kẻ ác coi thường
Đem lòng thương góp với người cùng khổ
Như góp nước tưới cây
Như góp hoa cho ong làm mật
Người vùng cao ở tít trên cao.

Lời bình

Bài thơ mang hơi thở, cốt cách của người vùng cao với bao thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên. Thử thách ấy đã hun đúc nên bản lĩnh khoẻ khoắn, trung thực, thẳng thắn của người vùng cao. Thử thách ấy đã giúp họ có thể phân biệt được sự tốt, xấu, thật, giả để có thể ứng xử, ứng phó với mọi biến cố do trời đất hoặc do chính con người gây ra. Tất cả đều được nhìn nhận, xem xét, giải quyết một cách sòng phẳng, công bằng theo cốt cách của người vùng cao. Mọi sự quanh co lòng dạ, lừa lọc dối trá đều bị lòi ra trước ánh sáng :

*Tốt với nhau ăn quả trứng không hết
Không tốt mổ trâu cũng không đủ*

LÒ NGÂN SỪN

Ngày mai là chợ Khâu Vai

*Ngày mai là chợ Khâu Vai
Đêm nay bao người Mông thấp thỏm
Tiếng từ quy khắc khoải
Gió trở mình rách nát ánh trăng xuống.
Chợ Khâu Vai !
Những người đàn ông không tìm nhau uống rượu
Những người đàn bà không nắm tay nhau đi chơi
Họ bỏ lại đằng sau vạt nương cày dở
Bỏ lại đằng sau trăn trở vui buồn
Bốn bức tường vây chẵn nỗi tư riêng
Mỗi người một con đường
Ngược tháng năm họ tìm về tuổi trẻ
Một quãng đời dang dở
Câu hát đối nửa chừng
Nốt khèn bè vỡ vụn
Được bồi hồi chấp lại
Chợ Khâu Vai.
Chợ Khâu Vai !*

Là ngọn gió thổi buốt lưng ta dẫu trước mặt vẫn
rực hồng bếp lửa
Là hòn than ủ trong lòng mỗi người khi tuyết xuống mùa tan
Là trống vắng xa xăm ta lấp mãi không đầy
Mỗi người đều giấu trong mình một chợ Khâu Vai
Để mà quên, mà nhớ.
Từ ngày nốt khèn bè đưa tôi với em về chung một tán ô
Tục lệ cha ông với chiếc giường nằm thừa đầu thừa chân
Duỗi ra là chạm đất
Hạnh phúc lớn lao, hạnh phúc chêngh vênh như con
đê rừng trên vách đá
Mấy chục năm vui buồn đi qua !
Ngày mai vợ chồng mình lướt qua nhau tìm về ngày xưa
Mỗi năm chỉ một lần thôi tán ô chờ dưới chợ
Đằng đằng một năm qua đi để có một ngày gặp gỡ
Một ngày đến để quên đi năm tháng riêng mình !
Rồi chiều cũng về !
Cũng day dứt tiếng đàn môi già bạn
Cũng ngây ngất cùng mặt trời xuống núi
Để lại sau mình quên, nhớ
Chợ Khâu Vai !

Lời bình

Chợ Khâu Vai là một chợ ở xã Khâu Vai, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang, mỗi năm họp một phiên vào ngày 27 tháng 3 âm lịch, tiếng địa phương gọi là "chợ Phong Lưu" (Phúng Lầu Cái). Đó là chợ của tình cảm, là nơi giao lưu tình cảm, giao lưu văn hoá ; là ngày vui của phong tục tập quán ; là ngày hội với biết bao kỉ niệm đẹp đẽ, thân thương, xa xôi mà gần gũi, kết nối quá khứ với hiện tại ; là quan hệ mở nhưng sâu kín, tế nhị. Đó là một ngày chợ độc đáo, mang tính nhân văn cao đã diễn ra bao đời nay, ngày càng đa dạng, phong phú, giàu có thêm, bởi "Mỗi người đều giấu trong mình một chợ Khâu Vai".

LÒ NGÂN SỬN

Nguyễn Lương Ngọc

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Lương Ngọc. Sinh năm 1958. Quê quán : xã Tòng Bạt, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây.

Tác phẩm đã xuất bản :

Từ nước (thơ, 1991) ; Ngày sinh lại (thơ, 1991).

Cơm mới

*Trong bếp gianh Ba Na già làng tung reo những hạt mới
Và từ bàn tay một cánh cổ thụ cóm ủa ngập miệng từng người
cháy tràn trên tóc từng người
Những đứa con của biển, của rừng, của núi, của sông
quây quần*

*Trong bếp gianh Ba Na
Trong những chén rượu cần
Trong thoang thoảng blong - khong⁽¹⁾ văng vẳng
Gỗ là nhạc, tay là nhạc, mây là nhạc
Cơm mới là nhạc
Nhạc của người của đất
Hãy cho ta lòng biết ơn
Hãy cho ta thành nước
Reo trong veo những mầm mạ dấy dà

Người ơi, Giàng ơi
Hãy cho con lòng biết ơn
Cho con được gieo trồng mùa màng
Ở đất đai của người, ân tình của Giàng.*

(1) *blong - khong* : nhạc cụ Ba Na - những thanh gỗ lớn liên kết bằng dây mây.

Lời bình

Tục cơm mới là một tín ngưỡng của người miền núi, cảm ơn trời đất và cầu nguyện đấng linh thiêng phù hộ cho mùa màng thịnh vượng. Từ lễ rắc cơm trong bếp gianh Ba Na của già làng, Nguyễn Lương Ngọc đã miêu tả một không khí thiêng liêng không kém gì lễ ban nước thánh ở nhà thờ :

*Trong bếp gianh Ba Na già làng tung reo những hạt mới
Và từ bàn tay một cánh cổ thụ cổm ủa ngập miệng từng người
chảy tràn trên tóc từng người*

Chính ở trong cái bếp gianh ấy, giác quan của nhà thơ không chỉ nghe ra tiếng nhạc từ các nhạc cụ, mà còn nghe được tiếng nhạc của tay, tiếng nhạc của mây. Và trên tất cả, anh nghe rất rõ ràng :

*Cơm mới là nhạc
Nhạc của người của đất*

Và cuối cùng là tiếng "kinh cầu" rất lạ lùng :

*Hãy cho ta thành nước
Reo trong veo những mầm mạ đầy đà.*

Thơ Nguyễn Lương Ngọc thường giữ lại những ám ảnh mạnh, trong một ngôn ngữ lấp lánh giàu biểu cảm. Ở bài thơ này, cấu trúc của anh như là không cấu trúc gì, nó cứ tuôn ra như một tiếng reo, một đợt sóng vỗ mãi những âm thanh dạt dào, xa dần, nhỏ dần, nhưng không biết rõ là nó dứt lúc nào. Đây là cuộc nguyện cầu tập thể, không chỉ riêng con người, mà có cả thiên nhiên và siêu nhiên nữa. Nhưng nó cũng rất cụ thể, đấy là niềm hạnh phúc và sự biết ơn.

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Bàng Sĩ Nguyên

(*Dân tộc Kinh*)

Tên khai sinh : Bàng Khởi Phụng. Sinh ngày 13 tháng 8 năm 1925. Quê quán : huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Tác phẩm đã xuất bản :

Mùa hoa trên núi (thơ, 1957) ; *Ban đầu* (thơ, 1959) ; *Ảnh thép* (thơ, 1961) ; *Trên mảnh đất của tình thương* (thơ, 1966) ; *Nay mình hái quả* (thơ, 1972) ; *Người con gái Bắc Sơn* (thơ, 1973) ; *Hồn nhiên* (thơ, 1979) ; *Niềm vui* (truyện ngắn) ; *Cô giáo Tây Tô Thị Rĩnh* (truyện dài) ; *Vợ chồng Triệu Giàu* (truyện) ; *Phá thác* (truyện ngắn) ; *Cảnh lộc non* (truyện ngắn).

Muối "may piệt"*

Xuống chợ ?

Xuống thì thật dễ

Địch dụ người xuống chợ xuống đồng :

Xuống chợ mua, thì được chén muối

Xuống xây đồn, muối đầy đấu dong

Nhưng, bước chân xuống chợ...

Tây nó lừa đi, bắt đắp ụ ca-nông.

Không, không xuống chợ !

Dù thằng Tây hãm muối

Mua cũng không mà đổi cũng không.

Đừng rời núi !

Dù búng da nhọt miệng

Mặt phù sưng hay nặng ống chân

Một lòng chịu hãm vây, trên núi

(*) Cây may piệt đốt lấy than chế thuốc súng, còn có phần chất mặn, ăn đỡ nhớ muối, nhưng không bổ.

Đốt cây mạy piệt làm tro than.
Than mạy piệt chế ra thuốc súng
Tro mạy piệt thay muối dờ xót lòng
Ta biết than mạy piệt có chất độc
Cho ta sức nổ giết thực dân
Tro mạy piệt ăn vào lâu hại sức
Mặc ! Thù giặc Tây, thịt da hoá sắt đồng.

Lời bình

Bài thơ *Muối mảy piệt* dựa trên một thực tế xa xưa : trước cách mạng và trong kháng chiến chống Pháp trước đây, đồng bào rất thiếu muối ăn. Kẻ địch thường dùng muối để khống chế đồng bào ta, buộc đồng bào theo chúng, chống lại cách mạng, chống lại Chính phủ cách mạng. Nhưng âm mưu của chúng đã thất bại. Đồng bào ta thà nhịn muối, chứ không xuống núi, không rời bỏ vùng căn cứ kháng chiến, không xuống chợ theo giặc.

Và, để tam thay thế hạt muối, đồng bào đã nhờ tới cây may piết.

Bài thơ đối lập một cái dễ và một cái khó : xuống chợ để có muối thì thật dễ ; không xuống chợ, ăn tro mảy piệt thay muối thì thật khó. Đồng bào đã chọn cái khó chứ kiên quyết không chọn cái dễ, vì "Thù giặc Tây, thịt da hoá sắt đồng".

Chỗ đặc sắc của bài thơ này là ở chính công dụng của cây mảy piệt. Than của nó dùng chế ra thuốc súng, còn tro của nó thì ăn thay muối đỡ xót lòng. Một cái cây mà đốt thành than làm thuốc súng, lại đốt than ra tro để giúp sức cầm súng giết giặc. Thật là kiên quyết ! Thật là triệt để ! Đã tới mức như thế thì lòng quyết tâm thắng giặc của đồng bào ta làm sao kẻ thù có thể lay chuyển được !

NGỌC CHUNG TỬ

Nay về đất cũ

*Nguyễn Bình ơi
Ta về bản cũ
Một sáng đầu xuân
Đỉnh nguồn nước lũ
Túp nhà chon von
Như chim làm tổ
Cheo leo trên cành
Sống như hoa dại
Giữa rừng non xanh*

*Nguyễn Bình ơi
Ta về bản cũ
Một chiều hè sang
Rừng xa tu hú
Kêu vàng lúa nương
Gió đưa sáo trúc
Điệu buồn quê hương*

*Nguyễn Bình ơi
Ta về bản cũ
Một xế thu vàng*

Bản nghèo đất cỗi
Núi mờ hơi lam
Người như mây nổi
Nổi đời lang thang

Nguyên Bình ơi
Ta về bản cũ
Một ngày cuối đông
Người không còn ở
Đi tìm đất trống
Bếp không đở lửa
Nhà không ấm cửa
Hỏi thăm ai được
Gió sương mịt mù

Nguyên Bình ơi
Nay về đất cũ
Chiều như chiều xưa
Con đường thân thuộc
Cũng sáo trúc đưa
Cũng chim tu hú
Sao vui bốn mùa ?

Mái rợp chân núi
Nhà cửa đông vui
Lùm cây toả bóng
Xum xuê cành hồi
Búp non ủ nắng
Cánh chè xếp đôi
Lưng cừu rải trắng
Trên nền cỏ xanh
Con cá mừng nhảy

Trên đồng thơm canh
Chim tha trộm lúa
Đánh rơi bông vàng
Con bê gọi mẹ
Nhìn tôi qua hàng

*Chân tôi bước nhẹ
Trên nẻo đường vui
Tình yêu đang thở
Qua tiếng đàn môi
Trong sân hợp tác
Râm ran nói cười...*

Lời bình

Bốn khổ đầu của bài thơ tập trung miêu tả cảnh buồn của Nguyên Bình, dù tới thăm vào "một sáng đầu xuân", hay "một chiều hè sang", "một xế thu vàng", "một ngày cuối đông"... Tóm lại là dù về thăm vào mùa nào, lúc nào, tác giả cũng thấy Nguyên Bình thật buồn. Tác giả sử dụng những câu thơ rất gợi cảm :

*- Sống như hoa dại
Giữa từng non xanh.
- Gió đưa sáo trúc
Điệu buồn quê hương.
- Người như mây nổi
Nổi đời lang thang.
- Bếp không đổ lửa
Nhà không ấm cửa
Hỏi thăm ai được
Gió sương mịt mù...*

Có những cảnh buồn như vậy, chính bởi đồng bào ở Nguyên Bình quen sống du canh du cư. Tiêu biểu và cô đọng nhất, là hai câu thơ nói về lối sống lạc hậu đó :

*Người như mây nổi
Nổi đời lang thang.*

Hai câu này phẳng phát nhạc điệu và hình tượng của thơ Đường ("phù vân du tử ý"...). Nhưng hai câu thơ bốn chữ, lại thêm cách tăng vần *ổi, ối* khiến cho âm hưởng càng gợi cảm hơn.

Phần sau của bài thơ miêu tả cái đẹp, cái vui của mảnh đất Nguyên Bình từ khi đồng bào về sống định canh định cư ở đồng bằng chân núi. Nhà thơ chọn lọc và đưa vào bài thơ rất nhiều hình ảnh đẹp :

*Mái rợp chân núi
Nhà cửa đông vui
Lùm cây toả bóng
Xum xuê cành hồi
Búp non ủ nắng...
Chim tha trộm lúa
Đánh rơi bông vàng...*

Chỉ với hình ảnh con chim đánh rơi bông lúa, ta cũng thấy được sự no ấm, thừa thãi của cuộc sống hôm nay.

NGỌC CHUNG TỬ

Cô gái dệt Mường Vang

*Xanh vàng đỏ vàng
Tơ dệt trên khung
Nhà em trong thung
Đẹp đồng Mường Vang.*

*Dầu nhà cành thơm
Hoe hoe bông nắng
Rụng trong cầu rơm
Rụng vào lòng máng
Em dệt giữa đêm
Thoi bay tới sáng.*

*Ánh hồng vừng trán
Hoa dệt bùng lên
Làn tóc em đen
Vương làn tơ rối*

Bông bính hoa nổi
Trôi trên biển chàm
Đỏ vàng xanh vàng
"Vườn hoa núi Cối"⁽¹⁾
Xanh vàng đỏ vàng
"Mộ nàng chúa Nguyệt"⁽²⁾
Tơ chàm em dệt
Vàng xanh đỏ vàng
Em càng xinh đẹp
Giữa đồng Mường Vang.

Này đây cành non
Mùa xuân rực rỡ
Hoa đào đầu ngõ
Hoa mơ giữa vườn
Hoa thêu giữa mường
Bóng em ngồi dệt.

Em dệt tình thương
Giữa ngày lúa trỗ
Thấy cơm Mường Vó
Thấy lúa Mường Vang
Gò nằng tơ ngang
Thoi cài tơ dọc
Vựa mùa lấm thóc
Rơi trên khung vàng.

Mường Vang, 1965

(1) Danh thắng có thật ở Hoà Bình, nơi cưới ngựa bắn cung trong tỉnh ca Mường.

(2) Công chúa Kinh kết duyên cùng Chúa Mường xưa, khi chết gửi xương tóc ở đất Mường trong tỉnh ca Mường. Nay còn danh thắng ở đồng Thành.

Lời bình

Nhà thơ tới Mường Vang, trong lòng đã ghi nhớ câu ca "Cơm Mường Vó - lúa Mường Vang", tức là đã có sẵn sự hiểu biết về đời sống no ấm của mảnh đất ấy. Tới nơi, lại được gặp một hình ảnh mới : cô gái ngồi bên khung cửi, dệt nên bao sản phẩm đẹp đẽ. Hai tiếng "Mường Vang" càng gợi thi hứng, và nhờ thế, bài thơ ra đời.

Cô gái ngồi dệt được mô tả rất đẹp :

*Làn tóc em đen
Vương làn tơ rối
Bồng bênh hoa nổi
Trôi trên biển chàm...*

Khung cảnh xung quanh cô gái đang ngồi dệt cũng được mô tả rất đẹp :

*Đầu nhà cảnh thơm
Hoe hoe bông nắng
Rụng trong cầu rơm
Rụng vào lòng máng...
Hoa đào đầu ngõ
Hoa mơ giữa vườn...*

Và, đẹp hơn cả là những sản phẩm do bàn tay cô gái tạo ra :

*Đỏ vàng xanh vàng
Vườn hoa núi cối
Xanh vàng đỏ vàng
Mộ nàng chúa Nguyệt
Tơ chàm em dệt
Vàng xanh đỏ vàng...*

Mấy câu thơ láy và đảo các màu *xanh - đỏ - vàng* vừa gợi nên một nhạc điệu thú vị, vừa gợi nên những sắc màu đẹp đẽ, phong phú...

Tác giả sử dụng lối thơ bốn chữ rất khéo léo : nhạc điệu sinh động, nhảy nhót, vui tươi...

ĐẶNG TRƯỜNG

Chợ Đồng Văn

*M*ã Pì Lèng xe lên theo vách đá
Nắng vàng pha màu núi đất Đồng Văn
Môi dóm nắng rải trên đường đá lát
Toả ấm vào từng đợt lá sa nhân

Vui với cảnh với người đổi mới
Vui quả dưa vàng cô gái dịu trên lưng
Nương dâu đã thay vườn hoa thuốc phiện
Dọc đường chen ngô lúa với kê vàng

Những bản Mèo tuyết bay trắng mái
Mùa xuân về đào nở dọc sườn non
Giữa nương rẫy chập chùng như gấm trải
Đường xe lên đã xoá lối đi mòn

Rộn những chuyến hàng về xuôi lên ngược
Muối, vải dầu đổi lấy nấm, măng
Đưa về tỉnh chè hương, mộc nhĩ
Nhận cuộc cày lên mở ruộng bậc thang

Chợ Đồng Văn sáng rực dưới sương mưa
Áo khoe sắc như ngày đầu năm mới
Chân ngựa thồ theo nhịp khèn đi tới
Dậu đầy ngô đổ ối cửa hàng cân.

Xuống chợ đường vui, xa mấy cũng gần
Cô gái Mèo từ cổng trời bước xuống
Trong mây gió, vấy thêu bay lượn
Chiếc ô hồng như một đoá hoa sen

Chuông đồng nhỏ ngựa rung quay nhịp bước
Giòng khèn về leo từng ruộng bậc thang
Khiến lũng xa cũng mơ về cảnh chợ
Chẳng cần phiên, vui khắp nẻo Hà Giang

Lời bình

Đồng Văn, Mã Pì Lèng... những cái tên ấy đã đi vào nhạc, vào thơ không chỉ một lần.

Phiên chợ vùng cao, với những màu sắc y phục rực rỡ, với tài nguyên sản vật độc đáo, phong phú, với tiếng chuông ngựa, với điệu khèn thiết tha... cũng hơn một lần đã đi vào nhạc, vào thơ.

Bài thơ này kết hợp cả hai điều đó lại trong một tổng thể : chợ Đồng Văn. Chúng ta đều biết rằng : Chợ là một nơi giao lưu, phản ánh đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của vùng cao.

Bài thơ viết về chợ Đồng Văn chính là bài thơ ca ngợi đời sống no ấm, hạnh phúc của người Đồng Văn.

Do đó, trong bài thơ, chúng ta được tác giả đưa lên cao nguyên Đồng Văn để từ trên cao ấy mà ngắm nhìn phong cảnh tuyệt đẹp của non sông đất nước :

*Những bản Mèo tuyết bay trắng mái
Mùa xuân về đào nở dọc sườn non
Giữa nương rẫy chập chùng như gấm trải
Đường xe lên đã xóa lối đi mòn...*

Và chúng ta cũng lại được hoà vào không khí tung bừng nhộn nhịp của một cái chợ vùng cao - chợ Đồng Văn, Hà Giang :

*Rộn những chuyển hàng về xuôi lên ngược
Muối, vãi dầu đổi lấy nắm, măng
Đưa về tỉnh chè hương, mộc nhĩ
Nhận cuộc cày lên mở ruộng bậc thang.*

Chỉ trong một đoạn thơ, ta đã thấy bao nhiêu là sản phẩm hàng hoá phong phú, cho biết về đời sống hôm nay của người dân vùng cao.

Chợ Đồng Văn hiện ra dưới ngòi bút nhà thơ như một mảnh đất kì diệu, thần tiên trên cao nguyên :

Chợ Đồng Văn sáng rực dưới sương mưa...

Và từ mảnh đất kì diệu thần tiên ấy, một cô gái Mèo xuất hiện - đẹp như trong mơ :

*Cô gái Mèo từ cổng trời bước xuống
Trong mây gió, váy thêu bay lượn
Chiếc ô hồng như một đoá hoa sen...*

ĐẶNG TRƯỜNG

Ma Trường Nguyên

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Ma Trường Nguyên. Sinh ngày 17 tháng 5 năm 1944. Quê quán : xã Phú Đình, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Tác phẩm đã xuất bản :

Mát xanh rừng cọ (trường ca, 1983) ; *Trái tim không ngủ* (thơ, 1988) ; *Mùi tên ám khói* (tiểu thuyết, 1991) ; *Gió hoang* (tiểu thuyết, 1992) ; *Tình xứ mây* (tiểu thuyết, 1993) ; *Trăng yêu* (tiểu thuyết, 1993) ; *Bến đời* (tiểu thuyết, 1995) ; *Rể người dài* (tiểu thuyết, 1996) ; *Tiếng lá rừng gọi đôi* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1996 (tiểu thuyết *Rể người dài*).

Em là riêng anh cùng mưa nắng

*Sáng em đi mặt trời vừa ngủ dậy
Chiều em về mặt trăng vừa lên
Em đón nắng ra đi đón trăng về lòng luyến
Trở lại phòng êm ả bình yên*

*Em là nắng là trăng anh thâm ví vậ
Mang đến cho anh ấm nóng dịu lành
Là nắng là trăng là của đất trời hết thấy
Với riêng em ấm mát với anh riêng*

*Em là ban ngày em là ban đêm
Là ngày tháng như đời anh nắm trái
Để anh có ánh nắng hồng, làn trăng êm ái
Cùng cả đêm giông, vắng trăng tàn
và mặt trời ngày mưa.*

Thái Nguyên, 1988

Lời bình

Nếu kĩ tính một chút sẽ nhận thấy rằng : ngày ngày mặt trời mọc dù chênh lệch thời gian giữa các mùa thì vẫn cứ là buổi sáng, vẫn cứ là vào một giờ nào đó nhất định. Còn buổi chiều không phải chiều nào cũng có trăng lên. Đầu tháng cố nhiên "Trăng lên trong lúc ban chiều" (Huy Cận), đến sau ngày rằm thì có cả một loạt những thời điểm khác nhau được đúc kết trong tục ngữ (sẩy giường chiếu, rằm trấu, đụn dịn, giấc tốt, nửa đêm...). Trong khi ấy nhà thơ viết :

Sáng em đi mặt trời vừa ngủ dậy

Chiều em về mặt trăng vừa lên

Sẽ có những buổi chiều bắt đầu từ sau nửa đêm...

Nhưng đây không phải là nhà thơ muốn lập thời gian biểu về thời khắc đi về của người thương, mà tác giả chỉ muốn nói đến sự đồng hành của mặt trời, mặt trăng, và hơn nữa ánh nắng, ánh trăng lồng lẩy, người thương đón về căn phòng tổ ấm "êm ả bình yên". Sang khổ thơ sau hoá ra "em là nắng (là mặt trời) là trăng". Nghĩa là trong mắt anh, người thương cũng là mặt trời ban ngày, mặt trăng buổi tối. Và như thế thì dù không có trăng của đất trời cũng có hể chi "Chiều em về mặt trăng vừa lên". Nói như cách nói của Chế Lan Viên trong *Tình ca ban mai* thì "Em về, tựa trăng lên".

Nhưng người thương với anh không chỉ có thế, không chỉ là nguồn sáng, không chỉ là nguồn năng lượng "ấm nóng, dịu lành", không chỉ là thời gian một ngày "Em là ban ngày em là ban đêm" mà còn là thời gian một đời với những vui buồn hạnh phúc khổ đau mà anh nếm trải. Với sự chân thành nhất, nhà thơ thấy mình giàu có không phải chỉ là nắng hồng, làn trăng êm ái, mà cả đêm giông, trăng tán và vắng mặt trời lịm tắt ngày mưa. Cách nói này làm tôi nhớ đến mấy câu thơ của Y Phương : "Em là mực trong ngòi là cơm trong nồi là gà gáy nhưng cũng là quả ớt" (*Em - cơn mưa rào - ngọn lửa*). Dĩ nhiên "Em là riêng anh cùng mưa nắng" và "với riêng anh", thì anh có quyền "vĩ" thế nào cũng được. Nhưng thơ hay là cái riêng ấy lại mang những nét khái quát của cái chung. Ma Trường Nguyên chung với Y Phương và chung với bao người bình thường yêu mến, tôn thờ phái đẹp.

VŨ NHO

Gọi em

*Anh muốn gọi em về bằng đường nắng.
Nắng cứ quấn quanh trong mây mờ
Anh muốn gọi em về bằng đường mưa
Mưa cứ lặng chìm trong khô nở
Anh muốn gọi em về bằng đường gió
Gió cứ uể oải trong thung lũng biếng lười
Đất trời
Em ơi !
Ngọt ngọt.
Anh vội lấy dùi da nai bọc
Đánh liên hồi
Vào tim anh làm công vang dội
Thành lời
Gọi em tới
Anh.*

Lời bình

Người đi gọi đã tìm đủ mọi phương cách nhưng thiên nhiên hờ hững vô tình đều từ chối. Có cảm giác "em" đã đi về một miền lắt lờ xa mà gió, nắng, mưa đều không muốn tới và không thể tới.

Anh rơi vào một không gian ngọt ngào không có gió, chẳng có mưa và không có nắng đã đành. Quanh anh hình như không còn ai ngoài cô đơn và ngọt ngào :

*Anh vội lấy dùi da nai bọc
Đánh liên hồi
Vào tim anh làm công vang dội
Thành lời
Gọi em...*

Tôi mạn phép tác giả thử bớt đi hai chữ "tới", "anh" để lời gọi âm vang hơn, ngân xa hơn... mặc dù hiểu rằng đặt chữ "anh" một mình sừng sững một dòng thơ như một cột mốc, như một ngọn đèn để người trở về có đích.

Ở đây có sự trộn lẫn thực và hư : "vội" là hành động thực ; cái "dùi da nai bọc" để đánh công là thực. "Đánh liên hồi" là thực. Nhưng khi đánh vào công - trái "tim" - thì thành ảo mất rồi.

Tôi tin khi trái tim máu thịt đem làm công thì tiếng vang của nó sẽ tới được người anh gọi. Cũng như khi Đankô móc trái tim làm ngọn đuốc thì đuốc cháy sáng ngời.

VŨ NHO

Lương Quy Nhân

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Lương Văn Phồn. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1926. Quê quán : xã Thâm Mòn, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Mất năm 1995.

Tác phẩm đã xuất bản :

Cán bộ với dân Mường (thơ, 1947) ; Hoa đang nở (thơ, 1947) ; Thơ Lương Quy Nhân (tuyển thơ, 1960) ; Biên giới lòng người (thơ, 1983) ; Hoa trời (thơ, 1987) ; Độ dày của tình yêu (thơ, 1994).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng thơ Tạp chí Văn nghệ quân đội.

Đất

Như nói : Chết đất chôn, sống đất nuôi
Không phải đất đào mai, trâu sa hố chết đứng
Đất cống nước, trăm thác không gãy
Đất gánh đá, gánh cát không quăn
Đất chín tầng vạn vạn cây mọc
Đất thành nôi, thành điệu muôn triệu người
Đất ủ, đất bế, lo nuôi súc vật nghìn bầy
Đất mở mắt thành gạo
Đất quỳ gối thành nhà
Đất cong lưng quỳ nhà sắt, nhà gang
Đất vòng xoắn thành nhà máy nhiều tầng
Đất lắc cổ thành sá cày
Đất ho thành nhất mai
Đất mặc áo mường mới thơm hơi
Đất dang tay thành đường lớn chẳng chịt
Đất mới được nói năng, giải cốt lột lưng
Đất lật mình toàn dân khỏe mạnh
Đất thi với trời, sống lâu muôn đời
Đất khoanh vòng, bọc lấy dân mường
Đất thành đai, biên giới cấm chắc
Đất bằng một sợi tóc cắt vuông, không buông
Đất bằng một hạt cát bể đôi, không nhường
Đất đất, nước nước, con người, con người !
Đất Việt Nam, nước Việt Nam,
con người Việt Nam quý yêu muôn phần.

Lời bình

Ngay từ xưa cho đến nay, rất nhiều nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ thuật đã viết về đất. Nhưng đến bài *Đất* của Lương Quy Nhân, nhiều người vẫn có thể giật mình vì nhà thơ tài hoa của dân tộc Thái này vẫn tìm ra cái mới. Trước Lương Quy Nhân, người ta viết về đất từ sự quan sát tinh tế của người viết. Nhưng dù tinh tế đến đâu đi nữa vẫn là sự tinh tế của người từ ngoài nhìn vào. Đằng này :

Như nói : Chết đất chôn, sống đất nuôi...

"Như nói", tức là "đất nói". Ở bài thơ, đất là chủ thể chứ không phải là khách thể. Sau dòng đầu xuất sắc, bảy tám dòng tiếp sau hay về âm thanh mà chưa thật kĩ về chọn hình ảnh. Nhưng tiếp sau đó trở về cuối, hình tượng nào cũng kì lạ :

*Đất lắc cổ thành sà cày
Đất ho thành nhát mai
Đất mặc áo mừng mời thơm hơi
Đất dang tay thành đường lớn chẳng chịt...*

Cả bài thơ như một hơi thở liên, ấm nóng, bốn chồn, nồng nàn. Cái tình ấy bắt đầu từ một nguyên cơ cụ thể : biên giới Tổ quốc bị đe dọa. Ấy chính là lí do tại sao tác giả lại tốn nhiều thì giờ lo nghĩ về đất đến vậy.

*Đất thành đai, biên giới cấm chắc
Đất bằng một sợi tóc cắt vuông, không buông
Đất bằng một hạt cát bẻ đôi, không nhường...*

Đây là một bài thơ hay về đất và một bài thơ hay viết về Tổ quốc.

PHẠM TIẾN DUẬT

Núi

*Núi cao, núi có chủ
Núi già, núi có râu đầy cầm
Núi có máu, có xương núi sống
Núi có mặt mũi, núi có đá vôi
Núi có ao có ruộng, thả cá và cấy lúa
Có thuốc quý, thuốc bổ đầy vách đầy khe
Núi nuôi người mạnh khỏe hồng hào
Núi chọc trời, gỗ trắc
Núi ép sát nhau, gỗ chò*

Núi trườn ruối, chống chất gỗ quý
 Núi chắn nước thành vực
 Núi xanh rờn dựng thang mây lên trời
 Núi ta đâu phải núi thường
 Núi có tay vươn tới trời xanh
 Một bước chân ngàn dặm vượt nhanh
 Núi chớp mắt thành mỏ muối
 Núi đổ mồ hôi thành mỏ gạo
 Núi ấp trong lòng mỏ sắt, mỏ gang, mỏ vàng,
 mỏ bạc
 Núi chống gậy, nước ngập trời
 Núi vung tay, dân mừng giàu mạnh
 Núi uốn lượn dong chơi
 Thi cùng trời ôm lấy Sông Đà, sông Cửu Long
 Núi phập phồng thở xuống thở lên
 Vận nước vững bền mãi mãi.

3-2-1979

Lời bình

Hồn nhiên là phẩm chất quý giá thuộc loại hàng đầu của thơ ca trữ tình. Đánh mất sự hồn nhiên thì y như con chim bị què cánh ; cả đến tiếng hót cũng không cất lên được.

Hầu hết các tác giả thuộc các dân tộc thiểu số đều có phẩm hạnh lớn là sự hồn nhiên. Lương Quy Nhân, qua bài thơ *Núi* của ông cũng thể hiện được điều đó

Núi cao núi có chủ.

Đây là dòng thứ nhất. Đọc thấy ngỡ ngơ. Thế chả nhẽ núi thấp thì không có chủ hay sao. Đọc thêm nữa mới hiểu rằng, núi thấp còn có thể có chủ, huống chi núi cao...

Núi già, núi có râu đầy cằm.

Cách nghĩ, đặc biệt là cách nói thật dí dỏm, hồn nhiên ; hồn nhiên như trẻ thơ. Trẻ thơ ngạc nhiên khi thấy con mèo mới đẻ đã ... có râu. Đăng này, nhìn núi thành nhìn người. Tuy nhiên, cái phần cằm của dòng thơ này không chỉ dừng lại ở sự hồn nhiên mà đã thấy có sự trầm ngâm ngẫm nghĩ. Phải ngẫm và từng trải lắm mới thấy được núi già. Từ ý tứ ấy, tác giả đưa ra một chuỗi hình tượng như một bức tranh hoành tráng về sự giàu có tiềm tàng và sự vững bền của giang sơn.

1998
PHẠM TIẾN DUẬT

Trần Thị Thu Nhiễm

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Trần Thị Thu Nhiễm. Sinh năm 1948. Quê quán : huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ đăng trên báo trung ương và địa phương.

Trên đồng cỏ

Ngày mai anh ấy đi rồi
Hôm nay trăng sáng, đi chơi
Hiếu rồi hoá nên lặng lẽ
Bên nhau không nói nửa lời

...Nhớ buổi chiều tan anh nghỉ
Đi qua chỉ gặp nhìn em
Nâng niu lọc từng ca sữa
Lạ lùng, anh hỏi làm quen

Em ngược nhìn lên lặng lẽ
"Chào anh ! giọng dịu dàng sao !
Anh biết nói gì thêm nữa
Ngoài chuyện cỏ đồi và trâu !"

Thế nhưng chúng mình cùng hiểu
Việc nào đẹp, phải không em !
Cỏ xanh ngoài đồng anh cấy
Cho sữa trâu về ngọt thêm

Mấy cô bạn trẻ đùa vui :
- "Hôm nay chắc đã quen rồi
Cứ về trông thêm núi cỏ
Bọn này sẽ giúp xe đôi" !

Ra về tiếng cười theo mãi
Trần trọc nhớ người lặng im
Chắc sợ anh đùa, xấu hổ
Hay thương mà má đỏ lên ?

Công việc ngoài đồng giục già
Anh say cỏ đẹp quên em
Sữa trâu nấu thành bánh lạ
Mãi làm có lúc quên anh !

Chiến sĩ thì đua ta đạt
Công nhân tiến tiến em giành

Thách thức thì đua hai tổ
Phần em : thay mặt chăn nuôi
Bên kia nhao nhao : đồng cỏ
Cử anh - rồi khúc khích cười !

Từ đó cả em, cả anh
Ngắm thi trong mỗi việc làm
Tháng nào em giành ưu tú
Hỏi thăm đều thấy có anh.

Hai đứa thì nhau làm việc
Không quên những tối liên hoan
Tiếng sáo của anh tha thiết
Quyện vào trong tiếng hát em...

Đảng gọi anh đi đánh Mĩ
Ngày mai ta tạm xa nhau
Dù có khó khăn em nhủ
Đôi ta vẫn ở hàng đầu !

Cả hai say sưa bàn bạc
Hôm nay tạm biệt quê hương
Ngày về chỉ lo bị lạc
Cỏ non xanh rợp nông trường

Trâu mọng trên đồi, no cỏ.
Sữa ngọt thêm nhiều đợi anh
Bảo Yên bây giờ trâu sữa
Đàn đàn, lũ lũ lớn nhanh

Anh cười nắm chặt tay em
Nhìn trăng đang đùa trong mắt
Cùng nghe cổ gọi ngày đêm
Chen nhau tràn ra kín đất...

Lời bình

Bài thơ kể về một đôi trai gái yêu nhau ở một nông trường miền núi trước lúc người con trai sắp phải đi xa theo tiếng gọi của Tổ quốc.

Câu chuyện tưởng sẽ xoay quanh việc người đi - kẻ ở, xao xuyến, bịn rịn, nhớ nhung, khóc lóc... Nhưng không phải thế, hai người toàn nói với nhau về chuyện sản xuất, làm ăn, chuyện chăn nuôi, trồng cỏ ở nông trường, và có lúc do mải thách thức, thi đua nhau làm việc mà quên cả việc "yêu nhau". Nói là "quên", nhưng thực ra có phải là quên đâu. Mà "quên" được như thế thì còn gì bằng.

Bài thơ nói về một tình yêu rất khoẻ, rất trẻ mà cũng rất nồng ấm. Tình yêu đôi lứa hoà quyện tình yêu lao động ; tình cảm riêng tư không tách rời tình yêu quê hương đất nước. Tình yêu cao đẹp đó không chỉ có ở chàng trai, cô gái trong bài thơ mà còn có ở hàng vạn thanh niên Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

LÒ NGÂN SÚN

Lò Cao Nhum

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Lò Cao Nhum. Sinh tháng 5 năm 1954. Quê quán : xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Giọt sao trở về (thơ, 1995) ; *Rượu núi* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải ba cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ quân đội, 1996 - 1997 (bài thơ *Rượu núi*).

Rượu núi

*Bạn đến
Mời ngồi xếp bằng giữa chiếu
Chiếu đan bằng tia mặt trời.*

*Bát rượu trắng rằm
Mong hồn vía bạn đừng thất lạc
Cầu cụ ông, cụ bà, cây si, cây đa
Gái bản nụ hoa, trai mường cây nghiêng
Ngựa bản tay cũng đa
Úp bản tay cũng thịt.*

*Rượu nhà tôi
U từ lá sắc rừng gai
Chắt từ củ mài hốc đá
Vợ tôi nấu thơm từ lửa đêm dài*

*Rượu nhà tôi
Có ngọt mật ong vách đá
Có chua măng ướp chum vò
Có cay củ ghen
Có đắng của em chống phải lòng chị dâu.*

*Rượu nhà tôi
Rượu buộc chỉ cổ tay
Thấp lửa tình chiêng, tình trống
Đã uống vắt kiệt chum mà uống
Đã say đổ tràn tình mà say.*

*Nào, bạn ơi
Cung bát cùng rẻo cao muôn đời
Chum bên ngọn núi
Giữa chiếu đan bằng tia mặt trời.*

Lời bình

Mở đầu bài thơ *Rượu núi* là mấy câu thơ giản dị theo kiểu mời khách đến nhà. Tác giả ngỏ lời rất mộc mạc, chân chất nhưng cũng biết lấy cái cố mời bạn để nói về thứ rượu rất riêng của bản mình. Bởi lẽ vừa là chủ nhà, Lò Cao Nhum vừa là nhà thơ. Từ hương vị của *Rượu núi* anh mở rộng biên độ để phát triển ý tưởng riêng mình và tạo được những câu thơ gần với ngôn ngữ, giàu sự đúc kết, cô đọng :

*Gái bần nụ hoa, trai mừng cây nghiêng
Ngửa bàn tay cũng da
Úp bàn tay cũng thịt*

Lò Cao Nhum giới thiệu về *Rượu núi* bằng những chi tiết thật, hình ảnh thật.

*Ủ từ lá sắc rừng gai.
Chắt từ củ mài hốc đá.
Vợ tôi nấu thơm từ lửa đêm dài.*

Tuy nhiên tác giả không dừng lại ở chi tiết, hình ảnh. Anh có những câu nói về cái "cay" cái "đắng" của rượu thật đột biến :

*Có cay của ghen
Có đắng của em chống phải lòng chị dâu*

Câu thơ hay không phải vì vần điệu mà vì sự liên tưởng gợi mở. Và sau khi đã giới thiệu cái men say của rượu núi, tác giả buông một câu mời thật hào phóng :

*Đã uống vắt kiệt chum mà uống
Đã say đổ tràn tình mà say.*

Ở đoạn kết của bài thơ, sức khái quát được nâng lên. Từ động tác uống rượu thường ngày tác giả viết :

*Cụng bát cùng rẻo cao muôn đời.
Chum bền ngọn núi.*

Câu thơ có sự dồn nén, hàm súc gợi cho người đọc những suy nghĩ về mối quan hệ thương yêu của bè bạn, chòm bạn xa gần. Toàn bộ bài *Rượu núi* được viết bằng bút pháp giản dị, giàu chất dân tộc. Phải chăng *Rượu núi* là thứ rượu chan chứa tình người, tình đời. Và chính những câu thơ hay trong bài cũng là men rượu chắt ra từ cuộc sống ?

Trong cuộc thi truyện ngắn và thơ năm 1996 do Tạp chí Văn nghệ Quân đội tổ chức - bài thơ *Rượu núi* đã giành được vị trí xứng đáng trong số các giải thưởng - thực sự là một đóng góp độc đáo cả về ý lẫn tình.

NGUYỄN ĐỨC MẬU

Áo chồng

Sàn đầu bản
Có thiếu phụ nhớ chồng
Trắng
Vô tình
Mặc sức sáng
Gió lay lay cây bương
Như ai thở dài
Bóng lá đậu mặt sàn cửa sổ
Chị gối đầu lên đệm bông lau
Núi nằm nghiêng dằng đông
Rồi
Núi nằm nghiêng dằng tây
Con trở giấc
Chị kéo vào vô vô
Rồi vươn dậy
Lấy áo chồng
Dịu dàng đắp ủ giấc mơ.

Lời bình

Bài thơ nói về nỗi niềm thương nhớ chồng của một người vợ : thấy trăng sáng trách trăng vô tình, nghe gió lay cây bương lại tưởng tiếng thở dài, đêm nằm con trở giấc chị kéo con vào sát mình vô vô... Đó là những cử chỉ, hành động thông thường của một người mẹ. Nhưng ở đây, lại có một cái gì đó như một bất ngờ được bật ra từ nỗi nhớ, nên chị mới liền "vuơn dậy" để :

Lấy áo chồng
Dịu dàng đắp ủ giấc mơ

Có cảm giác, cả một chuỗi dài dằng dẳng những ngày tháng nhớ nhung, đợi chờ đều được dồn tụ vào đây, vào sự "vuơn dậy", vào chiếc "áo chồng", vào sự "dịu dàng" để "đắp ủ giấc mơ" cho đứa con, cho cả sự nhớ nhung, đợi chờ ở hai đầu xa cách, biệt li.

LÒ NGÂN SỪN

Trở lại nhà sàn

Bước lên cầu thang
Kính cẩn mừng ông
Chắp tay thưa bố

*Nghiêng mắt chào vợ
Gặp dòng họ ủa về xao xuyến.*

*Lội khô mười con sông
Bước ướn nghìn cái dốc
Vẫn nhớ ngôi dưới chiếu
Tươi lời dịu mềm
Xanh mái tóc mây bông
Ngày rộng tháng dài tỏ lời của nắng
Chén nước không rung rinh
Nhưng chớ phải lặng tờ, lặng ngắt
Đi ngựa đi ngang
Đâu dám cho người quỳ ngược.*

*Trở lại nếp nhà sàn
Cái hôn gót chân con làm bố
Và cảm mũi đứng trước ông
Làm ngọn nến nghìn năm cháy đỏ.*

Lời bình

Tác giả chọn thời điểm "Trở lại nhà sàn" - cái thời điểm bao hàm nhiều ý nghĩa để triển khai mạch thơ của mình. Ở thời điểm ấy, như khổ đầu của bài thơ giới thiệu là một cách "trở lại" : giàu sắc thái biểu cảm và thấp thoáng "tuyên ngôn" một lối sống, nếp sống và khuôn phép ứng xử. Năm dòng thơ đầu được sắp xếp có thứ tự, lớp lang của lời kể nhưng lại là kết quả của sự lựa chọn ngôn từ rất tiêu biểu. Tác giả chưa nói - hay đúng hơn là không nói về mình, nhưng phẩm cách con người tác giả lại hiện lên rất rõ. Phải chăng đó chính là con người văn hoá của chính "nhà sàn" bước ra, con người của bước chân ngàn dặm vọng về ?

Vẫn là cách trở lại nhà sàn (hay nói rộng ra là trở lại bản làng, quê hương hàng yêu mến) - tác giả phát triển tứ thơ qua những ẩn dụ độc đáo :

- *Lội khô mười con sông*
- *Bước ướn nghìn cái dốc*
- *Đi ngựa đi ngang ...*

Cùng với những ẩn dụ ấy, con người trở lại "Vẫn nhớ ngôi dưới chiếu... Đâu dám cho người quỳ ngược...". Cái nghĩa thật của lời thơ đã sáng, và nghĩa tiềm ẩn hàm ngôn của bài thơ càng giá trị hơn ở sức gợi sâu xa, ở ý thức nhân bản đối với cội nguồn, truyền thống. Khổ thơ cuối bài tự bản thân nó có thể là một bài thơ, một thông điệp thẩm mỹ hoàn chỉnh, song đứng trong toàn bài nó lại có sức gợi mở, vừa có giá trị khẳng định sức sống trường tồn của cái đẹp, vừa giữ nhịp cho bài thơ chắc khoẻ như cái tình mộc mạc mà cháy đỏ nghìn năm !

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Bếp lửa nhà ta

Bếp lửa nhà ta là bếp của em
Ngọn lửa của anh ngày đi ở rể
Trộm nắm tay em hồi hộp thế
Lửa hồng hào chữa thẹn môi ta.
Mẹ bảo ngày mai đi cầm súng
Cứ sưởi đi củi chất bên rừng
Mẹ gửi củi lẫn vào sương giá
Nuôi bếp nhà khuya lửa chập chờn
Em bồn chồn em thương mẹ quá
Anh nôn nao biết ngả nào hơn
Ngày mai, ngày mai lên biên giới
Giá như gói được lửa đi cùng
Ôi bếp lửa nhà ta chật hẹp
Một khoang tròn ấm sáng nhà trong
Nơi đầu núi lửa reo tí tách
Cũng đủ tan băng giá biên phòng.

Lời bình

Cứ ngỡ *Bếp lửa nhà ta* là chuyện hằng ngày củi lửa, là chuyện bữa bữa sớm hôm ... "Bếp lửa nhà ta" ở đây "là bếp của em. Ngọn lửa của anh", là tình yêu kết tinh và nhen nhóm. Lửa được bùng lên từ cái nắm tay hồi hộp, lửa hồng còn xóa đi khoảng cách giữa hai người. Ngọn lửa ấy càng nồng, càng đượm khi "Mẹ gửi củi lẫn vào sương giá" - sự vun đắp góp sức và nhân lên.

Bài thơ đang có vẻ dàn trải bỗng chuyển sang một *biến tấu*. Ấy là sự hiện diện (lẫn vào sương giá) của hình ảnh mẹ. Từ *biến tấu* này, hình tượng "bếp lửa" được mở rộng hơn trong tình yêu bao la của mẹ, của mái ấm gia đình. Và cũng từ đây, cái *biến tấu* nhỏ được đẩy lên đỉnh điểm của sức lan tỏa : từ "bếp lửa nhà ta" sang "lửa reo tí tách" nơi đầu sóng ngọn gió, nơi xa cách điệp trùng. Mạch thơ cứ lan theo ngọn lửa, nhưng sự thực hình tượng ngọn lửa lại được chuyển nghĩa từ lúc nào !

Có một "bếp lửa nhà ta" trong đời, và có một "bếp lửa nhà ta" trong thơ - trong tâm tưởng của sức mạnh tin yêu và gắn bó. Có tình yêu, có sự gắn bó thiết tha và có lửa - điều đó vừa là hệ quả, vừa là lẽ sống thiêng liêng.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Hoàng Nó

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Cẩm Văn Lương. Sinh ngày 4 tháng 8 năm 1925. Quê quán :
Bản Kéo, xã Chiềng Ban, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Mất năm 2003.

Tác phẩm đã xuất bản :

Diễn ca khu tự trị (1954) ; *Lòng dân miền núi* (thơ, 1957) ; *Chị công nhân cầu đường*
(thơ, 1957) ; *Tiếng hát mừng hoa ban* (thơ, 1987) ; *Vượt Sông Đà* (hồi kí, 1993).

Tây Bắc - Tây Nguyên

Đôi ta chung dải núi liền nơi
Chung nước chung dải đất
Chung mừng tổ tiên xây đắp
Ông cha ta đã phá rừng lau thành ruộng
Phá núi giành thành bản
Chúng ta cùng lớn lên theo bích thóc cao bằng núi
Lớn theo cá dưới vực bể sâu
Cùng đắp chung nguồn thành mương
Giữ mường diệt giặc Pháp
Tơ đã dệt thành chăn
Điện Biên cùng rạng rỡ
Nhưng nay bị Mĩ - Diệm chia cắt
Nước nhà thành đôi ngã
Nam - Bắc phải xa nhau
Tây Nguyên rục khói lửa
Buôn tan hoang vắng người
Máu đào chảy khắp nơi
Chúng ta hai giống tre cùng gốc
Hai mắt cùng khuôn mặt
Mắt trái đau mắt phải cũng đau
Tây Nguyên chảy máu. Tây Bắc đau lòng
Lửa đốt ngón tay, toàn thân đau đớn
Ta còn có Cự Hồ chỉ bảo
Đoàn kết thành một khối

*Đạp đổ bọn Mĩ - Diệm
Dựng bản mới lập buôn
Cho nhà rông rực ánh điện
Tính tấu hoà tống
Nước Việt Nam liền một.*

(Tác giả tự dịch từ tiếng Thái)

Lời bình

Bài thơ mang dấu ấn rất rõ thời điểm ra đời. Đó là thời điểm đế quốc Mĩ xâm lược, đất nước còn bị chia cắt :

*Nhưng nay bị Mĩ - Diệm chia cắt
Nước nhà thành đôi ngả
Nam - Bắc phải xa nhau.*

Ngay từ đầu bài thơ, tác giả đã khẳng định ý chí thống nhất của dân tộc ta :

*Đôi ta chung dải núi liền nơi
Chung nước chung dải đất
Chung mừng tổ tiên xây đắp.*

Từ "chung" được lặp đi lặp lại nhiều lần biểu hiện ý chí thống nhất đó. Trong bài thơ, hai miền Bắc và Nam được nói đến qua hai vùng đất cụ thể : Tây Bắc và Tây Nguyên. Các dân tộc sống trên hai vùng đất này đã từng cùng "chung" tổ tiên, "chung" diệt giặc Pháp, không có lẽ nào đến lúc này Tây Bắc lại ngồi nhìn Tây Nguyên rực khói lửa ! Đây chính là điểm nút tình cảm của tác giả. Từ điểm nút đó mà lời thơ được thể hiện một cách nhuần nhuyễn hơn qua những hình ảnh cụ thể theo tư duy của người miền núi :

*Chúng ta hai giòng tre cùng gốc
Hai mắt cùng khuôn mặt
Mắt trái đau mắt phải cũng đau
Tây Nguyên chảy máu. Tây Bắc đau lòng
Lửa đốt ngón tay, toàn thân đau đớn.*

Trong kho tàng thành ngữ của người Kinh cũng có những câu tương tự : "Môi hở răng lạnh" ; "Máu chảy ruột mềm".

Bản thân đề tài này có tính chất khái quát, do đó khi thể hiện rất dễ sa vào khái niệm. Ngay trong bài thơ, đoạn đầu, đoạn cuối và nhiều câu giữa bài chỉ là những khái niệm khô khan. Nhưng tác giả là người dân tộc Thái, quê ở Sơn La, đã đưa được vào bài thơ cách nói, cách suy nghĩ của người Thái, cho nên một số đoạn mang đậm đà chất dân ca Thái làm cho câu thơ trở nên sinh động.

VÕ VĂN TRỰC

Trần Thị Nương

(*Dân tộc Kinh*)

Tên khai sinh : Trần Thị Nương. Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1953. Quê quán : xã Phụ Khánh, huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ.

Tác phẩm đã xuất bản :

Đừng đánh mất (thơ) ; Tiếng gọi từ trắng núi (thơ) ; Cánh bướm ngọn gió (thơ).

Hồn đá núi

*Một vùng chênh vênh đá,
Tựa vào nhau tầng tầng.
Chạm vút vào thiên cổ,
Rạn mình trong hư không.*

*Thăm thăm đến khôn cùng,
Rối bời gan ruột đá.
Ai lạc nhau mãi thế ?
Hóa đá thành âm thanh...*

*Trời xây cất cung thành
Bỏ quên chùm khoá cửa.
Đời cũng bao mật số
Áo huyền sau nhũ hoa...*

*Đá định nói điều gì
Với riêng người chờ đợi.
Nghìn năm chưa nói nổi
Rạn tím tắng tâm tư...*

Ninh Bình, 10-1995

Lời bình

Trước tiên là sự bề thế, tiếp đến là chiều sâu tiềm ẩn, sau đó là một sự liên tưởng và cuối cùng là một câu hỏi đầu đầu với dấu chấm lửng (...). Thoạt nhìn *Hồn đá núi* chỉ có vậy, cũng dễ nhận ra ở đây một biện pháp

nhân cách hóa tương đối giản đơn hay thấy trong rất nhiều những bài thơ ta gặp thường ngày. Song điều lạ ở đây là có một sự chuyển động nội tại ngược chiều với bản chất của đá.

Ở hai khổ thơ đầu, các động từ được sử dụng tương đối nhiều : "tựa", "chạm", "rạn", "rối bời"... vậy mà đọc vẫn cảm thấy *tĩnh*. Có vẻ mấu chốt nằm ở câu "Hóa đá thành âm thanh". Đường như ở đây mọi tâm trạng, mọi nỗi niềm đã chấp nhận đông cứng lại như một sự an bài.

Khổ thơ thứ ba càng khẳng định cảm giác trên mặc dù đã có những dấu hiệu báo trước một sức sống tiềm ẩn, nhưng vẫn chỉ là dấu hiệu. Chỉ đến khổ thơ thứ tư dấu hiệu đó mới thực sự bộc lộ : "Nghìn năm chưa nói nổi, Rạn tím tầng tâm tư". Câu thơ vẫn nói về một sự im lặng nhưng đọc lên chợt thấy như đã bắt đầu có những hơi thở phập phồng từ trong sự im lặng đó. Đây chính là điểm *động* của bài thơ.

Dùng cái *động* để nói cái *tĩnh* và dùng cái *tĩnh* để nói cái *động* là một biện pháp nghệ thuật - song chuyển từ *tĩnh* sang *động* thì lại là vấn đề khác. Bài thơ chính vì thế mà như có một luồng ánh sáng chiếu vào. Đó là một biểu hiện tích cực, hơn thế nữa, dùng hình tượng đá - một hình tượng vốn được dùng như một phương tiện để vĩnh cửu hoá mọi vật - để nói điều này lại càng hay hơn.

LƯƠNG NGỌC AN

Nông

*Suối nông chẳng bỏ bắc cầu
Ao nông chẳng nở để trâu xuống đầm...
Nước nông chẳng nở khoả chân !
Người nông biết mấy khoảng không ở đời...*

4-1997

Lời bình

Bài thơ hay trước hết ở tứ : Chê cái nhỏ bé, nông cạn của con suối, con nước, cái ao... để dẫn tới một câu than (một nhận định) về loại người

đoản tính, nông cạn : NGƯỜI NÔNG. Nhà bác học vĩ đại nhất thời cổ đại Aritstốt có thuyết *Không khí sợ chân không* : ở nơi nào không khí bị mất đi thì lập tức không khí ở nơi khác sẽ dồn đến, lấp đầy ! Theo Aritstốt, vật chất là như vậy ! Còn con người ? Nếu con người mà có nhiều "khoảng không" thì chẳng có gì lấp đầy đâu !

Nếu chỉ có thế, bài thơ ngắn 4 câu này chưa thể hay. Ở đây, nhà thơ đã khéo liên tưởng, khéo so sánh để bài thơ trở nên... thơ. Những từ "nông" được dùng dồn dập ở 3 câu ("Suối nông", "Ao nông", "Nước nông") như là những lớp lang có độ nén sắp đặt trước để đưa ra một khái niệm mới, thoát nghe có vẻ lạ, nhưng lại không lạ. Thế giới loài người có người ác, người hiền, người có liêm sỉ, kẻ vô liêm sỉ... lại có một loại người nữa là NGƯỜI NÔNG ! nhạt nhẽo, vô vị... thật buồn ! biết vậy mà không thể "buồn đi, chào nhé !" - NGƯỜI NÔNG có lẽ là chữ riêng dùng của Trần Thị Nương.

Bài thơ trên sẽ rất khô nếu chỉ nói đến suối nông, bắc cầu, ao nông, trâu đầm...("Suối nông chẳng bỏ bắc cầu. Ao nông chẳng nở để trâu xuống đầm...") nếu không có hình bóng con người xuất hiện ở câu thứ 3 ("Nước nông chẳng nở khoả chân"). "Chẳng nở khoả chân" làm không khí thơ bỗng hoạt và động hẳn lên. Câu 3 đã làm mềm đi hai câu trên, là gạch nối để hạ câu than ở cuối, bất ngờ, thú vị ! "Người nông biết mấy khoảng không ở đời..."

Tôi chưa được đọc bài thơ nào khác ngoài bài thơ này của Trần Thị Nương. Tôi cũng chưa từng quen biết chị, nhưng cứ theo *văn bản học* mà xét đoán thì người phụ nữ có nhiều năm gần bó với miền quê nơi giáp giới giữa miền núi và đồng bằng này có một cá tính mạnh mẽ, phóng khoáng (chứ không yếu điệu thực nữ như tên gọi). Cái phóng khoáng có một chút ngang tàng Hồ Xuân Hương ("Giơ tay với thử trời cao thấp. Xoạc cẳng đo xem đất vẫn dài !"). Tôi nói có một chút bởi vì bài thơ chỉ có mỗi một câu nặng có vẻ ngang tàng : (chẳng bỏ) còn hai câu sau đã nhẹ đi rất nhiều (chẳng nở). Chính vì có sự nhẹ đi ấy mà liên mạch được với câu kết. Câu kết không phải là sự chỉ trích, lời phỉ báng... mà đơn giản chỉ là một câu hỏi, một câu than : Đời mà có nhiều NGƯỜI NÔNG sẽ buồn phiền biết bao ! Nhẹ nhàng vậy thôi mà đọc một lần là chẳng thể quên.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Từ Ngàn Phố

(Dàn tộc Tày)

Tên khai sinh : Nguyễn Tuấn. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1953. Quê quán : thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Lửa mẹ cho (thơ, 1986) ; *Anh vẫn học cách yêu của cổ* (thơ, 1995).

Giải thưởng văn học :

Giải C cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ quân đội, 1984 (bài *Với Thâm Tâm một chiều biên giới*).

Với Thâm Tâm một chiều biên giới*

Sầu trong chúng tôi không ai biết mặt anh
Bao câu thơ anh chúng tôi đã thuộc
Những câu thơ về những hạt mưa
Bay chéo mặt đường số năm thuở ấy.
Thuở ấy -

các anh

Với lưỡi mác hình chiếc ngòi bút trong tay
Gió thổi xác xơ vành mũ lá
Áo trấn thủ bọc quả tim máu đỏ
Cháy bùng bùng như lửa giữa mưa sa.
Nhà thơ ơi,
Giá như anh còn đến bây giờ
Anh sẽ cùng chúng tôi hành quân lên biên giới
Giống năm xưa ba lô, súng, xẻng
Vượt Đèo Gió, Đèo Giàng, cắt rừng Cao Bắc
Ngang dọc khắp một miền nước độc
Để nhận về trận sốt rét mết da

(*) Giải ba cuộc thi thơ năm 1984 của Tạp chí Văn nghệ quân đội.

Con đôi dài bụng thắt, mắt hoa.

Thật diệu kì là chiếc đầu gối của nhà thơ

Không mỗi khi đi

Lúc dừng nghỉ -

gấp ngay thành bàn viết

Đi như thế cho đến ngày nhắm mắt !

Chúng tôi

Những người lính mười bảy tuổi trẻ măng

Yêu thơ đến cháy lòng

Sẵn sàng thức thông đêm tập viết

*Khi lửa bén một mảng trời cháy đen và quẩn lên như
một tàu chuối héo*

Những bức tường xiêu dầy đứt mối cầm thù

Sẽ viết gì, viết gì đây vào trang sổ tay giấy trắng

Ngược con đường máu các anh đã đổ

Chúng tôi lần theo dấu các anh xưa !

Nhà thơ ơi

Giá như anh còn đến bây giờ

Ta sẽ rông rần nói nhau ra điểm tựa

Ướm bàn chân lên nghìn bậc đá

Vác trên vai một bọc nước thần

Làm thấm lại từng đôi môi khô khát

Trồng cây hoa giữa sườn non bạc phếch

Véo chia nhau điệu thuốc

Thanh thần thả lên trời những vòng khói mộng mơ.

Và nhất định lúc ấy

Anh sẽ ngồi đọc thơ

Bài thơ mới còn hung hăng mùi nhựa

Những câu thơ sâu thẳm tựa lòng

Những câu thơ làm sóng xao trong mắt

Như chiều nay

Một chiều biên giới

Chỗ anh nằm

Suối chồm tung bờm đá

Sóng thơ anh...

Quảng Hoà, 15 - 7 - 1983

Lời bình

Thâm Tâm chỉ có hai bài thơ quen thuộc với bạn đọc là *Tống biệt hành* và *Chiều mưa đường số năm*, nhưng ấn tượng thật sâu sắc. Nhà thơ chiến sĩ ấy được những người lính mười bảy tuổi trẻ măng yêu thơ đã dựng lại chân dung thơ thật hào hùng, cảm động. Đáng quý hơn nữa đây không chỉ là một nhà thơ, mà là cả một thế hệ những người lính làm thơ cảm hứng.

Thuở ấy -

các anh

Với lưỡi mác hình chiếc ngòai bút trong tay

Giò thổi xác xơ vành mũ lá

Áo trấn thủ bọc quả tim máu đỏ

Cháy bùng bùng như lửa giữa mưa sa.

Đúng là những con người *sáng loà* lịch sử (chữ dùng của Nguyễn Đình Thi).

Từ những âm hưởng câu thơ của Hồng Nguyên, Chính Hữu, Thôi Hữu, Quang Dũng và Thâm Tâm, Từ Ngàn Phố đã tái tạo lại sống động hình ảnh những chiến sĩ vệ quốc quân thời kháng chiến chín năm trên chiến khu Việt Bắc :

Vượt Đèo Giò, Đèo Giàng, cắt rừng Cao Bắc

Ngang dọc khắp một miền nước độc

Để nhận về trận sốt rét mết da

Cơn đói dài bụng thắt, mắt hoa.

Tác giả đã có một phát hiện bất ngờ và độc đáo để ca ngợi sự dẻo dai trong cuộc sống chiến đấu và sáng tác của nhà thơ chiến sĩ :

Thật diệu kì là chiếc đầu gối của nhà thơ

Không mỗi khi đi

Lúc dừng nghỉ -

gấp ngay thành bàn viết

Đi như thế cho đến ngày nhắm mắt !

Con đường Thâm Tâm đã đi, bây giờ đồng đội của anh đi tiếp. Gian khổ có đỡ hơn nhưng sự nhiệt tình, hăm hở, vô tư và mộng mơ của người lính thì vẫn y nguyên. Niềm khao khát thơ ca vẫn là khao khát đến cháy lòng, nhất là những câu thơ viết bằng nhựa sống, viết vội trên chiếc bàn viết - đầu gối dầm mồ hôi của cuộc hành quân :

*Những câu thơ sâu thẳm tựa lòng
Những câu thơ làm sóng xao trong mắt*

Bài thơ khép lại bằng một hình ảnh siêu thực :

*Một chiều biên giới
Chỗ anh nằm*

*Suối chồm tung bươm đá
Sóng thơ anh...*

Sóng thơ siêu hình hoà trong sóng suối hữu hình tung bươm đá núi. Nghe như thác lũ tích từ những *Chiều mưa đường số năm* và xa hơn từ sóng nước dòng sông trong *Tống biệt hành*.

"Sẽ viết vì, viết gì đây vào trang sổ tay giấy trắng ?" Nỗi day dứt của Từ Ngàn Phố đã thôi thúc anh viết *Với Thâm Tâm một chiều biên giới*. Phải chăng có một sự đồng thanh đồng khí linh ứng diệu kì ? Còn trong bài thơ *Chiều mưa đường số năm*, mọi ấn tượng và nỗi nhớ của Thâm Tâm đều đau đáu hướng lên Việt Bắc :

*Chiều mưa đường số năm
Đôi mắt sao đắm đắm
Chứa cả trời mây nặng
Miền Việt Bắc xa xăm
Ôi núi rừng thương nhớ.*

Bài thơ của Từ Ngàn Phố là nén hương thơm mà người Việt Bắc thấp cho Thâm Tâm, là tượng đài thơ kỉ niệm nhà thơ - chiến sĩ - này.

VŨ NHÔ

Văn thơ gieo ở làng mình

(Kính tặng mẹ)

*B*ao nhiêu năm con vắng nhà
Hình dung mẹ vẫn như là ngày xưa
Cái ngày tóc mẹ còn tơ
Và xanh mướt mướt dưới bờ tre xanh...
Bây giờ về bỗng giật mình
Mẹ ơi, tóc mẹ đã thành tóc bông

Phải vì ngọn gió trên đồng
 Hay vì lắm nhớ, nhiều mong tóc già ?
 Mỗi con - mỗi góc trời xa
 Trái tim của mẹ chia ra mấy phần ?!
 Biết bao vất vả, nhọc nhằn
 Trâu đầu đòn gánh in lần hai vai
 Phần mình chỉ miếng trâu cày
 Ngọt bùi dành dụm cho đầy phần con
 Suốt đời tấm áo cũ sờn
 Với đôi guốc mộc đã mòn, thế thôi !
 Câu Kiều đọng mãi trên môi
 Khóc người trong truyện, thương người gần bên
 Trong đêm bếp củi hồng lên
 Trong đêm những sợi tóc đen ngả màu
 Tươi xanh gửi trọn mai sau
 Hai bàn tay với mái đầu trắng tinh...

Trùng Khánh, 1986

Lời bình

Đọc tên bài thơ khiến chúng ta gợi nhớ về mùa gieo cấy ở làng quê. Nhà thơ cũng gieo thơ như gieo ngô, tủa lúa trên quê hương mong có một trái thơ dâng mẹ. Dẫu mùa màng ra sao thì bằng tất cả sự hiếu thảo, tác giả cũng đã thu hoạch xong rồi.

Mái tóc mẹ chảy suốt bài thơ, từ tóc tơ, nhuộm nắng sương thương nhớ thành ra tóc bông là ẩn tượng mạnh mẽ nhất trong ta :

- Cái ngày tóc mẹ còn tơ
 Và xanh mươn mướt dưới bờ tre xanh...
 Bây giờ về bỗng giật mình
 Mẹ ơi, tóc mẹ đã thành tóc bông
 - Trong đêm những sợi tóc đen ngả màu
 Tươi xanh gửi trọn mai sau
 Hai bàn tay với mái đầu trắng tinh...

Chỉ nói về sự thay màu đổi sắc trên mái tóc mẹ thôi cũng đủ nói lên nỗi lao碌, lao tâm một đời của mẹ. Thốt nhiên tôi chợt nhớ đến người mẹ đào hầm không nghỉ, bần bĩ trong thơ Dương Hương Ly cũng với mái đầu thay hai màu tóc :

*Mẹ đào hầm từ thuở tóc còn xanh
Nay mẹ đã phơ phơ đầu bạc...
Mẹ vẫn đào hầm dưới tấm đại bác...*

(Đất quê ta mệnh mông)

Người mẹ tiền phương, người mẹ hậu phương, người mẹ miền Nam hay miền Bắc, ở phương nào mà chẳng chung một nỗi niềm với đất nước, với cháu con.

Những vần thơ dành cho mẹ được tác giả nâng niu chăm chút kĩ. Mẹ "Suốt đời tấm áo cũ sờn", "Với đôi guốc mộc đã mòn", "Khóc người trong truyện, thương người gần bên", "Phần mình chỉ miếng trầu cay. Ngọt bùi dành dụm cho đầy phần con". Mẹ khiêm nhường, mẹ vị tha, tình mẹ bao la... Những câu thơ rưng rưng là câu thơ bản khoản pháp phảng của người con về mẹ :

*Phải vì ngọn gió trên đồng
Hay vì lắm nhớ nhiều mong tóc già ?
Mỗi con - mỗi góc trời xa
Trái tim của mẹ chia ra mấy phần ?*

Đã có biết bao bài thơ hay ca ngợi về mẹ như của Tố Hữu, Nguyễn Khoa Điềm, Dương Hương Ly, Hữu Thỉnh, Trần Đăng Khoa, Phạm Công Trứ... Thêm *Vấn thơ gieo ở làng mình* của Từ Ngàn Phố như thêm một bông hoa, một nhành lá vào bó hoa tươi thắm nhất mà các thi nhân muôn đời dâng lên mẹ kính yêu.

VŨ NHỎ

Lê Duy Phương

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Lê Duy Phương. Sinh năm 1941. Quê quán : tỉnh Hà Tĩnh.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tình biển (thơ) ; Những câu thơ tình yêu (thơ) ; Chùm nhãn ngọt (thơ thiếu nhi) ; Cây hoa vừa lên (thơ) ; Cổ đại và trời xanh (thơ, 1994) ; Đến (thơ, 1996).

Núi

Ồi núi có bao giờ
Mà to cao đến thế
Đứng đâu nhìn cũng thấy
Lại gần đá và cây

Đứng xa mà dang tay
Là ôm trọn rừng núi
Thì ra núi cũng nhỏ
Lọt thỏm trong mắt mình

Thì ra mình cũng cao
Trèo được lên trên núi
Cứ nghe tiếng gió thổi
Biết mình đang ở trời.

Lời bình

Bài thơ rợp trong bóng của ca dao, dân ca. Những : "Trắng bao nhiêu tuổi trăng già. Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non" ; "Đèo cao thì mặc đèo cao. Trèo lên tới đỉnh ta cao hơn đèo" ; "Vì mây cho núi liền trời...". Tuy vậy, nó vẫn có một nét riêng của mình trong cái điệp ngữ phát hiện "thì ra"... Ngọn núi vừa to lại vừa nhỏ, vừa cao lại vừa không cao. Nó được

đo bằng con mắt, đo bằng vòng tay và đo bằng ý chí, bằng đôi chân của người trèo núi.

Đầu tiên núi to và cao vì đứng chỗ nào nhìn cũng thấy. Con người chỉ bằng một tảng đá, một cái cây trên núi thôi. Nhưng đứng xa núi ra "thì ra" núi cũng nhỏ. Nhỏ vì dang tay có thể ôm trọn nó. Lại còn nhỏ hơn nữa vì núi "lọt thỏm" trong mắt mình. Cái nhỏ của núi là cái nhỏ lấy lí mà suy chứ chưa phải từ sự vật thực tế.

Người cao lớn được phát hiện qua việc người tiếp xúc với núi, chinh phục núi. Cái hay ở đây là sự phát hiện ra mình :

*Thì ra mình cũng cao
Trèo được lên trên núi*

Như vậy là về lí thuyết thì núi nhỏ, người to. Tưởng là khi vào thực tiễn sẽ có một sự đảo ngược. Nhưng không, thực tiễn thì núi to, núi cao và con người cũng to và cao, còn cao hơn núi :

*Cứ nghe tiếng gió thổi
Biết mình đang ở trời*

Núi cao chọc trời nên người ở đỉnh núi là ở trời chứ sao ! Phát hiện "Thì ra núi cũng nhỏ", "Thì ra mình cũng cao" là phát hiện hết sức thú vị về khả năng vô tận của con người.

VŨ NHO

Vũ Quần Phương

(*Dàn tộc Kinh*)

Tên khai sinh : Vũ Ngọc Chúc. Sinh ngày 8 tháng 9 năm 1940. Quê quán : xã Hải Trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hoa trong cây (thơ, 1977) ; *Những điều cùng đến* (thơ, 1983) ; *Cát sáng* (thơ, in chung, 1985) ; *Vắng trắng trong xe bò* (thơ, 1988) ; *Đọc thơ Hương Tích* (bình thơ) ; *Thơ với lời bình* (bình thơ, 1990, 1994).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng chính thức của Hội Văn nghệ Hà Nội, 1967 (bài thơ *Âm thanh im lặng*), năm 1972 (bài thơ *Phố ngoài đê*) ; Giải chính thức của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, 1976 (hai mươi bài thơ về công nhân trong tập *Hoa trong cây*) ; Giải thưởng về thơ của Hội Nhà văn Việt Nam, 1984 (tập thơ *Những điều cùng đến*) và năm 1997 (tập thơ *Vết thời gian*).

Dựng nhà trên dây Hoàng Liên

Năng kia là thực hay mơ
Cỏ xanh xanh thật hay ngờ là xanh
Mây bay muôn dặm hành trình
Đến đây mây quấn với mình bên chân
Không gian quên cả xa gần
Thời gian như mới một lần sớm mai.

Núi cao cao rộng cao dài
Ùn trong mặt đất, chật ngoài chân mây
Bạt ngàn xanh đậm là cây
Xanh tươi là cỏ, xanh mây là trời
Mệnh mang trống mấy khoảng đời
Bỗng nghe âm một chuỗi cười giòn tan

*Trên nền cỏ ửng nắng lam
 Công nhân một tốp chùng đang dựng nhà
 Tiếng chàng đục mộng vang xa
 Tiếng chày nện cột bay qua lũng dào
 Thời gian thành nhịp cửa đều
 Không gian thành cột thành kèo song song
 Nóc nhà bác thợ thông dong
 Tay cửa tay thước đo cùng bao la
 Mây bay như biển như hồ
 Núi như lớp lớp sóng xô quanh nhà
 Quá giang, mộng bắt theo xà
 Đéo dài nút lạt buộc qua chân trời.
 Kiểu quen, nhà của bao đời
 Thêm hiện bậu cửa chân người vào ra,
 Ngước nhìn thăm thăm mây xa
 Mây bao vô tận, mái nhà con con,
 Cao vời quanh núi xa non
 Bỗng nghe thấm thía tâm hồn đất đai.*

Lời bình

Đã từng lên Hoàng Liên Sơn nên cảm giác quên không gian và lạc thời gian của Vũ Quần Phương tôi như gặp lại. Cả câu thơ nghi hoặc rất thơ này nữa :

*Nắng kia là thực hay mơ
 Cỏ xanh xanh thật hay ngờ là xanh*

Hơi tiêng tiếc một chút, ở khổ thơ thứ hai những cảm nhận có phần lặp lại và loãng ra thành những câu thơ trung bình. Nhưng có lẽ nhà thơ "tả cảnh tả cảnh" như thế để rồi làm nổi bật "chuỗi cười giòn tan", làm cho ta thích thú với cảnh dựng nhà của công nhân chăng ? Tôi hình dung Vũ Quần Phương như bác thợ thông dong "tay cửa tay thước" rất khéo khi dựng thơ. Ở khổ trên, lúc chưa tới chỗ dựng nhà thì không gian và thời gian bị quên, bị lạc. Còn ở khổ thơ dưới :

*Thời gian thành nhịp cửa đều
 Không gian thành cột thành kèo song song*

Cảnh dựng nhà theo lối cổ, theo "kiểu quen" được dựng lên rất gợi :

- *Tiếng chàng đục mộng vang xa*
Tiếng chày nện cột bay qua lưng đèo
- *Quá giang, mộng bắt theo xà*
Dẻo dai nút lại buộc qua chân trời.

Phải ở độ cao chót vót chon von thì mới thấy nút lạt buộc qua chân trời. Đúng là cảnh dựng nhà trên dãy Hoàng Liên Sơn ! Chén trong những câu thơ tả cảnh mây núi, cảnh làm nhà là hai câu thơ xuất thần về mây núi :

Mây bay như biển như hồ
Núi như lớp lớp sóng xô quanh nhà.

Mái nhà con con ấy chơ vơ trong biển mây, sóng núi như chứng thực cho sự dẻo dai, bền bỉ của những người công nhân đem sự sống lên chỗ "Mệnh mang trống mấy khoảng đời".

Câu thơ kết "Bỗng nghe thấm thía tâm hồn đất đai" nghe cứ mơn mơn tai thế nào. Nó như là một nút lạt không chặt của ngôi nhà thơ được dựng thành thạo và có nhiều chỗ đẹp.

VŨ NHO

Biểu tượng Ê Đê

Cầu thang nhà người Ê Đê
Tạc đôi bầu vú xum xuê trái tròn
Đôi bầu sữa mẹ nuôi con
Thiêng như ngọn lửa nuôi hồn đất đai
Trời cao biển rộng sóng dài
Mệnh mang bầu vú như hai cánh bướm
Gỗ thô nét tạc bốn chôn
Phì nhiêu như đất, lay hồn như thơ.
Lên thang tôi đứng sừng sờ
Phút giây sống với ước mơ muôn đời
Yêu thương no ấm kiếp người
Tạc bầu vú mẹ giữa trời nguyện xin.

1995

Lời bình

Thơ bây giờ cũng đã nói về bộ ngực của phụ nữ... đâu chưa nhiều.
Thấp thoáng kín đáo như Nguyễn Duy :

*Người con gái chọt qua đường.
Áo em mong mỏng màn sương núi đồi*

(Bất chợt)

Táo bạo có Anh Ngọc :

*Nếu tôi là con của Gia Rai
Mẹ sẽ giấu tôi sau lồng ngực
Tôi mắc võng dưới hai bầu vú
Người đàn bà khỏa thân và uống nước lã cầm hơi.*

(Gia Rai)

Nhưng đây chỉ là những câu thơ thoáng qua. Làm cả một bài thơ về bầu vú với cái tên khá nhả *Biểu tượng Ê Đê* thì có lẽ lần đầu thấy trong thơ Vũ Quần Phương và cũng là lần đầu trong thơ hiện đại Việt Nam.

Trước *Biểu tượng Ê Đê* "đôi bầu vú xum xuê trái tròn", Vũ Quần Phương cảm nhận ngay thành "Đôi bầu sữa mẹ nuôi con" (Tại sao lại không thể là "Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm" kia chứ ? Có người sẽ hỏi thế). Và như thế tất yếu ẩn tượng sẽ là "Phì nhiêu như đất lay hồn như thơ" và cảm giác sẽ thấy cao quý, thiêng liêng :

Thiên như ngọn lửa nuôi hồn đất đai.

Vừa có sự thiêng liêng mẫu tử, lại vừa có sự thiêng liêng của tín ngưỡng Ê Đê.

Không dễ cảm xúc lan man, Vũ Quần Phương sau phút gặp gỡ sững sờ kinh ngạc đã thổi gió vào hồn mình, đưa cặp vú gồ trên cầu thang bay vào không gian rộng thênh thang :

*Trời cao biển rộng sóng dài
Mênh mang bầu vú như hai cánh bướm.*

Chưa thỏa. Anh muốn toàn nhân loại chiêm ngưỡng, tôn thờ đôi bầu vú mà "cả thế giới nương nhờ" như Mácxim Gorki từng viết, nên ước nguyện : "Tạc bầu vú mẹ giữa trời". Ước mơ táo bạo ấy khi khoa học kĩ thuật phát triển chắc cũng không là chuyện khó. Có điều chắc, là anh đã cảm nhận tận đáy hồn mình nên văn hoá phồn thực Tây Nguyên, anh đã tạc bầu vú mẹ vào thơ với "nét tạc bồn chồn".

VŨ NHỎ

Vương phương

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hứa Vĩnh Sước. Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1948. Quê quán : xã Lăng Hiếu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Người núi hoa (kịch nói, 1982) ; *Tiếng hát tháng giêng* (thơ, 1996) ; *Lửa hồng một góc* (thơ, in chung, 1987) ; *Lời chúc* (thơ, 1992) ; *Đàn then* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải A cuộc thi thơ Tạp chí Văn nghệ quân đội, 1984 (hai bài : *Tên làng*, *Phòng tuyến Khau Liêu*) ; Giải A của Hội Nhà văn Việt Nam, 1987 (tập thơ *Tiếng hát tháng tháng giêng*) ; Giải A của Hội đồng văn học dân tộc thiểu số - Hội Nhà văn Việt Nam, 1992 (tập thơ *Lời chúc*).

Tên làng

Con là con trai của mẹ
Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
Ba mươi tuổi từ mặt trận về
Vội vàng cưới vợ

Ba mươi tuổi tập tành nhà cửa
Rào miếng vườn trồng cây rau
Hạnh phúc xinh xinh nhỏ nhỏ ban đầu
Như mặt trời mới nhô ra khỏi núi

Con là con trai của mẹ
Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
Mang trong người cơn sốt cao nguyên
Mang trên mình vết thương
Ơn cây cỏ quê nhà
Chứa cho con lành lặn

Con là con trai của mẹ
 Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
 Lần đầu tiên ôm tiếng khóc lên ba
 Lần đầu tiên sông núi gọi ông bà
 Lần đầu tiên nhóm lửa trên mặt nước
 Lần đầu tiên sứ sành rạn nứt
 Lần đầu tiên ý nghĩ khôn lên
 Ý nghĩ khôn lên nỗi buồn thấm tháp
 Bàn chân từng đạp bằng đá sắc
 Trở về làng bập bẹ bước đầu tiên
 Ở cái làng của mẹ sinh con
 Có ngôi nhà xây bằng đá hộc
 Có con đường trâu bò vàng đen đi kìn kịt
 Có niềm vui lúa chín tràn trề
 Có tình yêu tan tành tiếng thác
 Vang lên trời
 Vọng xuống đất
 Cái tên làng Hiếu Lễ của con.

Mùa xuân 1983

Lời bình

Tôi đọc bài thơ này của Y Phương từ năm 1984, khi nó được trao giải nhất trong cuộc thi thơ của tạp chí *Văn nghệ quân đội*. Ngay dạo ấy, giọng điệu mới mẻ và lối tư duy thơ vừa cụ thể vừa cách điệu cao của anh đã giúp nó đứng riêng ra khỏi dàn thơ dự thi. Mọi giải thưởng đều có tính tương đối: Có những người trúng giải cao một lần rồi mất hút, mang theo cả tác phẩm trúng giải của mình đi về miền quên lãng. Y Phương không thuộc số ấy. Bởi vì giờ đây, đọc lại bài thơ này của anh, tôi vẫn thấy nó không cũ.

Tên làng có thể đại diện xứng đáng cho phong cách thơ của Y Phương, đứng trước mẹ, trước quê hương, chúng ta - nhất là những đứa con đi xa về, thường có cảm giác bé nhỏ, ngây thơ trở lại. Cái độc đáo đầu tiên của bài thơ này là nó phá vỡ quy luật ấy. Đây là cảm xúc,

tâm tình của một người đã đứng tuổi, đã trải qua nhiều dâu bể đối với mẹ, với quê hương :

*Con là con trai của mẹ
Người đàn ông ở làng Hiếu Lễ
Ba mươi tuổi từ mặt trận về...*

Điệp khúc này được lặp lại ba lần, khẳng định một góc độ nhìn từng trải, một tình cảm chín chắn. Nó không rơi vào thói thường của thứ tình cảm yếu đuối, thơ dai hoặc cố tình thơ dai thường thấy trong trường hợp như thế này. Bởi thế, nó chắc nịch và đáng tin trong từng con chữ, thô tháp nhưng không kém phần bay bổng :

*Lần đầu tiên ôm tiếng khóc lên ba
Lần đầu tiên sông núi gọi ông bà
Lần đầu tiên nhóm lửa trên mặt nước
Lần đầu tiên sử sành rạn nứt...
Có niềm vui lúa chín tràn trề
Có tình yêu tan tành tiếng thác...*

Đã có biết bao người nói, viết về tình yêu quê hương, yêu mẹ. Y Phương cũng làm việc ấy - nhưng là làm theo cách của anh : một thứ tình yêu qua năm tháng đã lặn vào trong máu, không phô bày, không làm duyên... Anh đã chân thành đến cùng với lòng mình. Chẳng hạn : với một cái tên làng Hiếu Lễ rất *Kinh*, rất chữ nghĩa, chẳng có vẻ gì là dân tộc ít người (như bản thân tác giả), với những cách sử dụng hình ảnh rất hiện đại, đến mức có vẻ *Tây* nữa, ấy vậy mà chính *giọng điệu* ấy rất cuộc lại trả thơ anh về với cái hồn hoang dã và chân chất của dân tộc anh. Điều ấy thật khó lí giải, hoặc phải cần nhiều giấy mực mới lí giải nổi. Xin các bạn hãy đọc kĩ bài thơ xem liệu tôi nói có đúng chẳng ?

ANH NGỌC

Anh chiến sĩ áo chàm

Quê

Anh chiến sĩ áo chàm

Trán nhô

Mũi thô

Môi dày

Chân đi dép bốn hai vẫn thừa năm ngón

Nhịn đói không kêu

Ốm đau không kêu
Nhớ mẹ quá thì ngồi trên đá
Nhớ rồi khóc không cho ai biết
Trốn ra sông vẫy nước
Vẽ lên cát hình thù dãy núi quê hương
Vẽ lên cát mái trường phố huyện
Vẽ lên cát nhà sàn thoáng rộng
Vẽ lên cát người con gái cao cao
Vẽ lên cát thằng bạn đen đen
Vẽ lên cát con nai bú mẹ
Chỉ có cát mới hiểu được lời của Quế
Cát ấm lên tươi xấp dưới nắng vàng
Một con chuồn chớp chớp bay sang
Một chú kiến re re chạy tới
Một cọng cỏ bình yên mát rượi
Ngón tay mềm Quế vuốt, Quế thương
Những năm ở chiến trường
Vẫn bình thường như thế.

Lời bình

Nghe nói có người cho bài thơ như thế có phần hơi "bôi bác dân tộc thiếu số" vì ai lại tả :

Trán dô

Mũi thô

Môi dày

Chân đi dép bốn hai vẫn thừa năm ngón

Kể ra, nếu bài thơ chỉ có thế, thì... Nhưng bài thơ đâu chỉ dừng lại ở đó, mà chính từ cái "bệ phóng" trông có vẻ "thô kệch" ấy - bài thơ đã bay lên đầy kiêu hãnh, làm xúc động lòng người với một loạt biểu hiện cao đẹp của người chiến sĩ áo chàm.

Thì ra, tác giả đã có sự cảnh giác, cân nhắc khi tả về hình dáng bên ngoài của Quế, nên mới nói : "Chỉ có cát mới hiểu được lời của Quế". Và cả đoạn thơ tiếp nối ấy, mới là hình ảnh "anh chiến sĩ áo chàm" đích thực, sinh động, lộng lẫy mà tác giả đã vẽ lên bằng nghệ thuật thơ ca. Dân tộc là đây, truyền thống là đây, cách tân là đây, hiện đại là đây, chất Tây là đây, chất Y Phương là đây...

LÒ NGÂN SỪN

Em - cơn mưa rào - ngọn lửa

Ngày ra suối nhớ em
Gặp bông hoa nhớ em
Nói chuyện với người con gái cũng nhớ em
Em hiền lành
Em chậm chạp
Em đôi chum rượu đến với anh
Người con gái có bàn chân to khoẻ
Đạp qua bao nhiêu đau khổ
Đến với anh.

Em đã nở cho anh một cô nàng da cảm nữa
Em - cơn mưa rào - ngọn lửa
Có em rồi đời mất dần thói xấu
Biết ăn năn trước mỗi bình minh
Khẩu súng trường qua cuộc chiến tranh
Anh bắn vỡ tảng ngực thẳng xâm lược
Em là mực trong ngòi là cơm trong nôi
là gà gáy nhưng cũng là quả ớt.

Những gì anh có được
Đều bắt đầu từ em
Chờ đón em
Hạt ngô, bông lúa
Em về cấy gặt
Có em rồi làm gần ngày tháng chạp
Bàn tay mềm nẩy búp trên cây
Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp.

Cao Bằng, 7 - 1980

Lời bình

Hình ảnh người con gái hiện lên trong bài thơ "hiền lành", "chậm chạp" qua nỗi nhớ của người con trai. Đó là một người con gái đã "đôi chum rượu", đã "Đạp qua bao nhiêu đau khổ" để đến với người mình yêu. Đó là

một người con gái đã yêu hết mình, đã vượt qua tất cả để được yêu hết mình. Và sự "hết mình" ấy đã không uổng công, bởi "Những gì anh có được. Đầu bắt đầu từ em", bởi "Có em rồi đời mất dần thói xấu", bởi "Có em rồi (...) Cầm ngọn khói dựng lên trời thẳng tắp". Vâng, người con gái đã trở thành cứu cánh của người con trai, người con gái đã trở thành cứu cánh của cuộc đời. Đó là người con gái có "bàn chân to khỏe", đó là người con gái có "bàn tay mềm", đó là em - cơn mưa rào - ngọn lửa.

LÒ NGÂN SỪN

Người không thấy thì trời thấy

Anh yêu em nhưng em không yêu anh

Thôi đành vậy

Người không thấy thì trời thấy.

Em dừng dừng bước qua

Em khinh khỉnh bước qua

Em cau có giậm chân quay ngoắt

Thôi đành vậy

Người không thấy thì trời thấy.

Em kiêu kì

Em đông đánh làm sao

Không một chàng trai nào làm em run rẩy

Thôi đành vậy

Người không thấy thì trời thấy.

Hôm nay nghe tin em

Tóc bạc da mồi

Vẫn nằm một mình

Trời thấy sao trời không nói.

Cao Bằng, 1996

Lời bình

Ba đoạn đầu của bài thơ đều dùng một câu cuối với điệp khúc : "Người không thấy thì trời thấy".

*Anh yêu em nhưng em không yêu em
Thôi đành vậy
Người không thấy thì trời thấy*

Và rồi, em dừng đứng với anh, em kiêu kì, đồng đánh với anh... anh cũng đành chịu. Bởi vì, tình yêu của anh đã có trời thấy. Nói theo cách thông thường của người Kinh là : "có trời chứng giám !"

Bài thơ kết rất bất ngờ, rất thú vị :

*Hôm nay nghe tin em
Tóc bạc da mồi
Vẫn nằm một mình
Trời thấy sao trời không nói.*

Nếu không có câu kết, ta sẽ ngỡ ngàng rằng chàng trai hả hê vì cái kết cục đáng buồn của cô gái kiêu kì : cứ kén chọn mãi đi, đồng đánh mãi đi, để đến lúc già rồi vẫn nằm trơ một mình !

Nhưng không phải như vậy ! Câu kết bài thơ : "Trời thấy sao trời không nói" chính là lời chàng trai trách móc ông trời : Trời thấy tình yêu của tôi là chân thành, sao trời không nói cho cô ấy biết. Nếu trời nói, có khi cô ấy sẽ không lâm vào cảnh đáng buồn như hiện nay...

Tâm hồn chàng trai, qua câu kết rất bất ngờ ấy, càng đẹp đẽ và cao thượng vô cùng !

NGỌC CHUNG TỬ

Phòng tuyến Khau Liêu*

*Ngo rang
Nước suối
Khẩu súng
Đeo quanh người
Người đeo quanh núi
Vợ bên chồng
Cha bên con
Người yêu bên người yêu
Lấn vào lưng đeo*

(*) Bài thơ được Giải nhất cuộc thi thơ của Tạp chí Văn nghệ quân đội 1983 - 1984.

Trong hoa
Dưới cỏ
Phòng tuyến thứ nhất
Nhọn hoắt lá
Sáng những mắt cườm
Bàn tay xanh - nhuộm chàm
Bàn tay thon - hoa trên mặt vải
Bàn tay thô - dẻo đá
Mẹ già em nhỏ
Đèo đay thương nhớ
Cong cả đường cái quan

Phòng tuyến thứ hai
Mỗi mồm đá một người cầm súng.

1979

Lời bình

Sau khi nhận Giải nhất tại cuộc thi thơ của Tạp chí Văn nghệ quân đội (1984), Y Phương có trả lời phỏng vấn của phóng viên bản báo về *tính dân tộc* trong thơ, anh nói : "Ngày nay, có người mặc áo chàm cài khuy ngang, đi giày cỏ. Hình dáng là thế song bên trong lại không phải là thế... Những gì không thuộc về anh ta sẽ không tồn tại và ổn định được". Y Phương ít mặc áo chàm khuy ngang, không mấy khi đi giày cỏ, nhưng hồn thơ lại rất Tày, rất Cao Bằng. Bài *Phòng tuyến Khau Liêu* anh viết năm 1979 khi cuộc chiến tranh biên giới đang trong giai đoạn ác liệt là một ví dụ về hồn thơ, giọng thơ *đích thực* kia của anh.

Bài thơ nói về "phòng tuyến" chiến đấu nhưng không thấy hào lũy, tăng xe, xe tăng, pháo lớn đâu. Chỉ toàn là những "mắt cườm", những "bàn tay thon", "bàn tay xanh" và "bàn tay thô". Ấy là "phòng tuyến" nhân dân, chiến tranh "Vợ bên chồng. Cha bên con. Người yêu bên người yêu. Lấn vào lưng đèo. Trong hoa. Dưới cỏ". Ấy là bản chất của cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, nhà thơ nào cũng có thể viết được nội dung như thế. Nhưng chỉ có các nhà thơ miền núi *đích thực* như Y Phương mới có thể viết được những câu như :

Khẩu súng
Đeo quanh người
Người đeo quanh núi
Đèo đay thương nhớ
Cong cả đường cái quan

Phòng tuyến Khau Liêu là bài thơ viết về đề tài chiến tranh. Chân thực vậy mà vẫn giàu chất lãng mạn, gấp gáp thế mà vẫn ngồn ngộn những hình ảnh gợi sự liên tưởng. Viết được như thế, phải chăng tác giả của bài thơ đã nhìn cuộc chiến đấu ở quê hương mình không chỉ bằng con mắt của một thi sĩ mà còn bằng cả tấm lòng, cách nghĩ của dân tộc mình.

NGÔ VINH BÌNH

Chiếc ba lô

*Dưới cấp tướng là cấp tá
Dưới cấp tá là cấp úy
Dưới cấp úy là binh nhất, binh nhì
Dưới binh nhì là... chiếc ba lô.
Chiếc ba lô bé nhỏ
Treo ở góc nhà
Đứng những ngày gian khổ đi xa.*

Lời bình

Bài thơ thật ngắn gọn, chỉ có bảy câu, ba câu đầu không phải thơ, chỉ là thứ tự của cấp hàm trong quân đội. Câu thứ tư "Dưới binh nhì là... chiếc ba lô" đã cho người đọc một sự bất ngờ. Đến ba câu kết ta mới thấy có thơ và với ba câu thơ này đã đủ cứu toàn bài, biến toàn bộ những câu ghi chép thứ hàm kia trở thành tình cảm, xúc cảm và trở thành thơ. Bài thơ gợi ta nhớ đến tác phẩm *Trong cửa hàng đồ chơi* của thi hào Na-dim Hít-mét (Thổ Nhĩ Kỳ). Đọc cả bài thơ này chỉ thấy ông liệt kê những mặt hàng, tên hàng trong cửa hàng đồ chơi, những gấu, thỏ, búp bê, ngựa gỗ... như một dạng quảng cáo hàng hoá, không phải thơ, rồi đột ngột Hít-mét buông một câu kết : "Thằng Mơ-mét năm nay lên bốn tuổi" thì ta thấy lộ lộ hiện lên tấm lòng, tình cảm của người cha xa con đang lưu vong biệt xứ. Vì nhớ con mà ông tha thẩn vào cửa hàng và ngắm đồ chơi của con trẻ. Chỉ một câu kết đã biến tất cả những câu văn liệt kê đồ chơi kia thành tình cảm, thành hồn vía, tâm trạng. Đây là bút pháp của một bậc thầy. Với *Chiếc ba lô*, nhà thơ dân tộc Y Phương cũng đã học được bút pháp già dặn của nhà thơ nước Thổ.

MÃ GIANG HÀ

Trần Thanh Pôn

(Dân tộc Khơ Me)

Tên khai sinh : Trần Thanh Pôn. Sinh ngày 15 tháng 10 năm 1940. Quê quán : xã Hưng Hội, huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tuổi trẻ miền Nam với Bác Hồ (truyện ngắn, 1990) ; *Lời thu của đất* (thơ, 1992) ; *Nguồn nước tuổi thơ* (truyện ngắn, in chung, 1993) ; *Đi tìm những nhà thơ* (thơ, in chung, 1995). *Nhà giáo - nhà thơ* (thơ, in chung, 1997) ; *Nhà giáo Thành phố Hồ Chí Minh* (thơ, in chung, 1997).

Thuận tình

(Phỏng theo dân ca Khơ Me)

Anh đem bao lời thể thốt
Gánh bao gánh thóc
Dọt bao cội gạo trắng
Đem nơm úp cá
bắt về làm mâm cỗ
Mang sang nhà
hỏi em làm vợ
Em cũng chẳng thềm cho.

Dưới tán cây thốt nốt
Gió ém lời mật ngọt
Bên dòng kênh dừa nước
Anh nói với em những gì
như con bò cạp
Em chẳng thấu.

Chỉ có trăng đi đâu khuất
Gió áp sát lồng ngực tròn
Lẻn thơm thơm đôi thơ mộng
Bên cây si anh trồng
Cùng với cây sầu đông - sầu đầu.

Em mới tin rằng
Anh thiệt thiệt tình
có lòng sầu thương em.

*Thế rồi anh hứng nắng tắm trắng
Cười ra nước mắt
hoá thành trâu cau
Làm ai trong phum sóc cũng thích
Vui hai mình mau hoá mình
Thuận tình mình được cưới nhau.*

Sóc K'la - Trà Cú - Trà Vinh

9-1991

Lời bình

Có một nhà thơ đã viết về cảnh *Cực tình* trên con đường tình duyên, còn ở đây lại là cảnh *Thuận tình*. Thuận đấy mà chẳng êm ái, bằng phẳng chút nào đâu. Để có được cái *thuận* phải trải đủ cái *cực* đã. Hãy thử đi theo những con đường đó.

Đây là những lễ vật mà người con trai Khơ Me đã đem đi hỏi người mình yêu về làm vợ :

*Anh đem bao lời thề thốt
Gánh bao gánh thóc
Dọt bao cối gạo trắng
Đem nơm úp cá
bắt về làm mâm cỗ.*

Nhiều vậy mà "Em cũng chẳng thèm cho". Lễ vật, tất phải có, nhưng không phải cơ bản, người con trai hiểu vậy nên :

*Dưới tán cây thốt nốt
Giỏ ém lời mật ngọt
Bên dòng kênh dừa nước
Anh nói với em những gì*

Em vẫn chưa thuận nhưng xem ra lời từ chối có dịu hơn : "Em chẳng thấu".

Chỉ đến khi "Trăng đi đâu khuất" nghĩa là đêm đã khuya lắm, một mình cô gái đứng "Bên cây si anh trồng. Cùng với cây sầu đông - sầu đầu", hồi tưởng lại những gì đã qua mới nhận ra tấm lòng của người yêu, lúc ấy cô gái mới nhận ra và tin rằng "Anh thiệt thiệt tình, có lòng sầu thương em". Hóa ra trong vắng lặng, trong sâu thẳm, con người mới có thể *ngộ* được. Triết lí đạo Phật, tuy ẩn rất kín ở bài thơ này, nhưng nó chính là điểm tựa cho bài thơ phát triển. Trần Thanh Pôn thành công cũng chính là ở chỗ này.

Trần Thanh Pôn là nhà thơ của dân tộc Khơ Me, anh cũng dành nhiều thời gian để nghiên cứu về văn hoá Khơ Me, nên khá am hiểu dân ca. Bài

thơ này theo anh là phỏng theo dân ca Khơ Me. Sự mô phỏng này đã thành công nhờ sự tả *chân* và lối trình bày có tầng, có lớp. Nhiều từ anh dùng như là từ chuyên môn quân sự (ém, áp sát) nhưng những từ này được đặt trong văn cảnh rất phù hợp nên không hề khô cứng, không bị *trật* ra.

Tôi cho rằng sự thành công trong bài thơ này không chỉ là việc chọn trúng từ mà chủ yếu là vị trí của từ trong mạch thơ, nhịp thơ.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Lời thu của đất

"Con người là hoa của đất"

*Muôn thuở đất làm chân đế
Cho núi non đến dài nhà cửa
Cho những túp lều cắm bằng chân nhô
Đất là điểm tựa
Cho thế gian này.*

*Ta sinh ra đất đã có rồi
Đất cũ vô cùng và vô cùng mới
Dù có lúc loài người mắc tội
Làm cho đất biến dạng hình hài
Đất thủy chung với số kiếp con người.*

*Cái nhau ta chôn dấu vào đất
Thành nụ hoa nở giữa con tim
Máu ta đổ cũng lẫn vào đất
Cho tương lai nhân loại hoà bình
Quả đất như trái cây không bao giờ rụng
Trong độ lạnh nóng không gian.*

*Anh và em yêu nhau
Trong vòm khí quyển
Bao quanh mặt đất
Khi ta thấy tim mình đập vội
Là trái đất bỗng bừng dậy non chồi
Ta hôn nhau đất chở che rồi.*

*Trăm thứ thải ra lẫn vào đất
Nhưng đất nào đổi hờn
Cả loài người rơi lệ*

Tan biến xuống mặt đất
Trái đất này vẫn cứ có đơn
Bởi mặt trời mặt trăng xa quá
Trái đất quay theo quỹ đạo của mình.

Em ơi em ta đã tái sinh
Giữa vùng đất lá thu rơi
Như ta ắt có ngày trở về với đất
Dù sống đến trăm năm
Kẻ thù tước quốc tịch
Nhân loại xưa đuổi
Đất như người Mẹ vĩ đại
Bao giờ cũng cho ta dung thân.

Lời ta hát hay khóc đất thu hết
Để tạo nên âm thanh tuyệt trần
Cả sóng biển bão rừng cùng lẫn vào đất
Bản giao hưởng nhiều bè đội mãi
Để cuối cùng gởi vào vũ trụ xa xăm...

TP. Hồ Chí Minh, 9-1991

Lời bình

Bài thơ suy ngẫm về trái đất của chúng ta trong hai cái nhìn : xem Trái Đất như một hành tinh tràn đầy sự sống loài người, và xem Trái Đất - ở từng nơi cụ thể - là quê hương của mỗi đời người.

Vâng, trên mặt đất này có căn nhà ta ở, lại có núi non, sông suối, cây trái, cỏ hoa mà tạo hoá đã hào phóng ban tặng con người. Trong cuộc đời, còn có cả tình yêu đôi lứa tồn tại trên trái đất này. Tình yêu luôn là chất thơ nuôi dưỡng tâm hồn nhân loại. Tuy mặt đất này còn chiến tranh, còn máu đổ, chính quả đất cũng bị bàn tay con người nhiều khi đối xử thô bạo. Thế nhưng mặt đất vẫn mãi mãi hiện ra như một sức mạnh trường cửu, không gì có thể tàn phá nổi ; mãi mãi mang nhiều vẻ đẹp ẩn giấu và ngời hiện...

Đối với mỗi đời người, trái đất trong từng nơi cụ thể lại trở thành đất mẹ quê hương. Quê hương làng xóm, rộng ra là vùng, miền, xứ sở ; rộng ra nữa là Tổ quốc. Đến đây mọi chiêm nghiệm về Đất đồng nghĩa với sự chiêm nghiệm về Tổ quốc : Đất mẹ và Tổ quốc.

Có thể nói những suy ngẫm của nhà thơ cũng tựa như "Bản giao hưởng nhiều bè đội mãi". Cái đáng quý nhất là mỗi khi ta biết suy ngẫm như thế, ấy là khi ta biết sống sâu sắc và nhân ái hơn lên.

VĂN GIÁ

Hùng Đình Quý

(Dân tộc Mông)

Tên khai sinh : Hùng Đình Quý. Sinh ngày 14 tháng 1 năm 1938. Quê quán : xã Tùng Vài, huyện Quản Bạ, tỉnh Hà Giang.

Tác phẩm đã xuất bản :

Người Mông nhớ Bác Hồ (thơ, 1991) ; *Nếu sai tôi sẽ chết không nhắm mắt* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải tác giả dân tộc thiểu số của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1994 (tập thơ *Người Mông nhớ Bác Hồ*).

Làm cỏ ngô

Đá lâu kêu đá lâu bên sườn núi
Đá lâu gọi con gái Mông vun ngô
Ấu vấu kêu ấu vấu bên sườn đồi
Ấu vấu gọi con trai Mông cuốc cỏ.

Đá lâu kêu đá lâu tiếng giòn già
Đá lâu nhắc :
Vun ngô dưới bầu trời nắng
Cỏ cuốc phải rải ra.

Ấu vấu kêu ấu vấu tiếng giòn tan
Ấu vấu bảo :
Cuốc cỏ dưới bầu trời râm
Cỏ vun phải lấp kỹ
Cỏ cuốc cuốc được đúng thời
Cuốc xong ngô lớn mơn mớn
Như ống thổi lửa thúc
Ngô vun vun được đúng vụ
Vun xong ngô lớn mơn mớn
Như ống thổi lửa giục.

Ống thúc thúc quả ngô to nhanh tựa sừng trâu
Làm em gái Mông

*Lòng dạ phơi phới như suối chảy
Ổng giục giục quả ngô to nhanh tựa sừng bò
Làm anh trai Mông
Lòng dạ dào dạt như suối reo.*

1972

Lời bình

Bài thơ có cấu trúc song đối như trong dân ca Mông. Đoạn 1 : câu 1 và câu 2 song đối với nhau, câu 3 và câu 4 song đối ; đoạn 2 và đoạn 3 song đối với nhau ; đoạn 4 : 3 câu trên và 3 câu dưới song đối với nhau ; đoạn 5 : 3 câu trên và 3 câu dưới song đối.

Hai từ "đá lâu" và "ấu ấu" được nhắc đi nhắc lại như một sự thôi thúc. Vun ngô và cuốc cỏ cũng là hai công việc được nhắc đi nhắc lại.

Điều thú vị là tác giả vừa sử dụng biện pháp song đối, nhắc đi nhắc lại, vừa khéo léo dẫn cho tứ thơ phát triển theo sự phát triển của cây ngô, đã dẫn tới sự kết thúc cuối bài :

*Ổng thúc thúc quả ngô to nhanh tựa sừng trâu
Làm em gái Mông
Lòng dạ phơi phới như suối chảy
Ổng giục giục quả ngô to nhanh tựa sừng bò
Làm anh trai Mông
Lòng dạ dào dạt như suối reo.*

Khi mùa thu hoạch ngô đã tới, thì cũng là lúc tình cảm giữa người con gái và chàng trai Mông đạt tới độ "phơi phới", "dào dạt".

BẾ KIẾN QUỐC

Qua dốc Cán Tỷ

*T*rời đất thật khéo sinh
Sinh được đường Cán Tỷ dốc cao
Trời đất thật khéo đẻ
Đẻ ra Cán Tỷ đường dốc đứng.
Con đường dốc quá, quá dốc
Làm anh trai Mông leo như trèo thang gác !
Con đường đứng quá, quá đứng
Làm anh trai Mông leo như trèo thang tay !

Vì dân tộc công việc vội to
Anh trai Mông lên đường
Lúc nắng mặt trời đang còn nấp
Mặt trời đừng bóng mới leo nửa dốc,
Vì Đảng công tác cần nhiều
Anh trai Mông lên đường
Lúc nắng mặt trời đang còn ngủ
Mặt trời ngả chiều mới lên đến nơi.

Con đường, mây bò qua đèo qua núi miết
Nhưng thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh đây
Vượt trăm lần vẫn thấy chưa chán
Con đường, mây bò qua đèo qua núi hoài
Nhưng thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh này
Vượt trăm lần vẫn thấy chưa chê.

Giờ đây anh trai Mông
Lấy dốc đèo vượt qua
Xin mời đường mây hãy vênh tai lắng
Ta - người trai Mông đây còn hát
Ba mươi ba bài dân ca nữa mới thôi,
Giờ đây anh trai Mông
Lấy đèo dốc vượt hết
Xin mời đường mây hãy vênh tai nghe
Ta - người trai Mông này còn ca
Ba mươi ba bài dân ca nữa mới chịu.

1969

Lời bình

Những con dốc của đường miền núi lần lượt nối nhau vào thơ ca. Ta còn nhớ "Dốc Pha Đin chị gánh anh thồ" trong thơ Tố Hữu. Ta quên sao được con dốc trên đường Tây Tiến của thơ Quang Dũng năm xưa :

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao ngàn thước xuống

Rồi dốc Mã Pì Lèng trong thơ Xuân Diệu "Mười một chữ chi". Bây giờ trước mặt ta là dốc Cán Tỷ.

Con dốc này là con của đất trời, do đất trời *để ra* chứ không phải là *kiến tạo*. ("Quan hà bách nhị do thiên thiết". Giang sơn hiểm trở do trời đất - Nguyễn Trãi).

"Dốc quá, quá dốc", "đứng quá, quá đứng". Có đến bốn điệp từ "quá" trong một khổ thơ làm cho ta hình dung Cán Tỷ thật là vượt bậc dốc đứng, vượt bậc dốc cao. Đáng mặt là dốc *con trời, con đất*. Dốc đến nỗi không thể đi được mà phải *leo*, phải *trèo* như lên thang gác, thang tay. Sự thật, nếu có phải leo các loại thang ấy thì chỉ leo chốc lát thôi. Đàng này leo dốc Cán Tỷ thì phải mất cả buổi, cả ngày :

- Anh trai Mông lên đường
Lúc nắng mặt trời đang còn nấp
Mặt trời đứng bóng mới leo nửa dốc

- Anh trai Mông lên đường
Lúc nắng mặt trời đang còn ngủ
Mặt trời ngả chiều mới lên đến nơi

Ở những khổ thơ tả dốc Cán Tỷ, con đường dốc hiện ra trước rồi mới thấy con người vượt dốc. Dù "leo" cả ngày như thế, nhưng vì công việc, họ đã :

Vượt trăm lần vẫn thấy chưa chán
Vượt trăm lần vẫn thấy chưa chê

Thật đáng khâm phục !

Đến khổ thơ cuối cùng thì bỗng nhiên hình ảnh con người được đảo lại, được đặt lên trước, sừng sững hơn đèo dốc :

- Giờ đây anh trai Mông
Lấy dốc đèo vượt qua
- Lấy dốc đèo vượt hết.

Anh vượt, mà vượt với tư thế phơi phới chủ động chứ không phải là khổ sở thụ động. Anh kiêu hãnh nói với con đường Cán Tỷ :

- Ta - người trai Mông đây còn hát
Ba mươi ba bài dân ca nữa mới thôi

Nhớ bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá", Huy Cận tả những người dân chài hát từ lúc ra đi, hát khi trên biển và hát lúc trở về. Bây giờ ta lại gặp những người trai Mông hát ba mươi ba bài dân ca vượt dốc. Vui làm sao ! Khoẻ khoắn làm sao !

Ước chi được một lần đến thăm Cán Tỷ, leo con dốc ấy nghe ba mươi ba bài dân ca ấy. Rồi ngả mũ, bắt tay những chàng trai Mông - những con người bình dị mà hào hùng - và nói bằng câu thơ Xuân Diệu :

Từ xa tôi đến nơi này chào anh !

VŨ NHỎ

Lâm Quý

(Dân tộc Cao Lan)

Tên khai sinh : Lâm Văn Quý. Sinh ngày 18 tháng 4 năm 1947. Quê quán : xã Quang Yên, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Mất năm 2007.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hát về nguồn (thơ, in chung, 1981) ; *Truyện cổ Cao Lan* (1982) ; *Điều có thật từ câu dân ca* (thơ, 1988) ; *Kó Lau Slam* (thơ, 1992, 1994) ; *Chàng út của ông Trời* (truyện thơ, 1995).

Giải thưởng văn học :

Giải ba thơ Hội Văn học nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh, 1979 ; Giải B thơ Báo Văn nghệ về đề tài Dân số - kế hoạch hoá gia đình, 1995.

Quê cộ

Ngân ấy năm rồi dù xa quê hương
Anh vẫn thấy cộ xoè trong nón lá
Cái màu cộ non, em ơi khó tả
Sao cứ nỡn nà như đôi tay ai
Mùa hoa cộ, trời đầy hương bay
Con chim én liệng về ủ tổ
Ngàn vạn răng cưa cắt ngang chiều gió
Nắng chảy tràn về phủ tím đôi sim

Nhớ những chiều cắt cỏ chăn trâu
Hai đứa mình tìm rình bắt bướm
Cơn mưa ập về ướt đôi mái đầu
Riu rít chung che tàu cộ nhỏ
Tháng sáu mẹ đi bừa về, cua đầy móm cộ
Em chạy sang anh hái mắm rau ngổ
Bát canh riêu vàng đỏ rắng mùa.

"À ơi.... đất đôi chưa nắng đã khô
Ai sang quê cò nhớ mua quạt gôi..."
Tiếng ru của mẹ lượn vòng quanh nôi
Lượn ra mái đôi xoè tay che nắng
Lượn ra đồng vắng nhuộm trắng cánh cò...

Phú Thọ, 8 - 1977

Lời bình

Thoáng đọc, ta cứ tưởng đây là một bài thơ tả cảnh. Nhưng đọc kĩ một chút ta mới thấy tất cả sự kiện, cảnh vật nơi đây đều đánh dấu và ẩn chứa một chuyện tình, mà chuyện tình này chỉ có ở quê cò "Ríu rít chung che tàu cò nhỏ". Hình ảnh của người đi xa nhớ về quê hương, nhớ về "một thời để nhớ". Những hình ảnh chân quê ấy cứ trôi dạt, sống động trong anh :

Tháng sáu mẹ đi bừa về, cua đầy mòm cò
Em chạy sang anh hái mầm rau ngổ
Bát canh riêu vàng đỏ rảng mùa

Bức vẽ có bướm, nhạn, đôi sim, chiều chăn trâu, có mưa, có nắng, nhưng câu thơ hay nhất lại là về lời ru, trong đó hình ảnh cò "xoè tay che nắng" đã hoà nhập tự lúc nào :

Tiếng ru của mẹ lượn vòng quanh nôi
Lượn ra mái đôi xoè tay che nắng
Lượn ra đồng vắng nhuộm trắng cánh cò...

NGÔ VĂN PHÚ

Nếu em bỏ ôm chồng

Nếu em bỏ ôm chồng
Anh sẽ trả cả ngàn cái hôn
Cả ngàn ngọn núi

*Cả ngàn con nai, con công
 Nâng em lên thành bà chúa rừng.
 Nếu em bỏ ôm chồng
 Anh sẽ bứt hết lá rừng
 Về nấu cao màu xanh
 Để nhuộm tóc cho người đời xanh mãi.
 Nếu em bỏ ôm chồng
 Anh sẽ làm công không
 Cho hoa nở và muôn đời quả ngọt.
 Nhưng tôi được trả lời :
 - Anh mà nói câu nữa
 Mời ra uống nước lã ngoài sân...*

Lời bình

Kiểu cách nói, kiểu cách tán tỉnh trong *Nếu em bỏ ôm chồng* có cái gì đó hơi giống giống, hơi ngổ ngỗ như ở trong *Em tắm* ; *Nhờ vợ* thì phải. Có điều, anh thì tò mò rình "Trộm xem em tắm", anh thì năn nỉ, tìm mọi lí do để được "Về ôm vợ hai đêm", và anh thì ra sức vuốt ve, tán tỉnh, gạ gẫm, hứa hẹn, thể thốt, nào là anh sẽ..., nào là anh sẽ... "Nếu em bỏ ôm chồng". Nhưng anh chàng láu cá, láu tôm này đã không được hỏi, không được giải thích, không được giao nhiệm vụ như trong *Em tắm*, và cũng không có được cái kết đầy thi hứng, thú vị như trong *Nhờ vợ*. Có lẽ do cách tán tỉnh ở đây phần hơi thái quá và mất lịch sự, có phần hơi trắng trợn, thô thiển và kịch cỡm, bởi vì ai lại khuyên, vận động người đẹp "bỏ ôm chồng" bao giờ. Và, hậu quả là anh ta đã nhận được một cái giá :

*- Anh mà nói câu nữa
 Mời ra uống nước lã ngoài sân...*

Vậy là sức chịu đựng của người đẹp cũng có hạn thôi đấy, không phải cứ mở cửa, thôi cấm chợ ngăn sông, cứ thông thoáng, kinh tế thị trường, kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là anh muốn nói, muốn làm gì cũng được đâu nhé.

LÒ NGÂN SỪN

Lời anh

"Nuôi chim bằng muối
Trả chim về trời"
(tục ngữ Cao Lan)

*Hạt muối có từ đâu ?
Sinh ra từ biển mẹ !
Cái mặn trong lòng đất
Mẹ chắt chiu tháng ngày.*

*Lời anh có từ đâu
Sao mặn mà đến thế
Tai em chẳng nghe đâu
Mà lời anh như thế
Quả ngoã mặt chín ngầu
Cứ lặn vào trong ngực...*

*Muốn ăn nữa hết rồi
Tần ngần bên con suối
Chảy dầy trong mong đợi
Uống ngụm nước cho vơi
Nước mặn mà như muối.*

*Suối ơi phải lời anh
Cứ hiện về là thật
Em đã đi hết đất
Em đã đi hết trời
Chẳng nơi đâu có suối
Không chốn nào có quả
Mặn mà như lời anh.*

1983

Lời bình

Hạt muối mặn, đó là cái mặn có thật. Còn lời nói mặn là cái mặn mang ý nghĩa tượng trưng mà thôi. Đến dòng nước suối cũng "Nước mặn mà như muối", thì cái mặn ở đây lại càng là cái mặn thuộc về lĩnh vực tình cảm, tinh thần rồi !

Liên hệ với hai câu tục ngữ Cao Lan dùng làm đề từ : "Nuôi chim bằng muối. Trả chim về trời", ta sẽ thấy rằng : chính cái mặn trong lời nói, cái mặn trong cây quả, cái mặn trong suối nước - sẽ khiến cho người ta, dù

"đi hết đất", "đi hết trời" cũng chẳng thể nào xa rời được mảnh đất quê hương, nơi có lời anh, có cây quả, có suối nước *đặc biệt* mang chất mặn kia. Giống như con chim, đã được nuôi bằng thức ăn trộn muối thì dù có được trả về trời rồi cũng phải quay lại với người.

Hãy mở rộng thêm một chút : ngày xưa, hạt muối có giá trị trong cuộc sống người vùng cao bởi vì nó mặn. Nay, muối không thiếu nữa, cái mặn chỉ còn mang ý nghĩa về mặt tinh thần, tình cảm mà thôi. Đó là một sự khác nhau có tính chất xã hội. Chỉ trong xã hội mới, người vùng cao mới có được những nếp suy nghĩ, nếp cảm xúc mới mẻ như vậy.

BẾ KIẾN QUỐC

Thêu cả bốn mùa

Cô gái người Mông

Thêu cả bốn mùa vào gấu váy

Vạt đằng trước thêu mùa nước chảy

Xoa tròn đầu hòn đá dưới thung.

Vạt đằng sau dùng dăng đi hội

Chàng trai mãi nhìn vấp ngã sưng môi.

Vạt bên phải thêu mùa nếp xôi

Tháng chín - chín cả lưng đồi.

Vạt bên trái thêu mùa đào hé nụ

Nở dài theo dải địu con thơ...

Yên Bái, 5 - 1995

Lời bình

"Thêu cả bốn mùa vào gấu váy" - câu thơ đẹp này là câu thơ chủ yếu trong bài. Tám câu tiếp theo minh hoạ cho câu thơ này : "vạt đằng trước", "vạt đằng sau", "vạt bên phải", "vạt bên trái" mỗi vạt thêu một mùa. Và bốn mùa ở đây là : "mùa nước chảy", mùa "đi hội", "mùa nếp xôi", "mùa đào hé nụ".

Tất cả những hình ảnh sinh động cụ thể hoá bốn mùa càng tập trung làm nổi bật vẻ đẹp của cô gái người Mông "Thêu cả bốn mùa vào gấu váy". Vẻ đẹp thiên nhiên đưa hình tượng người con gái Mông vào trung tâm và tôn cao hình tượng ấy. Đó mới chính là điểm dụng công của nhà thơ.

BẾ KIẾN QUỐC

Hoàng Hữu Sang

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Hữu Sang. Sinh ngày 13 tháng 9 năm 1950. Quê quán : xã Cẩm Nhân, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Mất năm 2006.

Tác phẩm đã xuất bản :

Người đánh gấu trên núi Suối Mây (truyện ngắn, 1997).

Câu sli xứ Lạng

*Câu sli qua dốc gập ghềnh
Vu vào vách đá tan thành sao đêm
Câu sli không phải là em
Mà sao chén rượu cứ nghiêng bên này
Bồng con vò võ nơi đây
Câu sli hoá đá đợi ngày gặp nhau
Lặng nghe trong tiếng kinh cầu
Câu sli thấp ánh đèn dầu năm canh.
Kì Cùng còn uốn quanh quanh
Câu sli xa cách nhuộm xanh tóc thề.*

Lạng sơn, 10-3-1998

Lời bình

Xúc động trước "kì cùng" sông nước, mây trời của xứ Lạng - Hoàng Hữu Sang đã làm bài thơ *Câu sli xứ Lạng* lấy từ Sli một trong những "đặc sản" nổi tiếng của người xứ Lạng.

Nhưng Hoàng Hữu Sang đã không bị chìm đắm vào trong cổ tích xa xăm, mà lại từ trong cổ tích xa xăm đó để vén dần lên giữa đất trời cái : "gập ghềnh", va đập, "vò vò", "kính cầu", "uốn quanh", "tóc thề"... để cho câu sli qua dốc, hoá đá, để cho câu sli thấp lên ánh đèn, nhuộm xanh trời đất.

Bài thơ được viết trong một trại sáng tác văn học tại Lạng Sơn, thời gian tuy ngắn ngủi nhưng lại có được một bài thơ khá ấn tượng, trong khi có nơi ta sống cả một đời người, nhưng chưa chắc đã có được một bài thơ như thế ! Làm thơ, lạ thế ! Có phải vì thế mà Raxun Gamzatốp đã nói "Thơ đến bất ngờ như tình yêu" ? Có phải "Lạng Sơn có phố Kỳ Lừa - Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh" đã đến bất ngờ với Hoàng Hữu Sang, nên Hoàng Hữu Sang đã "Kì Cùng" với câu "Sli" xứ Lạng mà nhuộm xanh tóc thề, mà thấp ánh dầu năm canh, mà hoá đá đợi chờ, vời vợi, xa xôi...

Bài thơ là một nỗi niềm "tức cảnh nên thơ" về một xứ sở quê hương, đất nước được lấy lên từ câu Sli xứ Lạng.

LÒ NGÂN SÚN

Nguyễn Xuân Sanh

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Xuân Sanh. Sinh ngày 16 tháng 11 năm 1920 tại Đà Lạt.
Quê quán : xã Đình Mười, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Xuân thu nhũ tập (thơ, 1942, 1992) ; *Chiều bay bóng hồng* (thơ, 1957) ; *Tiếng hát quê ta* (thơ, 1958) ; *Nghe buổi xuân về* (thơ, 1961) ; *Quê biển* (thơ, 1966) ; *Sáng thơ* (thơ, 1971) ; *Đào đưa đỏ* (thơ, 1974) ; *Đất nước và lời ca* (thơ, 1978) ; *Tuyển tập Nguyễn Xuân Sanh* (thơ, 1991) ; *Đất thơm* (thơ, văn xuôi, 1995) ; *Về thơ* (tiểu luận, 1947, 1949) ; *Anh hùng Trần Đại Nghĩa* (1953) ; *Qua thơ văn những người bạn lớn* (tiểu luận, 1957) ; *Rạng đông Côn Đảo* (bút kí, 1985).

Dịch thơ : Liên Xô, Ấn Độ, Pháp, Thụy Điển, Hunggari, Ba Lan, Ixraen...

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng ngoại hạng của Hội Văn nghệ Việt Nam (cấp cho tập thể các nhà văn đã viết về anh hùng và chiến sĩ thi đua - tác giả viết về anh hùng Trần Đại Nghĩa 1951 - 1952).

Trong rừng đêm

*Làng nho nhỏ, cạnh rừng sương
Có khe nước chảy mà vương mây trời
Ấm lòng Việt Bắc sáng ngời
Nơi đây cây núi với người thương nhau.*

*Tình sau trước, nghĩa trước sau
Rừng cây say chữ nên chau chuốt cảnh
Đêm đêm hoa dại nghiêng mình
Lắng nghe chị Mán ngâm kinh i tờ.*

*Đá xuân cũng tỉnh giấc mơ
Nghiêng tai nghe nước suối tơ học ngẫm
Nước non có ánh trăng rằm
Tâm tư miền núi tình thâm bao la.*

*Anh từ Hà Nội xa xa
Cấp dầm quyển sách là hoa đồng bằng
Thêm cây đàn ngọt như trăng
Màu mây tháng ấy cũng rằng thanh thanh*

*Đường dài có chút quà xinh
Bình dân học vụ hay tình miền xuôi
Nghe vui làng nhỏ bỗng cười
Trăm con mắt thắm xuân tươi lạ lùng.
Đêm đêm họp cạnh lửa rừng
Ngân nga tiếng hú gọi chùng núi quanh
Gửi niềm mạn ngược về Kinh
Non cao cùng với đồng xanh cảm hoà.*

5-1947

Lời bình

Trong các tuyển tập thơ Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám, nếu có bài của Nguyễn Xuân Sanh, người ta thường chọn bài này.

Tháng 5-1947, sau khi mang ba lô lên Việt Bắc chưa được bao lâu, tác giả viết *Làng nhệt trong rừng đêm* khá thành công. Sau này đổi tên là *Trong rừng đêm*.

Toàn bộ bài thơ nói lên tình cảm giao hoà giữa bà con Việt Bắc với người Hà Nội lên chiến khu. Sự giao hoà đó được biểu hiện qua một làng nhỏ trong rừng sâu. Dưới con mắt của tác giả, cái bản vắng lạnh lẽo ấy không man rợ, trái lại, nó được vẽ mơ mộng, dễ thương. Ngay câu mở đầu, làng nhỏ hiện ra một cách nhẹ nhàng như trong phim ảnh :

*Làng nhỏ nhỏ, cạnh rừng sương
Cỏ khe nước chảy mà vương mây trời.*

Tiếp đến khổ thứ hai, cái làng nhỏ muôn thuở ấy, đã hiện ra những hình ảnh mang dấu ấn của thời đại mới :

*Đêm đêm hoa đại nghiêng mình
Lắng nghe chị Mán ngâm kinh i tờ.*

Một số bản in sai là "Đêm đêm hoa đại...". Phải là "hoa đại" ở một ngôi chùa nào đấy thì mới phối ý được chặt chẽ với câu dưới : "Chị Mán ngâm kinh i tờ".

Tác giả chọn cái hình ảnh lớp bình dân học vụ để nói lên sự đổi mới của một làng nhỏ muôn thuở, chính là để nói ánh sáng văn hoá rọi vào nơi tận cùng hoang vắng kia. Các chi tiết đều xoay quanh cái ý lớn ấy : "Rừng cây say chữ", "Nghiêng tai nghe nước suối tơ học ngâm", "Cấp dầm quyển sách là hoa đồng bằng"...

Ba khổ cuối của bài thơ hiện rõ dần cái ý người Hà Nội lên chiến khu và tình cảm giao hoà đầm thắm của bà con bản làng với anh cán bộ. Sự giao hoà ấy thể hiện qua một hoạt động cụ thể : anh cán bộ miền xuôi mở lớp bình dân học vụ để dạy chữ cho đồng bào miền núi. Bài thơ vì thế mà càng đậm chất nhân văn.

Huyền Sâm

(Đàn tỳ Kình)

Tên khai sinh : Nguyễn Văn Sâm. Sinh năm 1939. Quê quán : tỉnh Thái Bình

Tác phẩm đã xuất bản :

Dòng suối yêu thương (trường ca, Hội Văn học nghệ thuật Lào Cai, 1973).

Giải thưởng văn học :

Giải chính thức sáng tác về đề tài 27 - 7 của Bộ Lao động thương binh và xã hội, 1973 (bài *Dòng suối yêu thương*) ; Giải B cuộc thi thơ Báo Văn nghệ, 1975 - 1976 (bài thơ *Rừng xanh*).

Rừng xanh

*K*hi ở rừng in đậm dấu chân tôi
Cây bao tuổi nhìn qua vòng gỗ
Tìm hướng mặt trời chỉ cần sờ vỏ
Trông lá cành biết gió thổi phương nao
Nhìn rễ cây đoán sắp mưa rào
Vị trái chín hiểu cành chưa ngọt
Qua sẹo hằn đếm từng cơn bão táp
Nửa vụn mình biết sắp sang thu
Cây cứng hay mềm nghe ở tiếng cưa
Gỗ mục hay xơ quen nhìn gân lá
Nhựa cây in áo quần loang lổ
Cũng nhận ra sắc gỗ mùi hương

*

* *

*Lúc xa rừng lòng dạ bàng khuâng
Trời lộng gió ngổ rừng rung chuyển
Đứng bờ ao nón nao chìm gỗ kiến
Khói bếp ùn nhớ đỉnh đèo mây*

Đêm nằm mơ tán lá nghiêng quay
 Lúc tỉnh dậy bàng hoàng vãn gỗ
 Nhớ nào bằng anh em trong tổ
 Khai thác rừng gần bó bấy nay
 Từ buổi đầu dẫn gỗ sản tay
 Đến khi có máy cưa, đường dây lao gỗ
 Năm chụm đầu lắng nghe cây thở
 Lúc thác gào lo vỡ bè xuôi
 Bữa cơm xoàng cả tổ cùng vui
 Xa là nhớ canh môn măng đắng
 Dù vẫn gặp sơn dương, nai, hoẵng
 Chẳng bao giờ nữ bầy một con
 Ở nơi nhiều muỗi, vắt, gió, sương
 Lạ lòng sao không ai sốt rét
 Năm lá rừng ấy là chén thuốc
 Sức chuyển cây không chỉ gió trời
 Sống ở rừng cảnh lạ mà vui
 Chẳng thấy cơn vẫn mưa tầm tã
 Nhìn mặt trời qua bao kẽ lá
 Thấy rừng rây những sợi nắng vàng

*

* *

Lúc nghỉ tay lòng ngỡ liên hoan
 Xem tận mắt hồ vờn công múa
 Hoa phong lan chẳng cần treo giỏ
 Để nguyên cây thơm khắp mọi nhà
 Tiếng gà gô - đây cũng tiếng gà
 Nghe lẫn gáy biết mùa gặt hái
 Trong rừng sâu trời sao thu nhỏ lại
 Chuyện tiểu lâm cười rất rộng dài
 Trong ánh bình minh xanh rợn ban mai
 Tôi hiểu có hừng đông của lá...

8 - 1975

Lời bình

Tôi yêu bài thơ này !

Tôi yêu vẻ đẹp kì thú của rừng xanh !

Nhưng yêu hơn hết vẫn là tâm hồn người thợ rừng được Huyền Sâm mô tả trong bài thơ !

Người đọc được nghe người thợ khai thác gỗ nói về rừng xanh, nói về cái địa hạt, cái xứ sở mà anh hiểu rất tường tận và anh yêu tha thiết. Với ai khác thì có thể "thấy cây không thấy rừng", hoặc ngược lại, thấy cả rừng mà chẳng hiểu chi hết về cây. Nhưng ở anh, anh hiểu về rừng như hiểu về người bạn tri kỉ, tri âm. Nhìn vòng gỗ, anh hiểu tuổi tác của cây. Vín trái, anh hiểu cành. Nghe tiếng cưa anh hiểu gỗ. Nhưng kì lạ và tuyệt diệu thay anh hiểu về rừng đến mức :

*Gỗ mục hay xơ quen nhìn gân lá
Nhựa cây in áo quần loang lổ
Cũng nhận ra sắc gỗ mùi hương*

Nhận ra bản chất bên trong của rừng, của gỗ mà chỉ cần trông qua vài nét đơn sơ bề ngoài như vậy, họa chăng chỉ có con mắt của... người thợ rừng.

Rừng còn cho anh những tín hiệu để anh hiểu biết rộng ra về thiên nhiên. Vỗ cây chỉ hướng mặt trời. Lá cành chỉ hướng gió. Rễ cây báo mưa. Có làn gió đang thổi, có cơn mưa sẽ tới, có trận bão táp đã qua rồi. Biết gió biết mưa như thế đã là khó. Từ cây nứa vắn mình mà nhận ra thời tiết đang chuyển mùa thì tình tường biết nhường nào. Những tín hiệu ấy, cũng chỉ có người thợ rừng là nhận ra được mà thôi.

Cả một đoạn thơ ngắn ngọn kinh nghiệm. Nhưng đâu phải chỉ có kinh nghiệm ? Đằng sau những kinh nghiệm ấy, biết bao là niềm say mê, là tình yêu mến của người thợ với công việc của mình, với rừng xanh của mình : để đến bây giờ, anh hiểu về rừng như người thương hiểu về người thương : đã yêu nhau thì hiểu lòng nhau chỉ cần thoáng qua một cử chỉ, một ánh nhìn...

Và quả thật, rừng xanh với người thợ rừng đã nên tình nên nghĩa. Anh say sưa với vẻ đẹp của rừng. Ánh sáng muôn đời và mọi chốn đều đẹp. Nhưng ánh sáng, ánh mặt trời ở rừng xanh lại càng đẹp hơn :

*Nhìn mặt trời qua bao kẽ lá
Thấy rừng rây những sợi nắng vàng*

Huyền Sâm không tô vẽ, không thi vị hoá cảnh rừng xanh. Anh mô tả đúng như con mắt nhìn của người thợ rừng, y nguyên vẻ đẹp tự nhiên của rừng xanh vốn có :

*Xem tận mắt hồ vờn công mùa
Hoa phong lan chẳng cần treo giỏ
Để nguyên cây thơm khắp mọi nhà*

Người thợ khai thác gỗ yêu rừng không phải như những tâm hồn yếu thế xưa kia lấy sơn dã làm niềm vui quên lãng thực tại, mà là bằng tình cảm của người lao động. Vào lúc nghỉ tay, vào khoảng trống giữa những cuộc "đẵn gỗ sẵn tay", lao gỗ, cuốn bè, anh thanh thoi thưởng thức cảnh rừng thơ mộng.

Ở thì thương, xa thì nhớ. Nỗi nhớ rừng hoà trong nỗi nhớ đồng đội. Nhớ từ cây nấm, con chim, con nai, con hoẵng cho đến đỉnh đèo mây. Rừng gắn bó với anh, rừng là ân nghĩa. Từ "canh môn, măng đắng" cho đến "nấm lá rừng ấy là chén thuốc" tất cả đều thành nỗi nhớ khôn nguôi. Mỗi chi tiết đều được gợi nhớ từ những hình ảnh, vị trí phù hợp, khác nhau. Nhưng đặc sắc nhất là nỗi nhớ rừng khi anh nằm mơ và tỉnh dậy :

*Đêm nằm mơ tán lá nghiêng quay
Lúc tỉnh dậy bàng hoàng vãn gỗ*

Huyền Sâm đặt vào giấc mơ của người thợ rừng chi tiết sao mà phù hợp ! Giây lát khoái nhất của người thợ khai thác gỗ là khi chặt nhất riu cuối cùng, cứ để nguyên mồ hôi mồ kê nhễ nhại như thế, thưởng thức phút cây đổ : những tiếng rắc rắc, thân cây sừng sững và thẳng vút chuyển dần, vòm tán lá khẽ nghiêng xoay, trời mây chao đảo, cây ngã dần, ngã dần, để rồi nằm sòng sượt với tiếng nổ "rầm" và một khoảng trời xanh bát ngát hiện ra. Nhớ cái phút say người nhất ấy, phải là nhớ trong mơ thì mới hợp.

Ở câu liên sau, Huyền Sâm lại có phát hiện tuyệt vời thứ hai. Ấy là nỗi nhớ rừng lúc người thợ tỉnh dậy. Con người ta từ trạng thái ngủ sang trạng thái thức, từ tư thế nằm mà ngồi dậy, trước khi ổn định nhìn rõ mọi vật xung quanh thường thấy những đường nét vân vi hiện ra. Xa rừng, nhớ rừng, những đường nét ấy gợi người thợ khai thác nhớ ngay đến những đường vân gỗ, những đường vân của lát chun, lát hoa của bao nhiêu gỗ quý trong rừng. Nỗi nhớ trong mơ đã thường nghe nhiều người nói tới. Mô tả nỗi nhớ lúc bàng hoàng tỉnh dậy này, Huyền Sâm được nhận niềm vinh dự của một sự phát hiện độc đáo.

CAO VĂN TƯ

Mùa A Sầu

(Dân tộc Mông)

Tên khai sinh : Mùa A Sầu. Sinh ngày 5 tháng 8 năm 1937. Quê quán : xã Sinh Chải, huyện Tủa Chùa, tỉnh Lai Châu.

Tác phẩm đã xuất bản :

Núi mọc trong mặt gương ; Đường ma ly pho ; Trả lại cây cho rừng xanh ; Bấu sữa dô ; Người Mông làm chủ đất nước ; Núi May.

Núi mọc trong mặt gương

- Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi !
Miền núi cao như bức tranh đẹp hiện trong mặt gương...
Mùa đông mây nằm chưa trôi đi, mây mùa xuân đã
sà xuống.
Ngọn núi và lưng rừng nào cũng đến mùa xuân
hoa đào mới nở...

- Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi !
Tiết trời miền núi cao gió thổi mát nhẹ cả bốn mùa,
không nóng, không rét.
Đỉnh núi nào cũng có gái giỏi sống ở trăm năm
Lưng núi nào cũng có trai tài sống ở trăm xuân...
Chân núi sinh ra người thầy nổi tiếng
Ngọn núi nuôi dưỡng người già đáng quý.

- Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi !
Triển núi cao sinh ra cây vàng, lòng núi cao
sinh ra măng bạc
Sông núi là nơi che chở giúp cho cây vàng
đánh thắng từ số trăm nghìn trở lên.

- Ôi, bầu trời, ngọn núi cao ơi !
Miền núi cao một tay vỗ không kêu
Nhưng ta biết nói, họ biết làm, thì có ngày
họ đến tìm, và nhiều tay vỗ kêu.

*Một chân đứng lên thì không vững
Nhưng ta biết nói, họ nghe ra thì có ngày sẽ
ào ào tiến cùng một con đường.*

*- Ôi, bầu trời, hỡi ngọn núi cao ơi !
Núi cao là nường của ta, đồng bằng là ruộng của ta
Đất nước rộng mênh mông, người chủ do ta bổng
Quyền lực là rất to, ruộng đất do ta quản
Kể nào bụng không tốt tỏ lời từ trong quả bầu,
ta sẽ bóp chết ngay từ trong trứng
Tỏ lời qua khe cửa và lỗ hồng chái nhà,
ta bịt ngay không để một ai nghe thấy.
Rừng núi ơi !*

Lời bình

Mùa A Sầu cũng như Ka Sô Liêng, ít thấy xuất hiện trên văn đàn, trên báo chí. Nhưng khi bài thơ *Cánh chim* của Ka Sô Liêng và bài *Núi mọc trong mặt gương* của Mùa A Sầu vừa xuất hiện đã gây được ấn tượng ngay. Tôi còn nhớ, bài thơ *Cánh chim* đã được nhà thơ Xuân Diệu chọn là một trong những bài thơ hay trong năm 1983 và đã được giới thiệu trên Báo Nhân dân cùng với các bài : *Thư mùa đông* (Hữu Thỉnh), *Tấm suối* (Đặng Vương Hưng)...

Bài thơ *Núi mọc trong gương* cũng vậy, đây là một bức tranh đẹp một cách hùng vĩ, là một lời đánh thép mang hơi thở, cốt cách của những bài dân ca Mông đầy sống động. Đó là hình ảnh miền núi cao, là ý chí quật cường, thượng võ của người dân miền núi được phản chiếu trong tấm gương lớn của đất nước, của thời đại. Cả bài thơ là một giọng nói hào hùng. Cả bài thơ là những ngọn núi trùng trùng điệp điệp. Cả bài thơ là một quyền lực rất to. Bởi một lẽ giản đơn :

*Đỉnh núi nào cũng có gái giỏi sống ở trăm năm
Lưng núi nào cũng có trai tài sống ở trăm xuân.*

Vâng, đây là một bài thơ, nhưng cũng là một quả núi - một quả núi có tim, một quả núi biết thở, một quả núi biết yêu, một quả núi đầy quyền lực tự trị, tự quyết - hiển hiện lên trong mặt gương - trời toả sáng mênh mông.

LÒ NGÂN SỪN

Thế Sinh

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Hoàng Thế Sinh. Sinh năm 1952. Quê quán : xã Bích Tràng, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hồn vạn hoa (truyện, in chung, 1990) ; *Như xưa xưa* (thơ, 1991) ; *Truyện cổ Tây Bắc* (sưu tầm - biên soạn, in chung, 1992) ; *Một đêm buồn* (truyện, 1995).

Giải thưởng văn học :

Giải nhì cuộc thi thơ do Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức, 1989 ; Giải nhì Hội Văn học nghệ thuật Yên Bái, 1991.

Gió trở về rừng

Mặt trời rơi xuống sông Kì Cùng
Những sóng đá giạt lên hai sườn núi
Cầu Khánh Khê như chìm như nổi
Trong sương mờ hoàng hôn.

Núi vẫn núi chẳng thể cao hơn
Sông vẫn sông âm ầm thác dội
Các anh ở đâu lòng tôi thầm gọi
Các anh ở đâu ?

Nhớ nhung gì bạc trắng ngàn lau
Thương thấm đá đá âm thầm lặng lẽ
Hoa cúc dại cứ vàng tươi thế kia
mà các anh ở đâu
Ơi các anh lính trẻ

Các anh ở đâu ?

Đất nước mình trải bao khổ đau
Núi thì Không Tên, sông thì Kì Cùng, cực thế
Con đường cũng phải vắn mình nghiêng ngửa
Mới hồng qua trăm núi nghìn đèo.

*Nhân dân mình nghèo nên người lính cũng nghèo
Bát cơm với rau rừng leo trên vách đá
Manh áo mỏng chắn che suốt những ngày đông giá
Mà hi sinh giữ đất anh hùng !*

*Người sẽ hát điệu chi hời con sông Kì Cùng
Khi bia chiến thắng Khánh Khê đã dựng ngang ngọn thác
Chúng tôi lặng đi trong hương hồi Pa Pách
Lá cây reo nghe gió trở về rừng.*

Lời bình

Được biết Thế Sinh viết bài thơ này trong một lần trở lại Lạng Sơn thăm binh đoàn bộ đội mang tên Khánh Khê. So với lần gặp trước, thì lần gặp này thiếu vắng một số gương mặt chiến sĩ mà anh từng quen biết, họ đã hi sinh trong cuộc chiến đấu chống quân thù. Bài thơ là một khúc hát tưởng niệm. Hát về các anh - những người đã chịu đựng gian khổ hi sinh, không ngại xả thân vào cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Hát về Tổ quốc đau thương và anh dũng. Hát về xứ Lạng hào hùng, mỗi ngọn núi con sông đều thấm máu hi sinh và in dấu chiến công của các anh.

Bài thơ thu hút người đọc bởi cái giọng điệu tha thiết, sôi nổi nhưng không kém phần trầm thía. Cũng lại thấy có những hình ảnh tài hoa :

*Mặt trời rơi xuống sông Kì Cùng
Những sóng đá dạt lên hai sườn núi*

hay một sự phát hiện thông minh :

Núi thì Không Tên, sông thì Kì Cùng, cực thế

Gió trở về rừng là tấm lòng vọng tưởng của cả đất nước này hoá thân làm ngọn gió mãi mãi thổi mát lành về phía các anh - những người con của Tổ quốc đã hi sinh.

Thế Sinh sống và làm thơ đều chân thành và nồng nhiệt như vậy đấy !...

VĂN GIÁ

Dương Soái

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Dương Văn Soái. Sinh năm 1950. Quê quán : tỉnh Hà Nam.

Tác phẩm đã xuất bản :

Đất lạ (tập thơ, Hội Văn học nghệ thuật Hoàng Liên Sơn, 1990).

Gửi em ở cuối sông Hồng*

Anh ở biên cương
Nơi con sông Hồng chảy vào đất Việt
Tháng hai, mùa này con nước
Lắng phù sa in bóng đôi bờ
Biết em năm ngoái, tháng chờ
Cứ chiều chiều ra sông gánh nước
Nên ngày ngày cùng bạn bè lên chốt
Anh lại xuống sông Hồng cho thoả nỗi em mong
Đài báo gió mùa, em thương ở đầu sông
Đỉnh đồi cao chiến hào anh gập rết
Biết mùa màng đồng quê chưa cấy hết
Tay em ngấp dưới bùn, lúa có trắng hàng không ?
Giá chúng mình còn cái thuở dung dăng...
Anh thả lá thuyền xuôi về dưới ấy
Em ra sông chắc là em sẽ thấy
Chỉ nỗi nhớ chúng mình đủ ấm mọi mùa đông
Nhưng thơ ngây đâu còn ở chúng mình
Khi Tổ quốc trao anh lên tuyến đầu chặn giặc
Khi biên cương trong anh đã trở thành máu thịt
Đạn lên nòng, anh giữ trọn nguồn sông

(*) Bài thơ đã được nhạc sĩ Thuận Yến phổ nhạc.

*Nỗi nhớ cho em chưa viết được đôi dòng
Đạn quân thù bỗng cuồn cuộn vào thị xã
Xe tăng thù nghiêng mặt sông yên ả
Nhịp cầu thù chặt đứt chờ mong*

*Bão lửa này mang sức mạnh hờn căm
Phá cầu thù, xé vụn xe tăng giặc
Giữa dòng sông nghìn xác thù ngã gục
Máu giặc loang ố cả một vùng.*

*Thì hồi em yêu ở cuối sông Hồng
Nếu gặp dòng sông ngâu lên sắc đỏ
Là niềm thương anh gửi về em đó
Qua màu nước sông Hồng, em hiểu chiến công anh.*

Lào Cai, 1979

Lời bình

Bài thơ được viết trong những ngày xảy ra chiến tranh ở biên giới phía Bắc đất nước. Ngay lập tức bài thơ được cả nước biết đến khi được nhạc sĩ Thuận Yến phổ nhạc thành bài hát *Gửi em ở cuối sông Hồng*. Đó là một bài thơ được nhiều người ưa thích. Nhưng tứ của bài thơ không có gì mới. Thơ cổ của Trung Hoa xưa có bài viết "Quân tại Tương giang đầu. Thiếp tại Tương Giang vĩ. Tương cố bất tương kiến. Đồng ảm Tương giang thủy", có nghĩa là "Chàng ở đầu sông Tương. Thiếp ở cuối sông Tương. Nhớ nhau không thấy nhau. Cùng uống nước sông Tương". Từ ý của bài thơ này, trong Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du cũng đã viết : "Sông Tương một giải nông sờ. Bên trông đầu nọ bên chờ cuối kia". Nhưng lời của bài *Gửi em ở cuối sông Hồng* của Dương Soái lại rất mới, rất thời sự, và thật Việt Nam. Bài thơ cũng nói về nỗi nhớ của người ở đầu sông với người ở cuối sông nhưng là nỗi nhớ của một người lính đang chiến đấu bảo vệ biên cương với người thương nơi quê nhà. Nỗi nhớ, niềm thương ở đây được biểu hiện một cách thật bình dị, thấy gió mùa đông bắc về thương em đi cấy "tay ngập dưới bùn", ra sông gánh nước "Biết em năm ngoái, tháng chờ"... Nhưng nỗi nhớ, niềm thương ấy cũng thật lãng mạn, không còn cái thuở dung dăng, anh đã là người lính chiến rồi, nhưng vẫn "thả lá thuyền xuôi về dưới ấy...". Lá thuyền là cánh thư, là tình thương, là nỗi nhớ và sắc đỏ dòng sông là chiến công của anh và đồng đội, anh gửi theo con nước về cho em. Bài thơ đến được với đông đảo bạn đọc không chỉ ở sự bình dị mà còn được chấp thêm cánh bởi giàu nhạc điệu và giàu chất dân ca.

NGÔ VĨNH BÌNH

Đào Nam Sơn

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Đào Nam Sơn. Sinh ngày 5 tháng 3 năm 1952. Quê quán : phố Sinh Từ (Nguyễn Khuyến), quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản :

Thơ về thầy giáo và nhà trường (thơ, in chung, 1996). *Một thế kỉ thơ Việt* (thơ, in chung, 1998).

Giải thưởng văn học :

Giải B cuộc thi thơ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 1979 (bài *Trên đôi chè Tam Đường*).

AYun Pa

Nơi gặp nhau giữa hai con sông AYun và Pa
tạo thành thung lũng. Đồng bào Gia Rai gọi
là thung lũng AYun Pa.

*AYun Pa ... AYun Pa...
Chiếc chiêng thiêng lật ngửa
Hai vệt lằn hằn sâu chắc thợ trời chót nhỡ
Đã hoá thành dòng sông*

*Thảm lúa vàng rợn sóng mật ong
Chưa khoả hết dấu chân Xinh Nhã
Bạn muốn tìm một tình yêu không mặc cả
Xin về đây
Xin bạn về đây*

*Ghè rượu thơm, thơm đất, thơm mây
Cắn vít cong vành trăng mảnh dẻ
Mặt trời...
Mặt trời...
Chẳng phân già trẻ
Nghe mang mang vũ trụ trong hồn*

*Đường về làng uốn sợi chỉ son
Em già gạo tưng tum điểm nhịp
Mái nhà róng - hỡi riu ai quên nghiêng trời biếc
Tiếng trẻ học bài đầy ắp lòng chiêng.*

(Rút từ tập *Một thế kỉ thơ Việt*)

Lời bình

Khi đọc bài thơ tôi hình dung thấy cái dáng đứng trên cao của tác giả đang lặng lẽ quan sát, ngắm nghía thung lũng AYun Pa này. Ban đầu chắc cũng chỉ là hứng chí ngắm nghía vậy thôi. Rồi sau đó anh mới đến tận nơi tận chốn, vào tận các buôn sóc của đồng bào Tây Nguyên để cảm nhận và thấu hiểu. Thế là đào lên cái tình đối với người với đất... Cả bài thơ là một sự triển khai theo cái nhìn từ trên cao xuống dưới thấp, từ xa tới gần, từ thiên nhiên tới con người. Một trong những điều ấn tượng nhất mà người đọc dễ nhận ra là trong thơ có vẽ (thì trung hữu hoạ). Bài thơ mở đầu bằng một hình ảnh thật bất ngờ và cũng thật tài hoa :

Chiếc chiêng thiêng lật ngửa

Hai vết lằn hằn sâu chắc thợ trời chót nhở

Đã hoá thành dòng sông

Hình ảnh cái chiêng xuất hiện đưa câu thơ vào một vùng văn hoá Tây Nguyên, mang hơi thở Tây Nguyên. Tác giả hình dung trong cuộc kiến tạo lớn lao của thiên nhiên, có một ông "thợ trời" lúc đang chế tạo ra chiếc chiêng khổng lồ đã nhở tay để lại hai vết hằn lớn làm thành hai dòng sông. Cảm hứng này là một cảm hứng vũ trụ, theo cái cách hình dung Polklore (văn hoá dân gian). Khổ thơ mở đầu của *AYun Pa* tựa như một người con gái đẹp, duyên dáng mặn mà mời khách vào nhà. Đọc tiếp các khổ thơ sau ta thấy : Thiên nhiên và cuộc sống con người. Ghè rượu thơm nồng và mặt trời xuống núi. Cuộc sống hôm nay và hồn đất ngàn đời... Các câu thơ từ nhiều chân trời liên tưởng cứ đan quện vào nhau vấn vít. Đời sống của hôm nay hiển hiện, ấy thế mà vẫn cứ ngỡ như có từ thời Đam San - Xinh Nhã thuở nào.

Hồn thơ này lại bừng sáng thêm một lần nữa ở khổ thơ cuối bài. Đến đây thì người đọc có thể dám chắc, tuy không hề được nhắc đến trực tiếp một lần nào, cái điểm nhìn từ trên cao bao quát phóng chiếu xuống thung lũng AYun Pa là có thật, và được phát huy hết mức : con đường về buôn làng hiện ra như "sợi chỉ son" uốn lượn mềm mại toàn sắc đỏ ; mái nhà rông như lưới riu tạc vào vòm trời AYun Pa một nét nghiêng. Vẫn nhất quán trong một sự liên tưởng từ đầu đến cuối : tác giả đã rút gọn các sự vật hùng vĩ của thiên nhiên thành những vật dụng có kích thước bé nhỏ của đời sống con người. Đó là cái nhìn "đời thường hoá vũ trụ". Nhờ thế các câu thơ trở nên ấm áp, thân mật, gần gũi, mang tình yêu gần bó của con người với khung cảnh xung quanh. Thế giới AYun Pa được rút lại vào tầng sâu nhất : "Tiếng trẻ học bài đầy ắp lòng chiêng". Thiên nhiên tuy lớn lao, hùng vĩ thật đấy, nhưng cũng không làm mờ khuất, lấn át cuộc sống của con người. Tiếng trẻ học bài thực sự là một biểu hiện của sự sống hôm nay đang mở về phía tương lai. Câu thơ kết thúc thật nồng hậu, tươi sáng.

Bằng cách nói của chính mình, tác giả không chỉ "Nghe mang mang vũ trụ trong hồn" mà còn nghe thấy cả tiếng của sự sống con người Tây Nguyên đang vang lên thật kiên nhẫn, thật khoẻ khoắn, tràn đầy hi vọng.

VĂN GIÁ

Đình Sơn

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Đình Sơn. Sinh năm 1913. Quê quán : xã Tân Phong, huyện Phú Yên, tỉnh Sơn La. Mất năm 1987 tại Nghĩa Lộ.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tình rừng (thơ) ; Thơ Đình Sơn (1973) và nhiều tác phẩm khác in trên báo.

Đừng nghe lời nói dối của giặc Tây

*Đất nước chiến tranh, chim trên cành
không yên chỗ đậu.*

*Bản Mường giặc già, mọi người dân khốn khổ,
đau thương.*

*Giặc Tây tới, chúng đốt bản đốt làng, rồi nói dối
Rằng : "Việt Minh, Cộng sản đã đầu hàng,
Chỉ còn vài đứa lang thang
Nay mai cũng sẽ hàng quan Tây !"*

*Chúng nói láo, bịt mồm chúng lại
Bằng lưỡi lê, bằng dao mác, cung tên*

*Thù nhà, thù nước, ai quên
Lúa chiêm bị đốt, còn rên bên đồng.
Anh em Mường bản thấy không ?
Ta ra hỏi lúa, hỏi đồng mà xem !*

*Bản Mường ơi ! Chớ vội tin
Đất nước ta còn rộng
Bản Mường ta còn lắm
Toàn dân ta hai mươi năm triệu kia mà.
Nào có phải như lời Tây nói dối*

Chúng chiếm cả châu trên và huyện dưới
... Mưu lừa bịp ta hàng.
Tin gì bọn quỷ xâm lăng
Đến đâu cướp phá, đốt làng ruộng nương
...
Cúi đầu chịu nhục sao đành
Cùng nhau đứng dậy để giành tự do
Theo lời Đảng, theo Bác Hồ
Người người đánh giặc, cùng lo cứu Mường
Giặc tan, yên ổn bốn phương
Ta xây đất nước, bản Mường đẹp vui.

1948

(Tác giả tự dịch từ tiếng Mường. Trích từ *Hợp tuyển*
thơ văn Việt Nam và Văn học các dân tộc thiểu số)

Lời bình

Bài thơ dài bằng tiếng Mường dùng làm lời hát trong các buổi họp quần chúng. Tính cổ động của bài thơ rất rõ. Lời thơ ở đây rất dễ hiểu.

Đoạn một, tố cáo tội ác giặc : "đốt làng", cướp của...

Vừa ăn cướp, bọn giặc Tây vừa nói dối, dụ dỗ dân làng là "Việt Minh, Cộng sản đã đầu hàng..."

Đoạn 2, kêu gọi đồng bào "chớ vội tin", hãy xem hành động dã man của giặc. Đoạn 3, hãy "cùng nhau đứng dậy để giành tự do" !

Nghệ thuật của bài thơ là đan kết những từ, những đoạn giữa *hình* và *ý* : "Đất nước chiến tranh, chim trên cành không yên chỗ đậu". Cả loài chim cũng bị súng đạn giặc bắn đuổi, chết chóc. Tác giả *dẫn ý* từ *chim* đến *người* : "Bản Mường giặc giã, mọi người dân khốn khổ, đau thương". Lời thơ là lời tố cáo giặc ; kêu gọi đồng bào vùng dậy trả thù, chứ không chịu để chúng cướp phá đất nước.

Thơ nói thẳng ý : không mắc mưu lời nói dối của giặc.

NÔNG QUỐC CHẤN

Huổi Phạ*

(trích)

Này nay, bờ Huổi Phạ đắp cao
Ao Huổi Phạ dài hơn cây số.

...

Chỗ rộng bằng vực Quàn Ang⁽¹⁾
Chỗ hẹp bằng bến đò ngang Phố Vạn⁽²⁾.

...

Chỗ cạn do được bốn sải dây dù
Nơi sâu do được mười ba thước dìm.

Có cửa cống xếp bốn hàng
Nước nhường đến đâu, ta mở đến đó.

Hồ Huổi Phạ có thể tưới cho một nghìn
năm trăm mẫu mùa
Đồng chua nước cạn, tưới được bao nhiêu
mẫu chiêm

Hồ thả cá
Mỗi xã góp vài chục con
Cùng nhau trông nom
Đan chài nay mai đánh lấy.

.....

Hồ Huổi Phạ mai đây còn là nơi bơi lội
Sẵn sàng đón các bạn thanh niên
Thuyền ghép ván cây âm, bơi đi thoải mái
Thì bơi sải rồi thì bơi nhái
Trông lên đôi trắng xoá cánh hoa ban...

1959

(Tác giả tự dịch từ tiếng Mường)

(*) Huổi Phạ : Tiếng Thái, nghĩa là Suối Trời.
Suối này thuộc đất Điện Biên.

(1) Quàn Ang : Một vực lớn ở Sông Đà.

(2) Phố Vạn Yên thuộc huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Lời bình

Từ cuộc chiến tranh tàn khốc do giặc Pháp gây ra, nhân dân các dân tộc ở Tây Bắc chuyển sang cuộc sống hoà bình xây dựng. Việc đắp đập xây hồ chứa nước là một trong các công việc lớn nhằm phục hồi và phát triển kinh tế : cấy lúa, thả cá, dùng thuyền làm phương tiện giao thông, vận tải...

Và, hồ nước còn là nơi bơi lội của các bạn trẻ. Cách vào đề của tác giả là miêu tả cảnh sắc mới của dòng suối : "... Bờ Huổi Phạ đắp cao". Chiều cao, chiều dài, chiều rộng và cửa cống, được tả chi tiết :

*Chỗ rộng bằng vực Quàn Ang
Chỗ hẹp bằng bến đò ngang Phố Vạn.*

Cách so sánh phạm vi rộng, hẹp ở đây có nét độc đáo vì tác giả biết đồng bào mình quen *hình dung cụ thể* : "Vực Quàn Ang", hoặc "bến đò ngang phố Vạn". Có thể, chưa phải mọi người ở Tây Bắc đều đã đến hai địa chỉ nổi tiếng này ở dọc sông Đà, nhưng, nghe tiếng "vực", "bến đò ngang", bà con dễ hiểu hơn là nói thước, tấc...

Từ cách tư duy *hình tượng* và ví von *cụ thể* đến cách *khái quát, tổng hợp* trừu tượng là cả quá trình nâng cao kiến thức văn hoá.

NÔNG QUỐC CHẤN

Nguyễn Hoàng Sơn

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Hoàng Sơn. Sinh ngày 5 tháng 2 năm 1949. Quê quán : xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản :

Mèo con để râu (thơ, 1984) ; *Lời chào đi trước* (thơ, 1987) ; *Sự tích rước đèn trung thu* (thơ, 1989) ; *Đất mùa thu vào phố* (thơ, 1992) ; *Bài hát trắng tròn* (thơ, 1996)...

Giải thưởng văn học :

Giải khuyến khích Báo Văn nghệ, 1976 ; Giải B Hội Nhà văn Việt Nam, 1990 ; Giải A Hội Nhà văn Việt Nam, 1993.

Bóng núi

Núi đứng bên bờ sông
Ban mai sườn rục nắng
Lúc chiều buông im lặng
Bóng che mát nửa dòng

Mặt sông có bóng lồng
Nước như càn trong vắt
Con sóng thêm hơi mát
Thuyền qua nhờ mũi che

Sóng mang sắc núi đi
Cá theo rồi vòng lại :
Bóng núi như mái nhà
Cá dùng dăng ở mãi.

Lời bình

Đọc *Bóng núi* ta có cảm giác bài thơ được hoàn thành không phải bởi một phút thoáng qua khi nhà thơ lướt nhìn bóng núi, mà phải trải qua một thời gian quan sát, suy ngẫm khá dài cứ lặp đi lặp lại. Bốn câu thơ đầu tiên vừa giới thiệu đồng thời cũng khắc hoạ một ấn tượng khá ổn định, rõ

rệt khiến người đọc có thể hình dung ngay được bóng núi : về địa thế ("bên bờ sông"), về màu sắc (buổi sáng : "sườn rực nắng", buổi chiều : "bóng che mát nửa dòng"). Nhờ sự quan sát tỉ mỉ, nhà thơ mới có được sự phát hiện tinh tế : "sườn rực nắng" và "che mát nửa dòng". Nhưng đó mới là sự phát hiện về thời gian, về diễn biến của thời gian trôi chảy mỗi ngày qua bóng núi. Nếu như bóng núi ở khổ thơ đầu được nhận diện bởi màu sắc của thời gian thì ở khổ tiếp theo được nhận diện bởi màu sắc và hình khối của không gian :

*Mặt sông có bóng lồng
Nước như cang trong vắt*

Chính nhờ có bóng núi, mới thấy được nước sông trong và lung linh thăm thẳm. Đó là cảm giác có được nhờ quan sát trực tiếp - nhưng thú vị hơn nữa, hai câu sau : "Con sóng thêm hơi mát. Thuyền qua nhờ mũi che" - thì cảm giác phải nhờ qua sự quan sát tinh tế đến hai lần ! Phân biệt được hơi mát nơi dòng sông có bóng núi đã tinh tế, hình dung bóng núi như mũi che con thuyền thiết tưởng còn tinh tế hơn. Thực đấy mà rất ảo. Cái bóng núi vốn rất đời quen thuộc và bình thường trong đời sống hằng ngày của mọi người bỗng trở nên mới mẻ, hấp dẫn.

Ở khổ thơ cuối bài, hình tượng bóng núi được thể hiện qua trực giác và ảo giác biến ảo đến mức tài tình :

*Sông mang sắc núi đi
Cá theo rồi vòng lại*

Câu thơ vừa khái quát được quy luật tất yếu của đời sống, đó là quy luật trôi chảy và đổi thay không ngừng - nhưng đồng thời cũng khái quát được quy luật nói chung của đời sống vừa tĩnh và vừa động. Dòng sông chảy đi mang theo sắc núi là một cách nói nghệ thuật độc đáo - đó là kết quả của một cảm giác ; còn "Cá theo rồi vòng lại" là một suy tưởng ngộ nghĩnh, làm tiền đề cho một khái quát có nhiều tầng ý nghĩa :

*Bóng núi như mái nhà.
Cá dùng dằng ở mãi !*

Phải chăng cũng như con người, loài cá không muốn xa một mái nhà che chở. Chữ "dùng dằng" ở đây rất đắt, rất có hồn, vừa có sắc thái biểu cảm vừa biểu thái. Như vậy, bóng núi không hẳn là một hiện tượng tự nhiên đơn lẻ, vô tri mà gắn bó hữu cơ trong các mối quan hệ của sinh hoạt xã hội.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Tiếng thác

*Thác đổ ào ào ào
Muốn nói lời gì thế
Đá chẳng hiểu nổi đâu
Núi nhìn nhau ngẫm nghĩ.*

*Thác đổ ào ào ào
Dường như dương tức giận
Mây đứng đưng trên cao
Thác buồn, đầu bạc trắng !*

*Thác kêu trong núi vắng
Có tai em nghe rồi :
Thác muốn mình có ích
Muốn hoá dòng điện vui.*

Lời bình

Bài thơ mở đầu bằng tiếng thác : "Thác đổ ào ào ào". Ba từ tượng thanh ào ào ào gợi ra sự liên tưởng về một hiện tượng thiên nhiên quen thuộc, song ở đây nhà thơ như còn nghe thấy trong tiếng thác đổ có một điều gì khác lắm không chỉ là âm thanh tự nhiên mà còn là âm thanh của tâm trạng. Dường như với núi rừng, tiếng thác chẳng có gì lạ vậy mà trong cái nhìn của nhà thơ Nguyễn Hoàng Sơn, trước tiếng thác, núi cũng trầm ngâm, tư lự : "Núi nhìn nhau ngẫm nghĩ".

Trước tiếng thác đổ, đá thì không hiểu nổi, núi thì ngẫm nghĩ, còn mây thì đứng đưng - câu thơ "Thác buồn, đầu bạc trắng" của tác giả ở đây có giá trị phát hiện, bởi nó khái quát được một hiện tượng tự nhiên : chân thác bao giờ cũng có lớp bọt xốp trắng - đồng thời câu thơ cũng là kết quả hợp lí bởi diễn biến của tâm trạng con thác giữa khung cảnh thiên nhiên. Hai khổ thơ trên tạo ra sự hoài nghi day dứt trong lòng người đọc. Thác vẫn cần mãi đổ, và tâm sự cũng như thanh âm của tiếng thác dường như có nguy cơ bị rơi vào quên lãng, rơi vào sự hoang vắng không có đồng cảm, sẻ chia ? Hay tiếng thác vẫn chỉ là hiện tượng thiên nhiên vô tri,

vô giác ? Khổ thơ cuối cùng chính là một lời lí giải : khác với đá, khác với núi, khác với mây trời - chính tai em nghe được lời của thác, nghe được nỗi khát khao ngàn đời của thiên nhiên :

*Thác muốn mình có ích
Muốn hoá dòng điện vui*

Lời lí giải vừa bất ngờ vừa sâu sắc : ngay cả hiện tượng tự nhiên rất đổi bình thường cũng muốn mình trở thành có ích - và điều này không phải ai khác - phải do chính trí tuệ con người phát hiện ra tiềm năng và giá trị của các hiện tượng tự nhiên đó để khai thác, phục vụ đời sống của mình. Phải chăng *Tiếng thác* - bài thơ của Nguyễn Hoàng Sơn chính là ước mơ của hàng trăm ngàn con thác lớn nhỏ nơi đầu nguồn các dòng sông - trong đó có những con thác đã thoả nguyện góp sức mình tạo nên công trình thuỷ điện Hoà Bình, Y-a-li vĩ đại - đã và sẽ vô cùng có ích, đem đến ánh sáng hạnh phúc và văn minh tới khắp miền Tổ quốc. Chính tình yêu quê hương, đất nước, yêu thiên nhiên bao la kì diệu sẽ giúp ta nghe được tâm sự của thiên nhiên.

Bài thơ khép lại, vẫn như còn vang vọng tiếng thiết tha mời gọi của bao con thác hứa hẹn chúng ta ở phía tương lai.

NGUYỄN TRỌNG HOÀN

Lò Ngân Sủn

(*Dân tộc Giáy*)

Tên khai sinh : Lò Ngân Sủn. Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1945. Quê quán : xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Tác phẩm đã xuất bản :

Chiếc vòng bạc (truyện kí, 1987) ; *Chiều biên giới* (thơ, 1989) ; *Những người con của núi* (thơ, 1990) ; *Đám cưới* (thơ, 1992) ; *Đường dốc* (thơ, 1993) ; *Tục ngữ Giáy* (sưu tầm, biên dịch, 1994) ; *Dòng sông mây* (thơ, 1995) ; *Chợ tình* (thơ, 1995) ; *Hưu tập thể* (truyện vui, 1995) ; *Suối Pí lè* (thơ thiếu nhi, 1996) ; *Con của núi* (thơ chọn I, 1996) ; *Lều nương* (thơ, 1996) ; *Đầu nguồn cuối nước* (thơ song ngữ Giáy - Việt, 1997) ; *Bước đầu tìm hiểu về văn hoá Giáy* (1997).

Giải thưởng văn học :

Giải C của Trung ương Đoàn, 1982 (truyện *Chiếc vòng bạc*) ; Giải B của Bộ Giao thông, 1991 (hai bài thơ : *Dốc chín quai*, *Đường về Bát Xát*) ; Giải nhì của Bộ Giáo dục, 1991 (bài thơ *Cô giáo Mường*) ; Giải B văn học dân tộc thiểu số của Hội Nhà văn Việt Nam, 1992 (tập thơ *Những người con của núi*) ; Giải A của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1993 (tập thơ *Đám cưới*) ; Giải ba của Báo Người Hà Nội, 1994 (bài thơ *Ở đây*) ; Giải B Báo Thiếu nhi dân tộc, 1995 (hai bài thơ : *Trời*, *Cái bát lửa*) ; Giải B của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1995 (tập thơ *Dòng sông mây*) ; Tặng thưởng của Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 1996 (*Con của núi* - thơ chọn I) ; Tặng thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam, 1997 (tập thơ *Lều nương*).

Chiều biên giới*

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chồi non cỏ biếc
Như rừng cây của lá
Như tình yêu đôi ta.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn

(*) Bài thơ đã được nhạc sĩ Trần Chung phổ nhạc.

Như dầu sông dầu suối
Như dầu mây dầu gió
Như quê ta - ngọn núi
Như đất trời biên cương.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn
Khi mùa đào hoa nở
Khi mùa sỏ ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùa toả ngát hương bay.

Chiều biên giới em ơi
Rừng chẳng dây điện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta thấm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mệnh mông.

Chiều biên giới em ơi
Đôi ta cùng chiến hào
Gắn nhau thêm bền chí
Tình yêu là vũ khí
Giữ đất trời quê hương.

Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.

Bát Xát, 1980

Lời bình

Câu thơ "Chiều biên giới em ơi" được nhắc đi nhắc lại làm một điệp khúc rất tha thiết. Và với câu thơ điệp khúc ấy, nhà thơ cho chúng ta thấy cái đẹp, sự giàu có của vùng biên giới quê hương, đồng thời cho thấy cuộc sống mới và tinh thần chiến đấu bảo vệ biên giới của con người nơi đây.

Bài thơ giàu chất nhạc, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc. Có lẽ bởi vậy nó đã được nhạc sĩ Trần Chung chọn để phổ thành một bài hát quen thuộc.

BẾ KIẾN QUỐC

Người đẹp

"Ai viết tên em bằng ánh sáng
Ai vẽ hình em bằng ánh trăng"
(Dân ca Giáy)

*Người đẹp trông như tuyết
Chạm vào lại thấy nóng
Người đẹp trông như lửa
Sờ vào lại thấy mát
Người không khát -
nhìn thấy người đẹp cũng khát
Người không đói -
nhìn thấy người đẹp cũng đói
Người muốn chết -
gặp người đẹp không muốn chết nữa
Ơ !
Người đẹp là ước mơ
Treo trước mắt mọi người.*

Lời bình

Lò Ngân Sủn thuộc nhiều câu dân ca dân tộc mình. Anh hay dùng những câu dân ca, lời ví... làm tựa cho các bài thơ. Bài *Người đẹp* anh viết tựa trên một câu dân ca Giáy rất hay :

*"Ai viết tên em bằng ánh sáng
Ai vẽ hình em bằng ánh trăng"*

Đó là một câu dân ca rất *hiện đại, siêu thực*, Lò Ngân Sủn đã biết thừa hưởng cái siêu thực ấy và biến nó thành rất thực : *Người đẹp* của anh có cái vẻ đẹp của người trần tục, nhưng trên tất cả là vẻ đẹp thánh thiện, thần tiên.

Lò Ngân Sủn đã tạo nên những nghịch lí : tuyết - nóng, lửa - mát... Mà những nghịch lí ấy chỉ có thể giải thích được bằng một từ duy nhất : *Đẹp*. Bắt đầu từ một câu dân ca siêu thực, tác giả đã *vật chất hoá* thành người đẹp mà không hề dung tục. Cái đẹp đã là chất men tạo nên những cơn khát tình, đói tình.

"Thơ ca dân tộc là thứ thơ ca có lẫn chất thực vật" - Đó vừa là nhận xét vừa là phương châm viết của Lò Ngân Sủn. Không có câu dân ca Giáy kia có lẽ không có *Người đẹp* của Lò Ngân Sủn. Nhưng không phải cứ thuộc dân ca là có thơ. Hai điều ấy khác xa nhau lắm.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Những người con của núi

"Chết mà vẫn đứng
Đây là những người con của núi"

Chúng tôi
Những người con của núi
Sinh ra ở trên núi
Hít thở khí trời ở trên núi
Uống nguồn sữa mẹ ở trên núi
Tập ăn, tập nói, tập nghe, tập nhìn ở trên núi
Tập bò, tập đứng, tập đi, tập chạy ở trên núi
Ngã ở trên núi
Khóc cười ở trên núi

Chúng tôi lớn lên
Từ những cuộc phi ngựa bắn cung
Từ những cuộc tung yến tung còn
Chúng tôi biết yêu
Từ trong cuộc hát đối
Từ lúc cầm cày bừa
Từ lúc thêu thùa dệt vải
Con gái ước mình đẹp mãi
Con trai ước vươn vai một cái dã cao bằng núi
Cha mẹ chúng tôi
Là những ông già bà già trăm tuổi
Đã từng một thời ném mình qua lửa
Hích vai hất ngã kẻ trên lưng
Để bây giờ sừng sững trong dáng đứng mây bay
Nguyên đứng vững như những ngọn núi
đứng âm thầm.

Chúng tôi
Những người con của núi
Sống ào ào như thác đổ
Sống dữ dội như lốc cuốn
Quanh năm vốc nước suối rửa mặt
Quanh năm thấp ngọn lửa làm mặt trời sưởi ấm
Những người con của núi

*Dù ở đâu cũng vẫn nhận ra nhau
Đã vui - như chìm hót
Đã cười - tươi như hoa
Đã buồn - im như đá
Cả dáng hình cũng là cái dáng hình của núi.*

Lời bình

Hai câu thơ đề từ đã cho chúng ta thấy một tư thế hiên ngang của những người con của núi :

*Chết mà vẫn đứng
Đấy là những người con của núi*

Toàn bộ bài thơ như một bằng chứng sinh động, chứng minh, lí giải tại sao những người con của núi lại có khí phách hiên ngang như vậy.

Họ : "Sinh ở trên núi. Hít thở khí trời ở trên núi. Uống nguồn sữa mẹ ở trên núi" rồi tập ăn, tập nói, tập nghe, tập nhìn, tập bò, tập đứng, tập đi, tập chạy, và ngã, khóc, cười... đều ở trên núi. Có thể nói, cả cuộc đời họ gắn bó với núi, chịu ảnh hưởng của núi.

Nhà thơ bắt gặp đưa ra những hình tượng :

*- Con trai ước vươn vai một cái đã cao bằng núi
- Đã từng một thời ném mình qua lửa
Hích vai hất ngã kẻ trên lưng
Để bây giờ sừng sững trong dáng đứng mây bay
Nguyên đứng vững như những ngọn núi đứng âm thầm.*

Toàn bộ bài thơ là sự khai thác những điểm tương đồng giữa cuộc sống, phong thái con người với núi qua đó thể hiện những phẩm chất cao quý trong tâm hồn những người con của núi.

BẾ KIẾN QUỐC

Vòng xoè

Trống lên !

Trống lên !

Chiêng quấn vào cuộn tròn vòng xoè

Xoè vòng một

Xoè vòng hai

Xoè vòng ba

Xoè cả ra ngoài sàn

Xoè rơi xuống chân thang

Khi bàn chân bay lên khỏi đất

Khi cần rượu vít cong chàng lực sĩ

Tình thương đổ ra từ điệu xoè.

Nào !

Một sừng rót

Hai sừng đổ

Ba sừng đổ

Uống đi, - uống cho bỏ những ngày mơ mộng

Uống nữa, - uống cho bỏ ngày ngày chờ mong

Đêm hội xoè

Xiêng Kéo hò reo trong điệu nhảy

Vó ngựa nhảy trên mặt chiêng trống

Tiếng chim hót từ trong ống sáo

Tiếng suối trào ra từ trong cây đàn

Mặt trời nhảy xuống sân khua chân múa tay

Núi quay cuồng, lắc đầu lắc cổ

Gió thổi ra từ đôi chân

Mây hiện ra từ điệu múa

Lửa cháy lên từ rượu cần

Trăng hiện lên từ ánh mắt

Gái trai nhảy ra từ câu khắp

Quấn chặt

Vòng xoè !

Yên Châu, 11 - 1984

Lời bình

Ai đã đến với người Thái Tây Bắc hẳn không bao giờ quên được những đêm hội xoè ở bản. Đó là một sinh hoạt văn hoá cộng đồng độc đáo : Múa hát và uống rượu tập thể trong ngày Tết, ngày hội và giao đãi bạn bè, quan khách đến thăm bản, thăm Mường.

Lò Ngân Sủn đưa ta nhập vào Vòng xoè Tây Bắc để rồi ta như bị thôi miên, không còn biết mình ở đâu, sau khi trống chiêng nổi lên, cùng nắm tay bạn "Xoè vòng một. Xoè vòng hai. Xoè vòng ba..." ; sau lúc "Một sừng rớt. Hai sừng đổ. Ba sừng đổ...". Vòng xoè lúc cuốn quýt, xoay tròn theo nhịp trống nhịp chiêng, lúc mở ra, bay lên, cứ thế mà "Xoè ra cả ngoài sân. Xoè rơi xuống chân thang", xoè mãi mê, cuồng nhiệt "bàn chân bay lên khỏi đất". Vừa xoè vừa vút cần, xoè rồi uống, uống lại xoè... "Vòng xoè" tràn ngập âm thanh sôi động trong tiếng "Vó ngựa nhảy trên mặt chiêng trống", "chim hót từ trong ống sáo" ; tiếng suối, tiếng gió tuôn trào "từ cây đàn", "từ đôi chân" dội vào vòng xoè, dội vào đêm hội... Sức hấp dẫn của rượu cần, của điệu xoè thật lạ lùng và kỳ diệu khiến cho cả mặt trời, mặt trăng, cả mây, núi... cũng không thể làm ngơ hướng hồ con người. Ai cũng muốn "nhảy vào" nhập cuộc : múa hết mình, uống hết mình, "cháy" hết mình, thể hiện hết mình ; không còn khoảng cách, không phân biệt chủ khách, gái trai...

Cả bài thơ không thấy vang lên một câu mời (mời rượu, mời xoè), một giọng nói, tiếng cười, lời ca ; thậm chí là sự hú hét khi say quá, vui quá, cuồng nhiệt quá. Chỉ thấy sự lấn lướt đến ngồn ngàng, bế bộn của ngoại cảnh - cái ngoại cảnh đã được nhân cách hoá, vật thể hoá đến tinh xảo, sống động nhờ khả năng tư duy và năng lực tung hứng, buông bắt ngôn từ của tác giả. Cái cuộc sống hỗn nhiên mà kết nối bền chặt ; chia sẻ mà tin cậy, yêu thương cứ hiện lên thật ồn ào, khoẻ khoắn, lạc quan qua những hình ảnh so sánh, ẩn dụ được sử dụng thật đặc địa, đặc ý.

Gái trai nhảy ra từ câu khắp

Những câu "khắp" hát về tình yêu, hát về cuộc sống đã và mãi mãi "nuôi lớn" tâm hồn gái bản trai mường, như vòng xoè cuốn quýt, bền chặt với cuộc đời.

Vòng xoè "cuốn chặt" mà không khép lại, mở mà không dứt, không dừng. Đó là tâm hồn Tây Bắc ; là tâm hồn Thái. "Là tình thương đổ ra từ điệu xoè".

MAI LIỄU

Lầu nường

*Hai ta yêu nhau giữa lầu nường
Lầu nường không phen vách
Ta cởi áo làm phen vách*

*Hai ta yêu nhau giữa lầu ruộng
Lầu ruộng không chắn chiếu
Ta cởi áo làm chắn chiếu*

*Vui 'thời hoa nở
Chơi thời hoa thắm*

*Ngày hai lần cơm chan nước suối
Ngày hai bữa cơm chan nước mạch
Trao cho nhau mối tình sét đánh
Dầu có tan thành đất, nát thành bùn, vụn thành cát
Vẫn còn khát yêu nhau.*

Lời bình

Mỗi lần đọc *Lầu nường* của Lò Ngân Sủn, bất chợt lại hiện về trong tôi một tứ thơ yêu : "Uống xong lại khát là tình..." Thì *Lầu nường* chẳng phải là một *trường khát*, một *kiểu khát* mà Lò Ngân Sủn đã góp vào dòng thơ Việt đầy thôi. Không gian yêu thật khoáng đạt : "Hai ta yêu nhau giữa lầu nường... yêu nhau giữa lầu ruộng". Không phen vách, không chắn chiếu có hề chi : "Ta cởi áo làm phen vách". "Ta cởi áo làm chắn chiếu". Cái *lầu tình* mà Lò Ngân Sủn dựng lên thật mạnh bạo. Thực ra, người xưa cũng từng vì yêu mà cởi áo "về nhà đổi mẹ qua cầu gió bay". Chỉ có điều, cường độ, nồng độ yêu trong *Lầu nường* mạnh hơn, đậm màu *hiện sinh* hơn : "Vui thời hoa nở. Chơi thời hoa thắm". Sức mạnh và sự thăng hoa của tình yêu được thể hiện trong hệ thống động từ dày đặc gợi cảm giác mãnh liệt đến mức *sét đánh*. Những tình yêu đích thực thường thế, bao giờ cũng dâng hiến, trao nhận đến hết mình. Ai lại so bì tính toán khi yêu. Cũng bởi vậy, cơn khát không mất đi, nó có thể tạm lắng để rồi ngay lập tức, lại bùng lên với một mãnh lực không ngờ : "Dầu có tan thành đất, nát thành bùn, vụn thành cát. Vẫn còn khát yêu nhau".

NGUYỄN ĐĂNG DIỆP

Đỗ Thị Tắc

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Đỗ Thị Tắc. Sinh năm 1963. Quê quán : tỉnh Hưng Yên.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ đăng trên các báo trung ương và địa phương.

Giải thưởng văn học :

Giải tư cuộc thi thơ Báo Văn nghệ, 1995 (bài thơ *Hai vòng thia lia*).

Hai vòng thia lia

Em tóc đuôi gà khét nắng
Nghịch ngợm như con trai
Anh quần đùi, mình đen chũm
Hiền lành như con gái
Hai nhà chung đậu găng gai
Ra suối nhật hòn sỏi dẹt
Em thia lia được bốn vòng
Anh lần nào cũng thua
Nói bừa
Lớn lên tao sẽ thắng !
Lớn lên rồi
Anh ra trận
Không về
Em ra suối nhật hòn sỏi dẹt
Thia lia
Lần nào cũng chỉ được
Hai vòng.

3-1979

Lời bình

Bài thơ bắt đầu từ trò chơi con trẻ, cũng qua đó mà nhớ về quá khứ, song ở đây lại là cả sự hụt hẫng. Không chỉ bởi thiếu đi hai vòng thia lia. Nói về quá khứ, ấy là nỗi nhớ nhung. Nói chỉ được hai vòng thia lia, ấy là sự cô độc - ngay cả những vòng thia lia cũng còn có đôi, còn giao thoa vào nhau kia mà. Cái người vắng mặt hôm nay ngày xưa vẫn cam đoan là lớn lên sẽ thắng. Anh đã chiến thắng thật. Hai lần chiến thắng - lần thứ nhất : anh ra trận mang lại chiến thắng cho quê hương, để cô gái yên bình yên ra tuổi "nhặt hòn sỏi dẹt", và đất nước hiện lên qua con mắt thi sĩ là sự yên bình. Lần thứ hai : anh chiến thắng từ sự vắng mặt của mình ngay trong lòng cô gái. Nhớ anh, cô vẫn ra tuổi, ném thia lia, nhưng "lần nào cũng chỉ được hai vòng". Và anh đã chiến thắng. Chính lòng nhân ái và biết ơn của cô gái đã mang lại cho anh chiến thắng đó. Niềm vui đan nỗi đau. Những vòng thia lia đan vào nhau, kỉ niệm đan vào hiện tại, sự hụt hẫng, cô đơn đan vào lòng biết ơn... Và tất cả những cái đó làm nên cuộc sống, cũng làm nên vẻ đẹp của bài thơ này.

LƯƠNG NGỌC AN

Những người mẹ núi

*C*ông hạt giống trên lưng

Địu con thơ trước ngực

Qua ba cánh rừng

Mẹ lên nương

Mặt trời chưa thối

Hạt giống gieo vào đất.

Con thơ ngon giấc lán nương

Tra hạt xong ôm con

mẹ hát.

Xin trời mưa cho hạt lên mầm

Xin trời thương cho cây nhiều hạt Sống.

Nuôi lũ trẻ lớn lên thành trai bản gái nương.

*Mùa gặt
Cống hạt Sống trên lưng.
Địu con thơ trước ngực
Đầu mẹ đội nắng, mưa, sấm, chớp.
Qua ba cánh rừng.
Về bản cùng trăng.
Những người mẹ núi.
Xin gì cho riêng mình.*

Ka Lăng 3 - 1998

Lời bình

Tôi đã đến những bản HMông, bản Dao ở vùng cao và có lần lên nương cùng họ. Nhiều nơi, từ bản đến nương rẫy là những lối mòn, phải vượt qua núi, men theo khe suối, trèo lên đá, lên thác mà đi. Trên nương họ dựng lán che mưa che nắng (thường chỉ lợp lá rừng) để nghỉ trưa và cho trẻ con ở lúc bố mẹ chúng làm việc.

Biết bao đứa trẻ vùng cao lớn lên không phải từ các nhà trẻ, lớp mẫu giáo mà từ những chiếc lán lều trên nương như thế. Đằng sau giấc ngủ của các em là nỗi vất vả, nhọc nhằn của cha mẹ chúng. *Những người mẹ núi* viết về người mẹ vùng cao chịu thương chịu khó, lặn lội và bền bỉ mùa nổi mùa, năm tiếp năm *đội nắng, mưa, sấm, chớp* để làm ra "hạt Sống". Có lẽ không ở đâu người mẹ lại vất vả triền miên như các bà mẹ ở vùng cao - những bà mẹ "Cống hạt giống trên lưng. Địu con thơ trước ngực"... lên nương khi "Mặt trời chưa thức", rồi sau một ngày lao động cực nhọc trên nương, mẹ lại cồng, lại địu "hạt sống" và con thơ "về bản cùng trăng", tiếp nối những công việc bếp núc, cửa nhà cho đến canh khuya.

Lời hát ru con cất lên ở khổ giữa bài thơ vừa lan toả mệnh mang, vừa sâu lắng tình mẫu tử :

*Tra hạt xong ôm con
mẹ hát
Xin trời mưa cho hạt lên mầm
Xin trời thương cho cây nhiều hạt Sống
Nuôi lũ trẻ lớn lên thành trai bản gái nương.*

Để làm ra "hạt Sống", tính kiên trì nhẫn nại sản xuất chưa đủ. Mùa màng còn phụ thuộc rất nhiều vào sự thuận hoà hay bất trắc của thiên nhiên, thời tiết. Trước đất trời, người mẹ vùng cao thật bé nhỏ ("xin trời mưa", "xin trời thương"...) song tấm lòng của người mẹ dành cho con, cho đời thật bao la và cảm động. Cái vô hạn của tấm lòng bao dung, rộng mở vượt lên trên cái hữu hạn vật chất (sức lực của người mẹ) để toả sáng và tiếp thêm nguồn sống cho đời. Hình ảnh người mẹ vì thế mà càng lớn lao, cao cả. Cái cao cả, lớn lao ấy chỉ có thể ví được bằng hình ảnh của những ngọn núi. Có lẽ vì thế mà tác giả gọi những người mẹ vùng cao là "những người mẹ núi" :

*Những người mẹ núi
Xin gì cho riêng mình.*

Hơn cả bốn phần của người phụ nữ, tấm lòng những người mẹ núi qua thơ Đỗ Thị Tắc ít nhiều đạt đến sự thánh thiện bởi đức tính hi sinh vì cuộc sống, vì con người.

Với bút pháp sáng tạo vừa mộc mạc, vừa phóng khoáng, hình ảnh, ngôn ngữ thể hiện vừa sinh động, vừa gần gũi với tư duy của người miền núi, cùng với vốn sống và cách cảm riêng, qua *Những người mẹ núi*, Đỗ Thị Tắc đã đóng góp cho mảng đề tài viết về người mẹ một bài thơ hay, độc đáo./.

MAI LIÊU

Lò Văn Tâm

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Lò Văn Tâm. Sinh năm 1938. Quê quán : huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản :

Ông có thơ in rải rác ở các báo, tạp chí địa phương và trung ương.

Cổng vào bản

Cổng vào bản sớm hôm gần bó
Lối về mừng ta nhớ ta thương
Đường ngày qua lại thăm nhau
Hàng cây thẳng như đôi nển cười
Đường sang bạn cờ hoa phấp phới
Cổng về mừng rục rỡ đèn sao
Ngời sáng bầu trời cờ đỏ bay cao
Ta hái sao trời về treo cổng bản
Vào bên trái nổi trống mừng
Vào bên phải vang kèn đón
Đàn em xoè tung khăn
Ruộng như nong tơ kết mùa vàng óng
Gái trai tíu tít máy tuốt qua nhanh
Thóc đổ rào rào - hạt vàng lấp lánh
Rạ bay chấp chới - cánh én chao nghiêng
Thóc chảy ngập sân - lũ đàn đẫy thóc
Cờ đỏ vẫy chào hợp tác mừng công
Công em công gieo cấy
Công anh tắm rét đuổi màn sương
Cả công người đi xa cứu đất giữ mừng
Cho cờ ta reo vui khắp ngã
Nhuộm thắm mọi nhà, tô cổng bản ta

Xà cổng ngời ánh điện
 Cột cổng nhuộm sắc cờ
 Điện ngập mọi nhà, giăng khắp ngõ
 Cổng bản ta là sắt, là gang
 Trải phong ba tôi đúc nên vàng
 Giặc đến cổng ta thành núi đá
 Chặn mọi quân thù, không một đứa lọt qua
 Giữ quê hương yên vui mãi mãi
 Yểng hót ngọn tre mừng lúa đơm mùa
 Dân bản chung lòng xây mường ta nên ngôi sao sáng
 Bè bạn khắp nơi hân hoan chào đón
 Cổng kết thêm hoa, đèn kết thêm màu
 Đường thăm nhau không bao giờ dứt đoạn
 Ta dọn cảnh rào, nhổ bụi cà gai
 Cổng này trông ra núi sông gấm vóc
 Bản mường vươn như tua còn mừng xuân.

6 - 1975

Lời bình

Cái cổng vào bản thân quen đến nỗi người trong bản làng nhiều lúc "bơ" đi. Nhưng mỗi dịp xuân về, tết đến, mỗi vụ bội thu hay khi bản mường mở hội... nó được trang hoàng long lẫy bởi cờ hoa và ánh sáng thì người ta mới cảm thấy nó gắn bó với mình đến thế nào. Cổng bản là lối ta đi về sớm hôm, từ thuở tóc xanh cho đến lúc bạc đầu. Nó là nhân chứng, là biểu hiện của tất cả những vui buồn của bản mường. Bài thơ nói về cái cổng vào bản trong những ngày hội. Khắp nơi, bên phải, bên trái, bên trong, bên ngoài, nơi gần, nẻo xa chỗ nào cũng đẹp, cũng biểu hiện sự no đủ. Tác giả đã mô tả cái cổng vào bản thật đẹp, sôi động, rực rỡ... Nhưng nếu chỉ như vậy thôi thì bài thơ cũng không có gì để nói. Cái căn bản tạo được thể đứng của bài thơ là sự liên tưởng. Rằng có ngày vui hôm nay bên chiếc cổng vào bản là do có "công em công gieo cấy", "công anh tắm rét đuổi màn sương" và có cả "công người đi xa cứu đất giữ mường" Và nữa, cái cổng vào bản đẹp là như vậy, nhưng khi giặc đến nó sẽ là sắt, là gang, sẽ trở thành núi đá.

NGÔ VINH BÌNH

Nguyễn Tri Tâm

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Tri Tâm. Sinh năm 1940. Quê quán : tỉnh Thái Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Suối khát (thơ) ; Trăm quả núi nhỏ (tuyển thơ thiếu nhi) ; Cuối mùa quả (thơ) ; Điện Biên... tình yêu (trường ca).

Xúc động Khau Cả

I

Xúc động Khau Cả
Hôm nay trộn lẫn hôm qua
Em gái đẹp
Dẫn tôi ngược đường - tù - thế - kỉ
Tôi phải tù rồi
Con mắt suối Mường La

II

Tôi bên em là hoa
bóng ma gác ngục đá
Giày dính nghiêng lối cuội
nước hoa cứ thơm thoảng
Mắt long lanh em say
tường vây cũ bám trời
Ai chết lạnh hăm giam
tôi đang uống môi vui

III

Nhập vào đá, tôi và em hai buồng tù
lối hẹp
Hai sàn tù, hai cùm tù, hai xích tù, hai
cửa tù

*Luẩn quẩn nổi chìm, ta cạnh nhau, hai
chuồng tù bức bối
Tôi đành nhìn tôi, chịu ngán mặt mình
Khủng khiếp cô đơn, tù trong quan tài đã dựng.*

Lời bình

Có thể coi *Xúc động Khau Cỏ* là một bài thơ tình. Nó diễn tả trạng thái tình cảm của một chàng trai đến với tình yêu một cách cuồng nhiệt và chóng vánh. Mới gặp một ánh mắt đã cảm thấy bị cầm tù, chứng tỏ anh chàng này si tình quá. Si tình đến nỗi tự nguyện giam cầm mình trong nỗi đam mê ấy. Nói bị cầm tù trong ngục mà gác ngục lại là một bông hoa có nghĩa là đã không thể cầm lòng được nữa rồi. Song oái oăm thay nếu nhận ra người mình say đắm ấy lại không yêu mình, lại càng oái oăm hơn nữa nếu người ấy cũng muốn yêu mình mà không yêu được. Bông hoa gác ngục hoá ra là bông hoa đã có chủ. Cái buồng giam tự chọn khi ấy khủng khiếp đến nhường nào. Tôi chợt như vừa nhìn thấy cảnh một lũ khách cô liêu trên đường chiều bỗng gặp một người con gái xinh đẹp bên suối vắng, bốn mắt nhìn nhau, cùng sống lại, cùng lúng túng, cùng cảm thấy tay chân như mượn của ai... Nhưng đúng vào lúc người con trai đang định lấy can đảm cất tiếng thì từ vạt rừng bên cạnh xuất hiện một gã đàn ông mặt mày khắc khổ, vai khoác riu, tay cầm dao xuất hiện cất tiếng gọi : "mình ơi..." Người con gái chợt giật mình... Và câu chuyện đó xảy ra dưới chân Khau Cỏ...

LUƠNG NGỌC AN

Tình yêu Pha Đin

*M*ê nhau dọc đèo Pha Đin
Tại giọng hát thơ Xống Chụ
Tiễn dặn tình yêu anh mượn
Sân em đón rể mùa xuân...

Để phải cách con đèo trời
Em - mắt - nai thành trắng lặn
Đành xa dằng dặc đèo đất
Anh tìm khắp suối Mường Quai...

Còn may ngọn đá Chiềng Sinh
Thấy thịt da hồng suối Búng
Nồn nà hoa - ban hồng ắm
Để phần tình yêu Pha Đin...

Lời bình

Một hành trình của không gian song hành cùng một hành trình của tình cảm - ấy là *Tình yêu Pha Đin*. Một chặng đường với những địa danh cụ thể, cùng những câu chuyện nhiều hàm nghĩa, làm thành nhiều cung bậc khác nhau trong tình cảm của người viết. Đây thực ra cũng là cách thông thường trong thơ. Song cái khác lạ nằm ở hai yếu tố sau :

Thứ nhất là ở nhịp thơ sáu câu. Nhịp thơ này tạo cảm giác vui tươi, hồ hởi cho dù nó chuyển tải nội dung gì chẳng nữa. Điều này khẳng định thêm cho điểm khác lạ thứ hai, ấy là sự độ lượng trong tình yêu. Lâu nay, thơ tình thường nghiêng về tình trạng buồn bã, hay ít hơn là băng khuâng bởi thất tình. Còn sự thanh thản thì ít thấy. Sau khi đã lỡ muộn màng một lời ca *Xống Chụ*, sau khi đã thấy người yêu mắt nai của mình "trắng lặn" mà vẫn nhận thấy "hoa ban hồng ắm" để giữ lại một tình yêu với Pha Đin hẳn phải là người nhân hậu lắm và cũng phải là người biết yêu lắm mới có được thái độ như vậy.

Các cụ ta chẳng đã có câu "yêu nhau yêu cả đường đi" là gì, dù cho trên cái đường đi ấy, chẳng bao giờ người ta ngoái lại...

LUƠNG NGỌC AN

Cao Xuân Thái

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Cao Xuân Thái. Sinh ngày 5 tháng 5 năm 1948 tại Thái Lan.
Hiện công tác tại Hội Văn nghệ Hà Giang.

Tác phẩm đã xuất bản :

Sóng thượng nguồn (thơ) ; *Trước đá* (thơ) ; *Bão cuối mùa* (thơ).

Trước đá

Thơ văn xuôi

Tôi không đủ kiên nhẫn đục đá kê cao quê hương, bởi sức lực tôi hao cạn nhiều, hai lần vượt Trường Sơn hăm hở những tháng năm đánh giặc.

Khoác ba lô trở về tái bật vợ con, gầy dựng lại từ đầu cái cơ ngơi nho nhỏ.

Quê hương tôi tự nó đã cao rồi. So với mặt bể cao lên hàng ngàn mét. Gắn mặt trời mà thiếu nắng quanh năm, giá rét nhiều hơn và gió nữa quanh năm gào thét.

Đá thì lởm chởm nhọn sắc, một vùng mệnh mông xám lạnh rợn người.

Chẳng có mỏ vàng, mỏ bạc hay Ra-di-um đâu, công nghiệp đá mai sau biết có ai nghĩ tới. Nung đá vôi cũng chẳng dễ gì, rừng xanh chưa kịp xanh hiếm khan chất đốt, than Quảng Ninh, Núi Hồng Núi Bạc lại quá xa...

Công trình của quê tôi là đá xếp quanh nhà, đá kê ruộng bậc thang để mưa khỏi trôi mất đất. Hoa bạc hà tím mềm câu hát, rù rì cánh ong cho chiều bớt lạnh lùng.

Còn lại là những hốc đá. Niềm vui và hi vọng của đồng bào tôi. Cây đậu, cây ngô lớn lên từ đấy. Mùa màng bát ngát mở ra. Nhiều lúc mất trắng tay và lắm phen cơ cực.

Tiếng gà mỗi ban mai, mồng tang làn khói bếp. Riu rít tiếng chim, những tổ ong ứ mật ngang trời.

Hơn bảy mươi năm dài cuộc đời mẹ, mẹ ơi ! Thời gian, buồn vui, yêu thương lắng lại. Ngọn đèn sáng đêm đêm mong đợi. Bình minh lên cây lá mượt mà. Mẹ là người hay lo, lặng lẽ âm thầm, trắng lên mái tóc... Xôi ngô thì khô khốc, canh bí bầu với muối mẹ khen ngon.

Mẹ đã vắt kiệt sức mình dòng sữa nuôi con, lòng mẹ bao dung, thơ con viết chưa hay, chưa thật riêng lấp lánh...

Bao đêm mẹ nói bên bếp lửa : Nếu nên người thì núm ruột hồng vượt lên đá nở thành hoa.

Từ mẹ con nhận ra đồng bào mình, dân tộc mình, xứ sở là dáng cây sa mu dầu dài và vươn thẳng, ít người biết viên Pi-ni-xi-lin, Tê-ta-xi-lin là gì.

Rét buốt, đói nghèo, bệnh hoạn... Ai không chịu được thì khuất bóng, ai còn lại vơi vơi lớn lên rắn danh như thanh thép nguội.

Ý nghĩ thẳng ruột ngựa, sống nghĩa tình, vì bè bạn, không thâm trầm ác hiểm để nghĩ tốt về nhau.

Bao nhiêu huyền thoại cũng đều xoay quanh con người. Từ ngọn gió qua đỉnh Chí Sán biến thành màu đen. Con rồng thương dân để lại con mắt hoá nguồn nước quý. Đường lên trời đi qua Má Lẻ, có nơi Đan Bồ, bẻ lá. Chợ Khau Vai năm họp một lần để đôi lứa thở than...

Tôi men theo đường Rồng buổi ấy tìm em. Em dịu dàng dầm đuối tuổi trăng lên. Tiếng đàn môi nồng nàn lời yêu dấu. Anh đã uống cạn vầng trăng trong mắt em. Dòng Nho Quế đêm ấy là dòng sông vàng. Rừng trúc xa có tiếng trống đồng vọng lại. Chỗ đá chúng mình ngồi nảy lộc một tình yêu...

Thôi khóc làm gì em, bởi giọt nước mắt cũng chẳng có nhiều, buồn đau xưa đang tan vào ngọn lửa. Trăng trịnh tuyết một thời rạn vỡ. Tiếng cười Thổ Ti đêm đêm man rợ. Thân gái dập vùi như sái ba thuốc phiện. Dằng dặc kiếp người, dằng dặc thương đau. Cả dân tộc có nguy cơ bị xóa.

Đến hôm nay ! Ôi ngọn lửa bất diệt ! Đêm nổi trống đồng lên, đêm vũ hội quê nhà.

Cuộc đời mang mơ ước đi xa, đau đau lắm vùng quê Cực Bắc, thiêng liêng lắm phương trời xa Đất nước. Tôi đã kịp về để không quên cày cuốc, bàn tay cầm dao phát nương chưa lỏng.

Giọt mồ hôi rơi trên đất năm xưa, pháp phóng mùa màng, pháp phóng buồn vui, biên giới đất còn thất thường mưa nắng...

Tôi tìm đến ngọn nguồn Nho Quế, uống ngụm nước trong mát rượi đáy lòng. Nâng hòn đá lên ngang tầm mắt, hiểu những gì đã hoá Núi Sông...

Lời bình

Thơ văn xuôi bao giờ cũng có không khí riêng của nó. Với *Trước đá*, đó là sự bế tắc, cực nhọc và ngang tàng. Bế tắc bởi không gian, cực nhọc bởi tồn tại và ngang tàng bởi con người đối mặt với thiên nhiên, vượt lên tất cả để nhận diện chính bản thân mình. Cái giọng điệu buồn buồn của câu chữ, cái âm thanh đều đều của nhịp thơ đã phác họa chân dung con người với thái độ bình thản trước những nhọc nhằn mà anh ta đã và đang trải qua. Có được sự bình thản ấy, cách lí giải duy nhất là bởi anh ta đã vượt qua được nó, vượt qua cả chính bản thân mình để tồn tại. Hình thức độc thoại nội tâm là chất liệu chính của văn xuôi trong *Trước đá*. Còn chất thơ lại thể hiện nhiều qua những câu như : "Quê hương tôi tự nó đã cao rồi", "Nếu nên người thì núm ruột hồng vượt lên đá nở thành hoa", và "Khóc làm gì em bởi giọt nước mắt cũng chẳng có nhiều"... Có cảm giác rằng với *Trước đá*, không khí thơ là cái được hình thành trước tiên sau đó mới là những ý tứ khác. Cách viết như vậy dễ làm người đọc say cái say của người viết mà bỏ qua tất cả những sơ xuất về câu chữ nếu có. "Nâng hòn đá lên ngang tầm mắt, hiểu những gì đã hoá Núi Sông". Một cái kết thật hay và trọn vẹn. Vừa độ lượng, khoáng đạt, vừa tươi sáng, lạc quan. Trong ngữ cảnh toàn bộ bài thơ, câu kết này có thể coi như một thái độ ứng xử đầy cá tính.

LUƠNG NGỌC AN

Đàn môi

*Để trên cành là lá
Nâng lên môi thành đàn
Gọi mùa xuân trở lại
Trong tình anh chứa chan*

*Không lẫn với tiếng chim
Chả nhảm dòng suối hát
Âm thanh của núi rừng
Cháy lên môi khát khao...*

*Chỉ riêng mình anh biết
Đàn môi - Lời trái tim...*

Lời bình

Hãy lần ngược từ cuối bài : "Đàn môi - Lời trái tim". "Lời trái tim" này khác hẳn với tất cả những âm thanh khác ở chỗ nó được cất lên bằng tình cảm của người đang yêu mặc dù cách biểu lộ tình cảm nhờ vào một chiếc lá như vô vàn chiếc lá khác. Song, điểm khác duy nhất ở đây là chiếc lá không phải ở trên cây, cũng không phải ở dưới đất mà được đặt lên môi người đang yêu. Thì ra chỉ cần có tình yêu thì cái gì cũng có thể trở thành phương tiện để bày tỏ : một ánh mắt, một nụ cười, một chiếc áo đẹp hơn ngày thường... và ở đây là một chiếc lá đặt trên môi.

Hãy thử không yêu mà đặt một chiếc lá lên môi xem sao ? Tôi chắc chắn rằng nó không thể đầm thấm như vậy.

LUƠNG NGỌC AN

Nguyễn Đình Thi

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Đình Thi. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1924, tại Luang Prabang (Lào). Quê quán: phố Bà Triệu, Hà Nội. Mất năm 2003.

Tác phẩm đã xuất bản :

Người chiến sĩ (thơ, 1956 - 1958) ; *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1959 - 1961) ; *Dòng sông trong xanh* (thơ, 1974) ; *Tia nắng* (thơ, 1983).

Xung kích (tiểu thuyết, 1951) ; *Thu đông năm nay* (truyện, 1954) ; *Mấy vấn đề văn học* (tiểu luận, 1956 - 1958) ; *Bên bờ sông Lô* (truyện ngắn, 1957) ; *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong văn nghệ hiện nay* (tiểu luận, 1957) ; *Con nai đen* (kịch, 1961) ; *Cái tết của Mèo con* (truyện thiếu nhi, 1961) ; *Vỡ bờ, tập một* (tiểu thuyết, 1966) ; *Mặt trận trên cao* (tiểu thuyết, 1967) ; *Vỡ bờ, tập hai* (tiểu thuyết, 1970) ; *Hoa và Ngẩn* (kịch, 1975) ; *Giấc mơ* (kịch, 1983) ; *Tiếng sóng* (kịch, 1985) ; *Hòn cuội* (kịch, 1987).

Giải thưởng văn học :

Giải nhì truyện và kí sự Hội Văn nghệ Việt Nam (tiểu thuyết *Xung kích* 1951 - 1952) ; Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1 - 1996).

Quê hương Việt Bắc

Hoa lau phơ phất quán chân
Gió cháy mặt người chiến sĩ
Rời đồng bằng lên rừng núi
Ta đi đã mấy mùa xuân.

Sơn La những lũng đầy sương
Những đôi vàng hoe lúa chín
Những buổi rời tay bịn rịn
Chân đi quán quýt bờ nương

Còn đâu những bản mừng yêu dấu
Giặc đến trời hoang đất ngập tro
Nhớ bước lui quân lòng rỏ máu
Ôi nằm xoi bà cụ Thái cầm cho

Lòng ta vẫn ở trên Tây Bắc
 Những đêm thao thức tiếng từ quy
 Ta khóc hờn căm thế giết giặc
 Sông Đà ơi ta sẽ trở về

 Từ những ngày đầu non nớt ấy
 Ta đã đi đi tới không ngừng
 Trên những con đường đầy lửa cháy
 Lòng ta nặng nghĩa quê hương

 Lòng ta không ngừng ca hát
 Ôi những núi chàm sáng ngời
 Ta yêu những rừng Việt Bắc
 Nơi ta khôn lớn nên người

 Quê hương ta núi sông lồng lẩy
 Mỗi lần vùng dậy lại đẹp hơn
 Mỗi tác đất ngày đêm bỗng giẫy
 Mỗi lòng người như nước suối trong.

Lời bình

Nguyễn Đình Thi quê gốc Hà Nội, sinh ra tại Luang Prabang (cố đô Lào), thuở nhỏ sống ở Hải Phòng và sau đó là Hà Nội. Thế mà các địa danh ấy vào thơ ông không có chữ *quê hương*. Chữ *quê hương* ông dành cho Việt Bắc. Chỉ riêng điều này thôi đã thấy trái tim ông, kể cả phần riêng tư nhất, dành trọn cho cách mạng và kháng chiến.

Để thưởng thức trọn vẹn *Quê hương Việt Bắc*, tôi bỗng ôn lại một câu trong bộ kinh Phật nổi tiếng *Thủ lãng nghiêm* : "...Khi người mở mắt ra là người nhìn vào thiên hạ ; còn khi người nhắm mắt lại là chính người đang nhìn vào thân thể người vậy." Dường như nhà thơ cũng nhìn tạo vật bằng hai cách ấy : nhắm mắt và mở mắt. *Quê hương Việt Bắc* được viết từ sự quan sát khi nhắm mắt, nhớ và ngẫm. Nếu không thế thì làm sao các hình ảnh lại có thể cô đọng đến vậy.

Cảnh trèo đèo, vượt núi mà chỉ cần mấy từ :

Hoa lau phơ phất dưới chân
 Gió cháy mặt người chiến sĩ.

Hay sự suy tôn Dân tộc và Miền núi chỉ vắn vệt trong mấy chữ : Núi chàm sáng ngời ("Lòng ta không ngừng ca hát. Ôi những núi chàm sáng

ngời"). Nói *núi xanh*, *núi tím* là chỉ tả núi mà thôi ; nói *núi chàm* là vừa tả núi vừa tả màu áo dân. Màu áo chàm lớn như sông núi là một khái quát lớn.

Bài thơ sử dụng hai thể loại thơ, thể lục ngôn (sáu chữ) truyền thống để nói về nguồn gốc và thể bảy chữ để sự kiện vận hành. Cả bài thơ chưa phải là kĩ lưỡng toàn bích nhưng cái hơi thở và giọng điệu một Nguyễn Đình Thi thì rõ rệt lắm.

PHẠM TIẾN DUẬT

Bài ca Điện Biên Phủ

*Đất trời mờ sắt thép
Chớp giật xé ngày đêm
Lửa ào ào bùng cuộn
Lấp những đôi cháy đen*

*A một và C một
Quân nát từng chiến hào
Lăn vùi trong bụi đất
Ta quên hết sớm chiều*

*Mưa rơi bùn lũng bống
Bùn chảy lẫn máu tươi
Mặt anh đen khói đạn
Bống nhoẻn ra nụ cười*

*Mưa rơi đêm đen kịt
Mồ hôi vã ướt đầm
Cuộc xéng ta thành thạch
Từng tắc một tiến dần*

*Pháo trên đầu găm thép
Miếng cơm nắm sao ngon
Một phút ngủ như chết
Dậy thôi cuộc nữa lên*

*Ta giành từng mảnh đất
Ta thu từng mảnh trời
Chiến hào ta vươn dài
Thất chúng nó nghệt thờ*

*Lại đêm âm âm nổ
 Pháo sáng bay đỏ lừ
 Lại ngày sôi bụi bỏng
 Mặt ta say chín dừ*
*Dây thép gai chẳng chịt
 Có phải dây Mường Thanh
 Ngã xuống lại chồm dậy
 Chiến sĩ vút lao nhanh*
*Giữa buổi chiều nắng bụi
 Tiếng súng bỗng im dần
 Ta ngây nhìn khắp phía
 Đen ngịt giặc chui lên*
*Những gò má râu ria
 Những hốc mắt lấm lét
 Hai tay giơ trên đầu
 Chúng ra mãi không hết*
*Đêm sáng trắng xanh lặng
 Rừng núi bỗng mênh mông
 Chiến sĩ tay cầm súng
 Đứng gác bên lửa hồng.*

1954

Lời bình

Nhanh và mạnh là dòng nhạc nổi của bài thơ. Các sự việc dồn dập kể liền nhau như một phóng sự chiến tranh. Từ ngữ, dấu là động từ hay tính từ đều phụng sự cách dựng cảnh này : mờ, ào ào, bùng cuộn, vui, thỉnh thích, chẳng chịt, chớp giật, xé, quần nát, lẫn vùi, chồm dậy, lao nhanh... Nhịp thơ 5 chữ cũng phụ giúp vào việc tả trận mạc. Hiệu quả lớn lao của thủ pháp này là Nguyễn Đình Thi đã dựng lên được bức tranh hoành tráng của một chiến dịch có tầm cỡ thế kỉ đầy gian nan và quyết liệt.

Không khí chung là vậy, nhưng thực ra cả *Bài ca Điện Biên Phủ*, tác giả chỉ dựng lên đúng một việc : đào hầm vây lấn. Có nói đến A một, C một là lướt qua cho đủ khung cảnh. Ấy thế mà cả một Điện Biên đầy đủ cứ sống động trong ta. *Bài ca Điện Biên Phủ* là bài ca về một dân tộc, thông qua những người chiến sĩ, từ đất và bám chặt lấy đất để giành lại

bầu trời tự do. Đây là tư tưởng xuyên suốt qua rất nhiều tác phẩm khác nhau của Nguyễn Đình Thi mà câu thơ trong bài *Đất nước* đã là một điển hình :

Rũ bùn đứng dậy sáng loà.

Khi nói : nhanh và mạnh là dòng *nhạc nổi* của bài thơ, ý tôi muốn nói rằng, trong bài ca này còn có một phức điệu nữa, ấy là bè trầm mà chậm. Cái bè thấp với nhiều *điệu thứ* này đối chọi với *điệu trưởng* của giai điệu trên mới làm nên sự dày dặn của tác phẩm.

Phải lắng nghe thật kĩ mới thấy được :

*Mặt anh đen khói đạn
Bỗng nhoẻn ra nụ cười.*

Thường thì người ta viết *nhoẻn cười*, hoặc cùng lắm là *nhoẻn nụ cười*, đằng này lại là *nhoẻn ra nụ cười*. Ấy là vì chỉ một nụ cười thôi cũng đã phải gạt dần qua bùn, qua khói đạn và qua cả máu nữa. Gương mặt và nụ cười là ở dòng nhạc nổi, khói đạn và bùn đất là dòng nhạc chìm.

*Pháo trên đầu găm thét
Miếng cơm nắm sao ngon
Một phút ngủ như chết
Dậy thôi cuộc nữa lên.*

Tiếng pháo "găm thét" là ở bè cao đối lập gay gắt với giấc "ngủ như chết" ở bè thấp. Ừ mà thật thế. Nguyễn Đình Thi viết nhạc thì như làm thơ mà làm thơ lại như viết nhạc vậy.

PHẠM TIẾN DUẬT

Đường núi

*Chiều nhạt nhạt về nơi nào xa lắm
Ngây ngất sương mây
Lối mòn không dấu chân
Gió nổi
Đâu đây tiếng suối rì rào
Ôi những vạt ruộng vàng
Chiều nay rung rinh lúa ngả
Dải áo chàm bay múa
Tiếng hát ai trên nương
Bờ tre đang reo ánh lửa*

Mái nhà sàn toả khói xanh
Hương gạo xa vắng vắng
Một mảnh trắng
 dốc ngã trập trùng
Bước chân bóng động nghiêng bờ núi.

Lời bình

Bài thơ như bức tranh chấm phá vài nét chiều rừng. Qua những nét vẽ tiết kiệm cả nét lẫn màu ấy lại thấy nổi rõ lên lòng yêu đất đai thôn bản say đắm của người viết. Có chữ nào nói sự say đắm của lòng người đâu. Không nói nhưng ta nghe được trong nhịp điệu của câu thơ, trong cái nhìn "ngây ngất" với sương mây, "rì rào" với tiếng suối. Và đây, hãy lắng nghe cả hình ảnh lẫn âm điệu câu thơ. Trong hình ảnh có tiếng reo vui lặng thầm :

Ôi những vạt ruộng vàng
Chiều nay rung rinh lúa ngả
Dải áo chàm bay múa
Tiếng hát ai trên nương.

Ruộng lúa rung rinh chín, dải áo chàm bay múa và tiếng hát vang xa... Tác giả không reo thành lời, nhưng cảnh sắc reo trong mắt anh.

Âm điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm, vẫn bị bỏ rơi, chỗ nào tâm tình lắng lại thì âm điệu câu thơ lắng lại, chơi vơi, thanh nhẹ. Câu thơ 5 chữ hay 6 chữ không phải do vần điệu thể loại quy định mà do tâm tình tác giả. Thử lưu ý hai câu 6 xen giữa các câu 5 chữ :

Bờ tre đang reo ánh lửa
Mái nhà sàn toả khói xanh.

Đấy là hình ảnh làm ấm lòng tác giả nhất.

Độ dài câu thơ có tác dụng như một sự ngưng đọng, sự lắng nghe từ trong kí ức người vẽ những ánh lửa bếp ban chiều, những tia khói xanh trên mái lá. Hai câu thơ kết dài tới bảy âm tiết như một sự ngân nga của tâm trí. Cảnh trong bài thơ này chỉ được vẽ trong vài nét có tính cách gợi hơn là tả. Có khi hai ba cảnh trên các bình diện khác nhau hiện trong một câu thơ. Tốc độ chuyển cảnh rất nhanh. Người đọc không thấy mạch liên của cảnh nhưng lại có mạch liên của cảm xúc. Nội dung của bài thơ nằm cả ở bên ngoài các dòng chữ. Nếu tóm tắt bài thơ chỉ thấy một buổi chiều vùng núi, có lối mòn, có bản nhỏ, khói bếp, gió nổi, trăng lên, áo chàm, tiếng hát, cánh đồng... Cái làm chúng ta xúc động lại là cái từ trường cảm xúc thu hút sắp xếp các hình ảnh đó với nhau. Ấy là tình cảm yêu say

đắm đồng đất, núi rừng, làng mạc, nước non mình. Ấy là ánh nhìn rọi vào đâu cũng thấy rung rinh, xao xuyến, bay múa, ca hát. Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu, trong trẻo, run rẩy phủ lên phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả. Đường vắng mà lòng vui. Đi một mình mà lòng như ca hát.

VŨ QUẢN PHƯƠNG

Đoá hoa nghệ

*Sáng nay giữa Điện Biên dữ dội
Những chiến hào bỗng thấy mưa xuân
Ờ lạ khắp mặt đất đen trụi
Hoa nghệ xôn xao nở tím hồng
Anh ngắt đoá hoa đồng tươi nhỏ
Dành cho em ở cuối trời xa
Em ạ dù trong cơn bão lửa
Tình yêu không ngừng vẫn nở hoa.*

1954

Lời bình

Bài thơ viết về một khoảnh khắc của anh bộ đội trong chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. Cần phải hiểu điều đó trước khi bước vào bài thơ. Chính vì đặt vào bối cảnh : Điện Biên dữ dội trong cơn bão lửa, khắp mặt đất đen trụi... thì hình ảnh đoá hoa nghệ mới trở nên có ý nghĩa.

Nhà thơ đã phát hiện những đoá hoa nghệ "xôn xao nở tím hồng" ngay trên mặt đất mà bom đạn, khói lửa của cuộc chiến đấu dữ dội còn in dấu vết. Và cử chỉ "Ngắt đoá hoa đồng tươi nhỏ" ấy đã cho thấy tư thế của người chiến thắng trong cuộc đối đầu quyết liệt này. Chỉ người chiến thắng mới có thể quan tâm tới thiên nhiên, tới con người, tới tình yêu và cuộc sống như vậy.

BẾ KIẾN QUỐC

Quách Ngọc Thiên

(Dân tộc Mường)

Tên khai sinh : Quách Ngọc Thiên. Sinh năm 1944. Quê quán : xã Ngọc Lương, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hổ trong mây ; Nàng gió nương (thơ, 1995).

Giải thưởng văn học :

Tặng thưởng của Ban văn học Dân tộc và Miền núi và Hội Nhà văn Việt Nam, 1994 - 1995 (tập thơ *Nàng gió nương*).

Nhà sàn

*M*ời bạn lên nhà sàn
Với những cột lùn cao
Như tay nâng mặt phẳng
Lòng người tìm thấy nhau

Nơi người xưa đi qua
Để nhà sàn câu ví
Để nhà sàn rượu cần
Để nhà sàn lời ru...

Ta chẳng muốn rời xa
Đã gần, gần thêm nữa
Cứ bình thản ngọn lửa
Gió mưa chẳng dập vùi

Nơi ruộng, lúa theo người
Về nhà sàn ở lại
Nơi ngoài vườn cây trái
Kể bốn mùa gần xa.

Có dòng sông đi qua
Núi đồi hình thác đổ
Giờ lặng yên đứng đó
Nhìn nhà sàn buông neo.

Lời bình

Nhà sàn là một hình thức kiến trúc nhà ở độc đáo của nhiều dân tộc thiểu số nước ta. Dân tộc Mường của nhà thơ Quách Ngọc Thiên cũng vô cùng gắn bó với nếp nhà sàn thân thuộc.

Bài thơ đã miêu tả cái nhà sàn với biết bao tình yêu. Đó là :

*Nơi người xưa đi qua
Để nhà sàn câu ví
Để nhà sàn rượu cần
Để nhà sàn lời ru...*

Đáng lưu ý là ngọn lửa trên nhà sàn :

*Cứ bình thản ngọn lửa
Gió mưa chẳng dập vùi.*

Ngọn lửa này tượng trưng cho sức sống bền bỉ của đời sống người dân Mường, cũng tượng trưng cho tình yêu với dân tộc mình.

Bài thơ kết bằng một hình ảnh đẹp : ngôi nhà sàn đứng bên dòng sông đổ thác lặng yên.

NGỌC CHUNG TỬ

Tiếng sa quay

*Tiếng sa quay
Râm ran nhà sàn
Trong trẻo trắng tinh sợi chỉ
Chảy tràn kẽ tay em
Trong trẻo suốt mây trắng thả
Nền nã sợi bông êm
Vòng sa tròn cọn nước
Em quay đều tiếng mưa
Ngoài vườn lâm thâm lộc biếc
Lời hát sợi chỉ xe...*

4 - 1988

Lời bình

Đã có nhiều bài thơ, nhiều câu hát ca tụng những cô gái trên miền núi cao : "con gái trắng nõn những búp tay".

Ca tụng con gái đẹp, nhưng tác giả chỉ đặc tả "búp tay" thôi. Bởi "bàn tay là hoa của người" (Huy Cận). Cái búp hoa "trắng nõn ấy", không thể trở trên cái cây gỗ mục được. Và bàn tay đã trở thành tay tiên : "Tung nắm tẩm thành ra đàn gà", "Vuốt lên lúa, bụi lúa ra bông" (Cầm Giang).

Ở đây, ta lại gặp bàn tay ấy trong một công việc cụ thể, một công việc thường ngày của các cô gái vùng cao : quay tơ và dệt lụa.

*Tiếng sa quay
Râm ran nhà sàn
Trong trẻo trắng tinh sợi chỉ
Chảy tràn kẽ tay em...*

Bài thơ bắt đầu từ một cảnh cụ thể : Cô gái quay sợi trong nhà sàn. Phải là một cô gái đẹp, có tâm hồn rất đẹp, nên sợi chỉ mới trở nên "trong trẻo" khi chảy qua kẽ tay cô. Có ai thấy sợi chỉ "trong trẻo" bao giờ ? Ấy là sợi chỉ đã nhuộm tâm hồn của người quay sa, vì thế mà ngay sau đó, nó đã thành *suối mây*, thành ánh trắng trời :

Trong trẻo suối mây trắng thả

Và vòng sa, tiếng sa được nhìn, nghe qua con mắt, cái tai của nhà thơ miền núi, đã hoá thành một vùng thiên nhiên của miền núi cao :

*Vòng sa tròn cọn nước
Em quay đều tiếng mưa
Ngoài vườn lâm thâm lộc biếc*

Cô gái quay sợi đã thành bà tạo hoá, người dệt một vùng gấm vóc thiên nhiên. Có lẽ chỉ nhà thơ miền núi mới nhìn ra được thế. Bài thơ giản dị, hồn nhiên mà không kém phần sâu sắc. Đây là một bức tranh thiên nhiên đẹp. Ở đó, cô gái quay sợi đã hoá thành một phần của thiên nhiên.

TRẦN ĐĂNG KHOA

Hồ trong mây*

*Những con ruộng ở lưng chừng núi
Rất gần trời - buổi sáng nhiều mây
Mây sà xuống cùng em đi cấy
Lúa thẳng hàng xanh mây bay.*

*Những con ruộng ở lưng chừng núi
Rất xa trời - trưa đến mây đi
Lúa vẫn xanh trong hơi nắng lửa
Trắng đỉnh đầu, núi cũng nghĩ suy.*

*Những con ruộng ở lưng chừng núi
Trong đảo mây : chiều đến em về
Lúa lớn lên thì thấm tiếng suối
Như lời ru trầm bổng vuốt ve.*

*Những con ruộng ở lưng chừng núi
Lúa trên cao - có nước ở lưng trời
Bởi em là nàng tiên thủy lợi
Đem hồ về đặt ở trong mây.*

8 - 1975

Lời bình

Bài thơ như những trường đoạn phim quay cận cảnh. Có ruộng, núi, mây, nước... và tình người.

Bốn khổ thơ đều mở đầu bằng câu :

Những con ruộng ở lưng chừng núi

"Con ruộng" chứ không phải *thửa ruộng* như người Kinh quen nói. "Con ruộng" nghe gần gũi thân mật như con chó, con mèo nuôi trong nhà.

(*) Rút từ tập *Nàng gió nương* : NXB Văn hoá dân tộc, 1994 - tác phẩm được tặng Giải thưởng Văn học Dân tộc và miền núi - Hội nhà văn Việt Nam 1994 - 1995.

Đây là "Những con ruộng ở lưng chừng núi" của bà con các dân tộc thiểu số anh em, những người mà cuộc sống lúc nào cũng gần bó, cũng thấm đẫm thiên nhiên.

Quách Ngọc Thiên có sự quan sát tinh tế và tạo nên những hình ảnh biến ảo : "buổi sáng nhiều mây" - ruộng rất gần trời, "trưa đến mây đi" - ruộng rất xa trời. Thời gian cứ thế mà trôi đi, và những thửa ruộng cứ thế phập phồng, như hơi thở của thời gian.

Con người và thiên nhiên ở đây cũng rất chan hoà, ấm cúng :

- *Mây sà xuống cùng em đi cấy*
- *Lúa vẫn xanh trong hơi nắng lửa*
- *Lúa lớn lên thì thấm tiếng suối...*

Khổ cuối của bài thơ, ý tưởng chủ đạo của tác giả mới bộc lộ :

- Bởi em là nàng tiên thuỷ lợi*
- Đem hồ về đặt ở trong mây.*

"Đem hồ về đặt ở trong mây" quả là một hình ảnh độc đáo, và cô gái làm thuỷ lợi bỗng hoá thành nàng tiên với sự mầu nhiệm hứa hẹn một cuộc sống ấm no. Vậy mà vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên vẫn chẳng hề suy suyển.

Quách Ngọc Thiên làm thơ đã nhiều năm, cũng đã có những thành công nhất định. Những bài thơ như *Hồ trong mây* trong tập thơ *Nàng gió nương* không phải dễ mà có được, nhất là trong tình trạng hiện nay, anh bị bệnh trọng, liệt hai chân, đang sống và viết tại quê nhà ở Hoà Bình thì những tác phẩm như thế này càng đáng được trân trọng.

NGUYỄN BÙI VỢI

Hữu Thỉnh

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Hữu Thỉnh. Sinh ngày 15 tháng 2 năm 1942. Quê quán : xã Duy Phiên, huyện Tam Dương (nay là Tam Đảo), tỉnh Vĩnh Phúc.

Tác phẩm đã xuất bản :

Đường tới thành phố (trường ca) ; *Từ chiến hào tới thành phố* (trường ca - thơ ngắn) ; *Thư mùa đông* (thơ) ; *Trường ca biển* (trường ca)...

Giải thưởng văn học :

Giải ba cuộc thi thơ Báo Văn nghệ, 1973 (bài thơ *Mùa xuân đi đón*) ; Giải A cuộc thi thơ Báo Văn nghệ, 1975 - 1976 (bài thơ *Chuyến đò đêm giáp ranh*, trường ca *Sức bền của đất*) ; Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 1980 (trường ca *Đường tới thành phố*) ; Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 1995 (tập thơ *Thư mùa đông*) ; Giải xuất sắc Bộ Quốc phòng, 1994 (Trường ca *Biển*) ; Giải nhất Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp và Trung ương Đoàn (bài thơ *Thưa thầy*).

Thư mùa đông

Thư viết cho em nhờ nét mực
Phên thưa sương muối cứ bay vào
Núi rét đêm qua chừng mất ngủ
Sáng ra thêm bạc một nhành lau.

Ở đây tuyết trắng trên chần mỏng
Bếp đỏ cơm trưa núi vẫn mờ
Mực đóng thành băng trong ruột bút
Hơ hoài than đỏ chảy thành thư.

Chấn gió cây run trong rễ tím
Hạt ngô gieo xuống cũng co mình
Có hôm đông đội di công tác
Nhớ đấy, nhưng mà... thêm lớp chần.

*Gà buốt gáy lười dầm tiếng khản
Ca bát khua cho đỡ bất thường
Núi giấu trong lòng trăm thứ quặng
Anh bòn không kiếm đủ rau ăn...*

*Gạo thường lên sớm, thư thời chậm
Đài mở thâu đêm đỡ vắng hăm
Bao năm không thấy màu con gái
Vó ngựa nghe nhảm tiếng guốc em...*

*Mây đến thường rủ anh mơ mộng
Biết vậy, khuya em đổ ánh đèn
Ước gì có chút hương bồ kết
Cho đá mềm đi núi ấm lên.*

Mèo Vạc, 3 - 1982

Lời bình

Thư mùa đông không khỏi gợi cho tôi nhớ bức thư thơ nổi tiếng một thời của Nguyễn Bính :

*Thư một bức ngàn lời tâm huyết
Đêm canh trường thức viết cho em
Bồi hồi máu ứ trong tim
Chảy qua ngòi bút hiện lên thư này.*

Lối nói dân gian, ước lệ, ngoa dụ mà thật da diết, mãnh liệt.

Cách nói của *Thư mùa đông* là nói thật, nói những gì nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy khiến ta có cảm giác là mùa đông ở đây thật dữ dội, thật rét :

*- Thư viết cho em nhoè nét mực
Phên thưa sương muối cứ bay vào
- Mực đông thành băng trong ruột bút
Hơ hoài than đỏ chảy thành thư*

Nguyên các chuyện viết thư thôi, ấy thế mà đã phải bao nhiêu chật vật. Thư cho phép người ta kể. Nhiều chuyện được nhắc tới, nhiều chi tiết

được nêu ra, nhưng đậm nét và tập trung nhất có lẽ là cái rét. Những câu thơ tả rét thật gợi :

- Ở đây tuyết trắng trên chần mỏng
- Chần gió cây run trong rế tím
- Hạt ngô gieo xuống cũng co mẫm
- Gà buốt gáy lười dăm tiếng khản

Rét đến mức "đồng đội đi công tác" có hai tình cảm trái ngược nhau :
"Nhớ đấy, nhưng mà... thêm lớp chần".

Còn bao nhiêu chuyện nữa : chậm thư, thiếu rau, thiếu cả tiếng gà, vắng màu con gái... Tất cả sự thiếu thốn, sự gay gắt dữ dội của mùa đông không hề làm cho người lính cần cỗi đi, rã rời ra. Họ khua ca, bát, họ bòn rau, họ mổ đùi, họ viết thư và họ mơ mộng... Sự liên tưởng và niềm ước ao của họ thật nhỏ nhoi mà cảm động :

- Vó ngựa nghe nhăm tiếng guốc em
- Ước gì có chút hương bồ kết
- Cho đá mềm đi, núi ấm lên.

Những người lính rất anh hùng, giỏi chịu đựng mà cũng rất bình thường, giản dị. Thể hiện được sâu sắc một trong hai điều đó cũng đã là đáng quý. Thế mà *Thư mùa đông* cùng một lúc nói được cả hai.

VŨ NHO

Nguyễn Thị Minh Thông

(Dàn tộc Kinh)

Tên khai sinh : Nguyễn Thị Minh Thông. Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1949.
Quê quán : huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ.

Tác phẩm đã xuất bản :

Sao mình lại gặp nhau (thơ, 1995) ; Thư viết ngày chia xa (thơ, 1997) ;
Bông hồng sau chiến tranh (thơ, 1998).

Mùa đông trên núi đá

*M*ùa đông về - nơi anh có lạnh không
Tấm áo em may đan toàn sợi nhớ
Tiếng ai nói thoảng qua bên khung cửa
Em giật mình - tưởng như tiếng anh

Mùa đông về - nơi em lá vẫn xanh
Rặng sa mu vươn mình trên núi đá
Tiếng ai gọi vút theo vòm lá
Em ngập chìm giữa biển trắng của mây

Mùa đông về gió bắc có qua đây
Xin gửi chút lá xanh cho người xa nhớ
Xin gió nói những lời thương của lửa
Cho mùa đông này bớt lạnh giá nơi anh
Mùa đông về
nơi em
lá vẫn xanh.

Sa Pa, mùa đông 1996

Lời bình

Khi người ta yêu thương nhau trong xa cách, họ thường lo lắng cho nhau, bận tâm về nhau nhiều lắm. Người con gái - nhân vật trữ tình của bài thơ - đang sống trong cảnh "Mùa đông trên núi đá", nơi cái rét cũng dữ dội không kém bất cứ nơi nào. Ấy thế mà với bản tính chút chăm, quan tâm tới người khác, người con gái này đã quên đi hoàn cảnh thực tại của mình để thương, lo cho người yêu dấu ở nơi xa. Trong nỗi thương lo ấy, chị thấy sự chịu đựng của mình chẳng thấm thía gì so với cái giá rét mà anh đang phải chịu. Người con gái này không chỉ gửi nỗi lòng mình vào sợi thương sợi nhớ của "chiếc áo nàng Bân", mà còn như muốn gửi chút lá xanh, gửi chút ấm nồng của lửa tới anh. Cô muốn nơi anh được xanh tươi sự sống và ấm áp lửa hồng để xua đi giá lạnh, xua đi những rơi rụng tàn phai. Tâm hồn ấy hướng cả về anh... Bài thơ thật giản dị mà chất chứa bao tình nghĩa. Đó cũng là phẩm chất muôn đời quý giá của người phụ nữ Việt Nam.

VĂN GIÁ

Hoàng Trung Thông

(Đàn tặc Kinh)

Tên khai sinh : Hoàng Trung Thông. Sinh ngày 5 tháng 5 năm 1925. Quê quán : xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Mất ngày 4 tháng 1 năm 1993 tại Hà Nội.

Tác phẩm đã xuất bản :

Quê hương chiến đấu (thơ, 1955) ; *Đường chúng ta đi* (thơ, 1960) ; *Đấu sống* (thơ, 1968) ; *Những cánh bướm* (thơ, 1971) ; *Trong gió lửa* (thơ, 1977) ; *Hương mùa thơ* (thơ, 1984) ; *Tiếng thơ không dứt* (thơ, 1989) ; *Mời trăng* (thơ, 1992).

Chặng đường mới của văn học chúng ta (tiểu luận phê bình, 1961) ; *Cuộc sống thơ, thơ cuộc sống* (tiểu luận phê bình, 1979) ; *Những ngày thu ở Liên Xô* (kí, 1983).

Dịch thơ : Đỗ Phủ, Lục Du, A Đam Mickiêvich, Henrich Haind, Petophi, Puskin, Maiacốpski, thơ Liên Xô...

Giải thưởng văn học :

Giải ba văn học dịch Hội Văn nghệ Việt Nam 1945 - 1955 (tác phẩm *Vương Quý và Lý Hương* của Lý Quý (Trung Quốc)).

Đến Cổng Trời

Ta đến, Cổng Trời đà rộng mở
Ta lên ngang với những tầng mây
Ta lên cao nữa lên cao quá
Chợt tưởng như mình có cánh bay.

Ta không cười gió mà trông xuống
Ta lẫn vào trong ngô lúa đi
Ta leo bậc đá leo chân ruộng
Ôi giọt mồ hôi ! Ta nghĩ gì.

Nghĩ đến mẹ già đang đợi củi
Đến anh mang lù-cỏ lên nương
Đến cô gái hứng từng giọt suối
Đến đàn em vượt núi đến trường.

*Ôi nơi hùng vĩ nơi thơ mộng
Và cũng là nơi đầy gió mây
Nơi ngó với đá giành nhau sống
Nơi thoảng mùi lan theo gió bay.

Đáy muôn đỉnh núi dựng cheo leo
Cao như nghĩa khí của người Mèo
Ôi ai cưỡi ngựa phi lên núi
Tôi ngẩn ngơ hoài đứng ngó theo...*

Lời bình

Bài thơ có cảm hứng bay bổng và tình cảm yêu người yêu cảnh thấm thiết. Mở đầu bài thơ, chúng ta đã thấy nhà thơ vào "Cổng Trời" rộng mở và "Lên ngang với những tầng mây". Tuy thế, ông vẫn hoà mình vào cuộc sống đời thường của bà con người dân tộc ở địa phương. Ông "lấn vào trong ngô lúa", ông chia sẻ sự cần cù vất vả với bà "mẹ già đang địu củi", với anh con trai "mang lù-cổ lên nương", cô gái "húng từng giọt suối" và "đàn em vượt núi đến trường". Người nào cũng phải gắng sức vượt khó để làm tốt công việc của mình. Những hình ảnh đó đều là những "nét vẽ" trong một bức tranh cuộc sống ở một bản làng miền núi.

Đoạn thơ gần cuối tiếp tục "vẽ" một bức tranh núi "hùng vĩ và thơ mộng", nhưng cũng là biểu tượng của một cuộc sống gian nan : "ngó với đá giành nhau sống".

Đoạn thơ cuối lại dựng lên một biểu tượng : những đỉnh núi cheo leo, cao vút ấy có thể coi như hình ảnh của tính cách người Mèo dũng cảm, có nghĩa khí cao.

Nhà thơ "ngẩn ngơ" ngó theo một chàng trai Mèo "cưỡi ngựa phi lên núi", ghi nhận một thi hứng mạnh mẽ, hào hùng, rất gợi cảm cho người đọc.

TRẦN LÊ VĂN

Trên hồ Ba Bể

Tặng Nông Quốc Chấn

*T*huyền ta chầm chậm vào Ba Bể
Núi dựng cheo leo, hồ lặng im
Lá rừng với gió ngậm se se
Hoạ tiếng lòng ta với tiếng chim

Thuyền ta lướt nhẹ trên Ba Bể
Trên cả mây trời trên núi xanh
Mây trắng bông bồng trôi lững lờ
Mái chèo khua bóng núi rung rinh.

Thuyền ta vòng mãi trên Ba Bể
Cây chèo theo thuyền thuyền vẫy di
Phải ta vượt khỏi nơi trần thế
Tới giữa mông lung, giữa diệu kì.

Nghe đồn xưa có thần Ba Bể
Vì giận nhân dân giết mất bò
Nửa đêm nổi sấm làm giông tố
Đim bản làng vui xuống đáy hồ.

Thuyền ta lại lướt trên Ba Bể
Chuyện cũ tan dần như khói sương
Ta đẩy mái chèo xua lững lờ
Sáng ngời mặt nước ánh vàng dương.

Đẹp sao du kích hồ Ba Bể
Chống Nhật kiên cường lại đánh Tây
Rẽ đá chèo mây chân bước nhẹ
Vút chém quân thù như chặt cây.

Thuyền ta quanh quất trên Ba Bể
Đỏ ối vườn cam, thăm bãi ngô
Nhộn nhịp trâu về, vang tiếng trẻ
Đâu còn giông bão hung thần xưa.

Thuyền ơi chầm chậm chờ ta nhé
Chim hót trên đầu ta lắng nghe
Một lần đã tới, ôi Ba Bể
Muốn ở đây thôi chẳng muốn về.

Bản Pắc Ngoi, 11-1961

Lời bình

Cuộc du thuyền của nhà thơ trên hồ Ba Bể thật ung dung, thư thái. Bài thơ gồm tám đoạn. Hầu hết các đoạn thơ được mở đầu bằng cụm từ "thuyền ta" với các định ngữ "chầm chậm", "lướt nhẹ", "quanh quất"...

Điều này chứng tỏ người và thuyền thích thú cảnh hồ Ba Bể một cách khác thường, lưu luyến nó, thông thả thưởng thức nó, tìm thấy ở nó những suy tư và cảm xúc dồi dào.

Nhà thơ du thuyền, hoà mình với thiên nhiên tuyệt đẹp, nghe "lá rừng với gió" se sẽ ngâm thơ, "tiếng lòng" mình hoà "với tiếng chim". Con thuyền không chỉ lướt trên mặt nước, mà dường như lướt "trên cả mây trời, trên núi xanh". Cảm hứng bay bổng đến mức tưởng mình "Vượt khỏi nơi trần thế". Nhà thơ nhắc thoáng đến câu chuyện huyền thoại buồn thuở xưa để nói nỗi buồn ấy đã qua, quân dân quanh hồ Ba Bể đã đánh giặc ngoại xâm, đã làm cho làng bản vùng này phồn vinh, tươi đẹp.

Bài thơ kết thúc với câu : "Muốn ở đây thôi chẳng muốn về." là do sự dặt dắn của những đoạn trên dồn xuống. Ở trên chúng ta đã thấy sự thích thú, sự lưu luyến của nhà thơ đối với hồ Ba Bể thì lẽ đương nhiên tâm tư đó được đẩy tới cao độ là ông muốn ở lại mãi mãi với nơi thắng cảnh rất con người mà cũng rất thần tiên ấy.

TRẦN LÊ VĂN

Chợ Cô Sầu*

Mồng tám tháng giêng chợ Cô Sầu
Không rượu nhưng lòng vẫn cứ say.
(Ca dao Tày).

Bươn chiêng xo pet háng Cô Sầu
Mí lấu chang slim vận cứ mầu.

Chợ Cô Sầu
Chẳng có ai sầu
Khăn thêu, thổ cẩm, vải khoe mầu.
Người đi trẩy hội hay đi chợ
Anh đợi em hoài em ở đâu ?

Chợ Cô Sầu
Chẳng có ai sầu
Gà vịt nhiều hơn khoai với nẫu.
Nón tre, túi vải, người như nước
Anh đợi lâu rồi em đứng đâu ?

(*) Tức chợ huyện Trùng Khánh (Cao Bằng).

*Chợ Cô Sáu
Lất phất mưa bay
Vai em vàng thắm gánh cam đầy
Đèo cao lưng thấp đường xa nhĩ
Xa mặc đường xa cứ tới đây.*

*Chợ Cô Sáu
Lất phất mưa bay
Đừng sợ đường trơn anh dắt tay
Áo chàm ai nhuộm mà xanh thắm
Không rượu nhưng lòng vẫn cứ say.*

Trùng Khánh, 12-1962

Lời bình

Cái tên "Cô Sáu", theo tiếng Việt có thể hiểu là "cô gái âu sầu". Nhân đó nhà thơ dùng lối *chơi chữ* (lộng ngữ) mà nói vui rằng :

Chẳng có ai sầu.

Lại nhân cái ý đó, ông trình bày những cái vui, cái đẹp, cái phong phú của chợ Cô Sáu. Người đọc được nhà thơ dắt dẫn vào thăm một cái chợ miền núi có những sản phẩm mỹ nghệ do bàn tay các cô gái vùng núi tạo nên như "khăn thêu, thổ cẩm..." ; những gia cầm, những hoa quả cung cấp thực phẩm cho mọi người : gà, vịt cũng nhiều, cam vàng cũng lắm.

Một đặc điểm của các phiên chợ miền núi là người đi chợ vui như "đi trẩy hội", các bạn trai, bạn gái từ các bản làng xa - có khi xa lắm - gặp gỡ nhau ở đây. Họ mặc trang phục đẹp như trong những ngày lễ hội. Họ mời nhau ăn uống. Họ trao đổi tâm tình với nhau. Có khi hát những điệu dân ca như *sli*, *lượn* đối đáp nhau kéo dài không dứt. Nhà thơ tự coi mình như một chàng trai đợi bạn tình, cho nên buông những câu hỏi :

Anh đợi em hoài, em ở đâu ?

và

Anh đợi lâu rồi, em đứng đâu ?

Đoạn thơ cuối nâng cảm xúc lên cao. Chàng trai sẵn sàng dắt tay bạn gái qua đường trơn, ca ngợi màu xanh chàm của áo và dầu không uống rượu cũng "cứ say" vì bạn.

Rất lí thú là bài thơ tuy có nhan đề là *Chợ Cô Sáu* mà toàn bài đều vui, rất vui.

TRẦN LÊ VĂN

Trúc Thông

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Đào Mạnh Thông. Sinh ngày 8 tháng 2 năm 1940. Quê quán : xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

Tác phẩm đã xuất bản :

Chăm chậm tới mình (thơ, 1985) ; *Ma-ra-tông* (thơ, 1993).

Mẹ Cao Bằng

Mẹ Púng khuất núi rồi
Chỉ còn núi cũ
Chỉ còn xóm cũ
Chỉ còn nhà xưa
Suốt một đời đi theo lẽ phải
Suốt một đời đi theo nhân từ
Mẹ Púng như rừng xanh buổi sớm
Cứ xanh mát vậy thôi
không đợi không chờ...

(trích *Chăm chậm tới mình*, 1985)

Lời bình

Mẹ Cao Bằng, tên bài thơ như là một thông điệp của tác giả gửi tới người đọc, một lời thưa đầy chủ định, nó mau chóng xác lập một tâm thế nghiêm cần.

Mẹ Púng khuất núi rồi
Chỉ còn núi cũ
Chỉ còn xóm cũ
Chỉ còn nhà xưa

Lời thưa trang trọng đã nối tiếp buồn. Mẹ Púng Cao Bằng được vào thơ ... thì đã khuất núi. "Chỉ còn núi cũ. Chỉ còn xóm cũ. Chỉ còn...". Giữa những từ "chỉ còn" mang tính chứng nhân này, người đọc vụt nhớ và thấy lại những đứa con đã từ xuôi lên nương nấu một thời để rồi lại rộn rịp trở về với thành nọ phố kia mà chỉ "sáng đèn" thôi đã vô cùng cách biệt với bập bùng nương rẫy, lui cui sản ngô một đời mẹ.

*Mẹ Púng như rừng xanh buổi sớm
Cứ xanh mát vậy thôi
không đợi không chờ...*

Buồn nhưng không nặng, chẳng thấy ngọt ngào nhưng cũng không trôi lên chút đắng cay trách móc nào... Phải rất hiểu lòng mẹ, nhà thơ mới giữ được tâm thế này trước bao biến cải thăng trầm của đời sống kể từ cái buổi mẹ "đi theo lẽ phải", "đi theo nhân từ", lấy đất rừng im ắng xanh của chồng con làm nơi nương nấu cho cách mạng.

Về ra được hết cái thần *Mẹ Cao Bằng*, theo tôi, ít có người làm được như Trúc Thông, mà lại chỉ bằng 9 câu thơ nhỏ nhắn. Kiệm chữ, kiệm đến mức có tới 13 chữ dừng lại, nhịp thơ được buông hết sức nhẹ nhõm. Phải chăng nhờ tính toán rất chính xác, hai yếu tố này đã vẽ lên chân dung của những người mẹ đã hi sinh cho lẽ phải rồi lặng lẽ khuất núi ở xa tít cái miền xanh "không đợi không chờ".

PHẠM THỊ MINH THU

Hoàng Trung Thu

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Trung Thu. Sinh ngày 17 tháng 9 năm 1939. Quê quán : xã Hoàng Văn Thụ, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tình yêu nơi biên giới (truyện) ; *Biên giới mùa hoa* (thơ, in chung).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng truyện viết về miền núi của Hội Nhà văn Việt Nam, 1970 (truyện *Bèo dâu lên núi*).

Hôn mặt trời

Anh nhìn lá cọ
thấy mặt trời
chia mùi
Nhìn đôi chè
thấy mặt trời
toả tán lá
tươi xanh
Nhìn suối trong
thấy mặt trời
tròn hạt ngọc
long lanh
Nhìn em
thấy mặt trời
lặn vào đáy mắt
Và anh hôn lên những mặt trời.

Lời bình

Trong thực tế không ai có thể hôn được mặt trời, có chăng chỉ là hôn trong tưởng tượng, hôn ở trong mơ thôi. Ngay như ánh nắng mặt trời, ta

cũng chỉ nhìn thấy, cảm thấy được thôi, chứ không thể sờ nắm được, nói chỉ đến hôn. Nhưng tác giả không định nói thế. Bằng con mắt quan sát tinh tế, tác giả đã nhìn thấy và cảm nhận được mặt trời qua những mũi lá cọ, qua những tán lá xanh của đôi chè, qua những viên ngọc long lanh dưới lòng suối, đặc biệt là qua đáy mắt người yêu. Và anh "hôn lên những mặt trời".

Đây là một cách nói mà ta vẫn thường gặp ở trong thơ ca, nhất là trong dân ca các dân tộc thiểu số. Đó là cái vừa thực vừa hư, hư hư thực thực, thực mà hư, hư mà thực. Thơ ca là vậy. Nghệ thuật là vậy. Đó là những mặt trời mọc lên từ cuộc đời, mọc lên từ cuộc sống, mọc lên từ lao động, mọc lên từ tình yêu, mọc lên từ trái tim khối óc, mọc lên từ thơ ca. Đó là mặt trời của chân lí, mặt trời của lẽ phải, mặt trời của sự sống, luôn luôn sinh sôi, nảy nở và toả sáng. Đó là em - mặt trời của anh, tình yêu của anh. Và anh hôn em - anh hôn lên những mặt trời.

LÒ NGÂN SÚN

Ma Đình Thu

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Ma Đình Thu. Sinh năm 1943. Quê quán : xã Thanh Định, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

Tác phẩm đã xuất bản :

Tiếng lượn vượt đèo (thơ, 1976) ; *Nguồn suối* (thơ, 1996).

Giữa cánh rừng

Ta đã từng đi qua
Những cánh rừng nắng mưa
Bão tố
Kẻ cười
Người khóc
Nước mắt chảy nhiều hơn sương
Có gì đáng thương
Có gì đáng sợ
Khi nhìn kẻ ác tự đào vực sâu
Ta lại oán
Mặt trời thì cao
Mặt trăng thì khuất
Ta làm người đại lãn độn sung rơi ?
Ta tự vấn mình là ai ?
Mà ta lại trách ?
Ta tự biết mình đời sẽ vui hơn
Con mắt của mình cũng sáng trong hơn
Ta bỗng biến thành con chim gõ kiến
Ở giữa cánh rừng
Vội mùa màng
Mưa nắng
Buồn vui.

1978

Lời bình

Có đôi khi muốn suy xét lại đời mình, muốn thực sự hiểu mình là ai, con người có một phương cách : tạm lánh xa đời sống thực tại để lùi sâu, hoà mình vào thiên nhiên. Lúc đối diện với thiên nhiên rộng lớn và bí ẩn, ta bỗng hiểu ra mình cần phải sống như thế nào là có ý nghĩa nhất. Tác giả của bài thơ này đã chọn cánh rừng làm nơi tự ngẫm.

Ồ, hoá ra đời người cũng giản dị biết bao. Hãy tránh xa những tham vọng hão huyền, tránh xa những mưu toan vụ lợi, những cái ác của cạm bẫy... giữ cho lòng mình trong sạch. Giản dị là "Ta bỗng biến thành con chim gõ kiến" sống chan hoà với rừng, với mùa màng, với bầu trời và mặt đất này. Tự do và thanh thản quá. Đó là gì nếu không phải là hạnh phúc.

Bài thơ đọng lại ở những câu cuối. Không oán hờn, không trốn đời, không buông xuôi chán nản. Tâm hồn con người như được thiên nhiên gột rửa để cho trong trẻo, sáng láng hơn lên. Anh "tự biết mình đời sẽ vui hơn". Hồn thơ thật ấm nồng và nhân hậu !

VĂN GIÁ

Dương Thuấn

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Dương Thuấn. Sinh ngày 7 tháng 7 năm 1959.

Quê quán : Bản Hon, xã Bành Trạch, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Cạn.

Tác phẩm đã xuất bản : *Cưỡi ngựa đi săn* (thơ, 1991) ; *Đi tìm bóng núi* (thơ, 1993) ; *Lục pja hết lửa – Con cô làm dâu* (thơ song ngữ Tày – Việt, 1995) ; *Đi ngược mặt trời* (thơ, 1995) ; *Bà lão và chích choè* (thơ, 1997) ; *Mười bảy khúc đèo ca* (trường ca, 2000) ; *Hát với sông Năng* (thơ, 2001) ; *Slip nhí tua khoăn* (thơ tiếng Tày, 2002) ; *Trăng Mả Pi Lèng* (thơ, 2002) ; *Đêm bên sông yên lặng* (thơ, 2004) ; *Bà lão và chích choè* (thơ, 2005) ; *Linh Trường Sa thích dưa* (trường ca, 2006) ; *Chia trứng công* (thơ, 2006) ; *Bài học mùa hè* (truyện ngắn, 1996)...

Giải thưởng văn học :

Giải A Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 1992 (tập thơ *Cưỡi ngựa đi săn*) ; giải B của Ủy ban toàn quốc các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 2006 (tập thơ *Đêm bên sông yên lặng*) ; giải B của Hội Văn học Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam, 2001 (trường ca *Linh Trường Sa thích dưa*) ; năm 2006 (tập thơ *Chia trứng công*). Ngoài ra còn được tặng 12 Giải thưởng khác của các tổ chức chính trị xã hội trong và ngoài nước, các cuộc thi thơ do các báo, tạp chí, nhà xuất bản ở Trung ương tổ chức...

Lá giầu

Sớm mai anh xuống núi

Lá giầu em rọc đôi

Nửa em ủ dưới gối

Nửa anh mang về xuôi

Anh đi cắt cho kĩ

Kẻo có kẻ rình mò

Nhờ có người nhìn thấy

Họ biết lại cười cho

Anh giữ lành anh nhé

Thơm cay một lá giầu

Nếu để rơi một nửa

Làm nửa lá kia đau.

1989

Lời bình

Truyện Kiều có câu :

Văng trắng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường

Bài thơ này lại dùng hình tượng lá giầu :

Sớm mai anh xuống núi
Lá giầu em rọc đôi
Nửa em ủ dưới gối
Nửa anh mang về xuôi

Và toàn bộ bài thơ phát triển trên hai nửa lá giầu ấy :

Nếu để rơi một nửa
Làm nửa lá kia đau

Cũng nói sự nhớ thương, không dùng hình tượng chia đôi văng trắng, mà dùng hình tượng chia đôi lá giầu - điều đó mang tính độc đáo và mang màu sắc riêng của dân tộc Tày. Hơn nữa, tác giả đã phát triển ý thơ một cách rất hiện đại. Cô gái Tày trong thơ anh không chỉ có tình cảm đắm thắm mà còn rất hồn nhiên :

Anh đi cất cho kĩ
Kéo có kẻ rình mò
Nhờ có người nhìn thấy
Họ biết lại cười cho.

Rất ngây thơ, trong trẻo, và rất đáng yêu !

NGỌC CHUNG TỬ

Đi tìm bóng núi

Bây giờ ngựa về tàu khác
Một mình anh ôm câu hát
Đi tìm bóng núi ngày xưa

Bây giờ không còn cơn mưa
Hai đứa đội chung tàu lá

*Bây giờ không còn mùa hạ
Góc chiều đỏ chín chờ mong
Bây giờ em đã theo chồng
Lên núi phát nương tra lúa
Bây giờ hương hờ nổi nhớ
Anh lang thang giữa loài người.*

Lời bình

Li biệt thường tạo ra nguồn cảm hứng mạnh cho thơ, ấy là khi tình cảm bị trống vắng, tạo ra sự mất thăng bằng đột ngột, đến nỗi không tìm lại được. Lý Bạch đã phải thốt ra hai câu thơ gan ruột khi chia tay bạn :

*Đào Hoa đắm thủy thâm thiên xích
Bất cập Uông Luân tổng ngã tình*

("Nước đầm Đào Hoa sâu nghìn thước. Không bằng tình (bạn) Uông Luân tiễn biệt ta"). Trạng thái tình cảm trong *Đi tìm bóng núi* của Dương Thuấn cũng khởi ra từ li biệt, nhưng không phải li biệt bạn mà li biệt người yêu. Sự li biệt không bao giờ gặp lại bởi người yêu đã lấy chồng : "Bây giờ ngựa về tàu khác", nhưng người con trai vẫn còn yêu, yêu đến thần thờ :

*Một mình anh ôm câu hát
Đi tìm bóng núi ngày xưa*

Câu hát làm sao mà ôm được, vậy mà anh cứ "ôm". Làm gì còn "bóng núi ngày xưa" nữa, vậy mà anh cứ "đi tìm". Cái vô lí ở đây chính là cái vô lí về sự mất người yêu, mà lại mất đi vĩnh viễn khiến anh muốn níu giữ lại cả những cái vô hình, cái không còn có ở trong thực tại.

Sau cú sốc choáng váng ấy, người con trai cũng tỉnh trí dần lại để nhận sự thật nghiệt ngã. Những kỉ niệm của tình yêu thật đẹp "không còn" lặp lại nữa. Từ "không còn" được nhắc lại hai lần tạo nên dấu nhấn xoá dần lòng hoài nghi của anh :

*Bây giờ không còn cơn mưa
Hai đứa đội chung tàu lá
Bây giờ không còn mùa hạ
Góc chiều đỏ chín chờ mong.*

Và đến khổ thứ tư thì tác giả thay hai từ "không còn" bằng một chữ "đã" đầy khẳng định :

*Bây giờ em đã theo chồng
Lên núi phát nương tra lúa*

Sự thật nghiệt ngã đến khổ thơ này được nhận chân rõ ràng, hiển hiện trước mắt chàng trai. Và thế là đã rõ, kẻ thất tình nhận ra nỗi cô đơn không thể nào cứu rỗi của chính mình giữa loài người :

*Bây giờ buông hờ nỗi nhớ
Anh lang thang giữa loài người.*

Bài thơ ngắn, 5 khổ, 11 câu, mỗi khổ đều bắt đầu bằng hai chữ "bây giờ" xác định thời gian thực tại, nhưng mỗi lần lặp lại, ý nghĩa tình cảm đã biến hoá, tạo dần kịch tính. Nhịp thơ sáu chữ là một lựa chọn hợp lí nhằm cầm giữ nỗi buồn miên man của tâm trạng kẻ thất tình. Bài thơ không thừa, không thiếu, tạo nên sự hàm súc, hoàn chỉnh, có thể gọi là toàn bích.

Nếu người con gái trong bài thơ này tình cờ đọc được *Đi tìm bóng núi*, tôi tin rằng, nàng sẽ suốt đời giữ mãi tình cảm tốt đẹp đối với chàng - người yêu cũ, người đã vì nàng mà khổ đau, thương nhớ không nguôi. Chính vì thế mà *Đi tìm bóng núi* là một bài thơ thất tình hay, nó nổi trội trong vô vàn những bài thơ thất tình của thời nay.

NGUYỄN TRỌNG TẠO

Ăn theo nước

*Người làm nương ăn theo lửa
Người làm đồng ăn theo nước*

*Sinh ra tắm nước thơm
Mới là con của mẹ*

*Lớn lên tắm nước sông
Mới thành người của làng*

*Đóng con tàu đi ra bể
Tắm giữa đại dương
Mới thành người của muôn nơi.*

Biển Đông, 18-4-1996

Lời bình

Hai câu mở đầu bài thơ có một cách nói rất lạ : "ăn theo lửa", "ăn theo nước". Ngẫm nghĩ, thấy đúng : Đây là sự phân biệt giữa đời sống của người du canh du cư, đốt nương trồng lúa, với người định canh định cư, trồng lúa nước trên cánh đồng. Từ "ăn" mà nhà thơ dùng trong trường hợp này có nội hàm lớn hơn động từ *ăn* thông thường, nó có nghĩa *ăn ở* và hơn nữa : *sống*. Tác giả phải là người gắn bó với đời sống các dân tộc ít người thì mới đúc kết được nhận thức giản dị mà sâu sắc ấy :

Người làm nương ăn theo lửa

Người làm đồng ăn theo nước

Nhưng chính sự cô đọng, cùng với việc chuyển nghĩa động từ "ăn", đã làm cho hai câu thơ trên mang dáng vẻ hiện đại, mới mẻ, không hề cầu kì chút nào. Ba đoạn thơ tiếp theo là ba bước phát triển của tứ thơ, lấy từ "nước" làm bậc cơ bản : nước thơm mà người mẹ pha thành nước tắm cho con ; nước dòng sông chảy qua làng quê ; nước đại dương :

Sinh ra tắm nước thơm

Mới là con của mẹ

Lớn lên tắm nước sông

Mới thành người của làng

Từ chỗ là "con của mẹ" đến thành "người của làng", sự trưởng thành của con người ta đã có một ý nghĩa mở rộng. Nhưng dù sao, đó vẫn chỉ là sự trưởng thành, sự *lớn lên* thường tình : trẻ con tắm nước thơm trong chậu, thanh niên tắm nước sông ; khi bé chỉ có quan hệ trong gia đình, lớn lên tham gia công việc trong xã hội... Bước phát triển nhảy vọt về chất của tứ thơ trong bài này nằm ở đoạn kết :

Đóng con tàu đi ra bể

Tắm giữa đại dương

Mới thành người của muôn nơi.

Ở đây, con người đã vươn tới vai trò chủ động ("đóng con tàu") và động từ "tắm" trong đoạn thơ này cũng có ý nghĩa khác với động từ "tắm" trong hai đoạn thơ trên : "Tắm giữa đại dương" - nghe vang lên đầy khi phách, tự hào. Đại dương không những rộng lớn hơn sông mà còn chứa đầy bão tố, phong ba, khó khăn thử thách. "Tắm giữa đại dương" nghĩa là dám đối đầu, chấp nhận, vượt lên những khó khăn thử thách ấy. Chính thái độ chủ động, tinh thần hào sảng đó đã làm cho con người có một phẩm chất mới, cao cả hơn, xứng đáng "thành người của muôn nơi" - người của đất nước.

Nhà thơ Dương Thuấn là nhà thơ của dân tộc tày. Bài thơ được thực hiện trong dáng vẻ mộc mạc, giản dị đúng như cách nghĩ của đồng bào các dân tộc ít người. Điều kì diệu là ở chỗ : chính nhờ thế, bài thơ lại trở thành rất hiện đại, mới mẻ đối với người đọc chúng ta. Nhà thơ Dương Thuấn đã kế thừa và phát triển cách nghĩ, cách nói của dân tộc mình một cách rất hiện đại. Ta nhớ tới những bài thơ thành công của các nhà thơ dân tộc ít người gần đây : Y Phương, Lò Ngân Sủn, Pờ Sảo Mìn...

Không thể không lưu ý dòng ghi thời điểm sáng tác bài thơ : "Biển Đông, 18-4-1996". Dòng ghi đó cho biết : nhà thơ Dương Thuấn đã làm bài thơ này trong chuyến đi công tác cùng Hải quân Việt nam ra quần đảo Trường Sa. Và như vậy, có thể đoán chắc : biển khơi hùng vĩ của Tổ quốc, cùng với khí phách hiên ngang của những chiến sĩ "tắm giữa đại dương" nơi quần đảo Trường Sa, đã mang tới nguồn cảm hứng trực tiếp của bài thơ này.

NGỌC CHUNG TỬ

Cực tình

Cái cây tình ái cong queo

Ai chẳng muốn trèo

Trèo lên lòng lại rối tình

Cành thì thẳng

Cành thì cụt

Cành thì cong

La đà...

Bước lên chôn gối

Bước xuống mắt hoa

Ngó đi ngó lại

Chẳng qua chặt liễu.

Đem về thấy mẹ lại than phiền

Rằng mới

Rằng mọt

Hãy nghiền nó ra...

*Cực tình
Ai dễ đứng xa
Kẻ mong lên
Người mong xuống
Biết cây là cong queo.*

Lời bình

Cái đầu đề *Cực tình* có thể đổi thành *Cây tình* cũng được. Bởi vì bài thơ này thực ra là nói về một cái cây - đó là *Cây tình ái*.

Tôi đã được nghe nói về một cái cây, trong đó : gốc là tình, cành là ý tứ, hoa là câu chữ, quả là nghĩa của nó. Nay lại được nghe Dương Thuấn nói về một cái cây - đó là :

*Cái cây tình ái cong queo
Ai chẳng muốn trèo
Trèo lên lòng lại rối tình.*

Thì ra đứng trước *Cây tình ái* ai cũng muốn trèo lên cả, lòng vả cũng như lòng sung thôi, vua chúa cũng thế cả mà. Hai chữ "muốn trèo" ở đây thể hiện sự thèm khát, ham muốn đã trở thành nhu cầu của con người về tình yêu. Còn hai chữ "rối tình" ở đây lại nói lên sự phức tạp, muôn hình, vạn trạng của tình yêu : thẳng, cụt, cong, la đà.

Có lẽ, cũng do có sự "rối tình", "thẳng", "cong", "cụt", "la đà" ấy mà dẫn đến "chồn gối", "mắt hoa", "chặt liềm", dẫn đến "than phiền", "mối", "mọt", "nghiên nó ra", mà dẫn đến "kẻ mong lên" "người mong xuống". Thật đúng là "cực tình".

LÒ NGÂN SỪN

Em - người xa lạ

*Em là gì
Anh không biết nữa
Dao có chuôi
Nhà có cửa
Cơm sôi hai đứa đứng nhìn*

*Kim đáy suối anh lặn lội đi tìm
Gặp em nơi chợ phiên ngày cuối
Anh thành người tập nói
Dấu chiếc khăn đem về*

*Em là gì
Khi sung sướng anh thường hỏi thế
Em là nguồn nước nhỏ
Chảy vào vại nhà anh.*

Lời bình

*Em là gì
Anh không biết nữa*

...
*Kim đáy suối anh lặn lội đi tìm
Gặp em nơi chợ phiên ngày cuối*

Ấy là khi tình yêu chớm nở, vừa gần gũi vừa xa xôi, vừa quen thân vừa mới lạ, vừa thấy vừa chưa thấy, vừa biết vừa chưa biết, vừa hiểu vừa chưa hiểu, bình thường mà thiêng liêng quá ! Ấy là cái cảm giác, cảm nhận, cảm xúc lâng lâng, bâng quơ, mơ hồ khi đứng trước người đẹp, trước tình yêu, như mây mưa, như gió thổi, như lửa bén, âm ỉ, bập bùng, vừa rạo rực, khát khao, vỗ vập, vừa ngại ngùng, e thẹn, ngại thẹn. Cho nên mới "Dao có chuôi. Nhà có cửa. Cơm sôi hai đứa đứng nhìn" ; "Anh thành người tập nói. Dấu chiếc khăn đem về". Thế rồi cái gì đến sẽ đến, đó là quy luật của tình cảm, của tình yêu, là *nhân* dẫn đến *quả* : "Em là nguồn nước nhỏ. Chảy vào vại nhà anh".

Ấy là một cách viết, một cách nói, một cách ví von, một cách diễn tả nỗi niềm sung sướng, hạnh phúc, có lẽ chỉ người dân tộc miền núi mới có được khi đêm đêm nghe tiếng nước máng chảy róc rách xuống chum, vại. Ấy là khi anh đã có em, tràn ngập hạnh phúc tuổi thanh xuân, không biết nói gì, chỉ còn biết bật lên thành câu hỏi :

*Em là gì
Khi sung sướng anh thường hỏi thế.*

LÒ NGÂN SỪN

Châu Hồng Thủy

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Trần Quý Phúc. Sinh ngày 19 tháng 12 năm 1955. Quê quán : xã Nhân Thịnh, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam.

Tác phẩm đã xuất bản :

Thanh gươm Xứ Đàng (truyện cổ tích - sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu, 1980) ; *Truyện cổ dân tộc Mảng* (đồng tác giả sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu, 1985) ; *Truyện cười dân tộc Thái* (đồng tác giả sưu tầm, tuyển chọn, giới thiệu, 1990) ; *Hồn vạn hoa* (truyện ngắn, in chung, 1990).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng truyện ngắn "Sơn La 40 năm", 1996 (truyện *Tình yêu của Vạt*).

Trận đấu không khán giả

Hơn bốn chục em một quả bóng tròn
Đưa giấy ba-ta, đưa đi chân đất
Có đứa một chân giấy chân dép
Áo quần đủ kiểu đủ màu.

Em mặc áo chàm túi đỏ người Dao
Cậu bé Mông thùng thùng quần rộng
Vòng cổ vòng tay xúng xoảng
Cái đầu tóc xoã nghênh nghênh.

Cậu bé Lự áo chàm đuôi tôm
Em bé Hà Nhì áo bông trùm gối
Nhà trường phát cho tính nhâm độ tuổi
Nụ cười em bé Mảng dễ thương sao.

Những ngày qua diễn ra ở sân trường
Những trận đấu quả bóng bằng bưởi nhách
Hôm nay chúng thi nhau cười hết
Nhà trường đã mua bóng thật về.

*Hơn bốn mươi em chia làm hai phe
Không đứa nào chịu làm khán giả
Tất cả vào sân thành cầu thủ
Một mình tôi - khán giả lẫn trọng tài.*

*Các em đá rất hăng, chẳng kể tiếng còi
Tôi chụm tay làm loa mà hét
Phạt góc phạt mạnh chúng không cần biết
Cũng chẳng cần phải đá vào gôn.*

*Quả bóng vừa lăn đến tâm chân
Chúng co căng sút cho bổng tít
Các em có đầu đầu, chỉ đá cho thoả thích.*

*Trước những niềm vui vui rất trẻ con
Tôi sung sướng thấy mình trẻ lại
Thỉnh thoảng cũng co chân sút cho thật khoẻ
Quên cả chức năng khán giả lẫn trọng tài.*

Sin Hồ, 5-3-1984

Lời bình

Tuy bài thơ không trực tiếp nói ra, nhưng người đọc dễ dàng nhận ra ngay cảnh đá bóng được miêu tả chính là cảnh vui chơi của các em học sinh trường dân tộc nội trú vùng cao nào đó. Ngôi trường này thực sự là một gia đình lớn, và cũng là một gia đình nghèo đông con. Nhìn vào sân chơi của các em, thấy mỗi đứa trang phục mỗi khác, biết từng em thuộc mỗi dân tộc khác nhau, và cũng hiểu ra rằng trường học đang còn nghèo khó, chưa đủ sức để lo cho các em tấm áo manh quần cho đẹp, cho vừa :

*Em bé Hà Nhì áo bông trùm gối
Nhà trường phát cho tính nhầm độ tuổi*

Ngộ nghĩnh thật đấy, nhưng cái nghèo, cái khó cứ thế phô ra, chẳng giấu vào đâu được. Đằng sau vẻ hồn nhiên thơ trẻ kia, sao ta bỗng cảm thấy se lòng...

Cuộc sống thì như thế. Song dầu có nghèo khổ đến mấy, niềm vui thơ trẻ của các em vẫn không gì có thể dập tắt nổi. Lâu nay các em đá quả

bóng làm bằng búi nhách, đến hôm nay nhà trường sắm bóng thật cho các em. Thế là niềm vui như vỡ ra giữa sân trường. Lẽ ra, đã gọi là cuộc đấu phải đúng thể thức : số lượng cầu thủ, trọng tài, khán giả. Thế nhưng cuối cùng cái gọi là phe, đội cũng chẳng thành, khán giả thì không có bởi chẳng ai chịu làm, tất cả ulla vào sân làm cầu thủ. Tất cả vào sân cốt sao để được chạm chân vào bóng, để được đá tít lên cao cho bõ, cho hả những ngày đá bóng bằng quả búi. Một niềm vui náo nhiệt, tung toả, hồn nhiên, trong trẻo vô ngần. Nhân vật tôi một mình đứng làm trọng tài - khán giả, cũng bị *thôi miên* bởi niềm vui hết cỡ của các em, nên :

*Thỉnh thoảng cũng co chân sút cho thật khoải
Quên cả chức năng khán giả lẫn trọng tài.*

Nhân vật người lớn này cũng vui cùng niềm vui của các em, cũng sống lại một "đứa nhí đồng" trong con người mình... Bài thơ dụng công mô tả khá khéo léo nên đã làm hiện lên một trận bóng đá thật sống động có một không hai, nằm ngoài mọi luật chơi bóng ở trên đời.

Thế nhưng sao ta cứ thấy đằng sau niềm vui tung toả trẻ thơ kia có chút gì ngậm ngùi thương cảm. Ta cứ có cảm giác như mình có lỗi với các em. Dầu vẫn biết đất nước còn nghèo, nhưng cũng có thể do người lớn chúng ta lắm lúc mãi nhân danh những chuyện *quốc gia đại sự* to tát mà quên đi những việc quan tâm chăm sóc bé nhỏ hằng ngày đối với các em ? Mà cái việc đem đến niềm vui lành mạnh cho trẻ thơ đâu có phải là việc nhỏ ? Có phải đã có những khi ta đã từng vô tâm như thế ? ... Thương sao niềm vui bé bỏng, tội tội kia. Như thể cô Tấm ngày xưa mơ về cái yếm đỏ để làm duyên.

Bài thơ đã đạt tới vẻ đẹp của sự giản dị. Nó tựa như một thiên kí sự gọn ghẽ, ít lời mà nén chặt, gói ghém trong đó sự xúc động sâu xa của người viết. Sự thành thực của tâm hồn vẫn mãi là cái gốc của mọi tác phẩm văn chương. Cũng bởi vì thế, lần đầu đọc bài thơ đã cảm thấy thấm thía ngay. Tôi tin là bài thơ *Trận đấu không khán giả* sẽ có sức sống riêng của nó trong lòng bạn đọc, dầu là bạn đọc khó tính đi chăng nữa.

VĂN GIÁ

Vi Văn Thửa

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Vi Văn Thửa. Sinh năm 1950. Quê quán : tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản :

Mảnh tình riêng uốn khúc (thơ, 1997).

Lễ buộc chỉ cổ tay

*Làm lễ buộc tay anh
Cả làng ta đều đến
Lệnh tông quân gọi anh
Ai cũng mừng triu mến*

*Người yêu mang chỉ đến
Để buộc tay cho anh
Vào nhà thờ hôn hể
Trái tim đập nhanh nhanh*

*Liếc nhìn nhau từng ấy
Xoay xoay em nhích gần
Nước mắt thấm ứa chảy
Để chia tay bản thân*

*Ai cũng ngồi quanh mâm
Để buộc tay cho anh
Ai cũng đến ngồi gần
Riêng em thì canh cánh*

*Già làng buộc tay anh
Sợi chỉ hồng mới nhuộm
Cha mẹ buộc tay anh
Sợi chỉ vàng đen luộm*

*Riêng em buộc tay anh
Cả tấm lòng yêu mến
Và sợi chỉ màu xanh
Buộc suốt đời quyến luyến*

Con Cuông, 1990

Lời bình

Ở những lá cờ hội của người miền xuôi, hoặc chỉ màu buộc cổ tay của đồng bào miền núi cũng thế, đều xuất phát từ một tín ngưỡng dân gian lâu đời cho rằng năm màu (trắng, đen, xanh, đỏ, vàng) có khả năng trừ tà, xua đuổi ma quỷ làm hại con người.

Trong bài thơ, điều thú vị của nghi lễ buộc chỉ cổ tay ngày hôm nay là dành cho một chàng trai chuẩn bị lên đường nhập ngũ. Tất cả từ già làng, cha, mẹ đều buộc chỉ màu cầu chúc cho anh lên đường bình an, mạnh khỏe. Trong số đó có cả người yêu anh. Cô bé vội vã chạy đến chia tay người yêu, nhưng lại rụt rè, nhút nhát, có vẻ như rất khổ sở không biết đến gần anh bằng cách nào trước con mắt mọi người... Cuối cùng việc gì phải đến đã đến. Cô bé đã buộc sợi chỉ xanh vào cổ tay anh, trao cho anh tình yêu và nỗi nhớ. Sợi chỉ xanh bé nhỏ theo người đi xa đã tượng trưng cho hạnh phúc lứa đôi.

Bài thơ đã khắc họa được dáng điệu và nội tâm của một người con gái mới lớn khi yêu, có chút gì thơ ngây ngộ nghĩnh, lại như có chút gì đắm đuối, liều lĩnh. Vâng, tình yêu muôn thuở của đôi lứa yêu nhau đều như thế cả.

VĂN GIÁ

Nông Viết Toại

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Nông Đình Hân. Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1926. Quê quán : xã Tô Khê, huyện Ngân Sơn, tỉnh Cao Bằng.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hại hoá vit pây (Xấu xa bỏ đi, điều lành trò chuyện, thơ tiếng Tày, 1956) ; *Kin ngày phưỡn khát* (Ăn ngay nói thẳng, thơ tiếng Tày, 1971) ; *Đet chang nẩu* (Nắng ban trưa, thơ tiếng Tày, 1976) ; *Đoạn đường ngoặt* (truyện ngắn, dịch từ tiếng Tày, tập *Boổng tàng tấp éo*, 1982).

Đi bộ đội

(Dịch từ bài tiếng Tày *Pây bộ đội*)

Bố ơi ! Con xin nói
Khỏi thua kém người ta
Con sẽ đi bộ đội
Con ghi tên hôm qua.

Con biết cha cao tuổi
Mẹ con đã mất rồi
Ba em còn thơ dại
Nào việc nhà việc đời

Nhưng, nước mất nhà tan
Con phải đi đánh giặc
Ở nhà, cha bảo ban
Chắc các em sẽ ngoan

*
* *

Con chớ lo cho cha
Cha vẫn còn sức khoẻ
Giữ ruộng nương, giữ nhà
Trông nom mồ của mẹ.

*Các em đang khôn lớn
Biết chăm học chăm làm
Nhớ lấy lời mẹ dặn
Đuổi giặc.
Giữ Việt Nam.*

*Con dâu xin phép bố
Sang bà ngoại, vay tiền
Ngày mai con nhập ngũ
Tiến con xuôi Thái Nguyên.*

*Giặc Pháp gây chiến tranh
Toàn dân ta đứng dậy
Dấu tạm xa gia đình
Hẹn nhau ngày gặp lại !*

Bắc Cạn, 4 - 1952

Lời bình

"Đi bộ đội", ba chữ này quen thuộc đối với đồng bào ta. Những chữ : *nhập ngũ, tòng quân, làm nghĩa vụ* được dùng trong các văn bản *Luật nghĩa vụ quân sự* và văn bản hành chính thi hành Luật.

Chữ "đi" thể hiện tinh thần tự nguyện, tự giác ra đi cầm súng cứu nước. Khi ra đi, người chiến sĩ thường tự xác định đánh thắng giặc mới trở về. Những chữ *nhập* (vào), *tòng* (theo), *làm nghĩa vụ* cũng thể hiện tinh thần cứu nước nhưng là tinh thần bắt buộc do Luật pháp quy định. Hễ là công dân thì ai cũng phải làm nghĩa vụ quân sự theo đúng quy định của Nhà nước.

Tự nguyện và bắt buộc là hai thái độ khác nhau.

Bài thơ *Đi bộ đội*, tác giả không nêu một trường hợp cụ thể nào, mà là đề cao tinh thần hi sinh của nhiều thanh niên yêu nước trong các dân tộc. Có thể nói, trong phong trào giải phóng dân tộc, phần lớn chiến sĩ ta ra đi, đã bỏ lại gánh nặng gia đình cho cha mẹ già, hoặc người vợ nghèo tần tảo nuôi con, nuôi bố mẹ già và gánh vác nghĩa vụ xã hội :

Dẫu rằng :

*Con biết cha cao tuổi
Mẹ con đã mất rồi
Ba em còn thơ dại
Nào việc nhà việc đời.*

Nhưng, nhận thức của chàng trai là "nước mất, nhà tan. Con phải đi đánh giặc".

Và, tin rằng : *Hẹn nhau ngày gặp lại !*

Vẫn có khả năng sẽ không được gặp lại ! Biết thế, người ra đi, người ở lại vẫn không nói ra điều ấy. Phải động viên tinh thần lẫn nhau giành lấy thắng lợi.

Khi đọc lại bài thơ này, có thể ai đó không tin như vậy, song thực tế đã trả lời : hàng triệu thanh niên ra đi, đã nằm lại ở chiến trường. Nhờ có sự hi sinh lớn lao đó, đất nước ta mới có cuộc sống ngày nay.

NÔNG QUỐC CHẤN

Mua gương

*Vào hàng bách hoá tìm mua gương
Vàng, đỏ màu nào cũng thấy thương
Soi mặt giả cười rồi giả khóc
Ngỡ ai giấu cột đứng sau tường !*

Nông Quốc Chấn dịch từ bài tiếng Tày
Dư gương

Lời bình

Chiếc gương soi mặt mình, bản thân mình biết bộ mặt mình : cười, khóc, buồn, vui. Nhưng, ai đó, thích soi gương để tự diễn trò, sẽ "ngỡ ai giấu cột" từ "sau tường". Chiếc gương hay tấm gương vừa là *nghĩa đen*, vừa mang *nghĩa bóng*. Người đời hay nói : *Nêu gương* tốt khi mình sống lành mạnh trong sáng, còn *Nêu gương* xấu khi tự mình sống ích kỉ, giả dối, tham ô...

NÔNG QUỐC CHẤN

Hoàng Trọng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Hoàng Trọng. Sinh năm 1940. Quê quán : xã Trái Hút, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Tác phẩm đã xuất bản :

Một số bài thơ đăng trên báo, tạp chí địa phương.

Mặt đường dấu vết in hoa

Đường vào bản
Riu rít chim ngàn
Tháng mười, ruộng bậc thang những mâm vàng óng
Mặt trời lên, sương núi tan từng mảnh
Đàn gà rừng vỗ cánh gáy te te
Cối nước bên đường gõ nhịp say mê
Suối lượn vòng cung qua khe qua thác
Em đi trong tiếng nhạc vòng bạc cổ tay
Đường bản em, đường viền núi, vờn mây
Ruộng thênh thang màu tươi ruột gấc
"Đường hai định"⁽¹⁾. Đường có tên mới đặt
Sáng nay em thấy ai vẽ những điều hay
như phượng múa rồi
Trên mặt đường này :
– Đây là vết giấy bước vội
Anh bộ đội về phép lướt qua
Và vết chân của những người nhà. Đi đón người
vẽ hoa trên lối

(1) Đường hai định : định canh, định cư.

Đây nữa, cái vết này rất mới
Kẻ hai dòng đều đặn sóng đôi :
– Vết xe máy nổ – đúng rồi !
Đẹp nhất vẫn là vết bánh xe hơi chở thóc
– Nét hoa văn hằn sâu ngang dọc
Còn cái vết ngoằn ngoèo răng cưa
Ông Chủ tịch vẽ ban trưa
Bằng xe "Phượng hoàng" đạp lên huyện hợp
Mến yêu thay ! Vết giấy anh địa chất
"Vạch lá tìm đường" vừa mới qua đây
Đoàn con gái văn công dáng đi nhún nhảy
In vết giấy nhỏ xíu vẩy tê tê
Cô giáo vùng cao hai buổi đi về
Còn đây
Còn bao vết nữa
Vừa in, vừa xoá chồng chất lên nhau
Đó là vết chân trai bản tiến phượng gọi bước mau
Phía trước – phía sau
Hai đầu đường bản
Mặt đường một bức tranh hoa
Từ bản đi ra, ngoài xa vào bản
Những dấu vết hằn sâu nhẹ lướt
Tất cả đều muốn vượt lên hàng đầu
Hoa chen nhau
Vẽ trên màu cát đỏ
Mỗi ngày qua, hoa lại nở
Tưng bừng đường bản em
Những dấu vết thân quen
Hôm nay em đếm thêm vết mới
Mọi người đều nói :
Đó là vết chân con "trâu sắt" về làng
Trên mặt đường dấu vết in hoa
Hoa nở mặt đường – nở giữa lòng ta !

10-1971

Lời bình

Bài thơ ca ngợi cảnh đổi mới của nông thôn miền núi nhờ có làm ăn hợp tác, qua hình ảnh "đường vào bản" với bao thân thương, trù mển của những người dân "một nắng hai sương". Nhưng không còn là con đường hoang vu, heo hút, chui lủi, luồn lách trong cỏ rậm ngút đầu người như những ngày xưa nữa. Con đường bây giờ nhộn nhịp, tấp nập người, xe qua lại với bao âm thanh mới lạ hoà lẫn trong tiếng chim, tiếng suối, tiếng lá rừng reo. Tác giả đã khéo léo vẽ lên một con đường tươi mới, dào dạt sức sống với những hình ảnh : "in sâu", "nhẹ lướt", "vừa in", "vừa xoá"... Nhưng "tất cả đều muốn vượt lên hàng đầu".

Hoa nở mặt đường - nở giữa lòng ta !

Bài thơ thấm đẫm chất ngợi ca sự đổi mới của quê hương, bản làng trên con đường làm ăn hợp tác hoà trong không khí chung của đất nước với tinh thần "Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao" thông qua hình ảnh "con đường" với những dấu vết "in hoa" thật là giản dị mà đáng yêu biết bao. Đó là dấu chân anh bộ đội về làng, của các chị văn công về biểu diễn văn nghệ, của các anh địa chất vạch lá tìm đường, của cô giáo bản sớm hôm đi về, của anh Chủ tịch xã đi xe đạp lên huyện họp :

Phía trước - Phía sau

Hai đầu đường bản

Mặt đường một bức tranh hoa.

Ví con đường, ví những dấu chân đi lại trên đường như một "bức tranh hoa" là một sáng tạo độc đáo, đầy bất ngờ với độc giả.

LÒ NGÂN SỪN

Vương Trọng

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Vương Đình Trọng. Sinh ngày 1 tháng 8 năm 1943. Quê quán : xã Trung Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã xuất bản :

Thơ người ra trận (thơ, 1972) ; *Khoảng trời quê hương* (thơ, 1979) ; *Cánh chim Phay Khắt* (thơ, 1983) ; *Những ngày đi xa* (thơ, 1986) ; *Người săn mèo rừng* (truyện ngắn, dịch, 1990) ; *Chàng mất nai* (truyện dịch, 1990) ; *Về thời nàng Vọng Phu* (thơ, 1991) ; *Đảo chìm* (trường ca, 1994) ; *Hồn quê* (truyện ngắn, 1994) ; *Mèo đi câu* (thơ, 1996).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng cuộc thi thơ Báo Văn nghệ (1969 - 1970) ; Giải thưởng văn học Bộ quốc phòng, 1990 (tập thơ *Những ngày xa*) ; Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 1991 (tập thơ *Về thời nàng Vọng Phu*) ; Giải thưởng văn học Bộ Quốc phòng, 1994 (trường ca *Đảo chìm*).

Phiên chợ Pha Long

Chẳng cần chọn đường dâu
Người vùng cao về chợ
Tiếng ngựa tìm tiếng ngựa
Hi rạn xuôi dốc đồi

Ghé vai nghiêng dây gùi
Xoè ô đen cắm đất
Nắng Pha Long nắng mặt
Lặn trong sắc áo Mèo

Nắng Pha Long biết reo
Vòng tay cô gái Giáy
Nắng Pha Long chín mẩy
Chớp khăn đỏ người Dao

Câu hát nhớ thương nhau
Câu hát tìm về chợ
Tiếng khèn như có lửa
Xa, đốt lòng người nghe

*Nghiêng đầu chung ô che
Chung nắm xôi đỏ mịn
Cắn đòn tan trái mận
Trong gió quạt lá gỏi*

*Người già gặp nhau rồi
Ngồi vây quanh bếp nấu
Chuyện làm ăn giữ bản
Rót tràn bát rượu say*

*Mặt trời trượt đám mây
Rơi vào nồi thắng cố⁽¹⁾
Mặt trời không đỏ nữa
Đỏ chia cho mặt người*

*Ngựa buộc đổi chân hoài
Quay nhìn về phía chủ
Nghe râm ran tiếng chợ
Biết giờ về còn lâu*

*Biết giờ về còn lâu
Gió thổi dài biên giới
Những đám mây rong ruổi
Đang tìm đường gặp nhau*

*Đồn biên phòng trên cao
Lá cờ – hơi đất thổ
Trong mắt người họp chợ
Lá cờ bình yên sao !*

Hoàng Liên Sơn, 6-1978

Lời bình

Cũng là một phiên chợ, nhưng Chợ tết của Đoàn Văn Cừ người ta bận rộn, tất tả. Còn ở Phiên chợ Pha Long của Vương Trọng, người ta lại hồ hởi, náo nức. Náo nức từ con ngựa trở đi :

(1) *Thắng cố* : Một loại canh nấu bằng các loại thịt súc vật, bán nhiều ở các chợ vùng cao.

*Tiếng ngựa tìm tiếng ngựa
Hí ran xuôi dốc đồi*

*Ngựa buộc đôi chân hoai
Quay nhìn về phía chủ*

Náo nức cũng phải thôi, người vùng cao mong lắm từng ngày để tới chợ - vậy nên trong chợ nào thấy có cảnh bán mua mà chỉ thấy những câu hát, những món quà, những câu chuyện... như trong một ngày hội. Tác giả đã chọn lọc kĩ lưỡng những chi tiết để nói lên được không khí ấy. Cách nói của người vùng cao cũng được sử dụng với một dung lượng vừa phải vào những chỗ khá "đắt", tạo cảm giác vừa chất phác lại vừa hóm hỉnh :

Tiếng khèn như có lửa

và

*Mặt trời không đỏ nữa
Đỏ chia cho mặt người*

Đọc khổ thơ cuối của bài, ta bắt gặp hình ảnh lá cờ của đồn biên phòng. Có lẽ đây là một dụng ý sâu xa của tác giả. Khi toàn bộ bài thơ là cả một không khí vui vẻ, thanh bình thì sự thanh bình từ hình ảnh lá cờ kia phải được hiểu như một niềm tin cây mãi mãi. Cách chuyển hướng bài thơ đầy bất ngờ như vậy hoàn toàn phù hợp với cách tư duy đặc sắc của người vùng cao mà tác giả đã khéo léo nắm bắt được.

LUƠNG NGỌC AN

Vương Trung

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Lương Văn Trung. Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1938. Quê quán : xã Mường E, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản :

Ing-éng (thơ, tiếng dân tộc và dịch tiếng phổ thông, 1967) ; *Sóng Nậm Rốm* (thơ, 1979) ; *Mối tình Mường Sinh* (tiểu thuyết, 1994).

Giải thưởng văn học :

Giải B do Sở Văn hoá khu tự trị Thái Mèo tặng, 1958 (bài thơ : *Ngắm hót Mường Húa - Nhớ đến Mường Húa*) ; Giải A giải thưởng của Ủy ban toàn quốc Liên hiệp các hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam, 1995 (tiểu thuyết *Mối tình Mường Sinh*).

Núi, mây và đàn bò

Núi trùng trùng điệp điệp hoá mây
Mây trùng trùng điệp điệp hoá núi
Đàn bò cưỡi lưng núi cũng là cưỡi lưng mây
Tình sương, núi và mây cũng đàn bò đi
Chiều hôm, núi và mây cũng đàn bò lại
Núi, mây dừng bên trại
Đợi bò cho máy vắt bầu sữa căng
Và lim dim nhai lại cỏ
Tình sương núi, mây lại cũng đàn bò lên.

5 - 1973

Lời bình

Bốn từ : "Núi", "mây", "mây", "núi" nhấp nhô trong khoảng "trùng trùng điệp điệp" làm cho không gian vừa mờ ảo vừa mênh mông đến vô cùng. Tác giả không đảo "trùng trùng điệp điệp" thành "điệp điệp trùng trùng" ở câu thứ hai phải chăng để cho "núi" và "mây" như xuôi chiều, kéo mãi ra xa và thật sự bình đẳng ngang nhau ?

Đàn bò đi nhưng với con mắt nhìn nâng niu, bỏ lại thành ra những tiên đồng "cuối" núi, "cuối" mây, khoan thai, thủng thẳng. Núi và mây thành những người khổng lồ cần mẫn "cõng" đàn bò đi. Người miền núi có phong tục "địu" trẻ nhỏ. Nhưng từ "cõng" ở đây là đẹp nhất, vì "địu" phải có cái địu, và chỉ dùng cho những em bé còn quá nhỏ mà thôi. Núi và mây cõng đi, rồi cõng lại. Cả hai đều biết dùng bên trái để đỡ bò vắt sữa. Chỉ với một chữ "trại" thay cho chữ "chuồng" và cái "máy" vắt sữa, tác giả đã cho thấy đàn bò ấy là của nông trường của cách chăn nuôi tiên tiến và hiện đại. Mây và núi "trùng trùng điệp điệp", đàn bò cũng "trùng trùng điệp điệp". Trong suốt bài thơ, tác giả không hề nói tới con người nhưng ta vẫn thấy đầy tình người ấm áp, thấy gương mặt cuộc đời ửng lên...

VŨ NHO

Thời gian

*Cút mơ đi ! Mặt trời sắp lặn
Cút mơ đi ! mặt trời sắp lên
Đã mơ ... mơ ... ! Được hay mất ?
Cảnh đời chẳng dễ phai
Thành đạt không dễ có
Ông giỏi thì mệt nhiều*

1984

Lời bình

Một bên là khao khát, mơ ước. Một bên là thời gian để hành động, biến ước mơ thành hiện thực. "Mặt trời sắp lặn" là một thúc giục. "Mặt trời sắp lên" cũng là sự thúc giục mới. Và "mơ... mơ"... như phải hối hả hơn. Nhưng giá trị của thời gian không chỉ là để mơ mà còn là để làm. Biết mơ đã khó, biết làm để biến ước mơ thành hiện thực càng khó hơn vì "Thành đạt không dễ có". Hình như nhà thơ muốn nghiêng về hành động, muốn nhấn mạnh hành động và kết quả :

Ông giỏi thì mệt nhiều

Điều mà ông Gớt và ông Lênin bổ sung cho nhau : phải hành động và biết ước mơ là điều Vương Trung muốn nói bằng thơ theo con mắt và thực tiễn của người miền núi.

VŨ NHO

Hoàng Diệu Tuyết

(Dân tộc Tày)

Tên khai sinh : Hoàng Thị Diệu Tuyết. Sinh ngày 1 tháng 10 năm 1951.

Quê quán : xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Thung lũng xanh (thơ, 1998) ; *Màu thủy chung* (thơ, 2002) ; *Màu nắng mới* (thơ, 2005) ; *Thương nhớ đông đầy* (thơ, 2007)

Về với núi

Giã từ nhé

ta lại về với núi

Như cây khô

lửa cháy đến cùng

Ta lại về với

những cánh rừng hoang dại

Thức với sao khuya

hát với gió ngàn

Giã từ nhé

ta lại về với núi

Nghe rừng cây

rủ rỉ chuyện trò

Ta cầm tay nhau đi

trong chiều nắng nhạt

Nghe một điệu then

đều đặt đầu non

Giã từ nhé

ta lại về với mẹ

Đứa con đi xa

nay trở lại nhà

Ta bật khóc

trong chiều thu vàng lá

Gọi người tình

núi đáp trả - núi ơi

Lời bình

Con người ta dù đi đâu, đi mãi rồi cũng sẽ có ngày quay trở về quê hương hoặc nếu vì một lí do gì đó không về được nữa thì cũng vẫn ao ước được trở về. Bởi vì quê hương là chốn thiêng liêng nhất của mỗi con người. Quê hương trong bài thơ này của Hoàng Diệu Tuyết là một vùng không gian rất rộng, không phải một nơi cụ thể nào, cũng không phải một cái bản nào có tên hoặc địa chỉ mà chỉ là miền núi chung chung. Câu nói “Giã từ nhé” của tác giả trước khi trở về cũng không biết là giã từ một cái gì cụ thể. Nhưng qua đây người đọc hiểu rằng, tất cả những gì bấy lâu mà tác giả hằng đeo đuổi đều bỏ lại phía sau lưng để trở về với quê núi, về với “những cánh rừng hoang dại” để mà “Thức với sao khuya/ hát với gió ngàn”.

Có lẽ không phải riêng gì Hoàng Diệu Tuyết mà đối với tất cả những ai sinh ra và lớn lên ở miền núi rồi khi đi xa, mỗi lần va chạm và vấp vấp trong cuộc sống, họ đều tìm thấy nguồn an ủi ở núi rừng, chỉ có núi rừng mới làm cho họ nguôi ngoai đi bao nỗi dằn vặt vướng bận của cuộc sống.

Trong bài thơ *Về núi*, người ta thấy hồn núi, khí ngàn đã ngự trị một phần trong đời sống tâm linh của mỗi con người. Mỗi hình ảnh quê hương đều gắn bó không thể nào quên sẽ khóa lấp tất cả sự trống vắng và nỗi đau.

Nghe rừng cây

rủ rỉ chuyện trò

Ta cầm tay nhau đi

trong chiều nắng nhạt

Nghe một điệu then

diu dặt đầu non

Mọi thứ khi trở về với núi thì núi đều có thể làm nguôi ngoai đi tất cả nhưng bài thơ đã làm cho người đọc ngạc nhiên ở hai câu cuối. Trên đời này, không có nỗi đau nào bằng nỗi đau mất mát tình yêu. Núi đã không thể nào khoả lấp, bù đắp được nỗi đau này.

Ta bật khóc

trong chiều thu vàng lá

Gọi người tình

núi đáp trả - núi ơi

Cuối cùng thì chỉ có chính mình mới hiểu được mình thôi. Tác giả đã hoá thân vào núi và núi hoá thân vào tác giả. Bài thơ như một lời giải bày tâm sự của tác giả nhưng cũng thể hiện tình yêu của nhà thơ đã hoà vào núi rừng. Bài thơ đã lột tả được tâm trạng của người viết và cũng là tấm lòng yêu quê sâu sắc của một người như Hoàng Diệu Tuyết.

DƯƠNG THUẤN

Cầm Vĩnh Uì

(Dân tộc Thái)

Nhớ vợ

Tôi nhớ vợ tôi lắm
Xin anh về hai ngày
Nhà tôi ở Mường Lay
Có con sông Nậm Rốm.

Ngày kia tôi sẽ đến
Lại cầm súng được ngay
Tôi càng bắn đúng Tây
Vì tay có hơi vợ

Cho tôi đi, đừng sợ
Tôi không chết được đâu
Vì vợ tôi lúc nào
Cũng mong chồng mạnh khoẻ

Cho tôi đi anh nhé
Về ôm vợ hai đêm
Vợ tôi nó sẽ khen
Chồng em nên người giỏi

Ngày kia tôi sẽ tới
Được đi đánh cái đồn
Hay được đi chống càn
Là thế nào cũng thắng

Nếu có được trên tưng
Cho một cái bằng khen
Tôi sẽ rọc đôi liễn
Gửi cho vợ một nửa !

Lời bình

Bài thơ là lời xin phép, hay chính xác hơn, là lập luận để được nghỉ phép của người chiến sĩ trước cấp chỉ huy. Ba nội dung cần thiết của việc xin nghỉ phép là lí do, thời gian và nơi nghỉ được người chiến sĩ trình bày đầy đủ trong ba câu đầu tiên :

*Tôi nhớ vợ tôi lắm
Xin anh về hai ngày
Nhà tôi ở Mường Lay...*

Như vậy, lí do nghỉ phép là nhớ vợ. Thời gian nghỉ phép : hai ngày. Nơi nghỉ phép : Mường Lay. Ta hãy dừng lại một lúc ở cái lí do khá đặc biệt này. Có vợ, nhất là vợ trẻ, khi phải xa nhà, ai mà khỏi nhớ thương, nhưng xưa nay đã mấy ai dám "dũng cảm" nói thẳng điều đó với cấp chỉ huy để nêu thành lí do của kì nghỉ phép ? Nguyên nhân chính là nhớ vợ đấy, nhưng có biết bao người biến thành mẹ ốm, con đau, mái nhà dột hoặc những gì gì nữa chứ mấy ai thành thật được như người chiến sĩ trong bài thơ này. Chỉ có anh bộ đội dân tộc ít người thời kháng chiến chống Pháp mới có được cái thật thà, hồn nhiên đó !

Khổ thơ làm xong thủ tục xin phép. Nếu người chỉ huy chấp thuận thì có lẽ bài thơ chỉ dừng lại ở đây (và thiệt thòi cho chúng ta biết bao nhiêu !). Nhưng chấp thuận ngay làm sao được vì trong thời chiến, việc nghỉ phép của người lính đâu phải chuyện đơn giản, nhất là với cái lí do hồn nhiên đến vậy. Tôi hình dung sau khổ thơ thứ nhất, người chiến sĩ lặng nhìn chỉ huy, chờ đợi. Người chỉ huy hỏi lại : "Đồng chí đi phép như vậy thì có ảnh hưởng gì đến sức chiến đấu không ?".

Người chiến sĩ trả lời ngay :

*Ngày kia tôi sẽ đến
Lại cầm súng được ngay
Tôi càng bắn đúng Tây
Vì tay có hơi vợ*

Điều phân vân thứ nhất của chỉ huy đã được giải quyết : Thì ra cho người chiến sĩ này đi phép, không những không có ảnh hưởng xấu tới sức chiến đấu mà ngược lại, sức chiến đấu còn được tăng lên ! Theo lập luận của người chiến sĩ. Điều này thật dễ hiểu : tay có hơi vợ tất nhiên khi bóp cò súng, đạn sẽ trúng đích hơn vì lúc ấy coi như hai vợ chồng cùng bắn !

Nhưng chưa xong đâu, người chỉ huy còn hỏi tiếp : "Nhưng từ đây về quê đồng chí đường xá xa xôi, núi non hiểm trở, lại còn bất ổn giặc, tôi lo ngại về sự an toàn". Anh đội viên trả lời ngay như đã chuẩn bị sẵn tình huống này :

*Cho tôi đi, đừng sợ
Tôi không chết được đâu
Vì vợ tôi lúc nào
Cũng mong chồng mạnh khỏe.*

Lúc này làn môi người chỉ huy nở nụ cười hóm hỉnh. Người đội viên tin chắc chuyến đi phép sẽ an toàn không phải do anh tin ở mình quen thuộc

địa hình, có kinh nghiệm chiến đấu mà anh "không chết được đâu" chỉ vì người vợ mong anh mạnh khỏe ! Thì ra trong suốt thời gian xin phép, trước mắt người chiến sĩ, hình ảnh người vợ luôn luôn hiện lên như một cái đích cần vươn tới. Và chính cái đích đó giúp anh vượt qua mọi hiểm nguy.

Thấy người chỉ huy chưa biết gì thêm, người chiến sĩ nghĩ rằng lập luận của mình đã có hiệu quả, thế thì phải "cấp tập" thêm vào :

*Cho tôi đi anh nhé
Về ôm vợ hai đêm
Vợ tôi nó sẽ khen
Chồng em nên người giỏi !*

Lấy chuyện "nhớ vợ" làm lí do nghỉ phép đã là hồn nhiên, nhưng nói chuyện "ôm vợ" với chỉ huy và gọi vợ bằng "nó" lại càng cụ thể và hồn nhiên gấp bội. Nhưng sự hồn nhiên và thật thà đó vẫn có cái đích cần đi tới : là tiếp tục giải quyết những thắc mắc, suy nghĩ của người chỉ huy. Anh cứ cho tôi đi phép, không những có lợi cho tôi mà còn có lợi cho cả đơn vị, cả quân đội vì vợ tôi sẽ ghi nhận sự trưởng thành của người chồng qua sự giáo dục và rèn luyện của quân đội !

Lập luận chặt chẽ đến thế, anh vẫn lo chưa đủ và còn hứa hẹn thêm là sau kì nghỉ phép anh có thêm sức mạnh và thể nào cũng mang về chiến thắng ! Khổ cuối của bài thơ làm chúng ta thích thú, sùng sốt ! Chúng ta đã bao lần nghe những người lính ghi công của hậu phương, của người vợ trong chiến thắng của người chồng ở chiến trường nhưng chưa lần nào được nghe kiểu ghi công và đền ơn đáp nghĩa độc đáo như người lính này :

*Nếu có được trên tưng
Cho một cái bằng khen
Tôi sẽ rọc đôi liền
Gửi cho vợ một nửa.*

Tôi tin rằng người chỉ huy đã đồng ý, người chiến sĩ đã lên đường đi phép nên bài thơ dừng lại ở đây. Vâng, câu cuối cùng của bài thơ đã dừng lại trên trang giấy và gần nửa thế kỉ qua bài thơ vẫn tiếp tục cuộc hành trình vào tâm hồn biết bao thế hệ. Cũng như bài *Em tắm* của Bạc Vãn Ủi, bài thơ *Nhớ vợ* được in lại không biết bao nhiêu lần trong các tuyển tập thơ về tình yêu cũng như thơ về người lính. Cẩm Vinh Ủi và Bạc Vãn Ủi là ai mà chỉ viết mỗi người một bài thơ thật hay rồi im bặt ? Đó là câu hỏi được đặt ra bởi hàng vạn độc giả trong mấy chục năm qua. Đến nay vẫn chưa có một lời giải đáp chính thức nhưng theo ý kiến của nhiều nhà thơ của thời kì chống Pháp thì Cẩm Vinh Ủi và Bạc Vãn Ủi (hai cái tên mới dễ lẫn làm sao !) là bút danh khác của nhà thơ rất quen biết ngày ấy : Cẩm Giang. Ông có nhiều bài thơ đã đi vào lòng người đọc như bài *Núi Mường Hung*, *dòng sông Mã...*

Bạc Văn Ủi

(Dân tộc Thái)

Em tắm

Sao anh lại rình
Trộm xem em tắm
Da của em ngân trắng
Da của ái của em
Tay của em lấm lem
Tay của than và bụi
Tay của rừng của núi
Tay của đất của nương
Em tắm xong lại sạch
Vẫn ngát thơm hoa rừng
Da của em trắng ngần
Là của anh tất cả
Không phải người xa lạ
Việc gì mà trộm xem
Em tắm suối giữa rừng
Tắm trong mối tình thương
Có anh đang đứng gác
Chờ để Tây đến mừng.

Lời bình

Với riêng tôi, để bình bài thơ này, tôi xin được phép đứng vào vị trí của người con trai trong bài thơ.

Và thế là, cứ từ từ hiện lên trong trí tưởng tượng của tôi một dòng suối trong vắt, trong đến nhìn thấy cả những viên sỏi trắng nơi đáy suối. Và ở

giữa dòng nước rười rượi kia là tấm thân ngà ngọc của cô gái bản tôi đang tắm :

*Sao anh lại rình
Trộm xem em tắm*

Bất ngờ cô gái lên tiếng. Mặt tôi bừng bừng vì bị bắt quả tang hành động lén lút của mình. Làm sao cô gái lại biết được tôi đang rình xem cô tắm ? Tôi nấp rất kín kia mà, sau những bụi cây dày ven bờ suối. Tôi có biết đâu rằng, chính những giác quan đặc biệt bẩm sinh của phụ nữ đã phát hiện ra cái nhìn đến tấc ngực của tôi. Nhưng khi tôi quay người định lùi, thì cô gái vội vàng nói :

Da của em ngẩn trắng

Bất ngờ này còn hơn vạn lần bất ngờ cô gái phát hiện ra tôi. Cô gái không còn giấu giếm gì với tôi nữa. Cô khoe vẻ đẹp da thịt của cô trước tôi. Cô khoe với lòng kiêu hãnh, bởi cô ý thức được cái đẹp của chính mình. Nhưng đến lúc này, tôi vẫn đứng xa cô lắm. Cô nói với tôi da cô "ngẩn trắng", cứ gì phải đến gần.

Nhưng tiếp theo đó cô lại nói da thịt cô "ngát thơm hoa rừng". Nói vậy, hình như cô cho phép tôi đến gần cô thêm chút nữa và chút nữa, bởi bán kính của thị giác lúc nào cũng rộng hơn bán kính của khứu giác. Cô gái đã nói đến như vậy thế mà tôi vẫn lúng túng, vẫn ngây ngô, chân không nhích thêm một bước, để cô phải nói đến câu này :

*Da của em trắng ngẩn
Là của anh tất cả
Không phải người xa lạ
Việc gì mà trộm xem*

Cô gái đã công khai tuyên bố : Cô thuộc về tôi. Và tôi có toàn quyền chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cô một cách đàng hoàng.

Được lời như cởi tấm lòng, thế là tôi lội ào xuống suối. Và cô gái lại cất tiếng dịu dàng :

*Em tắm suối giữa rừng
Tắm trong mối tình thương
Có anh đang đứng gác
Chớ để Tây đến lường.*

Nghe vậy, tôi lại chững bước chân. Tôi được giao nhiệm vụ đứng gác cho cô tắm, kéo Tây nó đến, hay người ngoài nhìn thấy em đang tắm thì...

Nghĩ đến kẻ khác nhìn người yêu mình tắm, máu sôi lên sùng sục. Và tôi quyết xứng danh đáng mày râu.

Đến đây, tôi xin rút khỏi vị trí của người con trai trong bài thơ để làm một bạn đọc thông thường. Ở vị trí này, tôi thấy ; đây là lời tỏ tình mãnh liệt nhất và tế nhị nhất của một cô gái mà tôi chưa từng thấy trên thế giới. Tôi nhớ một bài thơ tình thế giới (tôi quên tên tác giả) thấy lời một cô gái nói với chàng trai cô yêu. Đại khái cô bảo chàng đừng đợi, sao chàng lại vội đi. Để cuối cùng cô gái hét lên : "Sao mà anh ngốc thế. Không nhìn vào mắt em". Nhưng trong bài *Em tắm*, cô gái yêu mãnh liệt bội phần, đến không cả giấu giếm gì cả. Và cô cũng tế nhị vô cùng để người con trai không có chút gì phải phật lòng.

Cô gái trong bài thơ đẹp cả người cả nét. Da cô ngấn trắng, ngát thơm, và bàn tay cô là bàn tay lao động lấm lem than và bụi. Và tình yêu trai gái trong bài thơ là mối tình bền vững. Bởi mối tình ấy kết hợp cả tình riêng và tình chung. Hạnh phúc của cá nhân và cộng đồng đan quện vào nhau. Nếu tự do của cộng đồng bị đe dọa (Tây đến) thì tự do cá nhân cũng cùng chung số phận.

NGUYỄN QUANG THIỀU

Trần Lê Văn

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Trần Văn Lễ. Sinh ngày 21 tháng 10 năm 1923. Quê quán : Vị Xuyên, Nam Định. Mất năm 2005.

Tác phẩm đã xuất bản :

Rừng biển quê hương (thơ, in chung với Quang Dũng, 1957) ; *Giàn mướp hương* (thơ, 1979) ; *Tiếng vọng* (thơ, 1987) ; *Văn xuôi* (bút kí văn học) ; *Thung mơ Hương Tích* (1974) ; *Sông núi Điện Biên* (1979) ; *Gương mặt Hồ Tây* (1984).

Giải thưởng văn học :

Giải nhì Hội Văn nghệ liên khu III (bài thơ *Qua sườn Tam Đảo*, 1950) ; Giải nhì Hội Văn nghệ Việt Nam (bài thơ *Rang thóc*, 1953).

Trưa rừng

Xanh biếc, xanh lơ núi trập trùng
Đường dài trước mặt, khuất sau lưng
Mặt trời từng mảnh rơi loang lổ
Đá cúi lom khom ngủ cạnh rừng
Bờm rũ lắc lư khoan nhịp bước
Ngựa đi trong một giấc mơ dài
Cương buông, người mãi theo trang sách
Ngựa hoá con thuyền lững thững trôi
Nắng rung chòm dẻ, đôi con sóc
Thoăn thoắt chuyển cành giỡn đuổi nhau
Sột soạt... nhìn lên, người chỉ thấy
Đuôi dài phơ phất mấy bông lau
Ngựa đều đều nhịp bơi trong mộng
Chợt vấp chân vào vũng nước sa
Làm tan hội bướm đang soi bóng
Tung giữa đường trưa muôn cánh hoa.

LỜI TÁC GIẢ

Khoảng thời gian 1943 - 1945, tôi làm giáo viên, Hiệu trưởng Trường Kiêm Bị Thuận Châu, Sơn La. Huyện lỵ Thuận Châu cách thị xã Sơn La 34km. Một buổi trưa mùa hè, tôi đi từ Sơn La về Thuận Châu. Hồi ấy, về giao thông đường bộ trong tỉnh chỉ có phương tiện duy nhất là ngựa. Con ngựa tôi cưỡi buổi trưa hôm đó không phải là loại "tuấn mã". Nó hiền quá và chậm quá, chỉ đi bước một. Trên đường dài, nó bước êm nhẹ như "con thuyền lững lững trôi". Ngồi trên mình ngựa, tôi một tay buông lỏng dây cương, một tay cầm sách đọc, thảnh thơi đưa mắt ngắm cảnh "trưa rừng" : những hình khối, màu sắc núi non, đường dài, ánh nắng, mỏm đá bên đường..., tất cả đều yên tĩnh. Chỉ có những tiếng động nhẹ của những con sóc "giỡn đuổi nhau" trên cành, tiếng vó ngựa "đều đều nhịp" tạo nên một âm thanh đưa người và vật vào một "giấc mơ dài". Người cũng nửa tỉnh nửa say. Đá cũng "lom khom ngủ". Và chính chú ngựa cũng vừa đi vừa ngủ gật, bất chợt vấp chân vào vũng nước mới choàng tỉnh. Quanh vũng nước có đàn bướm đông như hội, đang soi mình vào gương nước, bất chợt giật mình bay tung như những cánh hoa bay.

Tôi muốn vẽ một bức tranh và cũng muốn ghi một nét nhạc bằng thơ như vậy.

TRẦN LÊ VĂN

Lời bình

Đây là vẻ đẹp của rừng vào lúc ban trưa, là lúc mà dưới ánh sáng mặt trời rực rỡ, những màu sắc của núi rừng dường như lộng lẫy hơn, chuyển động hơn và giàu có hơn. Nhưng đáng chú ý hơn lại là người khách cưỡi con ngựa đi bước một và đang mê mải với những trang sách, cả người và ngựa như đi trong một giấc mơ dài. Cả khổ thơ thứ hai đã đem lại cho ta cảm giác về sự thư thái, sự yên tĩnh của tâm hồn. Hình như chính ta đang là người khách ấy. Hơn thế nữa, rừng còn khiến cho những niềm vui, những mộng ước nào đó tươi xanh hơn trong tâm trạng người khách đi đường kia. Đôi sóc giỡn nhau trên cành kia có gợi lên hình ảnh về một tình yêu trong sáng ? Đàn bướm bay tung như muôn vàn cánh hoa có gợi gì về những màu sắc tươi sáng của một ngày hội xuân của làng bản, núi rừng ?

Ta cũng có thể dễ dàng đoán ra người khách đi rừng kia chính là tác giả bài thơ. Trần Lê Văn đã nhiều năm dạy học ở vùng rừng núi Thuận Châu. Tình yêu của anh với rừng và mối tình của anh với cô gái Thái Thuận Châu đã được nhiều người biết đến. *Trưa rừng* là những cảm xúc tinh tế và tươi trẻ về rừng, là kỉ niệm một thời thanh niên sôi nổi của ông.

NGÔ QUÂN MIỆN

Chùm hoa Điện Biên

AO SEN NƠI TUYẾN LỬA

*Ai ngày đêm pháo vẫn rền
Noong Bua trầm lắng một ao sen⁽¹⁾
Giữa hai trận đánh, quân ta nghỉ
Tắm mát ao làng giữa Điện Biên.*

MÙA HOA NGHỆ RỪNG

*Mường Thanh, hoa nghệ rừng đầy đất
Tìm hồng thổ cảm dệt Mường Thanh
Năm năm tái hiện mùa hoa ấy
Anh Giót, anh Đàn... cũng tái sinh.*

HOA BAN THỬ LỬA

*Quạt rừng cây cỏ cháy thành than
Vẫn nở tươi ròn mấy nụ ban
Hoa của tình yêu qua thử lửa
Càng phở vẻ ngọc với non ngàn.*

HOA BƯỞI TRÊN BỜ SUỐI

*Xuống dốc non cao gặp suối trong
Một cây bưởi đứng, ngát buồng dòng
Hoa xuân thơm mãi qua mùa hạ
Hương cũng dài theo nỗi ngóng trông.⁽²⁾*

Tháng 5-1954

(1) Noong Bua (tiếng Thái) : Ao sen.

(2) Tình ca *Xống chụ xon xao* ("Tiễn dặn người yêu") của đồng bào Thái có câu "Ngát hoa bưởi ngời trông. Ngát hoa vông ngời đợi".

Lời bình

Đây là một chùm thơ đẹp đã gợi lên ít nhiều hương sắc của những vẻ đẹp khác nhau của mảnh đất và tâm hồn người Điện Biên.

Trong bài *Ao sen nơi tuyến lửa*, ta thấy hai quang cảnh đối lập nhau hoàn toàn, một bên là đồi A1 khói bom đạn còn mù mịt, một bên là ao sen giữa bản làng yên tĩnh với mặt nước trong xanh và những bông sen hồng thơm ngát. Nhưng yên tĩnh hơn nữa là gương mặt và tâm hồn những người lính Điện Biên lạc quan, tự tin vào sức mạnh cuộc chiến đấu chính nghĩa của dân tộc mình. Bài *Mùa hoa nghệ rừng* cho ta sống lại những mùa hoa tím của đất Mường Thanh anh hùng, nơi mà năm xưa, Bế Văn Đàn đã lấy thân mình làm giá súng, Phan Đình Giót đã lấy thân mình lấp lỗ châu mai, tạo điều kiện cho quân ta tiêu diệt đồn thù. Cái tứ thơ anh Giót, anh Đàn tái sinh với mỗi mùa hoa nghệ không chỉ nói lên tấm lòng dân đời đời nhớ ơn liệt sĩ mà còn gợi cho ta những nét đẹp văn hoá của đồng bào các dân tộc nơi đây. Hai bài *Hoa ban thử lửa* và *Hoa bưởi trên bờ suối* gợi lên những cảm xúc về tình yêu - tình yêu trong lửa của chiến tranh và tình yêu trong truyền thống dân gian của đồng bào miền núi. Đó cũng là vẻ đẹp phong phú của tâm hồn người Điện Biên.

NGÔ QUÂN MIÊN

Triệu Kim Văn

(Dân tộc Dao)

Tên khai sinh : Triệu Kim Văn. Sinh ngày 14 tháng 7 năm 1945. Quê quán : xã Cao Sơn, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Cạn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Hoa núi (thơ, 1990) ; *Mùa sa nhân* (thơ, 1994).

Giải thưởng văn học :

Giải chính thức Ban Văn học dân tộc và miền núi của Hội Nhà văn Việt Nam, 1995 (tập thơ *Mùa sa nhân*).

Mùa sa nhân

Tháng bảy
Mùa sa nhân chín...

Chờ tháng bảy
Ta rủ nhau vào rừng
Rừng bạt ngàn mệnh mông
Cây lúa trên nương làm bông đầu ngọn
Quả sa nhân dưới gốc thấp mặt trời.

Trai gái nhanh tay
Tiếng gọi vọng khắp đồi
Mà em cứ cúi tìm những ước mơ nho nhỏ
Những nẹp chỉ màu sợi mềm thật đỏ
Những bông "gình gâu"⁽¹⁾

Mọc từng chùm từng chùm
Mọc lên ngực non.

Tháng giêng này nở một bông mẫu đơn
Anh hái lẫn bông mặt trời
Đỏ ngực tròn rực rỡ.

7-1992

(1) *Gình gâu* : những gù vải đỏ đính ở hai bên ngực áo của phụ nữ Dao đỏ.

Lời bình

Với người miền núi (Tày, Nùng, Dao...), tết tháng giêng và rằm tháng bảy là hai mốc quan trọng nhất trong năm. Bởi thế rằm tháng bảy còn được gọi là tết tháng bảy. "Tết tháng giêng còn để dành tháng bảy. Vần nhớ người trên núi ấy" (Phạm Ngọc Cảnh).

Tháng bảy là tháng lúa (nương) sắp chín và quả sa nhân cũng đã đến kì thu hái. Đến mùa sa nhân chín, trai gái người Dao lên rừng hái sa nhân đem ra chợ bán lấy tiền (sa nhân là một dược liệu quý), nhưng nếu chỉ vì tiền thì nổi chờ đợi đến mùa thu hái không khắc khoải đến thế. Điều tạo nên sự khắc khoải ấy là cái tình. Mùa sa nhân chín là dịp để trai gái rủ nhau, ủa vào không gian để tỏ tình, tình tự. Người con trai si tình - nhà thơ người Dao buông một câu rồi bỏ lửng :

*Tháng bảy
Mùa sa nhân chín...*

Thế ra, mùa sa nhân chín vừa qua rồi, phải chờ tháng bảy tới. Bây giờ chỉ là sự hồi tưởng :

*Chờ tháng bảy
Ta rủ nhau vào rừng
...
Trai gái nhanh tay
Tiếng gọi vọng khắp núi đồi.*

Tả cảnh hái sa nhân trong rừng ngắn vậy thôi cũng đã đủ, bởi đây chỉ là cái làm tôn cao sự xuất hiện của người con gái nhỏ nhắn, non tơ, e ấp :

*Mà em cứ cúi tìm những ước mơ nho nhỏ
Những nẹp chỉ màu sợi mềm thật đỏ
Những bông "gình gâu"
Mọc từng chùm từng chùm
Mọc lên ngực non.*

Đọc kĩ bài thơ ta sẽ thấy nhà thơ vừa là người trong cuộc vừa là người quan sát. Chỉ một câu này thôi : "Mà em cứ cúi tìm những ước mơ nho nhỏ". Nhà thơ đã khép lại cái cảnh ồn ã, tiếng trai gái gọi nhau, khép lại cái cảnh hái sa nhân thực ấy để mở ra một không gian nhỏ hơn, ấm hơn với em gái có những bông "gình gâu", có đôi mắt mơ màng kiếm tìm ước mơ... để mà chiêm ngưỡng và buông câu tỏ tình :

*Tháng giêng này nở một bông mẫu đơn
Anh hái lẫn bông mặt trời
Đỏ ngực tròn rạng rỡ.*

Triệu Kim Văn là nhà thơ có cái nhìn tinh tế, giọng thơ rủ rủ, nhiều suy tưởng... phong cách ấy là sự hoà quyện của dân tộc và hiện đại.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Hoàng hôn đỏ

(Kính tặng mẹ)

Ở bên này núi hai ngọn cao
Bóng chiều chạng vạng
Bên kia núi
Vầng mặt trời tắt lặn
Tháng năm lút cổ lâu
Bồng bóng chiều hai núi ngả sang nhau
Và trong cơn mưa ngâu
Chợt rực lên quang hoàng hôn đỏ.

Lời bình

Đây là một bức tranh về núi rất có ấn tượng. Ấn tượng bởi màu sắc, hình khối... nhưng trên hết là ấn tượng về cái *tình*. Ấn sau những cảnh núi non nhiều sắc màu với cổ lâu ngút ngàn, mưa ngâu buồn, núi cao và quang hoàng hôn đỏ là tình yêu thương vợ chồng bền chặt từ lúc cưới nhau cho tới khi chiều tà, xế bóng. Tất cả những điều ấy tập trung ở câu : "Bồng bóng chiều hai núi ngả sang nhau". Cái khoảnh khắc lúc hai núi ngả sang nhau ấy, chợt quang hoàng hôn đỏ rực lên - cái màu đỏ rất được người Dao yêu thích đó đã làm nên rất đẹp cho "hai ngọn" núi cao ôm ấp. Bức tranh đẹp bởi nhân vật và còn đẹp bởi cái nền rất tương xứng.

Thơ Triệu Kim Văn sử dụng rất nhiều ẩn dụ mà ẩn dụ trong bài thơ này hay và đơn giản đến mức đọc là hiểu ngay. Nhưng như thế không có nghĩa là thơ Triệu Kim Văn dễ đọc ! Tôi nói hiểu ngay vì có sự chỉ dẫn sẵn của nhà thơ, anh viết "núi hai ngọn cao" và "kính tặng mẹ", sự chỉ dẫn một cách ngẫu nhiên đó đã hướng đúng người đọc theo mạch thơ của tác giả.

HOÀNG QUẢNG UYÊN

Nếu tôi chết

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Để hồn tôi tìm lại chiếc nhau mình⁽¹⁾
Trong lồng nhỏ mẹ tôi treo bờ suối
Cành cây giờ đã vươn xanh.

(1) Tục cho nhau vào giỏ treo lên cây của người Dao.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Để lòng tôi như mây gió phiêu diêu
Nơi hoang dã uống nước từ bụng đá
Đêm bập bùng ngọn lửa mái lều xiêu.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Được hôn nhiên chui hốc luồn rừng
Thu lượm hái bắt nhông đào nhộng mót
Đi săn về cả bản vui chung.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Với cha ông lại cầm búa, cầm dao
Bàn tổ chỉ có bảng văn làm báu⁽¹⁾
Sống một đời thanh thản chốn non cao.

Nếu tôi chết hãy đưa tôi về núi
Nắm mồ hoang lọt giữa đại ngàn
Cho cát bụi lại trở về cát bụi
Như thuở xưa ngày ấy họ Bàn⁽²⁾

1991

Lời bình

Một ý muốn, một tấm lòng tha thiết của người Dao hướng về truyền thống, nhớ về cội nguồn, nhớ ông thủy tổ người Dao, cuối đời đi săn rồi chết trong núi.

Hãy đưa tôi về núi để tìm lại chiếc nhau của mình mà mẹ tôi bỏ giỏ treo trên cành cây bên bờ suối, để phiêu diêu cùng gió mây, uống nước trong bụng đá, đêm đến bùng ngọn lửa trong lều, để chui hốc luồn rừng, bắt nhông, đào nhộng mót, đi săn về cùng bản vui chung, để cầm lại búa dao, sống một đời thanh thản với "quả sơn bảng văn", và trở về với cát bụi trong nắm mồ lọt giữa đại ngàn. Đó là toàn bộ ý nguyện của tác giả trong bài thơ.

Tôi đã đến thăm nhà một số người bạn của tác giả bên một chân núi gần thị xã Bắc Cạn, một bản đã đổi mới theo hướng chung hiện nay, đã tiếp xúc nhiều với văn minh miền xuôi và cách mạng. Nhưng ngược lại, toàn bộ bài thơ lại quay về với nguyên xi tập quán cũ ngàn đời. Cây có

(1) *Bảng văn* : quả sơn bảng văn, một loại chứng chỉ của các thời đại xưa lưu truyền trong người Dao.

(2) *Bàn Tử* : thủy tổ người Dao, cuối đời đi săn rồi chết trong núi.

cội, nước có nguồn, thời gian của bài thơ là thời gian chưa tới, nhưng trong công cuộc đổi mới chung của đất nước và sự tiến hoá của loài người, nguyện vọng của tác giả chắc vẫn không thay đổi dù cấu trúc và ngữ pháp tiếng Việt đã ít nhiều xâm nhập thơ anh ngay trong bài này.

Nước ta hiện có trên dưới sáu mươi dân tộc anh em với hàng sáu mươi bản sắc, tác động, bổ sung, làm giàu cho nhau. Triệu Kim Văn với tập thơ *Mùa sa nhân* xứng đáng được nhận giải thưởng thơ của Hội Nhà văn Việt Nam năm 1995, chính vì anh vừa giữ vững bản sắc dân tộc mình vừa tiếp thu có chọn lọc tinh hoa của các dân tộc anh em.

TRINH ĐƯỜNG

Lời mùa xuân

*Đất nói lời mùa xuân
Bằng hạt mầm tách vỏ*

*Suối nói lời mùa xuân
Bằng rì rào khe đá*

*Mây nói lời mùa xuân
Bằng những làn mưa bụi*

*Em nói lời mùa xuân
Bằng long lanh mắt đợi*

1986

Lời bình

Bài thơ xếp theo hình bậc thang, mỗi bậc thang hai câu thơ, cả bài thơ là bốn bậc thang (bốn khổ thơ) và cả bốn khổ thơ đều tập trung tả sự sinh sôi, nảy nở của mùa xuân bằng cách nhân hoá. Cảnh vật ngán lên thành lời nói, hiện lên những tín hiệu mùa xuân : đất nói bằng hạt, cây nói bằng chồi, suối nói bằng âm thanh, mây nói bằng mưa và em nói bằng mắt. Những lời mùa xuân thật dễ hiểu, thật nhẹ nhàng, êm ái, tươi non. Đẹp như nụ hoa chớm nở, như búp măng mới nhú, như nụ hôn của đôi lứa, hứa hẹn một mùa tươi tốt, rộ hoa, trĩu quả.

LÒ NGÂN SỬN

Lò Vũ Văn

(Dân tộc Thái)

Tên khai sinh : Lò Vũ Văn. Sinh ngày 19 tháng 8 năm 1943. Quê quán : xã Cao Đà, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Tác phẩm đã xuất bản :

Vòng xoè (thơ, in chung, 1980).

Giải thưởng văn học :

Giải ba cuộc thi truyện ngắn Sơn La.

Xuân Bản Thàn

Tết

Cái vui

Sôi lên

Từ

Hũ rượu cần

Bụng trống

Vú chiêng

Rung lên

Mái nhà sàn

Chao đảo

Đỉnh núi cao

Lúc lắc

Măng vầu

Măng sắt

Đổng tai

Đón

Mưa

Rơi

1-1996

Lời bình

Bài thơ được cấu trúc bằng những câu thơ rất ngắn, lời thơ bị bẻ gãy, có những câu ngắn đến mức chỉ còn một tiếng.

Dường như bài thơ được viết trong một trạng thái hưng phấn cao độ. Người làm thơ như đang nhập vào cơn say mùa xuân của người, của trời, của đất, của muôn vật, muôn loài hợp lại. Tất cả như đang "sôi lên", "rung lên", "chao đảo", "lúc lắc" trong một vũ điệu mùa xuân rạo rực. Hình ảnh cuối cùng, như một sự tương phản, bỗng hiện ra đẹp một cách thâm lặng và ngộ ngĩnh, như thể cái động tại của "con hươu thơ" trong *Tuỳ bút Sông Đà* của Nguyễn Tuân.

Bài thơ hay trong nhịp điệu và trong cấu trúc tương phản giữa hình ảnh cuối bài với toàn bộ phần trước đó của bài. Nó gọi trong lòng người đọc một nỗi xôn xao...

VĂN GIÁ

Ngô Thị Thanh Vân

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Ngô Thị Thanh Vân. Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1981.

Quê quán : xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tác phẩm đã in :

Qua miền nhớ (thơ, 2005)

Dã quỳ và em

*Cứ rục rĩ và hỗn nhiên đến vậy
gọi gió về trong bụi đỏ mù sương
cứ xanh ngắt cho lòng thêm khắc khoải
mùa đón ta bằng sức xuân thì*

*Em cao nguyên nửa quen nửa lạ
mắt ngây thơ đau đáu ánh nhìn
ta hoang hoải suốt thời trẻ dại
sa mạc dài ám ảnh đời trai*

*Em vẫy gọi và lòng ta rộng mãi
sóng đam mê giây phút bên người
chân ngựa mới em có ghim ta lại
hay mặc đời gió lộng tràn qua ?*

*Em cứ vậy đã quỳ hoang dại
hút hồn ta rực rỡ sắc vàng
ta khờ dại nên một đời ngây ngất
nghiện đã quỳ, ráng đỏ và em.*

Lời bình

Có những bài thơ nếu đã đọc rồi, dù chỉ một lần, người ta cứ bị ám ảnh mãi. *Dã quỳ và em* là một bài thơ như thế, giản dị mà nồng nàn, say đắm như chính tình cảm của nhân vật trữ tình trong bài thơ khắc họa.

*- ta hoang hoải suốt thời trẻ dại
- ta khờ dại nên một đời ngây ngất*

Nhân vật trữ tình đang đứng ở hiện tại mà nhìn về dĩ vãng, ngoài lại cái quá khứ đã có, đang có mà có bước chân đi cũng không thể nào thành quá khứ đã qua, không thể nào thôi ám ảnh. Sắc màu, hình ảnh trong bài thơ rất đẹp.

*Cứ rực rỡ và hồn nhiên đến vậy
gọi gió về trong bụi đỏ mù sương
cứ xanh ngắt cho lòng thêm khắc khoải
mùa đón ta bằng sức xuân thì*

Lời thơ có lúc như xoáy vào những không gian vô hình - không gian của nỗi nhớ, lặng lẽ mà xáo động tâm hồn. Em và dã quỳ - cái rực rỡ, hồn nhiên, cái sắc vàng tươi thắm ấy lẽ nào đã trở thành một phần máu thịt trong anh ? Có lúc như một thoáng giật mình thảng thốt :

*Em cao nguyên nửa quen nửa lạ
mắt ngây thơ đau đáu ánh nhìn
ta hoang hoải suốt thời trẻ dại
sa mạc dài ám ảnh đời trai...*

Hình ảnh có sức chứa, lan toả và lắng đọng nhiều dư ba nhất bài thơ là hình ảnh của màu hoa dã quỳ vàng rực, nó như một ám ảnh miên man, suốt từ thời trẻ trai đến cuối cuộc đời. Đã bao năm qua rồi mà lòng khôn nguôi khắc khoải, vẫn ánh nhìn ngây thơ đau đáu, vẫn rực rỡ sắc vàng hoang dại, vẫn phảng phất đến day dứt dư âm của thuở ban đầu thiêng liêng ấy.

*Em vẫy gọi và lòng ta rộng mãi
sóng đam mê giây phút bên người
chân ngựa mỗi em có ghim ta lại
hay mặc đổi gió lộng tràn qua ?*

Vẻ đẹp rực rỡ, hồn nhiên của em, của cao nguyên xanh lộng gió, sắc vàng của dã quỳ như một "chất keo" gắn kết, níu giữ, và liệu có ghim giữ nổi yên cương của con ngựa hoang bất kham kia hay không ? Hoa quỳ ấm lòng khi đông đã sang, nó chỉ nở trong mùa đông mưa - gió lạnh lùng, như một ngọn lửa vàng - ngọn lửa của trái tim chứa đầy tình yêu mãnh liệt, dám thách thức đất trời, đốt cháy mình xua hết những âm u, giá lạnh mùa đông. Nhân vật trữ tình nhẩn nha, lặng lẽ góp nhặt những kí ức, những hình ảnh đó mỗi độ đông về.

Có những gặp gỡ để tình yêu đơm hoa. Có những gặp gỡ để rồi li biệt, những hẹn hò mãi mãi chỉ còn trong mộng ước. Nhưng cũng có những gặp gỡ để ước mầu cho những khát khao, cho những đam mê suốt đời không dứt. Bài thơ *Dã quỳ và em* mang vẻ đẹp của một niềm hoài niệm, niềm đam mê cháy bỏng, vĩnh cửu của con người vọng từ sâu thẳm thời gian. Con người tìm thấy tuổi trẻ đại khờ, nhiều mơ mộng, nhưng cũng đầy đam mê, và thấy một phần ý nghĩa cuộc sống chính mình từ đó.

Những rung động bắt đầu thì dễ mà kết thúc lại khó thay. Thời gian đủ dài khiến con người già đi nhưng không đủ mạnh để làm phai mờ những nhớ thương, khát vọng. Cái đam mê của người con trai trong bài thơ cũng trở thành một ám ảnh, và khi bài thơ kết thúc, cái "khờ dại nên một đời ngây ngất" trong độc giả cũng không dễ gì dứt được.

ĐỖ THU HUYỀN

Hạnh phúc muộn

*Có phải người về trong đêm ba mươi
Thức tỉnh trong em niềm tin đang dần nguội tắt
Cời bếp than hồng em nhóm lại thắp ngày tắt bật
Người quên tình yêu chờ đợi đến hao gầy
Có phải người về trong những cơn say
Đôi mắt ngả màu chờ mong - đôi môi khô màu tuyệt vọng
Em lặng thầm dâng đôi vai che chắn
Yếu đuối mong manh hoá giải mọi nhọc nhằn*

*Người ơi !
Dẫu là muộn một bước chân
trái tim lỡ một lần đập sai cung nhịp
đôi môi lỡ một lời không thật
vòng tay một lần đam mê người con gái sau em...*

*Em vẫn rất hờn ghen
vẫn đau như mũi đinh xuyên sâu lồng ngực
Nhưng có một điều mãi mãi người không thể nào hiểu được
Trái tim em bình dị đến không ngờ...*

*Trái tim trong như pha lê
trái tim tan nghìn mảnh vỡ
trái tim khắc khoải lời chung thủy
trái tim yếu mềm rộng rãi bao dung.*

*Em tự mình hàn gắn những vết thương
bằng chút tàn hơi còn sót lại
Sự trở về người mang bao lầm lỗi
Em xoa dịu nỗi đau mong đón lại ngày hồng
....
Giông bão qua...
chỉ còn lại cõi lòng chưa bao giờ bình lặng
Mình dựa vào nhau... để làm lại từ đầu
Dẫu người có về sau đêm ba mươi
Cũng còn kịp để cùng em lên chuyến tàu trở về
bến bờ hạnh phúc !*

Lời bình

"Có phải người về trong những cơn say/ Đôi mắt ngả màu chờ mong - đôi môi khô màu tuyệt vọng". Ta bất chợt giật mình khi gặp cái tình huống trở trêu trong bài thơ *Hạnh phúc muộn* của Ngô Thị Thanh Vân.

...Bài thơ khắc hoạ hai tâm trạng, tưởng trái chiều nhau nhưng thực chất lại là một, tuy cung bậc khác xa nhau. Người con trai thì:

*... quên tình yêu chờ đợi đến hao gầy
... trái tim lỡ một lần đập sai cung nhịp
đôi môi lỡ một lời không thật
vòng tay một lần đam mê người con gái sau em...*

Còn người con gái :

*- Em lặng thầm dâng đôi vai che chắn
Yếu đuối mong manh hoá giải mọi nhọc nhằn*

*- Em tự mình hàn gắn những vết thương
bằng chút tàn hơi còn sót lại...*

Người con trai kia mất mát, tổn thương trên hành trình dài đam mê, kiếm tìm rong ruổi. Nhưng người ấy đau một thì người con gái đau đến hàng trăm, hàng vạn lần. Để rồi vẫn “lặng thầm dâng đôi vai che chắn”, hóa giải những lỗi lầm, những thương tích kia bằng chút tàn hơi còn sót lại, bằng trái tim trong như pha lê. Người đàn ông kia trở về như chưa từng một lần lỗi hẹn, như chưa từng ra đi trong im lặng, như chưa từng có sự phản bội, thay lòng. Cái tình huống “trở về trong đêm ba mươi” kia chứa rất nhiều mảnh vỡ - mảnh vỡ của những khát khao không thành, của những đam mê nông nổi, nhưng nó còn là mảnh vỡ của những ngày xưa đã mất, của những gì còn lại tự phía xa xôi... Cảm giác buồn ở đây không đủ để diễn tả, bởi đã trót yêu, trót hi sinh quá nhiều, lẽ chiụ đựng đến kiệt cùng hết thấy.

Em vẫn rất hồn ghen

vẫn đau như mũi đinh xuyên sâu lồng ngực

Nhưng có một điều mãi mãi người không thể nào hiểu được

Trái tim em bình dị đến không ngờ...

Sự thừa nhận ấy chính là một phần chấp nhận, và cái điều khiến cả người đàn ông kia lẫn người đọc không thể nào hiểu được, đó là sự bình dị, sự thanh cao đến lạ kì nơi trái tim người con gái. Đón nhận người ấy trở về. Nhưng mạnh mẽ và quyết liệt hơn nữa là “dấu người có về sau đêm ba mươi”, sẽ vẫn “kịp để cùng em lên chuyến tàu trở về bến bờ hạnh phúc”. Người đàn ông trở về chẳng cần thanh minh điều gì hết, tình yêu ấy vẫn còn đó, dù đã bị tổn thương, đã hoang hoải những tháng ngày mong nhớ, con tim vẫn rất hồn ghen và dĩ nhiên, một góc hồn chẳng bao giờ bình lặng được.

... Bằng chất giọng rất riêng, nồng nàn, say đắm, Ngô Thị Thanh Vân thể hiện một cách giản dị mà sâu sắc đức hi sinh muôn đời của người phụ nữ, đó sẽ là nơi tìm về, là bến đỗ bình yên, vĩnh cửu cho tất cả mọi lỗi lầm, mất mát trong cuộc sống.

ĐỖ THU HUYỀN

Hơ Vê

(Dân tộc Hơrê)

Tên khai sinh : Hy Nga. Sinh ngày 30 tháng 12 năm 1948. Quê quán : xã Sơn Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Tác phẩm đã xuất bản :

Đoá hoa rừng (thơ, 1992) ; Tất cả cho anh (thơ, 1994).

Giải thưởng văn học :

Giải B Hội Nhà văn Việt Nam, 1992 (tập thơ Đoá hoa rừng).

Thương lắm nhớ nhiều

Em yêu anh
Như con chim Vơ Linh yêu rừng
Em thương anh
Như con cá Ra-tang thương nước
Em nhớ anh
Cứ nhấp nha nhấp nhồm
Như có kiến cắn tìm
Như có lửa đốt bụng
Muốn thấy ngay cái miệng
Muốn cảm ngay cái tay
Muốn đi bên anh như đôi chim cùng bay
Ơ ! Em nhớ đầy cả đêm
Em thương sáng cả ngày
Nhiều như cái sao cái lá
Cao như cái núi cái đồi.

Em đếm từng tiếng tim đập
Con tim đập nặng nề lắm
Em đếm từng cái nháy mắt
Con mắt nháy nhiều lắm.
Ơ ! Thương lắm nhớ nhiều
Nhớ thương sáng cả đêm
Nhớ thương đầy cả ngày
Như con chim Vơ Linh
Như con cá Ra-tang.

Lời bình

Nhớ và thương là những đại lượng không thể đo đếm. Yêu đương là trạng thái tình cảm cao nhất gắn liền với nỗi nhớ niềm thương, nhưng oái oăm thay, chính cái trạng thái tình cảm ấy lại tối kỵ với những đại ngôn, những lí sự. Khi anh phải đại ngôn trong tỏ tình, ấy là khi anh đã để lộ ra một chút gì đó như là giả tạo, gượng ép. Lối thoát nào cho tình thế oái oăm này ? Sự thành tâm – dĩ nhiên là như thế. Nhưng còn khó hơn nhiều là khi anh phải chọn cách *nói như thế nào* để người ta không hoài nghi sự thành tâm nơi anh. Về phương diện này thì người Hê nói riêng và người miền núi nói chung tỏ ra có nhiều ưu thế. Lối tư duy dựa trên những cái cụ thể, dựa trên mối tương quan giữa những cái hữu hình với những cái vô hình, đã giúp họ làm được điều mà chúng ta vẫn nói là "qua một giọt nước thấy cả đại dương". Và khi ấy, những đại lượng mệnh mông tượng chừng không nắm bắt được kia, chợt hiện ra những kích cỡ của chúng...

Nói nhớ và thương "Như con chim Vơ Linh yêu rừng", "Như con cá Ra-tang thương nước" thì chưa có gì đặc biệt lắm, bởi nó có vẻ "văn hoa" quá. Nhưng "Em nhớ anh. Cứ nhấp nha nhấp nhồm. Như có kiến cắn tim. Như có lửa đốt bụng" thì khái niệm thương nhớ đã bắt đầu hiện hình, đã bắt đầu nhúc nhối một cảm giác *người*. Cảm giác ấy còn rõ ràng hơn nữa khi người con gái thốt nên điều mình muốn : "Muốn thấy ngay cái miệng. Muốn cầm ngay cái tay" – cụ thể đến không thể hơn được nữa, một cảm giác lứa đôi ! Từ nỗi nhớ thương da diết ấy, trái tim yêu chợt mở ra một bầu trời, nâng tình cảm lứa đôi đến cõi thơ mộng : "Muốn đi bên anh như đôi chim cùng bay"...

Chập chờn cả bài thơ là những hình ảnh ảo huyền đan xen những hình ảnh cụ thể, cô gái đang sống với những mê đắm của riêng cô. Tứ thơ được phát triển rất hợp lí và nhuần nhị :

*Ơ ! Thương lắm nhớ nhiều
Nhớ thương sáng cả đêm
Nhớ thương đầy cả ngày
Như con chim Vơ Linh
Như con cá Ra-tang*

"Sáng cả đêm" và "đầy cả ngày" chính là kích cỡ của đại lượng nhớ thương, nó chuẩn xác theo cái cách của thơ ca. Hai câu thơ cuối cùng rất tuyệt, khi cá Ra-tang và chim Vơ Linh không cần kèm theo một hình ảnh nào, nó "nguyên thể" như nỗi lòng cô gái đang yêu – nó vỗ cánh và quẫy nước, dội vào tâm trí chúng ta những xao động không bến bờ của nỗi nhớ thương...

TRẦN HOÀ BÌNH

Với gọi

Ồ, hơn bốn mươi cái rẫy rồi đó
Thời gian gieo màu tóc sương
Những sợi tóc rung rung vấn vương
Cứ ngó hoài ông mặt trời đỉnh núi.

Hơn bốn mươi lần cha cắt cổ gà
– Ăn mừng lúa mới thơm ngon
Tiếng chày thùm thụp – cho hạt gạo trong
Và má ta hồng chờ ai bên suối.

Hơn bốn mươi lần mẹ công gửi lên rẫy
Công mưa nắng gió sương
Còng lưng mang về hơi thở
Để ta hát ka-lên với con chim chiều.

Ta quý mẹ như quý con tìm đập
Ta thương cha như thương con mắt nhìn
Mẹ đi rồi ! Cha đi rồi ! – Còn ta
Mái tóc màu sương năm tháng.

Ồ, hơn bốn mươi cái rẫy rồi
Mặt ta thấy ông mặt trời đẹp hơn
Bà trắng dịu dàng quá
Tiếng chim hót rộn ràng.

Ta muốn được nghe, nhìn
Cùng mái tóc bay bay theo làn gió
Tắm trong con suối có mặt trăng
Trong cái rẫy có mặt trời.

Ta với gọi muốn nơi
– Xin mặt trời đừng xuống núi
Hơn bốn mươi cái rẫy rồi
Bụng ta có... lửa đốt không thôi.

Lời bình

Vào thời điểm "Hơn bốn mươi cái rẫy... Thời gian gieo màu tóc sương", là lúc người ta đã có thể "nửa đời nhìn lại". Những tiếng gọi trong bài thơ của Hơ Vê là cái ngoái nhìn lại năm tháng sau lưng mình, tiếng

gọi đánh thức những kí ức đẹp đẽ nhất mà mình đã từng có – kí ức nào cũng gắn với hình ảnh người cha và người mẹ. Ta thấy trong những tiếng gọi rạo rực ấy có một chút gì như tiếc nuối, lại có một chút gì như lời cảm tạ các bậc sinh thành, cảm tạ thiên nhiên trời đất. Thời gian tính bằng những lần ăn mừng lúa mới, bằng những mùa rẫy. Nỗi vất vả của cha mẹ chống chọi theo con số "hơn bốn mươi lần", cũng là để cho người con được hưởng niềm vui thời thanh nữ : "Tiếng chày thùm thụp – cho hạt gạo trong. Và má ta hồng chờ ai bên suối... Để ta hát ka-lên với con chim chiều...". Những tháng ngày đầm ấm và thơ mộng ấy đã qua, "Mẹ đi rồi ! Cha đi rồi !", nhưng cái tình của người con thì cứ theo năm tháng mà sâu nặng dần : "Ta quý mẹ như quý con tim đập. Ta thương cha như thương con mắt nhìn" – tiếng gọi không chỉ vọng vào quá khứ, giờ đây nó còn rung lên nơi đáy thăm tâm hồn người con.

Và không chỉ có vậy, vào cái thời điểm "nửa đời nhìn lại" ấy, sau chút thăng thốt cõi nhân sinh "Ồ, hơn bốn mươi cái rẫy rồi", người con đã cảm nhận thật rõ ràng những bước đi không ngừng nghỉ của sự sống. Tất cả vẫn không lụi tàn theo năm tháng, vẫn ngời ngời như kí ức của con người : "Mặt ta thấy ông mặt trời đẹp hơn. Bà trăng dịu dàng quá. Tiếng chim hót rộn ràng"... Những hình ảnh trong quá khứ và hiện tại bỗng tiếp nối nhau, xoá nhoà ranh giới thời gian và chúng có chung một tên gọi : cái đẹp. Khát vọng sống của con người dâng trào. Tình yêu con người, yêu quê hương làng bản bật dậy trong một tiếng gọi thiết tha và cảm động :

*Ta muốn được nghe, nhìn
Cùng mái tóc bay bay theo làn gió
Tắm trong con suối có mặt trăng
Trong cái rẫy có mặt trời...*

Bài thơ này khó có thể có cái tên nào khác hay hơn là *Với gọi*. Người hát gọi luôn có cảm giác những tiếng gọi của mình chưa đủ tầm. Nó vọng về muôn nơi, nó vấn vít như chính sự sinh sôi của cuộc sống. Cõi nhân thế mênh mông, khát vọng sống và tâm hồn con người vô cùng, nhưng cá thể thì hữu hạn... Bao nhiêu ý tứ của bài thơ, rớt cục, dồn trong một tiếng gọi : "Xin mặt trời đừng xuống núi" ! Người hát gọi như muốn dừng thời gian lại, như muốn mãi mãi được bảo toàn những vẻ đẹp của sự sống mà mình đã và đang được tận hưởng. Một tiếng gọi lay động tâm hồn người đọc, không chỉ bởi ý tứ của nó, mà còn bởi một hình ảnh mang đậm chất dân gian miền núi.

TRẦN HOÀ BÌNH

Chế Lan Viên

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Phan Ngọc Hoan. Sinh ngày 14 tháng 1 năm 1920. Quê quán : xã Cam An, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị. Mất ngày 19 tháng 6 năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tác phẩm đã xuất bản :

Điều tàn (thơ, 1937) ; *Gửi các anh* (thơ, 1954) ; *Ánh sáng và phù sa* (thơ, 1960) ; *Hoa ngày thường, chim báo bão* (thơ, 1967) ; *Những bài thơ đánh giặc* (thơ, 1972) ; *Đối thoại mới* (thơ, 1973) ; *Hoa trước lăng Người* (thơ, 1976) ; *Hái theo mùa* (thơ, 1977) ; *Hoa trên đá* (thơ, 1985) ; *Tuyển tập Chế Lan Viên* (thơ, 1985) ; *Di cảo I* (thơ, 1994) ; *Di cảo II* (thơ, 1995).

Các tập kí : *Váng sao* (1942) ; *Thăm Trung Quốc* (1963) ; *Những ngày nổi giận* (1966) ; *Giờ của số thành* (1977).

Các tập tiểu luận, phê bình : *Nói chuyện văn thơ* (1960) ; *Phê bình văn học* (1962) ; *Vào nghề* (1962) ; *Suy nghĩ và bình luận* (1971) ; *Bay theo đường dân tộc đang bay* (1976) ; *Nghĩ cạnh dòng thơ* (1981) ; *Từ gác Khuê Văn đến quán Trung Tân* (1981).

Giải thưởng văn học :

Giải thưởng Hội Nhà văn (*Di cảo I* và *Di cảo II*, 1994). Giải A của Hội Nhà văn Việt Nam (tập thơ *Hoa trên đá*, 1995). Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học - Nghệ thuật (đợt 1 - 1996).

Nhớ Bế Văn Đàn

Ngã xuống ở Mường Pôn, anh đâu biết
có mùa cam

Anh chỉ thấy dây thép gai đồn giặc
Tôi yêu những người chữa hình dung ra hạnh phúc
Lúc đồng đội cần, dẫu chết chẳng từ nan.

Lời bình

Bài thơ bắt đầu từ lí trí thì có gì lạ với Chế Lan Viên, khi hầu hết thơ ông đều rất giàu tính lí trí. Nhưng ở các bài thơ khác, lí trí là *bước đến* ; còn ở bài thơ *Nhớ Bế Văn Đàn* lại là *bước đi*. Con người ta, mỗi hành động đều tuân tự từ *thấy* với *biết* rồi mới đến *ứng xử*. Đằng này ngược lại. Mới thấy bạn mình cần thôi đã làm. Cái *tình* còn cao hơn cả cái *biết*. Ta cảm động vì ông - Chế Lan Viên - ông trân trọng người lính biết nhường nào.

PHẠM TIẾN DUẬT

Tiếng hát con tàu

Tây Bắc ư ? Có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hoá những con tàu
Khi Tổ Quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc, chứ còn đâu ?

Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng ?
Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài cửa ô ? Tàu đối những vành trăng.

Đất nước mệnh mông, đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chứa ra đi ?
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia.

Trên Tây Bắc, ôi mười năm Tây Bắc !
Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng
Nơi máu nhỏ tâm hồn ta thấm đất
Nay rạt rào đã chín trái dầu xuân.

Ơi kháng chiến ! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau còn đủ sức soi đường
Con đã đi nhưng con còn vượt nữa
Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương.

Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng, hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa

Con nhớ anh con, người anh du kích
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn
Chiếc áo nâu suốt một đời vá rách
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.

Con nhớ em con, thằng em liên lạc
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ
Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc
Mười năm tròn chưa mất một phong thư.

Con nhớ mẹ ! Lúa hồng soi tóc bạc
Năm con đau, mẹ thức một mùa dài.
Con với mẹ không phải hôn máu cật
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.

Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương ?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hoá tâm hồn !

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

Anh nắm tay em cuối mùa chiến dịch
Vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng
Đất Tây Bắc tháng ngày không có lịch
Bữa xôi đầu còn toả nhớ mùi hương.

Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi ?
Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ
Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội
Mắt ta thêm mái ngói đỏ trăm ga.

Mắt ta nhớ mặt người, tai ta nhớ tiếng
Mùa nhân dân giăng lúa chín rì rào
Rẽ người mà đi, vịn tay mà đến
Mặt đất nóng nhựa nóng của cần lao

Nhựa nóng mười năm nhân dân máu đổ
Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ
Mười năm chiến tranh vàng ta đau trong lửa,
Nay trở về, ta lấy lại vàng ta.

*Lấy cả những cơn mơ. Ai bảo con tàu
không mộng tưởng ?
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng ?
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân.*

Lời bình

Vào những năm 1958 - 1960, ở miền Bắc có phong trào vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng kinh tế miền núi Tây Bắc. Với Chế Lan Viên, sự kiện kinh tế - xã hội ấy đã khơi gợi những suy nghĩ và cảm hứng để viết nên một trong những bài thơ xuất sắc nhất của nhà thơ : bài *Tiếng hát con tàu* trong tập *Ánh sáng và phù sa* (1960). Vượt lên khỏi sự minh họa giản đơn, bài thơ là khúc hát say mê, nồng nhiệt của một tâm hồn đã tìm thấy và gắn bó tha thiết với nhân dân và đất nước - nguồn nuôi dưỡng cho sự sống và hồn thơ của mình :

Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ.

Nhưng Tây Bắc ở đây không chỉ là một miền đất cụ thể mà còn là biểu tượng cho những miền xa của Tổ Quốc đang vẫy gọi, nơi "Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ" và những con người Tây Bắc trong bài thơ cũng chính là hiện thân của nhân dân với nghĩa tình sâu nặng trong cách mạng và kháng chiến. Cả bài thơ là niềm say mê, hân hoan, là sự bừng sáng của tâm hồn và trí tuệ nhà thơ khi nhận ra chân lí lớn của cuộc đời và nghệ thuật. Chân lí ấy nhiều lần được khẳng định với tất cả niềm tin sâu xa qua sự trải nghiệm :

- *Ơi kháng chiến ! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau còn đủ sức soi đường.*
- *Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng, hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*
- *Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ.*

Nhưng không chỉ như vậy, sự nhận thức về nhân dân và đất nước đã tạo nên mạch cảm hứng dồi dào, gợi lại những kỉ niệm ân tình thời kháng chiến, kêu gọi trí tưởng tượng bay bổng và những liên tưởng bất ngờ, thấm sâu vào giọng điệu vừa tha thiết vừa sôi nổi của bài thơ.

Tiếng hát con tàu lôi cuốn chúng ta trước hết bằng âm hưởng thật dào dạt. Người đọc bị cuốn vào từng đợt cảm xúc lúc sôi nổi trào dâng, lúc lắng sâu trầm tĩnh để rồi đi đến cao trào ở cuối bài thơ thật bay bổng, say mê và mơ mộng :

*Lấy cả những cơn mơ ! Ai bảo con tàu không mộng tưởng ?
Mỗi đêm khuya không uống một vầng trăng
Lòng ta cũng như tàu, ta cũng uống
Mặt hồng em trong suối lớn mùa xuân.*

Trong sóng nhạc tâm tình ấy, ánh lên lấp ló những hình ảnh lung linh, với những so sánh, ẩn dụ tượng trưng mỗi lúc một mới lạ, bất ngờ. Cái thi tứ chỉ đạo "Tâm hồn ta đã hoá những con tàu" với hình ảnh trung tâm là *con tàu* đang hăm hở băng về những nơi xa, những chân trời rộng rãi, đã làm "bộ phóng" cho mọi tưởng tượng sáng tạo, kết liên cả hoài niệm quá khứ về cuộc kháng chiến chống Pháp với những trăn trở và dự cảm về tương lai.

Cái ẩn tượng nổi đậm tiếp theo ở bài thơ này là sự kết hợp giữa *thực* và *ảo*, *thật* và *mơ mộng*. Hình tượng con tàu lên Tây Bắc đã là một tưởng tượng đầy mơ mộng : Sự thực thì cho đến nay cũng chưa hề có đường tàu lên Tây Bắc, nhưng điều đó không ngăn cản nhà thơ hình dung ra con tàu tâm tưởng của mình vượt trăm ga ngói đỏ đêm đêm lại "uống một vầng trăng..." Trong bài, chúng ta còn gặp rất nhiều hình ảnh ẩn dụ, tượng trưng, biến hoá được sáng tạo từ sức tưởng tượng phong phú của nhà thơ. Nhưng mặt khác, bài thơ cũng lại chất chứa những hình ảnh thật cụ thể như được kết tinh từ những kỉ niệm, những cảnh sống thực đã trải qua của tác giả, những so sánh dung dị lấy từ đời sống quen thuộc mà không kém rung động (Những hình ảnh cụ thể về nhân dân và kỉ niệm kháng chiến ở phần hai của bài thơ). Có thể nói, cảm xúc của tác giả đi về giữa thực và ảo, giữa thật và mơ, làm cho thi tứ của bài luôn luôn vận động bất ngờ, mới lạ, tạo ra sức cuốn hút nhiều mặt cho tác phẩm.

Nhân dân trong tâm cảm của nhà thơ không phải là một ý niệm trừu tượng, đó là những con người cụ thể, với những số phận cụ thể. Nhân dân, đó là người anh du kích với "Chiếc áo nâu suốt đời vá rách. Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.", là em liên lạc đưa đường, là cô gái với vắt xôi nuôi quân em giấu giữa rừng, là bà mẹ "lửa hồng soi tóc bạc, năm con đau mẹ thức một mùa dài". Những câu thơ bằng các chi tiết cụ thể, bình dị, khắc hoạ được hình ảnh nhân dân với những tấm lòng rộng lớn và hi

sinh thâm lặng. Đồng thời cũng biểu hiện lòng biết ơn sâu nặng, những xúc động thấm thía của một tấm lòng, nó là tâm cảm của Chế Lan Viên, là những trải nghiệm của tác giả qua những năm kháng chiến.

Theo dòng hoài niệm, mạch thơ dẫn dắt đến những câu thơ chất chứa những khái quát, triết lí về cuộc sống được kết tinh từ những trải nghiệm :

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương
Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất đã hoá tâm hồn.*

Nói đến Chế Lan Viên, chúng ta nghĩ ngay đến một giọng thơ triết lí với trí tuệ sắc sảo, những hình ảnh ý niệm. Cái đặc sắc của những câu thơ "triết lí" trên đây là ở sự tự nhiên, bình dị mà sâu sắc của tư tưởng đã được rút ra bằng chính sự sống, bằng những trải nghiệm của lòng người. Câu thơ có thể gợi nghĩ đến nhiều điểm, nhưng trước hết là nói đến các quy luật của đời sống tâm hồn ; tâm hồn con người đã được bồi đắp, tạo dựng nên bằng chính những gì người ta đã trải qua, đã gắn bó, chia sẻ. Cái khách thể đã hoá thành chủ thể ; cái ở ngoài ta đã hoà nhập và làm phong phú cho đời sống bên trong của mỗi cuộc đời.

Mạch thơ chuyển sang sự rung cảm và suy tưởng về tình yêu :

*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét
Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng
Như xuân đến chim rừng lông trở biếc
Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.*

Cũng được dẫn dắt từ những cảm xúc và hình ảnh cụ thể đến một triết lí khái quát như ở khổ trên, nhưng ở đây, khi nói về tình yêu, câu thơ bỗng ngời lên lấp lánh trong những hình ảnh rực rỡ sắc màu. Chúng ta lại bắt gặp nét quen thuộc của phong cách Chế Lan Viên : hồn thơ ấy ham triết lí ngay cả khi đắm mình trong những xúc cảm của tình yêu. Nhà thơ phát hiện một quy luật của tình yêu qua những so sánh từ đời sống tự nhiên, sự gắn bó của hai trái tim, hai tâm hồn trong tình yêu là một tất yếu như cái rét với mùa đông, như cánh kiến với loài cây chủ, như mùa xuân với bộ lông biếc của chim rừng. Đến đây, tâm trí nhà thơ như reo lên khi phát hiện một tương quan gắn bó giữa *tình yêu* và *đất lạ* :

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương.

Đoạn thơ nói về tình yêu, nhưng rốt cục thì cũng là nói về sự gắn bó với đất nước, với nhân dân. Có điều là ở đây, sự gắn bó ấy đã được bền chặt và sâu xa như tình yêu quê hương, bởi chất "kết dính" tâm hồn và đất lạ chính là tình yêu ! Chính vì thế mà bốn câu thơ về tình yêu có vẻ như bất ngờ chuyển mạch đột ngột giữa mạch thơ hoài niệm về nhân dân, thực ra lại vẫn là nằm trong mạch suy tưởng ấy, thậm chí, như là sự kết tinh những suy ngẫm và xúc cảm về nhân dân, đất nước của bài thơ.

NGUYỄN VĂN LONG

Thóc mới Điện Biên

Nghĩa trang

Chối chang

Sắc vàng

Một mùi hương vời vợi

đang bay đầy nghĩa trang.

Nhà dân chặt,

Dân lên dây phơi thóc

Thóc của dân

Che kín mộ anh hùng.

Nhớ ngày nào

Các anh đi đánh giặc

Bảo vệ mùa

Về sống ở trong dân.

Tô Vĩnh Điện, Trần Can...

Mộ anh Giót, anh Đàn...

Năm trăm mộ anh hùng ngồi chối thóc !

Dưới đồi xa

Pháo thù gục mặt

Lúa đã chín

Chỗ tằm câu đại bác.

Lúa chín thơm

Đầy một sắc trù vàng.

Lời bình

Có thể ví sự sáng của thơ với sự sáng của điện. Nếu thơ giống với điện thì các dòng thơ được triển khai trong một bài thơ không phải từ nào, ngữ nào cũng là bóng đèn. Chỉ cần một vài điểm sáng là cả bài thơ trở nên lộng lẫy. Có thể đem sự so sánh ấy với bài thơ *Thóc mới Điện Biên* của Chế Lan Viên :

*Nghĩa trang
Chòi chang
Sắc vàng
Một mùi hương vời vợi
đang bay đầy nghĩa trang.*

Những dòng mở đầu ấy mới chỉ là dây dẫn. Cả mấy dòng cuối cũng vậy : "Tô Vĩnh Diện, Trần Can. Mộ anh Giót, anh Đàn. Năm trăm mộ anh hùng ngời chói thóc ! Dưới trời xa, pháo thù gục mặt..." Cái bóng đèn sáng cho cả bài thơ là một dòng thơ được ngắt làm đôi này :

*Thóc của dân
Che kín mộ anh hùng.*

Dòng thơ ấy chứa được cả *nhân*, cả *quả*. *Nhân* đây là sự mở đầu, chiến sĩ vốn từ dân, do dân và ở trong dân. *Quả* đây là hồi kết thúc, bao sự hi sinh của người chiến sĩ đều vì sự ấm no hạnh phúc của đồng bào.

Chỉ một cảnh tượng lúa chín trùm lên mộ chiến sĩ mà Chế Lan Viên đã khái quát một cách xúc động như vậy đã chứng tỏ tấm tình lớn lao sẵn có của tác giả với nước, với dân. Chế Lan Viên viết "Thóc của dân. Che kín mộ anh hùng" và tôi viết nối vần để dâng tặng anh :

*Thóc dân che mộ anh hùng
Thơ Anh ôm khắp một vùng Điện Biên.*

6 - 1998

PHẠM TIẾN DUẬT

Mã Thế Vinh

(Dân tộc Nùng)

Tên khai sinh : Mã Thế Vinh. Sinh ngày 9 tháng 5 năm 1932. Quê quán : xã Tri Phương, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Tác phẩm đã xuất bản :

Vấy Lân (Kịch, 1963) ; *Vẽ bản đồ quê tôi* (thơ song ngữ Nùng - Việt, 1981) ; *Nàng tiên trứng* (truyện cổ, 1988) ; *Đin Tỉ Lạng Sơn* (diễn ca tiếng dân tộc, 1992) ; *Thấy ma uống thuốc* (kịch, 1994) ; *Con đường anh đi* (thơ song ngữ Nùng - Việt, 1995).

Giải thưởng văn học :

Tặng thưởng của Hội Văn nghệ Việt Bắc, 1961 (tập thơ *Đứng trên núi mẹ và Điệp ái*) ; Tặng thưởng của Hội đồng Văn học dân tộc, Hội Nhà văn Việt Nam và Ủy ban Dân tộc của Chính phủ, 1985 (tập thơ *Vẽ bản đồ quê tôi*).

Lũ

Mây vù vù đầy núi
Đùng đùng sấm dấm trời
Mưa sầm sập trút xuống
Trời giận đất hay chăng ?
Những cây rừng thích chí
Thúc đầu - tay khoác tay
Khuỳnh chân dài bám đất
Cản nước che đất dày !

Những đôi trọc trắng hếu
Ngồi giờ xương rên rĩ
Giọt mưa đột vào da
Trách người hay oán đất ?
Lũ lụt réo oà oà...
Hò nhau băng xuống núi
Hỏi tội kẻ phá rừng ?
Hỏi người lười đắp đập
Làm trời nổi trận hồn
Cho đất gầy còm cõi...

Mây bồng bênh trên núi
Chở nước nổi không gian
Làm "khăn bông" trái đất
Rửa mặt sáng mọi người
Tĩnh rồi cơn lũ lụt
Trồng cây phủ núi đồi...

19 - 8 - 1971

Lời bình

Nếu như thơ ca dân gian dân tộc Nùng trước đây khi miêu tả về mưa, gió, lũ, lụt, các nghệ nhân thường coi đó là *thần* gây ra, là *trời* nổi giận... thì ngày nay, nhà thơ Mã Thế Vinh viết về nước lũ đã có cách *ngghi khoa học*. Ấy là do : "Mây vù vù đầy núi. Đùng đùng sấm đấm trời" thành "Mưa sầm sập trút xuống". Người viết hỏi "Trời giận đất hay chăng ?" rồi lại tự trả lời : "Lũ lụt réo oà oà... Hò nhau băng xuống núi. Hỏi tội kẻ phá rừng ? Hỏi người lười đắp đập".

Thực ra, nói cho công bằng, có nước lũ to là do nhiều nguyên nhân, nạn phá rừng chỉ là một nguyên nhân ở xứ có rừng, còn "Hỏi người lười đắp đập" thì không phải nguyên nhân của lũ tràn. Nếu lũ nhỏ thì đập có thể ngăn được. Khi lũ lớn, người ta phải đắp đê mới đủ sức ngăn.

Thơ viết về lũ dưới dạng tư duy khoa học, tác giả đã biết nhân cách hoá bằng những từ có *ý nghĩa*, có *hành động*, có *màu sắc*, có *tiếng động*...

Khi viết : "Trời giận đất hay chăng ?" thì nhà thơ đã có ý truyền cho người đọc ý nghĩ *ông trời* là *đấng Người* chứ không phải là một hành tinh nữa. Khi nhà thơ viết : "Khuỳnh chân dài bám đất", "Lũ lụt réo oà oà. Hò nhau băng xuống núi" thì người đọc thấy hành động "khuỳnh chân", tiếng động "réo oà oà" của nước lũ. Khi đọc : "Những đồi trọc trắng hếu. Ngồi dờ xương rên rĩ" chúng ta có thể dễ hình dung về *màu nước* băng xuống núi...

Rõ ràng, phương pháp *tư duy hình tượng* dễ truyền tải một sự vật tới công chúng, còn phương pháp tư duy trừu tượng qua các khái niệm của người làm khoa học thì người nghe đòi hỏi sự phân tích, lí giải thật mạch lạc.

Bài thơ được kết thúc bằng hai câu :

Tĩnh rồi cơn lũ lụt
Trồng cây phủ núi đồi...

Vâng, việc trồng cây ngăn lũ, trả lại màu xanh cho núi đồi đến bây giờ không phải là sớm nhưng cũng không bao giờ là quá muộn.

NÔNG QUỐC CHẤN

Tiêu Vọng

(Dân tộc Giáo)

Đỉnh núi Pha Luông

Tôi đứng trên ngọn Pha Luông
Sớm chiều đón vạt sương buông
Dãy nhà đất mọc trên sườn núi
Khum khum hình những chiếc nấm đọng sương
Nhả ra từng dải khói lam
Trong hơi khói có hơi thịt nướng
Quay phía hang tôi nghe tiếng vượn
Lăn theo tiếng bò tót rống đàn
Vai đeo súng kíp chân bước lên hang
Thành trì mọc trên đỉnh núi
Nghe cha mẹ, ông bà, thường nói
Cách đây chẳng biết mấy đời người
Có ông tướng đem quân lên đóng
Giữ đất đai, yêu người Giáo như con
Quân nhà vua lên đánh mấy lần
Lần nào cũng đi nhiều về ít
Đến khi ông tướng chết
Để lại một đàn bò trâu
Người Giáo mến yêu ông tướng
Không ai nỡ bắt bỏ trâu
Bước đến hang cánh chim phủ trắng đầu
Tôi ngồi rình con gấu thật lâu
Nhìn xuống khon⁽¹⁾ tôi đang lên khói
Theo gió vọng tiếng chày khua cối
Dòng suối vắt ngang sườn núi
Như đàn bà thắt vải trắng ngang lưng

(1) Khon : làng.

Pha Luông ơi ! hiền hậu tựa nấm rừng
 Xinh đẹp như môi người con gái
 Điểm nụ cười theo những bông hoa ngải⁽¹⁾
 Ấm áp làn hơi vợ trẻ nũng nịu
 Hay ngọt ngào bát nước rượu ủ sâm
 Thơm mát quả táo Vân, đào Quảng
 Pha Luông ơi ! Đừng bao giờ tắt nắng
 Không chìm vào đêm sẫm tối đen
 Gió vuốt ve những mái tóc mềm
 Pha Luông vững vàng, êm trong tiếng vượn
 Hang núi vẫn cao, bờ cầu vẫn lượn
 Có người trai cầm súng kíp ngồi đây.

Lời bình

Đây là chàng du kích người Giảo, người được dân làng cử lên đứng núi có lẽ là để đứng gác, canh chừng giặc Pháp đến, báo cho dân bản kịp thời đối phó.

Trên đỉnh Pha Luông, anh nhìn xuống bản mường mình thật đầm ấm, với những hình ảnh ví von rất gợi hình, gợi cảm :

Dãy nhà đất mọc trên sườn núi
 Khum khum hình những chiếc nấm động sương
 Nhả ra từng dải khói lam
 Trong hơi khói có hơi thịt nướng...

Hiện tại đây thân thiết, còn quá khứ của vùng đất này thì sao ?

Vai đeo súng kíp chân bước lên hang
 Thành trì mọc trên đỉnh núi
 Nghe cha mẹ, ông bà thường nói,
 Cách đây chẳng biết mấy đời người.
 Có ông tướng đem quân lên đóng
 Giữ đất đai, yêu người Giảo như con
 Quân nhà vua lên đánh mấy lần,
 Lần nào cũng đi nhiều về ít.

(1) Hoa ngải như hình cái loa, giữa vàng ngoài tám cánh đỏ tía, mùi thơm hết như mùi lạc rang.

Mảnh đất kiên cường, bất khuất được kể bằng những lời dung dị, mộc mạc, đầy yêu thương, kính trọng... Vậy là, nhân vật du kích không nói về mình, chỉ nói đến bản mệnh lịch sử mà lại chính đang tự họa chân dung. Quê hương tươi đẹp ấy, quá khứ ấy, anh làm sao không bảo vệ, làm sao không tiếp nối truyền thống được. Chính vì thế mà anh đã tìm được niềm vui trong công việc bình thường của người du kích, vui với đàn bò câu trắng của ông tướng để lại vòm hang, vui với đỉnh núi Pha Luông hiền dịu và hấp dẫn, để giữ cho "Pha Luông vững vàng, êm trong tiếng vượn", với nụ cười như những bông hoa ngải, thơm đỏ, đang nở khắp rừng.

Và chàng du kích người Giảo sừng sững đứng trên đỉnh núi, canh gác không để Tây đến mừng !

NGÔ VĂN PHÚ

Hải Xuyên

(Dân tộc Kinh)

Tên khai sinh : Đặng Viết Xuyên. Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1966. Quê quán : huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Hà.

Tác phẩm đã xuất bản :

Sóng rừng (thơ).

Sóng rừng

Sóng trườn lên từ đất
Sóng lan xuống từ trời
Cây nhấp nhô ngụp lặn
Con đường vùng vẫy bơi
Mưa không rơi vào đất
Mây không ngủ trên trời
Sa Pa chưa thức giấc
Sóng rừng còn đưa nổi.

Sa Pa, 3-8-1993

Lời bình

Sóng trườn lên từ đất
Sóng lan xuống từ trời
Cây nhấp nhô ngụp lặn...

Đọc đến đây vẫn tưởng có một luồng sóng nào đó thật đang bủa vây ta - chỉ khi đến câu thứ tư : "Con đường vùng vẫy bơi" mới oà ra rằng ta đang chuyển động vẫy vùng giữa điệp trùng núi non, cây cỏ, trời mây. *Tả*

mà không tả, đó là thành công của khổ thơ này.

Mưa không rơi vào đất

Mây không ngủ trên trời...

Chết thật, lại định tả mà không tả đây. Bắt đầu có sự lạm dụng chăng ?...
Hãy cứ xem tiếp đã : "Sa Pa chưa thức giấc. Sóng rừng còn đưa nôi". Thì ra đây lại là một thủ pháp mới : *dùng không gian để nói về thời gian*. Với thủ pháp nghệ thuật này, tác giả đã tạo ra được sự thú vị và bất ngờ cho người đọc. Không phải ai cũng làm được điều này, cũng không phải ai cũng biết điều này mà làm. ít nhất cũng phải có một lần lên Sa Pa vào lúc tờ mờ sáng và sau đó là phải có hồn thơ...

LƯƠNG NGỌC AN

Mô-lô Y-cla-vi

(Dân tộc Ê Đê)

Cô gái vót chông*

Tiếng ai hát dưới ánh trăng tròn ?
Cô gái sông Ba búi tóc thon
Tay vót chông. Miệng hát không nghỉ
Như bao cô gái ở trên non
Anh nhanh tay vót bằng tay em !
Chim hót không hay bằng em hát ru em
Mỗi mũi chông em vót cắm sâu xuống đất
Lũ giặc Mĩ lao vào là chết queo
Còn giặc Mĩ cộp beo
Lũ làng chưa yên bụng phát nương hát hò
Em chưa ngừng tay vót chông rào buôn rẫy
Bọn giặc Mĩ chạy rồi, tre rừng ta làm nhà, chòi cao
Chân ta đi chưa nghỉ, trời chưa xanh
Buôn làng ta nhà chưa dài thêm tranh
Em vót nhiều chông làm cạm bẫy
Đuổi Kơ-sóc⁽¹⁾ Mĩ xuống biển xanh
Đất nước ta mới liền nhau
Em chặt tre làm đình hót, đình năm⁽²⁾
Quanh lửa hồng em vui nhảy múa
Đón Ama Hồ vô Nam cùng uống rượu cần...

(*) Bài thơ đã được nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ nhạc.

(1) Kơ-sóc : con ma

(2) Tên một số loại kèn của người Ê Đê.

Lối bình

Xuất hiện từ năm 1965 trên Tạp chí *Văn nghệ*, *Cô gái vót chông* đã trở nên quen thuộc với nhiều thế hệ độc giả từ đó tới nay - nhất là sau khi được nhạc sĩ Hoàng Hiệp phổ nhạc.

Toát lên từ bài thơ một không khí khẩn trương mà thanh bình - sôi sục mà hồn nhiên, khi cô gái - và không chỉ riêng một mình cô gái, mà là rất nhiều cô gái - vừa ngồi vót chông, vừa hát.

Hai hành động tưởng như đối lập nhau ấy lại được làm cùng một lúc, đặt trong một câu thơ theo lối biến ngẫu "Tay vót chông. Miệng hát không nghỉ" khiến cho sự khốc liệt của chiến tranh như bị đẩy xa, chỉ còn lại một sự bình yên, ấm áp đầy quyến rũ, làm người ta như muốn sà ngay xuống cùng làm, cùng nghe và cùng ngắm...

Cái khao khát của người Tây Nguyên là cuộc sống yên lành, và họ sẵn sàng làm tất cả để gìn giữ sự yên lành đó. Bài thơ không có bóng dáng những người con trai của buôn làng, nhưng việc làm của các cô gái chính là câu trả lời cho sự vắng mặt của họ. Đây cũng là hình ảnh thu nhỏ của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến.

Sự mộc mạc của ngôn ngữ, sự gần gũi, cụ thể của hình ảnh, một không khí lạc quan chính là nét độc đáo của bài thơ. Và cũng là nét điển hình của người Tây Nguyên.

Sức sống và sự quyến rũ của bài thơ là ở chỗ đó.

B.T.V

Kpa Vlăng

(Dân tộc Ê Đê)

Tháng ba Tây Nguyên

Pôlôtôk ! Pôlôtôk !

Con chim kêu, kêu báo mùa rẫy tới
Báo con suốt tháng này chẳng chấy được xa
Báo mùa rẫy mới, tháng ba về mặt ngọt

Pôlôtôk ! Pôlôtôk !

Con chim nó hót, hót gọi đàn
Bay vào rừng sâu nó làm tổ mới
Tháng ba về, mùa rẫy đợi người thương !

Tháng ba Tây Nguyên

Cái cuốc, cái dao lên nương xuống suối
Hạt muối theo người vượt núi qua khe
Con gái Gia Rai, chàng trai Ê Đê
Rừng già bên kia, rừng trên bên đây
Hương khói tháng ba bừng dậy núi rừng.

Khói bay, lá bay lòng say mùa tới
Tiếng hát ai nghe vời vợi buồn làng
Tháng ba Tây Nguyên
Trống, chiêng, kông ngày đêm vang dội
Báo ngày mùa gạo lúa bội thu.

Pôlôtôk ! Pôlôtôk !

Con chim nó hót ngày đêm
Tháng ba không ngủ ở Tây Nguyên
Vì buồn Gia Rai gọi nhau lên núi
Vì làng Ê Đê giục nhau đi hội
Hội tháng ba mùa rẫy mới Tây Nguyên.

Lời bình 1

Tháng ba Tây Nguyên như một kì tích đã đi vào lịch sử, và còn để lại bao dấu ấn cho hôm nay và cho mai sau. Đó là tháng ba mùa con chim hót, tháng ba mùa con ong đi lấy mật, tháng ba đợi người thương, tháng ba bừng dậy núi rừng, tháng ba con gái Gia Rai, chàng trai Ê Đê, tháng ba mùa màng, tháng ba không ngủ, tháng ba giục nhau lên núi, tháng ba giục nhau đi hội, tháng ba mùa rẫy mới, tháng ba Pôlôtôk ! Pôlôtôk !...

Vâng. Đó là tháng ba Tây Nguyên - tháng ba huyền thoại ở Tây Nguyên mà Kpa Ylăng đã thổi lên thành lửa, đã thổi lên thành thơ.

LÒ NGÂN SỪN

Lời bình 2

Tháng ba, tháng vào mùa rẫy mới ở Tây Nguyên. Khi bấy chim pôlôtôk hót báo mùa rẫy mới cũng là khi buôn làng mở hội. Bài thơ mở đầu bằng tiếng chim kêu vui và thi thoảng lại điểm xen tiếng chim hót vui đã tạo được một nhịp điệu, một không khí thật là lễ hội. Khắp nơi, trong buôn người Gia Rai, dưới buôn người Ê Đê rộn tiếng chim, tiếng cồng, tiếng chiêng, tiếng hát, tiếng gọi nhau. *Tháng ba Tây Nguyên* như bừng dậy, tháng ba Tây Nguyên là tháng người người không ngủ... Điệp từ "tháng ba" được lặp đi lặp lại nhiều lần đã tạo nên hiệu quả nghệ thuật của bài thơ. Bài thơ như câu hát, bài thơ cũng như một lời mời, như một sự vẫy gọi : Hãy đến với Tây Nguyên, tháng ba - khi ấy núi rừng như vừa tỉnh giấc bắt đầu một mùa hội mới, mùa rẫy mới tung bừng và hi vọng.

NGÔ VĨNH BÌNH

MỤC LỤC

<i>Lời nói đầu</i>	3
<i>Lời giới thiệu</i>	5
Hồ Chí Minh	- Cảnh rừng Việt Bắc 9
	- Lên núi 12
	- Tức cảnh Pác Bó 14
	- Pác Bó hùng vĩ 15
	- Cảnh khuya 17
Hoàng Văn Thụ	- Nhấn bậu 21
	- Trăng soi 22
Hoàng Đức Hậu	- Thác Quan Lãng 24
	- Vịnh hồ Ba Bể 25
Hoàng An	- Con đường hẹn nhau 27
Ngọc Anh	- Bóng cây kơ nia 29
	- Nếu ai chưa hiểu 32
	- Mong anh về ngay buồn rẩy 34
	- Giữ lấy rừng 36
Vương Anh	- Buộc chỉ cổ tay 39
	- Lối tình lợ cợ 40
	- Hoa trong vườn 42
	- Cơm vườn Vó, lửa vườn Vàng 44
	- Tình còn tình chiêng 46
Phạm Đình Ân	- Trung du 50
Triều Ân	- Trái tim 52
	- Quê ta, anh biết chăng ? 54
Ngọc Bái	- Bếp lửa ven rừng 57
	- Kí hoạ mùa thu Hoàng Liên Sơn 59
Cầm Biều	- Chỉ cần một loại người 61
	- Tiếng Lòng 63
Thu Bồn	- Bài ca chim Chơ-rao 65

Phạm Quốc Ca	- Ba cây thông	70
Huy Cận	- Người Mèo ta	72
Lò Văn Cây	- Hạt tình	75
	- Lời mẹ	78
	- Người mẹ	79
Sân Cháng	- Những người bạn của tôi	82
Nông Quốc Chấn	- Bộ đội Ông Cụ	84
	- Dọn về làng	87
	- Đầu tóc	91
	- Vá áo	93
	- Nhớ	94
Triệu Lam Châu	- Một chiều nghe si	96
Vi Văn Chênh	- Mộ bên đường	98
Nguyễn Đình Chiến	- Ánh trăng	101
	- Đồng Văn	103
Minh Chính	- Hương rừng	105
Hồ Chư	- Sóng	107
Trần Thị Mộng Dân	- Hát về xứ sở	108
Hồ DZéch	- Chiều	110
Xuân Diệu	- Sa Pa	113
	- Về Tuyên	115
Phạm Tiến Duật	- Trường Sơn đông, Trường Sơn tây	117
Hoàng Kim Dung	- Hạnh phúc đơn sơ	120
	- Dịu dàng	122
Quang Dũng	- Tây Tiến	125
	- Rừng	128
Nguyễn Khoa Điềm	- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ	131
Lương Định	- Mùa thu dưới lũng	135
	- Lời người cha Lũng Núi	137
	- Núi và hòn đá lé	139
Bàn Tài Đoàn	- Muối của Cụ Hồ	141
	- Tìm bạn	143
	- Người Dao suy nghĩ gì?	145
	- Minh ơi	147
Trinh Đường	- Hoàng Liên Sơn	150

Cầm Giang	Em là con gái Châu Yên	155
	Núi Muồng Hưng – Dòng sông Mã	158
Võ Sa Hà	- Anh khóc	161
	Bài hát cũ	163
Đình Hải	Cúc Phương	165
Tc Hạnh	- Ba bài thơ về Ba Bể	168
Đình Nang Hiền	- Giản đơn và yên lặng	170
	Thoáng bóng	172
Nông Thị Ngọc Hoà	- Con đường	173
	- Ấy ơi	175
Dư Thị Hoàn	Lỗi nhỏ	178
	Đi lễ chùa	179
	Thôn Qua Phụ	181
Nguyễn Trọng Hoàn	Thơ tình của núi	183
	- Mộc Châu	184
Tạ Minh Hải	- Đợi anh nhiều	187
Nguyễn Thị Hồng	- Bình dị	189
Vân Hồng	Hương cốm	192
Tạ Thu Huyền	Làng đá chúng mình	194
Đặng Vương Hưng	Ngủ rừng	197
	- Những dáng núi	198
Phạm Đông Hưng	Học trò vùng cao	200
Hoàng Thanh Hương	Ừn ơi	202
	Ngày cưới	204
Tô Hữu	Tiếng hát di dầy	208
	Việt Bắc	211
Inrasara	- Con đường lúa thiêng	219
	Đứa con của đất	222
	Tháp hoang	223
	- Tháp nắng	225
Nguyễn Khôi	- Người Mông	228
	- Bàn Chiềng Lỵ	230
Hà Lâm Kỳ	- Đi rừng	232
Cầm Bá Lai	- Củ nẫu	234
	Buồn!	236
	- Chìm bìm bịp	237
		523

Đình Lâm	- Ruộng bậc thang	239
Bùi Nhi Lê	- Hát quanh bếp lửa	241
Mã A Lềnh	- Bài ca Lũng Sán	243
	- Đá ở Sa Pa	245
Chu Thuỳ Liên	- Lửa sàn hoa	247
Ka Sô Liêng	- Cánh chim	249
Mai Liễu	- Lời mẹ	251
	- Lặng thầm	252
	- Quả và chim	254
	- Tìm tuổi	256
	- Gọi vía	257
Vì Thuỳ Linh	- Gọi nguồn	259
Trần Văn Loa	- Suối Lê-nin	261
Hữu Loan	- Đèo Cá	263
	- Màu tím hoa sim	268
Bế Thành Long	- Thảo nguyên xanh	273
	- Hư không	274
Dương Khâu Luông	- Đến Cao Bằng	276
	- Nghe tiếng chim ở Tài Hồ Sín	279
Đoàn Lư	- Cối giã gạo	282
Đình Đăng Lượng	- Hội công mùa xuân	284
Lưu Xuân Lý	- Những chiều đắp đổi	286
Bùi Thị Tuyết Mai	- Mưa xuân	287
Triệu Thị Mai	- Ngọn lửa	289
La Quán Miên	- Bắp nướng	290
	- Nói chuyện với già làng	292
	- Nhà tôi	294
Pò Sảo Mìn	- Cây ống khói	296
	- Cây hai ngàn lá	298
	- Tiếng chim Péc kà	299
	- Lời dân tộc tôi	301
Đoàn Ngọc Minh	- Phiên chợ	302
Vũ Đình Minh	- Ý nghĩ ngày mưa	305
Đoàn Hữu Nam	- Người vùng cao	307
	- Ngày mai là chợ Khâu Vai	308
Nguyễn Lương Ngọc	- Cơm mới	310

Bàng Sĩ Nguyên	- Muối “mạ piet”	312
	- Nay về đất cũ	314
	- Cô gái dệt Mường Vang	317
	- Chợ Đồng Văn	320
Ma Trường Nguyên	- Em là riêng anh cùng mưa nắng	322
	- Gọi em	324
Lương Quy Nhân	- Đất	325
	- Núi	326
Trần Thị Thu Nhiều	- Trên đồng cỏ	328
Lò Cao Nhum	- Rượu núi	331
	- Áo chồng	333
	- Trở lại nhà sàn	333
	- Bếp lửa nhà ta	335
Hoàng Nó	- Tây Bắc - Tây Nguyên	336
Trần Thị Nương	- Hồn đá núi	338
	- Nông	339
Từ Ngân Phố	- Với Thâm Tâm một chiều biên giới	341
	- Vần thơ gieo ở làng mình	344
Lê Duy Phương	- Núi	347
Vũ Quân Phương	- Dựng nhà trên dãy Hoàng Liên	349
	- Biểu tượng Ê Đê	351
Y Phương	- Tên làng	353
	- Anh chiến sĩ áo chàm	355
	- Em - cơn mưa rào - ngọn lửa	357
	- Người không thấy thì trời thấy	358
	- Phòng tuyến Khau Liêu	359
	- Chiếc ba lô	361
Trần Thanh Pôn	- Thuận tình	362
	- Lời thu của đất	364
Hùng Đình Quý	- Làm cỏ ngô	366
	- Qua dốc Cán Tỷ	367
Lâm Quý	- Quê cọ	370
	- Nếu em bỏ ôm chồng	371
	- Lời anh	373
	- Thêu cả bốn mùa	374
Hoàng Hữu Sang	- Câu sli xứ Lạng	375
		525

Nguyễn Xuân Sanh	- Trong rừng đêm	377
Huyền Sâm	- Rừng xanh	379
Mùa A Sáu	- Núi mọc trong mặt gương	383
Thế Sinh	- Gió trở về rừng	385
Dương Soái	- Gửi em ở cuối sông Hồng	387
Đào Nam Sơn	- A Yun Pa	389
Đình Sơn	- Đừng nghe lời nói dối của giặc Tây	391
	- Huổi Pha	393
Nguyễn Hoàng Sơn	- Bóng núi	395
	- Tiếng thác	397
Lò Ngân Sủn	- Chiều biên giới	399
	- Người đẹp	401
	- Những người con của núi	402
	- Vòng xoè	404
	- Lều nương	406
Đỗ Thị Tác	- Hai vòng thìa lia	407
	- Những người mẹ núi	408
Lò Văn Tâm	- Cổng vào bản	411
Nguyễn Tri Tâm	- Xúc động Khau Cỏ	413
	- Tình yêu Pha Đin	414
Cao Xuân Thái	- Trước đá	416
	- Đàn môi	418
Nguyễn Đình Thi	- Quê hương Việt Bắc	420
	- Bài ca Điện Biên Phủ	422
	- Đường núi	424
	- Đoá hoa nghệ	426
Quách Ngọc Thiên	- Nhà sàn	427
	- Tiếng Sa quay	428
	- Hồ trong mây	430
Hữu Thịnh	- Thư mùa đông	432
Nguyễn Thị Minh Thông	- Mùa đông trên núi đá	435
Hoàng Trung Thông	- Đến Cổng Trời	437
	- Trên hồ Ba Bể	438
	- Chợ Cỏ Sâu	440
Trúc Thông	- Mẹ Cao Bằng	442
Hoàng Trung Thu	- Hôn mặt trời	444

Ma Đình Thu	- Giữa cánh rừng	446
Dương Thuấn	- Lá giầu	448
	- Đi tìm bóng núi	449
	- Ăn theo nước	451
	- Cực tình	453
	- Em - người xa lạ	454
Châu Hồng Thuý	- Trận đấu không khán giả	456
Vì Văn Thứa	- Lễ buộc chỉ cổ tay	459
Nông Việt Toại	- Đi bộ đội	461
	- Mua gương	463
Hoàng Trọng	- Mặt đường dấu vết in hoa	464
Vương Trọng	- Phiên chợ Pha Long	467
Vương Trung	- Núi, mây và đàn bò	470
	- Thời gian	471
Hoàng Diệu Tuyết	- Về với núi	472
Cầm Vinh Ủi	- Nhớ vợ	475
Bạc Văn Ủi	- Em tắm	478
Trần Lê Văn	- Trưa rừng	481
	- Chùm hoa Điện Biên	483
Triệu Kim Vân	- Mùa sa nhân	485
	- Hoàng hôn đỏ	487
	- Nếu tôi chết	487
	- Lời mùa xuân	489
Lò Vũ Văn	- Xuân Bản Thàn	490
Ngô Thị Thanh Vân	- Dã quỳ và em	492
	- Hạnh phúc muộn	495
Hơ Vê	- Thương lắm nhớ nhiều	498
	- Với gọi	500
Chế Lan Viên	- Nhớ Bế Văn Đàn	502
	- Tiếng hát con tàu	503
	- Thóc mới Điện Biên	508
Mã Thế Vinh	- Lũ	510
Tìu Voòng	- Đỉnh núi Pha Luông	512
Hải Xuyên	- Sóng rừng	515
Mô lô Yclavi	- Cô gái vót chông	517
Kpa Ylăng	- Tháng ba Tây Nguyên	519
		527

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức Bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung:

Giám đốc Công ty Cổ phần Sách dân tộc CẦN HỮU HẢI

Biên tập nội dung:

CAO HOÀ BÌNH

HÀ THỊ HẢI YẾN

Trình bày bìa:

HỒNG VÂN

Sửa bản in:

PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC)

Chế bản:

PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

TUYỂN TẬP VĂN HỌC DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

Tập một (THO)

Mã số : 5C041M7-CDT

In 1000 bản (QĐ 62), khổ 16 × 24cm, tại Xưởng in Nhà xuất bản Thế giới

Địa chỉ : 14 - 16 Pháo Đài Láng - Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội

Số ĐKKH xuất bản : 843 - 2007/CXB/4 - 1856/GD

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2007.



CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH DÂN TỘC - NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Địa chỉ : 25 Hàn Thuyên, Hà Nội.

Website : <http://www.sachdantoc.com.vn>



Bạn đọc có thể mua sách tại :

Công ty Cổ phần Sách dân tộc – Nhà xuất bản Giáo dục, 25 Hàn Thuyên, Hà Nội.

Điện thoại : 04. 824 6923 ; Fax: 04. 824 6923

+ *Tại TP. Đà Nẵng:* Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng, 62 Nguyễn Chí Thanh.

Điện thoại : 0511. 889 327 - 0511. 825435 ; Fax : 0511.889 327

+ *Tại TP. Hồ Chí Minh:* Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh, 240 Trần Bình Trọng, quận 5.

Điện thoại : 08. 832 3557 ; Fax : 08. 830 7141.

Các Công ty Sách – Thiết bị trường học ở các địa phương